



Thượng tướng

# Hoàng Cầm

WATCHIA.COM

*Chặng đường*

MƯỜI NGHÌN NGÀY

## Mục lục

<u>Chương 1</u>	
<u>Chương 2</u>	
<u>Chương 3: Phần 1</u>	
<u>Chương 3: Phần 2</u>	
<u>Chương 4</u>	
<u>Chương 5: Phần 1</u>	
<u>Chương 5: Phần 2</u>	
<u>Chương 6</u>	
<u>Chương 7</u>	
<u>Chương 8</u>	
<u>Chương 9: Phần 1</u>	
<u>Chương 9: Phần 2</u>	
<u>Chương 9: Phần 3</u>	
<u>Chương 10: Phần 1</u>	
<u>Chương 10: Phần 2</u>	
<u>Chương 11</u>	
<u>Chương 12: Phần 1</u>	
<u>Chương 12: Phần 2</u>	
<u>Chương 13: Phần 1</u>	
<u>Chương 13: Phần 2</u>	
<u>Chương 14: Phần 1</u>	
<u>Chương 14: Phần 2</u>	
<u>Chương 15: Phần 1</u>	
<u>Chương 15: Phần 2</u>	
<u>Chương 15: Phần 3</u>	
<u>Chương 15: Phần 4</u>	
<u>Chương 15: Phần 5</u>	
<u>Chương 16</u>	
<u>Chương 17: Phần 1</u>	
<u>Chương 17: Phần 2</u>	
<u>Chương 18: Phần 1</u>	
<u>Chương 18: Phần 2</u>	
<u>Chương 18: Phần 3</u>	
<u>Chương 19: Phần 1</u>	
<u>Chương 19: Phần 2</u>	
<u>Chương 20: Phần 1</u>	
<u>Chương 20: Phần 2</u>	
<u>Chương 21: Phần 1</u>	
<u>Chương 21: Phần 2 (Hết)</u>	

# CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cẩm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 1

Kỷ niệm chín năm.

Quê tôi ở thôn Vĩnh Thượng, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (trước là tổng Sơn Lăng, phủ Ứng Hòa(1), tỉnh Hà Đông).

(1) Là những đơn vị hành chính thời Pháp thuộc: tổng tương đương với xã, phủ lớn hơn huyện, nay thống nhất là huyện.

Hơn bốn mươi năm tham gia cách mạng, đã có mặt ở khắp mọi miền đất nước nhưng tôi vẫn tự hào về quê mình - một vùng giàu đẹp khiêm nhường. Ở đây, có cánh đồng cấy được hai vụ chiêm mùa; có những vạt bãi rộng phẳng, đất tơi xốp và màu mỡ bởi phù sa sông Đáy bao quanh hàng năm bồi đắp, rất thuận lợi cho việc phát triển hoa màu, cây công nghiệp như rau đậu, ngô, khoai, mía, lạc và dâu tằm, vãn vãn.

Nhưng trước cách mạng tháng Tám năm 1945, hầu hết người dân quê tôi đều phải làm thuê, cấy mướn đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn. Khi liềm hái vừa gác thì cũng là lúc thóc trong bồ cạn vơi vì phải nộp tô, trả nợ cho một số ít địa chủ, phú nông là những người chiếm gần hết ruộng đất trong làng xã.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại [www.gacsach.com](http://www.gacsach.com) - gác nhỏ cho người yêu sách.]

Lại cảnh vác rá đi vay, thậm chí phải bán cả lúa non với giá rẻ mạt để đổi lấy hạt thóc mang về sống cầm hơi, tiếp tục cuộc đời cấy rẽ, làm thuê với bao nỗi u uất ê chề, chờ mùa gặt sau có thóc mang trả họ. Cái kiếp luân hồi ấy khó ai mà thoát được!

Tôi mồ côi mẹ lúc ba tuổi. Nhà nghèo, bố phải đi làm thuê gánh mướn để kiếm sống. Bọn nhà giàu lập mưu hại bố tôi, chúng muốn cướp mảnh đất nhỏ nhoi cuối cùng của ông bà để lại, xô đẩy gia đình tôi vào cảnh xê đàn tan ghé.

Ấy là vào một buổi sáng tinh mơ giữa năm 1930, lính đoàn (lính chuyên đi thu thuế, bắt hàng lậu) bắt thân ập đến, chúng vòng ra sau nhà lấy cây bới nhẹ mặt đất lôi lên một hũ rượu mang vào nhà giơ sát vào mặt bố tôi, dọa:

- Ê! Lão già này dám chống lệnh nhà nước hả?

Bố tôi lúc này tỏ ra bình tĩnh, đầu cúi chấp hai tay vái:

- Bẩm quan, oan cho con, chắc... có... kẻ... nào... bày... ra chuyện... này.

Không để bố tôi nói hết, tên lính đoàn sấn sổ, mặt dữ tợn túm ngực áo bố tôi đẩy đi đẩy lại, dần giọng:

- Không oan gì hết, phải tù sáu tháng ở Hỏa Lò Hà Nội, nộp phạt bốn mươi đồng vì tội tàng trữ rượu lậu trong nhà. Nếu không sẽ mất nhà và tù mọt xương.

Sau khi ở tù về bố tôi phải bán nhà được hai mươi đồng và bán chị tôi lấy hai mươi đồng để nộp phạt. Từ đó gia đình tôi bị dồn vào cảnh màn trời chiếu đất, không một tấc đất cắm dùi. Quẫn chí, bố tôi thất cổ tự từ khi tôi mới mười hai tuổi. Nhưng gia đình phải giữ kín chờ đêm khuya bố chiếu đưa ra xa chôn cất, vì nếu khai báo bọn hào lý trong làng kiểm có gây xáo nhiễu phiền hà, có khi phải để thôi mới được chôn

nếu không có tiền lo lót, mặc dầu đứng về lý mình ngay, chết vì nghèo túng. Đúng là nghèo đi đôi với khổ đủ điều, lẽ phải không thuộc về người nghèo.

Cũng từ đó tôi sống kiếp tôi đòi, phải đi ở đợ làm con nuôi cho một gia đình giàu có sáu năm liền với bao nỗi đắng cay tủi phận. Có một lần nhận ba đồng từ tay “bố mẹ nuôi” về bốc mộ cho cha, đến khi từ già kiếp con nuôi họ đòi lại.

Chuyện vợ con cũng thật long đong, lận đận. Tục lệ xưa mười chín, hai mươi tuổi đã lấy chồng, lấy vợ, đã có con bé con bông. Biết là khổ vì nhà nghèo nhưng chị tôi lo buồn ra mặt, thấy tôi đã hai mươi tuổi mà chưa có vợ sẽ trở thành “ông mãnh”(2) dân làng chê cười gán vào hạng “cao số” thì khổ thân, sau này có muốn cũng không được phải chịu cảnh cô đơn, chị tôi luôn luôn thúc giục tôi lấy vợ. Người đầu tiên chị tôi nhắm là một phụ nữ góa chồng, nhưng một tuần sau lý trưởng cưới cô về làm lẽ thứ ba. Không nản, chị tôi còn ước hỏi hai, ba đám nữa, cũng là đàn bà góa nhưng đều không thành.

(2) Ông mãnh, bà cô tục xưa chỉ những người chết không vợ, không chồng. Những người cô đơn dưới âm phủ, rất không hay đối với những người thân đang sống trên trần gian.

Tình cảnh không lối thoát, tôi quyết định bỏ làng đi bất cứ phương trời góc biển nào, miễn là tìm được kế sinh nhai.

Tục xưa bỏ làng là xấu xa, thấp hèn, dân làng khinh rẻ, nên đêm trước khi rời xa quê tôi tự nhủ mình: Nguyễn đã đi là không trở lại. Đã quyết là đi, đến đâu thì đến, làm việc gì cũng được, ở đợ, làm thuê, đi phu hay đăng lính, miễn sao thoát khỏi cảnh khổ cùng ở cái quê hương nghèo khổ, đầy nghiệt ngã này.

Tháng 8 năm 1940, tôi ra Hà Nội, dừng lại ở chợ Hôm, phố Huế. Tại đây tôi làm đủ nghề: gánh nước, kéo xe bò, vác gỗ, bở củi thuê, nhưng cũng chỉ làm tạm bợ, chốc lát để lại cấp nón khoác bị sang nhà khác cầu xin việc. Cứ thế bữa đói bữa no, ngày thất thểu qua các phố tìm việc, tối ngủ vất vưởng nơi đầu đường góc chợ, làm bạn với muỗi, chuột.

Hai tháng qua đi thật nặng nề, chậm chạp, đã có lúc tôi gần như kiếm sống bằng cách ngửa tay cầu xin lòng thương cảm của khách qua đường phố. Đang tính chuyện phá lời nguyên, về làng trở lại kiếp sống tủi nhục, thì được tin chủ thầu người Pháp mộ phu đi làm đường, tôi ghi tên liền.

Nhưng rồi vẫn cảnh tủi cực lắm than. Con đường chúng tôi mở ngày ấy là đường số 7 bây giờ (nổi thành phố Vinh với nước Lào). Cây thế có tiền, bọn chủ thầu cho chúng có quyền, bắt dân phu phải làm hết mình, ai mỗi một trễ nải công việc là chúng chửi mắng, đánh đập, dùng roi vọt hối thúc phải quên mệt, quên đói, quên ốm đau tiếp tục đi làm. Lao động vất vả nặng nhọc nên đau yếu, bệnh tật, chết chóc diễn ra như cơm bữa. Ngày nào cũng có chuyện người sa chân xuống vực, người bị núi lở, đá đè; rồi phù thũng, ngộ độc ngã nước sốt rét, ghê lở chảy rận. Tôi vẫn được anh em xếp vào loại tuổi “bê gãy sừng trâu” vậy mà sang tháng thứ tư bị sốt rét rừng quật ngã, đến tháng thứ chín chịu không nổi cảnh đói rét, bệnh tật với công việc nặng nhọc, nguy hiểm, phải bỏ về, già từ đời “dân phu lục lộ” cho Tây.

Trở lại Hà Đông với một tâm trạng phần chí đến cùng cực, thì có tin Pháp mộ lính, tôi lại đăng tên với ý nghĩ giản đơn như nhiều thanh niên nghèo hồi ấy - âu cũng là một nghề. Vào hôm trước, hôm sau bọn chỉ huy Pháp lừa chúng tôi lên xe đi qua Lai Châu. Đúng là lúc này bữa ăn hàng ngày không phải lo, nhưng hơn một năm ở lính (từ giữa 1943 đến đầu năm 1945), tôi dần dần hiểu ra cái kiếp nô lệ da vàng. Cũng là lính như nhau, nhưng lính Tây lương cao hơn, có quyền thế hơn, không phải lao công tạp dịch như lính người Việt. Tận mắt tôi thấy chúng tra khảo, hành hạ đã man một người thanh niên cũng nghèo khổ, cũng mất cha, mất mẹ, cũng cửa nhà tan nát như tôi cho đến chết với cái tội “làm Cộng sản” (!).

Sự tận mắt này đã thức tỉnh trong nếp nghĩ của tôi. Tuy chưa hiểu cặn kẽ các hành động của chúng lúc

ấy là thống trị, đàn áp, là xâm lược nhưng cũng đủ lý do khiến tôi chán ngán, quyết định từ bỏ cuộc đời làm lính, trốn về xuôi tìm nghề khác.

Những ngày đầu bỏ trốn tôi chỉ nghĩ và lo sợ bọn Tây truy lùng, bắt trở lại, nhưng đến khi về gần tới Hà Nội, thì câu hỏi thường trực trong tôi lại bật dậy: Mình sẽ sống tiếp như thế nào đây?

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 2

Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp.

Hôm ấy vào khoảng chín giờ tôi đang ngồi vắt vẻo ở góc chợ Hôm để nghĩ về ngày mai đi đâu làm gì, bỗng có tiếng súng nổ ở phía thành Hà Nội (nay là nơi làm việc của các cơ quan Bộ Quốc phòng) vọng lại, mỗi lúc một dữ dội, liên hồi, đèn điện vụt tắt súng tiếp tục nổ, khoảng hơn một tiếng sau thì im hẳn.

Thành phố chìm trong đêm, các cửa hiệu đóng cửa, đường phố không còn người và xe cộ qua lại.

Sáng sớm hôm sau tin truyền đi - Pháp đã đầu hàng Nhật.

Mặc dầu hôm nay không có việc làm có nghĩa là nhin ăn, nhưng tôi vẫn thất thểu đi lượn xe điện (trốn vé) để xem ngấm sự tình, xem những nơi xảy ra trận đánh giữa Nhật và Pháp đêm qua.

Thành cũ, Đồn Thủy (nay là Bệnh viện 108), dinh Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch trên đường Hùng Vương) đều có lính Nhật bồng súng gác. Lá cờ trắng giữa khoanh một hình tròn đỏ như màu máu cắm la liệt các công sở, trại lính của Pháp. Xác lính Pháp và lính khổ đỏ (lính người Việt trong quân đội Pháp) còn rải rác để quanh đồn trại, như muốn khoe khoang thắng lợi của Nhật. Thình thoảng một toán lính Nhật cầm súng cầm lưỡi lê dong bọn Tây, dầm mặt mày tái mét ngo ngắc đầy vẻ sợ hãi qua các đường phố đến nơi tập trung giam giữ.

Biết rằng Nhật cũng chẳng tốt gì, chính do chúng vợ vét thóc gạo, bắt dân ta phá ruộng đang trồng lúa để trồng đay phục vụ chiến tranh đã làm dân ta chết đói tới hai triệu người, nhưng nhìn thấy cảnh Pháp thua, tôi thấy hả dạ, thỏa nỗi những ngày nhẩn nhục làm lính cho chúng, bị chúng khinh rẻ.

Phần do nhận thức còn nông cạn, phần do đời sống lúc này thật khó khăn, tìm được việc làm đủ tiền cho một lon gạo trong lúc giao thời đâu có dễ khiến tôi chỉ dừng lại cái hả dạ đó. Lúc ấy tôi không hiểu rằng tôi đang đứng trước một thời cơ chuyển mình lớn lao của dân tộc, của đất nước. Vài tháng sau tin tức từ quê tôi từ các vùng lân cận do người nhà ra kể lại thôn xã nào cũng có cán bộ Việt Minh về hô hào chuẩn bị đánh Pháp, đuổi Nhật giành lại độc lập tự do cho nước nhà. Và ở Hà Nội, ngay phố Huế, chợ Hôm, Hàng Bài này cũng vậy. Hai tiếng: “Cách mạng” được truyền lan, đi đến đâu tôi cũng được nghe, được nhắc với tình cảm trân trọng.

Hà Nội những ngày tháng 8 sôi sục khí thế đấu tranh, đi đến đâu cũng bắt gặp khẩu hiệu, truyền đơn, cũng nghe mọi người bàn tán về Cách mạng. Một hôm tôi cố chen vào chợ để nghe cán bộ diễn thuyết. Anh còn rất trẻ, đáng thư sinh, nói năng hoạt bát, dễ nghe. Cuối buổi diễn thuyết anh nêu câu hỏi và giải thích liền; ngắn gọn mà dễ hiểu:

- Cách mạng là gì?

- Là đòi đời.

- Đòi đời là gì?

- Là thợ thuyền, dân nghèo cùng nhau nổi dậy đánh Pháp, đuổi Nhật đánh đổ chế độ vua quan, giành lại quyền sống cho mình.

Giành lại quyền sống. Ôi! Sao mà hợp với nguyện vọng của mình đến thế. Không chút nghi ngờ do dự, tôi đi tìm Cách mạng mong được đổi đời. Đúng là có tìm có thấy, Cách mạng không phải đâu xa, ngay quanh tôi, vẫn là những người thường gặp. Đầu tháng 8 tôi được tổ Thanh niên Cứu quốc do anh Lê Thám phụ trách kết nạp đoàn viên. Bước ngoặt của cuộc đời tôi bắt đầu từ đây.

Cái đêm đầu tiên được đứng trong đội ngũ Thanh niên Cứu quốc tôi không sao ngủ được vì vui sướng, từ nay hết bị người đời khinh rẻ. Trong tổ chức Thanh niên Cứu quốc lúc đó còn có các anh Lê Quân, Quang Liêm, Văn Xi, Hữu Thường, tất cả còn trẻ, đều là thanh niên, học sinh Hà Nội. Tuy gia cảnh, học vấn có khác nhau nhưng cùng chung chí hướng, thương yêu nhau như anh em một nhà, mà Lê Thám được xem như người anh cả.

Từ căng dán khẩu hiệu, rải truyền đơn, diễn thuyết, chúng tôi được trang bị vũ khí chuyển thành lực lượng tự vệ chiến đấu của thành phố. Lúc này lực lượng Cách mạng phát triển ngày càng đông nhưng thiếu thốn đủ thứ, thiếu lương thực, thuốc men, thiếu chăn màn quần áo và nhất là thiếu súng đạn, rất cần cho cuộc chiến đấu sắp đến gần. Một hôm chúng tôi có việc qua khu vực Hỏa Lò, phố Hàng Bông, Thợ Nhuộm, thấy từ khu kho quân nhu của Pháp, nay Nhật cai quản có một đoàn xe nhà binh đi ra chở đầy ắp những thứ mà Cách mạng đang cần, anh Lê Thám nảy ý định:

- Ta phải tìm cách đột nhập vào trong đó.

- Để làm gì - Tôi ngây thơ hỏi.

- Để lấy những thứ mà chúng ta đang cần. - Đưa mắt đảo nhanh bốn phía đề phòng có kẻ theo, anh bảo dừng lại, hạ thấp giọng. - Những thứ không phải cho chúng mình mà còn tiếp tế lên cho anh em mình ở chiến khu giải phóng Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Nhưng làm cách nào? - Tôi hỏi. Liền đó như muốn reo lên, nhưng đường phố người qua lại rất đông, lẫn vào đó có cả lính Nhật, nên tôi hạ giọng. - Đóng giả lính bảo an(1).

(1) Lính người Việt do Nhật tổ chức sau đảo chính Pháp.

- Đúng rồi, một sáng kiến hay. - Anh Lê Thám biểu dương.

Ngay trong đêm toàn đội bắt tay vào chuẩn bị, vừa bí mật, vừa khẩn trương; vừa thu gom vừa may gấp, sáng hôm sau đã có quần áo lính bảo an chính hiệu để cho một tiểu đội mười người. Cả ngày hôm đó chúng tôi hện kéo nhau đến một địa điểm an toàn mặc thử quần áo, duyệt thử đội ngũ, luyện cách đi đứng ra vào, ứng xử khi qua trạm gác sao cho thực đúng với cái chất bảo an địch không thể phát hiện trước khi khởi sự.

Để chắc ăn, ngày hôm sau đội còn cử người bám sát khu kho, nắm tình hình người, xe ra vào, tình hình canh gác, khám hỏi khi ra vào cổng gác.

Ngày thứ ba, đúng chín giờ, có một tốp lính bảo an quần áo chỉnh tề, hiên ngang đi đến khu kho, lính gác không cần nhận diện, chỉ lướt qua giấy công vụ, mở cổng cho vào. Nửa tiếng sau - khoảng hơn mười giờ tốp “bảo an” trở ra mang theo những thứ vừa được cấp phát: năm mươi súc vải, một trăm bộ quần áo.

Đó là tiểu đội tự vệ vũ trang do anh Lê Thám chỉ huy đã hoàn thành nhiệm vụ lấy của địch bồi dưỡng lực lượng ta. Toàn đội phấn khởi, tự tin, chúng tôi đã tính đến chuyện đột nhập vào kho vũ khí địch, đánh các chốt gác của lính bảo an để cướp súng đạn địch, trang bị cho ta. Vạn sự khởi đầu nan, việc đầu trót lọt, việc sau nhất định thành. Và lại lúc này lực lượng tự vệ chiến đấu của thành phố phát triển rất nhanh đông tới bảy trăm người, sau ngày 19 tháng 8 tổ chức thành các chi đội.

Trong lúc mọi thành viên đang hào hứng hướng sự suy nghĩ, tìm tòi cho cách làm ăn này thì có lệnh của Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội - chuẩn bị đi làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh tổ chức tại Nhà hát Lớn (nay là Nhà hát thành phố) chiều ngày 17 tháng 8.

Với tôi không có băn khoăn gì khi nhận lệnh, vì dù sao cũng là lính mới. Nhưng một số anh em khác thì thắc mắc: Sao lại bảo vệ cuộc mít tinh do Tổng hội viên chức của Nhật đứng ra tổ chức.

Vừa lúc đó anh Lê Thám về, nét mặt phấn chấn, đáng điệu khăn trương, vì thời gian còn rất ít, anh tranh thủ giải thích:

- Đúng là cuộc mít tinh chiều nay do Tổng hội viên chức thân Nhật tổ chức. Đồng bào sẽ đến và đến đông vì đang thêm tin tức, vì thế hãy nghe nói có diễn thuyết là mọi người tin sẽ có Việt Minh xuất hiện, hy vọng sẽ được nghe, được biết cái gì đó sẽ xảy ra nay mai. Vì vậy theo lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa thành phố, chúng ta phải biến bị động thành chủ động, biến cuộc mít tinh do Tổng hội viên chức tổ chức thành cuộc mít tinh của ta. Nhiệm vụ của các tổ chức tự vệ chiến đấu chúng ta là vừa trấn áp địch, vừa bảo vệ an toàn cuộc mít tinh không cho chúng chống phá, vừa bảo vệ người của ta lên diễn thuyết vạch mặt kẻ thù, cổ động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa cướp chính quyền.

Ngừng một lát, nhìn đồng hồ, anh ra lệnh:

- Mỗi người cầm một lá cờ nhỏ giấu kín, theo tôi ra ngay địa điểm mít tinh, đứng lẫn vào với dân và làm theo hiệu lệnh chung trên kỳ đài.

Hai giờ chiều cuộc mít tinh khai mạc. Chúng tôi đứng tề chỉnh ở hàng trên, nhìn lên kỳ đài rất rõ. Một diễn giả mặc quần áo sang trọng đứng lên giới thiệu chương trình trước máy phóng thanh. Tiếp đến người thứ hai cũng quần áo sang trọng, đầu chải tóc hất ngược phía sau vừa đằng hắng lấy giọng, chưa kịp cất tiếng thì một đội viên tự vệ bên cạnh giương cao lá cờ đỏ sao vàng lên. Thế là hàng vạn người đứng dưới hô vang: “Cờ Việt Minh! Cờ Việt Minh! Hoan hô cờ Việt Minh! Hoan hô cờ Việt Minh!” Chúng tôi hô theo và nhanh chóng lấy cờ giấu trong túi ngực tung lên, các tổ tự vệ khác cũng làm như vậy, vừa giơ cao lá cờ rồi đám đông chạy từ chỗ này đến chỗ khác cổ vũ đồng bào và sẵn sàng trấn áp những kẻ trà trộn gây rối để cuộc mít tinh được tiếp tục theo hướng chỉ đạo của ta.

Anh Lê Thám hát hàm ra hiệu, tất cả chúng tôi lại hướng về phía kỳ đài để thực hiện hiệu lệnh hướng dẫn phát ra từ trên đó.

Theo hiệu lệnh đã quy định, ba đội viên tuyên truyền xung phong xông lên, chĩa súng dồn “ban tổ chức” vào một góc, lập tức một đội viên tự vệ của chúng tôi tiến nhanh tới chân kỳ đài vung lưỡi dao bén sắc chém đứt dây lá cờ “quê ly” của chính quyền bù nhìn do Nhật dựng lên rơi nhanh, một lá cờ đỏ sao vàng rất to rộng xuất hiện trên bao lơn Nhà hát Lớn phủ kín khoảng giữa trước mặt nhà hát. Thế là hàng vạn người đứng dưới lại vỗ tay reo hò vang dậy cả một góc phố.

Khi có tiếng trên loa phóng thanh: “Thưa quốc dân đồng bào” thì trật tự được lập lại nhanh chóng, một không khí im lặng nghiêm trang lan nhanh đến mọi người. Không gian chỉ còn vang lên những lời diễn thuyết hào hùng phát ra từ các loa với lời kêu gọi ngắn gọn mà thôi thúc:

“Hỡi quốc dân đồng bào! Giặc Nhật xâm lược và thống trị nước ta. Chúng đã gây cho nhân dân ta bao đau thương, chết chóc. Nay chúng đã thua trận và hạ súng đầu hàng đồng minh. Thời cơ cho nhân dân ta vùng lên đánh đổ phát xít Nhật và bọn bù nhìn tay sai để giành lại độc lập, tự do thực sự đã đến!

Đồng bào hãy nghe tiếng gọi của Việt Minh, vùng lên khởi nghĩa!”

Cuộc mít tinh theo lời kêu gọi của Ủy ban khởi nghĩa đã biến thành cuộc biểu tình khổng lồ đi qua



các phố. Theo sự hướng dẫn của các hội viên cứu quốc và các đội tự vệ chúng tôi, cuộc tuần hành đã đi qua phố Tràng Tiền, đổ ra Hồ Hồ vòng lên Hàng Đào, Hàng Ngang qua chợ Đồng Xuân quay xuống vườn hoa Hàng Đậu, Cửa Bắc đến phủ toàn quyền, rẽ vòng sang Cửa Nam.

Cuộc tuần hành của hơn hai vạn nhân dân Hà Nội kéo dài đến chín giờ tối mới kết thúc. Trước khi giải tán ở ga xe điện Hồ Hồ, đoàn tuần hành còn đứng lại năm phút kính chào lá cờ Việt Nam và hô khẩu hiệu:

- Việt Nam độc lập vạn tuế!

Đêm ấy về chúng tôi không sao ngủ được, phần vì vui quá, tự hào quá về việc làm đầy mưu trí, đã biến cuộc mít tinh do địch tổ chức để hô hào đánh lạc hướng đồng bào thành cuộc mít tinh tập hợp biểu dương sức mạnh của ta, càng động viên khí thế hừng hực đấu tranh của nhân dân toàn thành phố; phần vì chúng tôi được nghe anh Lê Thám phổ biến tiếp nhiệm vụ phải làm trong những ngày tới. Cụ thể là gì và ở đâu trên chưa nói rõ vì phải giữ bí mật, chỉ biết rằng những việc phải làm mà trên sẽ giao là rất nặng nề và khẩn trương.

Đêm 18 như không khí của đêm 30 Tết, bận, lo nhưng trong lòng mỗi đội viên tự vệ chúng tôi cứ phơi phới. Mọi thứ cho nhiệm vụ đã đầy đủ, ai nấy thấp thòm mong trời mau sáng. Nhiệm vụ của chúng tôi là vừa tham gia vừa bảo vệ cuộc mít tinh cũng tổ chức tại Nhà hát thành phố, sau đó tham gia đánh chiếm các công sở, của chính quyền bù nhìn, các trại lính bảo an.

19 tháng Tám đã đến!

Tiết trời thu thật đẹp. Mấy hôm trước còn vẫn vũ đầy mây, thỉnh thoảng có mưa, vậy mà hôm nay bỗng nắng ráo khô sạch, bầu trời cao xanh không một gợn mây.

Chúng tôi đi trong đội ngũ chỉnh tề, nhưng vẫn phải ghen lên khi nhìn thấy Đội thanh niên xung phong Hoàng Diệu hàng hàng quá, hùng dũng và đẹp đẽ quá. Tới đầu phố Tràng Tiền anh em xếp hàng ba, súng khoác vai, khiên, mã tấu cầm tay, bước đều dưới lá cờ đỏ sao vàng rộng khổ may bằng sa tanh viền tua óng ánh, trên nền cờ thêu chữ bằng kim tuyến - “Đội thanh niên xung phong Hoàng Diệu”. Được biết lá cờ này do Hội Phụ nữ Cứu quốc thành phố vừa mới tặng.

Đội tự vệ chiến đấu chúng tôi đứng hàng đầu bên trái quảng trường, nhìn lên lễ đài khá rõ. Đúng mười một giờ cuộc mít tinh bắt đầu với nghi thức mà cuộc mít tinh chiều 17 tháng 8 không có.

Sau phút mặc niệm tưởng nhớ các chiến sĩ Cách mạng đã hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, ba phát súng báo hiệu lễ chào cờ.

Lúc này sao trong tôi bỗng hồi hộp lâng lâng, vì thấy cái gì cũng mới lạ mà thân thiết quá chừng, ấm lòng quá chừng. Tôi đang triền miên suy nghĩ như vậy thì trên tầng cao nhà hát, hàng ngàn truyền đơn bay xuống như đàn chim trắng vỗ cánh tung bay, đón chào ngày Hội Cách mạng.

Tiếng vỗ tay vang dậy khi một diễn thuyết viên (sau này tôi được anh Lê Thám cho biết là đồng chí Nguyễn Huy Khôi) xuất hiện trước máy phóng thanh, đọc lời kêu gọi của Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội, về nhiệm vụ cần kíp lúc này là phải đập tan ách thống trị của phát xít Nhật, kiên quyết đối phó với dã tâm của bọn thực dân Pháp nuôi cuồng vọng khôi phục chính quyền của chúng ở Đông Dương. Trong tôi như có sức bật dậy khi nghe đoạn cuối lời kêu gọi: “Điều cần thiết nhất lúc này là chúng ta phải thành lập một Chính phủ cộng hòa dân chủ Việt Nam trong đó dân chúng được tham gia chính quyền để tự định đoạt số phận của mình.” Bỗng nhiên diễn thuyết viên đọc to hơn, giọng nhấn mạnh những ý mà đến nay đã gần nửa thế kỷ trôi qua tôi vẫn nhớ:

“Hỡi quốc dân đồng bào! Hãy tự tin, tự cường, hãy tỏ cho thế giới biết đến sức sống dồi dào, đến ý chí chiến đấu cường liệt của dân tộc Việt Nam luôn luôn vươn tới một cảnh đời phóng khoáng và độc lập, hãy cùng tôi hô những khẩu hiệu sau đây:

- Đánh đổ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim.
- Thành lập Chính phủ Cộng hòa dân chủ Việt Nam!
- Việt Nam hoàn toàn độc lập!
- Đả đảo bọn thực dân Pháp muốn khôi phục chủ quyền ở Đông Dương.”

Tiếng hưởng ứng vang dậy của hai mươi vạn quần chúng sau mỗi lần diễn thuyết viên hô.

Dưới sự hướng dẫn của Ủy ban Quân sự Cách mạng, cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang, vừa phối hợp tiến công, chế áp địch khi gặp tình huống gay cấp.

Đánh chiếm phủ Khâm sai(2).

(2) Nay là Nhà khách Chính phủ, số 10 đường Ngô Quyền.

Khi đoàn biểu tình đến gần, bọn cầm đầu “Ủy ban chính trị lâm thời” ra lệnh đóng chặt cửa và cho lính dàn sát hàng rào sắt sẵn sàng nổ súng vào đội quân khởi nghĩa.

Nhưng lính bảo an ở đây đã nghe theo lời kêu gọi của cán bộ Việt Minh. Tranh thủ thời cơ, một số đội viên tự vệ chiến đấu đã nhanh chóng leo qua hàng rào sắt, nhảy vào trong sân, đồng thời một số hội viên cứu quốc quân vòng lỏi sau nhảy vào phủ Khâm sai. Phối hợp khí thế bên ngoài, một số nhân mới của ta trong hàng ngũ lính bảo an tiếp tục vận động, lập tức cả anh em lính bảo an, cộng cả số mới được tăng cường hôm trước lên tới hai đại đội nhất loạt xin hàng, mang hết vũ khí khoảng hai trăm khẩu súng xếp thành một đồng giữa sân. Lực lượng cách mạng có thêm sức mạnh, hạ lệnh cho lính gác mở cổng. Đội quân khởi nghĩa tiến vào sân, một đội viên cứu quốc trạc mười lăm tuổi mặc quần áo xanh công nhân được phân công từ trước trèo lên nóc nhà, hạ cờ quẻ ly xuống, kéo cờ đỏ sao vàng lên, lúc này trời gió mạnh, lá cờ được thể càng phấp phật tung bay trước tiếng hò reo của quần chúng vang động lan xa.

Hai người trong Ủy ban Quân sự cách mạng (sau này được biết là đồng chí Nguyễn Khang và đồng chí Trần Tử Bình) đến thẳng nơi làm việc của “Ủy ban chính trị lâm thời” tuyên bố giải tán tổ chức này và hạ lệnh bắt giam những kẻ cầm đầu tổ chức phản động tay sai của Nhật.

Đánh chiếm trại bảo an binh(3).

(3) Nay là số 40 Hàng Bài.

Cuộc chiến đấu ở đây tuy không phải nổ súng nhưng diễn biến có phức tạp và gay go. Mãi vài ngày sau khi kết thúc trận đánh, nghe anh Lê Thám đi họp trên thành phố về kể lại, chúng tôi mới hiểu tường tận: Trước uy lực của đội quân Cách mạng, địch ở đây (lực lượng còn mạnh) buộc phải mở cửa. Lực lượng tự vệ của ta đã vào sân, nhanh chóng tản ra hình thành thế bao vây. Chỉ huy trại là một viên quan ba người Việt tên là Thụ. Khi Nhật hất cẳng Pháp, hấn bỏ chủ cũ, theo chủ mới, tiếp tục làm tay sai cho ngoại bang chống phá Cách mạng. Biết thế nào cũng bị Cách mạng tìm đến hỏi tội, nên hấn đã được Nhật hứa tiếp ứng khi có điện cầu viện, nhưng không biết ngày giờ nào ta vào.

Giờ này trước khí thế sôi sục của phong trào Cách mạng trong thành phố những ngày qua, trước lực lượng vũ trang Cách mạng đang đối mặt với hấn, biết không thể nào khác, nhận nộp vũ khí, nhưng hấn

nhũn nhận lý sự:

- Xin các ông chậm cho ít phút để trình lên cấp trên vì tôi chỉ là cấp thừa hành.

Biết đây là kế hoãn binh, chờ cầu viện, ta dứt khoát ra lệnh:

- Cấp trên của anh đã quy hàng và đã trao chính quyền cho Cách mạng rồi. Bây giờ đến lượt các anh.

Thụ chịu nhún nhưng vẫn xảo quyết:

- Chúng tôi xin đi theo Cách mạng. Lúc đầu xin để nguyên như cũ.

Ta tiến công liền:

- Ông phải nộp hết vũ khí cho quân Cách mạng! Đây là lệnh.

Thụ vẫn hoãn binh:

- Chúng tôi đã nói là xin theo các ông rồi. Còn chuyện vũ khí và binh lính xin các ông hãy khoan cho.

Trong khi vừa đấu lý vừa thuyết phục, nhờ sự giúp đỡ của nhân mối do ta gài vào từ trước, các đơn vị tự vệ ta đã chiếm hầu hết các vị trí quan trọng trong trại, kể cả kho vũ khí. Quân chúng cách mạng ở bên ngoài dưới sự hướng dẫn của cán bộ đang đồng thanh từng đợt hét vang phần nộ đòi giải quyết nhanh chóng. Trước tình thế đó Thụ buộc phải làm theo yêu cầu của ta.

Cuộc đánh chiếm trại lính bảo an đã thành công. Đến chiều ngày 19, việc đánh chiếm các cơ quan đầu não then chốt của chính quyền bù nhìn đã xong (trừ đài phát thanh Bạch Mai, nhà băng Đông Dương - nay là trụ sở Ngân hàng Nhà nước), cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội căn bản kết thúc thắng lợi.

Những ngày sau đó, các đơn vị tự vệ chiến đấu cùng với Đội Thanh niên xung phong Hoàng Diệu chia nhau đi làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ các kho tàng, trụ sở làm việc của cơ quan chính quyền cách mạng mới được thành lập.

Đúng là cách mạng đồng nghĩa với đổi đời!

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia bảo vệ Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 tại vườn hoa Ba Đình, chúng tôi được lệnh chuyển ra đóng quân ở đình Soi Sứ, Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây cũ.

Như nhiều đơn vị tự vệ chiến đấu khác, đội tự vệ cứu quốc chúng tôi được bổ sung nhiều đội viên từ các đoàn thể cứu quốc phát triển thành Đại đội Giải phóng quân mang tên Đại đội Lê Thám vì vắng anh Lê Thám làm đại đội trưởng. Số anh em cũ từ ngày còn là tổ Thanh niên Cứu quốc hoạt động bí mật nay phân ra các tiểu đội, trung đội mới thành lập, một số được phân công làm cán bộ chỉ huy, trong đó tôi được giao nhiệm vụ tiểu đội trưởng. Một tình cảm chan hòa, thân thương gắn bó tuy mới được hình thành nhưng sâu đậm, hình ảnh về cái tiểu đội sơ khai buổi đầu vẫn thường được nhắc đến một cách trân trọng, triu mến mỗi khi chúng tôi rảnh rỗi. Chẳng thế mà có anh đã xếp vần tên của từng thành viên trong tiểu đội thành hai vế đối rồi khắc lên hai cột đình.

Thám, Hữu, Đào, Lan, Cầm, Thượng, Thúy

Thanh, Liêm, Miêu, Miến, Thường, Vân, Xi.

Ý muốn nhắc rằng những kỷ niệm buổi ban đầu là thiêng liêng, nếu thế nào thì cũng không bao giờ quên nhau.

Thời gian này về tinh thần thì phần chán, thanh thản, đúng là cuộc đời đang đến với mọi người, nhưng về vật chất thì thiếu thốn trăm bề. Nạn đói vẫn đang hoành hành đe dọa do sự bóc lột, vơ vét quá tham của Nhật, Pháp; tiếp đến dê sông Hồng vỡ hơn một trăm quãng làm ngập tám tỉnh Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình. Ngân hàng Đông Dương vẫn còn trong tay Pháp, Chính phủ cách mạng chỉ thu được trong kho bạc 1.233.000 đồng tiền Đông Dương mà quá nửa là tiền rách. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945, Bác Hồ đã ban hành quyết định khẩn cấp cứu đói, là một loại giặc trong ba loại giặc phải chống lúc đó (giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm). Chính Người đã gương mẫu thực hiện cứu đói trước bằng cử mười ngày nhịn ăn một bữa để lấy gạo góp phần cứu đói. Đời sống của Quân giải phóng cũng muôn vàn khó khăn, vì quá thiếu, hàng ngày khi đến giờ ăn, chúng tôi phải phân người chia đều com, thậm chí cả cháo cũng vậy.

Một hôm trong bữa ăn, đến lượt chia cháo, tôi được ưu tiên miếng to hơn. Thấy thế Quang Liêm là tiểu đội phó (cựu sinh viên trường Luật) lừa giăng rồi vừa chạy vừa tranh thủ ăn. Đến khi bắt được thì Quang Liêm đang nhai miếng cuối cùng.

- Tao tặng mày, nuốt nốt đi. - Tôi nói.
- Không được, bữa chiều bắt nó phải trả lại, một thành hai. - Cậu Miễn xen vào.
- Là Cách mạng rồi, sao còn lệ vay lãi? - Quang Liêm đối lại.

Cả bàn ăn cười ồ, bữa com kết thúc thật nhanh, chẳng ai có cảm giác là mình vừa ăn com vì bụng vẫn lép, đói vẫn hoàn đói. Trong hoàn cảnh như vậy mà cái vui, cái lạc quan yêu đời vẫn trùm lên tất cả, ai cũng sẵn sàng chấp nhận sự đói thiếu đó.

# CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cẩm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 3: Phần 1

Những ngày đóng quân ở đình Soi Sờ chúng tôi dồn hết tâm trí vào việc chuẩn bị cho Nam tiến mà trên đã giao. Vấn đề chỉ còn là ngày giờ cụ thể.

Ngày ấy Nam tiến là việc công khai, không phải giữ bí mật như đi B hoặc đi Nam hồi đánh Mỹ. Bài hát Nam bộ kháng chiến của nhạc sĩ Đỗ Nhuận chúng tôi thuộc rất nhanh, coi như bài tù, đi đâu cũng hát: “Tiếng súng vang sông núi miền Nam, âm đất nước Việt Nam, ta muốn băng mình tới phương Nam xé xác quân tham tàn...” Bài hát vừa cổ vũ tinh thần yêu nước mạnh mẽ đối với mọi người vừa thôi thúc tính hiếu kỳ, ưa phiêu lưu mạo hiểm của tuổi trẻ hồi đó, càng đi xa càng thỏa chí.

Hàng ngày ngoài hai buổi tập luyện quân sự, rảnh rỗi lúc nào là chúng tôi lại bàn chuyện Nam tiến, mang cả bản đồ ra đối chiếu các địa danh mà các đơn vị Nam tiến vào trước đã chiến đấu đánh Pháp, diệt Pháp để quên đi những giờ phút phải chờ đợi.

Nhất là khi được tin các đơn vị Nam tiến của ta, như: chi đội Một(1) vào Đông Nam Bộ đã đánh địch ở cầu Bình Lợi, ngã ba Xuân Lộc, như chi đội Hà Nội đánh địch ở Buôn Ma Thuột, ở đèo Phụng Hoàng trên đường 21 không cho chúng đánh xuống Ninh Hòa, Nha Trang, là chúng tôi ngồi đứng không yên.

(1) Chi đội tương đương như trung đoàn hiện nay, được tổ chức theo bốn cấp: đại đội (tương đương với tiểu đoàn), trung đội (tương đương với đại đội), phân đội (tương đương với trung đội).

Sự háo hức Nam tiến được báo trước và có chuẩn bị của chúng tôi đã không thành sự thật!

Đó là vào một buổi sáng đầu tháng 11 năm 1945, anh Phạm Ngọc Mậu(2) được cấp trên phái xuống thăm và phổ biến nhiệm vụ mới. Chợt thấy, chúng tôi ủa nhanh ra vây quanh anh ngay giữa sân đình tranh nhau hỏi tin tức: Các đơn vị Nam tiến hiện nay thế nào, đã đến nơi chưa, đánh được mấy trận, ở đâu? Tại sao mặt trận Buôn Ma Thuột, mặt trận Nha Trang lại bị thủng? Hình như anh không chuẩn bị nói những điều chúng tôi hỏi, những tin tức chúng tôi cần biết và biết cụ thể? Anh chỉ chung chung trả lời:

(2) Anh Phạm Ngọc Mậu sau này là Thượng tướng Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị.

- Quân ta đã vào đến nơi rồi, chi đội Hà Nội cùng với các đơn vị Nam tiến của tỉnh Nghệ An, Quảng Ngãi đang vây hãm địch ở thị xã Buôn Ma Thuột, chặn chúng ở đèo Phụng Hoàng.

Không ai khởi xướng, tất cả đều vỗ tay hoan hô, đồng thanh hát bài Nam Bộ kháng chiến, vừa hát vừa gõ nhịp bằng tay rất đều với khí thế phấn khởi và sẵn sàng.

Đợi khi đơn vị ngồi vào vị trí quy định, tất cả trật tự theo lệnh chung, anh Mậu bước ra nói chuyện, như tâm sự thì đúng hơn. Ngay từ lời mở đầu, linh cảm như mách bảo người nghe thấy có cái gì khác thường, không như dự đoán của mọi người. Càng về sau anh chuyển suy nghĩ của chúng tôi sang một hướng khác thật đột ngột, bằng một câu kết thật vui:

- Không Nam tiến thì Tây tiến. - Lướt nhìn nhanh hàng quân như thăm dò, anh hắng giọng nhấn mạnh. - Chỉ khác hướng chứ không khác nhiệm vụ.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau dò hỏi: Tây tiến là đâu, làm nhiệm vụ gì.

Hơi sững lại vì cái hướng thỏa chí tang bồng đã hình thành trong nếp nghĩ bấy lâu nay không được

thỏa nguyện. Nhưng ngày ấy tinh thần yêu nước trỗi dậy mạnh mẽ trong lớp trẻ chúng tôi, gạt nhanh đi những cái gì là riêng tư, sẵn sàng đi vào nhiệm vụ mới.

Tây tiến mà sau đó chúng tôi được phổ biến là tỉnh Sơn La và Lai Châu - một vùng suối sâu, đèo cao, rừng rậm, dân thưa và đói nhưng lại lắm giặc già, bất an. Ở Sơn La lúc ấy cơ sở Đảng và đoàn thể cứu quốc yếu nên ta phải một đại đội và hai trung đội từ Sơn Tây, Phú Thọ lên phối hợp với tự vệ địa phương cướp chính quyền. Còn ở Lai Châu, ta chưa tổ chức được các đoàn thể cứu quốc, chưa có cơ sở Đảng, chính quyền còn nằm trong tay bọn Quốc dân đảng và tay sai Nhật. Tháng 10 năm 1945, đại diện Chính phủ lên thương lượng lập chính quyền cách mạng nhưng không thành công.

Hai tiểu đoàn Pháp chạy dạt sang Vân Nam (Trung Quốc) sau ngày Nhật đảo chính (9/3) nay trở lại Lai Châu. Tên thổ ty Đèo Văn Long đưa Pháp về chiếm thị xã vào đầu tháng 11 năm 1945, lắm le chờ thêm tàn quân của A-léc-xăng-đrê (tướng chỉ huy quân Pháp miền Bắc Đông Dương) tăng viện cũng từ Vân Nam tràn về, chiếm đóng trở lại hai tỉnh phía tây này.

Nhận thức được âm mưu thâm hiểm của kẻ địch, tháng 11 năm 1945, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Tây Bắc và giao cho Bộ Tổng Tham mưu điều động lực lượng, tổ chức chiến đấu.

Tình hình thật khẩn trương. Trên thực tế lúc này, ở hai đầu đất nước, Sài Gòn và Lai Châu đang trực tiếp đương đầu với quân đội Pháp trở lại xâm lược lần thứ hai. Nhưng đồng bào Lai Châu thiết thời là không được biết, không hình dung cái cảnh tung bừng đón nhận cuộc sống độc lập, tự do dù chỉ một giờ.

Thực hiện mệnh lệnh điều quân của Bộ Tổng Tham mưu mà anh Phạm Ngọc Mậu vừa trực tiếp xuống giao, đại đội Lê Thám chúng tôi khẩn trương chuẩn bị, ai quê Hà Nội được về thăm, hai mươi tư giờ sau phải có mặt, còn những người lính gia đình ở xa như tôi thì nằm liền tại đơn vị để kịp ngày lên đường. Từ đình Soi Sờ rẽ sang Xuân Mai theo đường số 6 ngược thị xã Hòa Bình, vượt Dốc Cùn đến Mộc Châu bắt vào đường số 41 (nay là đường số 6) chúng tôi tới Sơn La vào đầu tháng 12 năm 1945.

Lại nhắc đến đường số 41! Với đồng đội của tôi - những chàng trai trẻ Hà Nội mới lên lần đầu chỉ có cảm tưởng chung sao đường dài và lắm dốc thế! Còn với tôi lại khác, nỗi buồn và niềm vui xen lẫn theo suốt chặng đường hành quân. Cách đây không lâu, bị bọn chỉ huy quân đội Pháp đưa đi trên đường này làm lính thú sống kiếp lưu đầy, hàng ngày nhận những khinh miệt của người da trắng. Vậy mà hôm nay mới chỉ sau mấy tháng cuộc đời đã khác. Tôi đã đứng trong đội ngũ vệ quốc quân đi trên con đường của ta, sống giữa tình đồng đội bình đẳng, chan hòa và nhân ái. Thật bất ngờ và xúc động.

Sơn La, cái thị xã yên tĩnh, nhỏ bé bỗng nhộn nhịp hẳn lên, đầy ắp những đơn vị theo lệnh điều quân của cấp trên đã có mặt trước chúng tôi. Đó là các đại đội vệ quốc quân của tỉnh Bắc Giang, Hà Nội, Sơn Tây, Nam Định, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hà Nam, Ninh Bình, cùng với hai đại đội, hai trung đội của Sơn Tây, Phú Thọ lên trước tham gia cướp chính quyền, sau đó tổ chức thành chi đội 90 Sơn La (sau đổi thành trung đoàn 148) do anh Lê Trọng Tấn làm chi đội trưởng, sau thêm các anh Hoàng Mười, Phùng Thế Tài.

Tình hình lúc này thật căng thẳng. Đến giữa tháng 12 năm 1946, có thêm tàn quân của A-léc-xăng-đrê từ Vân Nam về tăng viện lên tới 5.000 tên, quân Pháp mở nhiều cuộc hành quân tái chiếm. Từ Lai Châu theo đường số 41 thọc xuống Tuần Châu, Tuần Giáo, chi đội Sơn La bước vào chiến đấu chống trả quyết liệt với quân Pháp suốt ba ngày đêm ở Chiềng Pắc, không cho chúng thực hiện ý định chiếm khu vực này; tập kích địch ở Chiềng Cang, Chiềng Khuông, chặn không cho chúng đánh về hướng Sơn La, đồng thời lần lượt quét bọn Quốc dân đảng tay sai của Tưởng Giới Thạch ở hữu ngạn sông Đà.

Cũng thời gian này, trung đội tôi được lệnh tách khỏi đội hình đại đội, cấp tốc lên Quỳnh Nhai với nhiệm vụ chặn quân Pháp có thể từ phía Lai Châu dùng thuyền, máng thả xuôi theo sông Đà đánh vào Sơn La từ hướng đông bắc. Lúc này tôi được giao quyền trung đội trưởng.

Do kiến thức quân sự quá ấu trĩ, chúng tôi chẳng hề để ý tìm hiểu địch, ta cụ thể như thế nào, địa hình, địa vật và dân tình ra sao, lòng yêu nước là chất men say, là sức mạnh, nhận lệnh là đi liền, chẳng biết khó khăn nguy hiểm là gì.

Thực ra bối cảnh lúc đó rất phức tạp. Sơn La đã yếu, thì Quỳnh Nhai - một huyện địa đầu phía bắc (giáp Lai Châu) của tỉnh là địa phương yếu nhất, gần như chưa có gì. Chỉ vven vẹn có ba cán bộ huyện, trong đó có anh Liêm chưa phải Đảng viên được cử xuống làm nhiệm vụ dẫn đường và phiên dịch tiếng Thái khi đơn vị tiếp xúc làm công tác vận động quần chúng.

Nhưng Quỳnh Nhai là một vị trí quân sự xung yếu nằm bên tả ngạn sông Đà, trong đợt tiến công mở rộng vùng chiếm đóng, đầu tháng 12 địch đã có một mũi từ Phong Thổ (Lai Châu) thọc xuống Quỳnh Nhai, có ý thăm dò địa thế và lực lượng ta, chuẩn bị chiếm đóng tiếp sau.

Quãng đường Sơn La - Quỳnh Nhai dài trên sáu mươi lăm ki-lô-mét mà chúng tôi phải đi nhiều ngày. Vượt sông Đà sang Mường La quẹo hướng Bắc. Từ đây cứ vạch lá, cắt rừng mà đi, tránh mọi con đường sẵn có, kể cả đường mòn, cốt bịt mắt địch không cho chúng phát hiện dấu vết. Sang ngày thứ năm thì đơn vị mới đến địa điểm quy định. Thật là tốc độ con rùa! Nhưng điều đáng buồn và kèm theo cả nỗi lo - là không hoàn thành nhiệm vụ, vì địch đã đến Quỳnh Nhai trước chúng tôi hai ngày. Lý do đến chậm còn vì dọc đường chúng tôi mãi đánh bọn Quốc dân đảng, ham lấy súng đạn của chúng.

Nhân đây xin lưu ý bạn đọc, dù lúc ấy chúng tôi có đến trước cả chục ngày cũng không bớt khó khăn, không tăng thêm lực.

Với một trung đội, vũ khí lại thiếu, chỉ vài ba khẩu súng trường kiểu cổ, đạn lại ít, họa may cầm chân địch vài ba ngày, diệt đấm bảy tên địch là đạt yêu cầu, còn be bờ không cho địch đánh xuống Sơn La thì quả là khó.

Xin được trở lại câu chuyện - những ngày ở Quỳnh Nhai.

Phát hiện thấy dấu vết đối phương, địch bu lại bao vây, hắt chúng tôi lên núi, thấy hướng đông sáng, chúng tôi leo tiếp.

Nhưng qua mười ngày vẫn không vượt khỏi. Càng lên cao, rừng cây càng rậm rạp, sương mù đặc quánh che phủ, chẳng còn phân biệt được ngày đêm, buộc phải tụt xuống quay lại đường cũ. Khi lên chồn chân, lúc xuống mỗi gôi, nhưng tốc độ có nhanh hơn. Sau này đọc thơ Tây tiến của Quang Dũng, tôi mến phục anh đã nói hộ chúng tôi về những ngày bị địch dồn lên núi:

“Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm,

Heo hút cồn mây súng ngửi trời,

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống,

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

Anh bạn dãi dầu không bước nữa,

Gục lên súng mũ bỏ quên đời.”

Đúng! Lần đầu chúng tôi đối mặt với thiên nhiên nghiệt ngã miền Tây, đã vượt qua và có cả mất mát.

Xuống đến chân núi, chúng tôi bí mật tổ chức đột nhập vào đồn địch lấy thuyền rồi nhanh chóng trở về hữu ngạn sông Đà, tạm dừng lại Bắc Ma, Bản Uẩn. Không có ý định ban đầu nhưng đến nơi thấy vùng

này dân đông, đời sống khá, địa thế chiến đấu tốt nên quyết định trụ lại. Thoạt đầu đến ở nhà tổng đoàn vì thấy nhà cửa rộng, thóc gạo lại nhiều có thể vận động họ giúp đỡ. Được vài hôm thấy chủ nhà lúc nào cũng giương mắt củ vọ theo dõi chúng tôi, vênh tai nghe chúng tôi bàn chuyện, chỉ vui lấy lòng bề ngoài. Thấy vậy, tôi quyết định tách ra, phân tán nhỏ từng tổ đóng rải ra từng gia đình, giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, và tuyên truyền vận động gây cơ sở trong nhân dân. Vừa tổ chức sắp xếp lực lượng vừa tổ chức chiến đấu, trước hết là tìm cách bắt lính gác lấy súng.

Một tổ được phái đến điều tra, các hoạt động của số lính từ Quỳnh Nhai đưa sang gác phía bên này sông. Sau khi nắm được quy luật thay gác đổi gác, tôi cử một nửa tiểu đội gồm những anh em biết võ phục sẵn, chờ phiên đổi gác cuối cùng trong ngày là khởi sự. Yên ắng và nhanh gọn, anh em đã tóm được bốn tên, thu bốn súng. Trận thắng lần đầu và cũng là trận thắng cuối cùng đánh theo kiểu này, anh em phấn khởi, cả đêm hôm đó thật vui. Dù các thứ chuyện được ôn lại, nhớ lại có cả chuyện tiếp tục bắt lính gác. Nhưng làm gì có chuyện đó nữa, vì hôm sau địch lòng sục xung quanh và trạm gác này cũng không còn nữa.

Cuối tháng 3, địch từ Lai Châu mở nhiều mũi tiến công xuống Sơn La, trận chiến đấu giữa ta và địch càng trở nên ác liệt. Các đơn vị của trung đoàn Sơn La chặn đánh quyết liệt với quân Pháp trên hướng đường số 41, đèo Pha Đin, ta diệt 50 lính Pháp ở Bản Mo, Mường Sài, nhưng vì địch đông, lực lượng ta có hạn, chúng lần lượt chọc thủng các tuyến chốt chặn của ta, đánh chiếm Thuận Châu, Mường Hung, Sốp Cộp, Chiềng Cang (bắc Sơn La) sau là Chiềng Khiêng, Bản Hót uy hiếp nam tỉnh Sơn La. Ở Quỳnh Nhai, địch theo đường sông Đà đánh xuống Mường La, càn quét các vùng xung quanh mở rộng khu vực kiểm soát, uy hiếp Sơn La từ hướng đông bắc, chia cắt giữa chúng tôi với trung đoàn.

Thế là trung đội tôi bị bao vây, mất liên lạc với cấp trên từ đây. Khoảng cách không xa, nhưng lúc đó đâu có phương tiện thông tin hiện đại như bây giờ. Muốn tổ chức liên lạc bằng chạy bộ cũng không đơn giản. Cần người xung phong nhận nhiệm vụ có ngay, nhưng biết chúng tôi ở đâu mà tìm. Muốn hỏi, đi cả ngày đường cũng không tìm đâu ra người mà hỏi.

Lúc đầu anh em hoang mang, cá biệt có anh em than thở: “Thế là rắn đã mất đầu!” Nhưng rồi chúng tôi tự chấn chỉnh, tự động viên ổn định tư tưởng cho nhau. Ta vẫn đang tồn tại, có dân che chở, giúp đỡ, lực lượng còn và có thêm súng so với lúc mới lên.

Từ những suy nghĩ ấy, chúng tôi xóc lại đội hình, luôn thay đổi hoạt động, không ở đâu lâu một chỗ, không công khai đối đầu với địch, mà lúc tập trung, lúc phân tán, nay ở Xuân Nha, Ma Téng, mai xuống Mường Hinh, Tạ Bú, tập kích vào những đơn vị nhỏ lẻ, phục kích đón lõng đánh các toán nhỏ tuần tra, những tốp cảnh giới những chòi gác. Cứ thế nay diệt một tên địch, mai thu một khẩu súng, dăm chục viên đạn, vài ba quả lựu đạn; ngày kia tiếp nhận thêm đội viên mới người địa phương tự nguyện tham gia vì được anh em trong đơn vị tuyên truyền vận động.

Niềm vui về thành tích “nặng nhất chặt bị” này cứ ngấm dần, tạo thành lòng tin giúp chúng tôi vượt khó khăn tiến lên.

Nhưng trung đội vẫn không quên nỗi buồn, nó cứ canh cánh bên lòng. Đó là trường hợp anh Liêm, người con của Quỳnh Nhai, người trợ thủ đắc lực của đơn vị những ngày đầu khi vào trận. Anh bị Tây bắt do có sự sơ suất của chúng tôi. Hôm ấy là một ngày cuối tháng 3, đơn vị chuyển quân đến Mường Hịch để vừa chiến đấu chống địch càn quét bảo vệ nhân dân, bảo vệ mùa màng, vừa làm công tác vận động quần chúng tham gia kháng chiến. Theo kế hoạch toàn đơn vị ém quân ở sườn núi sau bản để phòng địch đánh úp, anh Liêm cùng với cơ sở địa phương vào các nhà dân giải thích chính sách vận động quần chúng tham gia kháng chiến, ủng hộ bộ đội. Là người địa phương, anh Liêm làm nhiệm vụ này rất có kết quả. Đi đến đâu quần chúng cũng dễ gần, dễ trò chuyện, dễ tiếp thu những điều giải thích rất mộc mạc dễ hiểu của anh.



Trong sự che chở, đùm bọc và giúp đỡ của nhân dân đối với đơn vị, anh là người có công lớn. Bất thần địch ập tới (sau này tôi được biết do tên tổng đoàn đã bí mật cho người đi báo Tây) bắt anh Liêm. Thấy động dưới bàn, tôi cho đơn vị vận động xuống thấp nổ súng tiến công, địch hoảng hốt vừa bắn trả vừa rút chạy. Linh tính biết anh Liêm gặp nguy, tôi lệnh cho một tiểu đội rẽ trái chạy vượt lên, cứu anh Liêm. Nhưng đã muộn, đến nơi địch rút và anh Liêm cũng không còn nữa! Đồng bào nói Tây nó bắt cán bộ Liêm rồi. Tôi sưng lại như muốn khóc. Vì mất anh là một thiệt thòi lớn cho đơn vị lúc này. Đêm đó và cả những ngày sau, tôi như người hụt hẫng, buồn thương nuối tiếc anh Liêm cứ luôn ở bên tôi, nhiều đêm không sao ngủ được. Tôi tự trách mình sơ suất, nếu hôm đó tổ chức cảnh giới tốt, có một tổ đi cùng anh Liêm thì đâu đến nỗi này! Mãi đến năm 1990, anh Liêm từ Sơn La về Hà Nội gặp tôi, báo đã thoát tù trở về. Gần năm mươi năm mới gặp lại nhau, cả hai đã già, đều trở thành ông nội, ông ngoại. Nhưng những giờ phút gặp lại không ngờ này khiến chúng tôi trẻ lại, bao kỷ niệm cũ dồn nén được bung ra, trong đó vẫn xoay quanh những ký ức khó quên về những ngày sống ở Quỳnh Nhai. Tôi nhận lỗi do sơ suất để anh bị địch bắt, phải sống những ngày gian truân. Anh không nói, chỉ cười thật sảng khoái: “Gặp lại nhau thế này là quý rồi!” Đó là điều anh đã cảm thông, gỡ cho tôi nỗi ân hận, day dứt bấy lâu.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cẩm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 3: Phần 2

Đầu tháng 5, từ Tạ Bú chúng tôi tìm được đường về sở chỉ huy trung đoàn lúc này vẫn còn ở khu vực thị xã Sơn La, trong lúc cũng đang thu quân chuyển hướng hoạt động xuống phía nam. Thật hù vía! Chỉ chậm một ngày nữa là chúng tôi lại tiếp tục chịu cảnh đứa con nhỏ bị lạc mẹ.

Anh Tấn và cả cơ quan trung đoàn bộ ra tận mép đường đón đơn vị. Vừa nhìn thấy, anh bước nhanh tới cầm tay lắc mạnh và ôm ghì lấy tôi. Các anh xếp thành hàng vỗ tay hoan hô, cho đến khi hàng quân qua khỏi mới thôi.

Trên đường về sở chỉ huy, anh Tấn tranh thủ hỏi han:

- Cậu có sao không, sức khỏe thế nào?
- Báo cáo anh, vẫn nguyên vẹn, bệnh sốt rét hình như phải kiêng tôi.
- Bọn mình cứ tưởng các cậu đã hy sinh.

Anh đang định nói tiếp, tôi xen vào:

- Báo cáo anh có, nhưng không hết.
- Hy sinh ở đâu, trận đánh nào?
- Báo cáo anh, ở khu rừng già Quỳnh Nhai khi bị địch vây và khi bò vào lấy thuyền địch để vượt sông.

Anh Tấn xúc động, đầu hơi cúi, hai mắt đỏ hoe, chớp chớp cổ họng không cho ngấn nước đọng thành hạt nơi đáy mắt.

Hai chúng tôi đi trong yên lặng vào nhà - nơi anh Tấn làm việc. Nơi điều hành chỉ huy công việc của mặt trận Sơn La giản dị, thiếu thốn vô cùng. Anh phải sử dụng bản đồ hành chính, dùng trong các trường học vào việc chỉ huy chiến đấu.

Sau khi đưa tôi bát nước chè rót từ cái ấm đặt trên bếp vẫn còn bốc hơi nóng, anh Tấn nói:

- Thôi, bây giờ chúng ta có thì giờ để vào chuyện. - Anh nhấn mạnh chứ chưa vào việc. - Việc hãy để đó, chiến đấu còn lâu dài.

Lúc này giọng anh trầm lắng, chậm rãi chứ không gọn đanh như khi giao nhiệm vụ. Cả khuôn mặt nghiêm nghị thường ngày bây giờ biến đổi ẩn chứa nét buồn. Anh nói cả ban chỉ huy trung đoàn trong nếp nghĩ hàng ngày đâu có quên, các buổi giao ban chiến đấu vẫn điểm danh các đơn vị, trong đó có đơn vị cậu được anh em tặng mật danh “Trung đội viễn chinh của trung đoàn”. Nhưng chẳng có tin tức gì, cho đến hôm nay đã hơn hai tháng rồi. Anh dừng lại nhìn thẳng vào tôi hỏi:

- Có đúng thời gian như vậy không Hoàng Cẩm?
- Báo cáo anh! Tính đến nay là hai tháng mười bảy ngày chúng tôi xa trung đoàn.
- Không phải xa, mà là các cậu bị bao vây, chiến đấu giữa vòng vây của quân thù.

- Dạ! - Tôi hơi lúng túng trả lời.

Anh Tấn lại thủ thỉ vào chuyện.

- Bọn mình thực sự day dứt vì không giúp được gì cho các cậu trong thời gian gặp khó khăn. Giờ đây nhìn thấy cậu mình càng ân hận về trách nhiệm của người chỉ huy. Vì tất cả đều mới quá, có nhiều việc không biết đâu mà định liệu trước, nếu có đặt ra thì không biết bắt đầu, thứ tự trước sau là gì. Chúng mình phải thông cảm, tha thứ cho nhau những khiếm khuyết không muốn có. Vừa rồi khi xuống đường đón đơn vị, cậu thứ hai mình nói “tưởng các cậu hy sinh cả rồi” là ý nghĩ thật của tất cả bọn mình, vì sau một tháng không có tin tức trong khi được biết địch ở Quỳnh Nhai đang mở rộng khu chiếm đóng, đã đưa lực lượng xuôi theo sông Đà, tham gia uy hiếp Sơn La từ hướng nam.

Nghe anh kể, tôi thấy chính mình phải chủ động thông cảm, phải xin lỗi nhận khuyết điểm với cấp trên mới đúng. Lúc ấy các anh đâu có rảnh rang, mặt trận phía bắc thủng, địch chiếm Thuận Châu, cách thị xã không xa, còn phía nam, chiến sự đã diễn ra ở Hát Lót, Mai Sơn. Tình thế đặt ra cho các anh nhiều việc quá sức đủ thứ phải lo, phải trả lời, phải đáp ứng tức thì. Lo chỉ huy chiến đấu, lo lương thực, lo giải quyết thương binh, bệnh binh (nhất là lúc này sốt rét đang lan rộng như một thứ dịch khó chữa, quân số giảm nhanh, có người đã vĩnh viễn nằm lại vì không qua nổi một trận sốt ác tính).

Buổi nói chuyện thật đầm ấm, chứa chan tình đồng chí, kết thúc bằng bữa cơm mà trung đoàn trưởng đã có ý định “chiêu đãi” với “thực đơn” là măng rừng Tây Bắc nhưng nhạt muối và thiếu mỡ.

Ngày hôm sau anh lại cho gọi tôi lên từ rất sớm. Thị xã Sơn La còn mờ trong sương mai, cảnh vật mờ ảo.

Như đã sắp xếp sẵn, thấy tôi là anh bắt tay, mời ngồi và vào việc luôn. Anh nói đêm qua chỉ huy trung đoàn họp chủ yếu nghe ban tham mưu báo cáo về thành tích “viễn chinh” của các cậu - anh nhấn mạnh - phải nói là cánh quân thọc sâu mới đúng, vì lên Quỳnh Nhai là lên địa đầu của Sơn La, giáp Lai Châu là đi vào đất địch. Lên đó an toàn trở về là đã khá, đằng này các cậu còn chiến đấu, xây dựng lập thành tích, quân số từ một trung đội thiếu tăng thành hơn hai trung đội (đại đội thiếu), có thêm cả vũ khí. Anh dừng lại hỏi:

- Tổng số vũ khí lấy được của địch là bao nhiêu?

- Báo cáo anh: 10 súng trường, 20 lựu đạn, 150 viên đạn.

- Ôi! Thật quý hơn vàng. - Anh biểu dương. - Còn việc của cậu, thì trung đoàn đã quyết định thăng vượt cấp - từ trung đội phó lên đại đội phó và quyền đại đội trưởng luôn.

Tôi chưa kịp trình bày nguyện vọng, thì anh chỉ thị:

- Về làm đại đội trưởng đại đội 230, tiểu đoàn 90 thuộc Trung đoàn 148 vừa mới thành lập theo quyết định của Bộ Tổng Tham mưu.

Mặt trận chuyển về nam.

Tháng 4 năm 1947, có thêm viện binh từ Pháp sang, nâng tổng số quân Pháp ở Việt Nam lên mười một vạn, quân Pháp mở cuộc hành quân lớn lên Tây Bắc, mở rộng vùng chiếm đóng, nối Tây Bắc với Hà Nội theo hai hướng: Từ Hà Nội lên, từ Yên Châu xuống hợp điểm với quân dù chiếm đóng Mộc Châu; đại bộ phận Trung đoàn 148 từ đông Mộc Châu phải vượt sông Đà rút về Lai Động, Thu Cúc tây nam tỉnh Phú Thọ.

Còn tôi lúc này được điều về đại đội 250, tiểu đoàn 86 đang đứng chân ở Bột Sộp giáp biên giới Lào trên đường đi Sầm Nưa, thì địch nhảy dù Mộc Châu bịt đường về. Đây là thời kỳ thứ hai chúng tôi mất liên lạc với trung đoàn, lọt vào giữa vòng vây của quân thù.

Thời gian này đại đội chúng tôi được gặp anh Bình Kim, Lê Thăng cũng đang hoạt động ở đây. Hai anh báo cáo về Bộ chỉ huy chiến khu Hai. Các anh Lê Hiến Mai, chính ủy, Hoàng Sâm tư lệnh hoan nghênh và động viên đơn vị ở lại với chiến khu, ở đâu cũng là vệ quốc đoàn, cũng làm nhiệm vụ chiến đấu.

Theo kế hoạch, các đơn vị Tây tiến lùi lại (vì các anh đã trải qua thời kỳ chiến đấu gian khổ ở nước bạn Lào, lực lượng bị tiêu hao, quá mệt mỏi, cần được nghỉ để củng cố bồi dưỡng sức khỏe). Đại đội 250 chúng tôi được giao nhiệm vụ chặn địch tại khu vực tây Cô Ma, Tà Lao yểm trợ bộ phận tiền phương của sở chỉ huy Chiến khu Hai chuyển về Xuân Nha, Hòa Bình.

Trận đánh thắng lợi, nhiệm vụ hoàn thành, được các anh trong Bộ tư lệnh Chiến khu Hai biểu dương, được đồng đội mến phục; nhiều anh em trong trung đoàn Tây tiến do bị đau yếu tụt lại mất liên lạc với đơn vị cũ cũng tình nguyện nhập quân số vào đại đội lực lượng tăng nhanh đến gần một tiểu đoàn, sự giao lưu cũ mới từ nhiều địa phương, nhiều mặt trận bổ sung nhiều điều mới lạ, thu nhận được nhiều kinh nghiệm hay trong chiến đấu, nhiều lễ phải trong ứng xử đời thường. Tinh thần, tư tưởng của đại đội cũng có biến đổi. Lúc đầu khi lọt vào giữa vùng địch kiểm soát, không khỏi phân vân, lo lắng, lo chiến đấu trong thế lẻ loi, đơn độc, lúc nào cũng nghĩ tìm cách trở lại trung đoàn đã từng gắn bó từ những ngày đầu ở Mặt trận Sơn La. Nay lại khác, không ít anh em muốn tình nguyện ở lại làm lính Chiến khu Hai, vì chiến trường đã quen thuộc, đã hiểu địch, tình đồng chí thêm gắn bó; và một lý do riêng nữa phần đông anh em đều quê ở miền xuôi, về đây có điều kiện thăm gặp gia đình. Ngay cả tôi, anh em cũng khuyên nên ở lại, nhất là khi đơn vị chuyển về gần khu vực Chợ Bến, có anh em nửa đùa nửa thật vừa tranh thủ thăm dò; đường về quê đại đội trưởng quá gần, nếu ở lại có điều kiện xin hãn về đó hoạt động để được gần nhà.

Thực tình tôi cũng vui lòng, sau nghĩ lại thấy không ổn, nhưng biết nói thế nào cho anh em đồng tình với mình, thật khó. Một hôm nhiều anh em kéo đến thúc giục đòi tôi tỏ thái độ, bỗng tôi bột phát trả lời:

- Cũng như các cậu mình rất muốn ở lại, nhưng trung đoàn đã có lệnh gọi đại đội ta trở về.

Câu giải thích ngắn gọn không chuẩn bị trước của tôi không ngờ lại có hiệu lực từ giờ phút này. Từ đó ý kiến bàn tán ở lại giảm dần sau hết hẳn. Mệnh lệnh mà, đã là mệnh lệnh thì chỉ có chấp hành.

Tháng 10 năm 1947, Mặt trận Mộc Châu tạm lắng, tôi báo Bộ tư lệnh Chiến khu Hai, xin cho đại đội trở lại đội hình Trung đoàn 148 Sơn La, được các anh đồng ý và tạo thuận lợi cho chuyển trở về của chúng tôi, như cung cấp tin tức, cử người dẫn đường. Một kế hoạch hành quân chiến đấu được vạch ra, nhưng để đảm bảo bí mật, chúng tôi chỉ phổ biến từng ngày. Từ tây Mộc Châu sang tây nam Phú Thọ không dài, vậy mà đoạn đường thực tế chúng tôi phải qua lại thật dài đến khó hiểu. Như người ném tạ lùi lại lấy đà, từ tây bắc Mộc Châu đại đội phải lùi xuống hướng tây nam vào vùng Bá Thước, Quan Hóa thuộc Thanh Hóa, rồi vọt lên men theo vùng giáp ranh Nho Quan, Ninh Bình, chệch tây vào địa phận Hòa Bình qua Yên Thủy, Tân Lạc, Mai Châu, vượt sông Đà sang vùng Thanh Sơn - Phú Thọ, mất hơn mười ngày mới tới đích.

Lại anh Lê Trọng Tấn trung đoàn trưởng ra đón chúng tôi.

Lần này không kìm nổi, nước mắt anh trào ra, lăn rỏ trên hai gò má của anh dành cho buổi sum họp hôm nay. Anh và ban chỉ huy trung đoàn xuống thăm đơn vị, bắt tay từng người chúc mừng thắng lợi. Anh thân mật nói chuyện với đơn vị và kể những gì đã xảy ra sau khi đại đội chúng tôi bị địch vây, chặn không có đường về. Anh nói:

- Ngay sau khi trung đoàn kiểm điểm quân số và điểm đầu đơn vị trước khi già từ Mộc Châu không

thấy các cậu, trung đoàn đã cử một đơn vị quay trở lại tìm kiếm, nếu thấy là dẫn theo đường đã định, nhưng hai ngày sau vẫn biệt tăm. Khi trung đoàn trở về Phú Thọ tuần nào, tháng nào cũng phải các đơn vị tiếp tục đi tìm nhưng đều trở về không. Mới cách đây hai tuần, tức là sau hơn hai tháng đi tìm đều trở về không, buộc phải báo cáo về Bộ Tổng Tham mưu là đại đội Hoàng Cầm mất tích thì hôm nay các cậu trở về.

Cuối cùng anh thay mặt chỉ huy trung đoàn biểu dương:

- Cuộc “viễn chinh” lần thứ nhất từ Quỳnh Nhai trở về, quân số một trung đội thiếu, tăng hơn hai trung đội.

Cuộc “viễn chinh” lần thứ hai từ Mộc Châu trở về, quân số một đại đội tăng thêm hai trung đội, coi như một tiểu đoàn thiếu.

Tôi tranh thủ báo cáo lý do tăng quân số, chủ yếu là các anh em trong trung đoàn Tây tiến bị lạc, gặp đơn vị xin gia nhập để được tiếp tục chiến đấu. Vừa báo cáo, tôi vừa chỉ tay giới thiệu cụ thể với trung đoàn trưởng về số anh em này đang đứng phía bên trái hàng quân.

Nghe tôi giới thiệu xong, anh Tấn đến bắt tay cảm ơn từng người. Các anh em trong đoàn Tây tiến vui mừng và xúc động, có anh em khóc!

Tháng 7 năm 1947, đại đội 250 chúng tôi được lệnh trở lại hoạt động ở vùng địch hậu Mộc Châu, khu du kích Mộc Hạ.

Quân Pháp từ Hòa Bình mở cuộc càn quét lớn vào Suối Rút, Đà Bắc. Đang phân tán làm công tác vận động quần chúng và tổ chức huấn luyện cho du kích các xã thì được tin Pháp tiến công, đại đội tôi khẩn trương tập trung vận động, vừa tổ chức phục kích đánh nhỏ, đánh lên làm giảm tốc độ hành quân của chúng để đồng bào kịp sơ tán, vừa bày sẵn trận phục kích bất ngờ ở Hướng Càn. Trong trận này địch bị thiệt hại nhiều(3), chúng phải dừng lại đối phó đánh trả đối phương, vừa giải quyết hậu quả nhưng phía ta cũng bị thương một số, trong đó có tôi. Bị thương nặng, hông tay phải, ngất tới ba phút. Tưởng chết, anh em lấy chăn gói kín, chuẩn bị khiêng đi chôn cất. Khi tỉnh dậy, tôi hỏi:

- Sao lại làm thế này?

(3) Ngày 28 tháng 7 năm 1947, địch bị đánh bất ngờ ở Hướng Càn, ta diệt nhiều lính nguy thu nhiều vũ khí, lương thực. Ngay đêm đó đại đội 250 phối hợp với du kích, công an địa phương bắt sống một tên phản động nguy hiểm, tri châu Mộc Châu và một số ở Hướng Càn.

- Tưởng anh hy sinh, chúng em...

- Mình đau quá ngất lịm chứ không chết.

Anh em kéo đến vội cời chăn và cứ thế khóc òa:

- Xin lỗi chúng em không biết.

Vì vết thương quá nặng, tôi phải đi viện điều trị ba tháng mới hồi phục sức khỏe, duy có tay phải từ ngày đó đến nay vẫn để di chứng là không viết được, đành thay bằng tay trái, vì thế chữ vốn gà bới càng thêm gà bới.

Sau trận này tôi được Chính phủ tặng huân chương Quân công hạng ba.

Đầu năm 1948 tôi lại bị thương lần thứ ba, sức khỏe giảm, trên điều về làm phái viên quân sự của

trung đoàn 148, nhiệm vụ xuống kiểm tra, giúp đỡ các đại đội địa phương Mộc Châu, Thanh Sơn, Thanh Thủy hoạt động ở tây nam Phú Thọ giáp với vùng địch chiếm Mộc Châu. Nhưng thường tôi không làm nhiệm vụ được giao mà trực tiếp xuống tổ chức chỉ huy các đại đội hợp đồng chiến đấu với ý nghĩ cần phải có thắng lớn mới xây dựng được phong trào của địa phương.

Bỗng một hôm tôi được lệnh trên gọi về giao nhiệm vụ tiểu đoàn phó. Tôi hơi ngỡ ngàng vì trước đó được anh em nói lại, là Bộ tư lệnh phân khu 4 nhiều lần nhắc: “Định đề bạt cậu lên tiểu đoàn phó từ lâu. Về thành tích chiến đấu, tinh thần dũng cảm thì không ai có ý kiến gì. Chỉ có một băn khoăn là trình độ văn hóa cậu kém.” (Đúng là văn hóa của tôi không phải là kém mà là quá kém, lúc này lớp một cũng chưa xong). Tôi không thắc mắc về nhận xét này, chỉ băn khoăn sao bây giờ lại đề bạt? Cậu bạn thân của tôi thuật lại lý do. Đó là một hôm anh Song Hào, chính ủy Khu 10 xuống kiểm tra đơn vị, có hỏi:

- Hoàng Cầm đâu?
  - Báo cáo anh Hoàng Cầm bị thương nặng, điều về làm phái viên.
  - Cụ thể nhiệm vụ?
  - Giúp đỡ xây dựng các đại đội, nhưng anh Hoàng Cầm thường tổ chức hai, ba đại đội cùng phối hợp vào hậu địch hoạt động.
  - Có làm được không?
  - Báo cáo làm tốt, anh trực tiếp chỉ huy các đại đội địa phương hoạt động, chiến đấu khá.
  - Như vậy là chỉ huy tiểu đoàn rồi, sao không đề bạt.
- Lý do tôi được đề bạt tiểu đoàn phó là như thế đấy.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 4

Cuối năm 1949, đầu năm 1950 tiểu đoàn 130 chúng tôi lúc ấy thuộc Liên khu X, sau khi kết thúc đợt tập trung học chiến thuật công kiên (nay gọi là chiến thuật tiến công cứ điểm) được trên điều về đứng trong đội ngũ Trung đoàn 209 mang tên Sông Lô(1).

(1) Trung đoàn 209 lập công xuất sắc trong các trận đánh địch trên sông Lô khi chúng tiến công lên Việt Bắc thu đông năm 1947.

Một niềm vui nữa lại đến. Từ Phú Thọ chúng tôi được lệnh chuẩn bị hành quân tham gia chiến dịch Biên Giới, còn gọi là chiến dịch Lê Hồng Phong II, dự định sẽ mở vào trung tuần tháng 9 năm 1950.

Trong chiến dịch này, Trung đoàn 209 và Trung đoàn 174 (chủ lực của Liên khu Việt Bắc) được giao nhiệm vụ diệt cụm cứ điểm Đông Khê - một cứ điểm mà địch gọi là “bậc thang quan trọng trên tuyến đường số 4 từ Lạng Sơn đi Cao Bằng”. Tiểu đoàn 130 do tôi làm tiểu đoàn trưởng được giao nhiệm vụ đánh chiếm Phủ Thiện - khu hành chính của huyện lỵ Đông Khê.

Giữa lúc đơn vị đang khẩn trương sôi nổi chuẩn bị chiến đấu thì một tin làm phấn chấn lòng người: Bác Hồ đã lên Cao Bằng để trực tiếp theo dõi, chỉ đạo chiến dịch.

Vì nguyên tắc giữ bí mật, không ai dám bàn tán, nhưng mọi người đều cảm thấy vinh dự, và háo hức muốn biết cụ thể về sự kiện “Bác đi chiến dịch”.

Rồi bỗng một hôm, có điện từ trung đoàn gọi xuống lệnh tôi và đồng chí Tạ Đình Hiến chính trị viên tiểu đoàn (sau này là thiếu tướng Bộ tư lệnh Quân khu Thủ đô đã nghỉ hưu) yêu cầu chuẩn bị gấp tình hình mọi mặt, kế hoạch chuẩn bị chiến đấu cụ thể của đơn vị để báo cáo cấp trên.

Cấp trên là ai? Tôi không kịp hỏi, chỉ biết khi nhận điện trung đoàn nhấn mạnh cần chuẩn bị thật tốt, tốt nói tốt, chưa tốt nói chưa tốt, không được chung chung.

Hôm sau ngày 12 tháng 9, một đồng chí liên lạc của trên xuống dẫn hai chúng tôi đi theo con đường cắt rừng mới được tạo dựng đã hằn vết chân người. Đường quanh co uốn khúc nhưng được che bằng tán cây rừng thoáng mát, máy bay địch khó phát hiện. Một lúc sau lại rẽ sang một con đường nhỏ hơn, bí mật hơn, không để hằn vết mòn, vì đi đến đâu sửa lại nguy trang đến đấy, không để lại cây đổ gãy, cỏ úa.

Trong lúc tôi đang phán đoán đây đã phải là đường vào nơi cấp trên ở chưa, thì đồng chí liên lạc quay lại ghé sát tai tôi nói nhỏ to về quan trọng:

- Chuẩn bị, sắp đến nơi rồi.

Một căn lán nhỏ xinh nằm giữa rừng sâu thuộc bản Nà Lau cạnh Sở chỉ huy chiến dịch, cách Đông Khê mười ki-lô-mét theo đường chim bay đang chìm trong chiều muông đã hiện ra trước mắt chúng tôi. Tất cả đều bằng cây rừng, lá rừng chặt từ xa mang về xây dựng, đơn giản mà chắc chắn, ẩn dưới tán rừng mà thoáng đãng.

Gần đến trước cửa, đồng chí liên lạc bảo tôi và anh Hiến: Các anh đứng ngoài này chờ để tôi vào báo cáo.

Lúc này trời đã nhá nhem tối. Không đầy một phút, tôi được lệnh vào. Hình như thượng cấp đã có

chương trình nghe chúng tôi báo cáo.

Bước vào cửa phòng tôi thấy có hai ba người ngồi trên một cái giường tự tạo bằng cây rừng, giữa là cây đèn dầu vặn nhỏ.

Bước thêm ba bước tôi sững sốt chững lại. Tôi nhận ra ngay người ngồi giữa là Bác Hồ. Tôi đang hỏi hộp lúng túng, chưa kịp chào thì Bác đã thân mật hỏi như đã biết chúng tôi từ trước:

- Chú là Hoàng Cầm và Tạ Đình Hiến của tiểu đoàn 130 đến báo cáo Bác phải không? - Rồi Bác nói tiếp. - Các chú ngồi luôn đây uống chén nước cho ấm bụng đã.

Vừa nói Bác vừa đưa chén nước mới rót cho chúng tôi. Tôi cảm động và áp ứng:

- Dạ, thưa Bác.

Ngọn đèn dầu vặn to, tôi nhìn rõ Bác hơn. Bác mặc bộ quần áo Vệ quốc đoàn màu cỏ úa, dáng rắn khỏe, mặc dầu so với ngày 2/9/1945 ngày Bác đọc Tuyên ngôn độc lập ở vườn hoa Ba Đình thì giờ đây Bác già hơn, tóc thưa và bạc nhiều.

Ngày ấy, trung đội tự vệ Thành chúng tôi được tham gia bảo vệ cuộc mít tinh, đứng ngay dưới chân kỳ đài, được nhìn rõ Bác, nhưng vì nhiệm vụ nên không dám ngắm kỹ Bác như lần này.

Giờ đây tôi vinh dự đang được ngồi đối diện với Bác trong căn lán đã chiến đờn sơ giữa nơi rừng sâu mà thấy ấm cúng, như con ngồi bên cha để báo cáo với Bác.

Sau khi hỏi sức khỏe, hỏi quê hương, gia đình, Bác bảo:

- Thời gian lúc này rất quý, Bác cháu ta tranh thủ làm việc để các chú còn về cùng đơn vị lo chuẩn bị tiếp.

Tôi bắt đầu báo cáo những điều đã chuẩn bị theo điện hướng dẫn của trung đoàn. Bác nghe tôi báo cáo, tỏ vẻ hài lòng về quyết tâm chiến đấu của tiểu đoàn. Bác hỏi:

- Số quân của tiểu đoàn chú hiện có bao nhiêu chiến sĩ mới, bao nhiêu chiến sĩ cũ?

- Thưa Bác, hai phần ba là chiến sĩ mới.

- Cán bộ có đủ không?

- Dạ! Đủ ạ!

- Chú có tin trận này ta nhất định thắng không?

- Báo cáo Bác, tin ạ!

Bác lại hỏi:

- Chú Hiến có nói gì nữa không?

- Thưa Bác chúng cháu đã thống nhất để anh Hoàng Cầm báo cáo.

Đêm tĩnh mịch. Tiếng của Bác vừa đủ nghe, giọng trầm ấm tình cha con. Còn tôi ngồi yên lặng, nghiêm túc lắng nghe, lòng tin về trận thắng cứ dâng đầy. Bác nói tầm quan trọng của chiến dịch nay đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta; Bác phân tích cặn kẽ mà ngắn gọn thế địch,



thể ta trong chiến dịch; Bác giải thích vì sao ta không lấy Cao Bằng làm hướng tiến công chủ yếu, mà lại chọn Đông Khê; Bác nhấn mạnh bí mật và nghi binh là rất quan trọng trong quân sự.

Kể lại dòng hồi ức này cách đây đã bốn mươi mốt năm, nhiều chi tiết không sao nhớ hết, nhưng nhờ độ lùi của thời gian đã giúp tôi hiểu biết, cảm thụ sâu sắc tư tưởng quân sự của Bác kính yêu, cùng những sự kiện lịch sử cứ sáng chói mãi theo năm tháng, gắn quyện hình ảnh Bác với mảnh đất Cao Bằng. Ở đây năm 1941, Bác chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Pác Bó, vạch phương hướng tổng thể chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở đây tháng 7 năm 1944, Bác đã kịp thời đình hoãn chủ trương phát động vũ trang khởi nghĩa chưa đúng thời cơ của Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, bằng những nhận xét cụ thể mà khái quát nêu bước đi đúng cho một thời kỳ. Bác bảo bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa đến. Bác nhấn mạnh ngay cả điều kiện quân sự cho khởi nghĩa cũng chưa đủ, vì Ban lãnh đạo Khởi nghĩa chưa tuân theo “nguyên tắc tập trung lực lượng: cán bộ, vũ khí phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt”.

Về chỉ đạo chiến lược, quyết định khởi nghĩa, Bác chú ý đến thời cơ, đến các điều kiện cụ thể của khởi nghĩa.

Còn với chiến tranh giải phóng đất nước, Bác là người lãnh đạo tối cao nhưng luôn luôn theo sát các chiến dịch. Lần này Bác trực tiếp ra mặt trận, quan tâm đến mọi vấn đề của chiến dịch, nêu lên cả nguyên tắc quân sự để bảo đảm cho trận đánh thắng lợi.

Những vấn đề Bác nói rất giản dị mà sâu sắc.

Sau khi nghe tôi báo cáo kế hoạch tiến công Đông Khê từ hướng đông nam của tiểu đoàn 130, Bác nhắc thêm:

- Lần đầu tiên công cụm cứ điểm(2) có quân đông, có lô cốt hầm ngầm kiên cố, các chú có quyết tâm cao như thế là tốt, nhưng chưa đủ. Muốn tiêu diệt địch, các chú phải có biện pháp đánh bại các thủ đoạn của chúng; phải có cách phá hàng rào thép gai, bãi mìn, đánh sập lô cốt. Khi chiến đấu phải thực hiện tốt việc đoàn kết hiệp đồng trong nội bộ đơn vị, với đơn vị bạn và nhân dân. Bác hoan nghênh tinh thần sẵn sàng chiến đấu, ý chí quyết chiến, quyết thắng của các chú. Nhờ chú chuyển lời chúc sức khỏe của Bác đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Bác chúc các chú thắng lợi!

(2) Sau khi bị trung đoàn 174 tiến công tháng 5 năm 1950, Đông Khê từ một cứ điểm địch củng cố thành cụm cứ điểm mạnh, gồm hai điểm tựa lớn, bảy vị trí vành ngoài, có hầm ngầm cố thủ, lực lượng có hai đại đội thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn Lê dương số 3, một trung đội lưu động, một phân đội pháo 105 ly hai khẩu, quân số 350 tên.

Trên đường trở về đơn vị, tôi cảm thấy lòng lâng lâng, vui sướng. Được gặp Bác, được nghe lời chỉ bảo ân cần của Bác là một hạnh phúc lớn, điều mà tôi không dám nghĩ tới nhưng nay là sự thật, rất giản dị mà sâu lắng.

Về đến đơn vị tôi cho họp cán bộ để bàn kế hoạch triển khai thực hiện làm theo lời Bác. Cuộc họp chưa bắt đầu, anh em đã nóng lòng muốn nghe tôi thuật chuyện về chuyến đi gặp Bác như đã dự kiến trên đường trở về. Trước hết tôi kể về sức khỏe của Bác, những ý kiến của Bác giải thích về tầm quan trọng của chiến dịch. Bác bảo ta nỗ lực đánh Đông Khê trước là đánh vào nơi quân địch tương đối yếu nhưng lại là vị trí rất quan trọng trên tuyến phòng thủ đường số 4 từ Lạng Sơn đi Cao Bằng. Mất Đông Khê khi ấy địch có thể sẽ giành lại Đông Khê để giữ Cao Bằng hoặc phải đánh lên để đón quân Cao Bằng rút lui. Ta nhân lúc đó như thú dữ vào tròng mà khép vòng lưới thép. Quân viện của địch đã tan thì ta đánh Cao Bằng

không phải là việc khó nữa, nếu chúng rút khỏi Cao Bằng thì đánh càng thuận lợi hơn.

Dư âm phần khởi được Bác tiếp sức vẫn nóng bỏng trong tôi, khiến tôi thấy mình lúc này rất minh mẫn trong khi kể lại lời Bác dạy.

Cuối cùng tôi hạ thấp giọng và nói chậm hơn:

- Bác bảo rằng theo sự phân công của Trung ương Đảng, Bác lần này đi sát mặt trận để giúp đỡ Bộ chỉ huy chiến dịch. Các chú cùng Bác tham gia chiến dịch này, ai nấy cần cố gắng làm tròn nhiệm vụ của mình.

Không khí cuộc họp trở nên trang nghiêm và xúc động khi nghe tôi nhắc lại lời nói thân tình, gần gũi của Bác, không chỉ riêng cho tiểu đoàn 180 chúng tôi mà còn cả với toàn thể cán bộ, chiến sĩ có mặt trên trận tuyến biên giới lúc đó.

Đây là trận đầu tiên đơn vị tiến công vào một cứ điểm kiên cố nhưng chúng tôi cảm thấy bình tĩnh, phần khởi, tự tin. Lúc này các đơn vị đang ở ngay sát nách cứ điểm Đông Khê, để chờ lệnh nổ súng, vậy mà quân địch vẫn không hay rằng hướng tiến công của quân ta sắp tới là đâu: Đông Bắc, Tây Bắc hay là đồng bằng Bắc Bộ. Nghệ thuật nghi binh lừa địch do Bác chỉ đạo thật tài tình.

Ngày 12 tháng 9, theo lệnh của Bác, ta nổ súng đánh địch tại Pa Kha (Lao Cai), thì địch càng tin vào sự phán đoán của chúng là đúng: Hướng tiến công của Việt Minh trong thu đông này là Tây Bắc.

Bộ chỉ huy Pháp ký “Lệnh đặc biệt” hoàn thành đánh chiếm thị xã Thái Nguyên vào đầu tháng 10, để hạn chậm nhất 15 tháng 10 phải rút xong các đơn vị quân Pháp đồn trú tại Cao Bằng.

Thế nghĩa là địch không thấy nguy cơ Đông Khê sắp bị rơi vào tay đối phương, do đó Thất Khê, Lạng Sơn bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập, có muốn rút cũng không được. Chúng vẫn xúc tiến tham vọng đánh chiếm Thái Nguyên, để sau đó từ hai hướng bắc (biên giới), nam (Thái Nguyên) ép ta, dồn chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến của ta vào một cái túi để cắt vó, mau chóng kết thúc chiến tranh(!)

Bác vĩ đại của chúng ta hiểu rõ “nước cờ trên đây của kẻ địch chỉ là ảo vọng, nên từ trung tuần tháng 9, Người tạm dời nơi làm việc ở một khu căn cứ Tây Bắc Thái Nguyên lên biên giới. Khi mà Các-păng-chi-ê, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương đang tất tả như con thoi hết Sài Gòn lại ra Hà Nội, cưỡi máy bay lên Lạng Sơn lệnh cho viên đại tá Công-xtăng chỉ huy quân đội Pháp ở Liên khu biên giới Đông Bắc gấp rút thực thi “lệnh đặc biệt” nói trên, thì Bác đã rất ung dung thư thái “chống gậy lên non xem trận địa”, đang cài thế.

Sáu giờ sáng ngày 16 tháng 9 (trùng hợp với ngày Bộ chỉ huy quân đội Pháp thực hiện kế hoạch đánh chiếm thị xã Thái Nguyên để hỗ trợ cho quân Pháp rút khỏi Cao Bằng), đạn pháo ta theo lệnh Bác đã nổ vang tại cứ điểm Đông Khê.

Trận đánh quyết định mở màn chiến dịch bắt đầu.

Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục suốt một ngày và một đêm, mãi mười giờ sáng ngày 17 chúng tôi mới chiếm được các đồn ngoại vi của cụm cứ điểm Đông Khê.

Ở hướng đông bắc, trung đoàn 174 chiến đấu cực kỳ dũng cảm, gương La Văn Cầu, chiến sĩ đánh bộc phá không do dự, nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để khỏi bị vướng, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ đã cổ vũ chúng tôi rất nhiều. Nhưng ở hướng đó đang gặp khó khăn, địch từ hầm cố thủ dồn lực lượng tổ chức phản kích đánh bật ta ra ngoài cứ điểm.

Ở hướng tiểu đoàn 130 chúng tôi, cả ngày 17 địch cũng liên tục phản kích hòng chiếm lại khu vực đã mất, ta và địch giành nhau từng tấc đất. Nhưng ta vẫn chiếm giữ toàn bộ khu Phú Thiện, tạo thế áp sát vào đồn chính từ hướng đông nam.

Gặp tôi, Trần Cừ hậm hực:

- Thế này là không ổn! Ta bị địch phản kích là do hướng bắc chưa đánh tốt. Hiệp đồng kiểu này thì nguy đấy!

Đúng là nếu đêm qua trung đoàn 174 hoàn thành nhiệm vụ chắc chắn không có chuyện địch phản kích ngày hôm nay. Nhưng chiến đấu là một cuộc đọ sức quyết liệt, đâu phải dễ dàng, trơn tru như ta dự kiến. Địch cũng có phản ứng chứ, càng quyết liệt khi chúng bị dồn vào bước đường cùng. Ta không dự kiến hoặc dự kiến không hết là thuộc về khuyết điểm hoặc năng lực có hạn.

Tôi hoàn toàn thông cảm với tâm trạng của đại đội trưởng đại đội làm nhiệm vụ chủ công. Đơn vị của Trần Cừ bị thương vong nhiều do bị địch phản kích quyết liệt. Nhưng tôi vẫn nghiêm khắc:

- Chúng ta phải quyết tâm thực hiện lời Bác dạy. Đơn vị bạn cũng khó khăn chứ đâu riêng chỉ có đơn vị mình. Chính mình phải nỗ lực hơn nữa mới thực hiện được đoàn kết hiệp đồng hỗ trợ cho đơn vị bạn.

Nhắc đến lời Bác, Trần Cừ hồi hận, đầu hơi cúi xuống.

Sau khi thông báo với Trần Cừ về diễn biến chung, tôi nói thêm:

- Bác vẫn theo dõi trận đánh và chỉ thị cho chúng ta, dù khó khăn đến đâu cũng kiên quyết khắc phục, đánh cho kỳ thắng trận đầu.

Như có cái gì đó gần gũi mà thiêng liêng, sau khi nghe tôi nói những điều Bác căn dặn, Trần Cừ đứng thẳng người, với gương mặt phấn chấn, kiên quyết, tự tin, anh báo cáo:

- Dù khó khăn đến mấy, đại đội tôi hứa kiên quyết thực hiện.

Tôi siết chặt tay Trần Cừ và chúc đại đội hoàn thành xuất sắc đợt hai trận đánh.

Cả tôi và Trần Cừ đứng giữa cảnh đổ nát của trận địa sau một đêm đọ sức quyết liệt giữa ta và địch, không ai nói thêm điều gì nhưng lại có chung một điều suy nghĩ: Dù bất cứ tình thế nào cũng phải kiên quyết vượt qua, hoàn thành nhiệm vụ Bác giao.

Chỉ thị của Bác thật hết sức súc tích, trở thành tư tưởng chỉ đạo trận đánh đêm nay của chúng tôi.

17 giờ ngày 17 tháng 9, chúng tôi nổ súng bắt đầu đợt hai của trận đánh quyết định, tiêu diệt cái cứ điểm kiên cố còn lại của cụm cứ điểm Đông Khê.

Cuộc chiến đấu diễn ra đúng như dự đoán, quyết liệt suốt đêm 17 cho đến mười giờ sáng ngày 18/9/1950.

Nhưng chúng tôi đã nghiêm chỉnh thực hiện đúng chỉ thị của Bác - thắng cho kỳ được trận đầu. Cụm cứ điểm Đông Khê đã hoàn toàn bị tiêu diệt, “cái bậc thang” trên tuyến đường số 4 Lạng Sơn đi Cao Bằng của địch đã bị đánh gãy.

Đại đội 866 mũi chủ công của tiểu đoàn 180 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng Trần Cừ người chỉ huy mưu trí, dũng cảm của đại đội không còn nữa!

Tôi vô cùng xúc động khi nhận được tin này. Không quản mệt nhọc, nguy hiểm, tôi đến ngay nơi Trần Cừ vừa ngã xuống.

Trần Cừ vẫn còn đó, trong tư thế áp mình vào lỗ châu mai, hai tay dang rộng, mười ngón xòe ra bám vào vách đứng của cái lô cốt thấp mà to ngang, “da dẻ” xù xì xám mốc. Gương mặt anh vẫn hiện lên đường nét quen thuộc cời mở, lạc quan và kiên nghị.

Đứng trước thi hài Trần Cừ, tôi bật lên tiếng khóc thật to.

Không phải chỉ mình tôi mà cả ban chỉ huy tiểu đoàn, tất cả cán bộ, chiến sĩ còn lại của đại đội 336 đều khóc. Khóc vì tiếc thương một đồng chí giàu tình nhân ái, khiêm nhường, một đại đội trưởng sung sức, chiến đấu dũng cảm, thông minh, quyết đoán.

Tôi nhớ mãi câu nói cuối cùng của Trần Cừ: “Đại đội tôi hứa kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ đêm nay, dù có gặp bất kỳ khó khăn nào.”

Anh hứa và anh đã làm. Không hoa mỹ, sáo rỗng. Đã nói là làm, đã làm là phải thành công, dù phải xả thân.

Tuy không được gặp Bác, nhưng được tin Bác đi chiến dịch, Bác trực tiếp đến gần theo dõi trận đánh Đông Khê, Trần Cừ lúc nào cũng nhắc tới Bác với một niềm tự hào: Bác là chỉ huy danh dự của tiểu đoàn ta. Tinh thần quyết chiến quyết thắng của Trần Cừ thể hiện tư tưởng “chỉ cho đánh thắng” của Bác.

Tôi được số anh em cán bộ, chiến sĩ còn sống trong trận đánh này kể lại khi chiến dịch kết thúc. Trần Cừ đã chỉ huy đại đội vượt qua bức tường đá cao dày như bức tường Thành Cổ, tiếp đó là hàng rào kẽm gai và bãi mìn, tiếp sát vào lô cốt thuộc khu đồn chính thì trời tảng sáng, lại bị hỏa lực từ trong hầm ngầm, lô cốt cố thủ bắn cản lại, anh em bị thương một số. Mũi tiến công bị chững lại. Lúc này anh bị thương vào chân, nhưng cố nén chịu, tiếp tục chỉ huy đơn vị tiến lên mục tiêu cần đánh phá, cố tiếp cận lô cốt trước mặt - nơi các họng súng của địch từ các lỗ châu mai đang bắn ra dữ dội. Ném nốt quả lựu đạn cuối cùng vào lỗ châu mai, đồng thời Trần Cừ đứng thẳng người, áp cả thân mình vào lỗ châu mai, bật hỏa điểm địch, bắt chúng cầm họng chỉ trong vài giây cho bộ đội xung phong đánh chiếm.

Trần Cừ chủ động chấp nhận hy sinh, dùng thân mình cản hỏa lực địch, tạo thuận lợi cho toàn đơn vị tiêu diệt cụm cứ điểm Đông Khê, góp phần cùng đơn vị bạn hoàn thành giành thắng lợi trận đánh quyết định của chiến dịch.

Bước phát triển của chiến dịch diễn ra đúng như Bác dự đoán, mất Đông Khê buộc địch phải cho quân đi ứng cứu lẫn nhau, tạo cơ hội cho ta tiêu diệt chúng trong vận động, như tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Bác - là “nhử thú dữ vào tròng” để “khép vòng lưới thép” tiêu diệt chúng. Mất Đông Khê, binh đoàn Lơ-pa-giơ buộc phải làm ứng cứu bị ta tiêu diệt ở Nà Cạo cao điểm 477 trên đoạn đèo Bông Lau. Mất Đông Khê, binh đoàn Sắc-tông buộc phải rút khỏi Cao Bằng, bị ta tiêu diệt ở Cốc Xá gần điểm cao 477.

Hai binh đoàn thiện chiến của địch bị tiêu diệt, thị xã Lạng Sơn bị uy hiếp.

Chỉ một trận Đông Khê, làm rung chuyển toàn bộ tuyến phòng thủ biên giới của địch, buộc chúng phải bỏ thị xã Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu, Chũ, Lục Nam, con đường số 4 từ Cao Bằng đến sát Tiên Yên, con đường 13 từ Lục Nam - Chũ qua An Châu đến Đình Lập sạch bóng thù, nhân dân được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của quân xâm lược.

Chiến dịch Biên Giới toàn thắng.

Trong phạm vi hồi ức, tôi thấy không cần thiết bình giải về ý nghĩa chiến thắng lịch sử này cũng như

sự chỉ đạo sáng suốt, tài giỏi của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và trực tiếp là Bộ chỉ huy chiến dịch. Và lại các vấn đề này sách báo đã đề cập.

Là cán bộ chỉ huy, lần đầu được vinh dự tiếp nhận ánh sáng tư tưởng quân sự của Bác, nhưng không phải ngay từ đầu tôi đã thấy hết được tư tưởng sâu sắc của Người, mà phải có thời gian, thông qua thực tiễn chiến đấu. Với tôi, trước bất kỳ trận chiến đấu nào, chiến dịch nào kỷ niệm gặp Bác trước trận đánh quyết định vẫn hiện về. Và những lúc như thế, lời dạy của Bác trong chiến dịch Biên Giới luôn luôn là chỗ dựa để tôi suy nghĩ, nghiền ngẫm, vận dụng.

Kỷ niệm gặp Bác trước trận đánh quyết định trở thành ký ức không bao giờ quên, là điểm khởi đầu của dòng hồi ức của tôi về Bác, đề rồi chính những hồi ức đó lại nhắc nhở tôi, soi sáng trong nếp nghĩ của tôi đi vào các trận chiến đấu, các chiến dịch Trung Du, Tây Bắc, Điện Biên phủ, Đồng Xoài, Phước Long. cho đến ngày 30/4/1975 tôi cùng đồng đội tiến vào Sài Gòn, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 5: Phần 1

Chúng tôi lại tiếp tục trên đường ra trận. Nhưng lần này là con đường rẽ ngoặt dẫn tới trận “Quyết chiến chiến lược - Điện Biên Phủ”.

Trong những ngày nô nức hành quân lên Tây Bắc, chúng tôi lại được đón nhận thư Bác:

“Thân ái gửi cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ.

Thu đông này các chú lại có thêm nhiệm vụ tiến quân vào Điện Biên Phủ để tiêu diệt thêm sinh lực địch, mở rộng thêm căn cứ kháng chiến, giải phóng thêm đồng bào còn bị giặc đè nén.”

Bác lại nhắc: “Cần phải giữ quyết tâm trong mọi hoàn cảnh: quyết tâm tiêu diệt sinh lực địch, quyết tâm giữ vững chính sách, quyết tâm giành nhiều thắng lợi.” Chưa có thì cần phải xây dựng quyết tâm, có rồi thì “phải giữ vững”. Quyết tâm không bao giờ thừa đối với một trận chiến đấu, một chiến dịch nào.

Phải đến chiến dịch này tôi mới nhận biết thêm tư tưởng quyết tâm của Bác mang tính nguyên tắc cao trong quân đội, chứa đựng nội dung chỉ đạo cụ thể; đồng thời là cơ sở để người chỉ huy có thêm sáng suốt, bản lĩnh, xử trí kịp thời, hợp lý các tình huống chiến đấu đặt ra.

Quyết tâm trong tư tưởng quân sự của Bác thực sự khích lệ chúng tôi trong suốt quá trình chiến dịch.

Hạ tuần tháng 12 năm 1953 từ một địa điểm giấu quân ở khu rừng thuộc tỉnh Yên Bái, Trung đoàn 209 nằm trong đội hình Đại đoàn 312 theo đường tắt hành quân liên tục suốt mấy đêm liền mới ra tới ngã ba Thượng Bằng La - con đường năm xưa đã dẫn chúng tôi đi vào chiến dịch Tây Bắc. Vừa đặt chân lên mặt đường, bắt gặp ngay cảnh “ngựa xe như nước” của các đoàn dân công, của các đơn vị hậu cần nườm nượp theo hướng tây mà tiến tới.

Khi hành quân qua Nà Sản thì nổi hận trong tôi lại trở dậy.

Nà Sản nằm trên đường 41, cách thị xã Sơn La hai mươi ki-lô-mét về phía tây nam. Trong chiến dịch Tây Bắc Thu Đông năm 1952 bị ta tiến công tiêu diệt hàng loạt vị trí, số quân sống sót phải rút chạy, được bộ chỉ huy Pháp tập hợp về đây xây dựng thành tập đoàn cứ điểm lớn gồm 21 đồn bốt, điểm tựa với lực lượng hơn tám tiểu đoàn bố trí theo từng hàng lớp để đối phó với ta. Tập đoàn này được mệnh danh “pháo lũy” Nà Sản, “công trình Nà Sản - con đê ngăn sông” một hình thức phòng thủ mới để đối phó với các cuộc tiến công của chủ lực ta(1).

(1) Cuối tháng 11, địch ở Nà Sản có tám tiểu đoàn và tám đại đội bộ binh, một tiểu đoàn pháo binh, một đại đội công binh, tổng quân số lên tới mười hai nghìn tên.

Cùng với Trung đoàn 102 (đại đoàn 308) đánh Pú Hồng (đêm 30/11) Trung đoàn 174 (đại đoàn 316) đánh Nà Sản (đêm 11/12), Trung đoàn 209 được giao nhiệm vụ diệt Bản Vây. Nhưng chúng tôi chẳng những không thắng mà còn bị thương vong khá nặng, chỉ vì chúng tôi chưa hiểu đầy đủ thủ đoạn chiến thuật mới của địch, không tính hết sự phối hợp hỏa lực giữa các cứ điểm trong cụm cứ điểm. Khi đơn vị bắt đầu nổ súng, phá xong hàng rào xung phong lên, thì các vị trí khác của địch dồn hết hỏa lực tập trung bắn tới. Lực lượng xung kích của trung đoàn xông lên mấy lần đều bị hất lại. Cuối cùng phải rút. Đêm hôm đó, trời rét, trăng lại sáng, chúng tôi rút ra đến đâu địch bắn đuổi theo đến đấy. Tất cả cơ quan trung đoàn bộ phải đi làm công tác vận chuyển thương binh. Nhìn bộ đội thương vong, nghĩ đến nhiệm vụ không hoàn thành, tôi phát khóc, vì thiếu kinh nghiệm để xảy ra thiệt hại như vậy.

Hôm nay hành quân qua Nà Sản, tôi càng thấm thía lời dạy của Bác trong trận đánh Đông Khê: “Các chú muốn tiêu diệt địch thì phải có biện pháp đánh bại các thủ đoạn của chúng.”

Sự ân hận đó đã trở thành bài học trong phương pháp suy nghĩ quyết tâm, xử trí các tình huống đặt ra trong suốt thời gian tôi tham gia chiến đấu ở mặt trận Điện Biên Phủ với cương vị trung đoàn trưởng (trung đoàn 209, đại đoàn 312) cùng với các đồng chí Trần Quân Lập chính ủy, Thăng Bình trung đoàn phó, Chu Phương Đối tham mưu trưởng, Kim Mỹ chủ nhiệm chính trị.

Trong đợt một của chiến dịch, Trung đoàn 209 chúng tôi cùng với Trung đoàn 142, sau sáu tiếng tiến công liên tục (từ 17 giờ ngày 13 tháng 3 đến 23 giờ 23 phút cùng ngày) đã san bằng cụm cứ điểm (gồm ba cứ điểm) Him Lam là trung tâm phòng ngự kiên cố vào bậc nhất của địch ở Điện Biên Phủ, cách trung tâm Mường Thanh hai ki-lô-mét rưỡi về phía đông bắc. Cùng với cứ điểm Độc Lập bị diệt đêm 14 tháng 3, ta đã mở thông cửa vào trung tâm tập đoàn cứ điểm từ phía bắc và đông bắc, uy hiếp sân bay Mường Thanh bắt đầu từ đây. Nhân đây xin kể một vài chi tiết mà mãi sau này, nhân kỷ niệm ba mươi lăm năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, được đọc hồ sơ mới về Điện Biên Phủ của Mai-kơn Mắc-lia, phóng viên hãng vô tuyến truyền hình Canada CBC, mới rõ lúc ấy địch còn rất chủ quan ngạo mạn. Theo phóng viên này kể lại: “Ngày 12/3/1954, đại tá Đờ Cát-xơ-ri (lúc này chưa được phong tướng) triệu tập các sĩ quan chỉ huy tới báo động về nguồn tin tình báo khẩn cấp: Cuộc tiến công của tướng Giáp sẽ bắt đầu vào năm giờ chiều ngày hôm sau. Nhưng các sĩ quan cảm thấy an tâm, chờ điều sẽ xảy ra, họ đang được tiếp tế tốt, kể cả 49.000 chai rượu vang.

Cuộc đụng độ sẽ thoát ra trước hết khỏi vòng vây tinh thần vì hình như ở Hà nội bị xáo động hơn là ở đây.”

Đúng là số phận bất hạnh bao giờ cũng dành cho những kẻ ngạo mạn. Đại tá Pi-rốt chỉ huy pháo binh trong ban tham mưu của Đờ Cát đã dùng lựu đạn tự sát sau khi được biết cụm cứ điểm Him Lam bị san bằng trong trận tiến công đầu tiên của đối phương, có pháo binh yểm trợ - điều mà y khẳng định trước đó là không thể có(!)

Sau chiến thắng Him Lam, Trung đoàn 209 bừng bừng khí thế tin tưởng, phấn khởi. Những bài học nóng hổi của trận đánh được vận dụng vào đợt hai của chiến dịch. Chúng tôi vui vẻ chấp nhận tư tưởng “đánh chắc thắng” của trên, ngày đêm xẻ núi thành hào, đắp hầm xây trận địa vững chắc, tham gia kéo pháo ra rồi lại kéo pháo vào để cho pháo ta đủ sức nhả đạn vào đầu thù.

Từ cái thế vững chắc đó, Trung đoàn 209 đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trước mắt của đợt hai chiến dịch là đánh chiếm cụm đồi D1, D2, D3 không cho địch phản kích lấy lại, tạo được cái thế ngồi trên đầu Đờ Cát-xơ-ri.

Cuối tháng 4 Trung đoàn 209 được giao nhiệm vụ đánh chiếm khu vực bàn đạp mở đầu đợt tiến công thứ ba của chiến dịch.

Khí thế của đơn vị đang có đà từ sau chiến thắng Him Lam, sau nhiều trận bẻ gãy các đợt phản kích của địch định chiếm lại cụm đồi D, nhưng chỉ huy trung đoàn chúng tôi vẫn thấy lo vì đây là những trận đánh nhằm kết thúc số phận của tập đoàn cứ điểm, kẻ địch sẽ chống trả quyết liệt.

Đảng ủy và ban chỉ huy trung đoàn họp bàn sôi nổi, cuối cùng đều nhất trí phải chuẩn bị tốt cả về tư tưởng và tổ chức chiến đấu. Tôi xuống hẳn với tiểu đoàn 154 làm nhiệm vụ chủ công để cùng anh em khẩn trương chuẩn bị, kịp thời cùng anh em bàn cách khắc phục khó khăn nảy sinh, vì thời gian lúc này đã rất khẩn trương.

Ngày 1 tháng 5 theo kế hoạch đã được trung đoàn phê chuẩn, tiểu đoàn 154 nổ súng tiến công một

trong năm điểm cao mang tên 505.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt đúng như dự đoán. 20 giờ 30 phút, tiểu đội đi đầu của đại đội 606 chiếm được bàn đạp cửa mở, bị hỏa lực địch từ nhiều phía (kể cả pháo ở Hồng Cúm) bắn cản dữ dội; 20 giờ 45 phút trung đội đầu cầu của đại đội này thực hành xung phong. Đây là trung đội còn lại của đại đội, vì phần lớn những người lọt vào cứ điểm của địch đều mang thương tích, loại khỏi lực lượng chiến đấu.

21 giờ 27 phút địch lại tổ chức phản kích. Phần lớn các chiến sĩ đều bị thương nặng, hoặc ù tai, hoặc điếc vì bom đạn địch.

Chúng tôi vẫn tiếp tục tổ chức chiến đấu. Đại đội 606 được lệnh dừng lại củng cố rồi lại tiếp tục tiến công; đại đội 618 được trung đoàn đưa từ phía sau lên tăng viện bước vào chiến đấu.

Cửa mở hẹp mà hỏa lực địch tập trung vào đó dễ cản ta.

Nhưng tất cả nhanh chóng vận động, vọt tiến, lọt được vào chiều sâu trận địa địch.

Đến 4 giờ 20 phút, tiểu đoàn 16 diệt gọn một đại đội địch còn lại, đánh chiếm hoàn toàn điểm cao 505, kết thúc trận đánh sau nhiều đợt tiến công kéo dài gần mười tiếng đồng hồ.

Đứng trên đỉnh cao 505, 505A mới thấy hết giá trị của các vị trí này - bằng phẳng, nằm cạnh đường 41, tiếp sau nó là hàng loạt các điểm cao khác nối nhau: 506, 507, 508, 509 chạy thẳng vào sân bay Mường Thanh và vào sở chỉ huy trung tâm Mường Thanh không còn xa nữa, mới cất nghĩa được vì sao cái giá đắt phải trả khi ta đánh chiếm được 505. Đây là năm cứ điểm đệm yểm trợ đồng thời là những vỏ thép bảo vệ sở chỉ huy trung tâm.

Ngày 5 tháng 5, trung đoàn lệnh các đồng chí Nguyễn Cẩm, Trần Quải, tiểu đoàn trưởng và chính trị viên tiểu đoàn 130, Đinh Đình Sành, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 166, Nguyễn Măng, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 154 và một số cán bộ đại đội, trong đó có Tạ Quốc Luật, đại đội trưởng, Công Bình chính trị viên đại đội 360 lên thực địa bàn kế hoạch tiến công tiếp tục. Vì đây là trận đánh then chốt nên cũng có mặt đầy đủ các đồng chí trong ban chỉ huy trung đoàn. Ngay trên trận địa vẫn còn cay nồng mù mịt khói bom, đạn pháo, đạn súng bắn thẳng của địch từ mọi phía vẫn nổ dữ dội trên nắp hầm, trên miệng hào giao thông, chúng tôi hạ quyết tâm:

- Bằng bất cứ giá nào cũng phải tiến công, tranh thủ mọi điều kiện để thực hiện liên tục tiến công.
- Mục tiêu chủ yếu cuối cùng là sở chỉ huy địch ở trung tâm Mường Thanh.
- Mang cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Bác cắm lên nóc hầm sở chỉ huy trung tâm, bắt sống tướng giặc Đờ Cát-xơ-ri và toàn ban tham mưu của y, lập thành tích mừng thọ Bác.
- Nghiêm chỉnh chấp hành chính sách tù hàng binh.

Đúng là sở chỉ huy trung tâm địch đã ở trong tầm với, đứng trên điểm cao 505 vừa mới đánh chiếm, nhiều anh em phấn khởi reo lên: chúng ta sắp sửa “cắt tiết” Mường Thanh đến nơi rồi!

Nhưng chúng tôi thì vẫn lo, vì từ đây đến đó tuy ngắn nhưng không đơn giản, chỉ một sơ suất trong nắm địch, trong tổ chức chỉ huy, hợp đồng chiến đấu và tinh thần quyết tâm không được giữ vững, phát huy, rất có thể gây nhiều chuyện rắc rối.

Thời gian như chậm lại, ai cũng mong trời chóng tối, vì kế hoạch chiến đấu được quán triệt đến từng chiến sĩ. Chúng tôi hồi hộp theo dõi mặt trời lặn dần để đến giờ khởi sự.



Đêm nay 6 tháng 5, là một đêm đáng ghi nhớ đối với Trung đoàn 209, như cái đêm đánh Bản Vây (Nà Sản) trong chiến dịch Tây Bắc hồi tháng 12 năm 1952 vậy. Nhiệm vụ của trung đoàn là đánh chiếm điểm cao 507, để phối hợp với các đơn vị bạn nhổ nốt những cái đỉnh A1, C2. Tiểu đoàn 130 được giao trọng trách này nhưng đã không hoàn thành do tổ chức hỏa lực tiến công rời rạc, không kiểm chế được hỏa lực địch, nên bộ đội không xung phong lên được. Một nguyên nhân không kém phần quan trọng thuộc về tinh thần trách nhiệm, tác phong của người chỉ huy chúng tôi: đó là việc tổ chức theo dõi địch không chặt chẽ. Khi giao nhiệm vụ lúc chiều, là đánh địch trong tình huống không có rào kẽm gai, nhưng tối đến địch cho rải hàng rào kẽm gai bùng bùng. Tuy chỉ là loại rào dã chiến, tạm thời, nhưng khi bộ đội ta đánh vào, bị bất ngờ, phải dừng lại khắc phục bằng cách bộc phá, đội hình bị ùn tắc. Đó chính là lúc địch có điều kiện tập trung hỏa lực sát thương ta.

Thế là nhiệm vụ tiến công đêm 6 không thành.

Không ngờ hạm Bản Vây lại đến với chúng tôi!

Ngay đêm hôm đó, Đảng ủy trung đoàn họp, đề ra biện pháp củng cố trận địa dã chiến đề phòng địch phản kích khi trời sáng, ổn định tư tưởng bộ đội, giải quyết đưa nhanh thương binh về tuyến sau và bàn kế hoạch tiếp tục chiến đấu trong tình huống ban ngày.

Nếu chiều hôm trước chúng tôi mong trời chóng tối, thì đêm nay chúng tôi mong trời mau sáng để trả hận.

Ngày 7 tháng 5, mặt trời vừa ló rạng, tôi gọi điện lên anh Lê Trọng Tấn, đại đoàn trưởng đề nghị cho tiến công tiếp.

Từ đầu dây bên kia có tiếng anh Tấn:

- Còn đủ sức không?

- Báo cáo, đủ!

Vẫn có tiếng điện sôi qua ống nghe nhưng không có tiếng nói. Hay là có sự cố. Tôi vẫn áp chặt tai vào ống nghe hồi hộp chờ đợi. Khoảng năm giây sau lại có tiếng anh Tấn:

- Hoàng Cầm đâu?

- Báo cáo tôi vẫn nghe?

- Cậu gọi thẳng lên Sở chỉ huy chiến dịch, xin ý kiến anh Văn (tức Đại tướng Võ Nguyên Giáp) vì việc này đại đoàn không đủ thẩm quyền.

Tôi liền quay điện thoại lên Sở chỉ huy chiến dịch, thì anh Văn nói là chờ lệnh Tổng công kích, cũng ở hướng ấy, tiến công một thể.

Tôi bỏ máy xuống. Biết bao giờ mới có lệnh Tổng công kích, trong khi ở hướng chúng tôi đã có thời cơ?

Cả tập thể ban chỉ huy ngồi quanh máy điện thoại theo dõi.

Các anh thúc tôi tiếp tục trình bày, kiên nhẫn nhất định thành công.

Tôi lại gọi điện lên Sở chỉ huy đại đoàn.

- Các cậu có cay cú không đấy? - Anh Tấn hỏi.

- Báo cáo anh không. - Ngừng lại để lấy hơi, tôi nói tiếp. - Trận đánh đêm qua không thành do khuyết điểm vì có sơ suất trong tổ chức hỏa lực, hiện chúng tôi đã có kế hoạch khắc phục.

- Mình đồng ý, nhưng đây là nguyên tắc, phải xin ý kiến anh Văn, cậu cầm máy chờ nhé.

Giây phút đợi lệnh lúc này sao mà hồi hộp và căng thẳng đến thế. Vẫn bình tĩnh áp ống nghe vào tai mà tôi thấy toàn thân nóng ran, bứt rứt như kiến đốt. Dưới khuyết điểm là trên có phần trách nhiệm. Việc kiểm tra đơn độc không đến nơi đến chốn, tư tưởng nôn nóng chủ quan, coi thường phản ứng của địch nên mới đến nông nỗi này.

Tôi cứ triền miên suy nghĩ, tự trách mình như thế, thì bỗng đầu dây bên kia có tiếng động nhắc máy.

- Hoàng Cầm đấy phải không. - Vẫn giọng nói quen thuộc của anh Tấn.

- Dạ, tôi vẫn đang chờ lệnh.

- Bộ chỉ huy Mặt trận chuẩn y giờ nổ súng của trung đoàn, nhưng nhấn mạnh - cần phải chuẩn bị cho tốt, không được bỏ qua một công việc nhỏ nào có liên quan đến bảo đảm chắc thắng.

Tôi chưa kịp báo cáo tiếp công việc chuẩn bị, thì anh Tấn lại tiếp:

- Trên sẽ có kế hoạch phối hợp và sẽ chỉ viện hỏa lực cho trung đoàn. - Giọng bỗng to lên, anh nhấn mạnh. - Chỉ cần chúng ta không được chủ quan, gắng chút nữa là mọi việc ổn thỏa. Chúc trung đoàn thắng lợi.

Phấn khởi và cảm động. Cấp trên không những chuẩn y kế hoạch tác chiến của trung đoàn mà còn dành năm khẩu pháo chi viện. Tôi hứa với anh Tấn:

- Báo cáo anh có điều kiện chúng tôi phát triển qua sông Nậm Rốm, áp sát sở chỉ huy trung tâm Mường Thanh.

- Còn đủ sức không? - Anh Tấn hỏi.

- Dạ, đủ sức. - Tôi hứa.

- Nhớ đảm bảo chắc thắng. - Anh Tấn ra lệnh.

Bỏ máy nghe xuống tôi thấy mình xúc động, đầu óc nhẹ nhõm, lâng lâng. Tôi lệnh cho các tiểu đoàn 130, 154, 166 và các đơn vị hỏa lực gấp rút chuẩn bị nổ súng theo đúng giờ G.

Trận đánh được bắt đầu vào lúc 14 giờ, mặt trời ngả về tây, cảnh vật trước mặt hiện lên rõ nét.

Trong lúc hỏa lực ta tập trung dồn dập vào trận địa địch, trung đội trưởng Chu Bá Thi vất chắn lên hàng rào bùng nhùng, dẫn bộ binh xung phong, địch bắn cản, ta phải lùi lại. Lần thứ hai, ta vượt rào vọt tiến, ném thủ pháo vào các ụ súng địch.

Điểm cao 507 bị diệt, số địch còn lại rút về 508.

Thừa thắng tôi lệnh cho trung đoàn phó Thăng Bình trực tiếp chỉ huy tiểu đoàn 136 và chính trị viên tiểu đoàn Trần Quân phát triển đánh chiếm 508, 509 cho đại đội Tạ Quốc Luật nhanh chóng vượt cầu phao chặn địch không cho chúng rút qua và tiếp viện từ Mường Thanh ra.

Thế là tất cả các cứ điểm bên này sông Nậm Rốm đã lọt vào tay quân ta. Lúc này khoảng 16 giờ 30 phút. Trời nắng nóng, tôi phải xoay trần, mặc độc áo lót để chỉ huy đơn vị phát triển vào khu Mường Thanh.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 5: Phần 2

Đang trong thế thuận lợi bỗng gặp phải hỏa lực trọng liên của địch từ bên kia cầu bắn sang rất dữ, không phải một khẩu mà là nhiều khẩu.

Đây lại là một bất ngờ, do việc nắm địch của chúng tôi chưa chắc. Đã đến lúc này không thể tái diễn như đêm qua (6/5). Dù có hy sinh cũng phải quyết tâm vượt qua, phải diệt ngay cái ổ đề kháng quái ác này.

Nghĩ như vậy, tôi lệnh cho Tạ Quốc Luật nhanh chóng diệt trận địa đại liên địch, tạo thuận lợi cho các đơn vị tiếp tục phát triển vào khu trung tâm. Mười lăm phút sau tiếng súng đại liên của địch tắt hẳn, cùng lúc tôi nhận được báo cáo qua máy điện thoại, ta đã diệt được khẩu đại liên bốn nòng do một tên lính ngự trạch hơn bốn mươi tuổi điều khiển.

Tôi cắt ngang báo cáo:

- Tên lính này còn sống không?
- Báo cáo còn, đơn vị đã giải thích chính xác khoan hồng cho y.
- Khai thác chưa?
- Báo cáo đã.
- Cái gì, nó đã khai những gì?
- Báo cáo? Nó chỉ hầm Đờ Cát cách đây khoảng trên hai trăm mét.
- Đúng không?
- Dạ, đúng, phía ấy thấp thoáng có cờ trắng vậy.

Tìm tôi đập nhanh vì sung sướng. Tôi muốn reo lên chia vui với mọi người: Mục tiêu cuối cùng của chiến dịch đã tới gần!

Tôi lệnh cho Tạ Quốc Luật phải phát triển tới đó ngay, tìm mọi cách bắt sống tướng Đờ Cát.

17 giờ, trời còn sáng, tên lính điều khiển khẩu đại liên bốn nòng khai đúng, sở chỉ huy trung tâm của địch hiện rõ trước mắt các chiến sĩ đại đội 360, Tạ Quốc Luật dẫn một tiểu đội bứt lên trước đứng trên nóc hầm và kêu gọi tướng Đờ Cát đầu hàng (Tạ Quốc Luật biết tiếng Pháp).

Vài phút sau tướng Đờ Cát và toàn ban tham mưu của ông ta thành hàng dọc hai tay giơ khỏi đầu từ cửa hầm lần lượt đi ra.

Nhận được tin do Tạ Quốc Luật báo cáo về, tôi vui sướng quá tim như muốn bung khỏi lồng ngực. Tay run run cầm máy điện thoại báo cáo tin vui này về bộ chỉ huy đại đoàn, đồng thời tôi lệnh cho chính trị viên tiểu đoàn 130 Trần Quân giải ngay Đờ Cát về sở chỉ huy trung đoàn.

Toàn thể ban chỉ huy Trung đoàn 209 có mặt đầy đủ để tiếp nhận sự đầu hàng của tướng Đờ Cát và toàn bộ ban tham mưu của tập đoàn cứ điểm.

Tại đây tôi có hỏi cung tướng Đờ Cát qua đồng chí Nho Khôi đội trưởng trinh sát của trung đoàn dịch (Nho Khôi có bằng tú tài, nói tiếng Pháp rất khá).

Mở đầu tôi hỏi:

- Tại sao các ông thua?

- Vì chỉ huy các phân khu ngoại vi để mất. - Đờ Cát trả lời.

- Khu trung tâm Mường Thanh do ông trực tiếp chỉ huy sao cũng để mất?

Đờ Cát đầu hơi cúi, ngượng ngùng, vài giây sau mới trả lời:

- Ngày 6 và sáng 7 tháng 5 chúng tôi trù liệu tổ chức hai lực lượng rút chạy sang Lào.

- Sao không thực hiện.

- Không có một binh lính và sĩ quan nào tin là kế hoạch của chúng tôi thực hiện được.

- Tại sao ông lại cho máy bay thả truyền đơn thách thức tướng Giáp?

- Tôi không làm việc này!

- Sao lại có truyền đơn? - Vừa hỏi, tôi vừa chuyển cho Nho Khôi tờ truyền đơn đưa cho Đờ Cát xem dưới có ký tên ông ta.

Đờ Cát nhún vai, tỏ vẻ khinh bỉ:

- Thưa ông, đây là Hà Nội tự làm.

- Trước khi rời khỏi hầm chỉ huy ông có báo tin này cho Hà Nội không?

- Tôi có báo cho Hà Nội: “Thế là hết!”

- Hà Nội trả lời thế nào?

- Na-va thỏa thuận cho đầu hàng nhưng “không phát cờ trắng”(!)

- Các ông thực hiện sự đầu hàng thế nào?

- Thưa ông nếu không có dấu hiệu cờ trắng thì chúng tôi đâu còn tồn tại đến giờ này. - Ông ta lại cúi đầu kèm theo là tiếng thở dài với vẻ mặt buồn chán, định nói tiếp, nhưng thấy khó.

Hiểu được tâm trạng của viên tướng mang dòng họ quý tộc Pháp, chúng tôi không hỏi nữa.

Trước mặt chúng tôi là toàn ban tham mưu của Đờ Cát với đủ lứa tuổi và hình hài khác nhau, nhưng có chung một dáng vẻ tiêu tụy nét mặt hốc hác chán chường, quần áo xộc xệch bẩn thỉu mặc dù tên nào cũng tề chỉnh mang cấp hiệu trên ve áo.

Phút yên lặng trôi nhanh, tôi ra lệnh cho Đờ Cát báo cáo họ tên, cấp bậc, chức vụ từng người trong ban tham mưu của y.

Tất cả có hơn mười tên, mỗi tên phụ trách một phần việc, hậu cần, chỉ huy bộ binh, xe tăng, lực lượng phản kích, chỉ thiếu có Pi-rôt chỉ huy pháo binh đã tự sát sau khi cụm cứ điểm Him Lam bị mất. Tất cả đều học quân sự cơ bản qua trường võ bị Xanh-xia nổi tiếng của nước Pháp, đều trong quân ngũ lâu năm qua

nhiều chiến trận. Đờ Cát-xơ-ri được xếp loại tá có hạng, trước khi điều lên Điện Biên Phủ đã chỉ huy một trong bảy binh đoàn cơ động chiến lược của quân Pháp ở chiến trường Bắc Bộ, từng chạm trán với chúng tôi ở Vĩnh Yên, Phúc Yên trong chiến dịch Trung Du hồi cuối năm 1950 đầu năm 1951.

Đại tá La-gơ-le bạn thân của Đờ Cát, cũng dòng dõi quý tộc, tham gia chiến tranh thế giới thứ hai, từng chết hụt ở sa mạc Sahara, cưới một con lạc đà với khẩu súng trong tay, đầu phải sinh ra để thành con người chiến bại, sang Đông Dương ba lần và bây giờ bị bắt ở Điện Biên Phủ.

Còn Bi-gia đã chỉ huy tám trăm quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ vào sáng ngày 20/11/1954, khi vừa mới tan sương mù. Bi-gia cũng được xem là thành viên của ban tham mưu mặc dầu cấp bậc thấp nhất, nhưng được Đờ Cát tin cậy, phong cho cái chức “tổng chỉ huy các lực lượng phản kích”.

Con “người hùng” này có cái may mắn, chục năm sau được nhận chức Bộ trưởng Quốc phòng Pháp. Tuy nhiên những gì là thâm kịch ở Điện Biên Phủ, Bi-gia vẫn không quên, vẫn kể rất đầy đủ khi nhà báo Mai-kon Mắc-lia đến ngõ ý định viết thiên ký sự “Cuộc chiến tranh mười ngàn ngày”. Từ sau đợt hai của chiến dịch bắt đầu, quân sĩ hoang mang, những trận phản kích giảm dần, thì tổng chỉ huy các lực lượng phản kích Bi-gia thường ngày chỉ còn làm một việc chỉ huy trấn an tư tưởng: “Tôi vẫn nói cho binh sĩ tôi, chúng ta cố giữ lâu được một ngày nữa. Rồi người Mỹ sẽ đến!”

Và Bi-gia kể tiếp cái ý định cố gắng tuyệt vọng cuối cùng rút sang Lào định thực thi vào sáng 7 tháng 5 như sau: “Chúng tôi nhất nhạnh vài vị chỉ huy tiểu đoàn và bàn đến việc tháo chạy. Họ nói: Không, không còn cái giá nào lúc này nữa đâu. Chúng tôi có thể chết xứng đáng. Chúng tôi làm sao mà có thể ra khỏi đây nổi một trăm mét thôi! Đờ Cát-xơ-ri báo cho Hà Nội: ‘Thế là hết!’ Na-va trả lời qua máy vô tuyến điện thanh: ‘Đừng giờ cò trắng, chỉ ngừng chiến đấu thôi!’”

Như vậy, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi vào lúc 17 giờ ngày 7/5/1954, khi Trung đoàn 209 chúng tôi tiến vào sở chỉ huy trung tâm Mường Thanh, bắt sống tướng giặc Đờ Cát-xơ-ri cùng toàn ban tham mưu của ông ta.

Lòng chảo Điện Biên Phủ bị hun nóng suốt năm mươi lăm ngày đêm nay bắt đầu nguội vào lúc thời điểm đã chuyển vào hoàng hôn, mặt trời ngả dần sang phía tây - sắp khuất sau những dãy núi và chuyển sang bóng đêm quen thuộc. Nhưng đêm nay là đêm hội chiến thắng. Từ khắp nơi, các đơn vị đổ về Mường Thanh, đủ thứ thấp sáng để mừng chiến thắng.

Mường Thanh tấp nập, chật ních những người. Hàng binh kéo ra, quân ta đổ vào, cả sở chỉ huy của tướng Đờ Cát đầy áp người cũng như ngoài cánh đồng Điện Biên còn nguyên những khẩu pháo đang nằm rải rác.

Nhưng mắt tôi vẫn dán mãi vào lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” do chiến sĩ Nguyễn Văn Minh dưới sự chỉ huy của Tạ Quốc Luật đại đội trưởng đại đội 360 vừa cắm lên nóc hầm Đờ Cát đang bay phấp phật bởi một cơn giông bất chợt.

Sau ngày 7/5/1954 lịch sử, tôi vinh dự được Bộ chỉ huy Mặt trận cử làm trưởng đoàn chiến sĩ thi đua của Mặt trận về báo cáo thắng lợi vĩ đại này với Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu.

Chúng tôi mang theo về các thứ huân chương, lon thiếu tướng của Đờ Cát, một lá cờ Pháp đã rách, một cái máy thu thanh nhỏ Đờ Cát đã dùng. Khi ra trận thì đi bộ, mang vác nặng nề, trèo đèo lội suối, luồn rừng vất vả, khi về thì rong ruổi “ngựa xe” - một chiếc xe tải quân sự do đồng chí Thông lái, cũng đã sướng lắm rồi. Tuy vậy cũng phải mất ngót tuần lễ chúng tôi mới về tới hậu phương Việt Bắc.

Dọc đường, lúc nào tôi cũng nghĩ về gặp Bác thì báo cáo với Bác điều gì. Hình ảnh Bác gọi lên báo

cáo kế hoạch tiến công Đông Khê trong chiến dịch Biên Giới lại hiện về.

Vừa đến cơ quan Tổng cục Chính trị, anh Nguyễn Chí Thanh tổ chức đón đoàn chúng tôi rất trọng thể, có dựng cổng chào, kết hoa trên đường vào cơ quan. Và anh bố trí cho chúng tôi được nói chuyện ngay với Bác qua điện thoại.

Tôi vui sướng và thực sự hồi hộp:

- Báo cáo Bác, cháu phụ trách đoàn chiến sĩ thi đua từ mặt trận Điện Biên Phủ về mừng sinh nhật Bác.

- Ai bảo các chú bày vẽ việc này? - Bác nghiêm nghị hỏi.

Tôi đang ấp úng không biết trả lời thế nào thì đầu dây bên kia Bác đã gỡ bí:

- Chú Hoàng Cầm đây phải không?

- Vâng ạ! Thưa Bác, cháu là Hoàng Cầm đây ạ!

- Các chú ở trên đó có đói không?

- Báo cáo Bác, không đói nhưng thiếu ạ!

Bác hỏi tiếp:

- Có khổ không?

Anh Nguyễn Chí Thanh đứng gần, vui vẻ nhắc tôi “cứ nói thật với Bác là khổ lắm”.

- Báo cáo Bác, có khổ ạ!

Bác xen vào:

- Các chú có thuốc Lào hút không?

- Báo cáo, có ạ!

Xin lưu ý bạn đọc về chuyện thuốc Lào ở Điện Biên Phủ, tuy không phải là vấn đề cơ bản trong chiến đấu, nhưng lại là một nhu cầu thực tế không thể thiếu. Bộ đội ta lúc ấy đa số nông dân, nhiều người nghiện thuốc rất nặng, mà nghiện thì “đã chôn điều xuống lại đào điều lên”. Không có thuốc hút, người cứ bần thần, chẳng muốn làm gì.

Hiểu nhu cầu tuy nhỏ nhưng không thiếu ấy, Chính phủ và Bác đã chỉ thị cho cơ quan cung cấp ở hậu phương chú ý lo cho bộ đội khoản thuốc Lào gửi lên mặt trận, cùng với súng đạn, gạo muối và thuốc men, nhưng do chiến đấu kéo dài, cảnh thiếu thuốc hút vẫn là vấn đề “thời sự” được nhắc đến hàng ngày.

Từ đầu dây bên kia, giọng Bác chậm rãi, thân mật, ân cần:

- Bác được tin các chú về thăm Bác, nhưng hôm nay Bác bận họp Hội đồng Chính phủ, chưa gặp được; các chú cứ nghỉ ngơi cho khỏe, chờ họp xong Bác cháu ta sẽ gặp mặt càng vui.

Những điều Bác nói sao mà gần gũi, cảm động đến thế.

Do yêu cầu nhiệm vụ, tôi phải về trước, nên không được gặp Bác. Nhưng sau đó tôi có nhận được huy hiệu của Người gửi tặng.

Sau này, vào dịp Tết dương lịch năm 1964, Bác về thăm Sư đoàn 312, tôi có báo cáo với Bác rằng sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi được Bộ chỉ huy Mặt trận giao nhiệm vụ dẫn đầu đoàn chiến sĩ thi đua về chúc thọ Bác. Bác gật đầu:

- Hôm đó Bác đang bận họp, nên chỉ nói chuyện với chú qua điện thoại.

Tôi thật không ngờ! Một câu chuyện nhỏ đã qua mười năm, mặc dầu bận trăm công nghìn việc mà Bác vẫn nhớ rành rọt như vậy.

Còn tôi vẫn tâm niệm những lời dạy bảo ân cần của Bác qua các chiến dịch, trong chiến công bắt tướng Đờ Cát, đã có lời Bác dạy - quyết tâm không bao giờ thừa đổi với bất cứ một trận chiến đấu, một chiến dịch nào.



## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 6

Ở điểm nút hai chiến lược chiến tranh.

Lòng chảo Điện Biên Phủ nơi mà tướng Na-va tin là sẽ buộc đối phương bị dồn vào cái nơi ta (tức Pháp) sẽ vừa đánh họ được, lại vừa nói chuyện đàm phán trên thế mạnh với họ cũng được, nay đã đảo ngược. Chiến thắng Điện Biên Phủ và hàng vạn tù binh bị bắt sống là cái thế mạnh khi phái đoàn ta đến bàn hội nghị. Sau hơn hai tháng đàm phán, ngày 20 tháng 7 năm 1954 Chính phủ Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Hòa bình đã được lập lại ở Đông Dương trên cơ sở chính phủ Pháp tôn trọng chủ quyền, độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Thế là sau chín năm chiến đấu gian khổ và anh dũng, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam lần lượt vào tiếp quản những vùng quân Pháp rút đi theo đúng các điều khoản đã được thỏa thuận giữa hai bên Việt - Pháp.

Tháng 9 năm ấy, Sư đoàn 312 chúng tôi nhận lệnh từ Phú Thọ tiến về tiếp quản khu vực Bắc Ninh - Bắc Giang, cùng các đơn vị bạn buộc đối phương phải nghiêm chỉnh thi hành hiệp định, nhanh chóng rút khỏi khu vực cuối cùng miền duyên hải Đông Bắc - Hồng Gai - Quảng Yên - Hải Phòng.

Các đơn vị trong sư đoàn lần lượt hành quân qua Vĩnh Yên, Phúc Yên sang bên kia sông Cầu, sông Đuống. Trước mắt chúng tôi một dải trung du đâu đâu cũng còn đầy vết tích tàn phá của bọn xâm lược. Vệ Linh, Thanh Lại, Đan Tảo, Mễ Thôn và những làng lân cận trong “vành đai trắng” suốt mấy năm liền hoang vắng, hầu như không một bóng người. Giặc Pháp vừa cấm ngăn không cho dân trong vùng đi lại làm ăn, vừa dùng bom đạn cày xới, xua hết dân đi nơi khác. Chúng cố tạo ra ở đây một “ranh giới chết” giữa vùng chúng tạm kiểm soát với vùng tự do của ta nhằm ngăn chặn quân chủ lực ta thâm nhập đồng bằng. Âm mưu thâm độc ấy đã biến hàng vạn héc ta ruộng màu mỡ thành đồng hoang lạnh ngắt.

Nhưng chỉ sau ngày ngừng bắn mấy hôm, “vành đai trắng” đã mất hẳn cái không khí vắng lạnh ghê người. Trong các thôn xóm, còn người nào ở lại bám đất đều đổ ra đồng khai hoang phục hóa. Dọc đường số 2, số 3 từ Tuyên Quang, Thái Nguyên đổ về xuôi, từng đoàn người gồng gánh kiu kịt, lũ lượt hồi cư sau những tháng năm xa quê. Chiều đến, trên những cách đồng rậm rì đùn lên từng cột khói trắng - khói đốt cỏ làm tro bón ruộng. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên nóc những nếp nhà tranh vừa dựng lấy chỗ ở tạm. Đây đó đã thấy cất lên tiếng hát rộn ràng, trong trẻo của các cô gái, các cháu nhỏ, hòa lẫn tiếng cuộc đất phát cỏ nhộn nhịp ngoài đồng.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, đã đưa cách mạng nước ta sang giai đoạn mới.

Miền Bắc giải phóng đang bước vào thời kỳ hòa bình khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục.

Từ nhận thức chức năng của quân đội là chiến đấu, công tác và sản xuất, Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn hợp xác định ngoài nhiệm vụ xây dựng huấn luyện quân sự, các lực lượng của sư đoàn còn có trách nhiệm cùng nhân dân tham gia khôi phục kinh tế ở những nơi khó khăn, cần có lực lượng lao động tập trung trẻ khỏe. Tại nơi đóng quân, các chiến sĩ sư đoàn cùng đồng bào gỡ mìn, dọn dây thép gai trên “vành đai trắng”, quanh các đồn bốt địch, khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích, tát nước chống hạn, đào mương dẫn nước, cải tạo đồng ruộng. Các chiến sĩ của sư đoàn góp sức tham gia khôi phục tuyến đường

sắt Hà Nội - Đồng Đăng, công trình thủy nông Bắc Hưng Hải.

Hàng nghìn cán bộ chiến sĩ của sư đoàn đã chuyển ngành đi tham gia xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo (Hà Nội), sứ Hải Dương, khu công nghiệp Việt Trì, mỏ a-pa-tít Lao Cai, cho đến các nông trường Mộc Châu, Sơn La, Điện Biên Phủ và tham gia xây dựng sân bay Nội Bài.

Từ năm 1958, các đơn vị trong sư đoàn lần lượt bỏ công sức, trí tuệ tự xây dựng doanh trại của mình. Dọc đường quốc lộ số 2 từ Đa Phúc đến Phở Yên, Lương Sơn, Lưu Xá, Phú Bình (Bắc Thái) trên những quả đồi hoang lúp xúp những cây sim mua cần cỗi trước đây nay mỗi ngày lại có thêm khu nhà mới, mái ngói đỏ tươi tường vôi trắng xóa. Cuộc sống quân ngũ cũng có những thay đổi mới. Đã có sự thanh bình êm ả, có tối thứ bảy và ngày chủ nhật thư nhàn, thoải mái, có nơi tiếp đón gia đình lên thăm, có phòng riêng nhỏ xinh cho đôi vợ chồng trẻ hưởng tuần trăng mật. Đã có chế độ nghỉ phép và sĩ quan hết giờ làm việc được về ăn nghỉ tại nhà riêng gần khu doanh trại. Niềm vui lâng lâng mà sâu đậm ấy, rõ nét ấy, vây quanh và thâm nhập vào mình mà vẫn cứ ngỡ ngàng, vì cách đó ít lâu, những người lính chúng tôi phải vượt qua bao gian khổ, chịu đói, chịu rét vượt qua sông Thao đánh vào tuyến phòng thủ sông Đà của địch, vượt qua đèo Pha Đin tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, mấy ai nghĩ có ngày hôm nay.

Riêng tôi đã lập gia đình và sinh được năm cháu. Ngoài bận rộn công việc của một sư đoàn trưởng kiêm bí thư Đảng ủy sư đoàn, cũng đã có điều kiện hòa nhập vào cuộc sống đời thường với đủ thứ ước mơ khát vọng rất xa mà cũng rất gần. Có lúc thư nhàn nói chuyện thật riêng của hai người, có phút giây âu yếm cưng nựng con, thủ thỉ bao hy vọng khi con khôn lớn. Có giờ thanh thản nghe ca nhạc và sân khấu truyền thanh, cùng vợ con đến nhà hát xem biểu diễn văn nghệ, xem phim tình yêu.

Và có những chuyến nghỉ phép về thăm quê nội, quê ngoại, gặp mặt làng xóm, người thân hàn huyên kỷ niệm xưa.

Những ngày thanh bình như thế đến với chúng tôi thật ngắn ngủi. Có một suy nghĩ khác, cuộc sống khác bắt đầu hình thành từ năm 1960, đan xen vào các công việc thường ngày, cứ tăng dần theo thời gian. Trong sinh hoạt chính trị đã có vấn đề nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu; trong xây dựng thao trường huấn luyện, kết cấu tường định diễn tập tham mưu và diễn tập thực binh đều đưa xen thực tế chiến trường miền Nam để cán bộ, chiến sĩ tập xử lý.

Mùa xuân 1963 chúng tôi được sống lại với không khí chuẩn bị chiến đấu năm xưa. Ngoài kia thị trấn Phở Yên vẫn êm ả, con đường xe hỏa Hà Nội - Quán Triều song song với đường số 3 là cảnh “ngựa xe như nước”, thì trong doanh trại sư đoàn bộ đang tính toán kế hoạch hành quân, đưa một tiểu đoàn mạnh gồm sáu trăm cán bộ, chiến sĩ bí mật vượt sông Bến Hải vào tham gia chiến đấu ở chiến trường Trị Thiên. Mùa xuân 1964, tiểu đoàn thứ hai của sư đoàn nhận nhiệm vụ vào chiến đấu tại chiến trường Khu 5.

Ngày 1/1/1964 Bác Hồ về thăm sư đoàn. Trước lúc ra về Bác ghi vào sổ vàng truyền thống của đơn vị:

“Toàn sư đoàn có nhiều tiến bộ. Chúc năm mới, Bác dặn mấy điểm:

1. Ra sức làm tròn nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và tham gia đấu tranh thống nhất nước nhà.
2. Thi đua thực hiện cuộc vận động xây dựng quân đội năm 1964.”

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến điều Bác dặn, “luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao cho”.

Ngày 27/3/1964, Bác Hồ triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt, động viên toàn dân đoàn kết một lòng

kiên quyết chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Cùng ngày Đảng bộ sư đoàn chúng tôi họp đại hội lần thứ tư, tất cả đều nhất trí xác định toàn sư đoàn chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, sẵn sàng lên đường chiến đấu.

Đến lúc này cuộc sống hòa bình chỉ còn giữ lại ở cái dáng vẻ bề ngoài, chúng tôi thực sự đã bước vào trạng thái thời chiến.

Với cán bộ cao cấp chúng tôi, thì ngay từ năm 1955 đã được chuẩn bị tư tưởng về một cuộc chiến đấu mới đang được bắt đầu.

Trong các cuộc hội nghị quân chính, các đợt tập huấn và diễn tập tham mưu, được các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến thăm hỏi động viên, nói chuyện, giao nhiệm vụ. Sau những lần như thế, trong nếp nghĩ của chúng tôi hình thành ngày một sáng rõ: Về chức năng nhiệm vụ của quân đội là ở chiến trường, mà chiến trường lúc ấy là miền Nam thân yêu đang bị bọn xâm lược Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm thống trị.

Riêng tôi đầu năm 1963 được trên đưa vào danh sách đi B(1) đợt đầu nhưng vì bị viêm dạ dày cấp nên tạm ở lại đi đợt sau.

#### (1) Đi vào miền Nam.

Từ đây tôi đã thực hiện một kế hoạch do mình đặt ra, là theo dõi sát sao tình hình chiến sự ở miền Nam, qua đó có thể rút ra bài học bổ ích. Đọc báo, nghe đài, qua các bản tin lưu hành nội bộ tôi thấy lực lượng của ta ở trong đó đánh cấp tiểu đoàn, trung đoàn còn ít, càng chưa thấy đánh địch nhiều trong công sự vững chắc. Hẳn là phải có nguyên nhân, nhưng làm sao mà biết được.

Qua hiện trạng này tôi tự nhủ, mình cần tìm đọc nhập tâm các tài liệu giáo khoa quân sự, tổng kết quân sự, hình thành hệ thống trong đầu óc các vấn đề, khi được vào phổ biến lại cho anh em trong đó vận dụng, may ra có ích.

Tháng 10 năm 1964, sau lần được dự buổi Bác Hồ gặp mặt thân mật số cán bộ cao cấp trước khi lên đường vào Nam chiến đấu ở nhà khách Bộ Quốc phòng 33 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội, ý thức sống thời chiến trong tôi càng trở dậy mạnh mẽ.

Hôm đó anh Tố Hữu được Bác giới thiệu đọc bài thơ “Hãy nhớ lấy lời tôi” mà anh vừa sáng tác. Mọi người như được tiếp thêm lửa qua các vần thơ mà đến nay tôi vẫn nhớ:

“Anh đã chết, Anh Trỗi ơi có biết,

Máu kêu máu, ở trên đời tha thiết!

Du kích quân Ca-ra-cát đã vì Anh.

Bắt một tên giặc Mỹ giữa đô thành.

Anh đã chết, Anh chẳng còn thấy nữa.

Lửa kêu lửa, giữa miền Nam rực lửa.”

Từ buổi được gặp Bác, trở về sư đoàn tôi vẫn tiếp tục chuẩn bị một cách âm thầm nhưng cụ thể hơn, tích cực hơn.

Ngày nào tôi cũng dậy trước bốn giờ sáng tập đeo gạch đi từ Phở Yên lên Đồng Quang và ngược lại,

cứ thế kéo dài suốt hai tháng, thành quy luật, khiến công an huyện Phổ Yên sinh nghi, vào sư đoàn hỏi:

- Hình như trong đơn vị các anh có người mang hàng lậu?
- Không có. - Đồng chí trực ban trả lời.
- Nhưng sáng nào cũng có người từ sư đoàn đi ra, đeo vật gì rất nặng.
- À đúng rồi, đấy là đại tá tư lệnh Hoàng Cầm tập hành quân mang nặng để chuẩn bị đi B đấy.
- Sao các anh không cho địa phương biết? - Đồng chí công an hỏi tiếp.
- Nếu thế thì còn gì là bí mật quân sự nữa.

Đoạn đối thoại trên do đồng chí trực ban thuật lại khi tôi vừa kết thúc buổi tập trở về.

Cuối tháng 12 là mùa chuyển quân lý tưởng, nhưng với tôi vẫn không thấy động tĩnh gì.

Không nản, tôi vẫn tiếp tục tập luyện theo chương trình đã định.

Một hôm thấy tôi trở về, mồ hôi đầm áo, vợ tôi vừa cười vừa trêu:

- Ể rồi! Hàng kém phẩm chất, không ai dùng đâu!

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 7

Vào trận.

Ấy là vào lúc quá nửa đêm ngày 10/1/1965, có tiếng gõ cửa và tiếng gọi quen thuộc của đồng chí cảnh vệ.

Tôi dậy mở cửa thì có cả người thứ hai cùng đồng chí cảnh vệ bước vào. Đồng chí thiếu tá trang phục gọn gàng mang theo cả súng ngắn K59, đáng vẻ khấn trương vừa giới thiệu mình là người của Cục Cán bộ vừa đưa cho tôi phong thư của anh Vĩnh gửi và nói rất gọn với giọng nhấn mạnh:

- Anh Vĩnh(1) cho tôi đưa xe lên đón anh về Hà Nội trước bốn giờ sáng.

(1) Trung tướng Nguyễn Văn Vĩnh, Trưởng ban Thống nhất Trung ương Đảng.

Đọc thư anh Vĩnh được biết các anh trong Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đã chỉ định tôi đi B. Giờ giấc có mặt ở Hà Nội như đồng chí thiếu tá đã báo.

- Không phải chuẩn bị gì? - Tôi hỏi đồng chí thiếu tá.

- Báo cáo anh, mọi thứ Bộ Tổng Tham mưu đã chuẩn bị đầy đủ.

Nhìn đồng hồ lúc này chưa đến hai giờ, tôi gọi vợ dậy báo tin, thì nhận được phản ứng tưởng tôi nói đùa.

- Bao nhiêu ngày chuẩn bị đều không đến lần, nay nửa đêm lại đi có mà hâm. - Rồi vợ tôi như đắc thắng hỏi dồn. - Ai gọi anh?

Tôi ôn tồn nói:

- Đi thật mà, có lệnh đây - thư anh Vĩnh cho người mang lên.

Đọc xong thư, đột ngột và xúc động vợ tôi khóc hơi to, phá cái yên tĩnh trong căn nhà, khiến chị gái tôi từ quê vừa lên thăm cháu khi chiều ngủ ở phòng bên thức giấc hỏi:

- Có gì mà cậu mợ to tiếng thế?

Cả cháu gái Hà cũng thức dậy chạy đến bên tôi, hỏi:

- Bố mẹ đánh nhau hay sao mà khóc.

Rồi cháu tung tăng chạy ra ngoài xem, vội vào ngay, ngâm thơ reo lên:

- Không phải xe của đơn vị bố đâu. Xe này đẹp lắm, bố đi công tác nước ngoài hả bố?

Yên tĩnh đã trở lại, tôi nói với vợ:

- Gấp rồi, em có gì chuẩn bị cho anh lên đường không?

Vợ tôi bối rối và lúng túng, rồi chột nghĩ nhanh:

- À, có cái này. - Vợ tôi vừa nói vừa đến bàn mở lồng bàn reo lên. - Có chân giò luộc sẵn, anh mang đi ăn đường.

Vừa nói vợ tôi vừa lấy giấy gói chân giò bỏ vào túi xách của tôi. (Khi vào Nam thuật lại chuyện này, anh em tặng cho cái tên Năm Giò heo sau đổi thành Năm Thạch - Thạch là tên con trai đầu của tôi.)

- Ăn sao được, mà có đói đâu!

Vợ tôi buồn, thất vọng lại càng lúng túng, bất lực.

- Có tiền cho vài đồng xuống Hà Nội ăn quà sáng vậy. - Tôi gỡ bí cho vợ.

Rút ngắn kéo, vợ tôi reo lên, như đáp ứng đúng yêu cầu của tôi:

- Còn năm đồng anh ạ!

Tôi nhận cho vợ vui, xuống đến Hà Nội tặng luôn cho đồng chí lái xe.

Đã chuẩn bị trước một tổ tâm giao gồm có Chú trinh sát, Đắc thư ký cùng đi với nhau khi có lệnh, nhưng lệnh đi gấp thế này sao mà chuẩn bị kịp. Và lại lúc này Đắc sắp cưới vợ, Chú ốm đi viện. Trước khi đi tôi tranh thủ ghi vài dòng để lại động viên, chuẩn bị sẵn sàng, khi có điện của tôi từ trong đó ra yêu cầu là lên đường được ngay.

Xem đồng hồ còn năm phút, tôi tranh thủ nhắn nhủ vợ con:

- Vào trong đó thư từ liên lạc ra khó, ở nhà mọi việc đã có tổ chức lo, nhưng mình tự lực vẫn là hơn. Em nên thu xếp về thị xã Vĩnh Yên, có điều kiện gần ông bà ngoại lúc sớm tối, vì chị đã già yếu không ở lâu giúp đỡ vợ chồng mình được.

Vợ tôi khóc, không nói, cứ ấn cái chân giò vào túi xách của tôi (chân giò mua hồi chiều, luộc sẵn chuẩn bị bữa ăn trưa ngày mai, chủ nhật). Tôi cũng thực sự xúc động về tình cảm dồn nén của vợ đã dành cho tôi bằng sự im lặng, không muốn tôi phải bận tâm một điều gì trong giờ phút cần phải thanh thản và cứng rắn này. Phút yên lặng tiếp tục trôi nhanh, vợ tôi cố nén tiếng sụt sùi nhưng nước mắt cứ trào ra, chỉ hỏi: “Đã đến giờ chưa anh?”

Tôi trả lời “chưa” - đúng là thời gian còn cho phép tôi ngồi lại với vợ chỉ còn năm phút, để nói với nhau những điều cần nói.

Nhưng chẳng ai nói được điều gì. Lần đầu tiên được nghe vợ khóc không phải vì xô xát, đổ vỡ mà là tiếng khóc thương cảm, lưu luyến của đạo vợ chồng, của lo toan và trách nhiệm, vì một mình với năm con nhỏ sẽ chống đỡ thế nào với cuộc sống, công tác (vợ tôi lúc này là nhân viên của phòng tài chính huyện Phổ Yên), với cả tình hình đất nước đang rất căng thẳng: không quân Mỹ đã bắt đầu đánh phá miền Bắc, cuộc sống thời chiến đang đến gõ cửa từng nhà, ở bất cứ đâu. (Sau này được biết những ngày vất vả lo toan ấy vợ tôi đã sút tám cân).

Giờ lên đường đã đến. Thế là chưa đầy một tiếng, mọi chuyện chung riêng đã xong.

Tạm biệt vợ con, tạm biệt các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn.

Tạm biệt phố Phổ Yên còn nghèo về vật chất mà giàu tình nghĩa, đã để lại trong tôi những kỷ niệm không quên về những ngày hòa bình ngắn ngủi, đã giúp đỡ gia đình tôi thật nhiều trong những ngày tôi đi xa.

Đường vắng, xe chạy nhanh đến Hà Nội trước 4 giờ sáng.

Thực hiện quy ước, tôi tranh thủ ghé thăm anh Tô Ký - như đã hứa đi hay không cũng đến báo tin.

Được biết tôi lên đường ngay sáng nay, anh rất vui, lúc chia tay anh rơm rớm nước mắt. Lấy khăn tay lau vội, anh nói:

- Lời hứa hai nay được một. Đến nơi nhớ kêu tôi cùng vô nghe!

Tôi bắt tay tạm biệt. Anh bước theo giúi vào tay tôi chiếc đồng hồ:

- Kỷ niệm, vào trong đó làm phương tiện tính toán hiệp đồng.

Tôi xúc động muốn khóc:

- Cảm ơn anh!

Năm 1960 - 1961 tôi và anh Tô Ký cùng học một lớp quân sự cao cấp ở nước ngoài. Anh dính dính nếu cuộc chiến đấu ở miền Nam nổ ra, anh sẽ là người lên đường trước, vì quê anh ở vùng Hóc Môn, Gò Vấp. Trong kháng chiến chín năm anh chiến đấu nhiều ngày ở quanh vùng Sài Gòn và Đông Nam Bộ. Hai chúng tôi hiểu nhau, thân nhau, hẹn khi lớp học bế giảng, anh vào trước thế nào cũng điện ra xin tôi vào cùng nhau cộng tác.

Nhưng khi khóa học chuyển sang khoa nghệ thuật chiến dịch thì anh bị đau dạ dày nặng, thuộc loại vĩnh viễn không đi được.

Tạm biệt anh Tô Ký, xe đưa tôi về nhà anh Vịnh.

Như đã chờ sẵn, thấy tôi vừa ra khỏi xe, anh Vịnh đến, cầm tay lắc mạnh và biểu dương:

- Rất đúng giờ.

Anh Vịnh mời tôi ăn sáng và tranh thủ phổ biến công việc.

- Theo yêu cầu đích danh của anh Nguyễn Chí Thanh điện ra, trên quyết định anh vào chiến trường Đông Nam Bộ. Cụ thể thế nào vào trong đó sẽ rõ. Cùng vào với anh còn có một người nữa cũng tập trung ở đây sau đó đi luôn. Thời gian không còn nhiều.

Chờ đến 6 giờ thì có tiếng còi ô tô ở ngoài cổng. Nhìn ra đã thấy anh Trần Độ từ xe bước xuống với tư thế gọn gàng, không có hành lý mang theo. Tôi ngầm phán đoán - người cùng đi chắc là anh Trần Độ.

Tôi ra cửa đón anh với tình cảm ấm áp:

- A! Thế ra chúng ta cùng đi?

Anh Trần Độ nét mặt rạng rỡ, nắm chặt tay tôi:

- Mình chỉ được báo cùng đi với một đồng chí quan trọng, té ra là ông! Đúng là quả đất tròn.

- Anh Tấn đã vào trước. - Tôi để vào.

- Đúng, cả Bộ chỉ huy Sư đoàn 312 cũ lại có mặt đầy đủ!

Hai chúng tôi sang gặp anh Văn. Thời gian còn lại rất ít, anh chỉ dặn, cần giữ gìn sức khỏe, đoàn kết,

khhiêm t  n. L  m nhi  m v   gi, l  m nh   th   n  o,    c   anh Nguy  n Ch   Thanh.

Sau c  ng anh n  m ch  t tay ch  ng t  i, ch  c l  n   ng l  ng th  ng l  i.

Xe   ra ch  ng t  i ra s  n bay Gia L  m. Chi  c m  y bay AN-26 tr  c s  n, khi ch  ng t  i ng  i v  o h  ng gh  , th  t   ai b  o hi  m x  ng thi c  ng l   l  c m  y bay c  t c  nh, h  n m  t gi   sau h   c  nh xu  ng s  n bay Qu  ng Ch  u. T  i   y c  i h  m h  r   i ti  p ph  i t  m ho  n v   c   tr  c tr  c “k   th  at”. Sang   n ng  y th  r n  m v  n im   ng, ch  ng t  i   nh   i  n v   b  o c  o c   th  , sau ng  i l  i nh   v  y s   l   b   m  t.   t th  i gian, ch  ng t  i   i tham quan th  nh ph  .   i m  i c  ng ch  n, ti  n kh  ng c   c  ng ch  n,   nh n  m kh  n, ki  n nh  n ch  r.

Sang   m th  r ch  n m  i c   l  nh ch  n b  i. S  ng s  m h  m sau, ch  ra r   m  t ng  i hai ch  ng t  i   ược ph   bi  n k   ho  ch h  nh qu  n ch  nh th  c:   ng l  i s   qua Ho  ng Sa, Tr  ng Sa, c  n ph  i ch  n b  i s  n s  ng   i ph  . Anh Tr  n   o    ng vai c  ng nh  n th  r m  y, t  i c  ng nh  n   t l   tr  n chi  c t  u bu  n Trung Qu  c ch  r thi  t b  i   ng l  ng s  t xu  t kh  u sang Campuchia.

G  n m  t tu  n l   l  nh   nh tr  n bi  n c  , c  nh v  t   n   i  u ch  i c   n  c v   m  y, kh  ng kh  i c  ng th  ng nhi  u h  n l   th  nh b  nh, v   t  u c  a h  m   i 7 M  y gi  ng ra s  c s  o nhi  u, ch  ng t  i   t cho m  nh c  i qu  y  n t  r   o kh  m x  t, b  t gi  r c  c t  u l  , k   c   t  u c  a c  c h  ng v  n t  i bi  n qu  c t  . Tr  c khi v     ch, t  u c  a ch  ng t  i ph  i v  ng s  t Singapore r  i m  i qu  t l  i h  ng   ng b  c, ch  c l        ph  ng   ch theo   i.

Sang ng  y th  r t  m, t  u c  p c  ng C  ng-p  ng-x  m (tr  c g  i l   Xi-ha-n  c-v  n).

M  i th   nh  t nh  t ch  ng t  i   u l  m theo s  r ch     o v   h  nh n  o   o nh  ng r  t ch  t ch  , c   th   v   khoa h  c.

Nh   th  ng l   ch  ng t  i   n s  ng, nh  ng b  r nay ngon h  n,   n   ược nhi  u h  n, c   l   v        ược h  ng kh  ng kh  i c  a   t li  n, quan tr  ng h  n l   s  p   ược g  p b  n b     ng ch  i,   ược g  p c  p tr  n giao nhi  m v   c   th  .

Kho  ng 9 gi   s  ng,   ai s  r Trung Qu  c t  i Campuchia,   ng h  n   i chi  c xe du l  ch m  u lam xu  ng c  ng,    ch  r s  n ng  y l  i l  n xu  ng c  u t  u. Theo s  r ch     n   a b  n, hai ch  ng t  i kh  n tr  ng l  n b  r v  o xe ng  y, ch  a k  p    ng c  r, xe    l  n b  nh, t  r tr  ng h  nh l  y   nh b   l  i d  i t  u.

Xe   i b  n ng  i,    l  i hai ng  i, thay b  ng hai ch  ng t  i    k  i h  i quan b  n c  ng ki  m s  t l  c xe v  o b  n, khi tr  r ra v  n   u b  n, th   l     ược.

Qua kh  i b  n c  ng xe ph  ng v  i t  c   o nhanh, ch   kh  ch   u im l  ng kh  ng ch  y  n tr  , v   v  n ph  i c  nh gi  c. V   l  i ch  ng t  i kh  ng bi  t n  i gi l  c nay. B  nh c  nh v  t tr  n   ng l  ,   y l   l  n   u m  i qua. H  i ch  y  n ch     , bi  t th   n  o m   h  i v   ng  n ng  r b  t   ng.

Kh  ng kh  i y  n l  ng. Ch  i c  n ti  ng   ng c  r v   ti  ng b  nh xe l  n. T  t c     u nh  n v   ph  a tr  c m  t c  ch ch  m ch   v   c  nh gi  c. Ai n  y   u th  m m  ng t  i   ch an t  n c  ng s  m c  ng t  t.

C  nh v  t c  r xu  t hi  n, l  i nhanh v   ph  a sau.   o kho  ng hai tr  m ki-l  -m  t c   m  t l  i r   theo m  i t  n ch     n -   ng l  i Ph  n P  nh, ch  t th  y c   m  t xe    t   ch  r s  n. Tr  ng xe c   hai ng  i l  n v   hai ch  u nh  .

Ch  ng t  i   ược l  nh ch  y  n xe. V  ra ra kh  i xe nay thi c   ti  ng t  r xe ch  r s  n:

- M  i hai b  c l  n xe.

     ng t  i y  n t  m v   kh  n tr  ng th  c hi  n, ng  i   n   ng gh   s  t t  i t  i n  i nh  :



- Tôi là cơ sở được lệnh đến đón các anh, mời hai anh lên xe ta đi ngay.

Người đón chúng tôi là vợ chồng đồng chí Ba Dâu và hai con nhỏ, làm như gia đình thương gia giàu có đi vân cảnh đẹp.

Tôi bế một cháu nhỏ vào lòng. Từ đây chủ khách hiểu nhau, chuyện trò thoải mái. Ba Dâu cho biết trên đường đi phải cảnh giác, khi về đến Phnôm Pênh là các anh được sống tự do thoải mái nhưng không được ra ngoài.

- Đã tự do thoải mái lại không được ra ngoài, sao mâu thuẫn vậy? - Anh Trần Độ hỏi.

- Sợ các anh lạc, khi có lệnh chuyển chỗ biết đâu mà tìm.

- Các anh đã đón đoàn nào từ miền Bắc vào chưa? - Tôi hỏi tiếp.

- Nhiều rồi, - tỏ vẻ tự hào, Ba Dâu kể tiếp. - Có cả đoàn anh Sáu Di.

- Sáu Di nào?

- Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đó.

Đúng là về đến đây cuộc sống có dễ chịu hơn. Chúng tôi mở đài nghe tin tức phát đi từ Hà Nội vì đã gần tháng xa miền Bắc, xa Thủ đô.

Ba Dâu đến can:

- Đề nghị các anh không nên mở ra-đi-ô, vì đây là cái kho chứa hàng của chủ một hãng buôn người Hoa ngay trung tâm thủ đô, tụi tôi đang danh nghĩa là người làm thuê, sợ tụi chúng ở trên lầu để ý.

Chúng tôi nghiêm chỉnh thực hiện ngay, chỉ trách nhẹ Ba Dâu:

- Sao anh không nhắc trước.

- Xin lỗi tôi có sơ suất mong hai anh thông cảm. - Ba Dâu nói.

Nghỉ hôm trước, hôm sau chủ nhật hai xe ô tô du lịch sang trọng màu sữa đến đón chúng tôi xuôi theo đường 7 về Công Pông Chàm. Đến điểm hẹn quá sớm, mặt trời mới xế chiều. Nhưng đồng chí lái xe hình như đã quen với tình huống này, liền tự động cởi quần áo ngoài, xoay trần người chui vào gầm xe hết vụn lại gõ như người chăm chú, cẩn mẫn chữa xe hỏng thật. Còn hai chúng tôi trong bộ áo quần thương gia trong khi chờ đợi xe đi ngoạn cảnh đẹp đồng quê, không phải giả mà thích thú thật vì lần đầu được tận mắt nhìn thấy rừng cao su, thấy cây tiêu và cây thốt nốt.

Rồi xem cả thanh niên địa phương đầu bóng.

Nhưng màn kịch đóng quá lâu mà vẫn không thấy tín hiệu gì trời lại sắp tối. Đã nghĩ đến chuyện quay lại nơi xuất phát, song đêm tối thế này sao đảm bảo được an toàn. Đang lúc tính tính tới lui như thế thì nhận được tín hiệu người của ta đang từ xa tới. Tất cả còn trẻ, nhưng lanh lợi, hoạt bát, rất tinh thông với nhiệm vụ dẫn đường.

Đến gần chúng tôi, ngay từ phút đầu các đồng chí không tỏ ra cởi mở, không cả thăm hỏi xã giao, chỉ cộc lốc một câu: “Đi thôi các chú.” Nói xong các đồng chí khoác tay hai chúng tôi lôi đi rất nhanh. Tất cả đều trong im lặng (chạy thì đúng hơn) khoảng năm trăm mét, bỗng các đồng chí reo lên:

- Đất ta, an toàn rồi các chú!

Nói xong, các đồng chí rời tay chúng tôi, tất cả đi bình thường.

Chúng tôi được đưa vào trạm đón tiếp đầu tiên của Trung ương Cục đặt ở khu vực Cà Tum - Tân Biên.

Người đón chúng tôi ở đây là anh Huỳnh Khánh Minh, thư ký của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Ngay từ phút đầu đã tay bắt mặt mừng, chuyện trò rôm rả, cười nói hết cỡ, chẳng còn phải đắn đo như những ngày đi đường. Các anh ở trong này muốn biết đủ thứ chuyện miền Bắc, chúng tôi cứ thay nhau trả lời như là trả lời phỏng vấn, mệt nhưng vui.

Đến lượt chúng tôi, câu đầu tiên hỏi:

- Đời sống trong này thế nào? - Ý muốn hỏi đời sống nhân dân nói chung.

Các đồng chí trong này lại muốn đi vào cụ thể, ngay ở cái trạm đón khách này. Các đồng chí giới thiệu tình hình đơn vị mình không đến nỗi nào.

Anh Huỳnh Khánh Minh trả lời:

- Khác xa ngoài đó, nhưng không sao. - Anh Minh nói tiếp. - Cứ yên tâm đi, chút xíu nữa sẽ biết khác.

- Khác cụ thể là thế nào? - Tôi hỏi lại.

Một đồng chí giao liên chen vào:

- Khác xa là khác.

Rồi anh ngâm:

“Tối buồn làm bát cháo gà

Sáng dậy được uống chén trà Thái Nguyên.”

Anh Minh tiếp lời:

- Bây giờ trời đã tối, xin mời các anh làm bát cháo gà để lấy lại sức khỏe khi đi đường.

Ngay tối hôm đó chúng tôi được cấp phát quần áo bà ba đen thay cho bộ âu phục thương gia, dép râu thay cho giày da. Và mỗi người còn được trang bị một xe đạp cải tiến, không phanh, không gác-đờ-bu là phương tiện hành quân ngày mai.

Hôm sau ăn sáng và được chiều đãi chè Thái Nguyên xong, chúng tôi tiếp tục lên đường về hướng trụ sở Trung ương Cục.

Mới qua mười ki-lô-mét chúng tôi đành quay ra cuộc bộ, giã từ xe đạp vì không quen điều khiển, nếu đi nữa càng xe đạp vào mắt cá chân gây đau thêm.

Lần đầu tiên đi trên đất Đông Nam Bộ, cảnh quan lạ nhiều hơn là quen. Rừng rậm mà bằng phẳng như vườn rậm ngoài Bắc, khi qua trắng trẻo như sân vận động bỏ hoang, qua bầu (hồ nhỏ) phẳng như đang ra cửa rừng, không khí bỗng thoáng mát dễ chịu. Những cây gỗ to, cao, thẳng, tán rộng, lạ cả về hình thù và tên gọi, như sao, dầu, săng lẻ, dền dền (như xà cừ), gõ (như gụ), bồ, bằng lăng, cây. Qua các làng mang tên

chữ số như làng Tám, làng Mười chưa nghe qua bao giờ (sau mới biết đó là nơi ở của đồng bào miền Bắc vào làm phu cao su cho bọn chủ đồn điền người Pháp, bị chúng dồn đẩy vào từng khu vực, có đánh số thứ tự để tiện theo dõi, đốc thúc, đàn áp nếu ai có hành động phản kháng).

Xế chiều chúng tôi tới Trung ương Cục. Tại đây được gặp đông đủ các anh Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà, Phan Văn Đáng, Lê Trọng Tấn, Văn Phác.

Hai chúng tôi lại gặp may, được các anh trong Trung ương Cục chiêu đãi một bữa thật đã, thịt bò tái.

Vào bữa anh Thanh hỏi vui:

- Các cậu có thích thưởng thức món thịt tái không?

- Dạ, có. - Tôi trả lời.

- Nhưng trong này chỉ có tái nhúng.

- Tái nhúng là gì, xin anh giải thích.

- Là bò nhúng nước sôi.

- Sao ở đây giữa rừng hoang lại có bò.

- Bò rừng.

Tôi cứ đinh ninh đây là thịt bò chính hiệu, nhưng sau các anh giải thích “bò rừng” tức là chú “nai vàng ngơ ngác” khi chiều không biết từ đâu tới lọt đúng vào đường ngắm của tổ cảnh vệ.

Anh Thanh còn nói vui: số các cậu may đấy. Tại Sài Gòn có tiền cũng không được đã đời như thế này.

Những năm tháng chiến đấu ở mặt trận Tây Bắc năm xưa, chúng tôi thường hay được cải thiện bằng các loại đặc sản hươu, nai, hoẵng, lợn rừng, có khi cả hổ, gấu. Nhưng thời gian đã lùi xa, không còn cảm giác. Và lại lần đầu ăn theo kiểu tái nhúng(2) khó mà phân biệt được bò rừng hay bò nhà.

(2) Thịt bò loại ngon được thái miếng mỏng dài khoảng bốn đến năm xăng-ti-mét bày lên đĩa.

Người ăn gấp thịt bỏ vào canh chua được nấu sôi bằng bếp lò, sau ba đến năm phút gấp ra dùng bánh tráng kèm theo rau thơm cuốn tròn như chả nem chưa rán, chấm với mắm nêm.

Đây là một kỷ niệm nhỏ khó quên khi lần đầu tôi đặt chân lên mảnh đất miền Đông Nam Bộ.

## Chương 8

Sáng nay anh Thanh cho gọi chúng tôi lên làm việc. Có cả anh Trần Văn Trà, Văn Phác cùng dự. Với tôi đây không phải là lần đầu nghe tiếng anh, được gặp anh. Hồi ở ngoài Bắc trong các chiến dịch Biên Giới, Trung Du, Tây Bắc chúng tôi đã được biết anh, tiếp nhận những ý kiến chỉ đạo của anh trên cương vị chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Những lần gặp anh sau này, lúc anh đến thăm sư đoàn tôi càng thấy được đức tính rất quý của anh, trong những điều anh muốn biết trước hết, đó là tình hình thực tế, là những khó khăn cụ thể, không chỉ cho anh mà cho cả cấp trên đều biết để có biện pháp giải quyết. Trước khi vào đây tôi được nghe kể những ngày đầu anh nhận trách nhiệm Bí thư Trung ương Cục, anh dành nhiều thời gian tìm hiểu thực tế, anh đi chân đất, đầu đội nón giả làm dân ruộng lội khắp vùng ven đô để hiểu dân, nắm địch, biết đặc điểm địa hình địa vật.

Anh đã có mặt ở khắp nơi, quân khu, quân binh chủng, xuống đến cả tiểu đoàn, đại đội trong những năm tháng quân đội bước vào thời kỳ xây dựng tiến lên chính quy hiện đại Từ tình hình thi đua tốt của một đại đội, anh nhân rộng ra toàn quân, biến thành phong trào thi đua “Ba nhất”, tạo nên một khí thế mới trong nhiệm vụ xây dựng quân đội củng cố quốc phòng, góp phần đưa quân đội tiến lên những bước vững chắc.

Bất cứ ở đâu, trên lĩnh vực nào anh cũng phát hiện ra những vấn đề, những nội dung mới của sự vận động và kèm theo là những kiến giải thích hợp.

Từ quân đội chuyển sang phụ trách nông nghiệp, anh thích ứng nhanh và đưa ra các tường trình ăn, mặc thiết thực, phù hợp với điều kiện miền Bắc lúc bấy giờ. Anh đã nghĩ dùng dây lanh thay vải để giải quyết vấn đề mặc, đang gặp nhiều khó khăn lúc đó.

Từ nông nghiệp về lại quân đội, được chỉ định phụ trách chính ủy Quân giải phóng miền Nam, anh đã có một đáp số cực kỳ chính xác:

- Mỹ vào ta làm cách sao?
- Tiến công.
- Đánh Mỹ như thế nào?
- Cứ đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh Mỹ.

Và từ trong tiến công đối phó thắng lợi hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ (1965 - 1966) và (1966 - 1967) anh đã viết một loạt bài bình luận quân sự lấy bút danh Cửu Long, Trường Sơn, gây chấn động trong công luận thời đó. Nó không những củng cố lòng tin một cách khoa học cho quân và dân ta về cuộc chiến đấu không cân sức, mà còn là những vấn đề mang tính chỉ đạo chiến lược nghệ thuật chiến dịch, bài học về chỉ huy chiến đấu, có giá trị chỉ đạo thực tiễn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến ngày toàn thắng - mùa Xuân 1975.

Kể địch phải kiêng nể về các vấn đề tổng kết rút ra qua hai cuộc phản công mùa khô. Chúng giật mình vì đối phương đã chỉ ra một cách thuyết phục con đường nhất định thất bại của chúng. Đã có tên trong hàng ngũ tướng tá Mỹ tò mò tìm hiểu ai là tác giả của những bài báo đó.

Là một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và quân đội nhưng anh Thanh chan hòa vào cuộc sống đời thường, giản dị, khiêm tốn. Anh yêu cầu tổ chức đối với vợ anh, con anh không có cái gì khác biệt trong lúc anh đi xa. Cũng bởi lẽ đó mà bài nói chuyện “Chống chủ nghĩa cá nhân” của anh trong một lớp học của cán bộ trung cao cấp hồi 1958 - 1960 có giá trị thuyết phục rất cao đối với mọi người. Ai cũng thấy mình có khuyết điểm, ai cũng thấy mình bị anh phê phán, nhưng ai cũng vui vẻ chấp nhận và muốn tìm đọc chuyển tay nhau bài nói của anh, vì anh nêu vấn đề rất đúng, anh phân tích rất sâu, anh đề ra biện pháp khắc phục có lý có tình.

Hôm nay anh gọi tôi lên giao nhiệm vụ. Được dịp ngồi bên anh tại trụ sở Trung ương Cục, một căn nhà nhỏ lợp lá trung quân nằm dưới tán rừng già ở Đầm Đun giữa vùng chiến khu C lịch sử, trong tôi cứ trào dâng một tình cảm khó tả. Anh vừa là cấp trên kính trọng, vừa là người anh triu mến. Anh điện ra xin đích danh tôi vào, đó là một phần thưởng quý giá nhưng cũng là nỗi lo đang đặt ra với tôi. Ngay lúc này đây đang phải chuẩn bị những điều anh hỏi, đang phải tính sao tiếp nhận những điều anh giao, vậy mà tôi vẫn cứ tự nhủ mình: Phải làm gì đây để khỏi phụ lòng anh trong những tháng năm ở trong này?

Mới chỉ hơn một năm xa anh, nay gặp lại thấy anh già và gầy đi nhiều. Da sạm đen và môi thâm đậm, nhưng cặp mắt vẫn sáng thông minh, sâu thẳm. Có lẽ phần vì nắng gió khắc nghiệt của mùa khô ở Đông Nam Bộ, phần vì sốt rét rừng đã thâm nhập nơi cơ thể, trên hết là do suy tư, lo nghĩ việc chỉ đạo điều hành cuộc chiến đấu, mà anh là một trong số những đồng chí lãnh đạo giữ trọng trách chủ yếu.

Buổi làm việc hôm nay diễn ra trong không khí bình đẳng, thân tình, dân chủ, thoải mái, như một cuộc hội thảo khoa học về những vấn đề thực tiễn đang đặt ra cần phải giải quyết hơn là buổi cấp trên giao nhiệm vụ cho cấp dưới.

Mở đầu buổi làm việc, với giọng tâm tình, anh Thanh nói:

- Các đồng chí vào đây là để cùng với trong này xây dựng lực lượng chủ lực và tổ chức chiến đấu. Dịch đang phát triển “chiến tranh đặc biệt” ở mức cao<sup>(1)</sup> và chúng định thắng ta trong loại chiến tranh này. Làm tốt nó chịu nhưng cũng phải có kế hoạch dự phòng chứ.

Đến đây tay phải anh gơ cao, năm ngón tay xò ra lên xuống như chém vào không khí, nét mặt kiên nghị, lạc quan. Anh nhấn mạnh, như để khẳng định: phải sẵn sàng đánh thắng “chiến tranh đặc biệt”, mà muốn thắng loại chiến tranh này phải đưa bộ đội chủ lực ra chiến đấu, tiến tới xây dựng những quả đấm chủ lực đánh đập xương sống của “chiến tranh đặc biệt” là quân chủ lực ngụy. Bỗng anh nhìn thẳng vào tôi và anh Trần Độ như một sự trao đổi:

- Chúng ta, cả tôi, đều là “tân binh” mới vào, nhận thức và tầm nhìn qua các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn ngoài đó, được Trung ương, Bộ Chính trị trang bị, nhưng thực tiễn chiến trường lại sống động vô cùng, nên càng phải đi sâu vừa xây dựng tổ chức chiến đấu vừa qua đó nắm quy luật địch, vì đối tượng bây giờ là Mỹ, nguy cũng do Mỹ dựng lên; phải nghiên cứu cả đặc điểm của cán bộ, chiến sĩ người Nam Bộ, cùng chung đất Tổ vua Hùng nhưng cũng có những đặc điểm riêng.

(1) Từ 1961- 1965, Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” xâm lược miền Nam Việt Nam với công thức lực lượng quân ngụy cộng với vũ khí và phương tiện chiến tranh Mỹ. Từ 17 vạn năm 1961, Mỹ tăng quân ngụy lên 56 vạn, tổ chức thành 9 sư đoàn với 375 máy bay, 732 xe tăng, xe bọc thép; từ 8280 cố vấn và lực lượng yểm trợ Mỹ có mặt ở miền Nam Việt Nam năm 1961, giữa tháng 4 năm 1964 tăng lên 20.000 tên.

Thấy vậy, anh Trần Văn Trà tư lệnh Quân giải phóng miền Nam xen vào:

- Trung ương và Bộ tư lệnh Miền đang bàn đẩy mạnh chủ trương xây dựng chủ lực thì các anh vào.

Thật là đúng lúc. Trong này hiện đang có hai ý kiến - phái cán bộ chính trị nhất trí với Trung ương, với Bộ Chính trị cần thiết phải xây dựng lực lượng chủ lực mạnh.

- Đúng! - Anh Thanh nhấn mạnh. - Trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc, không thấy sự kiện lịch sử nào kết thúc thắng lợi bằng đánh nhỏ. Nếu không có trận Bạch Đằng Giang lần thứ nhất do Ngô Quyền chỉ huy thì làm sao quân Nam Hán chịu thua, chấm dứt hơn một nghìn năm nước ta bị Bắc thuộc, mở đầu kỷ nguyên độc lập dân tộc. Nếu không có trận phản công chiến lược của nhà Trần ở Bạch Đằng Giang, thì làm sao đánh bại được ý chí xâm lược lần thứ ba của quân xâm lược Nguyên - Mông.

Anh Trần Văn Trà lại nêu tiếp loại ý kiến thứ hai của số đông cán bộ quân sự, với lý lẽ ở An-giê-ri người ta có trung đoàn đầu mà vẫn thắng Pháp. Vì vậy không nên xây dựng chủ lực tốn kém lắm, hiện đã có mấy trung đoàn nhưng đánh chắc có ra gì(!)

Đúng là ở chiến trường Nam Bộ suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mãi đến trước khi xảy ra chiến dịch Bình Giã về tổ chức chủ lực có lúc cao nhất là trung đoàn nhưng rất ít nên thực tế chiến đấu chưa đánh đội hình trung đoàn bao giờ chỉ sử dụng tiểu đoàn là phổ biến, vì thế mới có tiểu đoàn 307 oai hùng biết mấy. Đến đây tự nhiên anh quay sang tôi vỗ vai hỏi:

- Ngoài đó các anh có nghe trận thắng Ấp Bắc và Đường Long chưa?

- Có! Chúng tôi đều được thông báo kịp thời, riêng trận Ấp Bắc được thông tin cụ thể hơn. - Tôi trả lời.

Anh Trà lại tiếp:

- Đúng là hai trận thắng này đều có ý nghĩa về mặt chiến thuật, thắng lợi là quá rõ, nhưng trong nội bộ chúng ta cần phải nhận chân vấn đề - thắng nhưng không có chủ lực nên không diệt gọn được địch. Gần đây như chiến dịch Bình Giã cũng vậy, lần đầu Đông Nam Bộ đánh cỡ trung đoàn, diệt được nhiều địch, nhưng không tạo được thế, vì chủ lực ta còn yếu. Thôi, đó là chuyện cũ, kể để các anh nghe về những bước thăng trầm trong việc tạo lực của Nam Bộ, nghĩ là thấy thấm và tiếc. Nếu sớm nhận thức được vấn đề thì tình hình sẽ khác. Bây giờ thì khác nhiều rồi, sau Bình Giã ai cũng vui vì thắng lớn, từ đó càng nhận ra sự cần thiết phải xây dựng lực lượng chủ lực.

Cuối cùng như là để kết thúc suy nghĩ của mình, anh Trà nói:

- Về chủ lực sau này Hoàng Cầm lo.

Anh Thanh kết luận bằng một ý đầy hình ảnh.

- Thôi, ta không để cho địch nhai mãi “kẹo cao su du kích” mà chúng chịu thua, nhả mồi ra đâu, trong lúc chúng tiếp tục tăng cường cuộc chiến tranh ở mức cao - các sư đoàn ngụy còn nguyên vẹn chưa bị đánh.

Không khí buổi giao nhiệm vụ vừa nghiêm túc trên dưới, vừa rất đậm đà tình đồng chí, sôi nổi, hào hứng. Càng vào gần mặt trận, cuộc sống thấy giản đơn đi nhiều, chỉ còn nổi lên tình đồng đội gắn bó. Mặt trời đã gần đỉnh đầu, hoa nắng in hình to nhỏ trên nền đất cứ lung linh qua kẽ lá theo gió, nom ngộ nghĩnh đủ mọi hình thù. Lúc này ở ngoài Bắc vẫn còn gió mùa, bầu trời thấp nặng nhiều mây, đang còn trong khoảng rét nằng nằng. Còn ở đây khác hẳn. Nắng vàng nhưng không nóng tràn khắp nơi, bầu trời xanh quang, mây như tiết thu vậy. Tôi thấy mình thanh thản và khoan khoái.

Anh Thanh lại mở đầu buổi hội thảo nhiệm vụ chiều bằng tất cả sự sôi nổi, nhiệt tình quen thuộc như khi anh đến nói chuyện với các lớp tập huấn cán bộ cao cấp toàn quân ở ngoài Bắc trong những năm sáu

mười về nhiệm vụ xây dựng quân đội. Anh như muốn giải bày hết những suy nghĩ dồn nén từ lâu của mình về những vấn đề tạo lực, tạo thế để cùng nhau làm rõ hơn, cùng nhau thống nhất hơn về nhận thức, quan điểm và các phương án tối ưu đánh địch và thắng địch trong thời điểm cuộc “chiến tranh đặc biệt” đang phát triển tới mức cao; đồng thời đã và đang mạnh mẽ các yếu tố của cuộc “chiến tranh cục bộ”(2).

(2) Mỹ đã thành lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) thay cho phái đoàn cố vấn (MAAG) do Ha-kin cầm đầu. Bộ máy này có mười sáu tướng, để trực tiếp điều khiển quân ngụy.

Anh nói:

- Làm tốt việc xây dựng bộ đội chủ lực là để tạo lực mới thắng địch. Nhưng vấn đề không đơn giản một chiều, cần phải chuẩn bị thích ứng với hai khả năng. - Anh dần giọng nhấn mạnh. - Thắng “chiến tranh đặc biệt” để nếu Mỹ vào ngay từ đầu đã mất thế, mà cái thế lúc ban đầu là quan trọng. Còn ta thì có đà phát triển để đánh và đàm đều tốt cả.

Anh cho biết hiện đang có những luồng nhận thức khác nhau quanh việc Mỹ vào. Một là, chưa chắc Mỹ vào - anh cười - càng tốt chứ sao. Hai là, Mỹ vào. Nhưng ngay khả năng này cũng có các dự đoán khác nhau: có thể đứng sau giữ thế cho ngụy; có thể yểm trợ trực tiếp bằng không quân, hải quân, có thể Mỹ vào tham gia chữa cháy luôn.

Cuối cùng anh kết luận:

- Dù thế nào thì chúng ta vẫn phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị ở mức cao nhất để vừa thắng “chiến tranh đặc biệt”, vừa sẵn sàng khi Mỹ vào!

Tôi nêu câu hỏi:

- Báo cáo anh! Chuẩn bị thế nào, chẳng lẽ mãi đánh ngụy, khi Mỹ vào đứng nhìn?

- Hoàng Cầm nêu vấn đề rất đúng. - Anh biểu dương tôi và tiếp. - Phải chuẩn bị sẵn sàng đánh Mỹ, lúc đầu đánh nhỏ, sau phát triển đánh lớn. Đánh nhỏ nhưng phải thắng, không được để số. - Rồi anh nêu câu hỏi. - Đánh nhỏ là thế nào?

Anh nhìn tôi như muốn tôi nêu ý kiến trước. Tôi mạnh dạn trình bày:

- Báo cáo anh! Đánh nhỏ phải là cỡ trung đoàn, sư đoàn. Đã là chủ lực theo tôi nghĩ phải đánh cỡ đó.

Anh Thanh nói:

- Đây là một ý kiến. Để có cơ sở, chúng ta chuẩn bị đi dự tổng kết chiến dịch Bình Giã.

Hai ngày sau vẫn bằng phương tiện xe đạp, chúng tôi cùng anh Thanh từ bắc Tây Ninh men theo bắc Bình Dương. Khi qua Dầu Tiếng anh em công nhân cao su dùng ô tô đưa qua đường 13. Dừng lại ở Bến Bung vào một nhà hàng uống nước, thấy có hai lính ngụy đang ngà ngà say, súng để bên, đầu ngả vào cô chiêu đãi viên. Dân lính, địch ta đụng nhau, có khi lính ngụy đoán biết có “Việt cộng” đi lẫn trong dân nhưng cho qua vì chúng cũng muốn êm. Dọc đường người xe đi lại tấp nập không khác mấy cảnh ta bắt gặp trên các nẻo đường thuộc vùng tự do Thái Nguyên, vùng giáp ranh Trại Cờ, Đức Thắng (Bắc Giang), Nho Quan (Ninh Bình) như hồi kháng chiến chín năm. Nhưng đây là vùng địch kiểm soát, đồn bót có ở khắp nơi - Tây Ninh, Lộc Ninh, Phước Vĩnh, Bến Cát, Lai Khê. Thật khó mà phân biệt chiến tranh hay hòa bình, vùng ta hay vùng địch. Thế cái rãng lược của cuộc chiến tranh ở đây thật kỳ lạ.

Càng đi càng hiểu địa lý đất nước thật phong phú và đa dạng.

Nam Bộ đồng ruộng thẳng cánh cò bay, ngút tận chân trời, nhưng Đông Nam Bộ lại là rừng đại ngàn. Lại nhớ về buổi anh Văn gặp báo dự kiến của Thường vụ Quân ủy Trung ương xếp tôi vào danh sách những người được cử vào chiến trường Nam Bộ.

- Báo cáo anh tôi quen hoạt động ở rừng núi.

Chưa kịp trình bày nguyện vọng xin được vào Khu 5 hay Tây Nguyên hợp hơn, thì anh Văn hỏi:

- Đông Nam Bộ rừng núi hay đồng bằng?

- Báo cáo, đồng bằng.

- Học lại địa lý đi.

Gần đến địa điểm họp tôi hỏi đồng chí phó phòng tác chiến của bộ tư lệnh Miền làm nhiệm vụ dẫn đường:

- Qua sông Sài Gòn chưa?

- Qua rồi anh ạ? Qua hết cả sông Bé, suối Nhung rồi.

- Sao sông gì mà cạn vậy?

- Báo cáo anh, lúc này đang vào cuối mùa khô.

Một hai năm sau, tôi mới thấy được đặc điểm thời tiết trong này chỉ có hai mùa đối lập nhau. Mùa mưa thì tằm tã, xối xả, dữ dội, nước trút xuống như thác đổ; tràn khắp nơi, dồn xuống sông suối thành những dòng chảy dữ dội, gây tắc nghẽn việc đi lại.

Mùa khô thì nắng chói chang từ tinh mơ đến tận chiều hôm, mặt đất rắn đanh, đường đầy bụi, nước hiếm, cây cỏ khô rang.

Xế chiều chúng tôi đến địa điểm họp, nằm trên một đoạn của suối Nhung thuộc khu rừng Mã Đà chiến khu Đ, gần thác Trị An.

Lại thêm một ngạc nhiên nữa về thể trận chiến tranh nhân dân ở đất miền Đông. Nơi họp tổng kết chính là “hậu cứ” của các đơn vị vừa tham gia chiến dịch Bình Giã. Nằm giữa vòng vây của quân thù mà các anh vẫn xây cất một khu vực ẩn ở đằng hoàng, khang trang, thoáng rộng, sạch sẽ ngăn nắp. Những căn nhà nhỏ xinh đã chiến mà bền, phân tán ẩn mình dưới tán cây mái lợp lá trung quân mịn đẹp - một thứ lá to bằng bàn tay không nát, khó cháy, nếu cháy cũng không bốc lửa. Ở miền Bắc cũng có nhưng không nhiều bằng Đông Nam Bộ, đi đâu cũng bắt gặp, tác dụng của nó đúng như tên gọi, thực sự là “người bạn” của chiến sĩ trên các nẻo đường chiến đấu.

Lúc này phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang thực hiện hai chân (chính trị, quân sự), ba mũi (chính trị - quân sự - binh vận) đang sục sôi khí thế, đạt nhiều hiệu quả. Đi đến đâu cũng được nghe nói đến cụm từ hay hay, dễ nhớ, gọi cách đấu tranh. Ngay tại nơi họp tổng kết cũng được nhắc đến, được kẻ thành khẩu hiệu dán khắp nơi, có người còn đề cao quá mức - cho như một phép màu vạn năng, có sức công phá như bom nguyên tử, phủ nhận việc phát triển bộ đội chủ lực, thực hiện đánh lớn.

Phút đầu gặp gỡ thật xúc động, tưởng lạ mà quen. Vẫn là những người đồng chí chín năm, phần lớn các anh đều tập kết ra Bắc, từng gặp nhau trong các cuộc hội nghị quân chính toàn quân, các lớp tập huấn, các cuộc diễn tập tham mưu và diễn tập thực binh trong binh chủng hợp thành trong thời kỳ toàn quân sôi nổi thi đua xây dựng quân đội tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy hiện đại, nay các anh lại



có mặt rất sớm - như những người mở lối đầu tiên trở về theo tiếng gọi của quê hương, Tổ quốc. Đó là các anh Nguyễn Minh Châu, Lê Văn Tường, Trần Đình Xu, Nguyễn Văn Bứa, Tạ Minh Khâm, Nguyễn Thế Truyện (tức Năm Sài Gòn) và cả anh Lê Trọng Tấn, Nguyễn Hòa vào trước cũng được tham dự chiến dịch này. Tuy nước da có đậm màu sương gió, mặt mày hốc hác, nhưng tất cả các anh đều hiện lên niềm phấn khởi, lạc quan và cả tự hào đã góp phần xứng đáng của mình làm nên một chiến thắng mang nhiều nghĩa lớn.

Mở đầu buổi tổng kết, anh Thanh giới thiệu:

- Lực lượng chiến đấu Bê Hai(3) chúng ta được bổ sung thêm hai chiến sĩ Trần Độ và Hoàng Cầm. - Nhìn xuống phía tôi anh nói tiếp. - Hoàng Cầm sư đoàn trưởng Sư 312, chủ lực của Bộ. Tuy chưa là tướng nhưng đã chỉ huy trận đánh bắt sống tướng Đờ Cát-xtơ-ri ở chiến dịch Điện Biên Phủ.

(3) Về tổ chức chỉ huy, toàn miền Nam được chia thành bốn chiến trường, mỗi chiến trường được mang ký hiệu chữ B:

B1: các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Khánh Hòa.

B3: các tỉnh vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk, Gia Lai, Công Tum.

B4: các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

B2: từ Ninh Thuận, Lâm Đồng trở vào gồm có:

- Khu 6: Quảng Đức (Gia Nghĩa), Tuyên Đức (Đà Lạt), Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy.

- Khu 7: Phước Long, Bình Long, Long Khánh, Phước Tuy, (Bà Rịa), Bình Dương (Thủ Dầu Một), Biên Hòa, Tây Ninh, Hậu Nghĩa.

- Khu 8: Long An, Kiến Tường (Mộc Hóa), Kiên Phong (Sa Đéc), Định Tường (Mỹ Tho), Gò Công, Kiến Hòa (Bến Tre).

- Khu 9: Châu Đốc, An Giang (Long Xuyên), Vĩnh Long, Vĩnh Bình (Trà Vinh), Phong Dinh (Cần Thơ), Ba Xuyên (Sóc Trăng), Kiên Giang (Hà Tiên), Rạch Giá, Chương Thiện (Bạc Liêu), An Xuyên (Cà Mau).

- Đặc khu Sài Gòn - Gia Định.

Những người dự họp vỗ tay. Tôi cảm động đứng dậy vừa để trình diện, vừa đáp lễ cảm ơn các anh đã dành cho tôi những tình cảm nồng hậu ngay từ giờ phút đầu. Niềm phấn chấn lan nhanh trong tôi.

Những giờ giải lao là dịp tình cảm chan hòa đồng chí được thể hiện. Anh nào cũng vỗ vập đến gần, cầm tay lắc mạnh, thân mật xởi lởi như đã quen nhau từ lâu nay gặp lại. Đủ thứ chuyện muốn nói, đủ thứ tin muốn biết, đủ vấn đề muốn hỏi, trao đổi. Các anh kéo tôi ra vừa mời uống nước, hút thuốc vừa tranh thủ trao đổi, hỏi han, từ đường lối quân sự, nghệ thuật chiến dịch, chỉ huy chiến đấu. Có ý kiến quá nhấn đến đặc điểm đánh nguy bây giờ khác hẳn kháng chiến chín năm để phủ nhận tính kế thừa của kinh nghiệm cũ; có ý kiến không nhất thiết phải “đắm” vào quận lý, chi khu, nhấn nhiều đến đánh tập kích, phục kích; vẫn có ý kiến đánh theo phương thức du kích, tự do lựa chọn mục tiêu, chưa muốn phát triển đánh tập trung trên cấp trung đoàn, sư đoàn, đánh theo cỡ Bình Giã là thích hợp, chắc ăn.

Đúng là có nhiều ý kiến khác nhau, điều này là cần thiết, con đường dẫn tới chân lý đâu giản đơn. Cái

quý chung mà tôi học được ở các anh là tinh thần trách nhiệm, lòng nhiệt tình rất cao đối với những gì mà Tổ quốc đòi hỏi không ai muốn mình tụt lại phía sau trong cuộc chiến đấu đang đứng trước những thử thách đầy cam go.

Các vấn đề nêu ra của các anh rất mới mẻ, tế nhị, không giản đơn - như anh Thanh nói - phải vừa tổ chức đánh địch vừa coi trọng nghiên cứu tổng kết nắm vững các quy luật hoạt động của địch, từng bước hoàn chỉnh phương thức tác chiến phù hợp với thực tiễn chiến trường.

Vì vậy sau khi nghe các anh trao đổi, tôi nói một cách thực lòng: ở ngoài Bắc chúng tôi thường xuyên được Bộ Tổng Tham mưu thông báo về các diễn biến quân sự trên các chiến trường miền Nam, trước khi vào đây có được nghiên cứu sư đoàn 5 của Mỹ, tham gia diễn tập sư đoàn chiến đấu trong điều kiện có vũ khí hạt nhân. Nhưng đó mới chỉ trên lý thuyết.

Qua dự tổng kết được nghe các ý kiến trao đổi, tranh luận với tất cả thực tế sống động, tôi học được nhiều điểm mới so với thời kỳ đánh Pháp, với những điều đã học ở trường quân sự nước ngoài. Hình như cách đánh phân tuyến, cấu trúc trận địa theo các lớp chiến hào đều không phù hợp với thực tế chiến trường. Nhưng chính lúc này đây, trong tâm trí tôi bỗng hiện về lời dạy của Bác Hồ trong trận đánh Đông Khê năm xưa, “muốn thắng địch phải đánh bại các thủ đoạn của địch” vẫn đúng với tình hình hiện nay, không thể khác được.

Tất cả phòng họp đang ồn ào náo động, vì không khí tranh luận sôi nổi, hăng say bỗng nhanh chóng trở lại trật tự, khi anh Thanh phát biểu. Ngắn gọn mà rõ, các vấn đề nêu lên mang tính tổng kết:

- Về thắng lợi mang ý nghĩa chiến lược của chiến dịch Bình Giã khỏi bàn. Ngay cả kẻ địch cũng phải thừa nhận, chúng ví Bình Giã như “một Điện Biên Phủ thu nhỏ của Việt Cộng”. Đó là một sự kiện, một cột mốc lịch sử, là điều mà tất cả chúng ta đều có quyền tự hào. Nhưng một thắng lợi quan trọng hơn, thực tiễn hơn là trong hội nghị tổng kết này chúng ta đã thấy được nguyên nhân dẫn đến hạn chế thắng lợi do chưa đủ lực lượng chủ lực để đánh lớn và chưa đủ trình độ tổ chức chỉ huy đánh lớn. Hơn một tháng chiến đấu mới đánh năm trận cấp trung đoàn, hai trận cấp tiểu đoàn, còn lại phổ biến đánh cấp đại đội. Nếu chúng ta có đủ điều kiện đánh cấp trung đoàn và sư đoàn thì chiến thắng Bình Giã còn giòn giã hơn, có thể mở rộng căn cứ Hát Dịch đến giáp tỉnh lộ số 2, nối liền hành lang từ vùng giải phóng Phước Long qua Chiến khu Đ, tới sát ven biển Bà Rịa, Bình Thuận tạo thuận lợi để tiếp nhận chi viện của miền Bắc qua đường biển(4). Có thể nói sự kiện Bình Giã có sức thổi động mọi người, mở ra một khúc quanh cả về nhận thức và quan điểm về nghệ thuật quân sự, về vai trò và phương thức tác chiến bằng các binh đoàn chủ lực trên chiến trường B2.

(4) Trong năm 1964, đoàn 759 vận tải biển thuộc Bộ tư lệnh Hải quân đã dũng cảm, khôn khéo vượt qua sự kiểm soát của địch đưa trót lọt nhiều chuyến vũ khí vào bãi biển Hàm Tân, Xuyên Mộc.

Sau cuộc họp, trước khi trở lại Trung ương Cục, anh Thanh còn nói vui vừa như động viên, vừa như nhắc nhở thêm tôi:

- Bình Giã là một thí điểm, nếu không thắng không có tổng kết hôm nay, cậu vào e ế đấy!

Đúng là tôi vào Nam là theo lệnh của anh với nhiệm vụ cùng các anh trong này nghiên cứu tìm biện pháp xây dựng, phát triển bộ đội chủ lực phục vụ đánh lớn.

Vấn đề đã rõ nhưng công việc tiến triển vẫn còn chậm chạp, tôi vẫn chưa được các anh trong Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cụ thể.

Chủ trương đã được khẳng định, không còn bàn cãi, nhưng phương hướng và biện pháp tiến hành thì

các anh đang còn bàn vì đây là vấn đề mới. Lúc đầu có ý kiến Đông Nam Bộ không đủ điều kiện phát triển chủ lực vì dân thưa, lương thực hiếm. Bàn tới bàn lui đã có ý kiến dựa vào Tây Nam Bộ (tức vùng châu thổ sông Cửu Long) rất thuận lợi cho phát triển lực lượng, không phải một sư đoàn mà nhiều sư đoàn cũng có đủ người, còn lương thực, thì khỏi lo. Lúc đó các anh có tính cả việc đưa tôi về Khu 8 làm phó cho anh Đồng Văn Cống chuyên lo xây dựng lực lượng chủ lực, hoạt động ở khu vực Tiền Giang (Mỹ Tho cũ).

Ý kiến đi thì như thế, ý kiến ngược lại, dần dần thành đa số, cho rằng nếu dựa vào đồng bằng châu thổ để phát triển chủ lực, trước mắt chưa thấy có vấn đề, sau đó sẽ là những khó khăn rất cơ bản: cơ động lực lượng bị hạn chế vì nhiều sông lạch, trụ lại càng khó, vận động lên hoạt động ở vùng ven đô Sài Gòn không phải giản đơn.

Cuối cùng Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định: Lấy Đông Nam Bộ là địa bàn xây dựng, phát triển lực lượng chủ lực của chiến trường Nam Bộ nói chung vì nơi đây địa hình tốt, có thể đứng cơ động, có điều kiện nối thông với Tây Nguyên, Khu 5 và hậu phương miền Bắc, tạo thế hỗ trợ và chi viện trong tổ chức tiến công và phản công. Cái thế lúc này là quan trọng, là điều kiện tiên quyết để cho lực tồn tại, chiến đấu và phát triển lực lượng lớn hơn, tạo thành các quả đấm mạnh đánh địch và thắng chúng.

Thế đó, con đường xây dựng và phát triển lực lượng chủ lực ở chiến trường Nam Bộ đã trải qua những bước thăng trầm với những lý do lịch sử của nó. Phải qua chín năm đánh Pháp, mười năm thử sức với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, qua các trận Ấp Bắc, Đường Long(5), Vĩnh Thuận(6), sau cùng là chiến dịch Bình Giã mới tìm được hướng đi của mũi tiến công quân sự.

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, không có chân lý chung chung.

(5) Ngày 31/12/1963 tại Đường Long - Bến Cát (Thủ Dầu Một), lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam ta diệt một tiểu đoàn biệt động mang tên “Cọp đen” của quân ngụy Sài Gòn.

(6) Từ 4 đến 8/4/1964 ta tiến công chi khu quân sự Vĩnh Thuận gần căn cứ U Minh, đánh địch cứu viện diệt trên 1.000 tên, bắt 300 tên, thu hai khẩu pháo 105 và toàn bộ quân trang quân dụng.

# CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 9: Phần 1

Phước Long - Đồng Xoài.

Phước Long - Đồng Xoài - trận đánh chuyển tiếp giữa hai chiến lược chiến tranh: “chiến tranh đặc biệt” chưa tàn lụi mất đi nhưng đã bắt đầu xuất hiện các yếu tố của “chiến tranh cục bộ”.

Trong trận đánh này, anh Lê Trọng Tấn tư lệnh trưởng, anh Trần Độ chính ủy và tôi được giao nhiệm vụ tư lệnh phó Bộ chỉ huy chiến dịch.

Thực là một sự ngẫu nhiên đầy hứng khởi! Bộ tư lệnh Sư đoàn 312 lại đủ mặt trong chiến dịch này.

Anh Tấn vỗ vai tôi tâm sự:

- Anh em mình sống với nhau từ mặt trận Sơn La. Đã có lúc mình hiểu không đúng về cậu. Bây giờ vào đây không hẹn mà gặp đủ cả - Tấn - Độ - Cầm, và còn khỏe cả. Phải cùng nhau cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi xúc động thật nhiều về những điều anh tâm sự, tuy ngắn mà ấm lòng trước khi ra trận.

Thời gian lúc này thật khẩn trương, tôi cười và thật lòng đáp:

- Nhưng không ai hiểu Hoàng Cầm bằng anh, nhất là từ sau thất thủ ở mặt trận Mộc Châu trở về tây nam Phú Thọ.

- Cảm ơn Hoàng Cầm. - Anh Tấn nói và cầm tay tôi lắc mạnh, để rồi mỗi người vào việc được giao.

Trước khi vào chuyện xin được lưu ý bạn đọc đôi điều.

Về sự kiện Phước Long, Đồng Xoài có một vài cuốn sách, bài báo, phản ánh nhưng lại theo biên niên như hai trận đánh tách biệt nhau. Cũng có tài liệu phản ánh trận Đồng Xoài như một chiến dịch riêng biệt, không liên quan gì với chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài. Đúng là về thời gian trận Phước Long đã được khởi sự trước vào thượng tuần tháng 5 năm 1965, Đồng Xoài mãi thượng tuần tháng 6 mới nổ súng.

Nhưng sự thật thì hai trận đánh này đều gắn bó trong một ý đồ chung. Còn lý do vì sao khoảng cách giữa hai trận đánh dài thế (trên dưới một tháng) sẽ trình bày phần diễn biến cụ thể. Như bạn đọc đã biết, Phước Long dưới triều Nguyễn chỉ là một huyện của dinh Trấn Biên, sau thành huyện Bà Rá thuộc tỉnh Biên Hòa cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Phước Long mang dáng dấp một cao nguyên chuyển tiếp, thấp dần và là chân đứng phía nam của dãy Trường Sơn hùng vĩ chạy từ Bắc vào.

Phước Long là một dải rừng bằng trải rộng xen lẫn với rừng cao su nhân tạo, giữa nổi lên một ngọn núi đột xuất uy nghi, đường bệ mang tên núi Bà Rá cao bảy trăm ba mươi mét, như một điểm tựa vững chắc trấn giữ phía tây nam của Tổ quốc. Dưới chân núi là sông Bé uốn khúc, tạo thành các ghềnh thác hùng dữ mang những cái tên dạn dàng - thác Mơ Thượng, thác Mơ Hạ, cách thị xã bốn ki-lô-mét về phía đông có công suất điện năng từ 50.000 - 100.000 kW. Nhưng dưới chân núi Bà vẫn còn in hằn dấu vết tội ác của bọn thực dân Pháp thống trị, chúng đã đặt ở đây một nhà tù - gọi là “Căng Bà Rá” giam cầm các chiến sĩ Cách mạng, trong đó có các đồng chí Trần Văn Giàu, Tô Ký, Nguyễn Thị Định.

Nhưng Phước Long không chỉ đẹp về cảnh quan mà còn là một vị trí chiến lược quân sự quan trọng của cả hai bên. Nhìn vào bản đồ quân sự đặt trong bối cảnh chung lúc ấy dễ thấy Phước Long địa thế thuận lợi cho việc tạo thế cho chiến trường Đông Nam Bộ nói riêng, cho chiến trường Nam Bộ nói chung.

Chính vì lẽ đó từ năm 1954 Mỹ - Diệm đã đổ tiền của vào để xây dựng Phước Long thành tuyến phòng ngự bảo vệ Sài Gòn từ xa. Thực hiện chia nhỏ để kiểm soát, kìm kẹp, địch tách Phước Long từ một huyện của tỉnh Biên Hòa, lập tỉnh mới gồm bốn huyện: Phước Bình, Đôn Luân (Đồng Xoài), Đức Phong (Bù Đăng), Bó Đức (Bù Đốp). Từ 1957 đến 1962, cùng một lúc địch tiến hành nhiều âm mưu tăng quân, xây dựng căn cứ, sân bay, mở rộng hệ thống đồn bốt, đồn đồng bào các dân tộc tại chỗ vào các ấp chiến lược, đẩy nhân dân từ các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, giáo dân di cư của vùng Bùi Chu, Phát Diệm lên Phước Long để lập các khu dinh điền, hình thành một hệ thống bao quanh thị xã, thị trấn, trên các trục đường. Mỗi ấp chiến lược khu dinh điền đều được quân sự hóa, có rào kẽm gai bao quanh, có bãi mìn, có lực lượng dân vệ, bảo an ngày đêm tuần phòng canh gác. Địch phát cho mỗi gia đình một cái mõ để khua lên khi có người lạ đến, cả ấp khua theo, gây tâm lý nghi kỵ lẫn nhau.

Phước Long từ một thị trấn hẻo lánh, thưa vắng ở vùng biên ải bỗng trở thành một thị xã chứa đầy ắp các sắc lính, hình thành một hệ thống phòng ngự vững chắc chạy từ núi Bà Rá qua tỉnh lỵ ra sân bay xuống chi khu quân sự Phước Bình, thành một tập đoàn cứ điểm mạnh với 8 trận địa pháo, 200 ấp chiến lược, khu dinh điền bao quanh, quân số chiếm đóng lên tới 3.000 tên.

Đúng là địch tạm thời kìm kẹp và khống chế được nhân dân, cơ sở cách mạng bị xáo trộn, quần chúng trung kiên tạm thời nằm yên, số cán bộ, Đảng viên được phân công ở lại bám trụ nằm vùng giữ vững phong trào tạo thời cơ, tạm thời phải phân tán rút vào rừng sâu sống cầm hơi bằng rau rừng nước lã, để mà tồn tại tính kế khác. Tình hình trở nên cực kỳ khó khăn, Xứ ủy Nam Kỳ (sau này là Trung ương Cục) đã chủ trương mua sắm cao su Bù Ca vừa làm nơi sản xuất lấy tiền nuôi cán bộ vừa là nơi hợp pháp để chỉ đạo phong trào.

Tháng 9 năm 1959 theo chỉ thị của Xứ ủy, một tổ công tác do các anh Nguyễn Văn Thuận (Ba Thu), Nguyễn Văn Dinh (Ba Dinh), Phú, Sáu A, do đồng chí Lâm Quốc Đăng chỉ huy, từ chiến khu Đ lên vùng Phước Long soi đường liên lạc với các đoàn cán bộ từ miền Bắc đang trên đường trở vào. Cuộc hành trình đầy gian khổ, phải đóng giả nhiều vai, dò tìm các đồng chí ta còn nằm vùng ở đây, bắt liên lạc với đồng bào trung kiên vẫn một lòng với cách mạng bị địch xáo trộn đẩy vào các ấp chiến lược khu dinh điền. Cứ thế vừa tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở trong đồng bào các dân tộc tổ chức trạm liên lạc, vận chuyển, quyên góp, mua lương thực dự trữ; vừa làm đủ nghề kiếm sống, các anh đã tạo được chỗ đứng chân ở vùng Đắc Nhân, được đặt tên là căn cứ “nửa lon”, vì những ngày ở đây hàng ngày mỗi người ăn chưa đầy nửa lon gạo. Tổ soi đường đi tiếp theo hướng bắc thì gặp đoàn cán bộ miền Bắc khởi hành từ 20/4/1959. Phải mất hơn sáu tháng các anh mới đặt chân lên phía tây Quảng Nam. Đoàn có hai mươi chín người, phần lớn là cán bộ quân đội, cấp bậc cao nhất là thượng úy. Trong số này có anh Bảy Kính, quê miền Bắc đi phu cao su rồi tham gia chiến đấu ở miền Nam, tập kết ra Bắc nay trở lại.

Tôi gặp anh trong chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài năm ấy, đã gần như người địa phương thực thụ. Anh người xương xương nhưng chắc khỏe, trụ lại đây đến miền Nam hoàn toàn giải phóng. Sau đại hội IV, anh tham gia tỉnh ủy Sông Bé kiêm bí thư huyện Phước Long. Được biết anh đã nghỉ hưu, về sống với gia đình ở chân núi Bà Rá. Ở hoàn cảnh anh, việc đưa gia đình về thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu không khó, nhưng anh tự nguyện định cư tại Phước Long, nhưng không ở thị xã cũ mà về chân núi Bà Rá là có cái lý cái tình của riêng anh. Vì anh gắn với mảnh đất đầy đau thương này từ những năm chưa có đồng khởi rất đen tối còn chịu được, nay đã khác xưa, đi làm sao được xa làm sao được, mảnh đất sâu nghĩa nặng tình này. Cuộc sống của anh thật giản dị, khiêm nhường mà cao cả.

Cuộc hành trình soi đường của tổ công tác đã thành công, Phước Long đã chuyển mình, trở thành nơi

hội tụ các đồng chí miền Bắc vào hợp sức. Phong trào được hồi phục, cơ sở chính trị được phát triển. Tháng 1 năm 1960 lực lượng vũ trang của Phước Long thành lập mang tên B270, thiết thực hỗ trợ cho cuộc nổi dậy của nhân dân. Hàng loạt ấp chiến lược, khu dinh điền trên trục đường 10, đường 14 bị phá vỡ. Hai mươi tư đồn bốt lẻ của địch bị san bằng, vùng giải phóng được mở rộng từ Bù Na - Quảng Đức đến Phước Quã - Liễu Đức. Lực lượng du kích được tổ chức, lực lượng dân công được thành lập sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Tiếng mõ khua báo mỗi khi có người lạ mặt đến ấp đã tắt và xa dần. Đã có đủ điều kiện đưa lực lượng chiến đấu vào gần đồn địch, cho phép chúng tôi, những người đi trước chuẩn bị chiến trường, nằm lại núi Bà Rá ban ngày để quan sát toàn cảnh trận địa địch ở thị xã Phước Long; đã có các điều kiện thuận lợi để chúng tôi bỏ sọt vào rào kẽm gai của địch để nghiên cứu tính toán đặt bộc phá mở cửa cho bộ đội tiến vào diệt địch. Đã có biết bao gương hy sinh thầm lặng của đồng bào đồng chí, của những người đi trước soi đường tạo thế cho trận đánh hôm nay.

Phước Long đã trở thành căn cứ của ta. Từ đây có thể đón người và hàng từ miền Bắc vào, từ đây có thể ra Tây Nguyên, sang Khu 6. Cái thế ấy là nguyên nhân làm nên thắng lợi của chiến dịch mà tôi sẽ kể cùng bạn đọc dưới đây.

Nhân hòa tạo nên thế lợi như vậy là tạm ổn. Nhưng cái khó chính lúc này khiến tôi băn khoăn thực sự là lấy đâu ra lương thực đủ cung cấp cho hơn một sư đoàn ăn trong quá trình chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu.

Hình như đoán biết được điều băn khoăn này, nên khi gặp tôi đồng chí bí thư huyện ủy Bù Đốp nói ngay:

- Các anh khỏi lo, lương thực cho bộ đội ăn tụi này đã chuẩn bị rồi.

- Bao nhiêu? - Tôi hỏi lại.

Vừa tự hào vừa ra vẻ quan trọng, đồng chí bí thư huyện ủy dẫn tôi đến một vạt rừng rậm nhiều cây to rồi chỉ lên, nói:

- Anh thấy không, lương thực treo trên các cây cao. - Ngoảnh lại tôi anh hỏi tiếp. - Thấy không?

Tôi ngược mắt nhìn lên, từng bó lúa nương được chải tuốt sạch sẽ chỉ còn hạt thóc treo lơ lửng trên các cành cây, đề phòng biệt kích địch phát hiện và thú rừng phá hoại.

- Bao nhiêu ký? - Tôi hỏi.

- Năm tạ! - Đồng chí bí thư trả lời, kèm theo tiếng cười sảng khoái.

Tôi thực sự xúc động: Năm tạ thóc xay xát còn ba tạ rưỡi là cùng. Đủ nuôi hàng nghìn con người được mấy ngày. Đúng là như muối bỏ bể, nhưng ở cái vùng đang còn đầy rẫy khó khăn, nhiều gia đình mà tôi bắt gặp đang ăn cháo, ăn củ rừng, lá bép thay gạo, vậy mà khi nói gộp gạo nuôi bộ đội ăn no đánh giặc là ai nấy đều sẵn sàng.

Lại một chuyện cảm động khác mà tôi được nghe kể trên đường đi chuẩn bị chiến trường: Trên giao nhiệm vụ cho nhân dân Sóc Bom Bo trong hai ngày phải có đủ một tấn gạo trong điều kiện có nhiều khó khăn, địch uy hiếp, phi pháo của chúng bắn phá không kể giờ. Nhưng nhân dân vẫn bình thản, lạc quan, ai có sức khỏe đều xung phong nhận nhiệm vụ, tiếng chày giã gạo các cùm cùm suốt đêm. Chỉ năm ngày sau số gạo cần có đã được đồng bào gửi tới địa điểm tập trung. Nhạc sĩ Xuân Hồng cảm hứng về hình ảnh đẹp này đã sáng tác “Tiếng chày trên Sóc Bom Bo” - một ca khúc trữ tình sâu đậm ngợi ca tinh thần yêu nước của người dân Bom Bo thuần phác, nói ít mà nghĩ sâu, nhìn lễ phải bằng việc làm thực tế, cái tư chất quý hiếm ấy đã góp phần quan trọng làm nên chiến thắng.

Đến đây xin đi vào nội dung của sự kiện.

Một câu hỏi được đặt ra sau hội nghị tổng kết chiến dịch Bình Giã: Hướng hoạt động quân sự trong thời gian tiếp theo là đâu?

Lại một dịp trao đổi sôi nổi. Có ý kiến đề nghị Long Khánh (Xuân Lộc); ý kiến khác: thọc lên Mê Pu, Tánh Linh, mở rộng địa bàn, tạo thêm chỗ đứng.

Như thế là vẫn duy trì đánh cấp trung đoàn trở xuống, chắc chắn sẽ diệt được địch, nhưng không lớn, nhất là không phục vụ cho củng cố thế đứng để phát triển lực lượng.

Tất nhiên là không nhất trí với ý kiến này nhưng tôi không biểu thị thái độ rõ ràng dù sao thì mình mới vào mà đề xuất chuyển hướng hoạt động để có điều kiện đánh lớn thì không có cơ sở. Vì các yếu tố địch tình, địa hình, dân tình chưa có tích lũy gì, tất cả đều mới mẻ đang trong thời gian tìm hiểu.

Hôm sau, cả Bộ tư lệnh chiến dịch chúng tôi lại được lệnh đến họp để nghe anh Thanh phổ biến quyết định của Bộ chỉ huy Miền mở chiến dịch mới: Phước Long.

Anh nói:

- Về mọi mặt chiến dịch này cao hơn Bình Giã, bước đầu chúng ta thí nghiệm đánh tập trung. Ấp Bắc, Đường Long, Bình Giã tuy thắng lớn nhưng chưa phải đánh lớn trên cấp trung đoàn. Cuộc ra quân lần này trước hết phải tiêu diệt cho được một bộ phận sinh lực quan trọng của chủ lực ngụy, đẩy mạnh chiến tranh du kích, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, củng cố và mở rộng căn cứ.

Đến đây anh chỉ tay vào bản đồ, vùng Phước Long đã được nét chì đỏ tô đậm thành hình bầu dục, nhấn mạnh:

- Đánh địch để tạo điều kiện xây dựng nơi đây thành căn cứ trong cái thế đứng liên hoàn của mặt trận Đông Nam Bộ là một yêu cầu vừa bức bách vừa cơ bản.

Bỗng giọng anh thấp dần và chậm lại, như tiếp sức lòng tin cho chúng tôi. Anh nói:

- Lấy Phước Long làm hướng tiến công chủ yếu trong đợt hoạt động xuân hè còn nhằm thực hiện ý định nghi binh lừa địch, tạo thế bất ngờ, bảo đảm chắc thắng. Sau Bình Giã, địch đoán và đề phòng ta đánh Long Khánh, vì Bà Rịa, Long Khánh cùng một địa bàn. Để củng cố thêm phán đoán sai lầm của địch, ta để lại một bộ phận ở đó phối hợp với bộ đội địa phương và lực lượng vũ trang khu G hoạt động trên lộ 2 (Bà Rịa - Long Khánh), đồng thời Bộ tư lệnh Miền đã điện cho các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Biên Hòa có kế hoạch đẩy mạnh hoạt động quân sự trước và trong khi Phước Long nổ súng.

Cuối cùng anh như trao đổi tâm tình, để có thêm thực tế thuyết phục một nhận thức gần như cố hữu, tuyệt đối hóa chiến tranh du kích, vì sau Bình Giã, cán bộ đại đội, tiểu đoàn vẫn chưa thật thông lối đánh tập trung, quen phân tán, đánh theo kiểu tự do lựa chọn mục tiêu. Nếu sau Ấp Bắc địch thấy khó thắng ta, thì sau Phước Long phải chứng tỏ ta có khả năng đánh lớn, tiêu diệt ngày càng nhiều sinh lực địch, diệt quận lỵ, chi khu, diệt tiểu đoàn, chiến đoàn địch; đánh phục kích, tập kích và đánh cả địch phòng thủ trong công sự vững chắc, giáng một đòn cơ bản vào chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch.

Anh động viên chúng tôi:

- Đây là chiến dịch quy mô lớn đầu tiên ở chiến trường Nam Bộ, đòi hỏi chúng ta không những có quyết tâm cao mà còn có cả biện pháp chiến đấu mưu trí, để giành cho được thắng lợi.

Kết thúc buổi giao nhiệm vụ, anh Thanh lần lượt nắm chặt tay từng người lắc mạnh và chúc thắng lợi.

Tất cả chúng tôi đều đã trải qua nhiều trận đánh, nhiều chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chín năm, vậy mà hôm nay như có chung sự háo hức, hăm hở của những người lần đầu ra trận, vì đây là một chiến trường thật xa, tất cả đều mới lạ!

Lúc này đã là đầu tháng tư, bầu trời vẫn vũ mang những đám mây mỏng nước báo hiệu mùa mưa sắp đến. Thời gian không còn nhiều. Bộ tư lệnh họp trong tinh thần khẩn trương, sau khi khẳng định quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, rồi phân công từng người hoàn thành công tác chuẩn bị trước khi bàn kế hoạch tác chiến cụ thể. Anh Tấn, anh Trần Độ lo sắp xếp lực lượng, chuẩn bị tư tưởng, tinh thần bộ đội, tôi dẫn đoàn cán bộ đi trinh sát thực địa.

Đêm trước khi lên đường, tôi miên man suy nghĩ. Đúng là muốn giải quyết được vấn đề đánh tập trung, đánh địch trong công sự vững chắc thì điều kiện tiên quyết là tạo được thế bất ngờ. Điều này cấp trên đã tạo cho ta, chọn Phước Long vừa có tầm nhìn chiến lược trong tạo thế, vừa thông minh trong nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch. Tuy bộ đội phải hành quân tiếp cận chiến đấu xa và vất vả, nhưng lợi là đánh lạc hướng địch theo dõi, đề phòng. Ta phải bằng mọi cách giữ cho được lợi thế này, không được sơ suất một hành động nhỏ trước hết là trong chuẩn bị chiến đấu. Yêu cầu đặt ra cho đoàn cán bộ đi trinh sát thực địa không phải chỉ nhận biết đầy đủ địa hình, hệ thống phòng thủ của địch để có kế hoạch bố trí binh hỏa lực, mà còn phải xác định được hướng đột phá, điểm đặt pháo, ĐKZ, thích hợp để làm nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ bộ binh có hiệu quả ngay từ phút đầu của giờ G - giờ nổ súng tiến công thống nhất.

Tuy chưa hình dung đầy đủ hình thể vùng rừng núi Phước Long nói chung, thị xã Phước Long nói riêng nhưng đầu óc tôi lúc này lại hiện về những trận công đồn ở Đông Khê, Nghĩa Lộ, hữu ngạn sông Đà và ở Điện Biên Phủ năm xưa mà mình đã tham gia, từ đó mà hình dung những khó khăn sẽ gặp, cùng các việc phải làm.

Sáng hôm sau đoàn cán bộ trinh sát thực địa lên đường. Từ căn cứ Mã Đà đoàn cắt rừng qua suối. Nhưng ngược lên hướng bắc - sát biên giới Campuchia để gặp các anh trong thường vụ tỉnh ủy Phước Long sơ bộ bàn kế hoạch phối hợp với nhân dân nổi dậy và xin các anh cho giao liên dẫn đường và móc nối với cơ sở hoạt động hợp pháp trong vùng địch trao đổi nắm tình hình cụ thể. Vẫn là những cánh rừng bằng đại ngàn đi không môi gối chồn chân nhưng tầm nhìn rất khó, ngay cả bầu trời có lúc cũng không thấy vì các cây đan chen thành một lớp lá dày như một trần nhà rộng mênh mông che lấp. Không gian thu hẹp cả bốn chiều, rất khó quan sát, dễ mất hướng và lạc đường.

Từ cực bắc chúng tôi lại xuôi về hướng đông nam. Bốn giờ chiều ngày thứ ba mới đến bờ bắc thác Mơ. Từ xa đã nghe thấy tiếng nước gầm réo như đang đến gần một nhà máy cơ khí cỡ lớn.

Không biết ai đã đặt tên cho con thác này thật đúng với cảnh quan đầy chất thơ. Dòng thác rộng vừa phải nhưng độ dốc cao, từng cột nước đổ xuống quện với sương mù ban chiều tạo thành biển mây bạc, bờ thác gồ ghề bởi nhiều phiến đá to nhỏ tạo thành êm ả mà gân guốc, ngồi trên những phiến đá thả chân xuống dòng nước tận hưởng cái mát dịu trong lành, tan nhanh những mệt nhọc, âu lo, thần kinh mau được thư giãn trở lại.

Từ thác Mơ chúng tôi nhìn thấy núi Bà Rá, mặc dầu dãy núi đột xuất có “ngoại hình” hùng vĩ cao gần tám trăm mét mà mãi hôm nay - sau ba ngày hành quân mới nhìn thấy nó.

Lại một đặc điểm nữa của riêng Đông Nam Bộ, vì nơi đây, chủ yếu vẫn là hình dáng của rừng bằng, muốn quan sát được địch phải leo lên các cây cao - tức là phải biết leo trèo. Từ thực tiễn sau chuyến đi chúng tôi cho bộ đội tập luyện, từ leo trèo tự nhiên đúc kết ra thành yếu lĩnh động tác, thứ tự phối hợp chân, tay, nâng, bắm đẩy người lên cao để phổ biến cho cán bộ chiến sĩ ở ngoài Bắc mới bổ sung vào, coi



đây như một “kỹ thuật” chiến đấu cần biết đối với mọi người.

Vượt thác Mơ sang núi Bà Rá, chúng tôi nằm lại một ngày ở lưng chừng phía đông quả núi, ăn gạo rang, uống nước lã cảm hơi, vì đây là đất lạ, trên đỉnh núi có lính địch đóng chốt bảo vệ hệ thống truyền tin, máy phát hiện tiếng động. Dưới chân núi là hệ thống áp chiến lược, đồn bót dày đặc, các đội biệt kích, thám báo ngày đêm tuần tra, lùng sục.

Tuy ta có cơ sở trong các áp chiến lược nhưng lúc này hệ thống kim kẹp của địch rất chặt. Tình nghi ai là chúng cứ bắt bớ, cầm tù, tra tấn và bắn bỏ. Vì vậy các cơ sở của ta tạm thời rút vào bí mật, hoạt động đơn tuyến, không ai biết ai.

Đúng là thời gian đã ủng hộ chúng tôi. Bầu trời hôm nay trong xanh không có sương mù. Chúng tôi di chuyển địa hình sang sườn núi phía bắc cách xa điểm ban đầu khoảng năm trăm mét để làm nhiệm vụ, theo từng nhóm nhỏ đã được phân công. Qua kẽ lá, leo lên cây cao nhìn bằng mắt thường, qua ống nhòm toàn cảnh thị xã Phước Long hiện ra rất rõ, giống như một mô hình cao nguyên được thu nhỏ, chung quanh đều có sườn dốc cao thấp khác nhau, nhất là phía đông bắc có quãng như một vách đứng, bộ mặt thị xã lại bằng phẳng, rộng khoảng hơn một cây số vuông. Có cơ sở địa phương đi cùng, đoàn trinh sát đã nhìn rõ các mục tiêu trọng điểm và đánh dấu chúng trên bản đồ mang theo: sở chỉ huy tiểu khu, dinh tỉnh trưởng, ty cảnh sát, trận địa pháo, bước đầu đã có dự kiến hướng mũi tiến công và mục tiêu cần đánh chiếm.

Đêm nằm ở sườn núi Bà Rá thoát đầu tưởng sẽ ngủ một giấc thật ngon, nào ngờ lại một đêm thao thức với những lo lắng và liên tưởng như một cuốn phim dài cứ xuất hiện trước mắt; nghĩ xa, nghĩ gần, nghĩ về thời tiết thật lạ, đối nghịch nhau như trên cung trăng. Ngày nắng như bốc lửa, cổ họng lúc nào cũng đòi nước vì khô đắng, đêm xuống - càng về khuya cái lạnh càng ủa nhanh. Sáng dậy người mỗi một tức thờ vì sương mù dày đặc tạo thành hạt nhỏ, làm mặt đất ẩm ướt khó chịu, chẳng khác gì cảnh núi rừng Tây Bắc.

Ngày hôm sau chúng tôi quyết định rời núi Bà Rá lật cánh sang hướng tây bắc. Đây là cuộc hành quân táo bạo. Nhưng không có con đường nào khác vì nhiệm vụ chưa hoàn thành, vì qua kinh nghiệm bản thân cho thấy khi đi trinh sát thực địa phải đi một đường về một đường, đề phòng bất trắc; và trên thực tế chúng tôi đã bị lộ, địch phát hiện dấu vết chúng tôi khi qua thác Mơ. Lại một bài học nữa về đi không dấu, nấu không khói nói không tiếng cần phải được nghiêm túc thực hiện.

Vượt qua hệ thống áp chiến lược thuộc khu vực Sơn Giang, đến địa điểm vượt qua đường là quãng nằm kẹp giữa sân bay và chi khu quân sự Phước Bình. Pháo sáng địch bắn cầm canh để vừa hù dọa vừa quan sát dấu vết. Chỉ cần một tiếng động nhỏ là đạn các cỡ đã tính sẵn đổ vào đây. Thần kinh chúng tôi căng nhao vì phải chờ ở đây hai tiếng. Cái lạnh đã luồn qua áo quần, lan khắp làn da, may mà không ai vì thế mà ho. Theo dõi kim đồng hồ đến từng giây, khi đó đúng một giờ sáng của ngày hôm sau, từng người nhẹ nhàng, nhanh chóng vượt qua đường, tự động tìm về điểm hẹn.

Xóc lại đội hình, chúng tôi tiếp tục lăm lũi xuyên qua màn đêm theo giao liên dẫn đường ngược lên hướng Bù Gia Mập - Bù Đốp, để từ đây quay ngược lại tiếp tục xác định địa điểm tập kết lực lượng, hướng đột phá - mở cửa cho các đơn vị tiến công thị xã Phước Long từ hướng bắc, tây bắc, đánh Phước Bình từ hướng tây nam.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 9: Phần 2

Thoảng gặp một cơn mưa bất chợt, rồi tạnh nhanh, nắng nóng trở lại, làm cảnh vật thay đổi, rõ nhất là nước sông Bé đã nhờ nhờ đỏ chảy mạnh hơn. Dấu hiệu mùa mưa bắt đầu khiến chúng tôi càng phải khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ càng sớm càng tốt.

Thượng tuần tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch hợp (có cả chỉ huy các trung đoàn và đơn vị trực thuộc dự) để nghe chúng tôi báo cáo kết quả chuyến đi trinh sát thực địa, thảo luận và thông qua quyết tâm chiến đấu của chiến dịch.

Cuộc họp diễn ra trong không khí ung dung, đàng hoàng, chừng chặc và hưng phấn. Trật tự trở lại thật nhanh khi anh Tấn đứng dậy tuyên bố lý do rất ngắn gọn và nói:

- Anh Thanh muốn chúng ta lúc này thật tỉnh táo, mình miễn trong khi trao đổi, thảo luận hạ quyết tâm.

Trong khi rất chăm chú nghe tôi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trinh sát thực địa, thỉnh thoảng anh Tấn xen vào hỏi thêm về giá trị phòng thủ, tiến công của khu vực Bà Rá, về đặc điểm các đoạn sông Bé chảy qua thị xã Phước Long, hướng hồ Long Thủy có thể là nơi hiểm yếu không, về sự yểm trợ qua lại giữa Phước Long và Phước Bình.

Anh Trần Độ hỏi sâu về dân tình bị dồn vào áp chiến lược, khu dinh điền, đánh giá, cấp ủy địa phương về khả năng nổi dậy của mũi đầu tranh chính trị.

Sang phần thảo luận về cách đánh, sử dụng lực lượng, bố trí binh hỏa lực thì không khí cuộc họp bỗng sôi động hẳn lên. Các trung đoàn trưởng trong đoàn đi trinh sát thực địa đề xuất nhiều vấn đề thiết thực, bổ ích. Ý kiến bố trí phân tán theo kiểu đánh nhỏ đánh tiêu hao gần như không ai đặt ra. Nhận thức về đánh tập trung đã có bước chuyển biến; nhưng lẽ tẻ có tư tưởng chủ quan hiểu đánh lớn một cách máy móc như kiến nghị đưa cả ba trung đoàn vào chiến đấu, tiến công cùng một lúc, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Phước Long, Phước Bình, cái thế để chúng ta giữ đất đã có vì đoàn cán bộ mở đường từ miền Bắc vào, đoàn cán bộ soi đường từ miền Nam ra đã gặp nhau, con đường chiến lược Bắc - Nam đã và đang có điều kiện thực hiện.

Anh Tấn đứng lên kết luận. Sau khi nhắc lại mục đích, ý nghĩa có tính chất chiến lược của chiến dịch, nhiệm vụ cụ thể của các mũi, các hướng, anh Tấn nhấn mạnh mục đích yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị trong đợt một chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài vừa như kêu gọi, động viên tinh thần trách nhiệm vừa như ra lệnh cho các lực lượng tham chiến phải nghiêm chỉnh chấp hành kế hoạch hiệp đồng chiến đấu giữa các mũi trong một hướng, giữa hướng chủ yếu và hướng thứ yếu của chiến dịch, đồng thời phải hỗ trợ có hiệu quả giữa lực lượng đánh điểm và lực lượng diệt viện khi tiến công các cứ điểm trên toàn địa bàn.

Giai đoạn chuẩn bị không kém phần vất vả, gian khổ đã kết thúc.

Cuộc ra quân đầy hào hứng bắt đầu.

Theo kế hoạch đã vạch, 0 giờ 45 phút ngày 11/5/1965 tiểu đoàn 1 (trung đoàn 1) cùng với tiểu đoàn 840 chủ lực của Quân khu 6 đồng loạt nổ súng tiến công thị xã Phước Long, thì mười lăm phút sau đó tiểu đoàn 5 (trung đoàn 2) tiến công chi khu quân sự Phước Bình cách Phước Long chín ki-lô-mét về phía tây nam.

Nhưng ở hướng Phước Bình đã phát sinh một trục trặc, nếu giải quyết không khéo sẽ dẫn tới toàn bộ kế hoạch chiến dịch bị đổ vỡ.

Số là trước giờ “G”, có chuông điện thoại liên tục đổ hồi về sở chỉ huy chiến dịch.

Anh Tấn nhắc ông nghe, nói:

- Ở đâu gọi! Ai đấy. Trung đoàn 2 à. Có gì cần báo cáo gấp? Cái gì? Nói lại? - Anh Tấn hỏi. - 17 giờ chiều nay à?

Vừa hỏi, tay anh vừa giơ lên nhìn đồng hồ, rồi anh nói tiếp:

- Cần theo dõi chặt và báo cáo kịp thời mọi diễn biến về sở chỉ huy, nhưng tất cả phải thật bình tĩnh.

Anh buông máy với nét mặt không vui, đượm vẻ dăm chiêu suy nghĩ.

Chúng tôi chưa hiểu điều gì đã xảy ra, nhưng qua nét mặt thay đổi rất nhanh của anh, chắc có chuyện chẳng lành.

Bộ chỉ huy hội ý chớp nhoáng. Anh Tấn thông báo:

- Trung đoàn 2 vừa báo cáo có một tiểu đội trưởng quê ở Bến Tre vào hàng địch.

Đúng là một tình huống khôn lường. Nhưng lúc này không phải lúc trách cứ, tìm nguyên nhân, rút kinh nghiệm. Chúng tôi thống nhất một biện pháp tình thế. Trước hết điện cho các đơn vị khẩn trương triển khai, rất có thể Bộ chỉ huy ra lệnh tiến công sớm hơn giờ G quy định. Riêng với trung đoàn 2, nhắc lại cần nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của anh Tấn đã nhắc qua điện thoại vừa rồi: Theo dõi chặt chẽ tình hình, nhưng phải thật bình tĩnh và sẵn sàng đợi lệnh.

Chuông điện thoại lại réo, đổ hồi. Trung đoàn 2 báo cáo: Không thấy có động tĩnh gì, trong chi khu vẫn im ắng, pháo sáng vẫn bắn cầm canh như mọi ngày.

Đồng hồ lúc này hai kim đã chập một - chỉ 24 giờ. Không khí trong sở chỉ huy căng thẳng, không gian yên lặng, ai cũng cảm thấy thời gian trôi đi quá chậm. Tuy chỉ còn nửa giờ nữa nhưng ai mà biết được diễn biến của tình hình, chiến dịch vẫn xảy ra nhưng rất có thể rơi vào trạng thái bị động.

Thần kinh mọi người căng nhão cho đến phút chót khi súng nổ rền từ hướng thị xã Phước Long vọng về thì tất cả đều thở phào - thế là chiến dịch vẫn giữ được bí mật đến phút chót.

Trên hướng Phước Bình phát triển thuận lợi. Chỉ bốn mươi lăm phút tiến công, Trung đoàn 2 đã hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm chi khu tiêu diệt, bắt sống toàn bộ quân địch ở đây, ta có ba chiến sĩ bị thương nhẹ.

Khi trung đoàn phát triển vào trung tâm, bắt được người tiểu đội trưởng bỏ vào đồn địch khi chiều, hỏi:

- Sao hàng địch?

- Dạ, tôi không hàng.

- Không hàng sao lại bỏ đơn vị vào đây.

- Vì nhớ nhà, vào để nhờ xe về thăm quê được dễ dàng.

Đúng là địch chủ quan, hoàn toàn bị bất ngờ trước đợt tiến công của ta, chứng tỏ người tiểu đội trưởng không khai báo, mà chỉ có một suy nghĩ giản đơn vào đồn địch có thể dễ dàng xin đi nhờ xe về thăm gia đình.

Trong khi Trung đoàn 2 đang tranh thủ thu dọn chiến trường, chuyển vũ khí đạn dược và các chiến lợi phẩm thu được của địch ra khỏi chi khu, giải thích để phóng thích tại chỗ số tù hàng binh, thì tại Phước Long súng nổ dữ dội.

Trọng tâm công việc của sở chỉ huy chuyển sang hướng thị xã. Lúc này đã 5 giờ sáng, sương mù tan dần, qua hệ thống thông tin chúng tôi được biết các mũi tiến công của ta đã vượt qua cửa mở, đang đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu như: dinh tỉnh trưởng, sở chỉ huy tiểu khu, ty cảnh sát, trung tâm truyền tin, trận địa pháo. Khoảng 10 giờ, địch tổ chức đổ bộ đường không, gồm bốn tiểu đoàn (ba tiểu đoàn bộ binh của trung đoàn 48, một tiểu đoàn 84 biệt động quân) xuống khu vực thị xã, một bộ phận của lực lượng viện binh này đánh bọc phía Đức Hạnh để chặn đường rút của ta từ trong ra, chặn lực lượng chi viện từ ngoài vào. Nhưng các lực lượng của Trung đoàn 3 và tiểu đoàn 840 Quân khu 6 vẫn ngoan cường chiến đấu, trụ lại đánh lui sáu đợt phản kích của địch, mãi chiều ngày 11 tháng 5 các đơn vị mới rút ra đánh địch ở vòng ngoài theo lệnh của sở chỉ huy.

Đến đây, chiến dịch Phước Long(1) đã kết thúc, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trên giao: tiêu diệt hoàn toàn chi khu quân sự Phước Bình, tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở khu vực Phước Long, đánh chiếm một số mục tiêu quan trọng và làm chủ thị xã trong nhiều giờ.

(1) Phước Long là tên chiến dịch trong kế hoạch ban đầu.

Tôi thấy không cần thiết phải nói về diễn biến, kết quả cụ thể, về ý nghĩa chiến thắng của chiến dịch vì các phương tiện truyền thông đại chúng đã phản ánh khá đầy đủ, nhưng với tư cách là người được tham dự, chứng kiến, tôi xin trình bày cùng bạn đọc một số cảm thụ của cá nhân, hy vọng góp thêm những khía cạnh của bức chân dung sự kiện, được tạo dựng bởi lòng dũng cảm và trí thông minh của các lực lượng tham gia chiến dịch.

Giữa hai khu vực quân sự Phước Long và Phước Bình, chúng tôi chọn Phước Long làm hướng tiến công chủ yếu là đúng vì ở đây tập trung các cơ quan đầu não của tỉnh, đánh mạnh vào đây sẽ làm cho thế trận phòng thủ của địch trên toàn địa bàn bị lung lay, dẫn tới sụp đổ. Nhưng địch ở đây không sơ hở, mà trái lại chúng tăng cường phòng thủ hướng bắc, đề phòng đối phương tiến công.

Về phía ta cũng không còn cách lựa chọn nào khác là phải lấy hướng bắc làm điểm đột phá, vì hướng đông bắc tuy địch có sơ hở nhưng địa hình phức tạp, có chỗ dốc ngược như vách đứng, dưới chân là sông Bé, hướng nam vương núi Bà Rá với các hệ thống phòng thủ dày đặc dưới chân núi.

Phải đánh vào vỏ cứng của địch nhưng vẫn thành công, trước hết là do tinh thần trách nhiệm chiến đấu cao của các đơn vị tham chiến. Trung đoàn 1 mang danh hiệu Bình Giã vẫn còn nóng hổi trong mình khí phách dũng cảm đánh địch và thắng địch trong chiến dịch Bình Giã; tiểu đoàn 840 vẫn phát huy là quả đấm tin cậy của chiến trường Cực Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống Pháp, là đơn vị chủ lực tin cậy của Quân khu 6 trong chống Mỹ. Theo kế hoạch ban đầu, đối với Phước Long chúng tôi quyết định dùng một trung đoàn tăng cường bằng cách điều chỉnh trong nội bộ các trung đoàn tham gia chiến dịch, nhưng sau có sự thay đổi, vì Bộ tư lệnh Miền chấp thuận đề nghị của Quân khu 6 xin cho tiểu đoàn 840 đang đứng chân ở khu vực Phước Long được đứng trong đội hình chiến dịch, trước hết thể theo nguyện vọng tha thiết của cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn 840 mong có được cơ hội góp phần vào chiến công chung. Như vậy lực lượng một trung đoàn tăng cường cho hướng chủ yếu không thay đổi, chỉ khác thành phần tăng cường là tiểu đoàn 840. Đây là một tiểu đoàn mạnh biên chế bốn đại đội, trong đó có đại đội 85 đặc công, đại đội 54 được tổ chức và huấn luyện tốt ở miền Bắc vừa được bổ sung cho chiến trường.

Cùng với Trung đoàn 1, tiểu đoàn 840 là một đơn vị tăng cường đã đóng góp xứng đáng phần mình trên hướng chủ yếu của chiến dịch. Mùa xuân 1983, tức mười tám năm sau tôi có dịp trở lại Phước Long, rất may mắn được gặp lại một chiến sĩ của tiểu đoàn này, nay là thượng tá Nguyễn Văn Ngoan, chỉ huy trưởng huyện đội Phước Long. Anh quê ở Nam Thanh (Hải Hưng), là chiến sĩ của đại đội 54 từ miền Bắc lên đường vào Nam từ tháng 7 năm 1964, có mặt ở Bù Gia Mập tháng 11 cùng năm và được biên chế về tiểu đoàn 840, hoạt động ở địa bàn Phước Long cho đến nay.

Đưa mắt nhìn nhanh toàn cảnh để định lại trong ký ức anh nói:

- Vẫn là hướng bắc nhưng tiểu đoàn chúng tôi chọn hướng đột phá hơi chếch về phía tây bắc vì ở chỗ này là nơi tiếp giáp giữa hai đơn vị phòng thủ, nên chúng có sơ hở. Mặt khác để tạo điều kiện thuận lợi cho tiểu đoàn, Quân khu tăng viện cho hai “hoàng tử lưng gù”.

Tôi cắt ngang:

- Hoàng tử lưng gù là cái gì?

- Báo cáo anh, đó là hai khẩu sơn pháo 75 ly của Nhật. - Ba Ngoan trả lời.

- Nhưng tại sao gọi nó là “hoàng tử lưng gù”? - Tôi hỏi tiếp.

Ba Ngoan cười sảng khoái, nói vui:

- Không rõ nó được chế tạo từ bao giờ nhưng trông trên sống lưng có hơi gù nên anh em tự đặt cho nó cái tên “hoàng tử lưng gù”. Nhìn đáng vẻ vừa cổ lỗ vừa xấu xí, nhưng hai hoàng tử đó đã hỗ trợ đắc lực cho tiểu đoàn trong giai đoạn đột phá mở đường.

Như vậy là phải đánh vào hướng mà địch chủ động đề phòng nhưng Trung đoàn 1 Bình Giả, tiểu đoàn 840 đã tìm được điểm yếu trong cái mạnh của địch, đã chỉ huy hiệp đồng tốt sức mạnh của hỏa lực đi cùng chế áp ầm ỹ, có hiệu quả, với một trung đội đặc công đi trước mưu trí mở đường, các đơn vị bộ binh đã dũng cảm thực hành đột phá đánh chiếm phần lớn các mục tiêu chủ yếu và làm chủ nhiều giờ trong thị xã này.

Đó là một việc làm thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao cả, lòng yêu nước vô giá mà mỗi chúng tôi mãi mãi kính trọng, biết ơn.

Nhưng mặt khác, đứng về tổng thể chiến dịch, chúng tôi - những người được giao trọng trách cao nhất cũng đã dành thời gian trao đổi, tính toán cho những bước đi chủ động để hỗ trợ cho hướng tiến công chủ yếu. Qua nghiên cứu, theo dõi, phân tích chúng tôi thấy khi địch tăng cường phòng thủ hướng bắc, nhất là ở khu vực Phước Long, đề phòng ta từ Đắc Ô, Bù Gia Mập đánh xuống, thì lại rất sơ hở, cho ta không có khả năng tiến công từ hướng nam lên, đánh vào chi khu quân sự Phước Bình. Ngay cả lực lượng đồn trú ở căn cứ này do chưa bị ta đánh lần nào nên cũng rất chủ quan, hệ thống công sự sơ sài, việc tổ chức canh gác tuần phòng không được cẩn mật.

Rõ ràng, nếu từ hướng nam chúng ta bí mật hành quân, bất thần đột phá diệt chi khu quân sự Phước Bình là nằm ngoài sự đề phòng của địch. Trong quân sự gặp phải tình huống bất ngờ sẽ dẫn đến tình trạng hoang mang dao động về tinh thần, lúng túng bị động về xử lý đối phó, là những nguyên nhân gây nên đảo lộn, ảnh hưởng đến thể trận, đến cục diện, đến thành bại của trận đánh.

Từ nhận thức trên, Bộ chỉ huy chiến dịch đã hạ quyết tâm: vượt lên mọi khó khăn, tổ chức một lực lượng đủ mạnh đánh địch từ hướng nam lên mà mục tiêu cần diệt là Phước Bình, để hỗ trợ thiết thực cho hướng tiến công chủ yếu.

Và thế là những phán đoán, những mong ước của chúng tôi đã trở thành sự thật. Mười lăm phút sau khi Phước Long nổ súng, thì ở hướng nam Trung đoàn 2 được lệnh tiến công chi khu quân sự Phước Bình. Trận đánh diễn ra bốn mươi lăm phút, ta làm chủ căn cứ, diệt và bắt sống toàn bộ quân địch chốt giữ ở đây.

Sự việc diễn ra quá nhanh, khiến chúng tôi vui mà cứ thấy ngỡ ngàng, thật mà vẫn như mơ. Có thể nói đây là một trận đánh “ngon” nhất mà tôi được chứng kiến.

Nhưng điều khiến tôi tâm đắc là tác dụng thắng lợi ở hướng thứ yếu Phước Bình đẩy nhanh tinh thần suy sụp các lực lượng địch ở Phước Long, tạo đà cho Trung đoàn 1, tiểu đoàn 840 hoàn thành nhiệm vụ phát triển nhanh vào trung tâm thị xã, cổ vũ tinh thần bám trụ trong nhiều giờ để truy quét tàn quân và đánh địch phản kích. Rõ ràng Phước Bình tuy là hướng thứ yếu nhưng nó lại mang tính chất hiểm yếu trên toàn khu vực phòng thủ của địch ở tỉnh Phước Long lúc bấy giờ, nên khi ta đánh chiếm và tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây đã làm rung chuyển toàn bộ khu vực phòng thủ Sài Gòn ở hướng bắc, đông bắc. Lúc ấy trong giới cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền ở Sài Gòn, đã có ý kiến: có thể phải rút bỏ thị xã Phước Long để tránh hiểm họa.

Đợt hai chiến dịch, mục tiêu tiến công là chi khu quân sự Đồng Xoài, không có trong kế hoạch ban đầu, mà được nảy sinh trong quá trình chiến đấu. Đó cũng là lý do cắt nghĩa vì sao giữa đợt một - đánh Phước Long, Phước Bình với đợt hai tiêu diệt sinh lực địch ở Đồng Xoài có khoảng cách những gần một tháng.

Sau chiến thắng địch ở mặt trận Phước Long - Phước Bình, anh Lê Trọng Tấn, anh Trần Độ được Bộ tư lệnh Miền gọi về báo cáo, tôi ở lại hướng dẫn các đơn vị rút kinh nghiệm về tổ chức và thực hành chiến đấu.

Trong lúc tôi đang suy nghĩ sắp tới sẽ làm gì, ở đâu, thì anh Tấn, anh Độ từ Bộ tư lệnh Miền trở về phấn khởi báo tin:

- Có nhiệm vụ mới rồi! Nhưng thời gian gấp lắm, phải chuẩn bị thật khẩn trương.

Liên sau đó cuộc họp Bộ chỉ huy chiến dịch được triệu tập. Anh Tấn phổ biến mệnh lệnh chiến đấu do anh Nguyễn Chí Thanh, thay mặt Bộ tư lệnh Miền giao nhiệm vụ tiếp theo của chiến dịch là tổ chức cuộc tiến công đợt hai vào chi khu quân sự Đồng Xoài và các đồn bót xung quanh nhằm tiếp tục thực hiện tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực quân ngụy, đẩy mạnh chiến tranh du kích, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, gây chấn động vào vùng ven đô và nội đô. Phải lựa chọn cách đánh quyết liệt vào căn cứ quân sự Đồng Xoài vì địch xây dựng nơi đây thành một trung tâm hành quân để tiến hành các cuộc hành quân càn quét đánh phá căn cứ, kho tàng, tạo lập một cứ điểm vững chắc của tứ giác Bình Long - Phước Long - Đồng Xoài - Chơn Thành trong hệ thống phòng thủ vòng ngoài ở phía bắc Sài Gòn.

Ngừng một lát, anh Tấn hạ giọng như tâm tình:

- Trước khi ra về anh Thanh bắt tay tạm biệt hai chúng tôi nhắc nhở thêm: Phải có biện pháp tập trung binh hỏa lực đánh mạnh, đánh tiêu diệt địch chốt giữ mục tiêu chủ yếu Đồng Xoài góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đồng thời giữ vững thế chủ động tiến công trong tình huống địch chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến. Đợt một đã thắng, đợt hai thắng giòn giã hơn, gây cho địch thất bại đau hơn, lớn hơn. Nhưng cần phải có biện pháp khắc phục công sự, hầm ngầm của địch, thực hiện bí mật, luồn sâu, đưa lực lượng vào đảm bảo chắc thắng, giảm thương vong đến mức tối thiểu.

Địa hình nơi đây đang còn xa lạ, nhưng nhìn vị trí Đồng Xoài trên bản đồ tình huống, chúng tôi càng

thấy sự chỉ đạo của anh Thanh có tầm nhìn xa, tính toán nhiều nước đi cho một thế cờ, củng cố thêm lòng tin và tinh thần quyết tâm đối với những người thực hiện, mặc dầu phía trước đang có biết bao nhiêu khó khăn đang chờ.

Sau khi họp quán triệt nhiệm vụ trên giao, thảo luận thống nhất bước đầu về quyết tâm chiến đấu, Bộ chỉ huy phân công mỗi người một việc: anh Tấn chuẩn bị nội dung mệnh lệnh chiến đấu, anh Trần Độ dự thảo chỉ thị về công tác chính trị, lãnh đạo tư tưởng bộ đội, tôi được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy trận tiến công mục tiêu Đồng Xoài.

Tuy thời gian chuẩn bị không còn nhiều nhưng phải mất gần tuần lễ chúng tôi mới hoàn thành nhiệm vụ của bước trình sát thực địa. Vì yếu tố bất ngờ gần như không còn, sau khi Phước Long, Phước Bình bị ta tiến công, địch ở Đồng Xoài tăng cường đề phòng tuần tra, canh gác, báo động chiến đấu. Thường ngày chúng tung từ một đến hai trung đội ra làm nhiệm vụ cảnh giới ở khu vực sân bay, đưa từ một đến hai trung đội khác ra phục kích ở hướng đông bắc và hướng đông áp chiến lược để phát hiện các hoạt động của ta. Đêm đêm địch tập bắn(2), báo động những giờ giấc không cố định, vào buổi tối, nửa đêm, gần sáng; mỗi lần kéo dài năm đến mười phút, tất cả các loại súng trong chi khu đều bắn dồn dập, mãnh liệt như một trận đánh thực sự. Khác với Phước Long, ở đây không có điểm cao như núi Bà Rá, mọi yêu cầu quan sát toàn cảnh từ xa đều phải leo lên cây cao nhưng không phải ai cũng biết trèo cây. Hơn nữa, thời gian để tiến hành nhiệm vụ cũng bị hạn chế, các công việc mất nhiều thời gian như tiếp cận mục tiêu, nắm tình hình cụ thể về bố trí binh hỏa lực, hệ thống vật cản, công sự, lô cốt, hầm ngầm lại chỉ làm vào lúc 17 giờ 30 phút đến 19 giờ 30 phút là lúc địch đổi gác, ăn cơm, chưa tổ chức tuần tiểu, phục kích. Phần lớn tình hình cụ thể đều dựa vào dân, do dân cung cấp nhưng tiến hành không thể nhanh mà là câu dằm, bắt bóng, có lúc được lúc không. Thường phải chờ dân ra vào áp chiến lược vào những giờ nhất địch dễ tiếp xúc, vừa tranh thủ giáo dục, thuyết phục gắn với trao đổi để tìm hiểu những điều cần biết. Có khi chúng tôi còn bí mật, bắt thằn lằn lúc tranh tối tranh sáng gắp dân ra vào áp chiến lược để hỏi thêm.

(2) Vừa nhằm hiệu chỉnh tâm hướng, vừa tập báo động hù dọa đối phương rằng chúng luôn tinh táo sẵn sàng đánh trả nếu bị ta tấn công.

Hạ tuần tháng 5, Bộ chỉ huy chiến dịch họp lần cuối để chính thức thông qua quyết tâm chiến đấu và các kế hoạch bảo đảm của các đơn vị hỏa lực, đặc công, hậu cần.

Qua báo cáo kết quả tình hình địch của đoàn trình sát thực địa, các nguồn thông tin của cấp trên, của cấp ủy, chính quyền địa phương, chúng tôi nhất trí đánh giá:

- Tuy chỉ là một chi khu, nhưng Đồng Xoài là một căn cứ quân sự mạnh hơn cả tiểu khu Phước Long, nó có một hệ thống công sự liên hoàn, vững chắc, nhiều lớp; hệ thống hỏa lực được bố trí hiểm hóc, sẵn sàng lưới lửa dày đặc để chặn đối phương trước tiên duyên bị tấn công. Song đây lại là một chi khu tương đối biệt lập, sự chi viện trực tiếp của pháo binh từ các điểm xung quanh bị hạn chế: Đồn gần nhất như cầu Sông Bé cách mười chín ki-lô-mét về phía tây nhưng không có pháo, tiểu khu Phước Thành cách ba mươi ki-lô-mét về phía nam, tiểu khu Phước Long cách ba mươi lăm ki-lô-mét về phía bắc. Về phía ta sau chiến dịch Bình Giã, sau đợt một của chiến dịch này tinh thần phấn khởi, tin tưởng của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên rõ rệt, đã có những trưởng thành về nhiều mặt, nhất là những kinh nghiệm về tổ chức, chỉ huy đánh tập trung, hiệp đồng binh chủng. Trang bị vũ khí được tăng cường, ngoài bốn khẩu sơn pháo 75 ly của Nhật còn được bổ sung thêm một số vũ khí bộ binh hiện đại kể cả súng phun lửa được đưa từ miền Bắc vào theo đường biển cập bến Lộc An (Bà Rịa) tháng 12 năm 1964. Nhưng nếu nói đánh địch trong công sự vững chắc theo đúng nghĩa của từ này thì đây là lần đầu bộ đội Đông Nam Bộ ra quân, trong khi tư tưởng ngại đánh lớn, đánh tập trung tuy đã được giải quyết nhưng chưa căn bản, chưa đủ cơ sở thực tế để thuyết phục. Tuy không phải là phổ biến, nhưng lẻ tẻ đến đâu vẫn còn nghe những ý kiến: Tiêu diệt địch cỡ nào, đại đội, tiểu đoàn trên cứ khoán, còn hoàn thành ra sao để đơn vị lo, mắc gì phải giao mục tiêu cụ thể.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 9: Phần 3

Đúng là chúng tôi đang sắp phải đương đầu với một cứ điểm quân sự thuộc loại rắn nhất của địch trong thời điểm lúc ấy. Đây vừa là một mệnh lệnh quân sự thực sự nghiêm túc, không chỉ giới hạn ở tiêu diệt sinh lực địch tại chỗ mà còn là một bước đi trước quan trọng, của một thế trận tiếp sau, như ý kiến chỉ đạo cuối cùng của anh Thanh trong đợt hai chiến dịch: “Giải quyết Phước Long khó, mà có đánh dứt điểm thì tiếng vang của nó không bằng Đồng Xoài. Đánh Đồng Xoài có giá trị nhiều mặt, nhưng phải chuẩn bị thật tốt.”

Từ những nhận định trên và để thực hiện ý kiến chỉ đạo của anh Thanh, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tăng thêm thời gian chuẩn bị và giao cho tôi trực tiếp tổ chức triển khai làm tốt một số việc chủ yếu sau:

- Đắp sa bàn chỉ khu quân sự Đồng Xoài để phổ biến cho cán bộ chỉ huy nhận dạng địa hình, thấy được hình thái bố trí của địch; giao nhiệm vụ chiến đấu cho các đơn vị, các mũi, các hướng; thực tập chiến đấu hiệp đồng chung và hiệp đồng cụ thể giữa các tổ hòa lực, bộc phá, đội đột kích, đội dự bị trong thực hành đột phá mở cửa.

- Huấn luyện kỹ thuật gói bộc phá, động tác đặt bộc phá, giật nự xòe, cắt rào vượt chướng ngại vật.

- Tổng hợp và phổ biến cho các đơn vị nắm được một số kinh nghiệm qua các trận đánh công kiên trong kháng chiến chống Pháp như trận Đông Khê, Bản Hoa, Đồi A1 (Điện Biên Phủ) để có cơ sở vận dụng trong thực hành chiến đấu.

Cái quy trình trong một trận đánh công kiên từ kháng chiến chống Pháp, bắt đầu là trận đánh Đông Khê ở biên giới Việt - Trung (1950) nay được sống lại, tất cả như còn mới nguyên, được các đơn vị đón nhận, cố học, cố luyện, cố nhớ để vận dụng khi vào trận.

Tuy có bận rộn, vất vả nhưng tôi rất hào hứng, phấn khởi thực hiện các công việc mà Bộ chỉ huy chiến dịch giao. Không khí chuẩn bị bỗng sôi nổi hào hứng trào lên, lan ra các lán dã ngoại ẩn mình dưới cánh rừng già cách căn cứ Đồng Xoài hai mươi ki-lô-mét về phía tây bắc(3), càng thôi thúc cổ vũ tôi làm hết sức mình với tinh thần tất cả cho trận đánh đang tới gần.

(3) Địa điểm trú quân của đội hình chiến dịch ở bắc đường 14 nhằm phân tán sự phán đoán của địch: đối phương sẽ đánh Đồng Xoài hay Chơn Thành?

Ngày N đã đến!

Trưa ngày 9 tháng 6 các đơn vị tham chiến được lệnh rời vị trí tập kết hành quân vào chiếm lĩnh trận địa.

Từ một địa điểm giấu quân giữa cánh rừng già thuộc địa phận khu vực Chơn Thành, tôi đi cùng với đơn vị tiến vào hướng tây, tây bắc (hướng chủ yếu của cuộc tiến công - khu phòng ngự then chốt của căn cứ, nơi đặt sở chỉ huy của chi khu).

Theo kế hoạch, 17 giờ 30 phút mới xuất phát, nhưng Bộ chỉ huy lệnh cho các đơn vị lên đường sớm một tiếng (16 giờ 30 phút) vì lúc này trời đổ mưa, một trận mưa to, xối xả âm ỉm như thác đổ bầu trời mờ đục như một tấm màn nguy trang thiên nhiên lý tưởng. Đoàn quân đi trong ướt lạnh, đường trơn, nhưng lại tranh thủ lúc ban ngày, vừa tạo được bất ngờ vừa có điều kiện quan sát địch; các chiến sĩ đơn vị ĐKZ, đại



liền cười nói râm ran “đỡ phải mò đường, lạc bạn, đỡ bị ngã, lại được ngắm cảnh, nhìn rõ bầu trời”.

Đúng 9 giờ 30 phút, các hướng, các mũi đã vào hết vị trí quy định. Tất cả đều an toàn, sung sức, đang triển khai đào công sự.

Trận đánh chưa bắt đầu mà tôi thấy niềm phấn khởi đến nhanh, cái lo giảm đi, đầu óc thanh thản, bớt căng. Tranh thủ đi kiểm tra tình hình chuẩn bị của một đơn vị, tôi thấy việc đào công sự còn sơ sài, giản đơn, chưa thật nghiêm túc, thường dựa vào gốc cây to, vào những cây gỗ đổ ngang làm vật che khuất, kể đó có hầm hố nhưng nông bờ chắn mỏng, thấp. Việc đã rồi, không còn điều kiện để khắc phục cơ bản, tôi chỉ nhắc: việc làm này còn sai, dễ bị địch sát thương trước khi tiến công chúng, cần tranh thủ sửa.

Ngay cả sở chỉ huy chiến đấu cũng vậy. Đặt ở sườn đồi phía trước là không đúng (nếu là đài quan sát thì được) dễ lộ, bị địch đánh phá. Công sự cũng sơ sài, chủ yếu dựa vào cây gỗ đổ ngang không an toàn. Tôi, anh Lê Xuân Lựu (phó chủ nhiệm chính trị), đồng chí Diễn trình sát của Bộ và đồng chí liên lạc phải bắt tay vào việc cải tạo lại sở chỉ huy, trước hết là đào hố ẩn nấp cá nhân. Qua thực tế này tôi thấy ý thức đánh phân tán, nhỏ lẻ, tự do lựa chọn, chắc ăn thì đánh, không chắc ăn bỏ vẫn tồn tại; mặt khác cũng do khuyết điểm của chúng tôi, việc giáo dục, hướng dẫn chuẩn bị chiến đấu cho bộ đội chưa kỹ, chưa bao quát đầy đủ các nội dung đồng bộ của một nhận thức về cách đánh mới.

Không gian lúc này im ắng. Căn cứ địch chìm trong màn đêm không một động tĩnh. Tôi quay sang anh Lựu:

- Yếu tố bất ngờ như vậy là tốt.

- Vâng, đúng là như thế! - Xuân Lựu vui vẻ hưởng ứng và giơ tay xem đồng hồ rồi tiếp. - Đã 22 giờ rồi anh ạ.

Vừa nói, Xuân Lựu vừa giơ đồng hồ sát mặt tôi để chứng minh rằng mắt mình còn tỉnh.

- Anh nhìn này có đúng là kim chỉ 22 giờ không.

Mặt đồng hồ dạ quang sáng trong đêm tối, hai kim lúc này thành hình góc nhọn, bé hơn chín mươi độ, đúng như Lựu nói.

Hai chúng tôi cười đủ nghe để chia sẻ niềm vui cho nhau trong giây phút chờ đợi đầy hồi hộp, rồi lại nhanh chóng trở về im lặng mà trận đánh đang đòi hỏi, tránh mọi động tĩnh cho đến phút chót.

Nhưng với tôi im lặng chỉ là hình thức, cái thanh thản chỉ thoáng nhanh, cái lo lắng, pháp phóng, bồn chồn lại rộn lên, bởi còn những hai giờ nữa mới nổ súng. Ai mà biết được từ đây đến đây cái gì sẽ xảy ra. Thời gian lúc này sao mà dài thế!

Đồng chí liên lạc đang giúp tôi đắp thêm bờ chắn miệng hầm cao thêm thì pháo 105 ly từ trong đồn địch bắn ra, phá tan không gian im lặng. Xuân Lựu từ hầm bên nói vọng sang:

- Báo cáo anh, lúc này là 22 giờ 40 phút.

Liền sau đó hầu như các loại súng trong chi khu bắn ra các hướng rất dữ dội, chủ yếu là hướng tây, tây bắc và hướng bắc.

Một quả rơi vào sở chỉ huy. Diễn, tiểu đoàn trưởng trình sát của bộ và đồng chí giữ máy điện thoại hy sinh, đồng chí liên lạc bị thương, chỉ có tôi và Xuân Lựu an toàn.

Súng phía trước vẫn nổ ngày càng dữ dội. Có cái gì đó như không bình thường. Tôi quay sang hầm

Xuân Lựu trao đổi:

- Anh ở lại đây nắm máy điện thoại liên lạc với anh Tấn ở sở chỉ huy chiến dịch, tôi xuống sở chỉ huy Trung đoàn 2 xem sao.

Tôi vừa đi được vài bước thì gặp Năm Phòng đi lên:

- Báo cáo anh tình hình gay, có lẽ bị lộ, địch bắn dữ.

- Có ai bị thương không? - Tôi hỏi.

- Dạ, chưa rõ.

- Pháo ta đã bắn chưa?

- Dạ, chưa. - Năm Phòng tiếp. - Anh Sáu Khâm đề nghị anh xuống.

Đúng lúc quá! Tôi đang trên đường xuống chỗ các anh. Ngoảnh lại thấy Xuân Lựu đứng bên, anh muốn cùng chia sẻ khó khăn chứ không chịu ngồi ôm máy điện thoại.

Vừa đến nơi tình hình im ắng trở lại. Xuân Lựu ghé sát tai tôi nói vui:

- Địch sợ tướng Hoàng Cầm đấy!

Căn cứ vào diễn biến thực tế cho đến lúc này, nhìn đồng hồ kim đã chỉ 23 giờ, chúng tôi trao đổi, đều nhất trí nhận định ta chưa bị lộ, vì loạt đạn pháo 105 ly đầu tiên địch bắn về hướng nam, chứng tỏ chúng bắn tập báo động như mọi đêm.

Sau đó tôi có nối dây điện thoại để báo cáo anh Tấn và trao đổi với anh Sáu Khâm (trung đoàn trưởng), Năm Phòng (chính ủy) lệnh cho các đơn vị chuẩn bị sẵn sàng, phải tranh thủ tối đa yếu tố bất ngờ, cho kiểm tra xem có đơn vị nào bắn lại. Nếu có cho đơn vị đó lùi ra, xóa dấu vết để phòng địch phát hiện. Tôi sẽ xuống các đại đội, tiểu đoàn kiểm tra.

- Anh khỏi phải xuống, để tụi tôi lo. - Sáu Khâm nói.

Chúng tôi vừa kết thúc những vấn đề cần xử lý trước mắt thì súng từ trong chi khu tiếp tục bắn dữ dội về hướng tây, tây bắc, có cả súng của ta từ hướng đó bắn trả lại. Mặt đất rung lên, bầu trời hiện lên một quang sáng vì ánh lửa đạn và pháo sáng địch liên tục bắn lên.

Chưa biết rõ nguyên nhân nhưng tất cả chúng tôi đều có chung nhận định - dấu hiệu bị lộ đã rõ, khả năng bất ngờ không còn nữa.

Tình huống thay đổi mau lẹ. Từ kỳ tập chúng tôi phải chuyển sang cường tập, phát huy tối đa các loại hỏa lực sơn pháo 75 ly, ĐKZ 75, súng cối 82 bắn chế áp mạnh mẽ hỗ trợ cho các mũi, các hướng đồng loạt tiến công. Cuộc chiến đấu từ đây diễn ra rất gay go, ác liệt. Số thương vong tăng lên, phần lớn các chiến sĩ đánh bộc phá bị thương và hy sinh, một số trận địa pháo bắn thẳng bị trúng đạn, pháo bị hỏng. Sau hai mươi phút đầu nổ súng, các hướng mới mở được hai đến ba lớp hàng rào, chưa mũi nào vào được chi khu.

Sau khi khẩn trương vận chuyển thương binh về phía sau cứu chữa, chấn chỉnh, bổ sung lực lượng, điều trận địa hỏa lực lên gần hơn để nâng hiệu quả bắn chế áp hỏa điểm địch, chúng tôi hạ lệnh đợt đợt phá lần thứ hai vào lúc 1 giờ sáng ngày 10 tháng 6, kéo dài đến 5 giờ mới kết thúc, ta chiếm phần lớn các mục tiêu trong chi khu.

Nhiệm vụ đã hoàn thành, trận địa đã im tiếng súng, vậy mà cả hai anh Sáu Khâm, Năm Phòng đều khóc, với nét mặt ngậm ngùi, thương cảm, vì ta bị thương vong quá nhiều(4).

(4) Theo số thống kê, riêng trận tiến công chi khu quân sự Đồng Xoài, số thương vong 424 (trong đó có 134 đồng chí hy sinh).

Chiến thắng mà buồn lo, giống như tôi đã ôm khóc nức nở vì thương xót đại đội trưởng Trần Cừ hy sinh trong trận đánh chiếm cứ điểm quân sự Đồng Khê (trong chiến dịch Biên Giới Thu Đông năm 1950), khóc vì ân hận, vì hôm trước tôi nặng lời, do hiểu lầm anh!

Hiểu được phút yếu đuối chân thật đời thường, không thể có lý do trách cứ, tôi lựa lời trao đổi với hai anh:

- Thương vong không ai muốn nhưng cũng là điều tất nhiên. Có chiến thắng nào lại không mất mát, điều quan trọng là phải nghiêm khắc kiểm điểm, biết rút kinh nghiệm để các trận đánh sau tránh được những vấp ngã không đáng có.

Trời chưa sáng rõ. Không gian vẫn yên tĩnh. Tranh thủ khoảnh khắc quý hiếm này, tôi lại tiếp:

- Không sợ mất sức chiến đấu, vì ta tiến công địch trong đội hình sư đoàn, theo phương thức đánh lớn, ngoài Trung đoàn 2 còn có Trung đoàn 1, Trung đoàn 8 sẵn sàng thay thế làm nhiệm vụ tiếp sau. Cuộc chiến đấu còn dài, không phải hết thời cơ sửa chữa khuyết điểm. Bây giờ là lúc đòi hỏi phải biến đau thương thành sức mạnh, thành hành động cụ thể. Trước mắt tôi đề nghị các anh tranh thủ thời gian cho điều chỉnh củng cố lại lực lượng sẵn có, hình thành ngay thế bố trí trụ bám chiến đấu, bằng bất cứ giá nào không cho địch tăng viện bằng đường không xuống căn cứ Đồng Xoài, tạo điều kiện cho đơn vị bạn đánh viện như đã nêu trong kế hoạch hiệp đồng chiến đấu chung.

Như một công thức, nhưng lúc này những điều tôi vừa trao đổi lại có tác dụng an ủi động viên lẫn nhau, tăng thêm cảm thông, gắn bó và tinh thần trách nhiệm cộng đồng giữa trên dưới, để cùng nhau xốc tới, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Ngay sau đó anh Sáu Khâm, anh Năm Phòng cùng với các cấp phó trong ban chỉ huy Trung đoàn 2 lấy lại được khí thế ban đầu, chỉ huy đơn vị đương đầu với địch trong điều kiện mới đầy thử thách gay go - trụ bám đánh địch giữa ban ngày, chịu đói chịu khát, chịu liên tục nhiều đợt máy bay phản lực Mỹ từ sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất đến bắn phá, để yểm trợ cho máy bay lên thẳng đến đổ quân xuống phản kích chiếm lại khu vực chúng đã mất, nhưng chúng đã thất bại. Lại có thêm cán bộ, chiến sĩ ta hy sinh và bị thương. Nhưng cái được thật lớn, buộc địch phải thay đổi kế hoạch. Ngày 10 tháng 6 địch cho máy bay lên thẳng đổ tiểu đoàn 1 trung đoàn 7 (sư đoàn 5) xuống khu vực Thuận Lợi cách Đồng Xoài bảy ki-lô-mét về phía bắc, đã bị Trung đoàn 1 bố trí sẵn ở đây tiêu diệt. Ngày 12 tháng 6, ta lại tiêu diệt gọn tiểu đoàn 7 khi chúng vừa được máy bay lên thẳng đổ xuống tăng viện chưa kịp phản kích chiếm lại Đồng Xoài.

Đến đây bạn đọc đã rõ: Đồng Xoài là trận tiến công then chốt của chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài, nhưng không nằm trong kế hoạch tác chiến ban đầu; nó chỉ được hình thành sau khi ta đánh thắng địch ở Phước Long, Phước Bình. Vì vậy khoảng cách giữa hai đợt tiến công khá xa, trên dưới một tháng (đợt một từ 10 đến 11 tháng 5 đánh Phước Long, Phước Bình; đợt hai từ 9 đến 11 tháng 6 đánh Đồng Xoài). Tuy hình thành sau nhưng cuộc tiến công căn cứ Đồng Xoài không phải do ngẫu hứng, bị động mà trái lại, nó được cấp trên trù liệu từ rất sớm trong nghệ thuật chỉ đạo tạo thế trên chiến trường Nam Bộ nói chung, Đông Nam Bộ nói riêng. Năm 1961, trung ương và Bộ Chính trị đã có chỉ thị rất cơ bản về đường lối và phương pháp công tác cho cách mạng miền Nam, trong đó nhấn mạnh “căn cứ lâu dài cho toàn miền Nam là khu vực rừng núi Tây Nguyên và Đông Nam Bộ”.

Để thực hiện yêu cầu này, Bộ Chính trị còn nêu phương châm công tác cụ thể ở các vùng rừng núi lấy “đấu tranh quân sự làm chủ yếu”.

Ngay khi họp giao nhiệm vụ cho chúng tôi tổ chức triển khai mở chiến dịch tiến công Phước Long, Phước Bình, anh Thanh có nhắc đến mục tiêu quân sự Đồng Xoài nhưng anh lại không đưa nó vào kế hoạch chung.

Theo cảm thụ của tôi, tương quan lực lượng lúc đó chưa cho phép cùng một lúc mở rộng không gian chiến dịch. Mặt khác các đơn vị chủ lực Đông Nam Bộ ở thời điểm này vẫn chưa quen đánh lớn, đánh hiệp đồng binh chủng, đánh địch trong công sự vững chắc. mà phải vừa đánh vừa rút kinh nghiệm từ thấp đến cao, phải có thời gian chuẩn bị về nhận thức, tư tưởng, huấn luyện chiến thuật kỹ thuật mới. Tuy không phải là chiến dịch riêng lẻ, nhưng do ý nghĩa quan trọng và tiếng vang lớn của trận then chốt chiến dịch diễn ra ở Đồng Xoài, nên tên gọi phổ biến sau này là chiến dịch Đồng Xoài.

Thực hiện chỉ thị của Bộ tư lệnh Miền, chúng tôi tổ chức tổng kết chiến dịch, có cả đại biểu Trung ương Cục, Quân ủy Miền xuống dự, có mời cả Quân khu 7 và đặc khu Sài Gòn - Gia Định, vì đây là chiến dịch lớn đầu tiên ở chiến trường B2, có nhiều bài học thực tiễn về chỉ đạo chiến dịch và chỉ huy chiến đấu rất cần cho hoạt động quân sự tiếp sau.

Anh Nguyễn Chí Thanh có mặt từ đầu đến cuối hội nghị tổng kết. Ngoài nghe phát biểu chung, anh tranh thủ gặp gỡ nhiều cán bộ, chiến sĩ để tìm hiểu về nhận thức, hỏi sâu các vấn đề xử lý cụ thể trong quá trình chiến đấu. Anh vẫn sôi nổi, giản dị và chan hòa. Gặp tôi anh hỏi:

- Sút gãy thế này thì chịu được mấy chiến dịch (vì sau chiến dịch tôi gãy đi tám ki-lô-gam).
- Báo cáo anh, sẽ quen.
- Có nhiều khó khăn không? - Anh Thanh hỏi tiếp.
- Báo cáo anh tương tự như Điện Biên Phủ.

Anh Thanh phát biểu trước khi hội nghị kết thúc. Sau khi biểu dương tinh thần khắc phục khó khăn, chiến đấu dũng cảm của các đơn vị tham gia chiến dịch, anh phân tích ý nghĩa chiến thắng và bài học rút ra về chỉ đạo chiến dịch. Anh nói:

- Thắng lợi của chiến dịch Sông Bé - Đồng Xoài đã giáng một đòn quyết định góp phần làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Các đồng chí đã tiêu diệt được Đồng Xoài thì có thể diệt được các căn cứ chi khu khác ở miền Đông Nam Bộ.

Cuối cùng anh nhấn mạnh:

- Bài học mà tất cả chúng ta đều thấy là muốn tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, làm chuyển biến cục diện thì phải thực hiện đánh lớn, hiệp đồng binh chủng, tức là phải có quả đấm chủ lực.

Ngày 2/9/1965, lễ thành lập sư đoàn 9 được cử hành giản dị mà trang nghiêm bên bờ suối Nhung thuộc địa phận Phước Thành.

Lễ thành lập sư đoàn diễn ra trong điều kiện rất đặc biệt, đậm nét màu sắc chiến trường. Vì các trung đoàn lúc này đang phân tán, ở xa làm nhiệm vụ chiến đấu, nên chỉ triệu tập đại biểu cán bộ phụ trách từ đại đội trở lên về dự lễ ra mắt.

Thay mặt Bộ tư lệnh và Quân ủy Miền, anh Nguyễn Chí Thanh (cùng đi còn có luật sư Nguyễn Hữu

Thọ, Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) xuống công bố quyết định thành lập sư đoàn.

Không khí trang nghiêm mà thân mật ấm tình đồng chí. Tất cả chúng tôi đều yên lặng lắng nghe anh Thanh đọc quyết định và chỉ thị. Sư đoàn 9 là đơn vị chủ lực đầu tiên của B2 và Đông Nam Bộ, có vai trò rất quan trọng trong nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch cỡ binh đoàn, góp phần đánh bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Nhưng muốn đánh bại loại chiến tranh này chúng ta phải phá vỡ hệ thống áp chiến lược, đánh bại thủ đoạn phòng thủ diện địa, tiêu diệt tiểu đoàn, chiến đoàn, sư đoàn địch. Thắng lợi vừa qua là lớn, nhưng chưa đủ. Lực lượng địch còn đông, chúng phát triển thành nhiều sư đoàn, hình thành quân khu, quân đoàn, đòi hỏi chúng ta phải có nhiều quả đấm chủ lực. Trước mắt cần có kế hoạch tiêu diệt quận lỵ Dầu Tiếng, kết hợp đánh viện, phát triển về Bầu Bàng, Lai Khê, Bình Dương, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế, mở rộng lực lượng chuẩn bị sẵn sàng đánh Mỹ.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 10: Phần 1

Ngay từ những năm đầu của thập kỷ sáu mươi, Bộ chỉ huy tối cao của trận chiến trường kỳ của dân tộc đã chuẩn bị cho những người cầm súng, nhất là cho cán bộ chỉ huy cao cấp chúng tôi một nhận thức về “khả năng hòa bình phát triển của Cách mạng miền Nam gần như không còn nữa. Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa của nhân dân sẽ bùng nổ để lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm”(1), “phải đề phòng địch có hành động điên cuồng, khi cần phải đánh lâu dài mười năm, hai mươi năm và phải có kế hoạch đề phòng khi đột biến”(2), “phải đặt vấn đề Mỹ nhất định nhảy vào để tính toán, không sợ nhưng không khinh địch”(3).

(1) (2) Ý kiến của Bác Hồ trong phiên họp Bộ Chính trị sau ngày 5 tháng 8 năm 1964 và tháng 2 năm 1965 (Văn Tiến Dũng - Bước ngoặt lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, NXB Sự thật, Hà Nội, 1989, trang 33).

Đồng thời Bộ chỉ huy tối cao còn chỉ ra những tư tưởng cần có, những công việc phải chuẩn bị, những nhiệm vụ phải làm “để chiến thắng cho kỳ được cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức cao của địch ở miền Nam. Phải hết sức cảnh giác và sẵn sàng đối phó để có thể thắng địch nếu chúng biến chiến tranh ở miền Nam hiện nay thành ‘chiến tranh cục bộ’ hoặc chúng gây ra chiến tranh cục bộ ở cả hai miền Nam - Bắc chúng ta”(4).

(3) (4) Nghị quyết Trung ương lần thứ 11/3/1965.

Với Mỹ mùa hè 1965 lại là một mùa hè nóng bỏng, không phải vì thời tiết mà vì sự căng thẳng bị thúc ép phải lựa chọn một quyết định không thể chậm hơn. Bởi lẽ tình thế lúc ấy đặt ra cho Nhà trắng và Lầu năm góc những vấn đề cực kỳ gai góc:

- Tiếp tục “chiến tranh đặc biệt” Mỹ chắc thua.
- Đưa quân Mỹ vào trực tiếp tham chiến cũng không chắc thắng.

Lại nữa, lúc Tay-lơ đại sứ Mỹ tại Nam Việt Nam muốn hạn chế vai trò quân Mỹ trong chiến tranh, thì tướng bốn sao Oét-mo-len vừa được tổng thống Giôn-xơn bổ nhiệm làm tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam lại cho rằng: “Không có tiến trình hoạt động nào khác cho chúng ta ở Nam Việt Nam trừ việc tăng thêm các lực lượng vũ trang Mỹ càng nhanh càng tốt.”

Chính vì cái nóng bỏng chứa đầy mâu thuẫn ấy mà chỉ trong vòng ba mươi bảy ngày (từ 7 tháng 4 đến 13/5/1965) tổng thống Giôn-xơn đã mười hai lần đọc diễn văn về vấn đề Việt Nam, tìm mọi cách biện bạch, lừa mị. Cuối cùng ông ta đã lựa chọn giải pháp đưa quân Mỹ vào trực tiếp xâm lược miền Nam Việt Nam, quân số lúc cao nhất lên tới 536.100 tên.

Những cái gì phải đến đã đến. Rút cuộc cái không chắc thắng đã trở thành cái chắc thua trước sức mạnh tổng hợp của quân và dân miền Nam qua các đòn tiến công và nổi dậy đồng loạt: Xuân 1968; cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè 1972. và cuối cùng là cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Nhưng con đường dẫn tới vinh quang đó đâu phải thênh thang bầy sẵn, mà trải qua những bước thăng trầm, vượt qua bao thử thách. Trí tuệ của toàn dân tộc tích lũy hàng ngàn năm được huy động đến mức tối đa cho cuộc chiến đấu hôm nay, cùng với tinh thần dũng cảm xả thân của biết bao đồng chí đồng bào.

Dưới đây xin kể cùng bạn đọc cuộc đọ sức mở đầu giữa lực lượng vũ trang ta và quân viễn chinh Mỹ trên đường 13 mà chúng tôi được tham dự, chứng kiến.

Sự việc bắt đầu từ chủ trương mở chiến dịch Dầu Tiếng đã được anh Thanh nhắc tới trong hội nghị tổng kết chiến dịch Đồng Xoài và trong buổi lễ thành lập sư đoàn 9, anh nói rõ hơn:

- Về chính trị, ta có Đồng Khởi Bến Tre, về quân sự ta chiến thắng liên tiếp ở Bình Giã, Phước Long. Đồng Xoài lần đầu ta tổ chức đánh tập trung, hiệp đồng binh chủng, nhưng chưa đủ. Tình hình đòi hỏi phải coi trọng việc xây dựng lực lượng chủ lực lớn mạnh, không có chủ lực không giải quyết được vấn đề một cách cơ bản. Quả đấm nhỏ sẽ không có thắng lớn. Việc thành lập sư đoàn 9 là để đáp ứng nhu cầu đánh lớn, đánh tập trung, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Trước mắt cần khẩn trương chuẩn bị, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương mở chiến dịch Dầu Tiếng. Đây là một mục tiêu quan trọng nằm trong kế hoạch hoạt động quân sự tổng thể: Bình Giã - Phước Long - Đồng Xoài - Dầu Tiếng của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực quân chủ lực nguy, góp phần đánh bại ý chí nguy quân, nguy quyền làm mất chỗ dựa của Mỹ; đồng thời phải có phương án đánh Mỹ nếu chúng nổi ra.

Buổi giao nhiệm vụ diễn ra trong không khí nghiêm túc mà chan hòa, cởi mở. Vì chiến dịch sẽ diễn ra trong môi trường quân sự mới khác với các đợt hoạt động trước đó, nên có nhiều ý kiến nêu ra trao đổi rất sôi nổi, thẳng thắn gợi nhiều bổ ích cho quá trình chuẩn bị sau đó.

- Trường hợp Mỹ nổi ra thì ta đối phó cách nào, hay vẫn giữ cách đánh điểm diệt viện.

- Nếu Mỹ nhảy vào thì phải chọn chiến trường chuyển sang đánh Mỹ, không thể đánh và giải phóng được Dầu Tiếng.

- Nhưng đánh cách nào? Nếu Mỹ nằm ở hậu cứ hoặc đứng phía sau quân nguy thì tiến hành bao vây vu hồi phía sau, không chể, lùi chúng ra mà đánh; nếu chúng đứng phía trước thì chuyển sang đối đầu trực tiếp, vân vân.

Những ý kiến tuy chưa có cơ sở thực tế, cách đánh cũng chưa cụ thể, nhưng đều thể hiện quyết tâm chiến đấu của những người dự họp, nếu có gì đó thì chỉ là những bản khoản làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ vì đối tượng Mỹ đang là mới mẻ; đồng thời đây cũng là những gợi ý tốt đối với chúng tôi trong quá trình chuẩn bị hạ quyết tâm chiến đấu.

Cuối tháng 9 anh Thanh cử anh Trần Văn Trà xuống sư đoàn để giao nhiệm vụ cụ thể và bàn bạc biện pháp thực hiện phương án hai: đánh Mỹ. Vì lúc này trên chiến trường Đông Nam Bộ đã có ba đơn vị quân viễn chinh triển khai bố trí ở ba nơi: sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” ở Lai Khê (tỉnh Bình Dương), sư đoàn bộ binh số 25 - “Tia chớp nhiệt đới” ở Đồng Dù (Cù Chi), lữ đoàn dù 173 ở Biên Hòa. Từ 26 đến 30 tháng 6, lữ đoàn này cùng với một tiểu đoàn quân Úc mở cuộc hành quân ra phía tây bắc Sài Gòn. Đây là cuộc hành quân trên bộ đầu tiên của quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, mở đầu cho chiến lược “chiến tranh cục bộ”, các cuộc hành quân về sau chỉ tập trung vào vấn đề sử dụng bao nhiêu quân và mục đích cụ thể gì.

Sau khi nghe anh Trà phổ biến nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Miền, Bộ chỉ huy sư đoàn cùng với anh Trà trao đổi kế hoạch triển khai thực hiện. Trước hết chúng tôi cùng có chung một nhận định - là bên cạnh số đông qua thực tế Bình Giã, Đồng Xoài đã thấy cần thiết phải phát triển lực lượng chủ lực để thực hiện đánh lớn, cũng còn số ít vẫn thiên về tác chiến du kích, ngại đánh lớn Mỹ nhảy vào, cá biệt còn có tư tưởng ngại đối đầu với Mỹ.

Những tồn tại trên tuy không phải là phổ biến nhưng cần được quan tâm, không chỉ đơn thuần giải thích đã thông, hô hào động viên kêu gọi mà phải bằng cả tổ chức, kế hoạch chiến đấu và biện pháp bảo đảm cụ thể, thực tế.

Anh Trà tiếp tục truyền đạt ý kiến của Bộ tư lệnh Miền về khả năng hành động của quân Mỹ: chúng có thể trực tiếp đối đầu hoặc quá trình ta tiến công Dầu Tiếng quân Mỹ sẽ tăng viện cho nguy. Vì vậy phải ứng phó với cả hai tình huống trên, bảo đảm thắng ngay từ trận đầu, diệt gọn từng trung đội, đại đội địch.

Đánh nguy (dù được Mỹ trang bị và huấn luyện) đã có kinh nghiệm, nhưng với Mỹ thì đây là lần đầu cần được chuẩn bị nghiêm túc nhưng phải khẩn trương, trước hết cần trả lời câu hỏi: Mỹ ở đâu và chúng sẽ ra theo hướng nào.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của cấp trên, xuất phát từ thực tế của đơn vị, tôi và anh Nguyễn Thế Bôn, tham mưu trưởng sư đoàn lên đường đi chuẩn bị chiến trường theo phương án hai, các anh Lê Văn Tường chính ủy, Hoàng Thế Thiện phó chính ủy tiếp tục lo phương án tiến công Dầu Tiếng.

Chúng tôi theo đường 13 xuống tận Lai Khê, Bến Cát. Trước khi lên đường, anh Hai Nghiêm vào trước có kinh nghiệm nhắc chúng tôi cần chú ý những chi tiết nhỏ nhưng rất quan trọng về cách ứng xử, xưng hô như gọi thứ thay tên, tô thay bát, vân vân. Tôi và anh Bôn đều cải trang lại, thay quần áo bà ba may rộng mang từ ngoài Bắc vào bằng quần áo bà ba vải đẹp mau khô may chèn do hậu cần Miền cấp. Nhưng khi thực hiện thường hay quên, gặp trục trặc ngay từ phút đầu đóng vai dân.

Vừa qua khỏi ngã ba Bầu Lồng, gặp bà má tuổi độ sáu mươi, hỏi:

- Con là thứ mấy?

- Thứ nhất ạ. - Tôi trả lời.

Bà má nhìn nhanh hai chúng tôi, nở nụ cười thương cảm:

- Hai ơi! Mày mới ở Bắc vô phải không. - Má đưa mắt nhìn quanh, rồi hạ giọng. - Đi đường phải chú ý nghe con, kẻ xấu thường lẫn trong dân để dò tìm “Việt cộng” đấy.

Một bài học nhỏ mà quan trọng, một nhận biết thoáng qua mà thấm sâu về lòng dân đùm bọc, chờ che tiếp thêm sức mạnh, lòng tin khi chúng tôi đang đi giữa lòng địch.

Đi được khoảng mười ki-lô-mét, khát và đói ập đến, lại gặp quán bán đồ nhậu, chúng tôi dừng chân.

Người chủ quán tuổi độ tứ tuần, có bộ râu quai nón dữ tợn nhưng thái độ rất nhã nhặn, đơn giản mời chào.

- Cho hai bát tô hủ tiếu. - Anh Bôn gọi.

- Giấu sao nổi hả chú? - Người chủ quán nói, kèm theo cái nhìn thông cảm, như nhắc chúng tôi phải cẩn thận vì gần đây có bất an và một trạm gác của dân vệ.

Dân rất tin, từ đây trở vào, họ tìm cách đến gần hỏi chuyện, có cả người nói giọng Bắc. Chúng tôi không còn cách nào khác là tìm cách lảng tránh, chỉ dạ dạ mỗi khi dân nói chuyện gợi ý thăm dò.

Đến Đồng Sở lại gặp tiệm nhậu, đưa mắt liếc nhìn thấy lối nhỏ bọn lính nguy ngồi trong đó.

- Đi thôi. - Anh Thế Bôn giục.

- Đi lúc này là lộ ngay. - Tôi nói tiếp. - Biết đâu chúng đặt người theo dõi, ta cứ giữ vẻ đàng hoàng thân nhiên vào như những khách qua đường ghé để ăn nhậu.

Thế là một nguy hiểm đã vượt qua. Từ Đồng Sở vào Lai Khê, dân thấy chúng tôi vóc dáng khỏe



mạnh, đưa mắt nhìn tỏ vẻ thiện cảm và ghé vào tai nhau thì thầm “đúng là người ngoài Bắc mới vô”. Một số ít đoán đúng chúng tôi là Quân giải phóng mới lên xe đò đi cho đỡ mệt. Từ đây quang cảnh tấp nập đông vui. Có người từ Lai Khê, Bến Cát ngược lên để tránh Mỹ, có người từ An Lộc, Chơn Thành xuôi về Bình Dương buôn bán.

Đây là một thuận lợi để chúng tôi dễ lẫn vào dân hợp pháp tiếp cận địch nắm địch; và cũng được dịp nghe dân bàn tán với hai luồng trái ngược: Mỹ vào nhiều súng lớn, “Việt cộng” ở đâu mà không đánh. Lại có ý kiến, quân đội “Việt Nam cộng hoà” (chỉ ngụ quyền Sài Gòn) thua Việt cộng nên Mỹ phải vào.

Cảnh quan hai bên đường thật đẹp, đồi gò nhấp nhô xen kẽ là những thung lũng nhỏ, đồng ruộng hẹp với những thôn ấp đan xen, dưới chân là dòng suối chảy qua. Quốc lộ 13 uốn lượn, thoảng bất gặp đoạn dốc lên xuống nhưng không cao, tựa như cảnh đồi vùng trung du Phú Thọ đoạn Chân Mông - Đoan Hùng. Hai bên đường bạt ngàn rừng cao su với những lô cây thẳng hàng ngang dọc như những khối quân tề chỉnh đứng trước quảng trường trong lễ duyệt binh, bỗng anh Bốn thốt lên:

- Giấu quân tốt!

- Phục kích càng tốt. - Tôi hưởng ứng.

Trên đường đi chuẩn bị chiến trường chuyển sang đánh Mỹ, tôi tiếp tục theo đuổi suy nghĩ này, nó cứ hình thành và lớn lên với những lý lẽ: Mỹ có nhiều cơ giới, pháo lớn, ắt phải bám đường, hành quân theo đường, đóng quân dã ngoại hoặc lập căn cứ vẫn phải dựa theo trục đường. Rõ ràng phục kích, tập kích vẫn là cách đánh thích hợp, vấn đề là ở chỗ vận dụng cụ thể trong mỗi điều kiện cụ thể.

Qua nghiên cứu thực địa, chúng tôi có nhiều điểm thống nhất trong việc chọn chiến trường. Nếu Mỹ từ căn cứ Lai Khê nóng lên phía bắc trong khuôn khổ hành quân “tìm diệt” hay cứu viện cho quân nguy Sài Gòn, nhất thiết chúng phải theo trục đường 13, trong đó Đồng Sở, Bầu Bàng, Bầu Lồng, Chơn Thành... đều là điểm địch có thể tạm dừng chân, trú quân dã ngoại tìm đường, hoàn chỉnh việc tổ chức để tiến công đối phương. Vì thế khi từ Bến Cát ngược lại chúng tôi dành thêm thời gian nghiên cứu các địa danh nói trên, nhất là hình thái cấu trúc địa hình tự nhiên, sơ bộ dự kiến các phương án đánh địch nếu tình huống xảy ra.

Để có thể tiến hành đồng thời các việc trong cùng một thời gian tôi điện về sở chỉ huy sư đoàn cho chuyển dịch đội hình xuống khu vực Cấm Se (giữa Chơn Thành - Dầu Tiếng - Bầu Lồng) cách đường 13 khoảng mười ki-lô-mét về phía tây bảo đảm triển khai chiến đấu được nhanh hơn và cũng gần căn cứ tỉnh ủy Bình Dương tiện việc phối hợp kế hoạch chiến đấu và nổi dậy.

Lúc này vào thượng tuần tháng 10, Bộ tư lệnh sư đoàn họp thông qua kế hoạch chiến đấu.

Quán triệt nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Miền do anh Trần Văn Trà xuống truyền đạt, dựa vào thực tế tình hình qua bước trình sát thực địa và những thông tin địa phương do tỉnh ủy Bình Dương cung cấp, chỉ huy sư đoàn thống nhất quyết tâm chung:

- Đợt 1: Tiến công tiêu diệt quận lỵ Dầu Tiếng, đồng thời triển khai thế trận sẵn sàng đánh viện.

- Đợt 2: Thừa thắng phát triển xuống Bến Cát, Bình Dương hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá áp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng.

Về sử dụng lực lượng, Trung đoàn 3 đánh Dầu Tiếng; Trung đoàn 2 đánh viện đường bộ, đoạn từ Đồng Sở đến Bầu Bàng, Trung đoàn 1 đánh quân viện đường không và làm lực lượng dự bị chiến dịch. Sang phần phương án đánh Mỹ, ý kiến trao đổi khá sôi nổi. Riêng tôi thời gian ở ngoài Bắc qua các lớp tập huấn cán bộ cao cấp trong thời kỳ xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại, qua học trường quân sự

cấp cao nước ngoài, có được nghiên cứu về quân đội Mỹ nhưng cũng chỉ hiểu Mỹ qua Liên Xô tham gia chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945), hiểu sư đoàn Mỹ tổ chức theo cơ cấu năm cụm, vân vân.

Vấn đề tưởng như khó, ý kiến sẽ khác nhau, nhưng chính sự phong phú ấy lại gặp nhau ở một điểm - là chiến dịch mở ra trong bối cảnh quân Mỹ đã ồ ạt kéo vào miền Nam thì việc đụng đầu với chúng là lẽ đương nhiên. Hơn nữa Dầu Tiếng có vị trí chiến lược quan trọng nếu bị ta tiến công, địch buộc phải tăng viện bằng đủ mọi cách đường bộ, đường không, bằng lực lượng quân ngụy và Mỹ. Khi tình hình gay cấn, quân Mỹ là chủ yếu không để mất Dầu Tiếng. Trường hợp xảy ra tình huống này thì phương án đánh viện là quân ngụy như đã kể trên sẽ chuyển sang đánh viện là quân Mỹ, khác chẳng chỉ là sự điều chỉnh lực lượng, điều chỉnh trận địa tiến công, phục kích, tập kích cho phù hợp với diễn biến cụ thể.

Trong nội dung quyết tâm chiến dịch chúng tôi có tính đến tình huống quân Mỹ nóng ra đường 13, đường 16; mở màn chiến dịch có thể là một trận đánh Mỹ trên đoạn đường từ Bầu Bàng đến Bầu Lồng (ngã ba đường vào Dầu Tiếng) chứ không nhất thiết là trận tiến công quận lỵ Dầu Tiếng.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong cuộc đời chiến đấu của tôi, một chiến dịch phải song song chuẩn bị hai phương án chiến đấu, hai cách đánh với hai đối tượng, trong đó, phương án đánh ngụy tương đối thuận lợi vì mục tiêu, nhiệm vụ đối tượng, được giao rõ ràng và cụ thể, còn phương án đánh Mỹ tuy yêu cầu rất nghiêm túc, khẩn trương nhưng khó có điều kiện để hoạch định, vì tất cả mới chỉ là định hướng trên cơ sở phán đoán mà phán đoán thì có rất nhiều khả năng xảy ra hoặc không xảy ra.

Mãi đến ngày 8 tháng 11, khi Trung đoàn 1 vận động phục kích diệt một tiểu đoàn thuộc lữ đoàn dù 178 Mỹ trong lúc chúng hành quân càn quét vùng Đất Cuốc thuộc khu vực Chiến khu Đ, thì khả năng đụng đầu với quân Mỹ không còn ở mức phán đoán nữa. Đã có cơ sở thực tế để nêu công việc phải làm. Chúng tôi đã tính chuyện điều Trung đoàn 1 từ đồng đường 16 về đứng trong đội hình sư đoàn để ứng phó với tình huống phức tạp đang đến gần.

Ngày 10 tháng 11, trong khi sư đoàn đang tiếp tục hoàn chỉnh lần cuối kế hoạch chiến đấu thì được tin trinh sát sư đoàn, cơ sở binh vận của tỉnh ủy Bình Dương báo gấp có hai tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 3, sư đoàn 1 “Anh cả đỏ” Mỹ được tăng cường hai tiểu đoàn xe tăng và thiết giáp, một đại đội pháo do sở chỉ huy nhẹ của lữ đoàn chỉ huy từ căn cứ Lai Khê theo đường 13 lên phía bắc, chiều hôm đó chúng dừng lại đóng dã ngoại thành hai cụm: một ở Đồng Sở, một ở Bầu Bàng.

Bộ tư lệnh sư đoàn nhận định: Đây là khuôn khổ cuộc hành quân “tìm diệt” vì chúng phát hiện lực lượng chủ lực ta đang đứng chân ở bắc, tây bắc Sài Gòn. Như vậy khả năng đánh Mỹ trước khi tiến công Dầu Tiếng đã và đang trở thành hiện thực, kế hoạch chiến dịch rất có thể bị đảo lộn. Cuộc đụng độ càng gay go, phức tạp với những tình huống đan xen giữa tiến công quân ngụy đồn trú ở quận lỵ Dầu Tiếng với các trận đánh quân Mỹ hành quân “tìm diệt” gây thành “ngòi pháo”(5) mở đầu bất lợi cho Mỹ trong lúc này.

(5) Anh Nguyễn Chí Thanh khi giao nhiệm vụ chiến đấu cho sư đoàn đã nhấn mạnh, đại ý: Chiến thắng Đồng Xoài có tiếng vang lớn nhưng chưa phải là ngòi pháo, vì vậy cần phải tiếp tục mở chiến dịch Dầu Tiếng.

Tuy chỉ là những thông tin ban đầu, chưa thật rõ ý đồ cụ thể của Mỹ nhưng để giữ thế chủ động, thắng Mỹ ngay từ trận đầu như anh Thanh đã chỉ thị, chúng tôi thấy cần thiết phải điều chỉnh một số so với kế hoạch ban đầu. Trước hết là cho di chuyển sở chỉ huy sư đoàn về suối Đòn Gánh cách Bầu Bàng ba đến bốn ki-lô-mét để tiện việc chỉ huy, đồng thời nhanh chóng hình thành thế trận chiến đấu: Trung đoàn 2 làm nhiệm vụ chặn viện đường bộ, được tăng cường thêm tiểu đoàn 1 của Trung đoàn 1 và toàn bộ sức mạnh hỏa lực của sư đoàn hỗ trợ chuyển sang đánh cụm quân Mỹ ở bắc Bầu Bàng; Trung đoàn 8 được phân công tiến công quận lỵ Dầu Tiếng, nay chuyển sang chặn địch từ Đồng Sở lên, tạo thuận lợi cho Trung

đoàn 3 tiêu diệt địch, lực lượng còn lại làm nhiệm vụ dự bị chiến dịch.

Mặt khác tôi và anh Thế Bôn tranh thủ dẫn cán bộ đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn của trung đoàn 2 đi trinh sát thực địa, để có thêm dữ kiện cụ thể bổ sung vào kế hoạch chung.

Các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn đã chấp thuận kiến nghị quyết tâm chiến đấu của tôi và anh Thế Bôn sau khi đi nghiên cứu thực địa về. Tiến công quân Mỹ ở bắc Bầu Bàng bằng hai cách: tập kích nếu là đêm; phục kích, đánh cắt tiêu diệt đơn vị nhỏ cỡ trung đội, đại đội nếu gặp địch hành quân ban ngày.

Nhưng trận đánh đã không diễn ra theo kế hoạch!

Lúc 18 giờ ngày 11 địch vẫn còn đi lại, tiếng động cơ xe tăng, thiết giáp gầm rú vang động cả không gian đến tận Bầu Lồng. Đến 20 giờ, Trung đoàn 2 báo cáo khu vực dự định tiến công rất im ắng, không còn địch.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

- Báo cáo địch đã rút.

- Rút đi đâu? - Tôi hỏi tiếp.

- Báo cáo có khả năng chúng rút về hướng Lai Khê.

Ngay lúc đó tôi đã không tin vì đội hình quân Mỹ kéo lên Bầu Bàng tương đối đông, kèm theo nhiều pháo lớn, xe tăng, xe bọc thép, lẽ nào lại rút một cách lặng lẽ như một tổ du kích.

Nhưng tôi vẫn nhắc đồng chí phụ trách tác chiến sư đoàn, điện xuống các tổ trinh sát đang bám trụ quanh khu vực Đồng Sở, Lai Khê yêu cầu báo cáo gấp. Liên sau đó tôi nhận được các tổ trinh sát ở dưới đó báo cáo về khẳng định địch không rút về dưới này, trái lại đang có những dấu hiệu chúng tăng quân lên phía bắc.

Như vậy là địch vẫn còn ở Bầu Bàng.

Tôi lệnh cho các đơn vị áp sát và hạ quyết tâm sử dụng lực lượng toàn sư đoàn (trừ hai tiểu đoàn của trung đoàn 1 đánh trận Đất Cuốc chưa cơ động về kịp) tiến công tiêu diệt cả hai cụm quân địch dù sáng cũng đánh, kiên quyết dứt điểm.

Trung đoàn 2 vẫn là lực lượng chủ công tiêu diệt địch.

Trung đoàn 3 thiếu đánh chặn viện từ Đồng Sở lên, để lại một tiểu đoàn làm lực lượng dự bị.

Đến lúc này kế hoạch tiến công Dầu Tiếng chuyển sang kế hoạch đánh Mỹ.

Thời gian lúc này như dài ra, mọi người trong sở chỉ huy căng thẳng theo dõi tình hình. Kim đồng hồ đã đúng 24 giờ, báo hiệu thời điểm bắt đầu chuyển dịch sang ngày hôm sau, 12 tháng 11. Nhưng không gian vẫn im ắng, ở khu vực Mỹ đóng quân đã ngoại hồi chiều không thấy có động tĩnh gì, một vài đơn vị đề nghị sư đoàn cho rút vì không thấy dấu hiệu có địch.

Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn họp ngay trong đêm nhận định: Đưa được lực lượng vào đây không phải dễ, hơn nữa ta vẫn giữ được bất ngờ đối với địch, đó là điều đáng quý cần phải tận dụng. Địch vẫn ở khu vực này, có thể chúng thay đổi vị trí nhưng di chuyển không xa. Chưa tìm thấy địch chứ không phải không tìm thấy chúng, Địch tuy đông, nhiều vũ khí hiện đại nhưng chúng đóng quân đã ngoại, công sự sơ sài, có nhiều sơ hở. Không có lý do gì mà rút, rút lúc này là lộ, hỏng việc lớn. Không tập kích

thì phục kích. Đây là trận đầu, phải đánh và phải thắng.

Cuối cùng Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn thống nhất quyết tâm lần cuối: Nhiệm vụ không thay đổi, các đơn vị phải bám sát, phát hiện địch, nếu kịp thì cho tập kích trước 5 giờ sáng; không kịp, địch bắt đầu hành quân thì chuyển thành phục kích vì địch lên Bầu Lồng để vào Dầu Tiếng.

Không khí hào hứng vào trận lại bùng lên. Tình hình đã hết sức khẩn trương, chậm là mất thời cơ. Trung đoàn 3 ở cách Bầu Bàng mười ki-lô-mét, nửa đêm được lệnh chiến đấu, đã lên đường ngay, bỏ cả nhiệm vụ đi lấy gạo, mờ sáng mới tới vị trí chiến đấu chỉ còn kịp phân chia địa giới, tuyền bắn bằng vật chuẩn những hàng cây cao su.

Cái phải đến đã đến! 5 giờ ngày 12 tháng 11, trời sáng, các hướng, các mũi của ta đều nhìn rõ, thấy địch vẫn ở Bầu Bàng, chúng đang lơ nhò đi lại, chỉ khác là địch lùi về phía sau, cụm lại ở sở Cao su Bầu Bàng cả hai chiến đoàn(6).

(6) Sau trận đánh, mới rõ ban ngày địch tổ chức phòng ngự tương đối rộng, đêm đến chúng co đội hình hẹp lại để giữ bí mật, đề phòng ta tiến công và cũng là để bảo vệ cho nhau. Cụ thể cụm thứ nhất chuyển từ bắc xuống nam Bầu Bàng hai trăm mét, cụm thứ hai chuyển từ nam lên bắc Đồng Sở.

## CHẶNG ĐƯỜNG MUỐI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 10: Phần 2

Tôi thấy mình phấn khởi hẳn lên vì những suy nghĩ, phán đoán về địch là đúng, liền ra lệnh: “Mục tiêu địch đã rõ, theo nhiệm vụ được giao, đơn vị nào nhìn thấy địch trước cho nổ súng trước vừa tranh thủ diệt địch vừa làm hiệu lệnh tiến công chung, cố đánh dứt điểm càng sớm càng tốt, tránh phi pháo địch.”

Được lệnh, tiểu đoàn 1 (trung đoàn 1) nổ súng vào 5 giờ 30 sáng, các đơn vị khác nổ súng tiếp. Như vậy là ngày N của ta và của địch đã trùng hợp. (Ngày N của ta quy định ngày 11 tháng 11 nổ súng tiến công Dầu Tiếng, nhưng được tin Mỹ nóng ra đường 13 nên lùi lại ngày 12, thì chính ngày này Mỹ cũng khởi sự hành quân từ Bầu Bàng vào Dầu Tiếng.)

Cuộc chiến đấu hiệp đồng diễn ra ầm ỹ nhưng cũng rất ác liệt.

Địch co lại chống trả đồng thời dùng hỏa lực phi pháo sát thương ta, hỗ trợ cho bộ binh, máy bay B.52 trải thảm dọc đường Bầu Lồng - Cấm Se - Thị Tính để dọn đường cho bộ binh vào Dầu Tiếng. Bom B.52 của địch rơi trúng cả vào khu vực cơ quan sư đoàn bộ. Số thương vong tăng lên, nhưng các đơn vị chấp hành lệnh của sư đoàn “bám thắt lưng địch” mà đánh, nhanh chóng thọc sâu, chia cắt địch thành từng cụm nhỏ để tiêu diệt chúng.

Địch bị dồn vào thế cùng nhưng chúng vẫn ngoan cố và xảo quyệt, lại có hỏa lực mạnh nên đã gây cho lực lượng ta bị tiêu hao, sức tiến công bị giảm, càng kéo dài thời gian ta càng bất lợi.

Trước tình hình ấy, tôi quyết định đưa tiểu đoàn 7 (trung đoàn 3) lực lượng dự bị của trận đánh vào chiến đấu. Sức mạnh xung lực được tăng cường, các đơn vị có thêm điều kiện mở trận công kích mới, đánh mạnh vào khu vực phòng thủ tung thâm của địch, đến 8 giờ 40 phút trận chiến đấu mới kết thúc. Hai tiểu đoàn, hai chi đoàn thiết xa vận Mỹ (khoảng 2.000 tên) bị ta loại khỏi vòng chiến đấu, cùng với 39 xe (phần lớn là xe tăng, thiết giáp), tám khẩu pháo bị phá hủy.

Nhưng về phía ta số tổn thất cũng không nhỏ, 109 cán bộ chiến sĩ hy sinh, 200 đồng chí khác bị thương? Đây là con số nói lên tinh thần chiến đấu xả thân của cán bộ, chiến sĩ ta rất cao; đồng thời cũng nói lên tính chất cực kỳ gay go ác liệt đầy gian nan vất vả trong cuộc đọ sức với một đối tượng tác chiến mới - quân đội Hoa Kỳ vẫn ngạo mạn tự nhận mình là “lực lượng chữa cháy” của “thế giới tự do” chưa biết thất bại là gì(!)

Vừa đau xót, khâm phục và tự hào những tấm gương sáng chói về chủ nghĩa anh hùng của đồng đội mình, chúng tôi lại vừa thấy rõ hơn, sâu sắc hơn về trách nhiệm của mình, những cán bộ chỉ huy trận đánh. Dầu mất mát, hy sinh là điều tất nhiên trong cuộc chiến đấu của dân tộc, nhưng không thể vì thế mà lãnh đạo bỏ qua. Ngay sau trận đánh, chúng tôi tự kiểm điểm, nghiêm túc rút ra những bài học thiết thực, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất cái giá phải trả cho mỗi chiến thắng, để thực hiện yêu cầu càng đánh càng mạnh, đủ sức, đủ lực tiến theo cuộc chiến trường kỳ đến ngày toàn thắng.

Không gian sau trận đánh bỗng trở nên yên tĩnh. Chỉ còn nghe tiếng pháo bầy và tiếng bom tọa độ và bom trải thảm của các loại máy bay Mỹ thi nhau giương oai ở những nơi chúng nghĩ là có chủ lực Quân giải phóng.

Sự yên lặng tạm thời này báo hiệu những trận bão lửa sắp tới.

Tôi tranh thủ trao đổi với các đồng chí trong Bộ tư lệnh sư đoàn về một số việc cần phải làm trước

mắt để sẵn sàng đối phó với đợt tiến công mới của địch, rồi tranh thủ về báo cáo tình hình với anh Trần Văn Trà lúc này đang ở gần cầu Thị Tính, căn cứ tỉnh ủy Bình Dương.

Vì phải căng thẳng theo dõi diễn biến tình hình đang trong thời điểm giao thời, lại vừa phải trao đổi kế hoạch với các đơn vị trong việc triển khai đối phó với máy bay B.52 đang gia tăng hoạt động, thấy tôi anh Trà hỏi:

- Đánh chưa?
- Đánh rồi! - Tôi trả lời.
- Sao nhanh vậy?
- Đánh Mỹ mà!
- Kết quả? - Anh Trà hỏi tiếp.
- Rất tốt.

Anh Trà cười thật to, cầm tay tôi lắc mạnh lần nữa và nói:

- Thế thì chúng ta phải về gấp báo cáo anh Thanh!
- Bao giờ đi? - Tôi hỏi.
- Ngay bây giờ. Anh tranh thủ thu xếp hành lý. Phải đi suốt đêm để sáng mai kịp gặp anh Thanh.

Tôi, anh Trà, anh Hai Chân và hai đồng chí bảo vệ mỗi người một xe đạp lên đường. Lúc này mặt trời đã lặn, màn đêm bắt đầu giăng phủ.

Dọc đường anh Trà thân mật động viên:

- Cố về Sở chỉ huy Miền, tao có gà tăng gia làm bữa cháo cho lại sức rồi hành quân tiếp.

Kiểu động viên hơi mang tính chất Tào Tháo của anh có hiệu quả nhất định. Mặc dầu đã thấm mệt, kèm theo là cái đói lan khắp cơ thể, trời tối, không có đường, dù là đường mòn, chúng tôi vẫn gắng sức, tăng tốc độ, chiếu theo hướng sao đêm mà xuyên rừng đi tới.

Lúc đến Sở chỉ huy Miền, thì trời đã về khuya. Bao hy vọng đều tiêu tan. Một quang cảnh vắng lặng hiện ra mờ ảo trong đêm, các căn lán không có tiếng người, tất cả chỉ còn lại tiếng dế kêu rên rì. Cơ quan được lệnh di chuyển đến địa điểm mới cách đây hai giờ vì quân báo Bộ thông báo máy bay B.52 Mỹ sắp đánh phá vùng này.

Theo hướng tây bắc chúng tôi tiếp tục lên đường, màn đêm càng dày đặc, lại gặp mưa, đường trơn càng vất vả. Qua Bến Cui đất nhão quánh, dính kết, anh Trà phải tháo phanh, chấn bunn mới đạp nổi nhưng chậm rì, chỉ nhanh hơn đi bộ một chút, mãi mờ sáng hôm sau mới tới căn cứ Bộ chỉ huy Miền.

Được đồng chí bảo vệ vào báo cáo, anh Thanh ra tận trạm gác đón. Thấy chúng tôi anh mừng rỡ:

- Nhận được điện báo cáo các cậu thắng Mỹ ở Bầu Bàng, mình không sao ngủ được vì quá vui.

Anh ôm hôn từng người rồi hồ hởi nói:

- Thế là chúng ta đã đánh được Mỹ ngay từ keo đầu, chúc mừng các cậu.

Một buổi sáng đầy sương mù và tiết trời hơi se lạnh, anh vận bộ áo quần bà ba đen cổ quần chặt khắn rần như một nông dân Nam Bộ thực thụ. Anh dẫn chúng tôi vào nơi ở và làm việc của anh - một căn hầm kéo ẩn dưới các tán cây, bàn làm việc, giường ngủ đều là những thanh gỗ ô được chẻ nhỏ, vót nhẵn ken dày rất phẳng phiu đẹp mắt. Tuy chật hẹp, đã chiến nhưng ấm cúng, đàng hoàng.

Anh chiêu đãi bữa ăn nhẹ buổi sáng bằng mì ăn liền và sau đó là uống trà Blao (sản phẩm của vùng chè Bảo Lộc - Đà Lạt).

Nhìn tôi, anh hỏi:

- Làm việc được chưa Hoàng Cẩm?

- Dạ được. - Tôi đáp.

- Ta vào việc ngay. Mình muốn nghe Hoàng Cẩm báo cáo tỉ mỉ. - Anh nhìn đồng hồ, hai chân mày nhíu lại như đang tính toán điều gì, nói tiếp. - Nhưng không được dài, chỉ gói gọn buổi sáng nay, để các cậu còn trở lại đơn vị.

Sau khi tôi báo cáo, anh Thanh phân tích: địch phát hiện ta đánh Dầu Tiếng, nhưng ta đánh trận Bầu Bàng đã làm đảo lộn kế hoạch hành quân của chúng, âm mưu cắt vó chủ lực của ta đã phá sản. Từ bị động chuyển sang chủ động, từ tiến công chuyển sang phản công, thắng địch giòn giã. - Bộ tư lệnh Miền quyết định khen thưởng các cậu. - Rồi anh nhìn tôi hỏi. - Nhưng mức khen thế nào là thích đáng?

- Tùy cấp trên. - Tôi đáp.

- Huân chương Quân công hạng nhất được không? - Anh cười sởi lởi, thân mật và tiếp. - Quyền hạn của bọn mình ở trong này chỉ được đến thế.

Rồi anh chuyển sang vấn đề khác.

- Trận Bầu Bàng lần đầu tiên ta đánh lớn cỡ sư đoàn với mục tiêu diệt từ một đến hai đại đội địch. Nhưng trong thực tế ta đã đánh tiêu diệt một cụm quân Mỹ (có cơ cấu biên chế từ 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 chi đoàn xe thiết giáp 2 đại đội pháo, 8 khẩu 106, 17 tăng, có độ 2.000 quân Mỹ, vì địch không hành quân đơn lẻ cỡ đại đội), như vậy là giỏi, vượt yêu cầu đề ra. Tuy mới là trận đầu, nhưng ta đã đánh giá đúng địch, bước đầu đã nắm được thủ đoạn hành quân, đóng quân dã ngoại của chúng; rút ra được những bài học thiết thực về nghệ thuật chỉ huy chiến đấu, sử dụng lực lượng, cải thế. Rõ ràng muốn thắng Mỹ phải cơ động nhanh, linh hoạt điều quân, thực hành phân tán một cách đúng lúc, đúng thời điểm. Tập kích, vận động phục kích, đánh kiểu “vồ mồi” như anh Vương Thừa Vũ tổng kết là thích hợp nhưng không được chủ quan, cứng nhắc mà phải thường xuyên bồi bổ, rút kinh nghiệm sau mỗi trận đánh mà vận dụng thích hợp trong mỗi tình hình cụ thể, vì Mỹ rất thực tế, chúng cũng chịu rút kinh nghiệm và chịu sửa đổi sau mỗi thất bại.

Sau đó anh Thanh chỉ thị thêm:

- Tình hình đang rất khẩn trương, tuy bị thua đau ở Bầu Bàng nhưng chúng vẫn ngoan cố, chưa từ bỏ mục tiêu hành quân của chúng là khu vực Dầu Tiếng. Vì vậy sau buổi làm việc này các đồng chí phải trở lại sư đoàn để có kế hoạch đối phó với những âm mưu tiếp sau của Mỹ.

Như mã hồi, thời gian trở lại đơn vị khá nhanh, mặc dầu đoạn đường không thay đổi, khác chăng là chúng tôi có một số giờ đi vào ban ngày. Rồi sở chỉ huy Miền lúc 13 giờ đến 18 giờ 30 cùng ngày chúng tôi đã có mặt tại sở chỉ huy sư đoàn.

Một cuộc họp Bộ tư lệnh sư đoàn được triệu tập. Tôi báo cáo lại ý kiến anh Thanh, sau khi nghe trận thắng Bầu Bàng và chỉ thị nhiệm vụ tiếp sau của anh cho sư đoàn.

Quán triệt ý kiến chỉ đạo của anh Thanh, dựa vào nguồn tin của quân báo Miền cung cấp, vào tài liệu thu được của địch sau trận Bầu Bàng, chúng tôi trao đổi đi đến thống nhất nhận định:

- Trong khi sư đoàn 9 triển khai kế hoạch tiến công Dầu Tiếng, thì theo lệnh tướng Oét-mo-len, tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam, chỉ huy sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ tại căn cứ Lai Khê cũng khẩn trương tổ chức lực lượng mở cuộc hành quân vào Dầu Tiếng nhằm giải tỏa cho lực lượng quân nguy tại chỗ đang bị lực lượng vũ trang ta bao vây uy hiếp; đồng thời tiến hành “tìm diệt” chủ lực ta vì địch phát hiện sư đoàn 9 đang đứng chân ở vùng này.

Vì thế khi Sư đoàn 9 nổ súng đánh Bầu Bàng (5 giờ ngày 12 tháng 11) thì máy bay B.52 Mỹ trải thảm trên đường Bầu Lồng - Cầm Se - Thị Tính, dọn đường cho bộ binh vào Dầu Tiếng. Khi cụm quân Mỹ ở Bầu Bàng bị ta loại khỏi vòng chiến đấu, thì cánh quân Mỹ từ Lai Khê vận động lên phía bắc tạm thời dừng lại sau đó tiếp tục nhiệm vụ giải tỏa Dầu Tiếng và “tìm diệt” chủ lực ta ở đây. (Lúc này ở khu vực Dầu Tiếng ngoài Trung đoàn 3, còn có tiểu đoàn địa phương và cơ quan huyện ủy Dầu Tiếng.)

Do phán đoán đúng ý định của quân Mỹ lên Bầu Bàng, tôi đề xuất và được các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn đồng ý là huy động toàn bộ lực lượng sư đoàn vào trận đầu, điều gấp Trung đoàn 3 từ Dầu Tiếng ra, trung đoàn 1 từ Đất Cuốc về, vì thắng trận Bầu Bàng đã làm đảo lộn ý định của địch, tạo đà cho các trận đánh tiếp sau của ta.

Trận đánh Bầu Bàng đã đạt được các yêu cầu của sư đoàn đề ra. Nhưng kẻ địch còn chủ quan, không cam chịu thất bại. Tuy ta có làm chậm tiến độ hành quân của địch, buộc chúng phải điều chỉnh lực lượng, nhưng Dầu Tiếng vẫn là mục tiêu hành quân “tìm diệt” của sư đoàn 1 “Anh cả đỏ”.

Từ nhận định trên, chúng tôi gấp rút điều chỉnh lực lượng, điều chỉnh nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị, tạo thế và cái thế để thực hiện chủ động, liên tục tiến công địch sau trận Bầu Bàng.

Ngay khi Bầu Bàng chưa kết thúc, sư đoàn lệnh cho trung đoàn 1 từ Đất Cuốc hành quân về gấp lốt ở làng 14; đưa trung đoàn 2 về phục sẵn ở Cầm Se vì địch có thể lợi dụng con đường này hành quân bằng cơ giới vào Dầu Tiếng; trung đoàn 3 về đứng chân ở khu vực làng 10 làm lực lượng dự bị.

Như vậy là tất cả những nơi dự đoán địch đi qua, đóng quân dã ngoại để vào Dầu Tiếng sư đoàn đều có lực lượng vào trước lốt ổ hình thành thế trận bày sẵn.

Đúng như phán đoán, ngày 21 tháng 11, một đoàn xe hơn ba trăm lính Mỹ hành quân trên đường Cầm Se - Dầu Tiếng đã bị trung đoàn 2 phục sẵn tiến công, chia cắt chúng thành từng khúc, phá hủy hơn 20 xe, loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên Mỹ.

Sau trận Cầm Se chúng tôi càng khẩn trương điều động lực lượng hoàn chỉnh thế trận tại khu vực Dầu Tiếng, vì quân Mỹ đang ráo riết dọn đường tiến vào khu vực này; điện nhắc trung đoàn 1, trung đoàn 3 tăng cường theo dõi chặt động tĩnh ở khu vực đảm nhiệm, sẵn sàng tư thế chiến đấu bảo đảm thắng nguy, làm mất chỗ dựa của Mỹ trước khi chúng nhảy vào.

Từ trung tuần tháng 11, trung đoàn 7 (sư đoàn 5 nguy) mở nhiều cuộc hành quân càn quét các làng 18, 21, 22. Ngày 21 tháng 11 một bộ phận của trung đoàn này vừa đặt chân đến làng 10, liền bị trung đoàn 3 bố trí sẵn ở khu vực gần đó kịp thời vận động tập kích, đánh thiệt hại một tiểu đoàn bộ binh, phá hủy 26 xe quân sự.

Thực hiện kế hoạch chung, quân nguy buộc phải mở các cuộc hành quân càn quét tiếp các làng 2, làng



6, làng 14 thuộc đồn điền cao su Mít-sơ-lanh nhằm thăm dò lực lượng ta, hỗ trợ cho bảo an, dân vệ giữ áp chiến lược, bảo vệ các trục đường giao thông huyết mạch, dọn chỗ cho quân Mỹ nhảy vào “tìm diệt” chủ lực ta - tức sư đoàn 9. Chiều 27 tháng 11 địch từ làng 14 di chuyển đến làng 18 rồi đóng quân dã ngoại ở làng 32 và 33 để đánh lạc hướng. Nhưng chúng đã không lọt qua mắt Trung đoàn 1 lót ổ sẵn ở khu vực này. Chỉ huy Trung đoàn đã kịp thời tổ chức lực lượng tập kích sở chỉ huy trung đoàn 7 (sư đoàn 5) và hai tiểu đoàn thuộc trung đoàn này, diệt và bắt sống 1.200 tên (trong đó có tên trung tá trung đoàn trưởng).

Các trận đánh diễn ra theo kế hoạch chủ động và liên tục trong thế trận bày sẵn: sau Bàu Bàng là trận Cầm Se, sau Cầm Se là trận làng 10, sau làng 10 là trận làng 32, 33; sau làng 32, 33 là trận Bàu Da Dốt. Ngày 5 tháng 12, phát hiện hai tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 2, sư đoàn bộ binh số 1 (Anh cả đỏ) đang mở đợt hành quân “tìm diệt” ở khu vực Thị Tính - Nha Mát đến Bàu Da Dốt (xã Long Nguyên, Bến Cát), trung đoàn 2 sau trận thắng địch ở Cầm Se đã được lệnh của sư đoàn, chuyển quân gấp về đây phục sẵn, liền nhanh chóng cắt rừng triển khai lực lượng, hình thành thế trận bao vây. Một bộ phận vượt lên đội hình hành quân của địch chặn chúng lại, một bộ phận khác đánh vào phía sau. Quân địch hoang mang lúng túng vì bị bất ngờ, nhưng được hỏa lực không quân, pháo binh chi viện, địch chống trả quyết liệt. Chúng ném cả bom bi, bom xăng để sát thương bộ đội ta, hòng tạo ra sự ngăn cách với ta bằng hàng rào hỏa lực. Vận dụng kinh nghiệm “bám thắt lưng địch mà đánh” trong trận Bàu Bàng, trung đoàn 2 dũng cảm, mưu trí bám sát, đánh gần, thực hành chia cắt địch thành từng cụm nhỏ để tiêu hao, tiêu diệt. Trận đánh diễn ra gay go quyết liệt, kéo dài từ 10 giờ đến 16 giờ cùng ngày mới kết thúc.

Trung đoàn 2 lại lập thêm chiến công mới, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn Mỹ, thu 40 súng.

Đến đây chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng đã kết thúc.

Đây là một chiến dịch có nét riêng, diễn ra trong một thời gian không dài (mười sáu ngày), trên một không gian không rộng (quanh một khu vực của huyện Dầu Tiếng), tương quan lực lượng trực tiếp trên chiến trường ta không ưu thế hơn địch (địch: sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ cộng với trung đoàn 7, sư đoàn 5 ngụy; ta: sư đoàn 9 và một tiểu đoàn địa phương của tỉnh Bình Dương).

Ta từ chuẩn bị chiến dịch tiến công chuyển sang kế hoạch phản công; từ chuẩn bị đánh Dầu Tiếng chuyển sang đánh Bàu Bàng, phá ý định tiến công “tìm diệt” của địch vào Dầu Tiếng. Nhưng địch vẫn ngoan cố, ngạo mạn thực hiện ý định nên chuốc thêm thất bại.

Tuy nhiên con đường dẫn tới chiến thắng trong cuộc độ sức ban đầu này không phẳng phiu chút nào. Trước hết, tính chất ác liệt khàn trương của cuộc chiến tăng lên rõ rệt so với thời kỳ đối đầu với quân ngụy. Tỷ lệ thương vong của sư đoàn cao hơn, không phải trong lúc giáp chiến, do hỏa khí bộ binh mà chủ yếu do hỏa lực không quân và pháo binh của địch gây ra trong quá trình lui quân, tập kết. Số thương vong trong trận tiến công quân ngụy đóng trong công sự vững chắc ở chi khu quân sự Đồng Xoài diễn ra trong một đêm, một ngày tương đương với số thương vong khi sư đoàn tiến công cụm quân Mỹ đóng dã ngoại ở Bàu Bàng diễn ra trong vòng trên dưới ba tiếng đồng hồ.

Từ trong ác liệt ấy chúng tôi đã hiểu Mỹ hơn.

- Quân Mỹ rất mạnh vì có hệ thống hỏa lực, phương tiện cơ động nhiều và hiện đại, được huấn luyện kỹ, hệ thống và rất có bài bản. Nhưng chính vì cái mạnh không thể tưởng tượng này đã dẫn tới cái yếu rất cơ bản:

- Bất cứ một cuộc hành quân nào (dù tăng viện, giải tỏa hay càn quét “tìm diệt”) đều phải có sự chi viện tối đa của hỏa lực và phương tiện cơ động chuẩn bị dọn đường, dọn bãi đổ bộ, buộc phải đóng quân dã ngoại, dễ lộ, khó giữ được yếu tố bất ngờ vì đối phương dựa vào các quy luật hoạt động chi viện hỏa lực như đã nói trên để phát hiện, đề phòng và kịp thời đánh trả.

- Trong chiến đấu dù phòng ngự, tiến công hay phản công, quân Mỹ đều ỷ lại vào hỏa lực, coi đó là điều kiện tiên quyết, thường tìm cách dẫn ra, phân tuyến vùng hỏa lực sát thương đối phương; rất ngại đánh gần, ngại thực hành bao vây vu hồi nhỏ vì sợ bị cô lập.

- Hệ thống bảo đảm hậu cần rất nặng nề.

- Lính Mỹ sợ đánh gần, đánh giáp lá cà.

- Lính Mỹ là loại lính công tử, không chịu được gian khổ.

Cái mạnh của ta là cuộc chiến đấu chính nghĩa, tư tưởng “dám đánh Mỹ” được chuẩn bị tốt nên bước đầu ta đã tìm ra cách đánh Mỹ và thắng Mỹ

- Tích cực áp sát địch, tạo và giữ thế xen kẽ với địch, thực hiện “bám thắt lưng địch mà đánh”.

- Thực hiện hành quân, trú quân cơ động, luôn luôn bám sát địch hạn chế thế mạnh của Mỹ: tìm cách phân tuyến để dùng hỏa lực sát thương ta.

- Phát huy cao độ tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn đánh vào chỗ yếu của Mỹ là lính công tử.

- Tập kích, phục kích và vận động phục kích là các hình thức chiến đấu đánh Mỹ có hiệu quả, cần được huấn luyện kỹ cho bộ đội nhất là đối với cán bộ trung cấp.

Từ những kinh nghiệm bước đầu mà sư đoàn 9 đã tổng kết, đầu năm 1966, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền viết thành tài liệu “Một số kinh nghiệm về chiến thuật của Mỹ và cách đánh Mỹ của chủ lực” để phổ biến cho các đơn vị trên toàn chiến trường.

\*\*\*

Thế là tôi đã kể cùng bạn đọc về chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng hay là cuộc đổ sức mở đầu trên đường 13. Chắc chắn là kể chưa hết vì sự kiện đã lùi xa mà trí nhớ của con người là có hạn.

Nhưng có một điều mà tôi muốn lưu ý bạn đọc. Đó là tên gọi của chiến dịch này. Đúng là chiến dịch Dầu Tiếng - Bàu Bàng đã đi vào lịch sử, như một chấm son của giai đoạn đánh Mỹ ở chiến trường Đông Nam Bộ trong thập kỷ sáu mươi.

Chiến dịch Dầu Tiếng - Bàu Bàng đã được sách báo, được các tác phẩm tổng kết chiến tranh, lịch sử quân sự đề cập thành chuyên đề, hay thành một phần, chương tương xứng trong một tập sách.

Nhưng có một điều, theo cách hiểu riêng của tôi, với tư cách là người chứng kiến, một người trực tiếp tham gia vào sự kiện này thì gọi tên chiến dịch Dầu Tiếng - Bàu Bàng là đúng nhưng chưa thật thỏa đáng, mà phải gọi là chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng, vì mở đầu của chiến dịch này là trận Bàu Bàng - một trận đánh then chốt có ý nghĩa chi phối đến các diễn biến sau đó của chiến dịch, như đã trình bày cùng bạn đọc ở các trang trên.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 11

Tầm nhìn qua các mùa khô.

Đầu tháng 12 năm 1965 khi chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng kết thúc, Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cho sư đoàn 9: Phát huy chiến thắng đợt một, cần gấp rút chuẩn bị củng cố đơn vị theo hướng đánh lớn, buộc địch co lại giảm bớt sức sào vào vùng sâu của ta.

Thay mặt Bộ tư lệnh sư đoàn, tôi đề nghị Miền xin được chuyển địa bàn để có điều kiện đánh địch góp phần giữ vững vùng sâu, bảo vệ thể trận có lợi cho ta.

- Ở đâu? - Bộ chỉ huy Miền hỏi.

- Đông đường 13. - Tôi trả lời.

- Đồng ý. - Bộ chỉ huy Miền chuẩn y và nhấn mạnh. - Trước mắt sư đoàn về đứng chân ở suối Nhung để tranh thủ củng cố đơn vị, sẵn sàng đánh địch trên đường 13, 16 nếu địch nống ra khu vực này.

Trong khoảnh khắc yên tĩnh ngán ngùi, gần như chưa có trận đụng độ nào giữa các đơn vị chủ lực Miền với quân viễn chinh Mỹ, nhưng bầu trời và mặt đất Đông Nam Bộ đặc quánh những âm thanh nặng nề của chiến tranh. Thường xuyên chúng tôi được cơ quan tham mưu Miền thông báo máy bay B.52, cường kích, pháo bầy đánh phá liên tục, ác liệt các căn cứ Dương Minh Châu, Bời Lời, Long Nguyên, Củ Chi, Chiến khu Đ Xuyên Mộc, Hát Dịch và những nơi chúng nghỉ có chủ lực ta trú quân. Tình hình đang thực sự trở nên khẩn trương. Đối mặt với sư đoàn 5, sư đoàn 9 chúng tôi là các đơn vị sừng sỏ của Mỹ vừa đặt chân lên chiến trường miền Đông(1) đang hối hả chuẩn bị cho cuộc hành quân lớn. Cuộc “chiến tranh cục bộ” trên quy mô lớn đã và đang trở thành hiện thực.

(1) Sư đoàn bộ binh số 1 mang tên “Anh cả đờ” thành lập năm 1917, quân số 17.530 tên, biên chế ba lữ đoàn, năm tiểu đoàn pháo binh 105 và 155 ly, một tiểu đoàn và hai đại đội không quân (cơ động đường không) đến Biên Hòa ngày 2/10/1965.

Sư đoàn bộ binh cơ giới số 25 mang tên “Tia chớp nhiệt đới” thành lập năm 1941, tham gia chiến tranh thế giới lần thứ hai ở chiến trường Châu Á - Thái Bình Dương và chiến tranh Triều Tiên. Đây là sư đoàn được biên chế mạnh, gồm 12 tiểu đoàn bộ binh cơ giới, 3 tiểu đoàn thiết giáp, 6 tiểu đoàn pháo 105 và 155 ly, một tiểu đoàn không quân và nhiều đơn vị bảo đảm khác. Quân số 17.665 người.

Lữ đoàn 173 không vận (cơ động bằng máy bay lên thẳng) biên chế 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo 105 ly, số quân 4.313 người, đến Biên Hòa ngày 5/5/1965.

Ba ngày sau, khi sư đoàn đã tạo dựng được cơ ngơi ăn ở ổn định, bắt tay vào việc chấn chỉnh tổ chức, củng cố đơn vị, tôi được điện của Bộ chỉ huy Miền gọi về báo cáo kết quả chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng và nhận nhiệm vụ mới.

Cuộc họp có mặt đầy đủ các anh trong Bộ chỉ huy Miền, diễn ra trong không khí phấn khởi vì chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng kết thúc thắng lợi.

Theo gợi ý của các anh trong Bộ chỉ huy Miền, tôi báo cáo ngắn gọn, tổng hợp diễn biến, kết quả và chủ yếu là rút ra những bài học về chỉ đạo chiến dịch, chỉ huy chiến đấu.

Nghe xong, các anh trong Bộ chỉ huy Miền đều nhất trí với đánh giá thắng lợi của sư đoàn và chỉ thị sư đoàn cần tổng hợp gấp nhưng đầy đủ những kinh nghiệm đánh Mỹ trong chiến dịch này, phối hợp với tác huấn Miền biên soạn thành tài liệu bài bản hoàn chỉnh để phổ biến nhanh xuống các lực lượng vũ trang ba thứ quân trước khi bước vào đợt hoạt động mới.

Tiếp theo anh Trà thay mặt Bộ chỉ huy Miền phổ biến nhiệm vụ.

Trên cơ sở quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 11, 12, Nghị quyết Bộ Chính trị, Nghị quyết Quân ủy Trung ương và kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng Tham mưu, được Trung ương Cục, Quân ủy Miền phê chuẩn, Bộ chỉ huy Miền thông qua kế hoạch hoạt động quân sự đợt II cho toàn chiến trường B2, trọng tâm là chiến trường Đông Nam Bộ, nhằm phát huy thế chủ động, tiếp tục tấn công các cuộc phản công của quân Mỹ trong âm mưu “bẻ gãy xương sống Việt cộng” của tướng Oét-mo-len trong mùa khô này.

Để thực hiện yêu cầu trên, Bộ chỉ huy Miền quyết định:

- Ở hướng bắc, tây bắc sẽ do các đơn vị chủ lực tại chỗ, bộ đội địa phương và dân quân du kích đảm nhiệm, đặc biệt chú ý các trọng điểm Củ Chi, Hồ Bò, Bến Cát.

Ở hướng bắc, đông bắc sẽ do Sư đoàn 9 đảm nhiệm gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Long, Bình Dương, Chiến khu Đ; Sư đoàn 5 làm nhiệm vụ đánh địch từ đông bắc đến đông nam Sài Gòn gồm các tỉnh Long Khánh, Biên Hòa, Bà Rịa. Dồn chủ lực về hướng này vì ở đây có khả năng đánh lớn khi quân Mỹ mở các cuộc hành quân “tìm diệt” chủ lực ta, đánh phá các căn cứ trong đó có các mục tiêu chủ yếu là Chiến khu Đ, và mở rộng vùng kiểm soát trên hai trục đường 13 và 15, uy hiếp hành lang Phước Long - nơi đoạn cuối của đường mòn Hồ Chí Minh đã được nối thông, đang phát huy tác dụng; ở đó chúng ta đã tiếp nhận hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, hàng nghìn tấn vũ khí đạn dược từ miền Bắc chi viện cho chiến trường Đông Nam Bộ. Với đặc điểm rừng núi ở hướng này hiểm trở, liên hoàn có chiều sâu, một thế tự nhiên thuận tiện để thực hiện buộc địch phải theo cách đánh của ta.

- Ở hướng Trung và Tây Nam Bộ, theo kế hoạch của Bộ chỉ huy Miền, các trung đoàn chủ lực Quân khu 8 và 9 dồn về đứng chân ở U Minh, Đồng Tháp vừa làm nhiệm vụ giữ căn cứ giải phóng, phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương đánh phá bình định ở đồng bằng, vừa thọc sâu tiến công địch trên đường số 4, buộc địch phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện cho Đông Nam Bộ là chiến trường chính chiến đấu có hiệu quả các cuộc phản công mùa khô của địch. Quanh các căn cứ của Mỹ như Bắc Hà (Củ Chi), Lái Thiêu, Bến Cát, chúng ta đang có kế hoạch củng cố các tổ đội du kích bám căn cứ, đánh tiêu hao, quấy rối địch và từng bước hình thành nên những vành đai diệt Mỹ.

Với cách bố trí trên đây, chúng ta hình thành thế trận đánh địch tại chỗ, đánh chính diện bên sườn và cả sau lưng địch, buộc Mỹ phải bị động, phân tán, không phát huy được thế mạnh quân đông, vũ khí nhiều và hiện đại.

Với vẻ lạc quan, tự tin, giọng nói sôi nổi quen thuộc mà tôi bắt gặp lần đầu ở chiến dịch Biên Giới (Thu Đông 1950), anh Thanh thay mặt Quân ủy Miền nói tiếp:

- Mặc dầu vừa bị thua đau ở Đất Cuốc, Bầu Bàng, Cấm Se nhưng Mỹ đang còn rất sung sức, chúng đang còn rất chủ quan ngạo mạn về sức mạnh trang bị vũ khí kỹ thuật hiện đại, nhất là mục tiêu “tìm diệt” Sư đoàn 9 chưa thực hiện được nên quân Mỹ còn hung hăng. Các trận phản công sắp tới của chúng chắc chắn có quy mô lớn cả về không gian và thời gian, với nhiều thủ đoạn chiến thuật, biện pháp kỹ thuật hiểm hóc, tinh vi. Vì vậy, chúng ta phải có tinh thần chiến đấu cao, dũng cảm phi thường, phải có chí khí anh hùng và quyết tâm dõng mãnh, đập bằng bất cứ trở lực nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào (Nghị quyết Trung ương 12).

Cuối cùng anh chỉ thị:

- Để thực hiện tốt đợt hoạt động này, ngoài quyết tâm cao, Sư đoàn 9 cần gấp rút xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, nhưng không nên tham, mà phải tùy theo sức mình, “bảo đảm sao cho tiến công địch mạnh và tự vệ mình tốt” (thư Bộ Chính trị).

Anh vừa nghiêm túc khi giao nhiệm vụ vừa thân mật động viên Sư 9 kiên trì ở hướng đó, vừa khẩn trương triển khai lực lượng sẵn sàng đánh địch, vừa chuẩn bị cho đơn vị ăn Tết ở đây.

Cuộc họp tuy nhiều nội dung nhưng chỉ làm gọn trong vòng hai giờ.

Tôi trở lại sư đoàn ngay sau đó, vào lúc mặt trời lặn, chỉ còn hắt lên chân trời phía tây một ráng đỏ đậm rồi tắt nhanh, báo hiệu ngày mai nắng càng gắt, như đổ lửa xuống mảnh đất nơi chúng tôi đang trú quân dã ngoại.

Các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn pháp phòng chờ tin. Vì vậy khi tôi về đến nơi là cuộc họp được bắt đầu. Tôi báo cáo toàn bộ kế hoạch của Bộ chỉ huy Miền về đợt hoạt động quân sự mới, trong đó có nhiệm vụ cụ thể của Sư 9; nói cả tinh thần thư của Bộ Chính trị đề ngày 6/4/1965 gửi Trung ương Cục và Khu ủy 5 mà tôi được phổ biến trong cuộc họp: Khi Mỹ thêm nhiều lực lượng và phương tiện vận chuyển cơ động, chắc chắn chúng sẽ mở nhiều cuộc tiến công vào chiến trường rừng núi, với quân Mỹ là chính, có kèm theo quân ngụy và quân chư hầu để cố giành chủ động, cố đạt một số thắng lợi để gây ảnh hưởng về chính trị, hòng đẩy ta vào thế bị động. Do đó nếu ta không dùng hình thức phản công chiến lược, phản công chiến đấu để tiêu diệt quân Mỹ và quân ngụy, thì ta sẽ bỏ lỡ nhiều cơ hội và có thể lâm vào bị động.

Chủ động và khẩn trương phải đi liền với nhau, tự nhận thức đó chúng tôi đã thống nhất một số việc cần làm ngay trong đêm: Điều đơn vị trinh sát rời suối Nhung đi về phía tây nam đến tả ngạn sông Bé thuộc địa phận huyện Tân Uyên, nơi đang có một số đơn vị Mỹ thuộc sư đoàn 1 nong ra cách đây bốn ngày để nắm ý đồ và hình thái đóng quân của chúng; đồng thời toàn sư đoàn cũng chuẩn bị chuyển dịch đội hình về hướng này.

Đúng như nhận định của trên, từ đầu tháng 2 năm 1966, địch chuyển trọng tâm hoạt động sang mũi tên thứ hai - bắc, đông bắc Sài Gòn, thuộc địa bàn đứng chân của Sư đoàn 9.

Từ đây chúng tôi mới thực sự bước vào thực hiện kế hoạch quân sự của Bộ chỉ huy Miền chống lại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất với mục đích “tìm diệt” mà tướng Oét-mo-len, tư lệnh quân đội viễn chinh Mỹ ở Nam Việt Nam cho rằng bây giờ mới là thời điểm để thực hiện(2).

(2) Các biện pháp chiến lược của Mỹ đã thực hiện trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam: Biện pháp chiến lược “tìm diệt” áp dụng từ khởi đầu chiến lược “chiến tranh cục bộ” đến hết mùa khô lần thứ nhất, biện pháp chiến lược “hai gọng kìm” được áp dụng từ cuộc phản công chiến lược “quét và giữ” được Abram thay Oét-mo-len đề xướng áp dụng từ Xuân 1968. Các biện pháp chiến lược quân sự của Mỹ nhằm hai mục tiêu cơ bản: tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng và giành dân, chiếm đất.

Mở đầu của mũi tên thứ hai bắn sang hướng bắc, đông bắc là cuộc hành quân mang tên “Đá lăn” vào giữa tháng 2 năm 1966.

Đây là cuộc hành quân nằm trong kế hoạch chung của cuộc phản công chiến lược, là mũi trọng yếu trong hai mũi tên ở miền Đông Nam Bộ, nhằm mở rộng kiểm soát đường 7, chia cắt chiến khu Đ, “bình định” khu vực Bông Trang - Nhà Đỏ, Bình Mỹ, giải tỏa áp lực của ta ở bắc Sài Gòn. Từ mục đích có ý nghĩa chiến dịch này, tướng Oét-mo-len phải điều lữ đoàn 1 (sư đoàn bộ binh số 1), hai chi đoàn thiết giáp, một tiểu đoàn Úc vào cuộc hành quân. Ngoài ra địch còn đưa một tiểu đoàn công binh đi trước làm đường

tỉnh lộ 2 Bình Dương - Phước Vĩnh, nhằm mở rộng vùng kiểm soát, uy hiếp các vùng giải phóng của ta.

Ngày 22 tháng 2, địch bắt đầu đổ quân xuống khu vực Bình Cơ, Bà Đá, Ván Hương đánh vào chiến khu Đ.

Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9 không bất ngờ trước hành động của địch.

Chúng tôi càng thấy tính nghiêm túc của nhiệm vụ được giao.

Chiến khu Đ với trung tâm lúc đầu là vùng Đất Cuốc ngày càng được mở rộng bao gồm phần đất ở đông quốc lộ 13, bắc quốc lộ 20 (sau đó được gọi là khu A), có độ cao trung bình một trăm mét. Chiến khu Đ ở vào vị trí lưng tựa cuối cùng của tất cả các chiến khu miền Đông và là chiếc cầu nối B2 với đường mòn Hồ Chí Minh, rất thuận lợi cho ta mở hành lang chiến lược, bố trí kho tàng, tập trung cơ động lực lượng. Nơi đây vừa có thể đứng tự nhiên vững chắc, vừa có thể đánh thẳng vào đầu não địch.

“Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”, đó là điều kẻ thù lo sợ nhưng không sao tránh nổi.

Phải đánh bại âm mưu địch! Đó là điều khẳng định. Cái khó nêu ra chỉ để suy nghĩ, tìm biện pháp khắc phục. Đó là điều chúng tôi thống nhất trong buổi họp ban đầu, khi cuộc hành quân của địch bắt đầu trở thành hiện thực.

Kẻ địch đang còn sung sức, kèm theo cả cay cú khi bị thua trong đợt phóng mũi tên thứ nhất vào hướng tây, tây bắc Sài Gòn, nên càng hung hăng. Chúng có đầu óc thực tế, chịu rút kinh nghiệm sau thất bại trận Bầu Bàng, sau cuộc hành quân “Cái bẫy”(3). Lực lượng dồn vào cuộc hành quân “Đá lăn” gồm mười ba tiểu đoàn (ít hơn năm tiểu đoàn so với cuộc hành quân “Cái bẫy”), nhưng thủ đoạn thì xảo quyệt hơn nhiều. Điều này thấy rõ trong quá trình chuẩn bị, hình thành thế bố trí.

(3) Ngày 8/1/1965, tướng Oét-mo-len huy động trên một vạn quân thuộc sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, sư đoàn bộ binh số 25 “Tia chớp nhiệt đới” cùng với 200 máy bay, 600 xe quân sự, 100 khẩu pháo yểm trợ mở cuộc hành quân “Cái bẫy” đánh vào bắc huyện Củ Chi, Hố Bò (Bến Cát) nằm trong khuôn khổ mũi tên thứ hai đánh ra hướng tây, tây bắc Sài Gòn.

Ngày 15 tháng 2, lực lượng địch nóng ra đóng quân dã ngoại ở sở Cao su Nhà Đỏ(4) trong khu tam giác Lai Khê - Phước Vĩnh - Tân Uyên kẹp đầu mút đường 16 nối với tỉnh lộ số 2 (Thủ Dầu Một - Đồng Xoài).

(4) Khi Pháp lập đồn điền cao su ở đây có xây dựng một căn nhà cho bốn quản lý giúp việc chủ ở. Ngôi nhà gạch lợp ngói đỏ nổi bật trong một khu vực rừng cây âm u, quanh đó chỉ là những túp lều, lán trại xiêu vẹo, lợp đủ thứ cỏ cây tạm bợ. Dân phu trong vùng theo màu sắc mà gọi là nhà đỏ, sau thành tên địa hình, mặc dầu đến nay ngôi nhà đó không còn nữa.

Địch ra xa căn cứ đóng dã ngoại dễ đánh! Nhưng đánh vào đâu và kế hoạch cụ thể thì chưa có câu trả lời dù chỉ là chung chung, vì địch ngày hoạt động nóng ra càn quét, đêm co về không cố định ở đâu.

Để trả lời câu hỏi trên, sau khi thống nhất công việc trong Bộ tư lệnh Sư đoàn, tôi và anh Thế Bôn đến tận nơi khảo sát, mất hàng tuần vẫn chưa phát hiện được địa điểm đóng quân cố định của địch là đâu. Phải chăng sự kiện Bầu Bàng được lặp lại ở đây? Nhưng ngày ấy - như trên đã trình bày cùng bạn đọc - chỉ qua một đêm là chúng tôi phát hiện ra chúng. Còn ở đây cũng thế, ngày địch càn quét đánh phá khu vực xung quanh như Cống Xanh, Bình Mỹ, đồng thời yểm trợ cho hai tiểu đoàn công binh làm đường, đêm rút về đóng dã ngoại bên dòng suối Bông Trang, cụ thể ở điểm nào thì chưa rõ.

Không có phép thuật nào, nhưng quả là địch xảo quyệt. Chúng tôi không nản, bằng nhiều cách tổ chức

bám sát theo dõi, cũng phải mất mười lăm ngày mới tìm được mục tiêu. Địch co cụm vẫn trong khu vực Nhà Đỏ - Bông Trang, nằm ở đầu đường 16 nối với tỉnh lộ số 2. Điểm đóng quân dã ngoại của địch được chia thành cụm hình vòng, liên kết với nhau được sự chi viện hỏa lực của pháo binh và không quân nếu bị đối phương tiến công.

Mỗi cụm lấy cơ giới làm nòng cốt, tuyến ngoài có bộ binh làm nhiệm vụ cảnh giới, tuyến trong là các cụm nhỏ kết hợp với bộ binh và cơ giới. Nếu tuyến bộ binh bên ngoài bị chọc thủng, bộ binh tuyến trong sẽ dựa vào cơ giới và phát huy hỏa lực của cơ giới chống lại đối phương. Ban ngày chúng phòng ngự tương đối rộng, đêm đến thu hẹp đội hình để giữ bí mật, bất ngờ, bảo vệ cho nhau khi bị ta tiến công.

Khác với Bầu Bàng, ở Nhà Đỏ - Bông Trang địch đóng dã ngoại có thời gian chuẩn bị (trên dưới một tuần), địa hình nơi đây bằng phẳng nhưng phức tạp, có nhiều bụi tre gai dày. Địch dựa vào đó đặt tăng, thiết giáp, kèm theo rào kẽm gai tạo thành vật cản chống lực lượng xung kích của ta. Tuy không thật kiên cố, vững chắc nhưng không thể coi thường, mà cần phải có biện pháp khắc phục, vì đó chính là thủ đoạn chiến thuật cụm dã ngoại của địch được áp dụng trong điều kiện cụ thể địa hình.

Ngày hôm sau Bộ Tư lệnh sư đoàn họp thông qua quyết tâm chiến đấu, và trước khi thực hiện phải báo cáo Bộ chỉ huy Miền xin được tiến công.

- Biện pháp đánh địch đóng quân dã ngoại có chuẩn bị như thế nào? - Bộ chỉ huy Miền hỏi.

- Đánh phục kích. - Tôi trả lời.

- Tại sao? - Bộ chỉ huy Miền hỏi tiếp.

- Điều địch ra ngoài công sự để đánh. - Tôi trình bày.

Bộ chỉ huy Miền chuẩn y nhưng nhấn mạnh:

- Phải khẩn trương, tổ chức tiến công sớm, không cho địch có thời gian chuẩn bị tăng viện cho lữ đoàn 173 ở Phước Vĩnh đánh vào chiến khu Đ. Giống như trận Bầu Bàng, dùng đội hình toàn sư đoàn tiến công, nhưng phương châm có khác: tập kích kết hợp với phục kích.

Trước hết phải dụ địch ra ngoài công sự theo kế hoạch của bộ phận tác chiến sư đoàn chuẩn bị được chúng tôi nhất trí thông qua. Cử một đồng chí trung đội trưởng trinh sát thâm nhập sát hàng rào kẽm gai, có mang theo sơ đồ dựng sẵn các vị trí cụm quân, vị trí tăng, pháo, các mũi tiến công của ta. Khi trở ra bỏ lại túi đựng tài liệu (trong đó có bản đồ) quai bị đứt để địch tin là ta vào trinh sát trận địa chuẩn bị tiến công, sẽ phải thay đổi vị trí đóng quân dã ngoại.

Song song với việc làm trên, chúng tôi cho di chuyển đội hình sư đoàn nhích gần về hướng địch. Các đơn vị triển khai theo nhiệm vụ cơ bản được phân công: Trung đoàn 1 làm nhiệm vụ chủ yếu từ đông bắc đánh lên; Trung đoàn 2 làm lực lượng dự bị chặn đường Phước Vĩnh, đề phòng lữ đoàn 173 phản kích. Sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình khi địch buộc phải xê dịch đội hình khi kế hoạch nghi binh “điệu hổ ly sơn” của ta đạt kết quả.

Chúng tôi đang hồi hộp theo dõi, thì được tin đồng chí trung đội trưởng trinh sát của ta khi trở ra chẳng may bị vướng mìn hy sinh! Vừa thương tiếc vừa lo lắng. Rất có thể trận đánh không thành, cuộc hành quân “Đá lăn” của địch được thực hiện.

Trong lúc chúng tôi đã nghĩ tới “thua keo này bày keo khác”, thì được tin: Túi đựng bản “sơ đồ trận đánh” vẫn còn. Địch viết thư kèm theo thi thể đồng chí trung đội trưởng được chúng đưa ra đường 16 trao trả ta. Như vậy là thế nào? Chắc chắn kế hoạch nghi binh không lộ, nhưng sao địch lại trao trả cho ta.

Theo phép “lịch sự” hay có ý gì đây? Dù thế nào ta cũng cần có phương án đối phó với tình thế bất trắc. Tôi nhắc anh em trong cơ quan sư đoàn phải bình tĩnh. Giữa lúc ấy tin trình sát báo về: có triệu chứng địch bí mật dẫn quân ra phía tây sở cao su Nhà Đỏ, đề phòng ta tiến công, nhưng lại gần nơi ta lốt ổ sắn, một thuận lợi ngoài dự tính - kế hoạch nghi binh “điều hổ ly sơn” của ta có hiệu quả!

Các đơn vị khẩn trương điều chỉnh đội hình, kịp đêm 23 rạng 24/2/1966 đồng loạt tiến công. Mở đầu là đạn súng cối, ĐKZ 75 bắn dồn dập vào các cụm quân địch, tiếp sau là các mũi bộ binh xung phong. Địch dựa vào hỏa lực cơ giới chống trả quyết liệt. Trung đoàn 1 đánh phủ đầu, địch co cụm lại ở các bụi tre gai, ta tiếp tục tiến công dùng hình thức tập kích đêm, vận động truy kích địch ban ngày. Các Trung đoàn 3, Trung đoàn 1 phải tổ chức lại đội hình, tiếp tục tiến công, chia cắt đội hình địch thành từng cụm nhỏ để diệt chúng. Đạn ta trúng cả sở chỉ huy nhẹ lữ đoàn 1 (thuộc sư đoàn 1), đội hình địch bị rối loạn, lúng túng trước cảnh đánh gần không phân tuyến của ta, sự chi viện phi pháo của địch bị hạn chế.

Trận đánh ác liệt kéo dài từ 22 giờ cho đến 5 giờ sáng không dứt điểm, địch bị thiệt hại nặng. Số còn lại chúng dồn thành hai cụm chống trả quyết liệt khi được phi pháo yểm trợ.

Thời điểm kết thúc đã đến, chúng tôi lệnh cho các đơn vị nhanh chóng rút ra, về tập kết ở địa điểm đã có kế hoạch trước (bên bờ suối Bông Trang)

Như vậy là thủ đoạn chiến thuật cụm trú quân “vành đai thép” của Mỹ được hoàn chỉnh sau thất bại ở Bầu Bàng tháng 12 năm 1965 đã chứng tỏ kém hiệu lực.

Về phía ta, sau những tháng ngày thấp thỏm chờ đợi, sau thời gian chuẩn bị căng thẳng, công phu, và sau nhiều buổi dân chủ bàn bạc sôi nổi mà xây dựng, cuối cùng chúng tôi tìm được hướng đi, bằng trận đánh then chốt ở Nhà Đỏ - Bông Trang, sư đoàn 9 đã góp phần trực tiếp đánh bại cuộc hành quân “Đá lăn” trên hướng phản công mà Oét-mo-len cho là trọng yếu ở hướng bắc Sài Gòn. Âm mưu đánh phá chiến khu Đ của Mỹ đã bị một đòn đau phủ đầu quan trọng, ảnh hưởng xấu đến các cuộc hành quân tiếp sau trong khuôn khổ mũi tên thứ hai phóng ra phía bắc Sài Gòn.

Ngày 7/8/1966, tướng Oét-mo-len tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam lại huy động lữ đoàn 2 thuộc sư đoàn 1 bộ binh, tiểu đoàn Úc ném vào cuộc hành quân “Thành phố bạc” tiếp tục âm mưu đánh phá chiến khu Đ.

Cuộc hành quân đầy tham vọng của địch được tiến hành sau khi chúng ta đã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương thống nhất(5), đã có kế hoạch chiến đấu phối hợp cơ bản ba thứ quân bảo vệ chiến khu Đ nếu địch đánh vào vùng đất thánh này.

(5) Theo chỉ thị của Trung ương Cục, tháng 2 năm 1966, Bộ chỉ huy tiền phương thống nhất được thành lập: Hoàng Cầm chỉ huy trưởng, Lê Văn Tường chính ủy, Hoàng Thế Thiện phó chính ủy, Hồng Lâm (Quân khu 7) chỉ huy phó; chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang (sư đoàn 9, lực lượng vũ trang tập trung và du kích cơ quan Bộ tư lệnh Quân khu miền Đông, tiểu đoàn Phú Lợi) chiến đấu ở hướng bắc Sài Gòn, bảo vệ chiến khu Đ.

Cuộc hành quân diễn ra đúng như phán đoán của ta, và ta đã có phương án chủ động phối hợp chiến đấu bảo vệ căn cứ. Sư đoàn 9 cơ động đánh địch ở vòng ngoài theo phương án phản công. Nhưng đánh địch vào đầu để diệt được địch, gây rung động chung đến cuộc hành quân, đó là những vấn đề chúng tôi suy nghĩ tìm biện pháp cụ thể. Từ những dự kiến đã có, từ nguồn thực hành trình sát thực địa, Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định tập kích quân địch ở sở cao su Phú Lương, ở dốc Bà Thúc trên đường 16, và ở khu vực Bầu Sắn nơi địch cụm lại ngày 16 tháng 3. Các trận tập kích vào những vị trí trọng điểm ở vòng ngoài, đã đánh thiệt hại một tiểu đoàn Mỹ, một tiểu đoàn quân Úc, bắn rơi năm máy bay lên thẳng; đồng thời hỗ trợ lực lượng vũ trang địa phương đánh địch từ vòng trong đánh ra, đạt hiệu quả như tại căn cứ quân y, các lực



lượng bảo vệ khu loại khỏi vòng chiến đấu sáu mươi tên Mỹ.

Cuộc hành quân “Thành phố bạc” của Mỹ không đạt được mục tiêu. Đây là một trong những thử nghiệm lớn đầu tiên về khả năng bảo vệ căn cứ của ta trước cuộc hành quân lớn của quân viễn chinh Mỹ.

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, trên chiến trường Đông Nam Bộ, Mỹ phóng ra hai mũi tên “tìm diệt” thực hiện không đồng thời. Sau khi mũi tên một đánh ra tây bắc Sài Gòn bị thất bại, Mỹ dồn lực lượng chuyển sang mũi tên hai đánh ra phía bắc Sài Gòn, nơi đây có các chiến khu lâu đời của Đông Nam Bộ, nơi có Sư đoàn 9, Sư đoàn 5 đang đứng chân theo ý đồ dàn thế, cài thế của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, sẵn sàng đánh địch khi chúng liều lĩnh phản công.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo có tính toán chiều sâu và có tầm nhìn đi trước của cấp trên, Sư đoàn 9 đã chuyển quân theo trù tính trước, dừng lại ở những điểm chắc chắn sẽ xảy ra những trận đụng độ lớn, không rải mảnh mảnh, không chạy theo các đơn vị hành quân của địch, mà tập trung vào những nơi có giá trị chiến lược, chiến dịch, nhằm vào những đơn vị mạnh nhưng lại ở thế yếu, có sơ hở để thực hành tiến công.

Suốt tháng 1 đến hết tháng 3 năm 1966, chúng tôi triển khai đánh năm trận tiến công, trong đó biết tập trung vào đánh thắng trận then chốt Nhà Đỏ - Bông Trang, phá thủ đoạn chiến thuật nham hiểm của địch, cụm trú quân “vành đai thép”, góp phần đánh bại một bước quan trọng cuộc hành quân trên khu vực mà Mỹ gọi là trọng yếu ở hướng bắc Sài Gòn; đồng thời tham gia thử nghiệm có hiệu quả về khả năng bảo vệ căn cứ của ta trước cuộc hành quân “Thành phố bạc” của địch với tham vọng diệt cơ quan đầu não miền Đông(6), phá nát vùng trung tâm chiến khu Đ.

Trước hết do chúng tôi quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, có những tìm tòi trong vận dụng. Trong chiến đấu đã phát huy được tinh thần dũng cảm và mưu trí, biết phối hợp các lực lượng vũ trang địa phương, nhờ đó mà tập trung được lực lượng, thực hiện đánh lớn. Việc Sư đoàn 5 đứng quân ở hướng đông và đông nam Sài Gòn với những hoạt động xuất sắc gây nhiều thiệt hại cho địch, làm phá sản kế hoạch giải tỏa đường 15, sông Lòng Tàu, hút một số lực lượng quan trọng của địch vào hướng này, tạo điều kiện thuận lợi cho Sư đoàn 9 đứng ở hướng bắc hoàn thành nhiệm vụ, được “Trung ương Cục, Quân ủy Miền đánh giá cao thành tích đóng góp của công trường 9 (tức Sư đoàn 9). Cán bộ và chiến sĩ của công trường phải thấy hết giá trị của sự thành công này để quyết tâm, tin tưởng cao hơn trong nhiệm vụ sắp tới”(7).

(6) Cơ quan Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đóng ở khu vực Cù Đình thuộc địa bàn chiến khu Đ.

(7) Đánh giá của Trung ương Cục và Quân ủy Miền về hoạt động của sư đoàn 9 trong mùa khô 1965 - 1966 - Tài liệu lưu trữ tại sư đoàn 9.

# CHẶNG ĐƯỜNG MUỖI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 12: Phần 1

Thời tiết và những cuộc hành quân có mối quan hệ mật thiết.

Trong kháng chiến chín năm (1945 - 1954), các cuộc hành quân càn quét lớn của quân đội thực dân Pháp và những mùa hoạt động quân sự lớn của quân đội ta đều chủ yếu diễn ra trong thời gian từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau; chẳng hạn các binh đoàn chủ lực của ta trên chiến trường Bắc Bộ hồi đó đã liên tục mở các chiến dịch lớn như chiến dịch Thu Đông (1947), chiến dịch Sông Thao, Sông Lô (1949), chiến dịch Biên Giới (1950), chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Hòa Bình, Lý Thường Kiệt (1951), Chiến dịch Tây Bắc (1952), Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). Các cụm từ Hoạt động quân sự Thu - Đông, Chiến dịch Thu - Đông đã trở thành thuật ngữ quân sự quen thuộc để chỉ các chiến dịch quân sự lớn diễn ra vào lúc mùa mưa kết thúc, mùa khô bắt đầu, thời tiết khô hanh, các sông suối nước cạn dần, dễ qua lại.

Ở chiến trường Đông Nam Bộ, vào giai đoạn đánh Mỹ cũng diễn ra như thế. Quân đội viễn chinh Mỹ càng được trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại càng rất coi trọng yếu tố thời tiết - cụm từ “phân công chiến lược mùa khô” xuất hiện cũng bởi lẽ phải tận dụng tối đa yếu tố thiên thời, không có mưa bão, đường sá khô ráo, sông suối cạn kiệt, bầu trời quang mây.

Với ta cũng thế, tuy trang bị không nhiều, không hiện đại bằng quân đội Mỹ, sức cơ động và phương tiện vận chuyển vẫn chủ yếu dựa vào đôi chân và đôi vai của con người, nhưng vẫn rất cần đến mùa khô, mùa lý tưởng cho các hoạt động quân sự.

Tháng 5 đã đến, những cơn mưa đầu mùa ập đến, cảnh sắc Đông Nam Bộ thay đổi theo chu kỳ. Không phải con người thấy dễ chịu, mà cả mặt đất, cây cối cũng đổi thay, vụt sống lại, vươn nhanh. Nhưng đối với hoạt động quân sự thì mưa lại là những trở ngại. Mưa làm sập hầm hào, mưa cản kế hoạch vượt sông, gây khó khăn cho vận chuyển, tiếp tế, mưa gây ẩm ướt, phát sinh bệnh tật, sức khỏe giảm sút, quân số thiếu hụt và biết bao nhiêu khó khăn khác nảy sinh.

Sau thời gian lui về khu vực suối Bông Trang nghỉ ngơi củng cố rút kinh nghiệm, sư đoàn được lệnh của Bộ chỉ huy Miền: chuẩn bị nhận kế hoạch hoạt động quân sự mùa mưa! Chúng tôi không ngạc nhiên khi nhận điện của Miền, bởi sư đoàn nhiều lần tự nhủ “không thể có chiến tranh theo mùa”.

Cũng vào một ngày mưa, chúng tôi đón anh Trần Văn Trà thay mặt Bộ chỉ huy Miền xuống làm việc với sư đoàn.

Sau ít phút thăm hỏi, anh Trà vào việc ngay. Tất cả chúng tôi đều như hăm hở đón chờ. Còn anh, mở đầu không phải là truyền đạt mệnh lệnh, kế hoạch tác chiến chính thức, mà là ý kiến trao đổi thăm dò, khiến chúng tôi ngỡ ngàng, khó hiểu?

Anh nói:

- Dự kiến của Bộ chỉ huy Miền định tranh thủ thời cơ tiếp tục mở đợt hoạt động ngăn tiến công vào mục tiêu gọn căn cứ Phước Vĩnh.

Mới chỉ đến đây mà mọi người thở phào xua đi cái chờ đợi nhường chỗ cho niềm vui đến nhanh. Vì sự trùng hợp giữa ý định của trên với nguyện vọng của dưới. Bởi Phước Vĩnh là căn cứ nằm trên địa bàn hoạt động của Sư đoàn 9, chính nó đã gây cho chúng tôi nhiều khó khăn, có lúc tưởng như nhiệm vụ phải

bỏ dở. Như tháng 6 năm 1965, khi căn cứ Đồng Xoài bị Sư đoàn 9 tiến công, thì từ Phước Vĩnh, lữ đoàn dù 173 đã mò lên chi viện, nhưng bị ta chặn đánh, chúng phải rút trở lại; như trong trận tiến công cụm dã ngoại quân Mỹ ở Nhà Đò - Bông Trang vừa rồi, cũng phải dành lực lượng chặn viện từ căn cứ Phước Vĩnh.

Nhưng địch vẫn chưa từ bỏ ý định, chúng tiếp tục củng cố Phước Vĩnh từ một căn cứ đã chiến lúc đầu thành một căn cứ thuộc loại lớn, có công sự vững chắc để uy hiếp Chiến khu Đ, bảo vệ sườn phía đông đường 13 đoạn từ Hớn Quản đi Lộc Ninh, làm bàn đạp mở rộng vùng kiểm soát lên tận Đồng Xoài, Phước Long, lấn chiếm vùng sâu của ta.

Vì vậy chủ trương tiến công căn cứ Phước Vĩnh của Bộ chỉ huy Miền là rất phù hợp với yêu cầu thực tế. Chúng tôi muốn biết thời gian thực hiện càng sớm càng tốt?

Như có gì khó nói, vừa hòa vào cái không khí vui vẻ, sôi nổi của buổi trao đổi, vừa như đắn đo, thăm dò, phút im lặng trôi nhanh, anh Trà mới chậm rãi nói:

- Hiềm một nỗi là lương thực dự trữ ở đây đã cạn, vì địch chặn ta ở biên giới phía bắc không chuyển xuống được!

Mối quan hệ giữa chiến đấu và bảo đảm hậu cần lại được thể hiện rõ nét, bằng xương bằng thịt. Không thể nói hậu cần là phía sau, là yếu tố bảo đảm sau các yếu tố khác. Ông cha ta nói “thực túc binh cường”, là rút ra từ thực tiễn của nhiệm vụ giữ nước trải qua mấy nghìn năm.

Để giải tỏa không khí im lặng, anh Trà nói:

- Tình hình như vậy, anh Năm muốn mang bộ đội đi đâu mà đánh được giặc thì cứ đi!

- Ra Bắc có được không? - Tôi hỏi vui.

- Được chứ sao. - Anh Trà cười, lại tiếp. - Nhưng ngoài đó cần lực lượng phòng không, cần máy bay, tên lửa, đâu có cần bộ binh, coi chừng ra đó bị ế đấy!

Không khí bỗng vui hẳn lên, cái yên lặng tan nhanh, cuộc trao đổi lại trở về tinh thần nghiêm túc và thực tế. Lại anh Trà nói trước:

- Chuyện vui như vậy đủ rồi, bây giờ ta vào việc.

Như vậy là kế hoạch tiến công Phước Vĩnh với mục đích tiêu diệt sinh lực địch, phá thế phản công, thu hút và phân tán không cho chúng tập trung lực lượng đánh lên Lộc Ninh, phá cơ sở kho tàng của ta trên đó, phải chuyển hướng:

- Lực lượng vũ trang địa phương vẫn tổ chức bám trụ quanh căn cứ Phước Vĩnh, tiến công địch bằng nhiều hình thức thích hợp nhằm tiêu hao, gây cho chúng bất ổn định, chỉ lo việc phòng giữ nhà.

- Sư đoàn 5 trụ đánh địch ở hướng đông, đông nam Sài Gòn, chủ yếu trên địa bàn Long Khánh - Bà Rịa.

Sư đoàn 9 có thêm trung đoàn 16 (vừa từ miền Bắc vào tăng cường) ngược lên phía bắc làm nhiệm vụ chủ yếu trên hướng Lộc Ninh, phá thế bao vây của địch, bảo vệ kho tàng. Để thực hiện nhiệm vụ, cần áp dụng biện pháp tiến công bằng sức mạnh (có cả cối 120 ly) diệt trại biệt kích Lộc Ninh, cầu viện đường bộ, đường không, diệt sinh lực địch, tạo khu quyết chiến Lộc Ninh - Bình Long.

Quán triệt ý định của Bộ chỉ huy Miền qua anh Trà truyền đạt Sư đoàn 9 khẩn trương lên đường. Cuộc

hành quân khá vất vả đất đỏ miền Đông chẳng có mùa nào ưu ái đối với người lính. Nắng thì bụi lặm, mưa có cái khó của mưa. Đường trơn,бет dính tường như mặt đất có gì vừa đầy vừa níu con người lại, đói mệt vì thế đến nhanh với mọi người.

Chúng tôi đến khu vực Lộc Ninh vào một buổi chiều đẹp trời, đợt mưa tầm tã vừa chấm dứt. Ngay đêm đó Bộ tư lệnh sư đoàn đã họp bàn kế hoạch chuẩn bị chiến đấu. Trên cơ sở tình hình nắm được, quán triệt nhiệm vụ của Bộ chỉ huy Miền, sư đoàn đã có một kế hoạch tổng thể bước đầu, làm định hướng cho các đơn vị triển khai chuẩn bị cụ thể. Dùng sức mạnh của cả xung lực và hòa lực tiến công vào mục tiêu chủ yếu trại biệt kích bắc Lộc Ninh; đồng thời bố trí một lực lượng mạnh khác sẵn sàng đánh viện đường bộ và đường không, chủ yếu là đường bộ.

Kế hoạch nêu ra được các đồng chí trong Bộ tư lệnh Sư đoàn thảo luận, nhất trí thông qua. Chưa triển khai cụ thể nhưng trong chúng tôi đều thấy có cái gì suôn sẻ, đánh điểm, diệt viện nhất định sẽ diễn ra. Các kho tàng của ta sẽ được bảo vệ cả trước và sau chiến dịch. Cho dù có diễn biến phức tạp, chiến dịch có thể phải kéo dài thì với điều kiện cụ thể ở Lộc Ninh lúc đó chúng tôi vẫn có khả năng đánh dài hơi, vì thế của ta vững, có cả một vùng rừng núi liên hoàn, kéo dài đến Phước Long, đều là cơ sở của ta, địch khó thực hiện thủ đoạn chiến thuật bao vây vu hồi chia cắt. Khả năng tạo ra khu quyết chiến điểm Lộc Ninh - Bình Long sẽ trở thành hiện thực, góp phần phá thế phòng ngự của địch ở khu vực Lộc Ninh - Hớn Quản.

Cái ngày N đang xích gần thì tình hình lại có dấu hiệu rẽ ngoặt. Địch phát hiện Sư đoàn 9 hiện đứng chân ở Lộc Ninh sau khi đã đụng đầu với chúng ở trận Nhà Đỏ - Bông Trang, Cù Đình, dốc Bà Nghĩa. Tướng hai sao Đơ-puy, tư lệnh sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ” đã triển khai cuộc hành quân “En Pa-xô” đưa lữ đoàn 3 lên Lộc Ninh mang theo cả công sự làm sẵn để lập tuyến phòng thủ, thực hiện chiến thuật “dự phòng” phá cuộc tiến công Lộc Ninh của ta.

Bầu trời, mặt đất vùng Lộc Ninh bỗng sôi lên trong không khí ác liệt của chiến tranh. Dù loại máy bay, pháo bầy oanh tạc bắn phá hủy diệt các cánh rừng nghi ta trú quân, các ngã đường, kể cả đường mòn nghi ta lợi dụng tiến quân.

Lúc này không phải lúc để tâm nguyên nhân vì sao lộ mà là lo sao đối phó tức thì trước tình huống gay cấp này. Tiếp tục thực hiện như kế hoạch đã vạch? Không được, vì địch đã tăng cường lực lượng bố trí lại thế phòng ngự, tổ chức thành cụm hành quân lớn, sẵn sàng phản kích, phá cuộc tiến công của ta.

Một cuộc họp Bộ tư lệnh Sư đoàn được triệu tập ngay sau khi Bộ chỉ huy Miền thông báo chính thức là ta bị lộ, địch đã tăng cường lực lượng lên Bình Long, Lộc Ninh đề phòng. Thình thoảng nơi chúng tôi ngồi họp lại rung lên như động đất, báo hiệu máy bay B.52 đang trải thảm rất gần. Rồi trời lại đổ mưa, những trận mưa thoát đến thoát tan ào ào trút nước, không tăng bạt, lán trại nào chịu nổi, quần áo mọi người lúc nào cũng sũng nước.

Theo sự phân công, tôi trình bày những suy nghĩ của mình.

- Như vậy là kế hoạch chiến dịch ta đang triển khai phải hủy bỏ, vì nếu tiếp tục chẳng khác nào ta húc vào đá! Theo tôi, mục đích chiến dịch không thay đổi nhưng phải thay đổi toàn bộ biện pháp, coi như làm lại từ đầu, từ khu vực tác chiến, hình thức chiến thuật, tổ chức chỉ huy, bảo đảm chiến đấu. Từ tập kích đánh địch trong công sự, chúng ta chuyển sang phục kích đánh địch trên đường giao thông, đánh địch ngoài công sự.

- Rút khỏi Lộc Ninh? - Có ý kiến chen vào.

- Đúng, chúng ta sẽ rút khỏi Lộc Ninh, chuyển đội hình sư đoàn về đứng chân ở khu vực quốc lộ 13. Vì muốn phá ý định tiến công của ta, địch phải tăng viện đưa pháo lớn và tăng thiết giáp lên Lộc Ninh,

kèm theo là khối lượng lớn đạn dược và lương thực. Tồn kém mấy chúng cũng làm, vì quân công tử Mỹ không thể đánh trận theo kiểu con nhà nghèo. Tất nhiên địch phải dựa vào trục đường giao thông để thực hiện âm mưu nói trên, đó là quốc lộ 13. Theo tin mới nhận, địch đã ra lệnh báo động đối với trung đoàn thiết giáp, có phương án sẵn sàng đưa trung đoàn này lên tăng cường khi Lộc Ninh, Hớn Quản bị tiến công.

Vì vậy giải pháp thích hợp với chúng ta lúc này là chuyển sang đánh giao thông, là từ bị động chuyển sang chủ động trên hướng khác. Về mặt chủ quan, ta đã được trang bị B.40 từ miền Bắc mới chuyển vào. Tuy còn ít nhưng biết cách tổ chức vẫn phát huy được hiệu quả tối đa của loại vũ khí chống tăng gọn nhẹ mà lợi hại này.

Các anh trong Bộ tư lệnh Sư đoàn đều nhất trí với những vấn đề tôi trình bày trên, và thống nhất một số việc cần làm ngay:

- Khu vực trận địa đánh giao thông địch là đoạn quốc lộ 13 từ ngang ngã ba Đồng Tâm đến bắc Chơn Thành.

- Nghiên cứu trên bản đồ để quyết định những điểm có khả năng xảy ra trận đánh; đồng thời tổ chức đi trinh sát thực địa để xác định trận địa phục kích cụ thể và dự kiến các nơi địch dừng lại đóng quân dã ngoại để có kế hoạch chủ động tập kích khi tình huống xuất hiện.

- Biện pháp chiến thuật là phục kích đánh giao thông, tập kích khi địch đóng quân dã ngoại, pháo kích tiêu hao nhằm làm tê liệt giao thông, phá âm mưu địch lấy Lộc Ninh làm bàn đạp đánh phá căn cứ, kho tàng của ta đặt ở đông bắc thị trấn giáp biên giới Campuchia.

- Để thực hiện lừa địch, ta vừa tung tin vừa tiếp tục một số động tác giả để địch tin rằng ta vẫn tiếp tục triển khai lực lượng đánh Lộc Ninh, buộc địch phải đưa cơ giới lên tăng viện, ta có điều kiện diệt chúng ở những trận địa bày sẵn; đồng thời tổ chức tiến công địch ở mức độ vừa phải, tiêu hao địch, gây áp lực về tâm lý, buộc chúng phải tăng cường phòng thủ, từ bỏ ý định đánh nóng ra ngoại vi.

- Phân chia lực lượng: Trung đoàn 1 vừa nghi binh vừa chuẩn bị sẵn sàng khi có thời cơ tiến công, chủ yếu là trại biệt kích; Trung đoàn 2 làm nhiệm vụ chủ yếu đánh phục kích trên đường 13, vì trung đoàn này qua trận phục kích đánh thắng đoàn xe cơ giới Mỹ ở Cầm Se (20/1/1965) đã kịp thời rút kinh nghiệm, trình độ tổ chức chỉ huy, trình độ chiến thuật vận động phục kích đánh xe cơ giới địch của cán bộ chiến sĩ đã được nâng lên cả về nhận thức và thực hành; Trung đoàn 3 làm lực lượng dự bị.

Tôi muốn dừng lại kể cùng bạn đọc về nỗi vất vả và tinh thần vượt khó của Trung đoàn 2. Trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu, với nhiều thay đổi, trung đoàn vẫn có mặt ở địa điểm quy định trước thời gian. Ngày 17 tháng 5 từ Sóc Con Trăng chuyển sang phía bắc thực hiện phương án đánh Lộc Ninh, thì trung đoàn được lệnh chống càn. Ngày 21 tháng 5 kế hoạch chống càn vừa xây dựng xong thì ngày 22 tháng 5 được lệnh chuyển hướng hoạt động sang đường 13 làm nhiệm vụ đánh giao thông địch. Ngày 23 tháng 5 toàn trung đoàn hành quân đến địa điểm tập kết ở suối Bông Xôm cách đường 18 năm ki-lô-mét, liền bắt tay vào xây dựng trận địa phục kích theo phương án tác chiến mới của sư đoàn.

Giữa tháng 5 sau khi đi trinh sát thực địa trên hai đoạn đường Lộc Ninh - Hớn Quản, Hớn Quản - Lộc Ninh, Bộ tư lệnh sư đoàn họp trao đổi, quyết định chọn trận địa phục kích là đoạn đường từ ngã ba Cây Đa đến bắc cầu Cầm Đâm (dài ba ki-lô-mét rưỡi) thuộc xã Tân Khai.

Như vậy là điểm tác chiến nằm kẹp giữa hai căn cứ quân sự mạnh của địch là tiểu khu Hớn Quản và chi khu quân sự Chơn Thành. Nếu trận đánh xảy ra thì khả năng chi viện bằng không quân, nhất là bằng bộ binh và pháo binh, xe tăng, thiết giáp của địch sẽ xảy ra với lực lượng mạnh và nhanh. Nhưng chúng tôi

vẫn chọn vì mặt đường ở đây hẹp, giữa đoạn phục kích có hai đầu cầu bị hư hại, địch có sửa nhưng không bảo đảm, lại có hai suối Tàu Ô, Cần Đầm cắt ngang đầy nước vì đang là mùa mưa, khi qua đó tốc độ xe phải giảm, dễ bị ta chặn đầu, khóa đuôi đội hình bị ùn tắc. Đây là điểm yếu cơ bản địch không thể khắc phục được, còn ta thì có điều kiện lợi dụng để lập trận địa hiểm thực hành tiến công tiêu diệt sinh lực địch.

Để hạn chế sức đột kích mạnh, sức cơ động cao, khả năng chi viện nhiều và nhanh của địch, chúng tôi nhân mạnh với Trung đoàn 2 là, cần cơ động nhanh, đánh quân viện và quân thoát ly ngoài công sự là chính.

Nếu các trận Bàu Bàng, Nhà Đỏ - Bông Trang tổ chức tiến công theo đội hình sư đoàn, nhằm tạo ưu thế lực lượng vào một trận then chốt để dứt điểm nhanh, thì trong đợt hoạt động này chúng tôi lại chủ trương lấy cấp trung đoàn làm đơn vị tiến công theo kế hoạch chung của sư đoàn, nhằm cùng một thời gian tạo thế đánh địch trên nhiều hướng, nhiều mục tiêu, nhiều yêu cầu cụ thể, phục vụ nhiệm vụ chung của chiến dịch. Từ kinh nghiệm trận đánh xe cơ giới Mỹ ở Cầm Se, trên khu vực phục kích dài gần bốn ki-lô-mét, sư đoàn chỉ đạo Trung đoàn 2 đưa toàn bộ lực lượng ra phía trước, hình thành thế chặn đầu, khóa đuôi, đột phá khúc giữa, chỉ để một đại đội làm lực lượng dự bị. Sở dĩ phải dàn mỏng lực lượng, nhưng có trọng điểm như vậy còn do cường độ phản kích của Mỹ mạnh hơn nhiều lần cường độ phản kích của Pháp trong thời kỳ kháng chiến chín năm. Ngay trên đoạn đường này đã có tiền lệ mỗi khi muốn tăng viện cho Hớn Quản, Lộc Ninh, Mỹ phải tổ chức từng đoàn xe lớn, trước khi xuất phát, chúng dùng không quân, pháo binh bắn phá như đổ đạn hai bên đường (từ mép đường ra hai trăm đến ba trăm mét) sau đó lực lượng tuần đường triển khai bố trí chốt sẵn ở các khu vực hộ tống cho xe qua.

Ngày 25 tháng 5, Trung đoàn 2 hoàn tất toàn bộ công việc chuẩn bị chiến đấu, kể cả làm đường xuất kích ra vị trí xuất phát xung phong cách đường từ hai trăm đến năm trăm mét, nhưng phải chờ mười lăm ngày sau mới có “việc làm”. Thật ra thì không riêng cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 2 bồn chồn, mong đợi, đã xuất hiện cả nồn nóng, thiếu tin, mà cả Bộ tư lệnh Sư đoàn chúng tôi cũng có chung tâm trạng nao nao, lo lắng: hay là lại bị lộ, địch đề phòng? Nếu vậy thì xử lý thế nào? Sư đoàn cho kiểm tra, chưa thấy có hiện tượng lộ từ phía chủ quan trung đoàn.

Hai mươi mốt ngày ém quân chờ giặc, phải chịu đựng gian khổ, chỉ có cơm vắt với nhúm muối trắng, anh em vẫn kiên trì.

Mặt khác, anh em vẫn tha thiết đề nghị trên chuyển hướng khác, sợ nằm mãi đây lỡ “thất nghiệp”; ngay trong cán Bộ chỉ huy cũng có người tính chuyện như vậy. Trận đánh chưa xảy ra mà việc theo dõi, lãnh đạo tư tưởng cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 2 không kém phần vất vả, căng thẳng! Ngay cả trong lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn đã xuất hiện sự nản chí, muốn xoay hướng như sợ mình chọn điểm lầm, tính toán, phán đoán địch có cái gì chưa sát?

Kẻ địch thật xảo quyệt. Trước khi khởi sự chúng thăm dò nhằm đánh lạc phán đoán của ta về thời điểm hành quân cụ thể tạo bất ngờ đến phút chót, khi ta biết thì đã muộn. Tám giờ ngày 8 tháng 6, địch xuất hiện ở cầu Tân Khai để sửa cầu. 12 giờ 40 phút, theo tin kỹ thuật, có đoàn xe địch từ Hớn Quản xuống, ta vận động ra chỉ có ba xe Jeep nên không nổ súng. Sau đó lúc 15 giờ nhận được tin kỹ thuật báo có đoàn xe địch xuất phát từ Chơn Thành đi Hớn Quản, toàn bộ đội hình trung đoàn nhanh chóng vận động ra vị trí xuất phát tiến công, tất cả đều sẵn sàng. Nhưng mãi xế chiều, quân của đại đội A, tiểu đoàn 1, trung đoàn kỵ binh số 4 cùng xe tăng và xe bọc thép di chuyển ồ ạt trên đường 13. Khi đoàn xe di chuyển qua Tàu Ô tiến về Hớn Quản thì bị Trung đoàn 272 (tức trung đoàn 2) phục kích.

“Xe tăng dẫn đầu đại đội A bị súng không giật bắn trúng. Còn đoàn quân phía sau bị tê liệt. Việt cộng (tức Quân giải phóng) tiến công các xe mắc kẹt ở giữa. Trận ác chiến diễn ra trong bốn giờ Đại đội A bị loại khỏi vòng chiến”(1).

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 12: Phần 2

Trên đây là một đoạn tường thuật tóm tắt của tác giả Mỹ Xten-ton về trận Càn Đâm. Còn thực tế thì gay go hơn nhiều.

Những ngày chờ địch đã căng, khi địch đến, bên cạnh cái mừng địch đã trúng kế, cái lo lại ập đến: Trước hết làm sao kéo căng đội hình hành quân của địch lọt vào trận địa phục kích của ta, không cho chúng “sống chuồng” khi ta nổ súng. Sau này khi chiến dịch kết thúc, về tổng kết rút kinh nghiệm, nghe các đồng chí chỉ huy trung đoàn 2 báo cáo diễn biến mới thấy hết được tính phức tạp của trận đụng độ. Khi sư đoàn thông báo - lúc ấy là 15 giờ 20 phút đoàn xe địch xuất phát từ Chơn Thành lên Hớn Quản, mười phút sau đó nghe rõ tiếng động cơ, cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn mới thực sự phấn khởi. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Đi đầu là chiếc M.41 đen trũi như con bọ hung, tiếp đến là M.113, cách nhau mỗi xe năm mươi mét, tốc độ chậm, tỏ ra thận trọng.

Th đúng kế hoạch, khi đoàn xe đến cầu Tàu Ô, công binh cho nổ mìn ĐH.10, xe địch tăng tốc, như để tránh nguy hiểm. Khi chiếc xe thứ mười bảy lọt vào trận địa, đại đội 1 (tiểu đoàn 4) nổ súng, phút đầu diệt một M.41, hai mươi phút sau diệt thêm bốn chiếc nữa, cả đoàn xe phải dừng lại. Nhiệm vụ chặn đầu của tiểu đoàn 4 đã hoàn thành. Hơn một giờ sau trên hướng tiểu đoàn 4, tiểu đoàn 5 đều hoàn thành nhiệm vụ. Cũng tại đây một tiểu đội của ta phục đánh bất ngờ, bắt được một xe M.113, địch bỏ chạy, nhưng máy vẫn nổ. Biết xe còn tốt, mọi người nhìn nhau thất vọng vì không ai làm nghề lái xe (sau chiến dịch đánh giao thông này, Bộ chỉ huy Miền điện ra Bộ Tổng Tham mưu xin bổ sung lực lượng biết lái xe vận tải quân sự và cả xe tăng, thiết giáp để có người xử lý khi có chiến lợi phẩm thuộc loại cao cấp này).

Nhưng tình hình bỗng chốc trở nên phức tạp. Địch từ phía sau (Chơn Thành) tổ chức thành hai cụm lên phản kích ở khu vực Tàu Ô. Trung đoàn phải đưa lực lượng dự bị (tiểu đoàn 6) vào chiến đấu ở nam, bắc Tàu Ô. 17 giờ, bảy xe M.41, M.113 từ Chơn Thành lên, thọc thẳng vào trận địa ta ở khu vực ngã ba Cây Đa, ta diệt bốn xe, còn ba xe quần nhau với bộ binh ta, chúng chạy thẳng về Tàu Ô hợp điểm với đồng bọn từ Tân Khai đánh xuống. Trận ác chiến diễn ra trong bốn giờ liền, như địch thừa nhận (từ 15 giờ đến 18 giờ mới kết thúc).

Thắng nhưng không trọn vẹn, lực lượng khóa đuôi mỏng, lại thiếu lực lượng dự bị mạnh, khi địch tăng viện ta xử lý lúng túng, không kịp thời, nổ súng không đồng loạt, một số xe địch có điều kiện quay lại cụm thành hình vòng đôi phỏ. Khi pháo địch bắn dữ dội, ta tổ chức rút chưa nhanh nên bị thương vong.

Nhưng trận thắng trong chiến dịch đánh giao thông địch trên đường 13 gây cho Mỹ nhiều lúng túng trong âm mưu mở cuộc hành quân “dự phòng” nhằm phá cuộc tiến công của ta, tạo đà cho những trận thắng tiếp sau của sư đoàn trong đợt hoạt động mùa mưa, lại xảy ra ở địa điểm khác.

Đó là trận phục kích địch trên khu vực cầu Càn Lê mà địch gọi là “trận Srok Dong - là một trận đánh cổ điển trong chiến tranh Việt Nam”(2).

(1) (2) Sách: Sự thắng trầm của đạo quân đánh bộ Hoa Kỳ ở Việt Nam của Xten-ton do Minh Đạo lược dịch đăng trong Tạp chí Lịch sử quân sự số 19, 20, 21 năm 1987.

Càn Lê cũng là khu vực nằm trong kế hoạch tổng thể đánh giao thông địch trong đợt hoạt động mùa mưa của sư đoàn.

Nhưng khi xảy ra lại là trận phục kích hai chiều, không phải chỉ đánh địch từ Hớn Quản lên mà còn

tiến công địch từ Lộc Ninh rút về.

Chiều 27 tháng 6, sư đoàn được tin trình sát kỹ thuật của Miền: một đoàn xe cơ giới địch đang chuẩn bị xuất phát từ Hớn Quản lên đón quân Mỹ rút từ Lộc Ninh về th đường 13. Như vậy th phán đoán của sư đoàn, cuộc hành quân dự phòng “En Pa-xô” của địch đã bị phá sản, âm mưu phá cuộc tiến công của ta đã thất bại, chúng thấy không thể trụ lại vì đường 13 đang tắc nghẽn ở đoạn vừa xảy ra trận đánh của Trung đoàn 2: cầu Cần Đâm. Việc vận chuyển vũ khí, đạn dược, nhu cầu hậu cần cho lính Mỹ gặp nhiều trở ngại.

Bộ tư lệnh sư đoàn hội ý quyết định: Đây là trận đánh do sư đoàn trực tiếp chỉ huy, sở chỉ huy đặt ở điểm cao 124, lực lượng sử dụng:

- Lệnh cho Trung đoàn 1 tạm ngừng kế hoạch tiến công Lộc Ninh, chuyển sang đánh phục kích đoàn xe cơ giới địch từ Hớn Quản lên.

- Trung đoàn 2 đánh địch phản kích phía sau.

- Trung đoàn 3 đánh địch đổ bộ đường không (rút kinh nghiệm trận Cần Đâm, Sư đoàn nhận định: “Thế nào địch cũng sử dụng sở trường của đội quân công tử - sẽ đổ bộ đường không khi bị đánh để cứu nguy cho bộ binh”).

- Phương châm tác chiến, đánh nhỏ đồng thời chuẩn bị đánh lớn, chặn diệt bộ binh, cơ giới đồng thời đánh địch đổ bộ trực thăng.

Trong quá trình trao đổi kế hoạch tác chiến, một vấn đề nổi lên là bố trí thế nào. Ở đây chỉ cách chỉ khu quân sự Lộc Ninh có bảy ki-lô-mét, không có địa hình trung bình như Cần Đâm, rừng thưa, đồng trống, phần lớn là cây dừa nước mọc xen với cỏ le. Từ vị trí tập kết đến khu chiếm lĩnh phải vượt qua ba con suối khó khăn trong cả cơ động và giấu quân. Vì vậy phải bố trí thế trận vận động phục kích.

Ý kiến khác (chủ yếu của phái quân sự) thì ngược lại. Làm như vậy khi tiếp cận địch bị trống trải, không an toàn, rất phiêu lưu.

Đây là vấn đề tư tưởng chiến thuật, có ảnh hưởng trực tiếp đến trận đánh nếu không được giải quyết.

Sau khi trao đổi thống nhất ý kiến, Bộ tư lệnh Sư đoàn phân công tôi thực hiện. Trước hết cần gấp các đồng chí cán bộ chủ chốt cấp trung đoàn để trao đổi thông suốt, kết hợp với bàn công việc chuẩn bị cụ thể vừa tranh thủ được thời gian vừa giải quyết vấn đề có chiều sâu, gắn với thực tế.

Trận địa phục kích gần hay xa không th ý muốn chủ quan, càng không thể cứng nhắc với điều đã học. Nó phụ thuộc trước hết vào nhiệm vụ chiến dịch, vào yếu tố địa hình, vào đối tượng địch cụ thể mà ta có nhiệm vụ xóa sổ. Chúng ta chọn Cần Lê làm trận địa phục kích đánh quân địch từ Hớn Quản lên đón quân từ Lộc Ninh về, nhằm thực hiện một trong những nhiệm vụ cơ bản của chiến dịch đánh giao thông địch. Nếu thừa nhận chỉ có Cần Lê mới là trận phục kích thứ hai thì phải chấp nhận biện pháp chiến thuật vận động phục kích, vì đặc điểm địa hình nơi đây quyết định. Tiến công hay phòng ngự, tập kích hay phục kích đều có chung một yêu cầu là tạo thế bất ngờ. Ở Cần Lê, tạo yếu tố bất ngờ chính là phải bố trí trận địa phục kích từ xa, thực hiện biện pháp chiến thuật vận động phục kích (đây không phải là điều mới, nó đã được áp dụng trong thời kỳ kháng chiến chín năm trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ).

Tất nhiên là việc cơ động và giấu quân khó, nhưng nếu chúng ta có biện pháp nguy trang khéo, xây dựng công sự tốt, xuất kích đúng lúc, ta sẽ ở vào thế bất ngờ, trên tầm cao tiến công địch ở tầm thấp, phơi lưng trên trăng trắng dài hơn ba ki-lô-mét để ta tiêu diệt.

Lúc nêu vấn đề tranh luận thì hăng, tưởng như không có lối thoát. Nhưng khi trao đổi có lý có tình, kết



hợp cả thực tiễn những trận đánh trước đó, thì tư tưởng thông suốt, công việc chạy đều. xin trở lại trận Càn Lê. Sau khi bàn bạc nhất trí, các đồng chí trung đoàn 1 đã khẩn trương bắt tay vào thiết bị chiến trường, xây dựng hầm hào công sự, th yêu cầu vận động phục kích; làm đến đâu tiến hành ngay trang đến đó, thực hiện nghiêm kỷ luật giữ bí mật. Nhận lệnh chiều 27 tháng 6, Trung đoàn 1 vừa hành quân, vừa làm công tác chuẩn bị; đến đêm 29 tháng 6 hoàn thành, vào chiếm lĩnh trận địa, tất cả đều sẵn sàng thì sáng hôm sau 30 tháng 6 đã bước vào chiến đấu, khi một đoàn xe địch từ Hớn Quản tiến lên hướng Lộc Ninh; khác với Trung đoàn 2, thời gian chờ đợi quá lâu.

Phải dùng hình thức vận động phục kích, nhưng do có biện pháp bảo đảm tốt, Trung đoàn 1 ngay từ đầu đã đánh địch trên thế bố trí thích hợp, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Khi trận chiến đấu xảy ra, đội hình địch bị chặn đầu khóa đuôi như thân rắn bị quắn, khúc oằn ra, đoạn co lại, là lúc từ vị trí xuất phát xung phong các đơn vị Trung đoàn 1 vận động ra, B.40 cách năm mươi mét, ĐKZ cách một trăm mét là cự ly thích hợp diệt địch.

Việc chặn đầu khóa đuôi, chặn địch từ Hớn Quản lên diễn ra ăn khớp, đội hình hành quân của địch bị ùn, tạo thuận lợi cho ta tiến công tiêu diệt chúng. Sự chống trả có nhưng khác với Càn Đâm, chỉ là lực lượng tại chỗ, số còn sống sót cụm lại, dựa vào vỏ thép hóa lực chống trả yếu ớt, tuyệt vọng, chỉ có thể trông chờ vào quân đổ bộ đường không.

Chỉ huy sư đoàn chúng tôi vừa trao đổi nhận định như thế, thì sự thật đã xảy ra đúng như nhận định. Gần giữa trưa bầu trời trong, quang mây, từ phía Hớn Quản có tiếng ầm ì vọng đến mỗi lúc mỗi gần, liền đó nhiều máy bay lên thẳng xuất hiện. Chúng đổ quân xuống tây nam trảng Bà Nghi, thực hành phản kích nhằm đẩy lùi áp lực của ta ra xa. Cuộc chiến đấu trở nên gay go, phức tạp. Mãi 19 giờ khi mặt trời gần tắt, trận đánh mới kết thúc. Trung đoàn 1 vừa đánh địch tại chỗ vừa phải chống đỡ với quân tăng viện đổ bộ đường không, tuy thắng lợi nhưng cũng bị thiệt hại.

Mặc dầu rất thông cảm với cấp dưới, nhưng tôi vẫn gọi điện xuống nghiêm khắc: Trung đoàn 3 xuất kích chậm vì sở chỉ huy không ra sát mặt đường, mất thời cơ đánh địch, nên trận đánh không kết thúc nhanh gọn, kéo dài, gây thêm khó khăn cho các trung đoàn bạn.

Các đồng chí trong ban chỉ huy trung đoàn 3 chẳng những không phản ứng, trái lại thấy rõ khuyết điểm của mình gây ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung nên đã nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm, tích cực sửa chữa, không để cho khuyết điểm này tái diễn. Có đồng chí khóc vì ân hận.

Mặc dù địch đã bị đòn đau, với gần 80 xe tăng, xe bọc thép, hơn 600 lính Mỹ thuộc sư đoàn 1 bị chết và bị thương sau hai trận đụng độ với ta ở Càn Đâm, Càn Lê, nhưng chúng chưa chịu từ bỏ con đường 13, vì đây là đường tiếp tế chính cho Bình Long, Lộc Ninh. Chúng vẫn phải đưa thêm lực lượng và phương tiện chiến tranh lên để củng cố các căn cứ Hớn Quản - Chơn Thành, Minh Hòa nhằm bảo vệ tuyến phòng thủ bắc Sài Gòn.

Để tránh bị ta phục kích, địch tăng cường tuần tra, nghi binh đánh lạc hướng; dùng bom pháo dọn đường, đồng thời chúng còn tìm thêm đường khác, thường xuyên thay đổi quy luật hành quân. Ngoài đường 13, địch còn sử dụng đường đá đỏ nối liền Hớn Quảng - Minh Hòa. Đây là con đường độc đạo nằm giữa đường 13 và sông Sài Gòn nên việc che giấu lực lượng và vận động phục kích của ta gặp nhiều khó khăn.

Thấy những triệu chứng chúng đang chuyển đội hình hành quân sang đường này, Bộ tư lệnh Sư đoàn trao đổi và đi tới thống nhất quyết định khắc phục mọi khó khăn, khẩn trương hình thành thế trận phục kích, sẵn sàng đánh địch khi chúng mở cuộc hành quân, với lực lượng phân công như sau:

- Trung đoàn 2 được tăng cường một tiểu đoàn của trung đoàn 16 làm nhiệm vụ chủ yếu.

- Trung đoàn 1, trung đoàn 3 làm nhiệm vụ chặn viện phía sau.

Ngày 28 tháng 6, Trung đoàn 2 hoàn thành công tác chuẩn bị, bộ đội tiến vào vị trí xuất phát tiến công. Nhưng mãi mười ngày sau (8 tháng 7) trận đánh mới xảy ra. Phải chờ lâu nhưng Trung đoàn 2 đã có kinh nghiệm chờ dài ngày trong trận Cần Đâm, anh em nhanh chóng thông suốt, không xuất hiện tư tưởng nôn nóng.

Mặc dầu đã có nhiều việc làm đánh lạc hướng đối phương, mặt khác rút kinh nghiệm thất bại ở Cần Đâm, Cần Lê mới đây nên khi khởi sự địch vẫn rất thận trọng đưa bộ binh chốt giữ dùng tối đa hỏa lực pháo binh, không quân dọn đường.

Ngày 9 tháng 7, sau ba tiếng bắn phá hủy diệt các vật rừng hai bên đường, đoàn xe mới vượt qua cầu Xa Cát.

Đây là trận địch chuẩn bị hỏa lực kéo dài chưa từng có trước đó.

Ngồi ở sở chỉ huy chúng tôi thấy như có lửa đốt trong lòng, nghe âm thanh bom đạn liên tục từ phía Trung đoàn 2 dội về mà đứng ngồi không yên! Mặc dầu tin tức từ trung đoàn vẫn được đều đặn báo cáo về sư đoàn qua mạng lưới thông tin. Kiên trì đã được đền đáp, địch bắt đầu dẫn xác đến. Điều chủ yếu mà chúng tôi nhắc Trung đoàn 2 lúc này - cần theo dõi đội hình hành quân của địch để thực hiện chặn đầu, khóa đuôi đúng lúc.

Từ kinh nghiệm Cần Đâm, tôi nhấn mạnh: quyết chia cắt không cho địch co cụm.

Trận chiến đấu lúc đầu diễn ra thật gay go. Nhưng ta ở thế chủ động nên thắng lợi thu được nhanh gọn. Đội hình hành quân của địch lọt vào trận địa phục kích của ta cơ bản bị tiêu diệt. Chúng phải đưa viện binh từ Minh Hòa ra cùng với máy bay lên thẳng đổ quân xuống nam cầu Xa Cát, bị Trung đoàn 3 chặn đánh. Tiểu đoàn thuộc trung đoàn 16 mới từ miền Bắc vào tất cả đều mới lạ, nhưng trong trận đánh lần đầu đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, diệt hai phần ba lực lượng địch ở Xa Cát.

Tiểu đội do tiểu đội trưởng Thắng phụ trách bắn cháy chín xe, được giao báo cáo thành tích trực tiếp qua điện thoại về tư lệnh sư đoàn.

- Báo cáo có chín xe “chạy”!

Mới nghe mừng, sau thắc mắc: Cháy hay chạy? Nếu để địch chạy thì thắng lợi cái gì?

- Báo cáo lại. - Nói chậm mới nghe rõ.

- Báo cáo có 9 xe “chạy”.

- Sao lại chạy - đánh vẫn chữ chạy.

- Báo cáo ch...áy.

- Cháy phải không?

- Dạ đúng.

Tôi r lên, thế chứ, cả tiểu đội Thắng bắn cháy chín xe.

Một trực trác thật vui. Sau hỏi ra mới biết Thắng quê ở Nghi Lộc, nơi nổi tiếng phát âm khó nghe nhất của tỉnh Nghệ An, vì trung đoàn 16 từ Khu 4 mới bổ sung vào.

Trận đánh trở nên phức tạp không phải do lực lượng cơ giới đi trên đường mà là viện binh từ phía Minh Hòa tiến ra và máy bay lên thẳng địch đổ quân xuống phía nam cầu Xa Cát. Trung đoàn 3 lần này tích cực sửa chữa khuyết điểm mắc trong trận Cần Lê, cùng các chiến sĩ thông tin, hậu cần sư đoàn, kể cả các chiến sĩ của Trung đoàn 2 bị thương nhẹ đều tình nguyện tham gia chiến đấu. Trận đánh vì thế phải kéo dài đến ngày 11 tháng 7 mới kết thúc.

Những trận mưa xối xả đã bắt đầu, tiết trời bước vào trung tuần tháng 7. Sau trận Xa Cát - Minh Hòa cũng là thời điểm kết thúc cuộc hành quân không th quy luật thời tiết.

Nhưng chặng đường hành quân ấy đã ghi thêm nét đậm trong sổ vàng của Sư đoàn 9 những chiến công mới. Sự việc bắt đầu từ chủ trương mở cuộc tiến công vào căn cứ Phước Vĩnh, nhưng không có lương thực phải chuyển hướng lên Lộc Ninh, rồi bị lộ, địch mở cuộc hành quân “dự phòng” tăng cường lực lượng bảo vệ Lộc Ninh, buộc chúng tôi phải chuyển hướng từ phía bắc, đội hình sư đoàn quay ngược xuống nam, đánh viện binh địch trên đường 13: Từ chủ động đến bị động rồi lại chủ động, nhưng chủ động sau hay hơn, thông minh hơn. Chúng tôi phải chủ trương mở mặt trận mới - đánh địch trên đường giao thông, kéo địch ra khỏi công sự mà đánh.

Kế hoạch tạo thế của chúng tôi thành công, buộc quân Mỹ phải lên chi viện cho Lộc Ninh và phải đi qua những trận địa bày sẵn ở Cần Đâm - Tàu Ô, ở Cần Lê - Ba Nghi, ở Xa Cát - Minh Hòa để chuốc lấy thất bại. Kết quả là viện binh địch phải bỏ Lộc Ninh co về Hớn Quản, Lộc Ninh bị vô hiệu hóa. Các kho tàng ở bắc Lộc Ninh của ta vẫn được an toàn.

Thắng lợi của chiến dịch đánh phá giao thông địch trên đường 13 đã rõ ràng, nhưng đâu phải suôn sẻ. Vẫn còn có ý kiến cho rằng hoạt động quân sự của ta vừa qua đánh vào chỗ mạnh của địch là không đúng với nguyên tắc tránh mạnh đánh yếu. Tuy có diệt được cơ giới, diệt được tăng, thiết giáp của địch nhưng ta cũng bị tiêu hao.

Anh Thanh lại đến với chúng tôi trong những ngày tổng kết đợt hoạt động này. Anh nghe chúng tôi trao đổi và hỏi cặn kẽ diễn biến các trận “điệu hổ ly sơn”.

- Mình có duyên nợ với Sư đoàn 9 các cậu. - Anh hồ hởi nói ngay giây phút đầu tới sư đoàn.

- Chúng tôi mong hoài, lo anh không đến! - Tôi vẫn bị động khi anh nắm tay tôi, nói. - Nếu anh dù bận không đến thì chúng tôi vẫn buồn, vẫn tiếc!

Anh lắng nghe, anh hỏi:

- Đặc điểm khác nhau giữa tổ chức chiến đấu phục kích đánh quân Mỹ có khác gì với đánh quân đội thực dân Pháp.

Mỗi người một ý, tùy th cảm thụ của mình mà trả lời những câu hỏi trên đây của anh.

Cuối cùng anh phát biểu tuy ngắn nhưng với tinh thần khen chê thẳng thắn, giúp chúng tôi nhận thức ra nhiều điều hay, bổ ích. Anh nói:

- Sư đoàn 9 một lần nữa chứng tỏ là một đơn vị chủ lực tin cậy của Miền. Phát huy tinh thần trách nhiệm chính trị cao, chủ động tổ chức đợt hoạt động quân sự đánh giao thông địch trên đường 13 đạt hiệu quả rõ rệt, góp phần trực tiếp làm thất bại âm mưu “bẻ gãy xương sống Việt cộng” của Mỹ, diệt lực lượng chi viện cho Lộc Ninh trong khuôn khổ hành quân truy quét tuyến biên giới, đánh phá căn cứ, hậu cần của ta. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa chiến dịch - chiến lược, cần được biểu dương khen thưởng, cần được rút kinh nghiệm phổ biến kịp thời đến các đơn vị bạn nghiên cứu vận dụng. Vây điểm đánh viện mà Sư đoàn 9 áp dụng trong đợt hoạt động này được xem như một thuật ngữ mới (thuật ngữ thường dùng là đánh

điểm diệt viện). Viện đây là các đoàn cơ giới. Ở đây không đánh tăng, thiết giáp thì sẽ không có chỗ đứng chân, không ở yên với địch. Không diệt tăng, thiết giáp thì không thể gọi là đánh Mỹ. Có thể nói thời điểm cáo chung của chiến thuật “thiết xa vận” được bắt đầu từ đây, buộc địch phải chuyển sang chiến thuật “trục thẳng vận”. Đường 13 bị chúng ta bước đầu vô hiệu hóa.

Cuối cùng anh kết luận:

- Như vậy là trúng rồi đấy! Các đồng chí cần rút kinh nghiệm để hoàn chỉnh biện pháp tổ chức thực hiện, vì kẻ địch rất thực tế và ngoan cố, không cam chịu bó tay. Nhiệm vụ sắp tới đang còn rất nặng nề nhưng cũng nhiều triển vọng đang mở ra trước mắt chúng ta. Đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực vươn lên. Chúc các đồng chí khỏe và thu nhiều thắng lợi trong nhiệm vụ mới.

Chúng tôi tiễn anh đầy lưu luyến, biết ơn trong tình đồng chí tình anh em và riêng tôi còn có cả tình cảm thầy trò. Bởi mỗi lần anh có mặt lại mang đến cho chúng tôi những nhận thức mới, giải tỏa cho chúng tôi những băn khoăn vướng mắc, tiếp sức cho chúng tôi lòng tự hào, tự tin mới để tiến về phía trước.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 13: Phần 1

Kết thúc đợt hoạt động quân sự mùa mưa năm 1966, Sư đoàn 9 được lệnh của Bộ chỉ huy Miền chuyển đội hình sang mặt trận phía tây.

Thế là chúng tôi tạm biệt một chiến trường gắn bó, trở nên thân quen kể từ tháng 4 năm 1965 qua các trận Phước Bình, Phước Long, Đồng Xoài, Đất Cuốc, Bàu Bàng, Cầm Se, Dầu Tiếng, Nhà Đỏ - Bông Trang, Cù Đình, Cần Đâm, Cần Lê, vân vân.

Lại lật cánh sang hướng tây Sài Gòn, vì đây là lần thứ hai chuyển hướng hoạt động. Lần thứ nhất vào đầu tháng 5 năm 1966, chúng tôi đã phối hợp ăn ý với lực lượng vũ trang địa phương, tổ chức tập kích đánh thiệt hại nặng chiến đoàn Mỹ ở Bàu Sấm (Tây Ninh), buộc chúng phải chấm dứt cuộc hành quân Bốc-minh-ham được xem là cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ vào chiến khu Dương Minh Châu trong cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất.

Lần này trở lại, với định hướng là đề củng cố lực lượng, chuẩn bị đón nhận nhiệm vụ mùa khô lần thứ hai.

Thời gian yên tĩnh giữa hai trận đánh sao mà hiếm đến thế.

Một mặt lo tổ chức học tập nâng cao nhận thức tình hình nhiệm vụ mới, củng cố quyết tâm đánh Mỹ; tiếp nhận và bổ sung quân số trang bị vũ khí đưa từ miền Bắc vào(1); tổ chức rút kinh nghiệm một năm đánh Mỹ; mở các lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ thuật, chiến thuật, nhất là các kỹ thuật bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá. Mặt khác chỉ huy sư đoàn chúng tôi phân công theo chức trách được giao đi tiếp nhận các chủ trương chỉ đạo của cấp trên.

(1) Trung ương tăng cường cho B2 gồm 3 trung đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn súng máy cao xạ 1 trung đoàn ĐKB, 1 tiểu đoàn súng cối 120 ly, lên đường đầu năm 1966. Tháng 5 đến chiến trường, trong đó Sư đoàn 9 được bổ sung trung đoàn 16, một tiểu đoàn súng máy cao xạ 12,8 ly, mỗi đại đội bộ binh của sư đoàn được trang bị 9 B.40, mỗi trung đoàn được trang bị 18 khẩu B.41.

Vấn đề có ý nghĩa bao trùm xuyên suốt trong thời gian này là lo tổ chức học tập nâng cao nhận thức tình hình, nhiệm vụ, củng cố quyết tâm đánh Mỹ. Sư đoàn 9 đã cùng với lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân Đông Nam Bộ đánh thắng hiệp đầu chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Đây là một thắng lợi có tầm quan trọng rất lớn cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu. Nhiều kinh nghiệm được đúc kết kịp thời đưa vào ứng dụng nhằm vượt qua những khó khăn ác liệt mới mà kẻ thù đã gây ra.

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, để giành lại thế chủ động trên chiến trường, “tìm diệt” chủ lực ta, Mỹ đã huy động lực lượng lớn, phát huy đến mức cao nhất thế mạnh về kỹ thuật, chiến thuật và sức cơ động của chúng. Trong nhiều cuộc hành quân, địch tổ chức mũi thọc sâu trên hướng chính bằng bộ binh cơ giới đánh thẳng vào căn cứ của ta, đồng thời tổ chức mũi vu hồi bằng cơ giới hoặc đổ quân bằng máy bay lên thẳng xuống phía sau làm cho ta gặp khó khăn khi di chuyển hoặc khi cần phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Pháo diện địa của địch (thường từ 48 đến 60 nòng pháo 105 đến 155 ly, 175 “vua chiến trường” được sử dụng trong một cuộc hành quân) bắn phá ác liệt các khu vực chúng nghi ta tập kết lực lượng.

Hỏa lực không quân, đặc biệt là máy bay B.52 liên tục đánh phá các căn cứ và chi viện cho các cuộc hành quân.

Trong các trận đánh, địch nhanh chóng tăng cường lực lượng chi viện và dùng hỏa lực chặn phía sau đội hình ta; địch còn dùng phi pháo hủy diệt cả căn cứ trận địa khi bị ta đánh chiếm để vừa sát thương vừa không cho ta thu vũ khí.

Với sự thay đổi thủ đoạn tác chiến khi trong tay có đầy đủ vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, Mỹ đã làm cho nhiều trận đánh của ta không gọn, không bắt được tù binh, không thu được vũ khí. Tồn thất về người và vũ khí của một số đơn vị khá cao. Các bước của một trận đánh không triển khai được. Bộ đội phải cơ động liên tục để tránh bị thương vong vì bom pháo. Mỗi khi trú quân đều phải đào hầm, công sự chiến đấu, sinh hoạt vật chất và tinh thần của bộ đội thiếu lớn và không ổn định.

Những biểu hiện ngại bom pháo địch, ngại ác liệt đã xuất hiện trong một số cán bộ, chiến sĩ, ảnh hưởng đến ý chí và quyết tâm chiến đấu, đòi hỏi giải quyết nó không thể một chiều áp đặt, mà phải tiến hành từ nhiều chiều, bằng nhiều biện pháp.

Qua các cuộc họp nghe phổ biến tình hình nhiệm vụ và các lần giao ban định kỳ do Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền triệu tập, chúng tôi tiếp nhận được nhiều thông tin có tầm nhìn xa rộng từ Hà Nội truyền vào.

Ngay từ đầu năm 1966, trong khi sư đoàn 9 đang căng thẳng dàn thế trận đánh bại cuộc hành quân “Đá lăn” của sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ ở Nhà Đỏ - Bông Trang, thì Trung ương, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đã liên tục họp bàn, nhận định: “Mặc dầu bị thất bại liên tiếp, đế quốc Mỹ đang ra sức tăng quân và phương tiện chiến tranh, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược hòng giải quyết vấn đề Việt Nam trong những năm 1967 - 1968”(2) với một lực lượng trên một triệu quân, trong đó quân Mỹ có thể lên tới trên dưới bốn mươi vạn(3).

(2) Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 10 năm 1966.

(3) Mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) lực lượng Mỹ vào khoảng 20 vạn quân, 2.200 máy bay, 1.400 xe tăng - thiết giáp, 1.200 khẩu pháo, 500 tàu chiến. Mùa khô lần thứ hai (1966-1967) lực lượng Mỹ trên 44 vạn, 4.300 máy bay, 3.300 xe tăng - thiết giáp, 2.300 tàu chiến các loại.

Trong thế trận toàn miền Nam, Đông Nam Bộ gồm cả Sài Gòn - Gia Định có ý nghĩa quan trọng đặc biệt cả về quân sự và chính trị. Một yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định của chiến trường Đông Nam Bộ, là tầm vóc, vị trí của thành phố Sài Gòn (tức thành phố Hồ Chí Minh) nơi nguy quyền đặt “thủ đô” và Mỹ đặt “Lầu năm góc phương Đông” để điều khiển cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương.

Oét-mo-len đặt cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai trong khuôn khổ kế hoạch tác chiến toàn miền Nam. Ông ta bố trí lực lượng khá chu đáo, ít ra là trên văn bản, trên sơ đồ nhằm chặn các cửa ngõ của quân ta tiến xuống các vùng đồng bằng và phụ cận thành phố, thị xã quan trọng, trong khi Mỹ tập trung lực lượng đánh Đông Nam Bộ.

Trong khi phân tích, đoán định sự phát triển phức tạp và đa dạng của tình hình, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu đã đề ra chủ trương tổng thể trên phạm vi toàn quốc, giao nhiệm vụ cho các chiến trường khác phải có kế hoạch hướng sự nỗ lực của mình vào chiến trường chính, “ra sức đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của bọn xâm lược Mỹ, làm thất bại các mục tiêu lớn của chúng, giữ vững thế chủ động, bảo tồn và phát triển lực lượng của ta, tạo điều kiện và thời cơ cho các hoạt động lớn tiếp theo”(4); đồng thời đẩy mạnh chiến tranh nhân dân đất đối không ở miền Bắc, kiên quyết “đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tăng cường lực lượng kinh tế và quốc phòng, ra sức giữ vững và mở rộng các con đường hành lang, bảo đảm tăng cường chi viện cho miền Nam”(5).

(4) (5) Nghị quyết Bộ chính trị tháng 10 năm 1966.

Rõ ràng do vị trí đặc biệt, ở Đông Nam Bộ sẽ diễn ra cuộc đổ sức quyết liệt giữa ta và địch trong mùa khô 1966 - 1967. Tháng 4 năm 1966, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Khu ủy và quân khu Trị - Thiên - Huế, tách khỏi Khu 5. Tháng 6, Quân ủy Trung ương quyết định lập Mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị, mở ra một hướng tiến công mới, buộc địch phải phân tán lực lượng, tạo thuận lợi cho các chiến trường khác trong đó có Đông Nam Bộ hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của mình, trước mắt là mùa khô này.

Tiếp đó Bộ Chính trị chính thức thông qua sáu phương thức tác chiến(6) do Quân ủy Trung ương trình bày sau nhiều lần thử nghiệm trong thực tiễn. Những phương thức tác chiến được phổ biến vào chiến trường miền Nam ngay sau đó, đã cung cấp cho chúng tôi, những cán Bộ chỉ huy quân sự cao cấp một khối lượng kiến thức quân sự được đúc kết thành những nguyên tắc có sức khái quát cao dễ nhớ vừa chứa đựng chiều sâu lý luận sáng tạo mang tính đặc thù Việt Nam, vừa mang tính tổ chức chỉ đạo thực tiễn, mở ra nhiều định hướng giải quyết các vấn đề chỉ đạo chiến dịch, chỉ huy chiến đấu. Trước mắt, chúng tôi xác định đưa vào nội dung chủ yếu tập huấn cán bộ, nhằm nâng cao kiến thức, đồng thời lấy đó làm căn cứ tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm các đợt chiến đấu vừa qua, phục vụ thiết thực cuộc chiến đấu sắp tới.

(6) Nội dung tóm tắt sáu phương thức tác chiến:

- Đẩy mạnh tác chiến của bộ đội tập trung, mở những chiến dịch tiến công hoặc phản công vừa và lớn, tiến tới đánh những trận có tác động chiến lược nhằm tranh thủ ưu thế quân sự trên một hướng.

- Đẩy mạnh chiến tranh du kích đến trình độ cao, tiêu hao rộng rãi quân địch.

- Đánh các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não của địch.

- Triệt phá đường giao thông thủy, bộ quan trọng, tạo thế chia cắt, bao vây địch, làm giảm khả năng chi viện của chúng.

- Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, từ hình thức tác chiến nhỏ kết hợp với đấu tranh chính trị đến tác chiến lớn kết hợp với tiến công và khởi nghĩa.

- Tác chiến kết hợp với binh biến, đẩy mạnh công tác binh vận, ngụy vận, tạo điều kiện làm tan rã, ly khai, gây binh biến.

Thượng tuần tháng 7 năm 1966, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền họp thảo luận thông qua quyết tâm và kế hoạch hoạt động quân sự mùa khô lần thứ hai. Các anh Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Trần Văn Trà, Lê Đức Anh đều có mặt.

Cuộc họp này tập trung bàn kế hoạch đối phó với cuộc phản công mùa khô lần thứ hai của Mỹ vào chiến trường Đông Nam Bộ, mà chủ yếu là khu vực Dương Minh Châu. Về các vấn đề chung, từ tháng 6, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã có chủ trương chỉ đạo các tỉnh thuộc B2 và Quân khu 6, gấp rút có kế hoạch đẩy mạnh hoạt động quân sự và chính trị, tiêu hao tiêu diệt sinh lực tại chỗ kết hợp với chống phá bình định, nhằm thực hiện chủ trương mở chiến dịch Hè Thu phối hợp với Đường 9 đánh bại kế hoạch mùa mưa của địch; đồng thời có kế hoạch sẵn sàng phối hợp tác chiến quân sự đánh địch ở vòng ngoài, nếu địch mở cuộc phản công vào vùng căn cứ của ta.

Cũng từ tháng 6 năm 1966, được các thông tin về chỉ đạo từ Hà Nội gửi vào, từ nguồn thông tin tình báo chiến lược cung cấp các tin kỹ thuật thu qua sóng điện, lãnh đạo và chỉ huy Miền đã đoán được chính xác âm mưu thủ đoạn địch trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai, đã có phương hướng chỉ đạo ban đầu gấp rút củng cố lại việc phòng thủ căn cứ, xây dựng mạng lưới chiến tranh nhân dân trong vùng căn cứ ít dân.

Vì vậy cuộc họp này các anh bàn những vấn đề cụ thể.

Các anh Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng phát biểu ngắn gọn, nhấn mạnh những điểm có tính định hướng nhưng sát sườn cho việc xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể: Đây là cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ - ngụy, là hướng chủ yếu của gọng kìm thứ nhất của địch nhằm đánh phá căn cứ, tìm diệt cơ quan lãnh đạo Miền và sư đoàn 9, giành thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai, tạo ra bước ngoặt làm chuyển biến cục diện có lợi cho Mỹ trên bàn đàm phán. Đánh bại cuộc hành quân này có ý nghĩa lớn làm thất bại gọng kìm thứ nhất của địch trên chiến trường Đông Nam Bộ, sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến gọng kìm “bình định” của địch, tạo điều kiện giành thắng lợi cả năm 1967; bảo vệ được căn cứ, bảo vệ được cơ quan, kho tàng sẽ có ảnh hưởng lớn về mặt quân sự, chính trị.

Quyết tâm của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền là động viên mọi lực lượng, lập thể trận chiến tranh nhân dân hợp lý thực hiện phòng thủ căn cứ theo phương châm bám trụ chiến đấu tại chỗ, kiên quyết đánh bại cuộc phản công của địch, khó mấy cũng phải làm.

Lúc này tôi được Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định giữ chức phó tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền, đồng thời giao luôn cả công việc dự thảo kế hoạch tác chiến trình ra hội nghị để các anh xem xét.

Tôi rất lo, nhưng là mệnh lệnh, là chỉ thị phải chấp hành, tự nhủ cứ làm hết khả năng của mình, mạnh dạn nêu ra những suy nghĩ của mình để các anh lãnh đạo cho ý kiến.

Đúng là lúc này chỉ có hai cách lựa chọn. Hoặc đối mặt với kẻ thù đánh bại ý đồ thâm độc của địch, giữ vững căn cứ, hoặc rút lui lên tận biên giới Campuchia, tạo cơ hội khác tiến công chúng.

Nhưng chúng ta đã chọn cách thứ nhất, vì vai trò vị trí của chiến trường Đông Nam Bộ trong thời điểm đó, đặc biệt là khu vực chiến khu C.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của các anh lãnh đạo Miền, mà trực tiếp là anh Trần Văn Trà tư lệnh trưởng, thay mặt bộ phận được phân công chuẩn bị kế hoạch tác chiến, tôi trình bày những vấn đề cụ thể, tập trung vào một số nội dung chủ yếu.

- Một là, thực hiện vũ trang hóa cơ quan thành lực lượng chiến đấu, tiến hành xây dựng công sự hào hào để thực hiện đánh địch tại chỗ; tiến công địch trên các hướng trước mặt, bên sườn, luồn sâu vu hồi phía sau lưng địch, không để địch phân tuyến, bắt chúng phải đánh theo cách đánh của ta.

- Hai là, khẩn trương hình thành thể trận phòng thủ bằng lưới mìn, bằng lực lượng dân quân tự vệ, bằng lực lượng chủ lực phối hợp hỗ trợ tiến công ngay từ trận đầu và đánh liên tục.

- Ba là, ta bí mật bao vây chia cắt thực hành tập kích, phục kích và vận động phục kích, quấy rối đánh nhỏ tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch bảo vệ bệnh viện, kho tàng, đồng thời sẵn sàng đánh những trận then chốt, diệt từng bộ phận quân địch, vân vân.

Bằng phẩm chất kiên nghị, bằng sự lịch lãm được tích lũy qua năm tháng chiến đấu ở một chiến trường đầy sôi động, các anh lãnh đạo Miền sau khi nhận xét, trao đổi những vấn đề của bộ phận chuẩn bị trình ra, đã chính thức thông qua kế hoạch tổ chức và chiến đấu đánh địch, bảo vệ căn cứ như sau:

1. Nhằm thực hiện thống nhất chỉ huy các lực lượng tạo nên thể trận chiến tranh nhân dân, lãnh đạo Miền quyết định các ngành dân chính đảng đóng ở đông, tây đường 22 đến giáp sông Vàm Cỏ được tổ chức thành sáu huyện căn cứ(7). Số 2.000 cán bộ công nhân viên cơ quan này tổ chức thành sáu đại đội cơ động của huyện làm nhiệm vụ bộ đội địa phương; 1.200 du kích cơ quan làm nhiệm vụ chiến đấu tại chỗ. Các cơ quan, bệnh viện, công xưởng, kho tàng trực thuộc Bộ chỉ huy Miền đóng từ đông đường số 4 đến



giáp sông Sài Gòn chia thành bảy khu vực được tổ chức thành bảy huyện căn cứ(8): số 3.000 cán bộ, chiến sĩ nhân viên thuộc Bộ chỉ huy Miền được tổ chức thành bảy đại đội cơ động làm nhiệm vụ bộ đội địa phương huyện; 2.000 cán bộ chiến sĩ còn lại tổ chức thành lực lượng du kích cơ quan chiến đấu tại chỗ. Trong mỗi “huyện” phân chia thành nhiều “xã”. Thủ trưởng cơ quan giữ chức “huyện đội trưởng”, “xã đội trưởng”. Nhân viên các cơ quan, chiến sĩ các đơn vị tập hợp thành các đơn vị du kích, được trang bị vũ khí, kể cả súng chống tăng B.40, mỗi cơ quan đơn vị được dự trữ ba tháng lương thực.

(7) - Huyện Rùm Đuôn - Sóc Mới: Cơ quan bảo vệ Trung ương Cục đảm nhiệm

- Huyện Suối Mây: Cơ quan văn phòng Trung ương Cục

- Huyện Bảy Dài: Cơ quan tổ chức Trung ương Cục

- Huyện Xa Mát - Tà Xia: Cơ quan an ninh Trung ương Cục

- Huyện Xóm Giữa - Đồi Thị: Cơ quan dân y Trung ương Cục

- Huyện Cò Gò - Bến Ba: Cơ quan tuyên huấn Trung ương Cục

(8) - Huyện Châu Thành: Trung đoàn bộ binh 170 đảm nhiệm.

- Huyện Tà Keng: Cục Tham mưu Miền.

- Huyện Cà Tum: Cục chính trị Miền.

- Huyện Sóc Kỳ: Phòng công binh Miền.

- Huyện Bà Chtêm: Đoàn pháo binh 69.

- Huyện Bá Hảo: Cục Hậu cần Miền.

- Huyện Tà Đạt: Phòng thông tin Miền.

2. Nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não Miền và sư đoàn 9, đánh phá căn cứ, kho tàng, địch sẽ tổ chức phản công ồ ạt, trước hết chúng đồ quân chặn biên giới, đóng chốt các điểm Mi Mốt, Cà Tum, Trảng Ba Vũng; đồng thời đồ bộ trực thăng kết hợp với bộ binh cơ giới từ phía nam thọc sâu theo hai đường số 22 và đường số 4, từ đó phân thành nhiều mũi thực hành bao vây chia cắt vu hồi phía sau, đánh xuyên qua từng khu vực nhằm chụp bắt cơ quan lãnh đạo, bao vây tiêu diệt các đơn vị chủ lực, triệt phá kho tàng.

3. Hướng tác chiến chủ yếu của ta nhằm vào các khu vực:

- Thực hành phản công trong căn cứ là các điểm: trên lộ 4, đoạn từ Bầu Cỏ - Cà Tum; trên lộ Kiềm, đoạn từ Chà Dơ - Bồ Túc; trên lộ Đá Đỏ, đoạn từ Sóc Con Trắng - Suối Ngô.

- Các khu vực chọn sẵn để đánh các trận then chốt: trên lộ 4 gồm các điểm Bầu Cỏ - Đồng Pan, Cà Tum; trên lộ Kiềm gồm các điểm Chà Dơ, Đồng Rùm, Bồ Túc; trên lộ Đá Đỏ gồm các điểm Sóc Con Trắng, Bà Chiêm, Suối Ngô.

4. Hướng phòng thủ chủ yếu trong căn cứ: khu vực Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền.

5. Hướng tác chiến bên ngoài căn cứ: đường 13 đoạn từ Chơn Thành - Bầu Bàng, khu vực Sài Gòn - Gia Định, Tây Ninh và Bình Dương.

6. Hướng nghi binh thu hút địch: huyện Tà Đạt.

## 7. Nhiệm vụ chiến đấu của các đơn vị:

- Lực lượng du kích cơ quan, phân đội bảo vệ kiên quyết bám trụ căn cứ, bám sát kìm chế tiêu hao địch, thực hành tiêu diệt nhỏ, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực tập trung tiêu diệt từng bộ phận quân địch. Lực lượng bộ đội địa phương trong căn cứ bám sát, liên tục tiêu hao và tiêu diệt nhỏ, phối hợp với chủ lực trong các trận đánh then chốt trên địa bàn phụ trách.

- Lực lượng chủ lực hỗ trợ các hoạt động của các đơn vị du kích cơ quan, sẵn sàng đánh một số trận thối động, đồng thời tích cực kìm chế cầm chân địch, tiêu hao rộng rãi và tiêu diệt nhỏ nhằm bảo vệ cơ quan. Cụ thể sư đoàn 9 vừa làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương Cục vừa tổ chức đánh địch bảo vệ căn cứ; Sư đoàn 5 vẫn đứng chân ở khu vực Bà Rịa - Long Khánh, đánh phối hợp vòng ngoài, phân tán lực lượng địch, hỗ trợ chính diện khu vực căn cứ.

- Lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh Tây Ninh, Bình Long, Bình Dương đẩy mạnh hoạt động phối hợp chiến trường, nhằm lúc địch tập trung lực lượng đi càn quét để lộ nhiều sơ hở, tiêu diệt bọn bình định và đánh phá các hậu cứ, thị xã trong vùng chúng kiểm soát.

Ý đồ của các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền là trong thời gian đầu của cuộc hành quân, tìm mọi cách bao vây, chia cắt, tiêu hao tiêu diệt quân địch, cầm chân chúng; vừa đánh vừa chuẩn bị tốt hơn nữa thế trận, vừa củng cố lực lượng để đánh lâu dài với chúng, không cho chúng vô hiệu hóa căn cứ, tiêu diệt chủ lực ta, làm cho địch nản chí, cuối cùng buộc phải rút trong khi quân còn đông, vũ khí phương tiện chiến tranh còn nhiều nhưng vì không chịu nổi cách đánh của ta mà phải bỏ cuộc.

Sau cuộc họp, thể theo nguyện vọng cá nhân, các anh lãnh đạo Miền cho tôi được tạm hoãn thực thi chức trách Phó tham mưu trưởng Miền, về lại sư đoàn 9 tham gia cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ.

Vừa thấy tôi anh Lê Văn Tường, chính ủy thân mật nắm tay tôi nhưng cũng dứt khoát như để lãnh đạo tư tưởng tôi.

- Vậy là Năm Thạch lại về! - Anh quay ra nói với mọi người như khẳng định. - Không tăng cường, không đốc chiến gì hết mà trở về với sư đoàn, thuộc quân số sư đoàn.

Tôi nắm chặt tay anh, lắc mạnh đáp lại tình cảm gắn bó giữa hai người và chia vui với anh:

- Báo cáo chính ủy! Tôi được lệnh cấp trên điều về đây giữ chức sư trưởng, xin chính ủy phân công.

Các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn và các cán bộ chiến sĩ trong cơ quan sư đoàn bộ ủa đến bắt tay, chúc sức khỏe tôi.

Nhiều câu hỏi chờ đợi được dịp bung ra.

- Nhiệm vụ cụ thể của sư đoàn, ở hướng nào?

- Có thêm lực lượng ngoài Bắc vào không?

- Sư đoàn ta có được bổ sung quân số, vũ khí?

- Chỉ có sư đoàn 9 chúng ta. - Tôi trả lời.

Không khí hồ hởi như chùng xuống, tôi đưa mắt lướt nhanh một lượt. Những người xung quanh như có gì khó hiểu, kèm theo cả thất vọng.

Vẫn biết thời gian đang rất khẩn trương, cũng không nên để anh em chứa đựng kéo dài cái khó hiểu

nơi tâm tư mình. Tôi nói tiếp:

- Các đồng chí ạ! Trận chiến cũng như cờ tướng. Bên thắng không phải lúc nào cũng nhiều quân, nhiều lúc chỉ một tốt vượt hà là làm nên chuyện. Bên thua không phải hết quân mà là nhiều quân, tượng xe còn cả. Vấn đề là thế trận. Nếu có thế tốt, lực ít hóa nhiều. Ngược lại lực nhiều mà thế bất lợi, lực khó phát huy được sức mạnh. Đúng như Bác Hồ đã dạy:

“Lạc nước, hai xe đành bỏ phí

Gặp thời, một tốt cũng thành công.”

**Chương 13: Phần 2**

Một cuộc họp bộ tư lệnh mở rộng được triệu tập để nghe tôi thông báo sơ bộ về chủ trương, kế hoạch chiến đấu bảo vệ căn cứ đã được lãnh đạo Miền thông qua, làm cơ sở để chỉ đạo các đơn vị triển khai công tác chuẩn bị, sẵn sàng thích ứng với tình huống phức tạp và khẩn trương đang diễn ra.

Sau khi trình bày quyết tâm chung của Miền, tôi nói tiếp nhiệm vụ của sư đoàn 9 là vừa làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương Cục, vừa tổ chức chiến đấu tiêu diệt địch. Hai yêu cầu này có quan hệ nhân quả với nhau cần được quán triệt từ nhận thức thông suốt đến các biện pháp thực hiện cụ thể.

Không có câu hỏi nào nêu ra trao đổi. Tôi trình bày tiếp về tư tưởng chỉ đạo của lãnh đạo Miền.

Đúng là lực lượng làm nhiệm vụ đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ ở Đông Nam Bộ mà chủ yếu tập trung vào mục tiêu chiến khu Dương Minh Châu chỉ có sư đoàn 9 chúng ta. Lúc đầu chính tôi cũng phân vân về lực lượng đảm nhiệm quá ít, e có khó khăn. Cũng định nêu vấn đề này với anh Trần Văn Trà. Nhưng chưa kịp đặt ra thì trong quá trình dự họp, được trao đổi cùng các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền, vấn đề đã được sáng tỏ, tự mình tiêu luôn cái phân vân một cách êm ả, như chẳng có nó ở trong đầu. Chỉ một sư đoàn 9 được tăng cường trung đoàn 16 nhưng chúng ta chiến đấu trong thế trận chiến tranh nhân dân, một thế trận vừa huyền thoại vừa hiện thực, có đủ thành phần ba thứ quân.

- Lấy đâu ra ba thứ quân? - Có ý kiến hỏi.

Đúng là căn cứ Dương Minh Châu hiện chỉ còn 800 dân theo đúng nghĩa đen của nó, nhưng lại sống phân tán. Trước tình hình đó, lãnh đạo Miền đã quyết định tất cả gần 5.000 cán bộ, chiến sĩ, nhân viên thuộc các cơ quan Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền sẽ được trang bị vũ khí, phân chia thành các lực lượng bộ đội địa phương và du kích cơ quan “huyện”, “xã” là những khu vực cơ quan, đơn vị bộ đội đóng trụ sở.

Với gần 5.000 bộ đội địa phương, du kích cơ quan đều là những cán bộ, nhân viên, chiến sĩ có nhận thức cao về trách nhiệm chiến đấu vì sự nghiệp độc lập, thống nhất Tổ quốc, được thử thách thực sự trong khói lửa chiến đấu, thạo địa hình, lại được trang bị vũ khí, được phân công phân nhiệm rõ ràng, được chuẩn bị sẵn trận địa, thiết bị chiến đấu, đó là một lực lượng mạnh và tinh. Tất cả đều được bố trí vừa rộng về diện vừa hiểm về thế cài răng lược, không cho địch phân tuyến, sẽ đủ sức bám trụ chiến đấu tại chỗ có hiệu quả; đồng thời sẽ phối hợp và hỗ trợ tốt cho sư đoàn 9 chúng ta có điều kiện rảnh tay, tập trung lực lượng vào những trận đánh then chốt khi có thời cơ.

Tất nhiên còn phải chờ thực tế trả lời. Nhưng ngay từ lúc này, trên bình diện chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện, tôi thấy đây là một sáng tạo của chúng ta trong việc vận dụng quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng vào điều kiện cụ thể của tình hình cũng rất cụ thể. Không thể có cách nào hơn để tạo lực, tạo thế đánh địch trong lúc thật hiểm nghèo này, nếu chúng ta chấp nhận sự đối mặt với chúng.

Tiếp theo, các anh trong Bộ tư lệnh tham gia ý kiến. Sau đó anh Lê Văn Tường, chính ủy sư đoàn kết luận:

- Về biện pháp thực hiện cụ thể thì phong phú, có thể còn nhiều hiến kế bổ sung, nhưng về tư tưởng chỉ có một yêu cầu: Tất cả chúng ta đồng tâm nhất trí, xác định đầy đủ tinh thần trách nhiệm, dũng cảm, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến đấu của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền.

- Trước mắt chúng ta cần hoàn thành tốt chương trình rút kinh nghiệm và tập huấn các yêu cầu về chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu cá nhân.

- Đồng thời triển khai công tác chuẩn bị chiến đấu. Tổ chức trao đổi và quán triệt nhiệm vụ của sư đoàn trong tiến công đánh bại cuộc phản công, cần làm rõ mối quan hệ vừa làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương Cục, vừa tổ chức đánh địch bảo vệ căn cứ.

Mùa mưa vừa chấm dứt, lợi dụng yếu tố bất ngờ về thời tiết ở Nam Bộ đang chuyển sang mùa khô, tướng Oét-mo-len, tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam ngay từ trung tuần tháng 10 năm 1966, đã ráo riết chuẩn bị cuộc phản công mùa khô lần thứ hai. Mở đầu Mỹ tổ chức một cuộc càn quét nhằm củng cố các tuyến phòng thủ xung quanh Sài Gòn, chuẩn bị bàn đạp nhằm đánh đòn bất ngờ vào lực lượng ta ở bắc Tây Ninh.

Nhưng như trên đã trình bày, chúng ta hoàn toàn chủ động trên mọi bình diện chỉ đạo chiến lược, chiến dịch và chỉ huy chiến đấu được hình thành từ rất sớm, ngay từ mùa khô lần thứ nhất chưa kết thúc. Sự hiện diện của sư đoàn 9 đang còn dở dang nhiệm vụ ở hướng bắc Sài Gòn lật cánh sang hướng tây nam, theo lệnh Bộ chỉ huy Miền là một minh chứng chúng ta đã đi trước kẻ địch trong việc tranh thủ yếu tố thời tiết.

Ngày 2/11/1966, khi ta hoàn thành bước chuẩn bị, các đơn vị đã vào vị trí tập kết và ngày N của trận đánh mở đầu đang tới gần, thì ngày 3 tháng 11 một bộ phận lực lượng của lữ đoàn bộ binh nhẹ 196 của Mỹ đổ quân bằng máy bay lên thẳng xuống trăng trắng Bầu Gòn, cách sở chỉ huy sư đoàn 9 khoảng năm trăm mét. Cán bộ, chiến sĩ cơ quan sư đoàn bộ, nòng cốt là trung đội vệ binh và trinh sát triển khai chiếm lĩnh ngay bìa trăng, đánh lui đợt tiến công của mũi đi đầu, bắn rơi một máy bay lên thẳng, kèm theo “vài chục lính Mỹ bị thương nặng, mất hẳn liên lạc và cây cối gãy đổ trở ngại không ai đến cứu được”.

Ngay sau đó ít phút, thường vụ và Bộ tư lệnh sư đoàn hội ý nhận định:

Mỹ đổ quân xuống khu vực ta đã chuẩn bị, là cơ hội để ta tiếp cận địch, thực hành tiêu diệt chúng, và thống nhất xử lý:

- Thông báo ngay tin đánh thắng trận đầu của trung đội bảo vệ trinh sát sư đoàn đến các đơn vị trong sư đoàn để động viên khí thế.

- Nhắc các đơn vị giữ vững quyết tâm, không được chủ quan, sẵn sàng đánh địch theo kế hoạch chung.

Lệnh bổ sung: trung đoàn 16 chuyển sang đánh địch bảo vệ căn cứ, cụ thể tiểu đoàn 9 hành quân gấp về khu vực Bầu Gòn, tăng thêm lực lượng đánh địch đổ bộ đường không; hai tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn 8 hình thành thế trận đánh địch tiến quân theo đường bộ trên đoạn từ Lộc Ninh - Võ Tùng (tỉnh lộ 18 thuộc địa phận tỉnh Tây Ninh).

Trên thế chủ động, do phán đoán chính xác diễn biến và kịp thời điều chỉnh lực lượng, phân công nhiệm vụ, trong hai ngày 4 và 5 tháng 11, lữ đoàn 196 liên tiếp đổ quân xuống Bầu Gòn, lọt vào trận địa bày sẵn của tiểu đoàn 9, bị tiểu đoàn này đồng loạt tiến công, đánh lui 9 đợt tiến công của địch. “Thiếu tá Me-loi tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1, trung đoàn 27 bị thương. Trung tá Ba-rôt chỉ huy tiểu đoàn 2 bị chết khi đi cứu viện. Cả một tiểu đoàn của ông ta bị Việt cộng (tức Quân giải phóng) loại khỏi vòng chiến đấu. Khi máy bay đáp tới phòng tuyến thì trời tối đã bật đèn soi bãi đáp nên bị súng cối Việt cộng nã vào. Qua nửa đêm, quân địa phương Suối Cao bị trung đoàn 272 (tức trung đoàn 2) Việt cộng tiến công sở chỉ huy của lữ đoàn 196 cũng bị nã súng cối.”

Chiều ngày 5 tháng 11, quân Mỹ rút lực lượng còn lại về hậu cứ để củng cố lực lượng, kết thúc giai đoạn đầu của cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ, có tính chất chuẩn bị chiến trường, chưa có đụng độ lớn. Nhưng lữ đoàn 196 đã bị thiệt hại đáng kể, buộc Mỹ phải chuyển hướng mở rộng quy mô của cuộc hành quân.

Trên hướng đông nam Sài Gòn, Bộ tư lệnh quân đội Mỹ ra lệnh ngừng các cuộc hành quân càn quét vào Nhơn Trạch (Biên Hoà), Võ Đắc, Tánh Linh (Long Khánh), Nha Mát - Long Nguyên (Thủ Dầu Một), đưa toàn bộ sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, lữ đoàn bộ binh 196, lữ đoàn dù 173, trung đoàn thiết giáp số 11 và một số đơn vị thuộc sư đoàn bộ binh cơ giới số 25 “Tia chớp nhiệt đới” sư đoàn bộ binh số 4, nâng tổng số quân tham chiến lên tới 30.000 tên, 300 xe tăng thiết giáp, 100 khẩu pháo và nhiều lần chiếc máy bay lên đối phó với ta.

Đây là cuộc hành quân lớn đầu tiên của Mỹ ở Đông Nam Bộ và cả chiến trường miền Nam nói chung trên một diện rộng từ Trảng Bàng đến Gò Dầu trên đường số 1 và Trại Đèn bên quốc lộ 13 với mục đích cao hơn giai đoạn đầu, không phải chỉ nhằm chuẩn bị chiến trường, mà là thăm dò, tạo bàn đạp tiến sâu vào trung tâm căn cứ, “tìm diệt” cơ quan lãnh đạo đầu não và chủ lực ta.

Mặc dầu có khí thế của đánh thắng trận đầu, nhưng chúng tôi vẫn chưa thật yên tâm trước diễn biến mới thật mau lẹ trong giai đoạn hai của cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ đánh vào căn cứ Dương Minh Châu. Quán triệt mệnh lệnh chiến đấu bổ sung của Bộ chỉ huy Miền điện xuống, chúng tôi chuyển toàn bộ đội hình sư đoàn sang phối hợp với quân dân căn cứ Dương Minh Châu và du kích cơ quan khu B, chiến đấu bẻ gãy cuộc hành quân. Một thế trận chiến đấu phối hợp ba thứ quân đã diễn ra liên tục có hiệu quả trên toàn mặt trận. Sư đoàn 9 đã hỗ trợ tạo điều kiện cho các đơn vị du kích cơ quan Trung ương Cục hậu cần Miền, cơ quan B5, cơ quan thông tin huyện Tà Đạt tiểu đoàn 70 bảo vệ mở mở những trận tiến công nhỏ lẻ, diệt gần 300 Mỹ, bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 19 xe tăng, thiết giáp.

Ngược lại với những trận tiến công nhỏ lẻ tiêu hao đều khắp của du kích cơ quan kể trên, sư đoàn 9 có điều kiện bứt ra tổ chức lực lượng bám trụ đánh địch trên đường liên tỉnh 4; cử một bộ phận đánh vào phía sau, phối hợp với quân dân Tây Ninh đánh địch ở vòng ngoài. Trong những ngày chống cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ mở rộng, Trung đoàn 1 với tinh thần chủ động, phát huy cách đánh bằng lực lượng nhỏ tổ chức được nhiều trận phục kích, đánh địch càn quét, phá hủy 8 xe M.113.

Ngày 18 tháng 11, quân Mỹ buộc phải co lại, điều chỉnh kế hoạch hành quân.

Ngay lúc đó Bộ chỉ huy Miền điện xuống lệnh cho sư đoàn cần có kế hoạch bám đánh địch trên đường chúng rút. Chúng tôi triển khai thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Miền không mấy khó khăn, vì ngay từ đầu sư đoàn đã xác định phải bám đường 4 vì địch tiến quân hay lui quân thường phải dựa vào con đường này. Liên tiếp trong ba ngày 21, 22 và 25 tháng 11 các trung đoàn 1, 16 và trung đoàn 2 tổ chức tiến công Mỹ ở Tà Đạt Suối Đá Dầu Tiếng loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên, phá hủy 1 pháo 105 ly, 5 máy bay lên thẳng.

Ngày 26 tháng 11, tướng Oét-mo-len buộc phải kết thúc cuộc hành quân. “Bắt đầu chỉ là lữ đoàn 196 nổi ra có tính chất thăm dò, chuẩn bị chiến trường, sau hút cả sư đoàn bộ binh số 1, ba lữ đoàn không vận, kỵ binh thiết giáp khác với yêu cầu cao hơn đánh thẳng vào căn cứ Dương Minh Châu nhưng đã thất bại. Vào những ngày kết thúc cuộc hành quân, MACV buộc phải kết luận, lữ đoàn 196 đã sút mẻ nặng, buộc tướng một sao Đờ-xốt xuya chuyển sang lực lượng pháo binh dã chiến, giao cho tướng một sao Nâu chỉ huy lữ đoàn này. Lực lượng Mỹ phải đẩy thêm nhiều quân Mỹ vào Việt Nam, cho thấy dấu hiệu ở chiến trường ngày thêm căng thẳng.”

Rút kinh nghiệm đánh bại cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ, Bộ chỉ huy Miền khẳng định mạnh mẽ hơn nữa phương châm chỉ đạo bám trụ đánh địch tại chỗ là hoàn toàn có cơ sở và hạ quyết tâm: động viên mọi

lực lượng cơ quan, đơn vị trong căn cứ bám trụ chiến đấu tại chỗ, phối hợp với một bộ phận chủ lực mở chiến dịch phản công, kiên quyết đánh bại cuộc hành quân quy mô của địch, bảo vệ căn cứ, bẻ gãy gọng kìm “tìm diệt” để hỗ trợ phá vỡ gọng kìm “bình định”, tạo điều kiện giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong năm 1967.

Sư đoàn 9 sau đợt chiến đấu góp phần đánh bại cuộc hành quân Át-ton-bo-rơ của Mỹ, được bổ sung quân số, vũ khí từ miền Bắc vào theo đường Trường Sơn. Toàn sư đoàn được đổi mới trang bị, bằng hệ vũ khí CKC, AK, B.40, được tăng cường một tiểu đoàn súng cối 120 ly mang vác, một tiểu đoàn súng trọng liên 12,7 ly(9) và triển khai thế trận mới: Trung đoàn 1 đứng chặn tại đường 22, Trung đoàn 2 đứng chặn tại Chà Dơ, Trung đoàn 16 ở Suối Dây, Trung đoàn 3 sang Phước Sang đường 13.

(9) Quân số tăng: mỗi tiểu đoàn có từ 350 - 400 quân, mỗi trung đoàn có từ 1.800 - 2.000 quân, toàn sư đoàn có 9.368 quân.

Tuy nhiên Mỹ vẫn chưa từ bỏ ý định mở các cuộc hành quân thăm dò, nghi binh thu hút làm lạc hướng phán đoán của ta, nhằm đảm bảo chắc ăn cho một cuộc triển khai lực lượng lớn đánh vào chiến khu C. Đó là cuộc hành quân tiếp theo mang mật danh Xê-đa-phôn tiến hành từ ngày 8 tháng 1 đến 26-1-1967

Với lực lượng cỡ quân đoàn(10) đánh vào vùng “tam giác sắt”(11) với mục đích củng cố và nói rộng vành đai an ninh phía bắc Sài Gòn, diệt, đẩy chủ lực ta ra xa, “tìm diệt” cơ quan lãnh đạo kháng chiến của thành phố Sài Gòn - Gia Định, chuẩn bị bàn đạp đánh vào căn cứ Dương Minh Châu.

(10) Lực lượng địch huy động: sư đoàn 1, sư đoàn 25, lữ đoàn 196, lữ đoàn dù 173, trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 và một số đơn vị quân ngự sai Gòn.

(11) Là khu vực An Diêm - An Tây sau này Mỹ khoanh thành một vùng gọi là “Tam giác sắt” rộng chừng 170km<sup>2</sup>. Trên bản đồ đó là một hình tam giác mà các đỉnh của nó là thị trấn Bến Súc, thị trấn Bến Cát và giao điểm của sông Sài Gòn với sông Thị Tính. Trong nhiều tài liệu “Tam giác sắt” thường được hiểu bao gồm phần đất Trảng Bàng, Củ Chi, Bến Cát, Dầu Tiếng. Gọi là “tam giác sắt” vì nơi đây đã xảy ra nhiều cuộc đụng độ, địch đổ xuống đây hàng chục ngàn tấn bom đạn nhưng vẫn không đè bẹp được ý chí gang thép của quân và dân ta, không xóa được một vùng vẫn vững vàng là căn cứ cách mạng.

Cũng cần nói thêm, bản thân cuộc hành quân cấp quân đoàn này đã không có sự nhất trí của những người cầm đầu quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam lúc đó. Trước hết, Bộ tư lệnh dã chiến Mỹ đóng ở Biên Hòa không chấp nhận mở cuộc hành quân, để tập trung lực lượng xâm nhập vào chiến khu Dương Minh Châu. Nhưng tướng Ôét-mô-len là tư lệnh chỉ huy chung có tham vọng lớn hơn, muốn cùng một thời gian mở cuộc hành quân Xê-đa-phôn nhằm bứng “Việt cộng” (tức Quân giải phóng) ra khỏi nơi đây với kế hoạch dùng sư đoàn 25 và lữ đoàn 196 ngược sông Sài Gòn làm cái đe. Sau đó dùng sư đoàn 1, lữ đoàn 173 và trung đoàn 11 thiết giáp từ phía đông đánh thẳng vào khu “tam giác sắt”, cắt nó ra làm đôi đặt đối phương lên đe mà nện. Như vậy, sẽ có một bàn đạp đánh vào Dương Minh Châu.

Nhưng ta, bằng phương thức phối hợp tiến công rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của một bộ phận đơn vị chủ lực đánh vào các mục tiêu chủ yếu, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc tướng Ôét-mô-len phải kết thúc cuộc hành quân, sau khi chỉ dồn được 15.000 dân về thị xã Thủ Dầu Một.

Đặc biệt từ ngày 2/2 đến 21/2/1967 (trước cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty hai mươi ngày) địch liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét cấp sư đoàn. Không kể cuộc hành quân Bíc-sprinh của sư đoàn 1 và lữ đoàn 173 ngày 1 tháng 2 đến 16 tháng 2 vào khu vực Sinh Bà Đá thuộc chiến khu Đ, riêng ở khu vực Dương Minh Châu đã có hai cuộc hành quân nhằm tiêu hao lực lượng ta, tạo thế cho các bước hoạt động quân sự sau đó. Đó là cuộc hành quân Gát-xđen từ ngày 2 tháng 2 đến 21 tháng 2 của sư đoàn 22 đánh vào

tây đường 22 đến sát biên giới Campuchia, chốt lại các điểm Lò Gò, Cần Đăng, Tà Xia; cuộc hành quân Túc Sơn từ 14 tháng 2 đến ngày 18 tháng 2 do lữ đoàn 1, sư đoàn 1, một bộ phận lữ đoàn 3, sư đoàn số 4 thực hiện đánh vào Vầu Tám, Thị Tính - đông sông Sài Gòn thuộc khu vực Long Nguyên, nhằm tạo địa bàn cho lực lượng hành quân từ quốc lộ 13 đánh vào khu vực căn cứ.

Ngay sau khi cuộc hành quân Xê-đa-phôn kết thúc, lãnh đạo và chỉ huy Miền nhận định: Địch sẽ dốc toàn lực mở cuộc tiến công lớn đánh sâu vào căn cứ của ta, nhằm diệt cơ quan đầu não và lực lượng chủ lực của ta, cố giành thắng lợi có tính quyết định. Vì vậy cần có chủ trương động viên mọi lực lượng cơ quan, đơn vị có mặt trong chiến khu bám trụ, chiến đấu phối hợp với bộ đội chủ lực kiên quyết phản công và tiến công, quyết đánh bại cuộc hành quân đầy tham vọng của địch, giữ vững căn cứ.

Đến đây, công tác chuẩn bị có được định hướng rõ ràng, đã triển khai với nhịp độ tích cực, khẩn trương hơn.

Cùng với các lực lượng dân, chính Đảng, Sư đoàn 9 đã hoàn thành mọi công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ không chỉ bằng mồ hôi, công sức mà cả bằng máu xương đổ xuống qua đụng độ với kẻ thù trong các cuộc hành quân chuẩn bị nhằm nghi binh, thăm dò, tạo thế của địch(12). Nhưng lúc này đây sau khi nghe ý kiến nhắc nhở động viên của cấp trên qua điện thoại - quyết đánh và quyết thắng cuộc hành quân lớn của địch, giữ vững căn cứ kháng chiến sao mà thiêng liêng đến thế!

(12) Trận thắng Bầu Gòn ngày 4 và 5/11/1966, quân Mỹ bị loại khỏi vòng chiến đấu 600 tên, Sư đoàn 9 có 21 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 46 đồng chí bị thương.

Mảnh đất mà chúng tôi đang đứng, có nhiệm vụ xả thân để bảo vệ là mảnh đất mang cái tên thân thương triu mến vô cùng! - Căn cứ khu B (địch gọi là chiến khu C) thuộc địa phận bắc huyện Dương Minh Châu (sau tách ra lập huyện Tân Biên) tỉnh Tây Ninh, nằm giữa hai sông Vàm Cỏ ở phía tây và sông Sài Gòn ở phía đông. Trong kháng chiến chín năm, nơi đây là một trong những căn cứ địa của miền Đông và là chỗ đứng chân của Xứ ủy Nam Bộ, của Phân khu ủy và Bộ tư lệnh miền Đông cho đến ngày lực lượng vũ trang ta tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Trong kháng chiến chống Mỹ, từ 1958 Xứ ủy Nam bộ đã có chủ trương xây dựng nơi đây thành căn cứ tây bắc làm chỗ dựa cho Xứ ủy và là nơi thành lập lực lượng vũ trang đầu tiên của miền Đông. Ở đây cũng đã diễn ra các trận Minh Thạnh (10/1958), Tua Hai (1/1960), mở đầu phong trào đồng khởi của Đông Nam Bộ. Sau đồng khởi, khu B trở thành căn cứ chủ yếu của Xứ ủy Nam Bộ, sau đó là Trung ương Cục, Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, Bộ chỉ huy quân sự Miền, đài phát thanh Giải phóng.

Trong giai đoạn “chiến tranh đặc biệt”, quân đội ngụy Sài Gòn đã mở nhiều cuộc hành quân đánh vào căn cứ, nhưng cũng chỉ đến vùng ven. Từ năm 1965, khi quân Mỹ nhảy vào trực tiếp tham chiến, trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, trên hướng bắc, tây bắc địch đã mở liên tiếp mười ba cuộc hành quân cấp lữ đoàn, sư đoàn tăng cường, cũng chỉ đánh vào các khu căn cứ lõm của ta nhằm đẩy chủ lực ta ra xa vành đai bảo vệ thành phố Sài Gòn và các đô thị vùng ven.

Giờ đây căn cứ khu B nổi lên như một khu căn cứ đầu não lãnh đạo cách mạng toàn Miền, được coi như là vùng bất khả xâm phạm, đã được tướng bốn sao Oét-mo-len, tư lệnh quân đội viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam đưa vào mục tiêu chủ yếu cần phải đánh phá trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai trong khuôn khổ của chiến lược “tìm diệt”.

Hầu như mỗi chúng tôi, những cán Bộ chỉ huy quân sự và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành phố thuộc chiến trường B2 đều ít nhất có một lần đặt chân lên mảnh đất có diện tích khoảng một nghìn năm trăm ki-lô-mét vuông này. Ấy là những ngày về báo cáo, nhận chỉ thị của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền về tổ chức các đợt hoạt động quân sự, về các chủ trương xây dựng cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh thực hiện phương châm hai chân, ba mũi đánh bại âm mưu xâm lược của kẻ



thù, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Những ngày như thế chúng tôi cảm thấy như mình được sống trên mảnh đất của chính mình, mảnh đất có chủ quyền, được thở hít không khí tự do, được sưởi ấm tình cảm đồng đội đồng chí, được hàn huyên, tâm sự, được tĩnh tâm và thư giãn.

Quá khứ sáng chói, tự hào, lại giữ vị trí then chốt trong hiện tại tại mảnh đất đang thực sự là nguồn, là gốc của một điểm tựa, một thế trận vững chắc về chính trị, tinh thần và cả vật chất; nó là nơi để ta tạo lực, tạo thế, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn cho cuộc chiến đấu.

Rõ ràng để kẻ thù đánh phá nhằm vô hiệu hóa mảnh “đất thánh” này là một xúc phạm không thể chấp nhận!

Tuy biểu hiện có khác nhau, nhưng các cán Bộ chỉ huy sư đoàn chúng tôi đều có một suy nghĩ, một tâm tư chung như vậy trước khi vào trận.

Trong 1/1967, sau khi được bổ sung quân số, vũ khí, tiến hành học tập Nghị quyết Bộ Chính trị, Nghị quyết 4, Trung ương Cục củng cố quyết tâm chiến đấu, rút kinh nghiệm đánh bại cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ, phân công cán bộ sư đoàn, trung đoàn đi nghiên cứu thực địa, chuẩn bị phương án chiến đấu trên các điểm chọn sẵn theo quyết tâm chiến dịch của Bộ tư lệnh Miền.

Thực hiện hướng dẫn bổ sung của cơ quan tác chiến cấp trên, hình thành thể đánh của bộ đội chủ lực, chúng tôi điều chỉnh cho các đơn vị vào các trọng điểm dự kiến địch sẽ đổ quân cụm lại hoặc hành quân qua.

Trung đoàn 1 đang tham gia chống cuộc hành quân Gat-xđen ở tây đường 12 chuyển về đứng chân tại khu vực đường 4 phối hợp với du kích cơ quan, bộ đội địa phương đánh nhỏ lẻ ở tây đường 4 đến đường 22, sẵn sàng phối hợp với Trung đoàn 2, Trung đoàn 16 đánh một số trận tập kích tiêu diệt các cụm quân địch dọc đường 4 trên các khu vực Bầu Cò, Đồng Pan, Bồ Túc. Sau về làm lực lượng dự bị sư đoàn, đứng ở bắc Bồ Túc.

Trung đoàn 2 đứng chân ở khu vực Chà Dơ, phối hợp với du kích cơ quan, bộ đội địa phương đánh nhỏ lẻ trên các khu vực Võ Tùng, Bà Chiêm, Chà Dơ; sẵn sàng phối hợp với Trung đoàn 16 đánh các trận tập kích tiêu diệt các cụm địch ở Chà Dơ, Đồng Rùm trên lộ Kiểm - Chà Dơ - Bồ Túc, trên đường Đá Đỏ - Bồ Túc - Sóc Con Trắng.

Trung đoàn 16 về đứng chân đông đường 4, khu vực Suối Mây, Bến ông Ngọt phối hợp với du kích cơ quan, bộ đội địa phương đánh nhỏ lẻ trên khu vực đông đường 4, sẵn sàng phối hợp với Trung đoàn 1, Trung đoàn 2 đánh các trận tiêu diệt địch trên đường 4, Lộ Kiểm, Chà Dơ đi Bồ Túc.

Trung đoàn 3 lật cánh sang Phước San - An Tịnh (đông quốc lộ 18) thực hiện nghi binh, kéo dẫn đội hình địch, đồng thời tổ chức đánh địch trên đoạn nam, bắc Chợ Thành, sẵn sàng thọc xuống hoạt động sau lưng địch ở khu vực Bầu Bàng, Bến Cát.

Ở đây cũng cần nói thêm, trong quá trình họp bàn kế hoạch tác chiến, có hai loại ý kiến nêu lên: tình hình thay đổi, không như Bầu Bàng trước đây, lần này địch tập trung ưu thế tuyệt đối cả binh lực và hỏa lực, ra quân ồ ạt, ta chỉ có thể phân tán đánh nhỏ; ý kiến khác cho rằng không nên cứng nhắc mà phải có nhiều cách đánh, nhỏ, vừa và đánh lớn.

Đây là một tồn tại thuộc tư tưởng, chứ không đơn thuần là nhận thức, cần được giải quyết thông suốt trước khi bước vào chiến đấu. Nhưng giải quyết nó lại không đơn giản, nếu chỉ đơn thuần áp đặt hoặc phê phán một cách võ đoán. Bởi loại ý kiến thứ nhất xuất phát từ thực tế, vì trước đó trung đoàn 2 đã chạm trán với lữ đoàn 196 trong cuộc hành quân Ất-tơn-bo-rơ bị địch chống trả rất ác liệt bằng phi pháo, gây thương

vong cho ta, một số ít này sinh bi quan, dao động.

Sau khi thống nhất trong Bộ tư lệnh sư đoàn, tôi trao đổi lại với các đồng chí chỉ huy trung đoàn và các đơn vị trực thuộc, làm cơ sở tiến hành giải thích cho mọi người thông suốt. Nguyên nhân gây thương vong phụ thuộc vào nhiều yếu tố, không phải chỉ do kẻ địch có nhiều phi pháo, không phải do tập trung, đánh lớn. Trong thực tế chiến đấu, không phải phân tán đánh nhỏ là ít thương vong hoặc không có thương vong. Ngược lại không phải bao giờ tập trung đánh lớn cũng đồng nghĩa với thương vong nhiều. Vấn đề là ở nghệ thuật chỉ huy, ở trình độ chiến thuật và kỹ thuật chiến đấu cá nhân của mỗi người có thuần thực hay không. Chính vì chúng ta kịp thời rút kinh nghiệm sau chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng, sau đợt hoạt động mùa mưa 1966 đánh địch trên quốc lộ 13; chính vì chúng ta đánh giá địch đúng trong cuộc hành quân này, nên Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền đã đề ra trong bước mở đầu của đợt hoạt động sẽ đánh nhỏ, đánh vừa với quy mô tiểu đoàn, trung đoàn là chính, chỉ đánh lớn khi chắc thắng.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 14: Phần 1

Về cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty.

Đây là cuộc hành quân trên bộ lớn nhất trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ cả về quy mô lực lượng lẫn mục tiêu nêu ra.

Như bạn đọc đã biết, Bộ tư lệnh quân đội viễn chinh Mỹ ở Nam Việt Nam cho rằng sở dĩ họ thất bại trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất là do diện phản công rộng, hướng tiến công nhiều(1), dẫn tới lực lượng bị phân tán, nên cuộc phản công mùa khô lần thứ hai này chúng tập trung ưu thế binh hỏa lực vào một chiến trường trọng điểm là Đông Nam Bộ, vào một mục tiêu chủ yếu là chiến khu Dương Minh Châu. Để giành thắng lợi chắc chắn, ngoài năm cuộc hành quân thăm dò, nghi binh, tạo thế(2), địch còn có cả một kế hoạch chuẩn bị với nhiều nội dung rất công phu.

(1) Cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) của Mỹ với kế hoạch ra quân ồ ạt đánh cùng một thời gian trên hai chiến trường Khu 5 và Đông Nam Bộ với năm hướng (còn gọi là năm mũi tên):

- Tây bắc Sài Gòn gồm Củ Chi, Bến Cát, chiến khu Đ.
- Đông nam Sài Gòn gồm từ sông Đồng Nai đến Bà Rịa.
- Nam tỉnh Phú Yên (Tuy Hoà).
- Bắc Bình Định.
- Nam Quảng Ngãi.

(2) Năm cuộc hành quân, nghi binh, tạo thế:

- Cuộc hành quân Át-ton-bo-rơ từ 3/11 đến 26/11/1966 vào khu vực Bầu Gòn - Chà Dơ.
- Cuộc hành quân Xê-da-phôn từ 18/1 đến 31/1/1967 vào vùng “tam giác sắt” Bến Súc - Củ Chi.
- Cuộc hành quân Bic-spring từ 12 đến 16/2/1967 vào khu vực sinh Bà Đá.
- Cuộc hành quân Túc Sơn từ 14/2 đến 18/2/1967 vào khu vực Ván Tám, Thị Tính, Long Nguyên.
- Cuộc hành quân Gát-xđen từ 2/2 đến 21/2 vào tây đường 22.

Từ ngày 25/9/1966 đến 20/2/1967, địch tiến hành một chiến dịch khai quang dọn dẹp với trên trên phi vụ máy bay C.47, C.123 thả chất độc hóa học dọc theo đường 4, tỉnh lộ 13, đường 22, dọc các sông Sài Gòn, Tha La, Suối Mây, theo hướng biên giới từ Cà Tum đến Tà Nôi. Chú trọng các trục giao thông và những nơi có cơ quan, nơi đóng quân của đối phương, tiến hành mở rộng sân bay Trảng Lớn, Suối Đá, Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Quản Lợi, sửa gập các đường 19, 22, 26, xây dựng các kho tàng dự trữ ở Trảng Lớn, Dầu Tiếng, Hớn Quản, tăng cường quân sự cho các khu dự kiến triển khai chỉ huy sở hành quân.

Cũng từ tháng 12 năm 1966, địch vận chuyển ba nghìn chuyến đưa mười nghìn tấn hàng các loại gồm xi măng, bao cát, kẽm gai, gỗ, đá, ống cống, cốt sắt, máy phát điện, tủ ướp lạnh, xe ủi đất, cầu dã chiến... từ Sài Gòn lên Tây Ninh. Ngoài ra mỗi ngày địch còn dùng từ 10-15 lần/chiếc máy bay C.128, C.130 chuyển hàng từ hậu cứ Biên Hòa lên Dầu Tiếng, Trảng Lớn, Suối Đá, Minh Thạnh, Quản Lợi.

Từ 1 tháng 2 đến 21 tháng 2 địch dùng trên 80 phi vụ L.19, RB.57, C.47 bay quan sát, chụp ảnh địa hình, thả máy thu tiếng động, dò hướng VTĐ theo các tuyến đường sông, ven biên giới, trong khu vực căn cứ; tung thám báo, biệt kích vào khu căn cứ để nghe trộm điện thoại, phát hiện mục tiêu, điều tra theo dõi dấu vết ta dọc theo các lộ kiểm, lộ ủi.

Càng gần đến ngày N, địch tăng cường chuẩn bị hỏa lực sát thương ta trước khi bộ binh nhảy vào. Từ ngày 1 tháng 2 đến ngày 21 tháng 2 (một ngày trước khi mở cuộc tiến công) địch dùng 16 phi vụ B.52 (40-50 chiếc/lần) và 30 phi vụ phản lực (90 chiếc/lần) oanh tạc các mục tiêu Bầu Cỏ, Trảng Chiến, Chà Dơ, Đất Đỏ, Sóc Mới, suối Nước Đục; dùng 60 phi vụ C.123, C.47 rải chất độc hóa học xuống các khu rừng còn sót trên sông Sài Gòn, Tha La, thả bom cháy đốt các trảng trống dự định sẽ đổ quân đóng chốt.

Đêm 21/2/1967, máy bay B.52 oanh tạc 9 lần, mỗi lần từ 3-9 chiếc/lần ném bom rải thảm xuống khu vực Dương Minh Châu. Xen kẽ giữa các đợt hoạt động của máy bay B.52 và cả ngày 22 là 234 lần xuất kích của máy bay cường kích chiến thuật.

Có thể nói trong suốt thời gian chuẩn bị, chờ đợi, tuy chưa trực tiếp đối mặt với quân thù, nhưng âm vang của chiến tranh làm rung chuyển mặt đất nơi chúng tôi đứng, khói bụi của chiến tranh bay khắp không gian, nhiều lúc không sao chớp mắt vì những tiếng nổ chát chúa rất gần dội vào tai, vào óc, nghe nhức nhối khó chịu.

Sau nhiều tháng hồi hã chuẩn bị, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Mỹ đã tung vào cuộc phản công chủ yếu này 45.000 quân, gồm 26 tiểu đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn tăng - thiết giáp (2.300 xe), 17 tiểu đoàn pháo binh(3) (250 khẩu), 17 phi đoàn máy bay phản lực, máy bay vận tải, hàng trăm lần chiếc máy bay chiến lược B.52. Quân ngụy tham gia cuộc hành quân này có một chiến đoàn thủy quân lục chiến (2 tiểu đoàn), một tiểu đoàn biệt động quân và 12 đại đội biệt kích.

(3) Số đầu đơn vị tham gia cuộc hành quân: sư đoàn bộ binh số 1 “Anh Cả đỏ” và sư đoàn bộ binh cơ giới số 25 “Tia chớp nhiệt đới”; 4 lữ đoàn: lữ đoàn không vận 173, lữ đoàn bộ binh nhẹ 196, lữ đoàn 3 sư đoàn bộ binh số 4, lữ đoàn 1 sư đoàn bộ binh số 9; trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11.

Bằng lực lượng gần gấp hai lần cuộc hành quân Xê-đa-phôn, địch mở cuộc hành quân quy mô lớn với thủ đoạn bao vây kết hợp dùng lực lượng đột kích mạnh thọc sâu chia cắt; dùng đồ bộ đường không thẳng đứng, nhảy dù, bất ngờ tạo thế bao vây chặt bằng một “vành móng ngựa khổng lồ” (chữ U lộn ngược) khóa chặt phía biên giới Campuchia và hai bên sườn; đồng thời dùng lực lượng hỗn hợp bộ binh và cơ giới làm mũi tiến công chủ yếu thọc vào trung tâm căn cứ nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng chủ lực của ta.

Trung tuần tháng 2, các sư đoàn bộ binh số 1, bộ binh cơ giới số 25 đã chuyển vào vị trí ở hai phía đông và tây dọc biên giới Campuchia.

Ngày 22/2/1967 khi cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti chính thức bắt đầu thì cả vùng phía bắc đã bị địch đóng chốt vít chặt.

Cuộc hành quân do tướng ba sao Xi-môn, tư lệnh lực lượng dã chiến II của Mỹ đóng nhiệm sở ở Biên Hòa chỉ huy, dự định tiếp theo ngay sau cuộc hành quân Xê-đa-phôn, đã bị chậm lại một tháng để có thời gian sửa chữa sai lầm của các cuộc hành quân trước đó.

Về diễn biến chung nhiều tài liệu đã phản ánh đầy đủ, ở đây xin kể thêm một số chi tiết qua sách báo địch mà chúng tôi thu thập sau này càng nổi rõ thủ đoạn lắt léo và phức tạp mà địch đã thực thi.

Ngày N (tức ngày 22 tháng 2), mở đầu cuộc hành quân đã diễn ra một trong những cuộc cật cánh trực

thắng đông đảo nhất (trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Nam Việt Nam), đổ 9 tiểu đoàn bộ binh thuộc sư đoàn bộ binh số 1, lữ đoàn 196, 173 xuống Sóc Mới, Rùm Đuôn, Ang Khắc. Một tiểu đoàn còn lại của lữ đoàn 173 gồm 845 quân do 16 máy bay C.130 từ Biên Hòa chở đến nhảy dù xuống Kà Tum để hoàn thành cánh quân phía bắc của chiếc móng ngựa và do lữ đoàn 1 của sư đoàn 25 từ đường 22 đánh sang hướng đông bắc.

Ngày N+1 (tức ngày 23 tháng 2), lữ đoàn 2 của sư đoàn 25 cùng với trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 (thiếu một tiểu đoàn) từ phía nam theo đường 4 đánh lên đóng chốt ở Bầu Cỏ, Đồng Pan, Sóc Kỳ nối liền với Kà Tum, lấy huyện Tà Đạt làm hợp điểm hiệp đồng bao vây bốn mặt toàn bộ khu vực căn cứ.

Như vậy là bằng phương tiện cơ động nhiều và hiện đại cao, ngay ngày đầu của cuộc hành quân, tướng Oét-mo-len đã đưa toàn bộ đội hình chiến dịch cùng hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, pháo cối vào các mục tiêu tiền công, bao vây, án ngữ toàn bộ khu căn cứ trên các hướng, bằng nhiều lớp bộ binh và hỏa lực.

Đúng là nếu nhìn trên bản đồ hình thái chiến dịch, ta thấy thế trận hành quân của địch vừa kín lại vừa hiểm, tướng chừng đối phương khó có thể lọt qua vòng phong tỏa bằng bộ binh, xe tăng, thiết giáp và hệ thống hỏa lực ken dày của địch.

Nhân đây xin được kể một chi tiết ngoài lề:

Tháng 7 năm 1967, tôi được phép của Bộ tư lệnh Miền, đi trong đoàn anh Nguyễn Chí Thanh, bí thư Trung ương Cục ra Hà Nội nhận kế hoạch tiến công nổi dậy Xuân 1968, được tin này nhiều bạn bè chiến đấu cũ đến thăm, hỏi đủ mọi chuyện đi đường, chuyện cảnh vật, nhân tình ở trong đó và rôm rả nhất là chuyện chiến đấu, chuyện về cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty.

Chả là trong số bạn bè, có một số muốn hỏi sâu những kinh nghiệm vì các anh đã nhận lệnh đi B.

Mặc dầu người vẫn còn đang mệt, nhưng đụng đến một vấn đề tâm đắc còn nóng hổi, tôi say sưa kể lại những điều mình chứng kiến quá trình đối mặt với kẻ thù trong một tình thế cực kỳ hiểm nghèo. Không khí buổi gặp mặt thân mật mà trầm lắng, tất cả đều chăm chú dõi theo tôi kể, với gương mặt rạng rỡ như để chia vui với người trong cuộc.

Bỗng có một anh bạn cắt ngang, chậm rãi xen vào một ý kiến thật lòng:

- Theo dõi những ngày đầu của cuộc hành quân, mình nghĩ chỉ cần quân ta ra khỏi vòng vây của địch một cách an toàn là thắng lợi rồi.

- Thoát đấy chứ! Ra đến tận Hà Nội. - Tôi nói vui.

- Ra hẳn chứ. - Bạn hỏi tiếp.

- Ra nhận nhiệm vụ mới, để lại vào. - Tôi trả lời.

Xin được trở lại câu chuyện đang kể.

Như trên đã trình bày, chúng ta đánh địch không bằng kiểu dàn trận, phân tuyến, mà bằng thế trận chiến tranh nhân dân với ba thứ quân rất đặc biệt, nếu không nói là độc đáo. Khi 45.000 quân địch với hàng ngàn xe, pháo hình thành vòng vây tiến vào căn cứ, có các mũi đổ bộ bất ngờ bằng máy bay lên thẳng, thọc sâu bằng bộ binh kết hợp với xe tăng, xe bọc thép vu hồi vào phía sau, đánh qua các khu vực, đến tận tọa độ đặt cơ quan Trung ương Cục mà các phương tiện trinh sát của chúng đã ghi sẵn.

Nhưng trước mắt quân Mỹ chỉ là những lán nhỏ không người, quanh đó là những hầm hào và những bãi mìn, là những đơn vị du kích cơ quan bí mật ém sẵn, nếu quân Mỹ vượt quá giới hạn cho phép là nhận lãnh nguy hiểm.

Ngay từ phút đầu đặt chân đến các mục tiêu được giao, quân Mỹ vốn chủ quan ngạo mạn đã hoang mang sợ hãi, bởi đâu cũng có trận địa của đối phương đánh chặn.

Quân ta tác chiến không theo đội hình sư đoàn mà thực hiện chủ động, linh hoạt chiến đấu theo đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn theo các hướng được phân công.

Thực hiện nguyên tắc này, ngày 23 tháng 2, khi lữ đoàn 2, sư đoàn 25 và trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 tiến lên phía bắc thực hiện hợp vây, thì trung đoàn 16 luồn xuống phía nam tiến quân vào đội hình quân địch đang di chuyển. Trung đội đi đầu bị cắt đứt, đại đội 13 thuộc trung đoàn 1, trung đoàn 16 địch đã lọt vào trận địa phục sẵn của ta, hàng chục lính Mỹ chết.

Vào khoảng nửa đêm, sau 54 đợt ném bom yểm trợ chúng mới cứu thoát số tàn quân rút về phía sau. Ngay đêm đó, trung đoàn còn tổ chức pháo kích căn cứ hậu cần của địch ở Suối Đá, gây nhiều thiệt hại.

Trong khi du kích Kà Tum nổ súng bắn rơi 12 máy bay lên thẳng; du kích cơ quan Trung ương Cục ở Rùm Đuôn, Ang Khắc, bộ đội địa phương Tà Đạt chiến đấu bắn rơi thêm 9 máy bay lên thẳng, thì chúng tôi lệnh cho các đơn vị thực hiện đánh nhỏ hai bên sườn và sau lưng đội hình hành quân của chúng: Ngày 26 tháng 2, Trung đoàn 2 vận động tập kích Mỹ ở Trảng A Lầu, một bộ phận khác phối hợp với du kích cơ quan đánh địch ở Tà Xia, ngày và đêm 28 tháng 2, Trung đoàn 16 triển khai phục kích địch ở đông nam Giếng Thí, tập kích cụm cơ giới Mỹ ở gần cầu suối ông Hùng, bắn rơi ba máy bay lên thẳng. Các phân đội pháo của sư đoàn, trung đoàn liên tục pháo kích chỉ huy sở quân địch ở Dầu Tiếng, căn cứ hậu cần địch ở Suối Đá.

Hành quân và chiến đấu trong điều kiện thời tiết nóng nực, ban ngày bị chặn đánh, ban đêm bị du kích cơ quan quấy rối, sức khỏe và tinh thần chiến đấu của lính Mỹ giảm sút rõ rệt, số quân ốm đau lên tới 16%. Từ ngày 1 đến ngày 13 tháng 3, địch buộc phải co lực lượng về giữ chốt và bảo vệ hành lang tiếp viện theo các trục đường 22, đường 4, tìm cách đánh mới.

Sở chỉ huy sư đoàn liên tục nhận được điện báo của các đơn vị gọi về, đều có chung một nhận xét: tình hình bết căng, cường độ nóng lán của địch có giảm, không rõ vì nguyên nhân gì?

Tôi điện trả lời: Trước hết sư đoàn biểu dương ý thức báo cáo thành thị kịp thời của các đơn vị. Đúng là địch có triệu chứng co lại là do ta tích cực chống trả. Các đơn vị cần tổ chức theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến, tuyệt đối không được chủ quan, khẩn trương xốc lại đội hình, sẵn sàng đánh trả, có khả năng địch thay đổi thủ đoạn hành quân.

Cùng lúc sư đoàn cũng nhận được điện của Bộ tư lệnh Miền: Địch tiến vào khu căn cứ rộng mà không nắm được mục tiêu đánh chiếm cụ thể, lại bị ta liên tiếp đánh đòn phủ đầu, chúng bắt đầu dao động.

Từ nhận định trên, Bộ tư lệnh Miền quyết định cần tập trung chủ lực đánh những đòn tiêu diệt lớn, đánh mạnh vào tinh thần quân Mỹ, làm thất bại cuộc hành quân của chúng.

Quyết định trên có tính định hướng, chúng tôi coi đây là mệnh lệnh phải chấp hành. Trên giao quyền cho dưới được chủ động sáng tạo trong biện pháp, miễn sao tiêu diệt được sinh lực địch. Dễ mà khó, vì yêu cầu của thể trận chung lúc này chưa cho phép tập trung lực lượng bằng cách kéo các đơn vị về tổ chức chiến đấu theo đội hình sư đoàn, vì các trung đoàn vẫn phải đứng chân ở địa bàn quy định, tác chiến phối hợp theo thể ba thứ quân.

Trong khi đó, từ ngày 1 đến 5 tháng 3, lợi dụng địch co cụm, du kích cơ quan các “xã”, bộ đội địa phương các “huyện” được dịp bung ra tiến công vào các cụm quân địch ở Bầu Bàng, Ang Khắc, Bầu Lùng Tùng, Kà Tum, đánh địch vận chuyển trên các đường giao thông, phá hủy, đánh hỏng 85 xe tăng, xe bọc thép. Tin vui mà chúng tôi đứng ngồi không yên, vì lo sao phải kịp thời phối hợp chiến đấu, chậm là lỡ thời cơ.

Suy nghĩ và trao đổi, nhưng không được kéo dài, vì diễn biến tình hình đang rất mau lẹ. Chúng tôi quyết định sử dụng toàn bộ lực lượng Trung đoàn 2 vận động tập kích cụm quân Mỹ ở Đồng Pan, ngày N tiến công là ngày 10 tháng 3, vì trước đó trung đoàn này có đụng độ với địch một vài trận nhưng thường nhỏ, lẻ, lực lượng cỡ tiểu đoàn, đang còn sung sức, lại đứng chân ở vị trí thuận tiện cơ động tiếp cận mục tiêu.

Chúng tôi coi đây là trận đánh then chốt, nhưng không thành, do chuẩn bị triển khai chiến đấu chậm (một phần có khó khăn khách quan), quyết tâm của cán bộ chưa cao, đồng chí Trần Xoa trung đoàn trưởng phụ trách hướng chủ yếu hy sinh trong khi đi chuẩn bị chiến trường.

Đành rằng đây là khuyết điểm của cấp dưới, nhưng là người chỉ huy chung, tôi thấy mình có phần trách nhiệm. Bài học rút ra là tình thế càng khẩn trương càng đòi hỏi người chỉ huy phải sâu sát hơn nữa; sau mệnh lệnh chiến đấu, cần phải quan tâm đúng mức khâu hướng dẫn và kiểm tra đơn đốc cấp dưới triển khai, thực hiện, được coi như một quy trình của người chỉ huy trong chỉ huy chiến đấu.

Với tôi đây thực sự là một kỷ niệm không vui!

Nhưng nhiệm vụ trước mắt đòi hỏi phải vươn lên, xốc tới.

Tôi lại cùng các anh trong Bộ tư lệnh sư đoàn lao vào công việc.

Hồng việc này bày việc khác mà làm. Lúc này không trách móc, phê phán. Theo kế hoạch vừa được bổ sung, ngay đêm 10 tháng 3 (chỉ sau vài giờ trận đánh Đồng Pan không thành), một tiểu đoàn của Trung đoàn 2, sau một đợt pháo kích kéo dài ba mươi phút bằng súng cối và ĐKZ đã tiến công tiểu đoàn cơ giới địch. Trời đêm đỏ rực vì pháo sáng liên tục và bom nổ, trực thăng lao vào tiếp tế đạn dược và đưa thương binh ra. Vào năm giờ sáng hôm sau trận đánh mới kết thúc. Đặc biệt, Trung đoàn 16 do tổ chức chiến đấu tốt, đã liên tiếp pháo kích, tập kích cụm quân địch ở Bầu Cỏ (10/3), Trảng Bầu, Trảng A Lầu (11/3), ở Tà Xia, Bến Ra... phá hủy, phá hỏng 72 xe tăng, xe bọc thép.

Những trận tiến công trên của sư đoàn 9 cùng với các trận đáng có hiệu quả trong cùng thời gian của lực lượng du kích cơ quan binh vận Trung ương Cục ở Suối Mây, du kích công binh “huyện” Sóc Kỳ, du kích xưởng thông tin S3 “huyện” Tà Đạt... đã góp phần làm cho tinh thần chiến đấu của quân Mỹ càng thêm sa sút.

Ngày 13/3/1967, Mỹ cho máy bay lên thẳng bốc quân rút khỏi Kà Tum, Bô Túc và một số cụm ở tây bắc tỉnh Tây Ninh, địch chỉ còn chốt lại ở Đồng Pan, Bầu Cỏ trên trục đường 4, kết thúc đợt một cuộc hành quân. Ngày 15 tháng 3, lữ đoàn 173 và trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 chấm dứt hoạt động, coi như đã kết thúc cuộc hành quân nghi binh đánh lạc hướng phán đoán của ta. Thực tế là Mỹ đang ráo riết chuẩn bị cho giai đoạn hai của cuộc phản công.

Cùng thời gian, Trung đoàn 3 từ quốc lộ 18 báo cáo về sư đoàn: Có nhiều dấu hiệu địch tăng quân ngược lên phía Hớn Quản. Đồng thời Bộ chỉ huy Miền cũng điện gấp xuống sư đoàn: Địch đã thua đau nhưng chưa từ bỏ tham vọng, chúng tiếp tục cuộc hành quân nhưng lật cánh sang hướng đông, và giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang nói chung, Sư đoàn 9 nói riêng cần phải làm để đối phó thắng lợi âm mưu mới của địch.

Công việc chuẩn bị thật vội vã, mà thời gian chỉ có năm ngày! Không đợi đến lúc cấp trên nhắc nhở, uồn nấn, chúng tôi tự thấy phải làm gì. Trong đợt một, Sư đoàn 9 tuy có mở được một số trận tiến công nhưng do chưa quán triệt quyết tâm và phương châm chỉ đạo tác chiến của Miền, đã bỏ lỡ nhiều cơ hội, chưa thực hiện được trận đánh thối động nào. Đây là vấn đề mấu chốt, nổi cộm cần phải giải quyết trong giai đoạn chuẩn bị trước khi bước vào chiến đấu chống lại bước hai cuộc phản công của địch.

Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh sư đoàn hội ý trao đổi để rút kinh nghiệm việc đã qua, bàn công việc cần làm ngay. Một thách thức, nhưng phải đặt ra tức khắc là đánh hay không đánh. Nếu còn lưỡng lự trong nhận thức tư tưởng thì không thể bàn các vấn đề khác. Một lần nữa tôi càng hiểu câu nói sâu sắc của anh Thanh: “Đám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách đánh Mỹ.” Nó như một nguyên lý của công tác chính trị tư tưởng lúc này.

Với tinh thần thực sự cầu thị, không vòng vo lý sự, không né tránh, từ nhận thức ấy chúng tôi tìm được nguyên nhân dẫn đến khuyết điểm chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ trên giao trong đợt một của chiến dịch là do tư tưởng ngại hòa lực phi pháo, xe tăng địch, muốn phân tán đánh nhỏ như hoạt động của các lực lượng du kích cơ quan. Từ đó sư đoàn nêu ra yêu cầu lãnh đạo tư tưởng lúc này cần phải thể hiện tính chiến đấu cao. Nói cho hết những khí phách anh hùng, những thành tích có giá trong đợt chiến đấu vừa qua. Đồng thời phê phán có lý có tình những biểu hiện bi quan đánh giá địch quá cao, không thấy hết mặt mạnh của ta, củng cố và xây dựng tư tưởng đánh lớn là chức năng của các đơn vị bộ đội chủ lực. Từ đó các đơn vị tiến hành sinh hoạt chính trị nhẹ nhàng mà nghiêm túc, nhằm thống nhất nhận thức tư tưởng “dám đánh”, động viên cổ vũ mọi người phát huy truyền thống đoàn kết, dũng cảm, mưu trí, vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Rõ ràng tư tưởng dẫn đầu nếu được hiểu đúng, có biện pháp lãnh đạo đồng bộ, phù hợp với thực tế, đâu phải là duy ý chí, mà trái lại, nó là một nguyên nhân tạo nên các kết quả khác.

Nắm chắc quả đấm chủ lực, đánh cho được một hai trận lớn, diệt tiểu đoàn, chiến đoàn địch, đó là phương hướng lãnh đạo tư tưởng của sư đoàn, đồng thời cũng là mệnh lệnh chiến đấu đối với toàn sư đoàn. Trong đợt hai này lãnh đạo Miền vẫn kiên trì chủ trương đánh địch bằng thế trận chiến tranh nhân dân, bằng sức mạnh tổng hợp của ba thứ quân, mà quả đấm chủ lực vẫn là Sư đoàn 9. Không tăng thêm và không thể tăng thêm, vì đưa nhiều lực lượng chủ lực vào chiến dịch lúc này là không có, vì Sư đoàn 5 vẫn cần thiết đứng chân ở hướng Bà Rịa đánh địch ở vòng ngoài. Nếu có cũng không cần thiết phải đưa vào, như vậy sẽ gây ùn, dễ bị địch sát thương.

Để tạo điều kiện cho Sư đoàn 9 có cơ hội đánh tập trung, lãnh đạo Miền có kế hoạch tăng thêm trang bị vũ khí cho du kích cơ quan và bộ đội địa phương “huyện”, tổ chức thêm nhiều đội săn cơ giới, triển khai thêm nhiều bãi mìn ở các trảng, các đường. tiếp tục tiêu hao tiêu diệt nhỏ, đặc biệt tăng cường diệt xe tăng, máy bay lên thẳng vừa giữ gìn căn cứ vừa chặn giao thông địch.

Một số cán bộ cơ sở từ phân vân lúc đầu, nay khi nhận ra vấn đề lại thấy tự tin, tự hào, mặc dầu phía trước còn gặp không ít thử thách. Số anh em này tự nhận biết, tự thông suốt, tất cả như các nhà tham mưu cỡ nhỏ mà biết tính toán cỡ chiến dịch, đều thấy bối cảnh lúc này địch dồn ưu thế binh hỏa lực sang hướng đông trên diện tích hẹp(4), nếu ta đưa thêm lực lượng đội hình dễ bị ùn, mật độ bố trí dày, dẫn đến thương vong cao.

(4) Đợt một địch đánh vào toàn bộ khu căn cứ có diện tích 1.500km<sup>2</sup>, đợt hai địch đánh sang khu đông căn cứ có diện tích 600km<sup>2</sup>.

Tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng tạo và đầy bản lĩnh của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, Sư đoàn 9 đón nhận quả đấm chủ lực trong một tương quan không cân sức với tinh thần tự tin và nghiêm túc. Nhưng đánh lớn là thế nào, và đâu là then chốt có sức thối động trong khi do yêu cầu dàn thế,



lực lượng bố trí lại phân tán hơn trong đợt một. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của lãnh đạo Miền, sư đoàn điều Trung đoàn 1 từ tây đường 22 ngược lên phía bắc, đứng chân ở bắc Bồ Túc làm lực lượng dự bị, sẵn sàng đón thời cơ, đánh địch tập trung diệt các cụm hành quân của địch trên lộ Đá Đỏ ở khu vực Bồ Túc, Sóc Con Trăn hoặc Trăn Ba Vũng; Trung đoàn 3 tiếp tục bám quốc lộ 18 đánh địch vòng ngoài. Lực lượng đánh lớn chỉ còn Trung đoàn 2 và Trung đoàn 16, trong khi về nguyên tắc đòi hỏi phải có ưu thế binh lực, đánh đội hình sư đoàn hoặc sư đoàn tăng cường.

**Chương 14: Phần 2**

Trên đây là những vấn đề đặt ra cho chúng tôi phải giải quyết trong cuộc hội ý bàn biện pháp thực hiện. Đã qua một đợt chiến đấu đầy ác liệt, căng thẳng, sự mệt mỏi hiện rõ trên khuôn mặt hốc hác của mọi người. Luồng suy nghĩ có khác nhau, nhưng khi trao đổi đều hội tụ ở bàn vào: quyết đánh; có đồng chí còn cao giọng: quyết rửa hận! Khẩu khí không được chinh lắm nhưng không ai tham gia, góp ý, cứ thả sức cho tinh thần hăng say được thể hiện. Cuối cùng sư đoàn quyết định: lấy trục tỉnh lộ 4 là nơi tổ chức trận đánh tiêu diệt lớn, vì tiến hay rút bộ binh địch nhất thiết phải dựa vào trục đường này để thực hành thọc sâu, chia cắt, tìm diệt đối phương. Lấy Đồng Pan, Đồng Rùm, Chà Dơ là nơi tổ chức các trận đánh then chốt, vì nơi đây đều là các trảng địch sẽ chọn làm điểm tạm dừng hoặc đóng chốt. Trung đoàn 2 và Trung đoàn 16 đảm nhận nhiệm vụ phản công trên tỉnh lộ 4, cụ thể: Trung đoàn 2 đứng chân ở Chà Dơ, Trung đoàn 16 lùi về Suối Dây, ngã ba Sóc Xoài tạo thế đánh trận phủ đầu, đón thời cơ đánh trận then chốt, tiêu diệt lớn sinh lực địch. Sự điều chỉnh thế bố trí chỉ là xê dịch, không có khó khăn gì đáng kể, vì cả hai trung đoàn đều có mặt ở khu vực này cho đến lúc địch kết thúc đợt một cuộc hành quân. Đây là thế đứng thích hợp, có thể sẵn sàng đánh địch ở Đồng Pan, Đồng Rùm, Bàu Cò. Khi giao nhiệm vụ, sư đoàn nhấn mạnh, các trung đoàn vẫn phải giấu quân ở địa điểm thích hợp, không được gần đường quá, dễ bị địch phát hiện sát thương trước khi hai bên trực tiếp đụng độ. Cần tổ chức khảo sát các điểm chờ sẵn, để thiết bị chiến trường, có phương án trên thực địa trước, làm kỹ, nhưng khẩu trương, tuyệt đối giữ bí mật. Sẵn sàng có hai phương án: Phục kích nếu địch hành quân và tấp kích nếu địch tạm dừng đóng cụm dã ngoại.

Ngày 18/3/1967 địch triển khai đợt hai cuộc hành quân với lực lượng tám lữ đoàn bộ binh, bốn tiểu đoàn thiết giáp, một tiểu đoàn quân đội ngự Sài Gòn trên một khu vực chủ yếu từ đông tỉnh lộ 4 đến tây sông Sài Gòn, từ biên giới đến bắc đường 13. Trọng điểm là vùng Đồng Rùm - Đồng Kền, Bàu Châm - Bàu Cột, Sóc Con Trắng - Suối Ngô.

Ý đồ của tướng Oét-mo-len trong đợt hai là triển khai kế hoạch bao vây khu vực đông bắc căn cứ khu B bằng hai cánh quân từ Hớn Quản đánh sang phối hợp với lực lượng cơ giới từ phía nam phát triển lên, hình thành thế bao vây, kết hợp với máy bay lên thẳng đổ quân chốt chặn và cơ giới đột phá cắt vó cơ quan lãnh đạo, chỉ huy Miền, các lực lượng và cơ sở của quân Giải phóng. Để giữ yếu tố bất ngờ, địch không cho chuẩn bị hỏa lực trước, mà chỉ dựa vào máy bay trinh sát dẫn đường, dùng bộ binh cơ giới thọc sâu tiến chắc từng bước.

Lực lượng bộ binh cơ giới do sư đoàn 25 từ hai hướng tây - nam theo lộ 4, lộ Kiềm, lộ Trắng đánh lên, từ hướng đông sư đoàn 1 theo lộ Đá Đỏ đánh sang hướng tây, kết hợp với lực lượng đổ bộ đường không hình thành thế bao vây căn cứ đông bắc khu B. Rút kinh nghiệm đợt một, quân Mỹ tập trung thành cụm lớn có cả bộ binh, xe tăng, pháo binh từ đó đánh tỏa ra xung quanh; vừa thăm dò vừa phá, vừa thọc sâu vào căn cứ của ta, vừa chú trọng giữ vị trí bàn đạp nhưng dè dặt, thận trọng.

Ngoài ra địch tìm mọi cách nghi binh, đánh lạc hướng cùng với việc hối hả chuẩn bị, chỉ trong năm ngày sau khi kết thúc đợt một, địch đã triển khai cuộc hành quân hai với nhiều thủ đoạn xảo quyệt, lại rút kinh nghiệm thất bại đợt một, tướng Oét-mo-len tin trước là sẽ “tìm diệt” được đối phương.

Những phán đoán của Bộ chỉ huy Miền, những bố trí lực lượng và dự kiến các trận đánh của Sư đoàn 9 gần như trùng hợp với những gì xảy ra ngay những giờ đầu, ngày đầu cuộc hành quân của Mỹ đánh vào chiến khu C từ hướng đông. Chúng ta đúng vì chúng ta biết mình biết người, có bề dày thực tiễn chiến đấu ngay trên đất nước mình, lại nắm vững quy luật chiến tranh, nghệ thuật quân sự cũng được tổng kết rút ra từ chính cuộc chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc diễn ra trong nhiều thập kỷ. Còn tướng tá

Mỹ không phải nghèo về trình độ học vấn, về nghiệp vụ tham mưu, mà điều cơ bản, hình như đội quân xâm lược nào cũng không tránh khỏi, đó là đầu óc chứa đầy những suy tính chủ quan ngạo mạn, chỉ biết mình mà không biết người.

Ngay từ lúc địch mới ra quân, chỉ huy sư đoàn chúng tôi theo dõi chặt chẽ diễn biến để kịp thời xử lý, nhất là trên hướng dự kiến có đánh lớn, không thể lặp lại khuyết điểm chuẩn bị triển khai chiến đấu chậm như trận Đồng Pan. Trước ngày 18 tháng 3, địch tung các đại đội biệt kích thám báo hoạt động thăm dò theo tỉnh lộ 13, phía đông sông Tha La và khu vực Đồng Rùm.

Đến ngày 18, ở khu vực phía bắc, địch ra quân ồ ạt, nhưng riêng Đồng Rùm vẫn tương đối yên tĩnh, chỉ có phi pháo địch thi nhau oanh tạc bắn phá mang tính chất dọn bãi, dấu hiệu địch sắp đổ quân.

Tôi điện gấp xuống hai trung đoàn nhắc nhở: có khả năng ngày mai 19 tháng 3 địch đổ quân xuống Đồng Rùm, các đơn vị phải sẵn sàng, tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến hai tư trên hai tư giờ nhưng vẫn tuyệt đối giữ bí mật và động viên: Gắng lên, đừng để hổ phá cũi nhé!

Cả đêm 18 rạng ngày 19, ở sở chỉ huy tiền phương sư đoàn, chúng tôi thật sự hồi hộp, chờ đợi đến sáng óc về những khả năng và diễn biến khi trời sáng?

Ngày 19 tháng 3, sau khi nhận điện thông báo của Bộ chỉ huy Miền, cả khu vực Đồng Rùm vang lên vì bom đạn Mỹ trút xuống, từng đụn khói bốc cao, tỏa rộng như một đám mây màu chì che phủ cả một vùng trời. Rồi từng tốp máy bay lên thẳng ập đến thi nhau đổ quân. Mọi việc diễn ra khẩn trương, bài bản, ăn khớp. 17 giờ cùng ngày trận địa pháo địch bắt đầu hoạt động; 20 giờ bộ binh địch căng bạt, đào công sự, rào kẽm gai, gài mìn.

Tự tin được củng cố, phần khởi được nhân lên. Tin từ Trung đoàn 3 báo về: cùng ngày trung đoàn đã tập kích cụm cơ giới lữ đoàn 1 sư đoàn 9 Mỹ ở Bầu Bàng, phá 92 xe (có 65 xe tăng), 9 khẩu pháo. Niềm vui đến nhanh, không có điều kiện để ngấm sâu vì trước mắt chúng tôi là sự kiện Đồng Rùm.

Chúng tôi nhận định, đây là thời cơ để sư đoàn hoàn thành nhiệm vụ. Thực ra Đồng Rùm không phải là địa danh xa lạ đối với sư đoàn 9, mà trái lại. Trong giai đoạn chuẩn bị theo kế hoạch chung của Miền, chúng tôi đã tổ chức đi khảo sát cơ bản trên thực địa, biết nơi đây là một trảng lớn(5), giữ một vị trí quan trọng từ phía nam đánh vào căn cứ. Tin từ quân báo cấp trên và từ Hà Nội thông báo vào, lực lượng địch đổ xuống Đồng Rùm gồm lữ đoàn 3, sư đoàn bộ binh số 4, một tiểu đoàn thuộc lữ đoàn không vận 173, một tiểu đoàn pháo hỗn hợp 105 và 156,7 ly, một tiểu đoàn xe tăng, xe bọc thép, lực lượng khoảng 3.000 tên. Sau khi đổ quân cùng lô cốt đúc sẵn thả xuống, địch hồi hã tổ chức thành hai tuyến phòng thủ phía bắc trảng và phía nam trảng, giữa là sở chỉ huy, trận địa pháo và khu thông tin. Trước giờ nổ súng, sư đoàn còn tổ chức đợt trinh sát cuối cùng, trong và sau chiến đấu được biết thêm: Khu vực địch đóng thành cụm nằm gọn giữa trảng theo hình bầu dục dài bảy trăm mét theo chiều bắc nam, rộng hơn bốn trăm mét theo chiều đông tây; hình thành hai khu: khu bắc có bộ binh, tăng, thiết giáp xen kẽ; khu nam chia thành hai tuyến gồm sở chỉ huy nhẹ lữ đoàn 3 thuộc sư đoàn 4, khu thông tin và trận địa pháo có bộ binh cơ giới bố trí vòng ngoài. Gần sở chỉ huy có lực lượng bộ binh cơ giới làm nhiệm vụ dự bị. Cách tuyến một từ mười lăm đến hai mươi mét, chúng thả kẽm gai bùng nhùng, đoạn có đoạn không. Xung quanh đều có mìn chiếu sáng, lựu đạn gài và mìn định hướng.

(5) Trảng Đồng Rùm dài một nghìn hai trăm mét, rộng năm trăm mét, xung quanh là những vạt rừng le và rừng dầu thưa xen kẽ, có nhiều trảng nhỏ bao quanh như: Trảng Dài, Tri Giếc, Sóc Xoài, Chà Dơ. Phía tây trảng là suối Dây và sông Tha La, phía nam là đường liên tỉnh 13, phía đông là lộ kiểm Chà Dơ - Bồ Túc, phía bắc có lộ kiểm từ trảng Sóc Xoài đến bờ sông Tha La. Tuy bị chất độc hóa học làm rụng lá cây, nhưng rừng còn trú ẩn được quân, bìa trảng vào sâu năm trăm mét có nhiều hầm hào, căn cứ trú quân tốt.

Từ thực tế trên cho thấy phạm vi tiến công rộng, lực lượng địch đông, hệ thống bố phòng tuy đã chiến nhưng đã hình thành lớp lang phòng thủ, hỏa lực ken dày. Tình hình địch luôn biến động, thủ đoạn địch luôn thay đổi. Trong khu vực giữa trắng rất khó nắm (có những điều ta chỉ biết được trong và sau trận đánh), nên khó tránh khỏi lúng túng trong xử lý khi bước vào chiến đấu.

Một khó khăn nữa, cũng phải tính đến. Mặc dầu sư đoàn đã bố trí thế đánh mục tiêu chọn sẵn, đã đưa lực lượng vào trước ếm sẵn, song không thể tiến công khi địch chưa kịp đổ quân hoặc chúng vừa chạm đất, mà phải bố trí từ xa, thực hành vận động tập kích. Vì trước khi đổ quân, địch tung thám báo thăm dò; dùng các phương tiện trinh sát hiện đại phát hiện đối phương; dùng phi pháo bắn phá, thả bom trái thăm dò bãi, sát thương đối phương, sau đó mới đổ quân. Đây là một đặc điểm khác với đánh quân Pháp đóng quân đã ngoại hồi kháng chiến chín năm. Ở đây, trong trận Đồng Rùm, khi Mỹ đổ quân, Trung đoàn 2 đang ở Chà Dơ, cách Đồng Rùm năm ki-lô-mét về phía đông nam, Trung đoàn 16 đứng cách Đồng Rùm bảy ki-lô-mét về phía bắc, một khoảng cách hoàn toàn bất lợi cho bên tiến công, song không còn cách nào khác vẫn phải chấp nhận vì những lý do như đã kể trên.

Do yêu cầu phối hợp tác chiến đồng bộ của chiến dịch, nếu kế hoạch triển khai chiến đấu chậm, sẽ lại như trận đánh Đồng Pan! Hơn thế nữa, ở đây vào thời điểm này còn lặp lại sai lầm như thế, thì tình hình càng trở nên phức tạp. Địch có điều kiện củng cố khu vực chiếm đóng vững chắc, biến nơi đây thành căn cứ trung tâm hành quân dã chiến, đánh tóa ra các khu vực tây đường 4, đồng lộ Trắng, phối hợp với cánh quân phía bắc từ Hớn Quản đánh qua, tiến vào trung tâm căn cứ khu B.

Vì vậy ngày 19 tháng 3, khi địch chưa chấm dứt đợt đổ quân, tôi và các anh Nguyễn Văn Quảng, phó chính ủy sư đoàn, Bùi Thanh Vân, phó tham mưu trưởng có mặt tại sở chỉ huy tiền phương sư đoàn đã có dự chiến về kế hoạch tác chiến. Đến sáng 20 tháng 3, khi mặt trời vừa rạng, một cuộc hội ý Thường vụ Đảng ủy sư đoàn diễn ra nhanh gọn, có một quyết tâm chiến đấu chính thức: Dùng lực lượng sư đoàn thiếu tập kích cụm quân Mỹ ở Đồng Rùm trong đêm 20 rạng sáng 21 tháng 3.

Trung đoàn 2 đột phá hướng chủ yếu từ phía nam lên; Trung đoàn 16 đột phá hướng thứ yếu từ bắc xuống; tổ chức một tiểu đoàn phục kích chặn không cho địch từ Đồng Rùm tháo chạy ra bên Tha La qua Bầu Cỏ để lực lượng lớn vận động đến tiêu diệt.

Riêng hướng chủ yếu chúng tôi có trao đi đổi lại, cuối cùng mới thống nhất chọn phía nam vì ở đây có sở chỉ huy, khu thông tin nhưng địch chủ quan, bố phòng ít cẩn mật vì chúng coi như hậu phương phía sau của toàn cụm, trong khi ở phía bắc địch tăng cường đề phòng, hình thành phòng ngự ba tuyến.

Sau cuộc hội ý, tôi lệnh cho các đơn vị khẩn trương chuẩn bị, triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được giao. Đồng thời cơ quan chỉ huy tiền phương của sư đoàn từ Suối Dây rời về nam Đồng Rùm, cạnh Trung đoàn 2, tiện theo dõi, chỉ huy xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trên hướng chủ yếu.

10 giờ, trinh sát Trung đoàn 2 báo cáo: Địch vẫn ở khu Đồng Rùm.

Thế là chắc ăn rồi! Tôi tự nhủ mình như vậy và nhẹ nhõm thở phào, như trút được gánh nặng của lo âu. Vì đã có nhiều bài học ở Bầu Bàng, Dầu Tiếng, kẻ địch xảo quyệt, luôn luôn di chuyển đội hình, làm động tác giả để lừa ta.

Mọi việc đã dự định từ trước, vậy mà khi vào cuộc vẫn cứ bộn bề, tất cả đều thiếu thời gian. Mới chỉ là vận động đến vị trí xuất phát tiến công mà như đi vào trận chiến đấu thật, một cuộc chiến đấu đơn phương sôi động mà âm thầm đối phó với những hành động dự phòng của đội quân con nhà giàu - đánh trận kiểu nhiều tiền, nhiều súng đạn hiện đại. Đến giờ phút này mọi việc hình thành trận địa phòng thủ của địch coi như tạm ổn, thì cũng là thời gian hoạt động của các loại hỏa lực dự phòng. Các trận địa pháo cối của địch bắn liên tục, không tiếc đạn, cùng lúc trên bầu trời là các loại máy bay thay nhau quần đảo bom

trút xuống, thả đèn dù chiếu sáng cả khu vực rộng lớn nhằm sát thương, phá mọi ý định tiến công của ta từ xa. Đây là một nguyên tắc chiến thuật chung nhất, bất cứ bên phòng ngự nào cũng phải làm. Khác chẳng với quân đội Mỹ được trang bị đến tận răng đủ loại vũ khí, phương tiện chiến tranh tối tân, hiện đại, thì cái nguyên tắc dự phòng từ xa lại được thả sức, thực hiện một cách triệt để, ác liệt. Đó là lý do, là nguyên nhân làm cho công việc của chúng tôi càng thêm chông chênh, dồn thời gian vào cuộc chuyển quân, dồn tâm trí vào xử lý tình huống bất trắc trên đường vận động tiếp cận mục tiêu. Trung đoàn 16 do Võ Văn Dần làm trung đoàn trưởng trên đường vận động từ vị trí tập kết vào vị trí xuất phát tiến công, dài bảy ki-lô-mét phải mất ba giờ, là tốc độ con rùa. Nhưng không có cách nào khác nhanh hơn, vì bị cối 120 ly, 106, 7 ly địch bắn xối xả, liên tục, không còn thì giờ họp thường vụ Đảng ủy trung đoàn để xác định quyết tâm lần cuối, sau khi đi trinh sát thực địa trở về.

Sau này khi chiến tranh kết thúc, trở lại rút kinh nghiệm trận đánh, Võ Văn Dần (Sau này là thiếu tướng, tư lệnh trưởng Quân đoàn 4, đã nghỉ hưu) đã kể lại tâm trạng của mình trong tình huống thật khó xử. Anh tâm sự:

- Lúc đó rối như tơ vò! Tình hình địch còn lơ mơ, bộ đội đang hành quân vào vị trí chiến đấu với quyết tâm trường hợp nào cũng đánh, không có bước chuẩn bị, không họp được thường vụ. Biết là sai nguyên tắc, mà họp thì mất thời cơ. Tôi nghĩ, họp thì không đánh, mà đánh thì không họp. Tôi quyết định lựa chọn cách hai - đánh đã, khuyết điểm phải chịu! Cách chức cũng đành, biết làm sao? Vấn đề lúc này là đánh Mỹ và phải thắng chúng, đánh bại cuộc hành quân Gian-xơ Xi-ty. Tôi tự nhủ, chỉ huy phải dũng cảm sống chết cùng chiến sĩ. Nhưng dũng cảm của người chỉ huy còn thể hiện ở tính quyết đoán, dám chịu trách nhiệm trong những tình huống gay cấp. Nhưng trinh sát nắm địch thì vội mấy cũng phải thực hiện. Thế là tôi và một số cán bộ bứt khỏi đội hình trung đoàn, vượt lên trước để nắm địch, đơn vị đi sau sẽ gặp ở điểm hẹn có quy ước tín hiệu để vào vị trí chiến đấu.

Nhưng thật là kỳ diệu, mọi việc đều diễn ra suôn sẻ. Thường vụ Đảng ủy vẫn họp trước giờ nổ súng, không mất thời gian mà nhất trí nhanh.

- Tại sao? - Có cử tọa hỏi.

Nét mặt tự tin, Võ Văn Dần chậm rãi trả lời ngay, nhưng không khẳng định:

- Mọi việc đã diễn ra rồi. Sự đúng đắn của nó là đơn vị đã đến được vị trí xuất phát tiến công trước giờ G quy định.

Bỗng Võ Văn Dần quay mặt về phía tôi, hỏi:

- Tại sao anh Năm ra lệnh đánh Đồng Rùm trong khi Trung đoàn 16 chưa được chuẩn bị.

Tôi trả lời:

- Chuẩn bị là một nguyên tắc của công tác tổ chức chiến đấu. Nhưng không phải bao giờ cũng có đầy đủ thời gian, điều này phụ thuộc vào các yếu tố khách quan. Ở điều kiện cụ thể của Đồng Rùm, nếu chờ có thời gian chuẩn bị thì không thể có trận Đồng Rùm lịch sử. Là cán bộ chỉ huy, trong chiến đấu luôn luôn phải đặt ra, luôn luôn phải suy nghĩ về các tình huống khó khăn để thích ứng, đánh địch trong mọi điều kiện, trong đó có cả tình huống rất ít thời gian chuẩn bị.

Xin được trở lại chuyện kể.

Bốn giờ 15 phút ngày 21 tháng 3, thời gian đang chuyển về ban ngày, sao mà hồi hộp đến thế! Chỉ còn mười phút nữa là đến giờ G mà Trung đoàn 2 vẫn đang còn chiếm lĩnh trận địa, Trung đoàn 16 chưa bước qua trinh sát thực địa, vẫn còn cách vị trí xuất phát tiến công hai ki-lô-mét.

Thấy không còn cách nào khác, tôi lệnh kéo dài giờ nổ súng thêm bốn mươi phút, tức 5 giờ 40 phút. Như vậy trận đánh chuyển sang ngày với bao vấn đề phức tạp phải đương đầu, pháo binh, không quân và cả viện binh đổ xuống bằng máy bay lên thẳng.

Giờ G đã đến! Cả sở chỉ huy tiền phương sư đoàn nhộ nhíp và tắt bật hẳn lên. Chuông điện thoại và cả máy bộ đàm (lúc này mới được lệnh) làm việc liên tục.

Súng nổ dữ dội ở trong trắng. Trung đoàn 2 báo cáo là đã đột phá xong tiền duyên đang phát triển vào trung tâm thuận lợi. Nhưng tôi lại lo, vì chưa nhận được tin từ phía bắc, nơi Trung đoàn 16 đang phải đương đầu với vỏ phòng thủ cứng của địch! Song tôi lại tự nhủ, Trung đoàn 16 phần lớn là cán bộ, chiến sĩ là con em của nhân dân Khu 4, một trong những cái nôi của cách mạng Việt Nam. Trung đoàn được huấn luyện quân sự có bài bản chính quy, được giáo dục tốt về chính trị, đã qua chiến đấu ở Tây Nguyên trước khi được bổ sung vào Đông Nam Bộ, lập thành tích cụ thể trong đợt một cuộc phản công của địch. Với bề dày chiến đấu ấy tôi tin rằng trung đoàn có đủ bản lĩnh, đủ trình độ xử lý các tình huống chiến đấu gay go, phức tạp; việc mất liên lạc với sư đoàn và sư đoàn với trung đoàn kéo dài gần như suốt cả quá trình xảy ra trận đánh là do khó khăn cụ thể, chứ không thể có lý do về phía bản thân trung đoàn.

Mãi sau khi chiến dịch kết thúc chúng tôi mới thấy rõ nguyên nhân. Sau giờ G ít phút, Trung đoàn 16 đang vào vị trí chiếm lĩnh. Nghe thấy tiếng súng nổ từ hướng nam vọng lại, lập tức chỉ huy trung đoàn cho đơn vị vận động hướng về phía có tiếng súng, cùng Trung đoàn 2 tiến công theo kế hoạch hiệp đồng, tạo thuận lợi cho trung đoàn bạn phát triển vào sâu đánh chiếm sở chỉ huy, gần hết cụm quân Mỹ ở phía nam trắng. Mãi 6 giờ, trời sáng rõ, Trung đoàn 16 mới chiếm xong tuyến một, đang phát triển sang tuyến hai thì gặp địch phản kích. Máy bay trinh sát L.19 bay thấp chính cho pháo địch từ Lộc Ninh, Bàu Cỏ bắn vào đội hình, nhiều tốp máy bay phân lực, máy bay lên thẳng vũ trang rà thấp các vạt rừng quanh trắng, ném bom ngăn quân ta phát triển. Cùng lúc cụm địch ở phía tây kết hợp với bọn còn lại ở cụm phía bắc chống trả ta quyết liệt. Cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 16 chiến đấu như là đã học(6), thắng to, anh em phần khởi tự tin khi tận mắt chứng kiến cảnh Mỹ tháo chạy.

(6) Đánh như là học. Đó là lời khen của đồng chí chỉ huy đơn vị bạn đi qua sau khi kết thúc trận đánh. Như trên đã nói. Trung đoàn 16 nguyên là trung đoàn 101 sư đoàn 325 thuộc Quân khu 4, đã qua chương trình huấn luyện chính quy trước khi vào Nam chiến đấu.

Nhưng có một số cán bộ đơn vị bạn đi ngang qua hỏi:

- Đánh trận này để làm gì, sao thiệt hại nhiều thế?

- Khi cần thiết dù phải hy sinh lớn cũng sẵn sàng chấp nhận. - Một đồng chí cán bộ của Trung đoàn 16 trả lời.

Là người chịu trách nhiệm chính trong trận đánh, sau khi nghe những người trong cuộc tường thuật lại mẩu đối thoại trên, tôi thấy cả hai câu hỏi và trả lời đều có lý. Đứng trước sự thiệt hại lớn, có đơn vị quá lớn(7) thì sự đau thương, ân hận và cả sự tra xét là một phản ứng tất nhiên của tình cảm chúng ta. Nó nhắc nhở chúng ta, những cán bộ chỉ huy mỗi khi suy nghĩ hạ quyết tâm chiến đấu, cần phải cân nhắc, phải tính toán; trận đánh phải thắng, thắng to nhưng lại ít tổn thất. Đó là một yêu cầu có tính nguyên tắc, cũng là thể hiện tinh thần trách nhiệm, lòng yêu thương, quý trọng của người cán bộ chỉ huy đối với đồng đội đồng chí.

(7) Đại đội 1 tiểu đoàn 4 Trung đoàn 2 chỉ còn 9 cán bộ, chiến sĩ.

Nhưng sự mệnh chiến đấu vì độc lập, tự do, vì thống nhất Tổ quốc là cao cả. Nếu cần thiết thì phải vui vẻ, sẵn sàng nhận lệnh xả thân, “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” như Bác Hồ dạy.

Sự quyết tử của chúng ta cho trận thắng Đồng Rùm là đúng.

Vì đây là trận phủ đầu bẻ gãy cánh quân ở phía nam trắng đánh lên trong đợt hai cuộc phản công đánh phá căn cứ ta, với mục đích “tìm diệt” cơ quan đầu não Miền, “tìm diệt” chủ lực Sư đoàn 9. Đây là trận đánh tiêu diệt lớn nhất của Sư đoàn 9, có sức thổi động lớn, góp phần chuyển biến có lợi cho ta trong những ngày sau đó. Trước hết là ý định địch dàn thế bao vây, chia cắt ta ở hướng đông đã trở nên rỗi, có chiều hướng buộc chúng phải phản kích bộ phận để bảo vệ vị trí đóng quân. Ngay tối 27 tháng 3, tôi mở đài BBC đưa tin nhận xét của hãng thông tấn Pháp AFP: “Mỹ đánh vào chiến khu C như người ta dẫm vào một quả bóng.”

Ngày 1 tháng 4 quân địch còn lại ở Đồng Rùm rút sau khi bị Trung đoàn 16 bồi thêm trận tập kích tiêu diệt một bộ phận của chúng ở bầu Tri Giếc. Vai trò của căn cứ đã chiến Đồng Rùm trong đợt hai cuộc hành quân đến đây coi như chấm dứt, Mặt trận bắt đầu chuyển về bắc, đông bắc. Dựa vào định hướng chỉ đạo chung của Bộ chỉ huy Miền, căn cứ vào sự thay đổi hình thái sau trận Đồng Rùm, chúng tôi, những người được phân công ở sở chỉ huy tiền phương sư đoàn trao đổi, thấy cần thiết phải đổi thế bố trí, đưa trung đoàn 16 từ phía nam (khu vực Đồng Rùm) lên phía bắc hợp cùng Trung đoàn 1 đã đứng chân ở đây vừa tạo ưu thế tương đối về lực lượng vừa tạo thời cơ và đón thời cơ, sẵn sàng đánh tập trung theo quy mô sư đoàn thiếu, tiêu diệt vừa và lớn quân địch. Trung đoàn 2 và Trung đoàn 3 vẫn bố trí phân tán, tác chiến theo đội hình trung đoàn sẵn sàng đánh địch rút lui.

Khi sở chỉ huy tiền phương sư đoàn cùng với Trung đoàn 16 hành quân ngược lên phía đông bắc tới khu vực Sóc Con Trăng, thì bắt gặp một tiểu đoàn Mỹ đóng chốt ở Sóc Trâu đang bị du kích cơ quan bao vây, kìm chế.

Nhận thấy đây là thời cơ thuận lợi, tôi quyết định dùng cả hai Trung đoàn 16 và Trung đoàn 2 tiến hành tập kích tiêu diệt. Nhưng chưa kịp triển khai thì địch dùng máy bay lên thẳng bốc tiểu đoàn này và đổ thêm hai tiểu đoàn nữa xuống trắng Ba Vũng (tây bắc cầu Suối Ngô).

Theo kế hoạch của sư đoàn, ngày 31 tháng 3, Trung đoàn 1 và tiểu đoàn 7 Trung đoàn 16 vận động tập kích cụm quân địch ở nam trắng, đánh thiệt hại nặng hai đại đội địch, đánh lui ba đợt phản kích của chúng; đồng thời pháo kích cụm quân địch ở Sóc Con Trăng. Đây là một trong những căn cứ chỉ viện hỏa lực lớn nhất của cuộc hành quân đã bị ta tiến công, càng có tác dụng thổi động đến tinh thần chiến đấu của quân Mỹ trên khu vực.

Cùng với các trận đánh phục kích, tập kích, tiêu hao, tiêu diệt nhỏ quân địch của các lực lượng du kích cơ quan, các trận đánh tập trung của Sư đoàn 9 vào các cụm quân Mỹ ở Bầu Bàng, Đồng Rùm, Trắng Ba Vũng là những đòn đánh mạnh vào tinh thần quân đội Mỹ. Chúng không còn đủ sức co cụm, buộc phải rút tiếp Đồng Kèn (6/4), Trắng Ba Vũng (10/4), Bầu Cật, làm nao núng các cánh quân địch khác trên toàn khu vực chiến dịch. Đến ngày 18 tháng 4 bộ phận cuối cùng của quân Mỹ rút khỏi Sóc Con Trăng, cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty coi như kết thúc trên thực tế. Nhưng phải hai ngày sau, 15 tháng 4, tướng Oét-mo-len mới chính thức tuyên bố chấm dứt cuộc hành quân này.

Thất bại cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty là một thực tế hiển nhiên, bắt đầu sự cáo chung của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, nói như những quan chức Mỹ - giai đoạn “Mỹ hóa cuộc chiến tranh” đã thất bại, từ đây bắt đầu một chiến lược khác được thực thi, “Việt Nam hóa chiến tranh”.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 15: Phần 1

Tháng 7 năm 1969 tôi được Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền cử ra Hà Nội báo cáo kết quả hoạt động quân sự trên chiến trường B2 trong hai năm 1967 - 1968, kết hợp vào Viện quân y 108 điều trị bệnh dạ dày đã giầy vò tôi trong nhiều năm.

Ra viện, tôi nhận quyết định ở lại làm phái viên của Quân ủy Trung ương.

Do được tích lũy kinh nghiệm chiến đấu qua tham gia chỉ huy các trận đánh Mỹ ở Bầu Bàng, Dầu Tiếng, Nhà Đỏ - Bông Trang, Cần Đâm, Cần Lê, trong chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Gian-xon Xi-ty của Mỹ vào chiến khu Dương Minh Châu, tôi được các anh lãnh đạo Bộ Quốc phòng giao tham gia cùng với Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu xây dựng kế hoạch tiến công quân sự đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ vào Đường 9 - Nam Lào; tham gia xây dựng nội dung tập huấn cán bộ phục vụ yêu cầu chiến đấu mới; cùng anh Vương Thừa Vũ, phó Tổng tham mưu trưởng lên Xuân Mai, Sơn Tây tổ chức diễn tập thực binh sư đoàn chiến đấu tiến công hiệp đồng binh chủng diệt cụm quân Mỹ, chiến đoàn nguy. Lúc này Bộ cũng đã thành lập quân đoàn(1) để đón thời cơ, nhưng sau đó vì nhiều lý do đã giải thể.

(1) Cuối năm 1970 Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh quyết định thành lập binh đoàn 70 gồm các sư đoàn 304, 388. 320; trung đoàn pháo 43, trung đoàn cao xạ 241 làm nhiệm vụ cơ động chiến lược, chiến dịch do Đại tá Cao Văn Khánh - tư lệnh, đại tá Hoàng Phương - chính ủy.

Thời gian và công việc đã thật sự lôi cuốn tạo thành sự hứng khởi trong tôi. Phần vì được dịp trình bày với các anh lãnh đạo cấp trên, với các cơ quan chức năng của Bộ những suy nghĩ, những tâm đắc của bản thân rút ra từ thực tế đánh Mỹ qua hai mùa khô ở Đông Nam Bộ; phần có điều kiện trao đổi, học hỏi những vấn đề mới về đường lối quân sự, nghệ thuật chiến dịch, tư duy quân sự trong tôi được nâng lên rõ rệt.

Thời gian làm nhiệm vụ phái viên của Quân ủy, tôi được tiếp nhận nhiều nguồn thông tin chi đạo chiến tranh, tổ chức thực tiễn của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương có tầm nhìn đi trước thời gian, bao quát không gian rộng. Sau thắng lợi ở mặt trận Đường 9 - Nam Lào, sự chuyển biến cục diện chiến lược có lợi cho ta, các anh trong Bộ Chính trị đã hình thành chủ trương về một đợt hoạt động quân sự tiếp theo trong năm 1971 và cho cả năm 1972. Và ở cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, bộ phận giúp việc Quân ủy bắt đầu chuyển động, chuẩn bị dữ kiện để đề xuất, vạch kế hoạch, biện pháp phải làm khi cấp trên đòi hỏi, khi Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương có nghị quyết chính thức.

Tuy mới chỉ là dự kiến, tất cả đang còn khuôn trong phạm vi hẹp, nhưng các cơ quan giúp việc Tổng tư lệnh, Quân ủy Trung ương (Bộ Tổng Tham mưu - Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần) đã triển khai thực sự với nhịp điệu khẩn trương, trên tinh thần nghiêm túc.

Từ khả năng đã trở thành hiện thực. Tháng 5 năm 1971 Bộ chính trị họp chính thức ra nghị quyết, tiếp đó Quân ủy Trung ương ban hành nghị quyết tổ chức thực hiện cụ thể.

Kết thúc hội nghị Quân ủy Trung ương, anh Lê Duẩn nêu ý kiến:

- Bộ chính trị, Quân ủy Trung ương đã có nghị quyết, cần người vào B2 trực tiếp truyền đạt, vì thời gian đang rất khẩn trương, công việc lại nhiều.

Các anh trong Thường trực Quân ủy suy tính. Anh Lê Trọng Tấn huyết áp đang thời kỳ dao động. Rồi



tôi được gọi lên. Trước hết các anh thăm hỏi sức khỏe, tình hình gia đình. Tôi báo cáo:

- Dạ dày đã cắt được sáu tháng, ổn định, sức khỏe tốt.

Anh Văn ngắm nhìn thần sắc như muốn thăm định về bệnh tình ổn định, sức khỏe tốt mà tôi vừa báo cáo, rồi thân mật:

- Hoàng Cầm có thể trở lại chiến trường được không?

- Dạ được. - Tôi trả lời.

- Đi được ngay? - Anh Văn hỏi tiếp.

- Báo cáo sẵn sàng. - Tôi đáp.

- Chuẩn bị gấp. - Anh Văn chỉ thị.

Không gian nơi anh Văn làm việc thoáng đãng và yên tĩnh, thỉnh thoảng có tiếng động cơ xe chạy từ phía đường Hoàng Diệu vọng vào. Căn phòng đơn giản, ngăn nắp mà đầy đủ. Một không khí ấm cúng, một tình cảm bình đẳng, thân mật lan tỏa, anh Văn rót nước mời tôi rồi tiếp tục giao nhiệm vụ:

- Bộ Chính trị đã quyết định mở cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn toàn miền Nam trong năm 1972, nhằm tiêu diệt một phần lớn lực lượng chủ lực quân nguy, đẩy mạnh phong trào nổi dậy của quần chúng và đấu tranh chính trị ở các đô thị, giải phóng thêm những vùng đất đai rộng lớn, làm thay đổi cục diện chiến tranh, buộc chính quyền Mỹ phải chấp nhận giải pháp chính trị có lợi cho ta, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài.

Riêng với B2 yêu cầu khẩn trương kết thúc đợt hoạt động phối hợp với bạn trong chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71” của Mỹ - nguy, chuyển toàn bộ đội hình khối chủ lực về nước triển khai chuẩn bị đợt tiến công quân sự vào đầu mùa khô năm 1972 nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh chiếm một số bàn đạp then chốt, cải thiện thế trận, khôi phục lại cơ sở như trước Mậu Thân 1968. Vì vậy cần cử người vào gấp truyền đạt, để kịp chuẩn bị với các chiến trường khác, vì Đông Nam Bộ là hướng chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Buổi làm việc thân tình, cởi mở, nhưng khi kết thúc, tôi vẫn đứng dậy theo tư thế nghiêm, giơ tay chào theo điều lệnh trước lúc ra về. Anh Văn cũng đứng dậy, theo tư thế nghiêm giơ tay chào đáp lễ cấp dưới. Anh lại nở nụ cười quen thuộc, nắm tay tôi lắc nhẹ, chúc tôi khẩn trương chuẩn bị để lên đường theo đúng ngày quy định.

Tôi tranh thủ nghiên cứu nắm vững ý định của cấp trên, thu thập các tài liệu, văn bản có liên quan đến nhiệm vụ của chuyến đi.

Tư tưởng thoải mái, thanh thản, hành trang cũng gọn nhẹ, theo quy định chung của mỗi cán bộ, chiến sĩ lên đường đi B.

Một ba lô con cóc, có đủ quần áo, màn, võng, táng, bát, túi thuốc cá nhân, với một định suất ăn khô dự phòng khi tình thế không nấu cơm được, khi địch vây căn cứ, đánh úp, đội hình hành quân phải phân tán.

Nếu phải suy nghĩ tìm hiểu, ấy là vì sao sức khỏe tôi lại chóng bình phục sau khi nằm viện? Vì sao dạ dày của tôi được khâu lại sau khi đã cắt hai phần ba, rồi chỉ bực do thịt bở không còn tế bào nuôi dưỡng.

- Phải cắt hết? - Tôi hỏi.

- Cắt thì dễ, nhưng còn có điều kiện tồn tại, tiếp tục làm việc. - Giáo sư Tôn Thất Tùng giải thích.

Hội đồng khoa học bệnh viện họp bàn cách xử lý. Cứ thử phun Pê-lê-xi-lin vào vùng mổ rồi đóng lại, sau một tuần nếu chịu, sẽ không phải cắt tiếp.

Gần như chưa gặp ca này bao giờ, sau khi làm các công việc kể trên, anh Tùng trao đổi với tôi:

- Chiến đấu gian khổ, ăn uống thiếu thốn, mất hết dinh dưỡng làm da thịt anh bở, hay vì ảnh hưởng chất độc hóa học?

Ngay lúc ấy tôi có suy nghĩ, nhưng cũng thoáng qua, tôi lại tự nhủ, sẽ không giải quyết được vấn đề gì. Nếu đúng thì nghĩ cũng đến thế, nếu không đúng thì, tư tưởng là rất quan trọng, thanh thần là một thứ thuốc đặc trị không thể mua được.

Đến lúc nhận lệnh thì người đã khỏe, chắc là bệnh lành chứ không ác. Tôi tranh thủ luyện tập, ăn có ít hơn, vì dạ dày cắt nhiều, kết hợp đi xe đạp về thăm nhà vào những ngày nghỉ.

- Anh lại đi!

Chưa kịp nói tiếp thì vợ tôi cắt ngang:

- Đi đâu?

- Đi B.

- Sao phải đi? Anh thuộc diện “phế phẩm”, dạ dày chỉ còn bằng cái chén.

- Lệnh trên. - Tôi trả lời.

Một thoáng im lặng, nhìn nét mặt vợ, tôi thấy có cái gì như ý thức được hai chữ lệnh trên, đồng thời lại buột lên nghĩ vẩn:

- Hay là anh có cái gì trong đó?

- Có nhiệm vụ và có đồng chí.

Một nét buồn lo hiện trên gương mặt vợ, khiến tôi chạnh lòng, chỉ thấy thương, thấy yêu chứ không có gì trách cứ, vì lúc này một nách năm con còn nhỏ dại mà tình hình miền Bắc vẫn đang rất gian khổ và căng thẳng.

Nói gì lúc này cũng thấy khó và không cần thiết. Tôi chỉ im lặng và quay ra âu yếm đàn con, hỏi chúng đủ điều, tạo ra một khung cảnh vui của trẻ thơ làm khuây khỏa tình cảm mẹ cha.

Công việc chuẩn bị xong trước thời gian quy định. Cùng đi với tôi có đồng chí Hiền Tràng, Cục phó Quân huấn vào tổ chức huấn luyện cho các đơn vị chủ lực của Miền theo yêu cầu cách đánh mới, đã qua tập huấn ở Sơn Tây. Như vậy là ngoài nhiệm vụ như đã kể trên, tôi còn được giao thêm công việc phổ biến kinh nghiệm chiến đấu ở mặt trận Đường 9 - Nam Lào.

Tôi đến gặp anh Văn xin thêm ý kiến trước khi lên đường.

Ngay từ phút đầu anh đã tạo tình cảm ấm cúng, chan hòa, cởi mở, lưu luyến giữa người ở lại và người đi xa. Cái nghi thức ban đầu theo điều lệnh nội vụ được xóa đi rất nhanh. Anh mời tôi ngồi, pha trà mời tôi uống, có cả bánh kẹo và thuốc lá. Rồi anh ân tình động viên, khuyên nhủ:

- Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã quyết định, Hoàng Cầm sẵn sàng nhận và lên đường gấp như vậy là tốt là tiếp tục phát huy truyền thống nhanh gọn trong lần đầu nhận nhiệm vụ chiến đấu hồi đầu năm 1965. Nhưng phải giữ gìn sức khỏe, vì lúc này sức khỏe là hàng đầu, thiếu nó là không đi hết được chặng đường, không vào đến nơi, không hoàn thành nhiệm vụ. Chú ý mỗi khi xe qua tọa độ (nơi trọng điểm địch đánh phá) nên xuống xe, vì đường khó đi, có thể người bị bắn ra ngoài, vết mổ mới liền chỉ, dễ bục.

Việc chính anh nhắc sau, rất gọn:

- Nhiệm vụ được giao đã rõ, vào đó làm gì do trong ấy phân công.
- Tôi xin làm phái viên đốc chiến.
- Tùy, do Trung ương Cục quyết định.

Tôi đứng dậy hứa nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của anh.

Anh nắm chặt tay tôi hồi lâu, như gắn tình cảm giữa tôi và anh, tình cảm cấp trên cấp dưới, tình đồng chí, đồng đội ấm áp, vì anh đã biết tôi và tôi được biết anh, qua các trận Đông Khê, Nà Sản, Điện Biên Phủ.

Lại tạm biệt Hà Nội, thủ đô phẩm giá của con người, nhưng cũng đầy gian khổ và lắm thử thách. Đó là vào một buổi sáng của những ngày đầu hạ, trên chiếc Gát 69 máy tốt, đồng chí lái xe tay nghề khá, thạo đường. Hai ngày sau, chúng tôi vào tới địa phận tỉnh Quảng Bình, đến đèo Mụ Giạ nơi bắt đầu của con đường mang tên Bác - đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh.

Lần lên đường này không gặp được Bác vì Bác đã đi xa, nhưng bao hồi ức trong tôi về Bác lại hiện về khi xe bắt đầu leo đèo Mụ Giạ và trong suốt chặng đường. Nhớ Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945, tôi đứng dưới chân kỳ đài làm nhiệm vụ bảo vệ; nhớ Bác gọi lên hỏi han dặn dò trước khi tôi cùng tiểu đoàn 130 phối hợp cùng Trung đoàn 174 nổ súng tiến công cứ điểm Đông Khê mở đầu chiến dịch Biên Giới năm 1950; nhớ những ngày cùng Sư đoàn 7 nằm ở nam thị xã Thủ Dầu Một, nghe thư chúc Tết Mậu Thân - thúc giục chúng tôi tiến quân hỗ trợ cho nổi dậy Xuân 1968 tạo nên cục diện mới trên chiến trường miền Nam có lợi cho ta, buộc tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải đơn phương tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc, nhận hợp hội nghị Paris để tiến hành thương lượng. Con đường xuyên dọc đất nước dài 2.899 ki-lô-mét do công sức của bốn mươi nghìn cán bộ, chiến sĩ đoàn 559 cùng với hàng vạn thanh niên xung phong, dân công tạo dựng, nên thơ mà gân guốc, lắm rừng nhiều núi, lắm thác nhiều ghềnh, lắm nắng nhiều mưa. Những vất vả gian lao, những nguy hiểm quen thuộc lại đến khi đi trên con đường đầy kỳ tích này.

Lời dặn dò của anh Văn là đúng, nhưng cũng phải linh hoạt khi chấp hành do thực tế đặt ra. Nhiều lúc khi qua tọa độ phải khẩn trương, vượt nhanh, chậm là nguy hiểm. Tọa độ thứ nhất cho xe đi chậm thấy êm, tọa độ sau tăng thêm, cũng vẫn không có trục trặc, lại tăng dần, cho đến hết sức. Bằng sự nghiêm túc và linh hoạt, chúng tôi đã an toàn tới đích vào cuối tháng 5 năm 1971.

Người đầu tiên tôi gặp là anh Hoàng Văn Thái, Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền. Anh gầy yếu quá, đi phải chống gậy!

Thấy tôi anh mừng:

- Khỏi bệnh chưa, sao ở ngoài ấy lâu thế?
- Các anh Thường trực Quân ủy giữ lại.

Anh Thái cắt ngang:

- Sao lại vào? - Ngừng một lát anh hỏi vui. - Tự động vào à?

- Lệnh anh Ba(2)!

(2) Tên gọi thân mật anh Lê Duẩn.

Anh cười rạng rỡ, xua đi cái yếu mệt:

- Hay quá! Bọn mình trong này đang mong.

Ngay sau đó tôi gặp cả anh Trần Văn Trà, anh Lê Ngọc Hiền đang còn bận công việc điều hành chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71” của Mỹ - nguy với quyết tâm xóa sổ chiến đoàn 8 quân đội nguy Sài Gòn.

Anh Trà cũng xanh gầy, vẫn thoáng nét hào hoa, bận rộn mà vẫn đàng hoàng, tự tin đến nắm chặt tay tôi với nụ cười thân mật.

- Anh Năm ở đây cùng tụi này giải quyết nốt Snun(3) rồi ta tính tiếp.

(3) Là một thị trấn thuộc tỉnh Kra-chi-ê nằm trên đầu mối giao thông then chốt nối đường chiến lược số 13 và đường số 7, cách biên giới Campuchia - Việt Nam ba mươi ki-lô-mét, là căn cứ bàn đạp lần chiếm và khống chế hoạt động của ta. Tại đây ta đã vây ép, tiến công tiêu diệt chiến đoàn B nguy hồi tháng 5 năm 1971.

- Xin sẵn sàng! - Tôi đáp.

Những ngày đầu trở lại chiến trường, được gặp lại các đồng chí lãnh đạo chỉ huy cấp trên, bạn bè, đồng cấp làm dậy trong tôi tình cảm ấm cúng, chan hòa, khiến quên đi rất nhanh cái yếu mệt trong chuyến hành quân đường dài vừa mới kết thúc.

Đủ chuyện vui buồn, thành công và cả thất bại được mang ra hàn huyên tường chừng không sao dứt nổi.

Các anh thật vất vả, nếm chịu bao thử thách! Nhưng các anh đã đắp xây cho mảnh đất “Miền Đông gian lao và anh dũng” dày thêm bản lĩnh mới, tự hào mới. Được biết sau thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, kẻ địch đã áp dụng đủ loại mưu kế thâm độc và tàn bạo hòng vô hiệu hóa mảnh đất thân thương này; kết hợp chặt chẽ hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” để triệt phá cơ sở hạ tầng; đồng thời tăng thêm lực lượng quân Mỹ(4) mở các cuộc càn quét đánh phá ác liệt làm mất các vị trí bàn đạp của ta ở vùng ven đô; liên tục mở các cuộc hành quân “tìm diệt” tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, tăng cường hoạt động không quân, kể cả máy bay chiến lược B.52 ném bom, rải chất độc hóa học và dùng pháo bầy bắn phá suốt ngày đêm nhằm đẩy các đơn vị chủ lực Miền ra ngoài biên giới. Đồng thời địch bắt đầu mở các cuộc hành quân quy mô lớn vượt biên, khi thì bằng lực lượng Mỹ, lúc kết hợp với quân nguy Sài Gòn, hoặc quân nguy Sài Gòn với quân nguy

(4) Bước vào năm 1969, tại Đông Nam Bộ địch vẫn duy trì 40% lực lượng Mỹ và chủ yếu ở toàn miền Nam, hơn 30% lực lượng quân nguy. Vẫn duy trì phòng thủ ba tuyến xung quanh Sài Gòn. Địch điều thêm sư đoàn 1 kỵ binh bay với số lượng máy bay lên thẳng 450 chiếc và sư đoàn 101 cơ động đường không của Mỹ từ miền Trung vào, để cùng với sư đoàn 25 bộ binh cơ giới, sư đoàn bộ binh số 1 liên tục hành quân đánh phá trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia.

Lon-non từ nhiều hướng tiến công bao vây chia cắt nhằm diệt một bộ phận chủ lực ta, phá hủy kho tàng, quấy rối, phong tỏa con đường chi viện chiến lược của ta từ miền Bắc tỏa xuống.

Âm mưu và hành động trên đây của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn. Thực tế từ năm 1969, vùng giải phóng của ta ở Đông Nam Bộ bị thu hẹp và trở nên vùng không dân là phổ biến. Bộ đội chủ lực Miền và các phân khu chỉ còn một bộ phận đứng được ở các căn cứ ven đô, phần lớn lên vùng trung tuyến hoặc vùng biên giới. Tháng 9 năm 1969 các kho hậu cần của Miền chỉ còn 2.000 tấn gạo, không đủ bộ đội ăn trong một tháng. Quân dân miền Đông Nam Bộ lâm vào tình thế vô cùng khó khăn.

Các anh còn cho biết, đã xuất hiện tư tưởng muốn phân tán chủ lực về các địa phương đánh địch hỗ trợ nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương nổi dậy chống phá bình định, khôi phục thế trận chiến tranh nhân dân.

Các anh lãnh đạo Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đã đề ra chủ trương vừa tiến hành giáo dục động viên mọi người thông suốt có nhận thức đúng về tính quy luật của tập trung, đánh lớn, về vai trò quyết định của quả đấm chủ lực; vừa có biện pháp về tổ chức nhằm khắc phục mọi khó khăn, tranh thủ tiếp nhận sự chi viện của hậu phương lớn về người(5) và vật chất để củng cố giữ vững khối chủ lực về tổ chức, biên chế đi đôi với tổ chức huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu, tích cực tăng gia sản xuất, khai thác nguồn hậu cần tại chỗ, tham gia mở đường và bảo vệ các hành lang vận chuyển từ tuyến chiến lược đến các căn cứ của Miền. Đồng thời có kế hoạch hoạt động quân sự chủ động tiến công, thực hiện tiêu hao, tiêu diệt địch, làm thất bại âm mưu địch định đẩy các đơn vị chủ lực ta phải phân tán, không còn tập trung đánh lớn và không còn chỗ đứng chân ở chiến trường miền Nam.

(5) Năm 1969, chiến trường Đông Nam Bộ tiếp nhận và có kế hoạch sử dụng tốt các đơn vị được tăng cường từ Tây Nguyên, Quân khu 5 vào; Sư đoàn 1 gồm ba trung đoàn 101C, 95C, 209, các trung đoàn 33, 174, 10 và 20.

Trước những thử thách đầy cam go, tưởng như mọi ngã đường đều bị vít lối, nhưng do có chủ trương và biện pháp cụ thể của lãnh đạo Miền, từ lực tốt hoạt động theo định hướng tạo thế; từ thế đứng từng bước được cải thiện đã tạo điều kiện cho lực tồn tại củng cố và phát triển hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Trong hai năm sáu tháng (từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1971) quân dân miền Đông Nam Bộ đã liên tục mở chín đợt hoạt động quân sự(6) vừa hỗ trợ nhân dân nổi dậy chống phá âm mưu “bình định” mới của địch với chiến dịch “Phượng hoàng”(7) đầy thâm độc và tàn bạo, vừa tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch ở chiến trường nội địa. Đồng thời phối hợp với quân, dân nước bạn mở chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71” và cuộc hành quân “Chen-la 2” của địch ở vùng đông bắc Campuchia, tạo ra thế mới và lực mới, bản đồ chiến lược của ta ở tây nam được củng cố và mở rộng.

(6) - Đợt hoạt động quân sự mùa Xuân 1969.

- Đợt hoạt động quân sự mùa Hạ tháng 5/1969

- Đợt tiến công quân sự mùa Thu (11/8 đến 15/9/1969).

- Đợt tiến công quân sự mùa Đông năm 1969.

- Đợt tiến công quân sự Xuân - Hè năm 1970.

- Đợt tiến công quân sự mùa mưa năm 1970.

- Chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71” của Mỹ - ngụy vào đông bắc Campuchia.

- Chiến dịch phản công đường 6, đánh bại cuộc hành quân Chen-la 2.

- Đột tiến công và nổi dậy tháng 2 năm 1971.

(7) Tên gọi chim trong thần thoại đốt đi rồi sống lại. Dịch mở các cuộc hành quân cảnh sát rộng lớn mang tên "Phượng hoàng" nhằm thủ tiêu một thực thể mà chúng cho rằng cũng luôn luôn sống lại từ đồng tro tàn - đó là hạ tầng cơ sở Việt cộng (tức cơ sở cách mạng) ở thành thị và nông thôn.

Từ năm 1969, tổ chức "Phượng hoàng" được phát triển nhanh (đi đôi với chương trình "bình định" được đẩy mạnh) có hệ thống hoàn chỉnh từ cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã đều có Ủy ban "Phượng hoàng" do người đứng đầu từng cấp làm chủ tịch (tỉnh trưởng, quận trưởng, xã trưởng).

Mục đích của chiến dịch "Phượng hoàng" là bình định, diệt và vô hiệu hóa cơ sở hạ tầng của ta bằng thủ đoạn thâm độc và tàn bạo: dùng mật vụ, cảnh sát chìm điều tra nắm tình hình, phân loại cơ sở của ta rồi đề ra chỉ tiêu cho từng cấp phải diệt, phá; triển khai các chiến dịch khủng bố, bắt bớ bừa bãi, không cần biết ai là cách mạng, ai không cách mạng, cốt sao đạt được chỉ tiêu bắt, giết để thượng cấp cất nhắc ban thưởng.

Những bước đi thăng trầm và đầy sóng gió nhưng thật sống động và hào hùng mà tôi được biết trong lần trở lại B2 lần này đã cùng với chiến thắng lớn ở Đường 9 - Nam Lào, ở Tây Nguyên và đồng bằng duyên hải miền Trung được Bộ Chính trị đánh giá như là một thời cơ lớn đã xuất hiện.

Thời điểm hòa nhập vào cuộc sống nơi chiến trường quen thuộc và gần bó của tôi được bắt đầu. Tôi dành thời gian nhớ lại những vấn đề trong khi nghe phổ biến, các anh Thường trực Quân ủy Trung ương nhấn mạnh, nói rõ thêm không ghi trong văn bản để truyền đạt lại trong cuộc họp Trung ương Cục và Quân ủy Miền hôm nay. Đó là những cơ sở thực tiễn gì để Bộ Chính trị quyết định mở đợt hoạt động quân sự năm 1972 mang ý nghĩa như một cuộc chạy đua lịch sử giữa ta và địch nhằm đưa cuộc chiến tranh đi đến bước ngoặt có lợi cho ta; đó là quyết tâm và mục tiêu cần đạt của cuộc tiến công, là các vấn đề cần lưu ý trong nghệ thuật chỉ đạo chiến dịch, là công việc cần làm của B2 - Đông Nam Bộ vì là hướng chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược này.

Ngay sau đó, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã thông qua việc tổ chức Bộ tư lệnh chiến dịch (8) đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền để thực sự bắt tay vào điều hành nhiệm vụ. Cùng lúc, Trung ương Cục quyết định bổ sung tôi tham gia ủy viên Quân ủy Miền, giữ chức phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền, thay anh Lê Đức Anh về nhận nhiệm vụ tư lệnh Quân khu IX.

(8) Bộ tư lệnh chiến dịch gồm có: trung tướng Trần Văn Trà, tư lệnh. Thiếu tướng Trần Độ, chính ủy, Đại tá Trần Văn Phác, phó chính ủy. Đại tá Lê Ngọc Hiền, tham mưu trưởng; đại tá Bùi Phùng, chủ nhiệm hậu cần. Bộ chỉ huy Miền thường trực tại Sở chỉ huy cơ bản chiến dịch do trung tướng Hoàng Văn Thái, tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng, chính ủy, đại tá Hoàng Cầm, tham mưu trưởng.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 15: Phần 2

Tôi đón nhận vinh dự lớn này cùng với nỗi lo. Đó là nhận thức, năng lực bản thân có hạn trong khi thực tiễn chiến trường đã đang chuyển động với nhiều vấn đề mới đặt ra!

Lúc này đã là giữa mùa khô. Mặt trời có mặt thật lâu, thật dài, mặt đất khô rang, cây cỏ héo vàng, các ngã đường trong vùng căn cứ bụi đỏ tung lên thành vệt dài di động, tan nhanh, rồi lại hiện thành vệt bụi khác bởi các loại xe gắn máy Honda qua lại. Dấu hiệu chuẩn bị cho nhiệm vụ mới mang sắc thái miền Đông Nam Bộ bắt đầu. Trên một mức độ nào đó, chúng tôi cũng có những thời gian - dù chỉ là ngắn ngủi được “ung dung”, “thư thái” triển khai công việc ở vùng giải phóng đông bắc Campuchia vừa mới được mở rộng, sau khi ta và bạn đánh bại các cuộc hành quân vượt biên của Mỹ - ngụy. Từ đây hậu phương chiến dịch nối với hậu phương chiến lược qua hành lang chiến lược Bắc - Nam được thông suốt. Và các anh trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã nhìn thấu khó khăn của một chiến trường xa, tìm mọi cách trực tiếp truyền đạt, tạo điều kiện để các anh Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền sớm nắm được ý đồ chiến lược của trên để lãnh đạo Miền có nhiều thời gian chủ động làm công tác chuẩn bị.

Cái hôm qua và cái hôm nay, việc cũ chưa xong việc mới dồn đến, đan xen nhau thành mối quan hệ nhân quả tạo nên sự chông chênh, bộn bề. Mặc dầu các đơn vị chủ lực của Miền vừa trải qua chiến dịch phản công đánh thắng cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71” hồi cuối tháng 5 năm 1971, nhưng không vì thế mà mọi việc đều suôn sẻ. Đã bước sang thời điểm phải đặt trọng tâm vào việc nghiên cứu địch ở trước mặt, song vẫn còn phải tính đến địch ở sau, kể cả hai bên sườn, vì ở đó chưa yên thì không thể tính chuyện triển khai mọi công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ mới đang chờ ở phía trước được.

Từ suy nghĩ như vậy, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền quyết định mở tiếp các đợt hoạt động quân sự mới. Từ ngày 25 tháng 7 đến tháng 10 năm 1971, sử dụng Sư đoàn 5, Sư đoàn 7 chủ động đánh địch trên tuyến đường 7 và bắc đường 22; từ tháng 10 đến tháng 12 điều Sư 9 cùng các Trung đoàn 205, 207, một số đơn vị binh chủng phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương đánh bại cuộc hành quân “Chen-la 2” của quân ngụy Lon-non trên đường 6 (đoạn thuộc tỉnh Công-pông Thơm) và cuộc hành quân “Đại bàng 24” của quân ngụy Sài Gòn trên khu vực Đầm Be, bắc đường 7 giải tỏa thế uy hiếp phía sau ta. Vào thời kỳ trực tiếp chuẩn bị, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1972, ta tiếp tục tiến công đẩy lùi cuộc hành quân quy mô lớn “Toàn thắng - 72B” của địch ở vùng biên giới bắc Tây Ninh, buộc chúng phải rút về phòng giữ tuyến đường 22 nam biên giới.

Trong thực tế, có trường hợp bộ đội đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai thực hiện nhiệm vụ mới phải chuyển sang chiến đấu chống các cuộc hành quân phá chuẩn bị của địch.

Nhưng như trường hợp kể cùng bạn đọc trên đây thì quả là hiếm. Đây không đơn thuần là một trận đánh địch đột xuất phá chuẩn bị, mà là một chủ trương, một đợt hoạt động quân sự với lực lượng lớn, thời gian dài chống lại một âm mưu quân sự cơ bản, thường xuyên của địch nhằm đánh vào phía sau đội hình ta, tiêu diệt ta, triệt phá hậu phương chiến dịch, chiến lược, các căn cứ, kho tàng, cắt đứt tuyến vận tải chiến lược Bắc - Nam của ta.

Rõ ràng đây là một đợt hoạt động quân sự kéo dài (từ tháng 7 năm 1971 đến tháng 2-1972), vừa đánh địch để thực hiện chuẩn bị, vừa tiến hành công tác chuẩn bị vừa đánh địch bằng tinh thần dũng cảm, bằng sự chấp nhận gian khổ và hy sinh nhưng đã tạo được bàn đạp tiến công vững chắc trước mặt ta và tạo được thế an toàn ổn định phía sau lưng, trước khi mở màn chiến dịch.

Với tôi lần đầu cùng các anh trong Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền tham gia xử lý một tình huống đặc biệt, đã rút ra cho mình một bài học về nghệ thuật tạo thế phục vụ cho cuộc tiến công chiến lược mang ý nghĩa lịch sử, sau đây được vận dụng có hiệu quả khi được trên giao nhiệm vụ điều hành các đợt hoạt động ở Rạch Bắp - Đường Bảy Ngang (1973 - 1974), ở chiến dịch tiến công Đường 14 - Phước Long (1974 - 1975).

Thắng lợi quân sự kể trên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các mặt công tác chuẩn bị khác. Một mặt chúng tôi tổ chức tốt việc tiếp nhận nguồn chi viện từ hậu phương chiến lược vào(9), đồng thời triển khai mạng lưới thu mua sâu rộng đến các tỉnh của nước bạn như Bát-tam-boong, Xiêm Riệp, Công-pông Thom, Công-pông Châm, Prét-vi-hia, Phnôm Pênh, tạo được khối lượng dự trữ lớn về lương thực và nhiên liệu; tích cực khai thác nguồn hàng trong vùng địch tạm chiếm ở các tỉnh Nam Bộ, thu mua được cả ô tô, máy kéo, phụ tùng cùng xăng dầu dọc theo các quốc lộ 22, khu vực Tân Châu, Hồng Ngự. Kể từ tháng 10 năm 1971 đến tháng 3 năm 1972, chúng tôi đã tập trung được một khối lượng vật chất lớn, 47.500 tấn các loại (lương thực, vũ khí đạn dược, xăng dầu và phương tiện quân y). Gạo dành cho tuyến chiến dịch 18.000 tấn đủ bảo đảm tác chiến ba tháng. Riêng gạo đủ bảo đảm sáu tháng. Ngoài ra các đồng chí hậu cần được sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo địa phương, đã huy động trong nhân dân 365 xe cơ giới, 3.200 xe thô.

Khi nghe Cục Hậu cần báo cáo kết quả và thực tế đi xem các đồng chí dàn thế trận hậu cần với các tuyến kho vừa chắc chắn, bí mật đề phòng địch đánh phá, vừa thuận tiện phục vụ chiến đấu một mặt tôi biểu dương công khai, nhưng không sao nói hết được sự thần phục ẩn chứa trong lòng. Không có tinh thần yêu nước nồng nàn, trách nhiệm chính trị cao, sự làm việc cần mẫn, cả lòng dũng cảm xả thân, không có đầu óc tính toán mưu lược khoa học làm sao huy động được một khối lượng vật chất lớn, từ các nơi xa xôi, qua bao nhiêu khó khăn quy tập về một địa điểm an toàn thuận tiện phục vụ chiến đấu. Không ôn ào, không cần đến súng nổ, đạn rơi nhưng các chiến sĩ trên mặt trận này đã thực sự trải qua một cuộc chiến đấu âm thầm mà sôi động nơi khối óc và con tim của mỗi người, chiến thắng âm mưu bao vây kinh tế của kẻ thù.

(9) Trước khi chiến dịch mở màn, lực lượng Bộ chỉ viện cho Nam Bộ đã vào tới chiến trường Đông Nam Bộ sau sáu mươi ngày đêm hành quân vượt mười hai nghìn ki-lô-mét, hai trung đoàn bộ binh 24 và 271, hai tiểu đoàn pháo 85, một tiểu đoàn pháo 122 mi-li-mét, hai tiểu đoàn cao xạ 37 mi-li-mét, một tiểu đoàn 20 xe tăng (36 chiếc), một đại đội tên lửa chống tăng A72.

Ở một chiến trường rất nhạy cảm này chúng tôi đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo đảm bí mật, bắt nờ cho chiến dịch, coi đó là một trong những nhân tố hết sức quan trọng để nắm chắc phần thắng, nhất là trong thời gian chuẩn bị kéo dài mười tháng. Trên cơ sở giáo dục và đề ra các yêu cầu đối với mọi người, nhất là với lãnh đạo, chỉ huy các cấp; không để địch phát hiện, không để mất tài liệu, không để địch bắt, không để đào ngũ hoặc đầu hàng địch. Các cán bộ, chiến sĩ trình sát, những người đi đầu trong công tác chuẩn bị, do được chuẩn bị tốt cả về tư tưởng và tổ chức, suốt mấy tháng liền tiếp cận làm nhiệm vụ điều tra nắm địch, nắm địa hình không hề để xảy ra vụ việc nào ảnh hưởng đến bí mật ý định chiến dịch. Từ nhận thức việc mở đường dễ bị địch phát hiện, nên chúng tôi đã có kế hoạch bảo đảm bí mật bao quát trong triển khai chuẩn bị trục đường, kể cả các tuyến đường chiến lược, chiến dịch và mạng đường chiến thuật sâu trong lòng địch. Hơn 1.252 ki-lô-mét đường được chuẩn bị (có 350 ki-lô-mét đường làm mới), từ đường của bộ binh, của pháo binh và cơ giới đến đường thủy cho ghe thuyền đều phải tuân thủ các quy định thời gian “thi công”.

Đường chiến lược để tiếp nhận hàng và lực lượng của Trung ương chi viện vào được chuẩn bị sớm (từ tháng 7 năm 1971 đến tháng 1/1972), các đường chiến dịch dành cho xe pháo chỉ được phép chuẩn bị mười đến mười lăm ngày trước khi nổ súng. Các đường chuẩn bị cho xe pháo từ biên giới vào nội địa địch chỉ được phép tiến hành sau khi bộ binh đã hoàn thành chuyển quân vào nội địa tiếp cận địch. Các tuyến đường phải vòng tránh xa các khu vực đông dân cư, làm đến đâu nguy trang tới đó. Kế hoạch hành quân



của các đơn vị từ vị trí tập kết đến vị trí xuất phát tiến công được thực hiện theo nguyên tắc: đơn vị đảm nhận trận đánh then chốt mở đầu hành quân trước; các đơn vị khác hành quân theo sau; đơn vị nhẹ (bộ binh và đặc công) triển khai trước, đơn vị binh khí kỹ thuật hành quân sau, thực hiện nghi binh đánh lạc hướng phán đoán của địch, bảo đảm an toàn và tạo thế thuận lợi cho đội hình chủ yếu của chiến dịch bước vào chiến đấu.

Tất cả đều diễn ra êm ả, bởi nếu xảy ra chuyện gì, dù chỉ là nhỏ, địch không để chúng tôi yên. Chẳng hạn cũng thời gian này khi theo dõi dài địch, được biết máy bay trinh sát địch chụp được một đoạn đường dài khoảng hai ki-lô-mét, cách Tân Cảnh mười ki-lô-mét, địch nhận định - đây là dấu vết di chuyển ít ra là ba mươi xe tăng của đối phương, và chúng dự đoán Tây Nguyên là khu vực có thể nổ ra cuộc tiến công của đối phương.

Lập tức theo lệnh Mỹ, sáng 30 tháng 3, một cầu hàng không nối Sài Gòn - Tây Nguyên đã được máy bay vận tải C.130 liên tục cất cánh từ sân bay Tân Sơn Nhất rồi đổ xuống sân bay Pleiku, 2.500 lính dù thuộc lữ đoàn 2 với đầy đủ trang bị để làm nhiệm vụ ứng chiến.

Cuộc càn của quân ngụy vào 11 tỉnh thuộc tây, tây bắc Sài Gòn và Vùng đông bắc Campuchia: Thủ Dầu Một, Bình Long, Tây Ninh, Bù Đốp, các đồn điền Snun, Mi Một, Créch, Chúp, đường 7, Xvây- riêng, Cra-chi-ê, Công-pông Chàm... đạt kết quả nghèo nàn đã trở thành vô giá với Mỹ, cho phép quan chức Mỹ kết luận chủ quan: “Tuy Việt cộng (tức quân Giải phóng) chưa từ bỏ hẳn ý đồ mở những cuộc tiến công, nhưng bất luận thế nào, các tuyến phòng thủ chỉ có thể chùng nhưng không thể đứt.” Đó là kết luận của tướng A-bram - tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam khi trở lại Mỹ báo cáo với tổng thống Mỹ Ních-xon.

Còn Nguyễn Văn Thiệu phụ họa thêm: “Việt cộng (tức Quân giải phóng) đã quay về với chiến thuật du kích, chứ không thể đánh lớn. Những trận đánh lớn nổi bật chỉ có thể nổ ra sớm nhất là vào tháng 7 hoặc tháng 8.” Có lực lượng mạnh trong tay, lại thấy mùa khô đã đi qua hơn bốn tháng êm ả, ngày 9/3/1972, bọn ngụy tổ chức rùm beng kỷ niệm lần thứ 17 ngày thành lập sư đoàn 5. Thiệu lên tận Lai Khê với tư cách vừa là tổng thống vừa là tư lệnh cũ của sư đoàn này, gần lon và mẽ đay cho một loạt tướng tá ngụy và truyền lệnh cho các chiến đoàn dưới quyền mở cuộc hành quân kéo dài dọc biên giới phía tây lưng sục xuống tận Thủ Dầu Một, Biên Hòa nhằm “đẩy trận tuyến của cuộc chiến tranh ở vùng xung quanh Sài Gòn sang lãnh thổ Campuchia”.

Và cho đến lúc chiến sự tại Trị Thiên ở mức nguy kịch, Tây Nguyên căng thẳng, sáng 2 tháng 4, căn cứ Xa Mát nằm trên đường 22 bị ta đánh chiếm bằng một đòn tiến công mạnh mẽ chưa từng thấy ở chiến trường miền đông từ trước đến nay, thì địch vẫn cho đây là hoạt động nghi binh của đối phương.

Đến lúc ấy chúng tôi mới thật sự thờ phào như cát được gánh nặng lo lắng về sự sơ suất có thể xảy ra trong kế hoạch tạo thế bất ngờ chiến dịch.

Từ tháng 7 năm 1971, Thường trực Bộ chỉ huy Miền cùng Bộ tư lệnh chiến dịch có chương trình họp tiếp tục quán triệt sâu hơn nữa về Nghị quyết tháng 5 của Bộ Chính trị và Nghị quyết tháng 6 của Quân ủy Trung ương, trên cơ sở đó hình thành dần quyết tâm chiến dịch để có định hướng cho các bước triển khai cụ thể trên các mặt tham mưu, chính trị, hậu cần. Những buổi trao đổi như thế diễn ra với tinh thần trách nhiệm cao của những người dự họp, trong không khí dân chủ, hào hứng, ai cũng phấn khởi, tự tin khi được biết chiến trường Đông Nam Bộ được vinh dự nhận vị trí hướng chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược lần này.

Trước hết chúng tôi đều thống nhất chiến dịch mang tên người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, nhằm noi gương thiên tài quân sự nổi bật của Người qua các trận: vận động tiến công đường dài trên biển đánh thắng năm vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm - Xoài Mút, Mỹ Tho (1785); trận hành quân thần tốc đại phá hai mươi vạn quân xâm lược nhà Thanh ở thành Thăng Long (1798) khôi phục thống nhất đất nước sau gần

một trăm năm bị Trịnh - Nguyễn phân tranh.

Khi thảo luận về cơ chế điều hành chỉ huy, các anh trong Bộ tư lệnh đều nhất trí chuyển tổ chức Đoàn 301 (thành lập ngày 18/3/1971 trước khi bước vào đợt hai cuộc tiến công đánh bại cuộc hành quân “Toàn thắng 1/71”) sang làm nhiệm vụ chỉ huy chiến dịch này nhưng cần được hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức để phù hợp với yêu cầu mới. Thực chất đây là cơ quan chỉ huy cấp quân đoàn để đảm bảo chỉ huy thống nhất trong điều kiện chiến đấu hiệp đồng binh chủng theo mục tiêu và kế hoạch tác chiến chung. Đây cũng là sự kiện đánh dấu bước trưởng thành mới về tổ chức, chỉ huy và trình độ chiến đấu. Lần đầu tiên một cơ quan chỉ huy và một lực lượng chiến đấu cấp quân đoàn được thành lập ở chiến trường Nam Bộ.

Một nội dung cơ bản, xuyên suốt trong nghệ thuật hạ quyết tâm chiến đấu đã được thảo luận sôi nổi, gần như không có ý kiến trái ngược nhau, mà chỉ bổ sung những tình tiết, những lập luận làm sáng rõ, phong phú các luận cứ nêu ra. Bởi lẽ hầu hết các anh trong Thường trực Bộ chỉ huy Miền và Bộ tư lệnh chiến dịch từ lâu đã gắn bó với mảnh đất miền Đông, hiến trọn tuổi trẻ cho cuộc chiến đấu nơi đây, thuộc và hiểu giá trị của từng cánh rừng, dãy đồi, con lộ, dòng sông, bung sóc, tư duy quân sự của các anh được tích lũy qua trường học chiến đấu.

Việc chọn hướng tiến công được hình thành một cách hoàn chỉnh, chính xác, cả hướng chủ yếu, thứ yếu và hướng phối hợp.

Trên hướng tiến công chủ yếu định rõ ràng các khu quyết chiến then chốt và các mục tiêu then chốt.

Không hoàn toàn do lực lượng địch đông(10) mà ta xác định đường 22 là hướng thứ yếu. Sự cản mật và hành động tích cực ngăn chặn ở đây là do quan điểm sai lầm của địch, chúng cho rằng thị xã Tây Ninh mới đích thực là nơi “Việt cộng” (tức Quân giải phóng) muốn đánh chiếm để thiết lập thủ đô của họ.

(10) Hướng đường 22 (Tây Ninh) địch có 10 trung đoàn bộ binh, 4 thiết đoàn xe tăng - thiết giáp.

Ngược lại, ở hướng đường 13 địch đề phòng có mức độ, lực lượng bố trí tại đây tương đối mỏng(11), chúng cho là ta không tiến công mạnh từ hướng này, hoặc chỉ là hướng phụ. Đó là một căn cứ để chúng tôi chọn là hướng tiến công chủ yếu, nhưng không phải là duy nhất. Ở hướng này tiếp giáp với chặng cuối đường Trường Sơn, tạo thành thế hậu phương vững chắc của chiến dịch, đảm bảo nguồn sức mạnh để ta liên tục tiến công chiếm giữ những vùng cần thiết phục vụ cho yêu cầu đấu tranh chính trị, ngoại giao. Ở đây ta còn có vùng đất tiếp giáp với khu vực Móc Câu vốn là căn cứ cũ, khu vực Snun vừa được giải phóng là bàn đạp để lực lượng chiến dịch của ta tiến xuống phía nam dọc theo đường số 13, gây tác động dây chuyền. Một khi khu vực phòng ngự của địch trên đường chiến lược này bị phá tan, sư đoàn 5 của địch bị đánh quy thì Sài Gòn lập tức bị uy hiếp, bố trí chiến lược của địch ở miền Đông Nam Bộ bị đảo lộn, phong trào nổi dậy chống phá bình định ở vùng đông dân bắc Bình Dương sẽ có điều kiện phát triển mạnh.

Lúc này thời gian đã chuyển sang tháng đầu của năm 1972, là thời kỳ trực tiếp chuẩn bị. Tuy chưa đến ngày N, nhưng công việc vẫn hối hả, khẩn trương, tất cả chúng tôi đều thực sự phấn chấn, cho phép mình được quyền tin trước là phần thắng đã nằm trong tầm tay, vì hướng tiến công chiến dịch đã chọn đúng: nhằm vào chỗ yếu đồng thời là nơi hiểm yếu, dễ gây bất ngờ cho địch, phù hợp với mục đích của chiến dịch.

(11) Hướng đường 13 (Lộc Ninh - Bình Long) địch có hai trung đoàn bộ binh (e7 + e9 / sư đoàn bộ binh 5), ba tiểu đoàn biệt động quân biên phòng (53, 65, 74) và thiết đoàn xe tăng - thiết giáp số 1.

Vấn đề khó, được thảo luận nhiều trong các cuộc họp bàn thông qua quyết tâm chiến dịch, là sử dụng lực lượng như thế nào để đánh chiếm được Lộc Ninh, sau đó giữ cho được vị trí quan trọng này, không cho địch tái chiếm, để làm nơi đặt trụ sở Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Sử dụng lực lượng nào, bao nhiêu và vào đâu là phù hợp, có điều kiện phát huy truyền thống, sở trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đó là những ý kiến đặt ra trong khi trao đổi.

Tập trung lực lượng cho hướng chủ yếu là đúng, thuộc về nguyên tắc nhưng cũng dành thỏa đáng lực lượng cho hướng thứ yếu cho chặn viện và lực lượng dự bị. Không phải chỉ đơn thuần số lượng mà cả chất lượng nữa. Vì mỗi hướng, mỗi mũi đều có vị trí trong hệ tổng thành của quyết tâm chiến dịch.

Cuối cùng đã đi đến thống nhất, thể hiện trong mệnh lệnh chiến đấu:

- Sư đoàn 5 được tăng cường Trung đoàn bộ binh 3 (sư đoàn 9), Trung đoàn pháo 208 (đoàn 75), một đại đội xe tăng mười chiếc (tiểu đoàn tăng 20) đảm nhận nhiệm vụ chủ yếu trên hướng chủ yếu của chiến dịch. Vì đây là trận tiến công khu vực quyết chiến then chốt mở đầu cần phải tập trung ưu thế binh lực để bảo đảm tiêu diệt địch, giải phóng khu vực Lộc Ninh giành toàn thắng cho trận mở đầu.

- Sư đoàn 9 (thiếu trung đoàn 3) làm lực lượng dự bị chiến dịch, sẵn sàng tiến công thị xã Bình Long (còn gọi là An Lộc) khi có lệnh.

- Sư đoàn 7 luồn sâu bao vây, chốt chặn chiến dịch dọc theo đường 13 từ cầu Cần Lê xuống bắc Chơn Thành, kiên quyết tiêu diệt quân tiếp viện và quân tháo chạy.

- Đơn vị C30B(12) đảm nhận nhiệm vụ tiến công ở hướng thứ yếu (đường 22) được phép nổ súng trước mở màn chiến dịch, thực hiện nghi binh thu hút và kiềm giữ địch tạo điều kiện cho hướng chủ yếu hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời nắm thời cơ phát triển xuống phía nam.

Tôi được Thường trực Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cùng với các anh Bộ tư lệnh chiến dịch tham gia chuẩn bị phương án tác chiến khu vực Lộc Ninh, anh Lê Ngọc Hiền chuẩn bị hướng Bình Long.

(12) Tổ chức lâm thời gồm hai trung đoàn bộ binh 24 và 271 của Bộ tăng cường, hai tiểu đoàn đặc công, một đại đội thiết giáp (sáu chiếc chiến lợi phẩm: M.41, M.24, M.113), một tiểu đoàn (thiếu) pháo cối, một tiểu đoàn (thiếu) súng máy phòng không 12,8 ly.

Sau một tuần đi khảo sát khu vực phía bắc Lộc Ninh, chúng tôi nghỉ lại ở một cánh rừng để lấy lại sức. Mệt và không ngủ được, vì trăng sáng đẹp quá! Trong đoàn có một đồng chí cán bộ địa phương, quê ở Lộc Tấn, làm nhiệm vụ dẫn đường và cung cấp tình hình địa phương. Anh trạc năm mươi tuổi, vẫn còn giọng Bắc dễ nhận mỗi khi anh trao đổi tình hình. Hai chúng tôi nằm bên nhau tâm sự, được biết anh quê ở Thái Bình, đi phu cao su từ năm 1935, rất nhớ nhà, nhớ quê mặc dầu Lộc Ninh đã là quê hương thứ hai của anh, đã để lại trong anh bao kỷ niệm vui buồn, nhưng buồn nhiều hơn về những ngày sống kiếp ngựa trâu.

Sau hơn mười ngày nghiên cứu, chúng tôi thấy điểm mạnh của hệ thống tổ chức phòng thủ Lộc Ninh là cấu trúc công sự kiên cố và có lực lượng cơ động tương đối mạnh, nhưng cũng có nhiều điểm yếu. Vì nằm xa “hậu phương” khó tranh thủ được sự chi viện từ phía sau lên; binh lực bố trí phân tán trên nhiều khu vực cách xa nhau, địa hình chung quanh kín đáo thuận lợi cho đối phương tiếp cận và tổ chức các trận đánh phục kích chặn viện; lực lượng chủ yếu của chiến đoàn 9 dồn lên phía trước sát biên giới (căn cứ Hoa Lư) trong khi cụm cứ điểm trung tâm Lộc Ninh (phía sau) nơi đặt sở chỉ huy chiến đoàn, cơ quan chỉ huy chi khu, trận địa pháo, sân bay và kho tiếp liệu, lực lượng bố trí mỏng, yếu, khó tự mình đương đầu với một cuộc tiến công quy mô lớn của ta. Điều đó chứng tỏ địch chủ quan, cho ta chỉ có khả năng quấy phá tuyến phòng thủ sát biên giới.

Trên cơ sở tình hình như đã nêu, chúng tôi kiến nghị và được các anh cấp trên chấp thuận - bỏ qua tuyến phòng thủ phía trước, tập trung hỏa lực đánh thẳng vào khu trung tâm, mục tiêu hiểm yếu có nhiều sơ hở; đồng thời có lực lượng chặn viện hai đầu bắc và nam Lộc Ninh.

Khu phòng ngự trung tâm thất thủ, như rấn mất đầu, càng đẩy nhanh lực lượng địch ở hai căn cứ Hoa Lư, Đồng Tâm hoang mang, tạo điều kiện các đơn vị chặn viện hoàn thành nhiệm vụ, thúc đẩy trận đánh then chốt mở đầu của ta vào khu Lộc Ninh nhanh đi tới dứt điểm, mở ra diễn biến có lợi cho ta trong các nhiệm vụ tiếp sau của chiến dịch.

Ngày 23/3/1972 Bộ Chính trị duyệt đề nghị của Quân ủy Trung ương chuyển hướng Quảng Trị - Thừa Thiên là hướng tiến công chiến lược chủ yếu, trong lúc chúng tôi đang họp kiểm tra, xét duyệt lần cuối về toàn bộ nội dung quyết tâm chiến dịch tại sở chỉ huy cơ bản, mở rộng đến cán bộ cấp sư đoàn. Lúc đầu nhận được tin này, không khí cuộc họp lắng xuống, tinh thần như chùng lại. Sau đó được Thường trực Bộ chỉ huy Miền giải thích, ai cũng thấy tuy là hướng thứ yếu nhưng Đông Nam Bộ sát Sài Gòn, nếu chúng ta hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ gây thôi động mạnh đến bọn cầm đầu nguy quân nguy quyền trung ương, góp phần xứng đáng làm thay đổi hẳn cục diện căn có trong thời điểm này.

Vừa do cuộc chiến đấu tạo thế kết thúc muộn, vừa do yêu cầu giữ bí mật, các đơn vị tham gia chiến dịch gặp nhiều khó khăn, nhất là thời gian chuẩn bị không nhiều. Mãi cuối tháng 3 năm 1972 Sư đoàn 9 mới được lệnh hành quân về các vị trí bàn đạp dọc biên giới, sẵn sàng tiến công địch trên hướng bắc, tây bắc Sài Gòn.

Với sư đoàn 7 lại có cái khó, cái khăn riêng. Ngày 1 tháng 4 đơn vị C30B nổ súng tiến công Xa Mát - mở đầu chiến dịch, thì đội hình Sư đoàn 7 mới đứng chân ở cánh rừng phía tây sông Sài Gòn sau ba ngày đêm hành quân gian khổ trên một chặng đường dài qua nhiều phòng tuyến phòng ngự của địch, có lúc phải đánh địch mà tiến vào vị trí chiếm lĩnh.

Trong khi đó toàn bộ mạng thông tin liên lạc vô tuyến điện của sư đoàn được lệnh ngừng hoạt động. Các chỉ thị, mệnh lệnh từ trên xuống dưới lên đều do các đơn vị thông tin vận động trực tiếp chuyển để đảm bảo tuyệt đối giữ bí mật cho đến giờ nổ súng. Mặt khác, Bộ tư lệnh chiến dịch lệnh cho toàn sư đoàn lạng lẽ hành quân về hướng đông, đồng thời một bộ phận xe, pháo (pháo hồng) và một bộ phận mạng lưới thông tin liên lạc vô tuyến của sư đoàn mở hết công suất hoạt động sôi nổi liên tục hành quân theo quốc lộ 7 về hướng nam qua Krết xuống đường 22 để đánh lạc hướng theo dõi của địch.

Sư đoàn 5, cũng được lệnh giữ nghiêm yếu tố bất ngờ, nhưng do chuẩn bị tốt, không ồn ào, chỉ trong một đêm đã bí mật chiếm lĩnh xong trận địa tiến công.

Thời gian ngày N đã tới gần. Mặc dầu địch mở cuộc hành quân quy mô “Toàn thắng - 72B” phá chuẩn bị, nhưng chúng vẫn giữ nguyên phán đoán hướng tiến công chủ yếu của ta là hướng đường 22, nên đã cấp tốc điều về hướng này năm chiến đoàn, nâng tổng số lên bảy chiến đoàn, chỉ để ở hướng đường 13 bốn chiến đoàn.

Ngày 26/3/1972, toàn bộ quyết tâm chiến dịch Nguyễn Huệ được thông qua, kết thúc gần mười tháng chuẩn bị, trong đó từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1971 là các đợt chiến đấu tạo thế đánh bại các cuộc hành quân phá chuẩn bị của ta, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1972 xác định cụ thể kế hoạch tác chiến chiến dịch và triển khai mọi công tác chuẩn bị trực tiếp đưa bộ đội vào chiến đấu.

Theo kế hoạch chung hướng chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược sẽ nổ súng trước, nhưng ngày giờ cụ thể phải chờ bản tin thời sự 12 giờ của đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi.

10 giờ 30 phút ngày 30/3/1972, cuộc tiến công tuyến phòng thủ Đường 9 - Quảng Trị bắt đầu. Không khí trong chỉ huy sở bỗng sôi động hẳn lên. Tuy chưa đến ngày N giờ G mà đã tắt bật, nhất là các cán bộ ở bộ phận tác chiến. Người nào việc ấy, qua đài truyền thanh, qua điện cơ yếu nhận từ Hà Nội vào, rồi đổi theo đối chiếu, chấm những chấm đỏ trên bản đồ những địa danh đã thuộc về ta. Có thể nói mỗi diễn biến ở mặt trận Trị Thiên chúng tôi đều không bỏ qua, vì mọi động thái ở hướng chủ yếu đều có quan hệ đến cục

diện chung. Ngày hôm sau 31 tháng 3, trên tấm sơ đồ tình huống do bộ phận tác chiến thể hiện đã ghi chấm đỏ trên các căn cứ Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang, Động Toàn, Đầu Mầu, Phu Lơ, kèm theo ghi chú: tuyến phòng thủ của địch ở bắc Đường 9 bị vỡ, tại căn cứ 241 trung đoàn 56 (sư đoàn 3 ngụy Sài Gòn) do trung tá Phạm Văn Đính chỉ huy đã kéo toàn bộ số sĩ quan binh sĩ còn sống sót ra hàng.

Phấn khởi đi liền với chờ đợi!

Ngày hôm sau, khi được tin đêm 30 rạng 31 tháng 3 ở hướng phối hợp Tây Nguyên, quân ta nổ súng tiến công tuyến phòng thủ Đắc Tô - Tân Cảnh, bắc thị xã Công Tum, thì sự chờ đợi kéo theo cả hồi hộp, bồn khoăn, lo yếu tố bất ngờ không còn.

Như thế là còn trên dưới hai mươi tiếng nữa mới đến ngày N của chiến dịch Nguyễn Huệ.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 15: Phần 3

Bám sát, theo dõi chặt chẽ mọi động thái của địch và việc giữ bí mật càng được nhấn mạnh, nhất là các đơn vị đang chuyển quân đến vị trí xuất phát tiến công. Tình hình trên khu vực chiến dịch vẫn yên tĩnh, các cuộc hành quân của địch nhằm thăm dò, phá chuẩn bị của ta đã kết thúc, kể cả những hành động nóng lẩn ra quanh khu vực căn cứ, để phát hiện đối phương cũng gần như không có. Triệu chứng tăng hoặc giảm quân chưa thấy xuất hiện. Ngoài trung đoàn thiết giáp và một chiến đoàn bộ binh địch điều lên tăng cường cho khu vực Lộc Ninh, Bù Đốp cách đây tuần lễ, toàn bộ số xe tăng và thiết giáp cùng các lực lượng cơ động của quân đoàn 3 ngụy vẫn còn ở phía dưới.

Trong buổi giao ban sáng 31 tháng 3, sau khi nghe các đơn vị và cơ quan báo cáo, Bộ chỉ huy chiến dịch kết luận, trên khu vực chiến dịch ta vẫn giữ được bí mật. Ngày 1 tháng 4 trên hướng thứ yếu ta nổ súng tiến công Xa Mát, mở đầu chiến dịch thì Sư đoàn 7 mới được lệnh hành quân. Sau ba ngày hành quân gian khổ, ngày 14 tháng 4, khi phía trước ta hoàn toàn làm chủ Xa Mát, tiến công chiến đoàn 4 địch ở bắc Thiện Ngôn, thì đội hình Sư đoàn 7 mới đứng chân ở cánh rừng phía tây sông Sài Gòn, tiến vào vị trí chiếm lĩnh.

Đây không phải bị động hoặc do kế hoạch chuẩn bị thay đổi, mà nằm trong kế hoạch chung của chiến dịch, được tính toán sẵn - tất cả cho một mục tiêu giữ bí mật tối đa trong giai đoạn chuẩn bị. Sau này khi tổng kết chiến dịch, tôi có hỏi những suy nghĩ của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 7 lúc ấy thế nào? Tất cả đều rạng một nét tự hào: Trong cái khó, cái khấn trương chung lúc đó, Sư đoàn 7 được xếp vào trong số các đơn vị đứng hàng đầu nhưng chúng tôi vui, là đã đóng góp vào yếu tố bất ngờ đến giờ phút trước khi chiến dịch mở màn.

Đêm 31/3/1972 tất cả những người có mặt ở sở chỉ huy thường trực Bộ chỉ huy Miền và Bộ chỉ huy chiến dịch Nguyễn Huệ đều thức trắng, sống với niềm vui chờ đợi, cái ngày N và giờ G thiêng liêng đang đến gần mỗi khi nhìn kim đồng hồ nhích dần, nhích dần qua từng giây, từng phút, từng giờ. Khi kim giờ, vượt qua số 12 báo hiệu thời điểm của một ngày mới - ngày 1 tháng 4 - ngày N của chiến dịch bắt đầu nhưng giờ G chưa đến! Địch vẫn tập trung sự chú ý vào hướng Xa Mát, do “phát hiện thấy có xe bọc thép của đối phương ở khu vực bắc Tây Ninh dọc lộ 22”, tất cả lực lượng Mỹ - ngụy trong vùng quân khu 3 từ báo động “vàng” chuyển ngay sang báo động “đỏ”. Sư đoàn 25 ngụy phòng thủ tuyến đường 22 được cấy dày thêm lực lượng xe tăng, xe bọc thép.

Địch càng lao sâu vào sai lầm do ta tạo nên, có lợi cho ta ở hướng đường 13, nhưng giờ phút này các đơn vị làm nhiệm vụ ở hướng thứ yếu cũng gặp thêm khó khăn mới, vì đối tượng tiến công đông hơn, mật độ phòng thủ dày đặc thêm. Lo lắng nhưng chúng tôi rất tin ở anh em - những đơn vị từ miền Bắc mới bổ sung vào, được chuẩn bị tốt cả về tư tưởng và trình độ chiến thuật, kỹ thuật.

Theo quy định thống nhất, lúc ấy đúng 4 giờ ngày 1 tháng 4, tuy cách xa nhưng chúng tôi đều thức dậy, rất tỉnh táo và hình dung lúc này bên hướng đường 22, đoàn 30B do đồng chí Năm Đàn chỉ huy, nổ súng tiến công vào đội hình phòng ngự của chiến đoàn 49 tại Xa Mát - Bàu Dung (đông bắc Tà Xia) và bắc Thiện Ngôn.

Thời kỳ im lặng chấm dứt, hệ thống liên lạc vô tuyến bắt đầu hoạt động giữa các đơn vị đang chiến đấu với Bộ chỉ huy chiến dịch, với Thường trực Bộ chỉ huy Miền. Cuộc chiến đấu diễn ra gay go, liên tục, kéo dài từ 4 giờ chiều ngày 1 tháng 4 đến 2 giờ 40 phút ngày 2 tháng 4, căn cứ Xa Mát với hệ thống công sự kiên cố, có 12 lớp kẽm gai, ba vòng lô cốt bao quanh canh giữ, đã hoàn toàn rơi vào tay lực lượng vũ

trang ta.

Sau bốn ngày đêm mở đầu chiến dịch ta đã giành thắng lợi giòn giã, tiêu diệt cụm cứ điểm tiền tiêu Xa Mát, đánh thiệt hại nặng chiến đoàn 49, làm chủ từ bắc Thiện Ngôn đến biên giới.

Cùng lúc, ta triển khai trót lọt lực lượng lớn vào hướng chủ yếu, tạo thuận lợi cho bước phát triển chiến dịch.

Ngày 3 và 4 tháng 4 trên hướng đường 13, theo quân báo Miền kết hợp tổng hợp các nguồn tin kỹ thuật, địch đã phát hiện một bộ phận lực lượng ta đang di chuyển ở vùng tây và đông bắc Lộc Ninh; trong lúc trên đường 22 sau khi làm chủ Xa Mát, ta tiếp tục phát triển tiến công, diệt thêm năm đồn bốt lẻ càng đẩy địch sa sâu vào phán đoán chủ quan. Chúng vẫn cho Tây Ninh là nghiêm trọng. Bởi vậy khi mặt trận Trị - Thiên trở nên nguy ngập, Thiệu đã lệnh rút liên đoàn biệt động “dày dặn chiến đấu nhất” ở vùng Bình Long (đường 13) ném ngay ra ứng chiến ngoài Quảng Trị.

Với chúng tôi - những người đã qua chiến đấu trong nhiều năm, từng chứng kiến những thắng lợi khó quên nhưng cũng bắt gặp cả thất bại do ấu trĩ bản thân và do nhiều nguyên nhân khác nên đã rút cho mình một bài học tự tin là đúng, nhưng không bao giờ được chủ quan vì trong quân sự sai một ly đi không phải một dặm mà là nhiều dặm. Tình hình cho đến lúc này là khả quan, địch tuy có phát hiện ta di chuyển nhưng chúng cho đây chỉ là hành động nghi binh tạo thế cho hướng đường 22. Song không vì thế mà sao lãng việc kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị vẫn phải chấp hành nghiêm kỷ luật giữ bí mật; đồng thời cần phải theo dõi chặt mọi hành động của địch để có biện pháp xử lý khi tình hình có thay đổi đột biến.

Công sức dồn vào trận đánh có ý nghĩa lịch sử này thật nhiều.

Ngày 23 tháng 3 khi thông qua lần cuối quyết tâm của từng đơn vị, Bộ tư lệnh chiến dịch dành riêng thời gian để xem xét trao đổi rà lại quyết tâm cụ thể của trận tiến công cụm cứ điểm Lộc Ninh, qua đó ra nhiều chỉ thị bổ sung bảo đảm chắc thắng cho trận đánh.

Cho đến lúc này đây, trận then chốt mở đầu trên hướng chủ yếu sắp bắt đầu - tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Lộc Ninh!

Nhưng tất cả những người có trách nhiệm về trận đánh trên cương vị khác nhau đều có suy nghĩ và việc làm khác nhau nhằm hoàn hảo các yêu cầu đề ra trước, trong và sau khi nổ súng tiến công.

Trận mở đầu trên hướng chủ yếu diễn ra đúng thời gian quy định - 5 giờ 50 phút ngày 5/4/1972. Vẫn là kế hoạch không đánh theo kiểu bóc vỏ (bỏ qua tuyến phía trước cặp sát biên giới), mà thọc thẳng vào tung thâm cụm cứ điểm Lộc Ninh. Ngay ngày đầu cụm cứ điểm Lộc Ninh bị ta vây lấn tiêu diệt, toàn bộ lực lượng địch (hai tiểu đoàn bộ binh, một trung đoàn thiết giáp) đóng chốt ở căn cứ Hoa Lư - một vỏ cứng của tuyến phòng thủ phía bắc được lệnh rút bỏ về phía sau ứng cứu cho Lộc Ninh. Sang ngày thứ hai (6 tháng 4) toàn bộ lực lượng này lọt vào trận địa phục kích bày sẵn của ta, bị xóa sổ hoàn toàn. Sang ngày thứ ba, hai trung đoàn của Sư đoàn 5 được tăng cường một trung đoàn pháo - cối hỏa tiễn, hai đại đội xe tăng từ hai hướng tây bắc và đông tiếp tục tiến công. Đến chiều ngày 7 tháng 4 ta hoàn toàn làm chủ cụm cứ điểm Lộc Ninh, tiêu diệt, bức hàng toàn bộ quân địch, trong đó có tên đại tá Nguyễn Công Vĩnh, chỉ huy chiến đoàn 9. Rõ ràng cách đánh chọc thẳng vào ruột, tức thì vỏ bị co rúm, rạn vỡ. Và khi vỏ không còn đủ sức bao bọc, cơ thể nhanh chóng suy sụp, tan rã.

Ngay sau đó, tôi được các đồng chí quân báo cho biết kết quả bước đầu khai thác một số tù binh sau trận đánh. Mỗi tên tùy theo chức vụ mà có cái nhìn khác nhau về bản chất cuộc chiến, tự đặc quân đội Sài Gòn là quân đội có hạng. Trong số này có Nguyễn Đức Dương trung tá chỉ huy trung đoàn thiết giáp số 1 phòng giữ căn cứ Hoa Lư bị bắt ngày 6 tháng 4 trên đường co về phía sau cứu nguy cho Lộc Ninh. Dương

khai: “Đã hơn hai mươi năm cầm súng đánh thuê từ thời Pháp, tôi mới được điều về khu vực Lộc Ninh có vài tháng. Suốt mấy tháng trời, tôi chỉ gặp ông đại tá Nguyễn Công Vĩnh được hai lần vì còn vội lo phòng thủ, sợ các ông đánh. Tôi biết xung quanh vùng này các ông có lực lượng đông và mạnh, nhưng chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có một hệ thống phòng thủ kiên cố với gần một trăm xe tăng và xe bọc thép, quân số đông, súng đạn đầy kho. Tôi định ninh các ông không thể đánh được. Tôi đang tập trung củng cố thêm việc phòng thủ phía bắc căn cứ vì tin rằng các ông sẽ đánh từ hướng đó xuống. Thì bất ngờ sáng 5 tháng 4 các ông đã cắt ngang sau lưng chúng tôi. Tôi giật mình thấy ớn lạnh xương sống. Qua máy vô tuyến điện, tôi nghe ông Vĩnh kêu liên tiếp và lệnh cho tôi nhanh chóng co về chi khu Lộc Ninh cố thủ.”(!)

Những thú nhận của tù hàng binh thêm minh chứng sống nói lên cách đánh hiểm gót phần tạo thêm một khâu nữa gây bất ngờ với địch. Trong quyết tâm chiến dịch chúng tôi khiêm tốn dự kiến thời gian thực hành tiêu diệt cụm cứ điểm Lộc Ninh trong vòng từ năm đến bảy ngày, nhưng thực tế chỉ trong ba ngày đã hoàn thành nhiệm vụ, một trong nguyên nhân có được hiệu quả này là chúng tôi đã lựa chọn được cách đánh phù hợp với điều kiện cụ thể lúc đó.

Bước một của chiến dịch kết thúc vào ngày 8/4/1972 với những thắng lợi quá mức ta dự kiến. Chỉ trong tám ngày tiến công ta đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu ba chiến đoàn và một tiểu đoàn bộ binh, hai trung đoàn thiết giáp, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, diệt và bức rút nhiều đồn bốt. Ta đã đập tan tuyến phòng thủ phía trước trên vòng cung phía bắc Sài Gòn, dọc theo biên giới Đông Nam Bộ, đập tan chiến thuật phòng ngự cấp chiến đoàn của địch.

Nhiệm vụ tiếp sau đang đặt ra với yêu cầu nặng nề và khẩn trương.

Ngay trong bước chuẩn bị, khi thảo luận thông qua quyết tâm chiến dịch, các anh trong Thường trực Bộ chỉ huy Miền đã có ý kiến chỉ đạo sơ bộ ban đầu: sau khi giải quyết xong Lộc Ninh cần tiến công ngay vào An Lộc, lúc địch chưa tăng viện và cầu Cần Lê chưa bị phá. Trường hợp địch ồ ạt đưa viện binh, tăng cường hệ thống phòng thủ, không còn điều kiện tiến công sẽ chuyển lực lượng sang đánh địch vòng ngoài.

- Nếu vậy thì bỏ An Lộc, đưa lực lượng xuống đánh Chơn Thành. - Đây cũng là ý kiến nêu ra trong khi thảo luận nhưng không được tập thể chấp nhận.

Và ngay trong đêm 6 tháng 4, sau khi nhận được báo cáo trung đoàn thiết giáp số 1 của địch bị ta xóa sổ, Thường trực Bộ chỉ huy Miền họp tại sở chỉ huy cơ bản chiến dịch gồm các anh Phạm Hùng, Hoàng Văn Thái và tôi. Cuộc họp diễn ra nhanh gọn, tất cả chúng tôi đều thống nhất nhận định - “trận đánh Lộc Ninh coi như ăn chắc, thế địch đang suy sụp trên toàn chiến trường miền Nam, vấn đề bây giờ là cướp thời gian nhanh chóng giải quyết thị xã Bình Long với tinh thần không nhất thiết phải tổ chức thật đầy đủ mới đánh”. (Biên bản cuộc họp đêm B tháng 4 của Bộ chỉ huy Miền).

Ngay sau đó, Thường trực Bộ chỉ huy Miền chỉ thị tôi xuống sở chỉ huy Bộ tư lệnh chiến dịch truyền đạt ý kiến chỉ đạo nêu trong cuộc họp kể trên - cần tranh thủ lúc địch chưa có cụm nhiều ở Bình Long, khẩn trương tranh thủ thời cơ tiến công tiêu diệt địch, chiếm lĩnh thị xã An Lộc. Chậm nhất là vào ngày 9 tháng 4.

Đúng như dự đoán, sau khi ta làm chủ hoàn toàn khu vực Lộc Ninh, trên khu vực thị xã An Lộc địch chưa có tăng viện lớn, ngoài việc đưa tiếp lực lượng sư đoàn 5 lên làm nhiệm vụ phòng giữ, cầu Cần Lê chưa bị phá. Đây là thời cơ thuận lợi để ta thực hành đánh chiếm thị xã. Nhưng các đồng chí chỉ huy chiến dịch cho rằng - lần đầu tác chiến chính quy theo phương thức binh chủng hợp thành, không nên vội vã, cần phải có thời gian chuẩn bị, như ở Điện Biên Phủ phải kéo pháo ra để chuẩn bị tốt hơn rồi mới kéo pháo vào thực hành mở màn chiến dịch.

Mãi đến ngày 13 tháng 4 cuộc tiến công vào thị xã An Lộc mới được thực hiện, trong khi tình hình ở



đây thay đổi rất nhanh; ngày 9 tháng 4 địch phá cầu Cần Lê. Ngày 11 tháng 4 địch dùng máy bay lên thẳng bốc chiến đoàn 8 từ Lai Khê đổ xuống thị xã, đưa tổng số lực lượng địch ở đây lên ba lữ đoàn tăng cường. Đồng thời địch mở cuộc hành quân “Toàn thắng - 72B” bắt đầu từ ngày 9 tháng 4, tranh thủ giải tỏa sức ép của lực lượng ta quanh khu vực thị xã.

Mặc dầu ta vượt rất nhiều khó khăn kể cả đổ máu trong quá trình vận động tiếp cận hình thành thế bao vây chặt thị xã, đã có rất nhiều gương cá nhân và tập thể nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm khi thực hành tiến công vào đến đường Hùng Vương, bắc đường Trần Hưng Đạo, vườn hoa Tao Phùng, nhưng sau đó bị chặn lại vì tương quan lực lượng đã thay đổi. Phía phòng ngự quân đông, hỏa lực mạnh, trong khi bên tiến công chúng ta ưu thế không nổi trội, nếu không nói là đánh nhỏ giọt, mà nguyên nhân là chúng ta đã để mất thời cơ - nó đến nhanh và mất đi cũng nhanh!

Sau nguy cơ bị mất An Lộc, địch càng huy động tối đa lực lượng có thể để giữ An Lộc, vì đây vừa là thị xã tỉnh lỵ, vừa là cụm phòng thủ tuyến ngoài cùng ở hướng bắc Sài Gòn không thể mất. Từ 15 tháng 4 (sau cuộc tiến công thứ nhất của ta vào An Lộc không thành), địch tiếp tục cho đổ toàn bộ lữ đoàn dù 1 và liên đoàn biệt kích dù 81 xuống khu vực Núi Gió, lấy đó làm bàn đạp, đánh vào phía sau ta để mở đường vào thị xã; rút lữ đoàn dù 3 từ Tây Nguyên đưa về Đông Nam Bộ. Để giữ thị xã nhỏ này, Mỹ - ngụy phải dùng đến hai vạn quân phòng thủ, một vạn quân ứng cứu, huy động hàng ngày 60 lần/chiếc máy bay B.52, 120 lần/chiếc máy bay chiến thuật ném bom, có lúc máy bay địch quần đảo suốt hai tư trên hai tư giờ và chỉ cách quân ngụy năm trăm mét, nhắm đả ta ra xa.

Trong thời gian này Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương tiêu diệt quân địch bên ngoài để phá chỗ dựa của quân bên trong thu được kết quả bước đầu, vẫn giữ được thế chủ động chiến dịch. Nhưng về phía địch, lực lượng tập trung để cố thủ thị xã An Lộc đã lên tới năm chiến đoàn tăng cường (tương đương hai sư đoàn), mật độ không quân được tăng thêm. Về phía ta lực lượng tiến công là Sư đoàn 5 bị thương vong hao hụt mới được bổ sung.

Khoảng thượng tuần tháng 5, anh Phạm Hùng, anh Hoàng Văn Thái và tôi xuống sở chỉ huy chiến dịch trao đổi tình hình và bàn biện pháp xử lý phù hợp. Căn cứ vào tương quan lực lượng, ưu thế đã nghiêng về phía địch. Thế vừa tạo được (bức địch rời khỏi điểm cao) chưa đủ mạnh để áp đảo chúng. Trên đường 13, Sư đoàn 7 tuy chặn được địch nhưng chưa có trận đánh thối động nào. Địch ở thị xã vẫn quyết tâm cố thủ, địch trên đường 13 vẫn dồn quân lên thực hành giải tỏa. Lực lượng phòng không của ta chưa đủ sức chặn địch cơ động lực lượng bằng đường không tăng viện binh cho An Lộc; ta cũng không còn tranh thủ được yếu tố bất ngờ nào nữa. Và để thực hiện ý định của Bộ Chính trị, cũng như kế hoạch chung của Miền, đã đến thời điểm đưa Sư đoàn 5 xuống đồng bằng sông Cửu Long mở chiến dịch tổng hợp đánh phá bình định, thiết thực phối hợp với chiến trường miền Đông. Cuối cùng anh Phạm Hùng kết luận:

- Từ thực tiễn trên, Bộ chỉ huy Miền chủ trương không tiến công thị xã nữa mà chuyển sang bao vây cô lập Bình Long.

Nhưng Bộ chỉ huy chiến dịch vẫn giữ quyết tâm tiến công thị xã An Lộc, tha thiết đề nghị cấp trên cho được thực hiện nguyện vọng chung của các đơn vị, với lý lẽ: thị xã An Lộc đã bị bao vây trên thực tế; sư đoàn 5 và các đơn vị tăng cường cho quân ngụy Sài Gòn bị thiệt hại nhiều về sinh lực và phương tiện chiến tranh; quân dù lên giải tỏa đã bị đánh đau, đường 13 vẫn bị cắt; đợt tiến công ngày 13 và 15 tháng 4 không thành công không phải vì địch mạnh mà do ta đánh chưa tốt. Các anh nhấn mạnh đến tình hình chuẩn bị sẵn sàng của các đơn vị; đến kết quả chiến đấu tạo đà trong thời gian qua như đã tiến công chiếm lại Núi Gió và điểm cao 169, diệt phần lớn tiểu đoàn 6 dù cùng ban chỉ huy lữ đoàn dù 1; bên trong thị xã, ta đang tiếp tục tiến công tranh chấp với địch ở khu vực bắc đường Trần Hưng Đạo.

Cuộc trao đổi diễn ra trong không khí dân chủ, sôi nổi, có lúc gay gắt - giữa một bên là Bộ chỉ huy

Miền chủ trương chuyển hướng tiến công với một bên là các anh trong Bộ chỉ huy chiến dịch tìm mọi lý lẽ bảo vệ cho quyết tâm không thay đổi của mình. Đã có ý kiến: hãy để cho Bộ tư lệnh chiến dịch được thực hiện theo thẩm quyền được phân công.

Thế theo nguyện vọng - đúng hơn là một nguyện vọng cháy bỏng vì tinh thần trách nhiệm, chỉ tiến không lùi, Bộ chỉ huy Miền đã tôn trọng ý kiến cấp dưới.

Ngày 11 tháng 5 cuộc tiến công đợt hai vào thị xã An Lộc bắt đầu.

Đây là cuộc tiến công thể hiện một quyết tâm rất cao, với một kế hoạch đã rút kinh nghiệm các đợt tiến công lần trước.

Tiếp tục dùng Sư đoàn 9 được tăng cường Trung đoàn 2, Sư đoàn 5 dưới sự chi viện của 36 khẩu pháo - cối, kể cả pháo của chiến dịch và pháo của sư đoàn, 56 khẩu pháo và súng máy cao xạ, 25 xe tăng, chọn hướng tây làm hướng đột kích chủ yếu (không lặp lại hướng đông bắc của lần tiến công trước), chọc thẳng vào tòa hành chính, đánh chiếm sở chỉ huy Sư đoàn 5 nguy, từ đó đánh tỏa ra cắt địch từng khu vực để tiêu diệt chúng.

Cuộc tiến công bắt đầu từ 3 giờ sáng ngày 11 tháng 5. Sau bốn ngày liên tục chiến đấu, ta chiếm được ty công chính, ty cảnh sát nhà lao. Ở khu tây nam thị xã; chiếm Chợ Cũ, ty chiêu hồi ở khu đông bắc và tòa nhà bắc đường Trần Hưng Đạo.

Quyết tâm chiến đấu của bộ đội rất cao, dũng cảm, ngoan cường trụ bám. Hiệp đồng giữa bộ binh và xe tăng tốt hơn trước nhưng ta vẫn không phát triển hơn được nữa. Hỏa lực không quân kết hợp chặt chẽ với hỏa lực chống tăng địch đã chia cắt đội hình tiến công, phá hủy nhiều xe tăng của ta ở ngay cửa mở (18 trong tổng số 25 xe tăng tham chiến bị phá hủy và hỏng nặng). Mặt khác do các mũi không nắm được địa hình bên trong thị xã, nên phần lớn đánh chệch hướng, lạc mục tiêu, dẫn đến pháo binh ta chi viện lạc mục tiêu gây khó khăn cho việc phát triển tiếp theo. Vì thế sức đột kích của các đơn vị nhanh chóng giảm sút, bị chững lại, mất thế chủ động.

Cuộc tiến công đợt hai vào thị xã An Lộc đã chấm dứt ngày 15 tháng 5.

Với tư cách là một thành viên trong đội hình chiến dịch tôi mãi mãi thán phục cuộc tiến công vào thị xã An Lộc trong mùa hè 1972 như một bản anh hùng ca bất diệt. Tất cả những người tham chiến - từ đồng chí tư lệnh chiến dịch đến các chiến sĩ chiến đấu trong đội hình tổ ba người về tinh thần trách nhiệm thật cao của mình, không quản khó khăn, không ngại gian nguy, sẵn sàng cho yêu cầu của Tổ quốc lúc đó - cần phải gắng sức vươn lên, kể cả xả thân trong cuộc chạy đua lịch sử. Trong cả hai đợt tiến công, lực lượng so sánh ta chưa đủ ưu thế nhưng tất cả các đơn vị tham chiến khi có lệnh đã dũng mãnh chọc thủng tuyến phòng thủ có chuẩn bị trước của địch, tiến vào trung tâm thị xã, đánh tỏa ra các đường phố, chiếm giữ một số công sở hành chính cấp tỉnh của địch gây chấn động dư luận trong và ngoài nước. Chỉ một tin xe tăng của “Việt cộng” (tức Quân giải phóng) xuất hiện trên đường phố thị xã An Lộc làm chính giới Mỹ phải ngạc nhiên, sửng sốt. Trên bàn Hội nghị Paris, Kissinger giọng điệu đã bớt chủ quan, thách thức. Chính ông ta cũng kinh ngạc: Không hiểu làm thế nào và bằng cách gì mà các ông (Quân giải phóng) đưa được xe tăng đến trước cửa ngõ phía bắc Sài Gòn?

Rõ ràng sự không thành công của trận đánh không phải do nơi ý chí tinh thần, không phải lòng quả cảm quyết tâm có vấn đề mà là do:

- Bỏ lỡ thời cơ, vì cái thời cơ ấy chỉ đến sau khi Lộc Ninh thất thủ vài ba ngày rồi không bao giờ trở lại. Trong chiến tranh nói chung và trong chiến dịch, chiến đấu nói riêng yếu tố thời cơ là rất quan trọng, có lúc trở thành nhân tố quyết định. Gặp thời cơ yếu trở thành mạnh, hết thời cơ, mất thời cơ, mạnh dễ biến

thành yếu, dẫn tới thất bại.

- Vấn đề tương quan lực lượng: Thắng, bại trên chiến trường phụ thuộc vào sức mạnh cụ thể của bên này đủ sức áp đảo bên kia. Trong cả hai lần tiến công, chúng ta đều không có ưu thế hơn địch. Ở Lộc Ninh địch phòng thủ lực lượng cỡ trung đoàn, ta dùng lực lượng tiến công cỡ sư đoàn tăng cường, đã thắng lợi giòn giã. Nhưng ở An Lộc, địch phòng thủ lực lượng cỡ hai sư đoàn tăng cường, ta vẫn sử dụng lực lượng tiến công cỡ sư đoàn tăng cường. An Lộc là thị xã tỉnh lỵ cấu trúc địa hình mang tính chất đô thị; đồng thời nó lại là cụm cứ điểm kiên cố, có hầm ngầm, bố phòng mang tính chất tập đoàn cứ điểm, đòi hỏi phải có cách đánh chắc, chiếm từng khu vực, củng cố rồi lại tiếp tục phát triển thọc sâu, nhất là khu vực Núi Gió, nam thị xã. Nhưng ta tiến công ào ạt nên dễ bị địch lợi dụng các đường phố cấu trúc theo ô cờ cản lại. Xe tăng ta dùng trong trận Lộc Ninh ít hơn, nhưng phát huy hiệu quả tốt, ngược lại xe tăng dùng trong tiến công thị xã An Lộc nhiều hơn nhưng hiệu quả xung kích không rõ. Phần lớn số xe đưa vào trận đánh đã bị địch phá hủy, đánh hỏng ngay khi mở cửa, khi tiến vào đường phố do phối hợp không tốt giữa bộ binh với xe tăng (phần vì tính chất địa hình đường phố phức tạp) đã trở thành mục tiêu đơn lẻ dễ bị địch đánh phá.

- Vai trò hướng thứ yếu chiến dịch trong giai đoạn đầu chẳng những đã làm tốt nhiệm vụ nghi binh, thu hút lực lượng địch mà còn tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai. Song nhìn chung chưa hỗ trợ tốt cho hướng chủ yếu một cách nhịp nhàng. Sau đợt đầu làm chủ Xa Mát, lẽ ra phải tổ chức lực lượng thọc sâu xuống Dầu Tiếng - Tây Ninh, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, lo giữ Tây Ninh, thu hút chân chúng ở khu vực đường 22, không còn đủ sức tăng viện cho đường 13, tạo thuận lợi cho hướng chủ yếu tiến công An Lộc.

- Trong quyết tâm chiến dịch, có nêu rõ dự kiến - nếu giải quyết nhanh gọn khu vực Lộc Ninh, địch chưa kịp phản ứng, chưa kịp điều lực lượng từ phía sau lên tăng viện cho An Lộc thì tranh thủ thời cơ nhanh chóng phát triển xuống phía nam tiêu diệt địch, đánh chiếm thị xã An Lộc - mục tiêu trung tâm then chốt của chiến dịch. Nhưng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiếp sau này chưa cụ thể, lại thiếu kiểm tra đôn đốc, nên khi thời cơ đến mới tiến hành chuẩn bị, dẫn tới bị động, gặp không ít khó khăn, đặc biệt là việc chuyển pháo xe kéo xuống Bình Long vấp phải hỏa lực không quân mạnh của địch cản phá, gây chậm trễ. Đây cũng là lý do lỡ thời cơ.

- Sau hết cũng phải công bằng trong khi xem xét. Những khó khăn, những lúng túng, những khuyết điểm, kể cả sự gian lao vất vả của cấp dưới trong công tác chuẩn bị, cấp trên cũng có phần trách nhiệm, chưa bao quát trong điều hành, chưa kiểm tra đôn đốc sát sao cấp dưới thực hiện theo chủ trương kế hoạch đề ra.

Đây cũng là bài học của những cán bộ chỉ huy, vì nó chính là một nội dung không thể thiếu trong nghệ thuật hạ quyết tâm.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến “không dứt điểm được Bình Long đã làm hạn chế thắng lợi và ảnh hưởng đến bước phát triển tiếp sau của chiến dịch”(13).

(13) Báo cáo của Trung ương Cục gửi Quân ủy Trung ương ngày 17/5/1972.

Một giai đoạn mới, một hướng đi mới của chiến dịch được bắt đầu.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, Sư đoàn 5 và 1/3 lực lượng binh chủng chuyển xuống đồng bằng sông Cửu Long tham gia chiến dịch tổng hợp trên chiến trường Khu 8. Trung ương Cục và Quân ủy Miền có quyết định điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức chỉ huy chiến dịch: anh Hoàng Văn Thái xuống Khu 8 trực tiếp chỉ huy chiến dịch tổng hợp ở dưới đó; các anh Trần Văn Trà, Trần Độ về lại sở chỉ huy Miền chủ trì chung; tôi được giao nhiệm vụ tư lệnh kiêm chính ủy; anh Trần Văn Phác, phó chính ủy, anh Sáu Khâm - tham mưu trưởng Bộ tư lệnh chiến dịch, tiếp tục điều hành chiến dịch Nguyễn Huệ ở miền Đông Nam Bộ,

với nhiệm vụ:

- Bằng mọi biện pháp không để địch tái chiếm Lộc Ninh, Bù Đốp.

- Thực hành vây lỏng An Lộc, đồng thời kiên quyết chốt chặn kết hợp tiến công tiêu diệt sinh lực địch ngoài công sự để kìm chân và thu hút địch trên đường 13 càng lâu càng tốt, tạo thuận lợi cho địa phương Miền Đông phá bình định và phối hợp có hiệu quả với chiến dịch tổng hợp ở đồng bằng sông Cửu Long.

Bối cảnh chung lúc này, về phía địch tuy giữ được thị xã An Lộc nhưng trên toàn chiến trường Miền Đông chúng vẫn trong tình trạng bị động đối phó, lo sợ ta phát triển xuống vùng trung tuyến và vùng sâu. Vì vậy âm mưu của địch trước mắt vẫn duy trì khối chủ lực hiện có, tiếp tục mở cuộc hành quân phản công giải tỏa đường 13 và đẩy ta ra xa khỏi khu vực thị xã An Lộc, thực hiện kế hoạch phòng thủ Diên Hồng để bảo vệ vững chắc Sài Gòn(14). Về phía ta việc không đánh chiếm được thị xã An Lộc đã ảnh hưởng không thuận lợi đến việc phát triển chiến dịch theo quyết tâm cơ bản ban đầu. Mặt khác qua hai tháng chiến đấu quyết liệt quân số, vũ khí đạn dược thiếu vì bị tiêu hao. Trung đoàn pháo chỉ còn một phần hai tổng số đầu khẩu, xe tăng còn ít lại thiếu xăng không dùng được. Sức khỏe bộ đội giảm sút, tinh thần mệt mỏi, phát sinh nhiều tư tưởng băn khoăn lo lắng, ngại thương vong, thiếu tin tưởng, vì nhiệm vụ thì vẫn nặng nề mà lực lượng lại mỏng, trước đây có đủ ba sư đoàn mạnh còn có khó khăn, nay chỉ còn hai sư đoàn bị sút mẻ làm cách nào hoàn thành được nhiệm vụ.

(14) “Kế hoạch phòng thủ Diên Hồng” của địch đề ra từ tháng 6 năm 1972 bao gồm: dùng lực lượng phía sau của sư đoàn 21 phòng thủ khu vực đông bắc Sài Gòn được mang tên “Khu vực sông Hồng”, sư đoàn 25 phòng thủ khu vực tây Sài Gòn - “Khu vực Nhật Lệ”, đặc khu Rừng Sát phòng thủ khu vực đông nam Sài Gòn - “Khu vực Trà Khúc” tiểu khu Biên Hòa phòng thủ tiếp nối với “khu vực sông Hồng” của sư đoàn 21; bộ tư lệnh hải quân vùng 3 phòng thủ sông ngòi.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 15: Phần 4

Những vấn đề đặt ra trên đây là thực tế, cần có biện pháp giải quyết cùng rất thực tế và cụ thể, không thể chỉ bằng cổ vũ chủ nghĩa anh hùng cách mạng một cách đơn thuần. Trước hết chúng tôi quyết định dời Sở chỉ huy chiến dịch từ Mi Mốt về Minh Đức để điều hành công việc chuẩn bị chiến đấu sát với thực tế hơn, tiện việc tổ chức khảo sát thực địa, quan hệ với cấp ủy Đảng và lực lượng vũ trang địa phương được thuận tiện trước khi triển khai chiến đấu.

Cuối tháng 5 Bộ tư lệnh chiến dịch họp trao đổi thông qua quyết tâm chiến đấu và kế hoạch thực hiện. Ý kiến thảo luận sôi nổi hào hứng, không xuôi chiều. Nhưng tất cả chúng tôi đã hiểu nhau qua nhiều chiến dịch trước đây, đều gặp nhau ở một điểm - chỉ bàn tới, nên cuộc họp đã nhanh chóng đi đến thống nhất, từ cách đặt vấn đề, chủ trương chung, sử dụng lực lượng đến các công việc cụ thể phải làm, không thể chậm. Trong đợt một chiến dịch, ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch(15), đập tan tuyến phòng thủ phía trước của địch trên vòng cung phía bắc Sài Gòn dọc theo biên giới miền Đông Nam Bộ.

(15) Trong tám ngày đầu (từ ngày 1 đến ngày 8/4/1972) ta tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu ba chiến đoàn, một tiểu đoàn bộ binh, hai trung đoàn thiết giáp cùng số lớn quân bảo an, dân vệ.

Nhưng địch vẫn ngoan cố thực hiện âm mưu tăng viện giải tỏa đường 13, giải tỏa thị xã An Lộc, tái chiếm vùng đã mất. Vì vậy muốn làm phá sản âm mưu trên ta không thể chiến đấu theo kiểu be bờ, chặn viện thụ động, mà phải chuyển thế: vừa tiêu diệt địch tại chỗ vừa đánh địch từ xa; mở mặt trận bắc Chơn Thành, nam An Lộc, quyết không cho địch nối đoạn đường này; tổ chức lực lượng tiến hành tiến công sâu vào vùng trung tuyến, đánh bại các cuộc tiến công phản kích của địch tạo thế uy hiếp mạnh thị xã Bình Dương, Sài Gòn, buộc địch phải co lực lượng về phía sau, địch ở An Lộc lo việc giữ nhà, không còn là bàn đạp thực hiện tái chiếm vùng đã mất. Như vậy là chúng ta vừa bảo vệ được Lộc Ninh, vừa tiêu diệt địch làm thất bại âm mưu giải tỏa đường 13 và thị xã An Lộc.

Một cuộc họp với chỉ huy các đơn vị để phổ biến quyết tâm chiến đấu đợt hai của chiến dịch đã diễn ra sau đó. Sau khi nhắc lại những vấn đề lớn đã được Bộ tư lệnh nhất trí trong cuộc họp nói trên, tôi nói rõ một số nội dung quan trọng có liên quan đến nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị:

Một là, bảo vệ Lộc Ninh và bao vây thị xã An Lộc, có quan hệ mật thiết với nhau. Khả năng địch tái chiếm Lộc Ninh bằng đồ bộ đường không rất khó diễn ra, mà sẽ bằng đường bộ từ thị xã An Lộc theo đường 13 đánh lên có sự chi viện tối đa của không quân, nếu thị xã này được tăng viện. Vì vậy phá âm mưu giải tỏa An Lộc của địch là một nhiệm vụ trực tiếp quan trọng để giữ vững vùng giải phóng Lộc Ninh. Khác với bao vây theo chiến thuật be bờ, thành vòng tròn khép kín, yêu cầu vây lỏng An Lộc là khống chế, vây hãm, uy hiếp địch có trọng điểm (như vậy lực lượng ít mà vẫn mạnh ở những khu vực then chốt), tập trung lực lượng khống chế không cho địch đồ bộ đường không, khống chế sân bay Tép-ních, không cho chúng chiếm lại sân bay thị xã, đồi 128, khu vực Núi Gió, Sa Trạch và các khu vực phía tây đường 13, nhằm thu hút giam chân địch ở đây. Để có điều kiện hoạt động liên tục và dài hơi, các lực lượng làm nhiệm vụ bao vây cần tổ chức thực hiện thay phiên (cơ đại đội, tiểu đoàn) chiến đấu đảm bảo có đơn vị lên phía trước làm nhiệm vụ đơn vị lui về phía sau nghỉ ngơi củng cố, thực hiện phương châm vừa tác chiến vừa củng cố, bồi dưỡng lực lượng.

Hai là, đánh bại âm mưu địch giải tỏa đường 13, ngăn chặn địch phát triển lên phía bắc. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng có quan hệ đến diễn biến chung được xác định từ đầu trong quyết tâm cơ bản của chiến dịch. Vì vậy Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương tiếp tục đánh địch trên đường 13, nhưng trong đợt hai

này không phải để phục vụ cho những trận tiến công như trước, mà để đẩy lùi và đánh bại mọi hành động phản kích giải tỏa đường 13 của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch tiếp tục phát triển trên cơ sở giữ vững vùng giải phóng phía sau. Yêu cầu những đơn vị làm nhiệm vụ ở đây là phải thiết lập thế trận chốt chặn vững chắc trên đoạn đường từ nam An Lộc xuống bắc Chơn Thành, kiên quyết không cho địch chọc thủng để lên tăng viện cho An Lộc, đẩy thị xã này vào thế bị ta bao vây uy hiếp mạnh, không làm nổi vai trò vị trí bàn đạp tái chiếm Lộc Ninh, khôi phục lại thế cũ. Đồng thời với chốt chặn, còn chuẩn bị điều kiện và tổ chức lực lượng sẵn sàng phát triển xuống nam Chơn Thành, uy hiếp vùng trung tuyến.

Ba là, trên cơ sở không xáo trộn đội hình, phát huy sở trường của các đơn vị, bảo đảm tính tiến công liên tục, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương: Sư đoàn 9 từ tiến công chuyển sang làm nhiệm vụ bao vây thị xã An Lộc; Sư đoàn 7 tiếp tục làm nhiệm vụ chốt chặn đánh địch trên đường 13 với yêu cầu cao hơn.

Nhưng tất cả đều phải sẵn sàng thực hiện yêu cầu điều chỉnh lực lượng theo lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch để lập thế trận mới phục vụ nhiệm vụ chung của cuộc tiến công. Vì lực lượng có hạn, cả đơn vị làm nhiệm vụ bao vây và chốt chặn đều phải hình thành thế đánh có trọng điểm, thực hiện thay phiên chiến đấu và nghỉ ngơi thích hợp.

Cuộc họp diễn ra suôn sẻ, ý kiến trao đổi sôi nổi về biện pháp tổ chức thực hiện, trong đó có vấn đề chung: Đợt hai chiến dịch, ta thực hiện cách đánh gi, tiến công hay phòng ngự.

Đây không đơn thuần là nhận thức, đằng sau nó có chứa đựng tư tưởng cần được trao đổi để thông suốt. Nhưng lúc này thời gian không có nhiều, tôi chỉ nêu gọn: Hình thức thì như phòng ngự, nhưng thực chất là tiến công. Lập thế trận chốt chặn là vừa giữ đất vừa tiến công, phòng ngự và tiến công xen kẽ, giữ chốt để vận động tiến công, vận động tiến công để giữ chốt. Muốn hiểu thế nào thì tùy, miễn là phải đánh bại âm mưu giải tỏa đường 13, không cho địch đặt chân lên An Lộc.

Chốt chặn đánh địch trên đường 13 và bao vây cô lập thị xã An Lộc là hai nhiệm vụ chính của đợt hai chiến dịch. Nhưng cả Bộ chỉ huy Miền và Bộ tư lệnh chiến dịch đã dành sự quan tâm nhiều đến việc chặn đánh địch trên đường 13. Bởi lẽ đây là nhiệm vụ rất quan trọng, nếu không nói là quyết định đến yêu cầu giữ vững thành quả của đợt một, tạo đà, chuẩn bị bàn đạp cho nhiệm vụ đợt ba chiến dịch. Vì vậy giải tỏa và chống giải tỏa - cuộc tranh chấp giữa ta và địch chắc chắn sẽ diễn ra rất gay go, quyết liệt.

Sư đoàn 7 do có nhiều thành công trong nhiệm vụ chốt chặn kết hợp với tiến công trên đất bạn Campuchia trong năm 1971, đã được Bộ chỉ huy chiến dịch giao đảm nhận chốt chặn diệt địch dọc theo đường 13 từ cầu Cầm Lê xuống bắc Chơn Thành. Sư đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ chặn viện có hiệu quả trong đợt một chiến dịch(16), chắc chắn cũng sẽ hoàn thành nhiệm vụ đợt hai này với yêu cầu cao hơn, chịu những thử thách gay go và phức tạp hơn. Tất cả đều như đánh bài ngựa, như thế cờ trên bàn cờ đã bày sẵn. Tướng sĩ, tượng xe, pháo đã hiện rõ trên bàn cờ. Nghĩa là không gian, thời gian và lực lượng tham gia trận phá thế đã rõ, hầu như không còn bất ngờ. Trận địa chốt chặn của ta là khu vực nam, bắc Tàu Ô, nơi mà địch dồn sức đánh phá cũng là đây. Cả ta và địch đều quen thuộc, có khi địch nắm nơi đây còn rõ hơn ta, vì trước đó chúng đã lập đồn bót, biến thành nơi trung chuyển quân từ Lai Khê, Chơn Thành lên An Lộc, Lộc Ninh, từ Lộc Ninh, An Lộc về lại hậu cứ Lai Khê, Bình Dương.

(16) Các đơn vị sư đoàn 7 đã bao vây tiến công chiến đoàn 7 ở Phù Lỗ, diệt chiến đoàn 52 ở cầu Cầm Lê khi chúng từ ngã ba Đồng Tâm rút chạy về hướng thị xã Bình Long, đẩy lùi cuộc tiến quân của lũ đoàn dù 1 từ Chơn Thành lên Ngọc Bàu, đánh bại cuộc hành quân mở đường của sư đoàn 21 ở bắc Chơn Thành, đánh thiệt hại nặng lũ đoàn dù 3 khi chúng đổ quân xuống Tàu Ô.

Ta kiên quyết trụ giữ, địch dốc sức đánh phá giải tỏa đều tại đây. Hiểu như vậy sao ta vẫn chọn khu vực Tàu Ô, chứ không phải nơi khác?

Trong nghệ thuật quân sự có khái niệm đánh theo tự chọn và đánh theo mệnh lệnh cấp trên, theo sự chỉ đạo của nhiệm vụ chung. Trong trường hợp cụ thể, lúc chiến dịch Nguyễn Huệ bước sang đợt hai thì không có sự lựa chọn theo ý muốn chủ quan, mà là chấp nhận, chỉ có sự chấp nhận vì nhiệm vụ chiến dịch đòi hỏi, xa hơn nữa vì yêu cầu của cuộc tiến công chiến lược chung trên toàn chiến trường miền Nam yêu cầu.

Sư đoàn trưởng Đàm Văn Ngụy sau khi dẫn đoàn cán bộ trực tiếp đi nghiên cứu thực địa trở về càng tâm đắc với địa hình nơi đây. Từ nam An Lộc đến Tân Khai địa hình na ná nhau, bằng phẳng, trổng trái, hai bên đường là ruộng bỏ hoang, mỗi bên hai đến ba ki-lô-mét sâu vào trong là rừng già, xen kẽ là trảng và bầu, có gỗ và rừng le, tìm chỗ đặt cối và đại liên không dễ.

Nhưng ở khu vực Tàu Ô thì khác, có con suối chảy từ tây sang đông đường rộng hai mươi đến ba mươi mét, nước nông nhưng là vật cản thiên nhiên tốt. Hai bờ bắc, nam của con suối là những vạt đồi thoải, quá trình mở rộng đường 13, địch san ủi vẫn còn những ụ đất cao từ một đến một mét rưỡi, lâu ngày đất rắn, có thể cải tạo thành những ụ chiến đấu tốt. Nam suối Tàu Ô năm trăm mét có cống Ông Tề rộng tám mét. Địa thế khu vực này tương đối cao, càng về phía nam địa thế càng thấp dần, đứng ở Tàu Ô ta có tầm nhìn không chế được phía nam.

Sau khi nghe sư trưởng Đàm Văn Ngụy báo cáo quyết tâm lập trận địa chốt chặn ở khu vực Tàu Ô, trong sở chỉ huy chiến dịch có ý kiến hỏi lại:

- Phòng ngự à?

- Không, chốt chặn kết hợp với vận động tiến công. - Đàm Văn Ngụy trả lời.

- Chiến thuật gì lạ vậy?

Đàm Văn Ngụy giải thích:

- Không rõ chiến thuật gì nhưng đã thắng địch ở Cầu Khởi, Tây Ninh trong tiến công đợt ba xuân 1968, thắng địch ở Đầm Be, Cát Thờ Me năm 1971.

Vấn đề đã rõ ràng, tất cả chỉ còn tùy thuộc nơi tinh thần chấp nhận và chịu đựng, tùy thuộc nơi mưu lược tính toán trong khối óc con người từ hai phía. Sau buổi họp quán triệt quyết tâm chung, Bộ tư lệnh chiến dịch làm việc với Sư đoàn 7, trước hết tính toán lại thế lực lượng. Nếu đợt một đội hình kéo dài, hình thành hai lớp chặn viện (hai trung đoàn đảm nhận Tàu Ô - ngã ba Xóm Ruộng, một trung đoàn tách khỏi đội hình luồn xuống nam Chơn Thành đứng chân ở khu vực Bầu Lồng làm nhiệm vụ chặn địch từ Lai Khê lên), thì nay rút ngắn lại, tạo ưu thế trên một khu vực: Trung đoàn 209 chốt chặn ở khu ngăn chặn chủ yếu nam, bắc Tàu Ô, Trung đoàn 14 bao vây Tân Khai, Trung đoàn 12(17) rút ra củng cố để cùng với Trung đoàn 1/Sư đoàn 9 và Trung đoàn 205 độc lập của Miền, trước mắt làm nhiệm vụ cơ động đánh địch ở khu vực Đức Vinh - Xa Cát (bắc Tân Khai), thực hiện hai trung đoàn chốt chặn, ba trung đoàn vận động tiến công chi viện phía trước và đánh địch vu hồi phía sau trận địa chốt.

(17) Sư đoàn 7 gồm các trung đoàn của sư đoàn 312 từ miền Bắc bổ sung vào: trung đoàn 141 đổi thành trung đoàn 14, trung đoàn 165 đổi thành trung đoàn 12, trung đoàn 209 giữ nguyên số hiệu cũ. Những trang sau sẽ lấy lại số hiệu cũ khi kể về các trung đoàn này để đọc giả tiện theo dõi truyền thống liên tục của các trung đoàn kể trên từng đứng trong đội hình đại đoàn 312 trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).

Ngày 15 tháng 5 kết thúc đợt một, từ 16 tháng 5 chiến dịch chuyển sang đợt hai, đến 19 tháng 5 trên mặt trận đường 13 Sư đoàn 7 nổ súng mở màn cuộc chiến đấu theo yêu cầu mới. Thời gian cần có thì ngắn,

nhưng khối lượng công tác chuẩn bị thật nhiều với những khó khăn chồng chất. Trung đoàn 209 từ Bầu Lồng ngược lên phía bắc thay phiên Trung đoàn 165 ở nam bắc Tàu Ô, đến nơi phải triển khai ngay việc xây dựng hầm hào, công sự hình thành ba bộ thống chốt (thuật ngữ quân sự gọi là ba dải phòng ngự). Các trung đoàn khác tiếp tục ngược lên phía bắc, vừa hành quân vừa khảo sát thiết kế chiến trường, vận động tiến công.

Lo nhất vẫn là khu vực Tàu Ô vì đây là chìa khóa, cái bản lề quyết định thế trận đôi bên. Trong khi trung đoàn 209 đang bận bịu công việc xây dựng trận địa chốt thì các tin kỹ thuật, tin của quân báo Miền, quân báo chiến dịch cho biết dấu hiệu về một cuộc hành quân giải tỏa quy mô lớn của địch đang đến gần Chơn Thành chứa đầy áp quân từ phía sau đổ lên, máy bay trinh sát địch rà lượn suốt ngày đêm trên trận địa chốt của ta.

Chiều 18 tháng 5, như thường lệ chúng tôi gọi điện xuống Sư đoàn 7 nắm tình hình kết quả chuẩn bị trong ngày thì đầu dây bên kia vọng lại: Hệ thống trận địa chốt đã hình thành, các hầm chữ L vừa có nắp tránh đạn pháo vừa có hố bắn cá nhân đã xong, từng tổ bắt đầu nối nhau bằng đường hào, đảm bảo sẵn sàng đánh địch. Đó là tiếng nói của sư đoàn trưởng Đàm Văn Ngụy.

Đúng ngày 19 tháng 5, ngày sinh nhật Bác, đã nổ ra trận đụng độ đầu tiên giữa lực lượng giải tỏa và lực lượng chống giải tỏa. Hai trung đoàn 15 (sư đoàn 9) và trung đoàn 33 (sư đoàn 21) nguy Sài Gòn, được máy bay lên thẳng đổ xuống Tân Khai và thiết đoàn 9 tăng - thiết giáp (thiếu) theo đường bộ vòng qua Tàu Ô lên Tân Khai, lấy đây làm căn cứ xuất phát đánh lên An Lộc. Địch nham hiểm, tránh chỗ mạnh, đánh vu hồi phía sau, nhưng đã bị lực lượng vận động tiến công lót ổ sẵn đánh phủ đầu, đội hình địch hoang mang, rối loạn. Các trung đoàn 165, 141, 205 của ta thực hiện vây hãm, diệt nhiều sinh lực địch, diệt toàn bộ các chi đoàn của thiết đoàn 9 thiết giáp (thiếu). Ngày 21 tháng 5, lợi dụng ta có sơ hở khi thay phiên, trung đoàn 31 (sư đoàn 21) địch, được tăng cường hai tiểu đoàn biệt động quân số 65 và 73 tiến công vào khu chốt bắc cổng Ông Tề (cách Tàu Ô năm trăm mét về phía bắc). Trung đoàn 209 đảm trách khu chốt đã giành giật quyết liệt với địch từng thước đất.

Theo dõi diễn biến, Bộ tư lệnh chiến dịch nhận định: Ban đầu lợi dụng ta sơ hở lần chiếm cục bộ, sau địch đẩy tới một cuộc hành quân có sự yểm trợ tối đa của hỏa lực (18) nhằm đột phá vào trận địa chốt chặn cơ bản của ta - khu Tàu Ô. Vì vậy cần phải huy động lực lượng vận động tiến công ở phía sau lên hỗ trợ, quyết không để địch chọc thủng.

(18) Pháo địch ở Chơn Thành bắn vào trận địa ta có ngày tới 10.000 viên trên chính diện 2.000m<sup>2</sup> máy bay B.52 đánh phá cả ngày lẫn đêm, máy bay chiến thuật AD.6, A.37 xuất kích gần 40 lần chiếc/ngày.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của chỉ huy chiến dịch, Bộ tư lệnh Sư đoàn 7 đã xử trí kịp thời: vẫn duy trì Trung đoàn 165 ở bắc Tân Khai chặn địch nòng lên An Lộc, đưa Trung đoàn 141 từ Tân Khai xuống cổng Ông Tề cùng với Trung đoàn 209 phản công giành lại trận địa, khôi phục lại thế trận ban đầu.

Sau trận thắng này chúng tôi thấy cần phải điều chỉnh lại cách đánh. Nếu đợt một chiến dịch lấy vận động tiến công là chủ yếu, chốt giữ là quan trọng, thì nay giữ chốt phải là chủ yếu vừa thể hiện tinh thần quyết giữ Tàu Ô, sẵn sàng chấp nhận hết thử thách - và đó cũng là thực hiện quyết tâm cơ bản trong đợt hai chiến dịch.

Trên đây mới là thắng lợi mở đầu và cũng là thách thức bước đầu chúng tôi đã vượt qua, còn biết bao nhiêu cửa ải đang chờ.

Từ 21 tháng 6, cuộc chiến đấu chống giải tỏa mới thực gay go và ác liệt. Rút kinh nghiệm thất bại trong kế hoạch vu hồi phía sau khu vực Tàu Ô để lên An Lộc, địch thay đổi kế hoạch; tập trung ưu thế binh hỏa lực chọc thẳng vào Tàu Ô, nhổ bật chiếc “đinh cái” trên đường 13 mở đường lên An Lộc dễ dàng hơn,



khỏi phải đề phòng phía sau. Với lực lượng hai trung đoàn, một lữ đoàn, một thiết đoàn(19), địch mở cuộc hành quân trên chính diện một ki-lô-mét, đột phá liên tục cả ngày lẫn đêm (22, 23 tháng 6) nhằm đánh thẳng vào Tàu Ô, đập tan hệ thống trận địa chốt của ta. Nhưng địch đã thất bại trước lối đánh vận động tiến công kết hợp với chốt chặn của ta, buộc chúng phải rút về Xóm Ruộng, Ngọc Hồi, cách Tàu Ô bốn ki-lô-mét về phía nam.

(19) Trung đoàn 46 (sư đoàn 25) và thiết đoàn 3 từ đường 22 sang đường 13 (thay trung đoàn 32/sư đoàn 21 về Long An), trung đoàn 33 (sư đoàn 21) và lữ đoàn dù số 1.

Sang tháng 7, cuộc chiến đấu giữ chốt đứng trước những thử thách chưa từng gặp trước đó ở chiến trường miền Đông Nam Bộ. Lực lượng địch đông hơn, thủ đoạn phản kích vừa hiểm hóc vừa tàn bạo. Ngày 14 tháng 7, toàn bộ sư đoàn 25, trung đoàn 31 (sư đoàn 21 chưa về đồng bằng) chia làm ba cánh, hình thành chín mũi, đột phá ào ạt và liên tục, nhiều ngày, nhiều hướng vào khu chốt chặn Tàu Ô một lần nữa. Đến ngày 26 tháng 7, địch tạo được những chốt nhỏ trong quá trình tiến quân nối liền từ ngã ba Xóm Ruộng đến Tàu Ô, dựa vào đó đánh vào các chốt, chia cắt trận địa và chặn tiếp tế của ta từ đông đường sang tây đường.

Lê Văn Tư, tư lệnh sư đoàn 25 hăm danh, đặt nhiều tham vọng vào cuộc hành quân giải tỏa mà hấn đảm trách. Y thay đổi chiến thuật, dùng hỏa lực phi pháo có mức độ, có trọng điểm trong khu vực Tàu Ô, nhưng lại dùng rộng rãi hỏa lực tối đa đánh phá trận địa phía sau ta, phá hủy đường sá, cắt đứt liên lạc ngăn chặn đường tiếp tế vận tải của ta ra phía trước.

Nguyên là tư lệnh phó sư dù, được điều về giữ chức tư lệnh sư đoàn 25, Lê Văn Tư còn trẻ và nhiều tham vọng, rất kiêu ngạo và hung hăng. Khi từ đường 22 điều sang đường 13, y huênh hoang: cái gì sư đoàn 21 không làm được, sư đoàn 25 nhất định sẽ làm được: quyết tâm của Lê Văn Tư là phải phá vỡ trận địa chốt chặn của Việt cộng (chỉ Quân giải phóng) ở Tàu Ô, đưa sư đoàn 25 - mệnh danh là “Tia chớp nhiệt đới” của quân lực Việt Nam cộng hòa (chỉ quân đội ngụy) đặt chân lên thị xã An Lộc.

Từ tập trung lực lượng lớn liên tục tiến công, liên tục đột phá bằng nhiều mũi (kể cả việc đưa chiến đoàn 49 bí mật vòng sâu vào phía tây đường lên Tân Khai vu hồi phía sau Tàu Ô) vẫn không nhổ được các cụm chốt của ta. Địch dẫn ra hình thành các cụm dã ngoại đóng xen kẽ rất gần với các chốt của ta, cắt đứt đường vận chuyển của ta từ phía sau ra phía trước.

Nhưng chúng đã thất bại. Bắt đầu từ phát kiến của một đại đội, nhanh chóng thành phong trào, tất cả các con đường mòn vận tải đêm đưa đồ tiếp tế ra các chốt dã ngoại của địch đóng xen kẽ với các trận địa chốt của ta đều bị ta phát hiện và sau đó đều bị ta tổ chức phục kích đánh trúng vừa diệt được địch vừa thu được lương thực, đạn dược; cũng có nơi các chiến sĩ ta phải mặc giả địch, trà trộn với địch để vượt qua mọi nguy hiểm đưa đồ tiếp tế ra phía trước. Cứ thế, cái khó ló cái khôn, xuất hiện phương cách na ná như kiểu lấy đồ tiếp tế của địch đánh địch ở Điện Biên Phủ năm xưa. Trại biệt kích Minh Hòa đóng phía sau trận địa ta, quân số cỡ tiểu đoàn. Ta thừa sức nhổ cái gai này một cách nhanh gọn. Nhưng cứ để đó, chỉ thỉnh thoảng cho lực lượng nhỏ đến pháo kích, đem vào cắt rào, gỡ mìn làm như sắp sửa bị ta xóa sổ. Bọn chỉ huy trại lo sợ, càng có cơ xin tăng viện. Thế là địch trúng mưu, đều đều máy bay địch từ hậu cứ bay đến thả dù tiếp tế đủ thứ. Nhờ sự “chỉ viện” kiểu này mà ta có gạo sảy, có đạn dược của địch đánh địch. Đạn cối 81 dùng cho cối 82 ly, đạn 106,7 ly dùng cho cối 120 ly, hơi lỏng một chút, độ chính xác giảm, nhưng còn hơn không. Đến đầu tháng 8, tình thế đã thay đổi, ta tiến công san bằng đồn này vì xét thấy nó đã hết tác dụng.

Thua keo này địch bày keo khác, Lê Văn Tư lại tung thủ đoạn gây căng thẳng thường xuyên cả đêm lẫn ngày, làm ta không còn đủ sức giữ chốt. Ngày địch tiến công bằng hỏa lực phi pháo và tiếp tục gây sức ép, các mũi đột kích liên tục vào trận địa ta. Đêm chúng tổ chức các bộ phận nhỏ chia thành từng tốp, cời

trần mặc quần đùi đeo trên lưng túi lựu đạn, bí mật luồn lách mò đến từng hầm chốt thả lựu đạn xuống. Chúng lại bị thất bại, vì ta kịp thời phát hiện và tổ chức đối phó, phải các tổ chiến đấu bí mật vòng ra ngoài phục sẵn. Khi địch mò đến địa điểm thích hợp, ta trong nổ súng ra, ngoài tổ vu hồi bắt thần nổ súng đánh phía, sau lưng.

Địch lại dùng thủ đoạn điều tăng, thiết giáp đến gần chốt ta, ở cự ly ngoài tầm bắn hiệu quả của súng B.40. B.41, tức thì tập trung pháo tự hành ĐK.90 bắn trực tiếp phá từng công sự trên trận địa chốt của ta. Bằng lối đánh này, chúng đã gây cho các đơn vị giữ chốt nhiều thiệt hại, có đại đội sau trận đánh chỉ còn ba, bốn hoặc năm tay súng. Nhưng vô quýt dày có móng tay nhọn. Sự tự giác chấp nhận thử thách là nguyên nhân nảy sinh nhiều sáng kiến đánh giặc. Dùng thuật nghi binh như địch kết hợp thiết lập các trận địa bắn tia, xuất hiện bất thần, từ nhiều phía, địch lúng túng, hoang mang, phải chấp nhận thất bại.

Táo bạo hơn, các đơn vị còn tổ chức những tổ bí mật ra phục sẵn ở những nơi xe tăng và bộ binh địch vẫn hay lợi dụng địa hình có lợi để đứng bắn vào trận địa ta, gây cho địch những bất ngờ đến kinh hoàng.

Trận địa chốt chặn Tàu Ô của ta vẫn đứng vững!

Nhưng cuộc chiến đấu chống địch giải tỏa càng gặp muôn vàn khó khăn. Vừa mệt mỏi, căng thẳng và bị tiêu hao trong chiến đấu. Sang tháng 6, tháng 7 mưa càng nhiều, hầm hào sụt lở ăn ở của bộ đội càng gian khổ, thiếu thốn, ốm bệnh đủ loại, quân số chiến đấu giảm, từng đại đội, tiểu đoàn chỉ còn 50%, thậm chí 30% so với biên chế.

Bộ tư lệnh chiến dịch chúng tôi nhận định: trên thế chung chúng ta vẫn giữ được quyền chủ động. Qua tin tức của đài Tiếng nói Việt Nam, từ Bộ chỉ huy Miền thông báo xuống; tại hướng chiến lược chủ yếu Quảng Trị, đã hút thêm lữ đoàn dù 1 và liên đoàn biệt kích 81 từ đường 13 đưa ra; địch cũng rút bớt quân ở Tây Nguyên và đồng bằng Khu 5 đi chi viện các nơi khác vì tại đây ta vẫn tiếp tục tiến công uy hiếp. Trên mặt trận đường 13, địch phải rút sư đoàn 21 về đồng bằng sông Cửu Long để đối phó với sư đoàn 5 của ta đang cùng quân dân Khu 8 mở chiến dịch tổng hợp đạt hiệu quả. Sư đoàn 18 và liên đoàn biệt động quân 5 vẫn bị giam chân ở thị xã An Lộc, thay sư đoàn 5 rút về phía sau củng cố, chưa thể tiếp tục đưa ra phía trước được. Trên mặt trận đường 13 vẫn chỉ có sư đoàn 25 và một số đơn vị tăng cường khác, đã bị sút mẻ và sa sút tinh thần qua gần một tháng thay sư đoàn 21 tiến công trận địa chốt Tàu Ô.

Về phía ta, Sư đoàn 7 đã chứng tỏ là một sư đoàn có bản lĩnh trong nhiệm vụ chống địch giải tỏa, làm thất bại nhiều thủ đoạn nham hiểm của địch trong cuộc tiến công nhằm đánh bật ta ra khỏi trận địa chốt; chúng vẫn dậm chân tại chỗ trước hệ thống chốt chặn Tàu Ô của ta.

Từ nhận định trên và quán triệt sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương: kiên trì giữ các chốt cơ bản kết hợp với tổ chức các chốt cơ động đưa lực lượng ra phản kích.

Bắt đầu triển khai thực hiện chủ trương chuyển hoạt động vào khu trung tuyến, là thiết thực chi viện cho trận địa chốt chặn Tàu Ô, đồng thời hạn chế khả năng địch đưa lực lượng đánh ra vùng giải phóng.

Đây là nhiệm vụ đã được đề cập trong nội dung quyết tâm chiến đấu đợt hai chiến dịch. Trong bố trí lực lượng chống giải tỏa trên đường 13, chúng tôi chỉ đạo Sư đoàn 7 chỉ để Trung đoàn 209 chốt chặn Tàu Ô, Trung đoàn 165, 141 và 205 làm nhiệm vụ cơ động tiến công, thời gian đầu đánh địch vu hồi phía sau khu vực Tân Khai, Đức Vinh, sau vận động tiến công khu vực phía trước, hỗ trợ Trung đoàn 209 giữ vững khu vực chốt chặn Tàu Ô, để khi có điều kiện dễ dàng rút ra làm nhiệm vụ mới.

Thời cơ để triển khai dự kiến ban đầu đã đến. Nhưng khi vào việc thì lại không đơn giản! Khó khăn trước hết là việc rút hai trung đoàn của Sư đoàn 7. Người không thông chính là sư đoàn trưởng Đàm Văn Ngụy. Một mặt anh ra lệnh cấm không ai được nói với những người chưa biết tin này, “cụ thể thế nào sau

khi tôi lên Bộ tư lệnh chiến dịch về sẽ hay”. Ngay đêm hôm được tin rút, Đàm Văn Ngụy cứ trần trọc về những suy nghĩ miên man (khi lên sở chỉ huy chiến dịch anh tâm sự lại, như phân bua với mọi người): “Thị xã Quảng Trị đã mất, Hiệp định Paris vẫn chưa ký, ta bỏ Tàu Ô thì sư đoàn 25 địch đang đứng trước mặt sẽ tràn vào, thẳng đường lên giải tỏa An Lộc, cùng lực lượng ở đây tái chiếm sân bay Tép-ních, chỉ khu quân sự Lộc Ninh, thì lấy đâu địa điểm đặt trụ sở Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam? Đông Hà? Gần miền Bắc quá, không có lợi về chính trị. Sư đoàn 7 đã đóng giữ đoạn đường ba mươi ki-lô-mét từ nam An Lộc đến bắc Chơn Thành, nay rút uổng quá? Trên thương ta mà lệnh cho ta rút ra để nghỉ ngơi củng cố. Nhưng rút lúc này là mất thời cơ chiến lược.

Không, nhất định phải giữ, nhưng cần điều chỉnh lực lượng, thay đổi cách bố trí và cách đánh.

Biết sáng hôm sau sư trưởng Sư đoàn 7 Đoàn Văn Ngụy lên báo cáo, xin ý kiến, tôi đã bố trí thời gian tiếp.”

Gương mặt anh vẫn hiện rõ nét lạc quan, tự tin, nhưng hình thể thì gầy, da xanh, hai mắt trũng sâu! Rất muốn có cái gì chiêu đãi người ở phía trước sau gần hai tháng trời vất vả, nhưng ngó trước nhìn sau chẳng tìm ra thứ gì để gọi là bồi dưỡng nhẹ.

Nắm chặt tay Đàm Văn Ngụy, tôi nói:

- Ngồi xuống, uống tạm nước đun sôi, rồi trình bày ngay, tụi mình sẵn sàng nghe.

Không đắn đo suy nghĩ, như tất cả đã chuẩn bị sẵn trong đầu cứ việc mở nút là bật tung, Đàm Văn Ngụy sôi nổi trình bày những điều mình đã nghĩ đêm qua.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 15: Phần 5

Ôi! Phẩm chất đáng quý của một con người. Là người đứng mũi chịu sào, trăm cái gian nan vất vả, nghìn cái gian khổ, gay go đều đổ vào mình, mà vẫn không hề nao núng phân tâm, không muốn xả hơi, trái lại vẫn tha thiết trình bày, đề nghị trên cho được tiếp tục trụ lại ráng chịu đựng, sẵn sàng chấp nhận tất cả, dù có thể nào, miễn là không để địch bước qua Tàu Ô.

Trước hết tôi chân thành bày tỏ sự cảm phục của mình về sư đoàn trưởng sư đoàn 7 Đàm Văn Ngụy. Qua hơn sáu mươi ngày thử lửa, chất vàng nhân phẩm của anh vẫn óng ánh, anh đã góp phần cùng cố bản lĩnh, lòng tin cho cấp dưới và cả cấp trên trong thời điểm cần phải có.

Sau đó, thay mặt Bộ tư lệnh chiến dịch, tôi trình bày kế hoạch hoạt động tiếp theo được tập thể nhất trí:

- Ý định rút phần lớn lực lượng Sư đoàn 7 ra khỏi khu vực chốt chặn không phải để nghỉ ngơi, mà là...
- Tôi vừa mở đầu công việc giao nhiệm vụ.

Sư trưởng sư đoàn 7 cất ngang:

- Đi đâu thủ trường? - Anh hỏi dồn. - Đi hướng nào, làm nhiệm vụ gì?

Tôi tiếp tục trao đổi, bắt đầu từ cách đặt vấn đề.

- Hơn hai tháng qua Sư đoàn 7 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhưng nếu đánh theo kiểu vỗ mặt thì khả năng đẩy lùi địch có khó khăn, chỉ tạo thế giằng co như hiện nay, rất có thể dẫn tới tình huống xấu, bất lợi cho ta. Muốn giải quyết căn bản vấn đề, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định rút hai Trung đoàn 165 và 141 của Sư đoàn 7 hợp cùng Trung đoàn 205 độc lập của Miền thành một sư đoàn đầy đủ, tranh thủ cùng cố ngăn ngừa, sau đó bí mật rời Tân Khai - Đức Vinh xuống khu trung tuyến, tiến công vào cụm căn cứ địch phía sau như Chơn Thành, Lai Khê là những nơi đóng sở chỉ huy tiền phương sư đoàn 25, quân đoàn 3 địch nhằm thu hút địch từ phía trước về phía sau, hạn chế sức ép của địch ở khu vực Tàu Ô, đồng thời hạn chế khả năng chúng đưa lực lượng đánh ra vùng giải phóng của ta.

Về Trung đoàn 209, Bộ tư lệnh chiến dịch vẫn tiếp tục để trung đoàn này làm nhiệm vụ chốt chặn Tàu Ô, với lý do tránh phải thay phiên lúc này dễ gây xáo trộn, trong khi kẻ địch đang đóng chốt xen kẽ, chúng dễ phát hiện sơ hở tổ chức nhất loạt phản kích đánh chiếm thì tình hình sẽ trở nên phức tạp, ta rơi vào thế bị động, kế hoạch mở mặt trận vào vùng trung tuyến sẽ có nhiều khó khăn. Mặt khác địch đã hiểu đối diện trực tiếp với chúng ta ở Tàu Ô là Trung đoàn 209, nay Trung đoàn 209 vẫn còn đó vừa sẵn sàng đối đầu với địch, vừa trong kế hoạch nghi binh, tạo cho chúng giữ thói quen phán đoán - sau Trung đoàn 209 là Trung đoàn 165, 141 của “công trường 7”.

Như vậy rõ ràng không đứng trong đội hình mới nhưng Trung đoàn 209 lại có vai trò không thể thiếu trong kế hoạch tổng hợp mở mặt trận đánh vào vùng trung tuyến. Một mặt làm nhiệm vụ nghi binh, luôn luôn khẳng định mình vẫn đứng chân trên khu vực Tàu Ô, mặt khác đòi hỏi Trung đoàn 209 phải tự thân chiến đấu giữ vững dải chốt chặn trong suốt thời gian các trung đoàn 165, 141 rút ra củng cố, chuẩn bị chiến đấu ở phía sau cho đến khi mặt trận vùng trung tuyến nổ súng.

Trên dưới ăn ý, công việc chạy đều mặc dầu khó khăn không giảm. Các đồng chí chỉ huy Sư đoàn 7, ba ngày sau khi nhận lệnh đã khẩn trương triển khai nhiệm vụ và điện báo cáo về sở chỉ huy chiến dịch, đã

hoàn thành hơn nửa phần việc. Các đơn vị được giao nhiệm vụ đang rút về địa điểm tập trung. Đoàn khảo sát thực địa đã lên đường. Lúc này đang là những ngày cuối tháng 7, thời gian chuẩn bị không nhiều, theo dự kiến của chúng tôi, chậm nhất thượng tuần tháng 8 là phải khởi sự.

Không thể chậm hơn, bởi lẽ không thể để Trung đoàn 209 “gồng mình” lâu quá tự mình giữ trận địa chốt chặn, như thế áp lực địch ở Tàu Ô sẽ tăng lên quá sức chịu đựng của anh em, thế trận có thể xấu đi. Mặt khác cũng cần tranh thủ lúc tối trời, nhất là đơn vị đặc công được giao nhiệm vụ pháo kích Lai Khê, để khi tuần trăng đến sẽ có diễn biến phức tạp khó lường.

Tôi lại tiếp Đàm Văn Ngụy sau khi dẫn đoàn cán bộ đi quan sát thực địa vùng tuyến sau của địch trở về. Hình hài vẫn thế, người gầy xương xương, da xanh mai mả. Nhưng gương mặt tươi tỉnh, cười nói cười mở, như có tin vui mới nhận.

Sau khi báo cáo, như là trình bày những thu lượm của mình về cảnh vật vừa lạ vừa quen của vùng nam Chơn Thành qua Bầu Lồng đến bắc Bầu Bàng, sư đoàn trưởng Đàm Văn Ngụy nêu nhận xét: ở đây mật độ địch dày đặc, ngoài quân đồn trú, là lực lượng hậu cần của sư đoàn 25, làm nhiệm vụ vận tải lên phía trước với số lượng xe cộ nhiều, chúng nối đuôi nhau lên xuống ngày đêm như mắc cửi; nhộn nhịp như đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng. Đề nghị Tư lệnh cho đơn vị được chuyển dịch đội hình xuống phía nam, kịp thời tiến công càng sớm càng tốt, vì địch đông, nhưng chúng chủ quan, nghênh ngang lắm!

- Lực lượng là bao nhiêu? - Tôi thăm dò.

Đàm Văn Ngụy trả lời:

- Báo cáo tư lệnh, một trung đoàn.

- Đồng ý. - Tôi trả lời. - Nhưng trước khi Bộ tư lệnh chính thức quyết định, tôi cần được tận mắt thấy địch.

- Chúng tôi chờ lệnh. - Đàm Văn Ngụy trả lời.

- Anh cùng tôi trực tiếp xuống xem lại lần nữa. - Tôi nói.

Ngay sau đó, tôi và Đàm Văn Ngụy trở lại nơi mà anh vừa ở đó trở về xin lệnh cho đơn vị triển khai trận đánh.

Đã gần bảy năm trôi qua tôi mới về lại một vùng quen thuộc.

Bao kỷ niệm hiện về. Ngày ấy vào đầu tháng 10 năm 1965 tôi và anh Thế Bôn cũng đi trên đoạn đường này làm nhiệm vụ khảo sát chiến trường, chuẩn bị cho Sư đoàn 9 tham gia chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng. Chúng tôi trà trộn cùng nhân dân đi từ Bầu Lồng xuống tận Lai Khê, Bến Cát. Đường ngày ấy nhỏ, mặt đường xấu nhưng quang cảnh hai bên thật nên thơ, rừng cây còn nhiều, tất cả hiện lên một màu xanh mát mắt, thoảng mùi thơm của hoa rừng qua làn gió nhẹ gây cảm giác dễ chịu. Thì nay vẫn đoạn đường năm xưa, tất cả đều đổi thay, đường tuy có rộng, mặt đường phẳng lì nhẵn bóng, nhưng rừng cây thì bị thiêu trụi, chỉ còn một mùi khét lẹt của bom đạn, cảnh vật hoang tàn. Hai bên đường chỉ còn thứ cỏ không tên, bị bom na pan đốt cháy, dù bị chất độc hóa học hủy hoại, vẫn cứ bám lấy đất mà sống.

Cơ sở địa phương giúp đỡ, tạo thuận lợi cho chuyển đi của chúng tôi. Vừa nghe các đồng chí địa phương báo cáo, vừa tận mắt quan sát, cả ngày và đêm, nhiều lúc phải trèo cây cao quan sát vì vùng này cũng là rừng bằng rất hạn chế tầm mắt. Tình hình đúng như Đàm Văn Ngụy báo cáo. Ở đây nhiều xe địch lên xuống làm nhiệm vụ tiếp tế lương thực, súng đạn lên phía trước, nhưng lại sơ hở, chủ quan, thuận lợi cho ta làm nhiệm vụ. Và khi bị đối phương bất thần tiến công, địch sẽ lúng túng, rối loạn. Vì lúc này bộ tư

lệnh quân đội Mỹ ở Sài Gòn và bộ Tổng Tham mưu quân nguy vẫn dồn sức theo dõi, đề ra các biện pháp tự tin vào cuộc phản kích của Sư đoàn 25 đánh phá Tàu Ô, Sư đoàn 18 nổ ra đòn điển Quân Lợi, sân bay Təc-ních. Đánh là rung không những trận địa phía sau mà cả trận địa phía trước.

Nhưng lực lượng làm nhiệm vụ thì không thể một trung đoàn.

Phải đưa lực lượng như dự kiến ban đầu, biên chế đủ một sư đoàn bộ binh gồm ba trung đoàn, có lực lượng binh chủng nhất định để trước hết bảo đảm chắc thắng quân địch tại chỗ, đủ sức đánh bại các lực lượng chi viện; đồng thời còn nhằm cải thế chiến dịch và có tác động cả về mặt tâm lý; khi có điều kiện ta còn tiến sát vùng ven đô, vô hiệu hóa vùng trung tuyến(20), uy hiếp Sài Gòn.

(20) Địch phòng thủ Sài Gòn thành ba tuyến: tuyến ngoài giáp biên giới Việt Nam - Campuchia, tuyến giữa (trung tuyến), tuyến ven đô.

Tôi trao đổi tại chỗ về sử dụng lực lượng nói trên với Đàm Văn Ngụy để chuẩn bị tư tưởng cho anh trước khi về sở chỉ huy trao đổi thống nhất với các đồng chí trong bộ tư lệnh chiến dịch.

Toàn bộ kế hoạch chung không có gì thay đổi, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định một số công việc cụ thể:

- Một là, lực lượng đặc công chiến dịch được trang bị súng cối 122 ly và hỏa tiễn chuẩn bị gấp, chậm nhất cuối thượng tuần tháng 8 thực hiện bất ngờ tiến công căn cứ Lai Khê.

- Hai là, lực lượng cơ động của Sư đoàn 7 (trung đoàn 165, 141) và Trung đoàn 205 do sư đoàn trưởng Sư đoàn 7 Đàm Văn Ngụy chỉ huy, triển khai vận động phục kích trên đường Chơn Thành đi Lai Khê, kết hợp với chốt cứng đoạn nam Bầu Lồng - bắc Bầu Bàng để đánh địch từ phía bắc có thể quay về giải tỏa Lai Khê.

- Ba là, thời gian không thể chậm, các đơn vị phải vừa di chuyển, vừa chuẩn bị, thực hiện thật nghiêm kỷ luật giữ bí mật và kế hoạch nghi binh; Trung đoàn 209 cần ráng sức chịu đựng, phải tổ chức đánh địch liên tục chứng tỏ vẫn chiến đấu trong đội hình chiến dịch, vẫn có lực lượng phía sau lên chi viện, kéo dài lừa địch cho đến khi mặt trận trung tuyến nổ súng tiến công.

Cuộc chuyển quân đầy vất vả nhưng vẫn giữ được bí mật cho đến phút chốt.

Theo kế hoạch chung, đêm 10 rạng 11 tháng 8 tiểu đoàn 28 đặc công chiến dịch phối hợp với một bộ phận của lữ đoàn 429 đặc công Miền tiến công sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 nguy đặt tại Lai Khê mở màn trận chiến đấu ở vùng trung tuyến; đồng thời các đơn vị cơ động sẵn sàng đánh địch trên đoạn đường Bầu Bàng - Lai Khê.

Cả một vùng địch coi là hậu cứ của cuộc hành quân giải tỏa đã bị đối phương đánh phá. Cơ quan chỉ huy chớp bu của Mỹ - nguy ở Sài Gòn vội vã điều liên đoàn biệt động số 6 từ Biên Hòa lên ứng cứu Lai Khê và điều liên đoàn biệt động quân số 3 từ đường số 2 sang đường 13 bố trí ở Bến Cát làm dự bị phía sau.

Ngay lúc này Bộ tư lệnh chiến dịch nhận định: mặc dầu Trung đoàn 141 đã tổ chức được một số trận đánh, đã đặt được cái chốt ở Bầu Bàng, địch vẫn đưa lực lượng phía sau lên ứng cứu, chưa chịu rút lực lượng về phía trước, chứng tỏ chúng vẫn ngoan cố duy trì áp lực ở Tàu Ô. Vì vậy cần phải đánh mạnh, gây thiệt hại trực tiếp vào lực lượng mới đến ứng cứu.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo trên, lực lượng cơ động chiến dịch tiến hành vận động phục kích chặn đánh tiểu đoàn 35 (liên đoàn biệt động quân số 6) ở bắc Lai Khê; diệt tiểu đoàn 51 cũng thuộc liên đoàn

biệt động quân số 6 ở tây nam Bầu Bàng (21 đến 22/8), lực lượng còn lại của liên đoàn này phải luôn rừng chạy về phía nam (27/8), thì địch bắt đầu hoang mang, bối rối, sức ép của ta vào Bình Dương, vào ven đô đang tới gần.

Tang sáng ngày 28 tháng 8, đài kỹ thuật của ta bắt được tin của địch: Nguyễn Văn Minh tư lệnh quân đoàn 3 ngụy điện cho Lê Văn Tư, tư lệnh sư đoàn 25: Công trường 7 (chỉ sư đoàn 7) đang tiến mạnh, tiến sâu, sư đoàn 25 bỏ Tàu Ô lui về Chơn Thành, Lai Khê, bảo vệ vùng trung tuyến. Cùng lúc, từ khu vực chốt chặn, Trung đoàn 209 báo cáo về sở chỉ huy chiến dịch, địch đang rục rịch rút bỏ Tàu Ô.

Chúng tôi điện báo tin này xuống cho lực lượng cơ động chiến dịch để động viên khí thế cán bộ chiến sĩ và lệnh tiếp: “Cần tổ chức chốt chặn kết hợp với vận động tiến công truy kích đánh địch từ phía trước rút về.”

Do kịp thời chuyển thế trận, ta đã tổ chức tiến công sư đoàn 25 từ phía trước rút về phía sau, diệt 600 tên, bắt 84 tên, thu 170 súng ở bắc Bầu Bàng vào ngày 1 tháng 9. Trận đánh này là trận đánh cuối cùng của 135 ngày đêm ta thực hiện chốt chặn trên đường 13, làm phá sản âm mưu giải tỏa đường 13 của địch.

Chặng đường của chiến dịch Nguyễn Huệ vẫn còn, nhưng tất cả chúng tôi đều như cất được một gánh nặng, nhẹ nhõm, khoan khoái, không chủ quan, thỏa mãn nhưng được phép tự hào, đã góp sức trực tiếp vào sức mạnh tổng hợp không để cho địch vượt qua Tàu Ô, đặt chân lên thị xã An Lộc, tái chiếm Lộc Ninh, thực hiện âm mưu lập lại cục diện trước ngày 1/4/1972.

Mỗi chúng tôi sau cuộc thử thách đầy cam go, lại thêm xanh gầy hốc hác, tóc càng bạc nhiều. Nhưng vui! Rất vui, bởi ngay lúc nguy nan, hiểm nghèo nhất, cũng có cách lật ngược được thế cờ vì mỗi chúng tôi, từ trường học thực tế đã biết và nắm được nghệ thuật chủ động tiến công trong đường lối quân sự mang màu sắc Việt Nam mà Đảng đã tổng kết từ thực tiễn chiến đấu.

Thắng lợi của cuộc chiến đấu chốt chặn Tàu Ô tạo đà cho việc hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu đợt ba chiến dịch. Từ bàn đạp tạo thế này, đội hình cơ động chiến dịch phát triển sâu xuống vùng trung tuyến, tiến công địch ở bắc Bình Dương và Phú Hòa Đông, Củ Chi; đánh bại cuộc hành quân lần chiếm vùng giải phóng, tiêu diệt chiến đoàn 8 địch ngày 19/1/1973, lập nên thế trận “đa báo” ở miền Đông Nam Bộ, trước khi Hiệp định Paris được ký kết, đã kết thúc nhiệm vụ đợt ba; đồng thời cũng là tình huống cuối cùng của chiến dịch Nguyễn Huệ kéo dài ròng rã gần mười tháng (từ tháng 4 năm 1972 đến tháng 1 năm 1973).

Ngay từ khi Tàu Ô được xác định là khu vực trận địa chốt chặn nhằm đánh bại âm mưu giải tỏa đường 13 của địch, thì liền đó một vấn đề về cách đánh được nêu lên, dai dẳng trong nhiều năm.

Vì chốt chặn là đồng nghĩa với phòng ngự, mà phòng ngự là trái với tư tưởng tiến công trong chiến lược quân sự của Đảng cần phải quán triệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; rằng chốt chặn Tàu Ô là phòng ngự đơn thuần, vãn vãn.

Sự kiện Tàu Ô là một biện hộ, một minh chứng đầy sức thuyết phục cho một biện pháp, một cách đánh đúng đắn phù hợp với thực tế bấy giờ, chẳng ai còn đặt vấn đề trao đổi nữa.

Nhưng một thời gian dài sau đó, do nhiều nguyên nhân, cuộc tranh luận vẫn cứ tiếp tục, nhiều ý kiến tán thành, xem đó như một cách đánh mới, cũng không ít ý kiến phản đối, phê phán gay gắt, khiến anh Đàm Văn Ngụy, sư đoàn trưởng Sư đoàn 7, người trực tiếp đề xuất và chỉ huy cuộc chiến đấu chốt chặn Tàu Ô nhiều lúc phân vân đến hoang mang, không dám nhận cái đúng về mình. Sau này những lúc gặp anh trong hội nghị quân chính toàn quân, trong các lớp tập huấn cán bộ cao cấp, chúng tôi có dịp hàn huyên, được nghe anh kể về cách đánh mà sau này anh vận dụng vào khu vực Tàu Ô.

- Bắt đầu từ trận Hú Mường (Thượng Lào)... - Anh Đàm Văn Ngụy mở đầu câu chuyện.

Thực hiện liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung, từ năm 1960, trung đoàn 174 của chúng tôi được lệnh hành quân sang đất nước Lào phối hợp cùng quân dân nước bạn chiến đấu. Một thời gian dài các đợt hoạt động quân sự của ta ở bên đó thường tổ chức theo quy luật thời tiết. Mùa khô tiến công, mùa mưa rút về nước nghỉ ngơi, củng cố vì việc vận chuyển tiếp tế lương thực, vũ khí từ trong nước sang gặp không ít khó khăn. Ta rút, địch chiếm lại. Mùa khô đến, ta tổ chức tiến công chiếm lại, địch rút, chờ mùa mưa. Cứ thế ta rút địch chiếm lại, ta chiếm lại địch rút, lặp đi lặp lại dai dẳng trong cùng một khu vực, một mục tiêu!

Hú Mường là một ví dụ.

Mùa mưa năm 1965 đã đến! Rút hay đánh? Một câu hỏi được nêu ra, như đáp ứng sự chờ đợi của mọi người. Tất cả ta và bạn đều trả lời: “Trụ lại, tổ chức đánh địch giữ vững trận địa, quyết không cho chúng chiếm lại.”

Nhưng đánh bằng cách nào? Tôi tự hỏi mình, rồi đưa ra trao đổi trong ban chỉ huy về những suy nghĩ của mình đã có từ hai mùa mưa trước. Tôi xin phép được trình bày trước. Mùa mưa này chúng ta ở lại chiến đấu là một quyết định mang tính tích cực thể hiện tinh thần liên tục tiến công, chiến đấu không theo mùa. Nhưng muốn tiêu diệt địch, bảo vệ mình, giữ vững trận địa, tôi đề nghị: trước hết ta cần chiếm các điểm cao quan trọng, xây dựng thành các trận địa vững chắc đủ sức đánh địch, địch vào ta đánh, chủ động vận động tiến công khi địch phản kích, nhằm bảo vệ thị trấn Hú Mường.

Cuộc họp đều nhất trí kiến nghị của tôi và bổ sung: cần chiếm điểm cao Tháp Xưa, dồn sức xây dựng nhanh trận địa chốt vững chắc, bí mật bố trí lực lượng ở đây sẵn sàng đánh địch khi chúng tiến công. Mười lăm ngày sau trận địa chốt được hoàn thành, có lực lượng chiến đấu bảo vệ chốt, có lực lượng vận động tiến công. Tất cả đã sẵn sàng. Đúng kế, địch chủ quan, tổ chức hành quân chiếm lại, tưởng dễ dàng như các mùa mưa trước. Bị ta tiến công bất ngờ, gây cho địch nhiều thiệt hại, ta thu được nhiều vũ khí, chiến lợi phẩm, súng đạn, lương thực, giữ được thị trấn Hú Mường.

Cuối năm 1965, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức hội nghị tổng kết đợt hoạt động quân sự ở Lào tại Câu lạc bộ quân đội trên đường Hoàng Diệu, Hà Nội, có cả các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội hai nước tới dự.

Tại cuộc họp có hai câu hỏi chung được nêu lên:

- Tại sao các đợt tiến công quân sự của ta ở Lào thu nhiều thắng lợi, đánh bại nhiều âm mưu chiến lược của địch nhưng chỉ làm tan rã chứ không tiêu diệt nhiều sinh lực địch?

Các đồng chí bạn Lào trả lời: Ở Lào dân ít, đất rộng, nếu diệt được đầu sỏ, lính hoang mang, mất tinh thần bỏ chạy về nhà làm dân thế là được, đạt yêu cầu.

- Trung đoàn 174 diệt nhiều sinh lực địch là tốt nhưng lại đánh theo cách đánh phòng ngự.

Câu hỏi vừa khẳng định biểu dương vừa khéo gợi, phê phán.

Nghe xong tôi chỉ nghĩ về vẻ phê phán, buồn lo hơn là phần khởi! Tôi thật sự choáng váng, hoang mang vì ý nghĩ của bản thân không như thế. Đắn đo, suy nghĩ và cả đấu tranh tư tưởng nữa. Cuối cùng tôi mạnh dạn giơ tay, đứng dậy, tim đập mạnh vì cử tọa trước mặt phần lớn là các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy cao cấp, là những giảng viên quân sự ở học viện, cán bộ nghiên cứu của các cơ quan trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Nhưng lòng tin đã lấy lại thăng bằng; tôi mạnh dạn phát biểu, không dài mà đủ những điều nghĩ và thực tế đã làm:



- Báo cáo các anh! Mùa mưa phải chốt như thế mới diệt được địch, giữ được vùng giải phóng.

Không khí cuộc họp bỗng sôi động hẳn lên. Nhiều ý kiến phát biểu nhưng vẫn theo chiều hướng phê phán, cho như thế là sai, đánh theo kiểu phòng ngự. Một đồng chí lãnh đạo của Học viện quân sự giờ nghỉ đến hỏi tôi:

- Đã tổ chức phòng ngự cụ thể thế nào?

- Không, có phòng ngự đâu. - Tôi thanh minh.

- Đánh thế nào? - Đồng chí lãnh đạo Học viện Quân sự hỏi tiếp.

- Theo kiểu chốt chặn kết hợp với vận động tiến công. - Tôi trả lời.

- Làm gì có kiểu đánh thế! - Đồng chí lãnh đạo Học viện Quân sự nhận xét.

Cả ngày và đêm hôm ấy tôi thật buồn, ăn không ngon, ngủ không yên, không biết trao đổi cùng ai! Nếu khuyết điểm thì nhận để sửa chữa có sao đâu, đó là quy luật phát triển như Đảng, Bác Hồ đã dạy. Nhưng thực tế ta thắng, thắng giòn giã, trụ lại suốt mùa mưa, không còn tình trạng rút đi chiếm lại, chiếm lại rút đi một cách chán ngấy. Thế thì khuyết điểm ở chỗ nào, chưa có ai chỉ ra một cách cụ thể?

Hôm sau, anh Hoàng Văn Thái gọi sang nhà riêng, yêu cầu tôi kể lại tỉ mỉ cả buổi sáng. Anh chăm chú nghe và ghi chép.

Anh ngạc nhiên khi nghe tôi kể bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí một hiện tượng hiếm thấy ở chiến trường Lào trước đó.

Anh hỏi như đề lắng nghe đầy đủ các chi tiết, chứ không áp đặt phê phán:

- Như vậy có phải là phòng ngự không?

- Báo cáo anh, không phải. - Tôi trả lời.

Nghe tôi khẳng định lần cuối, anh thân mật nói:

- Đây là một kiểu chiến thuật.

Tôi như muốn reo lên, muốn ôm lấy anh vì vui sướng. Đầu óc bớt căng, và thấy tự tin hơn, vì đã có người thông cảm với mình, nhất là người đó lại là anh Hoàng Văn Thái.

Kết thúc hội nghị, đại tướng Võ Nguyên Giáp kết luận. Sau khi biểu dương những cố gắng vươn lên, vượt nhiều khó khăn, liên tục tổ chức những đợt hoạt động quân sự không theo mùa, đạt hiệu quả cụ thể, tạo ra thế trận vững chắc ở Thượng Lào, đủ điều kiện đánh bại các âm mưu thâm độc của bọn đế quốc và thế lực tay sai trong nước, anh kết luận: Trung đoàn 174 chốt điểm kết hợp với vận động tiến công là đúng, nhưng nếu chốt điểm phòng ngự là sai.

Lúc này theo anh Đàm Văn Ngụy kể, không bị sốc như hôm trước nữa, nhưng anh vẫn đứng dậy thanh minh: “Vâng, tôi có phòng ngự đâu, mà là chốt điểm kết hợp với vận động tiến công. Tiến công chứ không phải phòng ngự.”

Sau hội nghị này tôi được giải tỏa về nhận thức nhưng vẫn chưa hết tâm tư.

Lần thử nghiệm thứ hai - là vào đầu năm 1967, tôi cùng Trung đoàn 174 được lệnh vào tăng cường cho mặt trận Tây Nguyên.

Lúc này Tây Nguyên mưa to, đi lại gặp nhiều khó khăn.

Đồng chí tham mưu phó phụ trách tác chiến của B3 (Tây Nguyên) gặp tôi buổi ban đầu nói:

- Vào đây đối tượng tác chiến là quân Mỹ, chúng có sức cơ động cao, nên phải đánh nhanh và rút cũng nhanh. - Ngừng một lát anh nhìn tôi nhấn mạnh. - Không như ở chiến trường Lào đâu.

Rồi chúng tôi theo kế hoạch tác chiến của Bộ tư lệnh B3, hành quân cấp tốc đến Đắc Xiêng, Đắc Péc làm nhiệm vụ tác chiến đêm trong mùa mưa với lối đánh nhanh và rút nhanh như đồng chí tham mưu phó trao đổi.

Mưa ở Tây Nguyên cũng dữ dần, xối xả như Thượng Lào, cây cối bị xối mòn, đổ, gãy bừa bãi, nước sông lên nhanh, chảy xiết, vận động gặp nhiều khó khăn. Bước đầu chúng tôi cũng tổ chức được một số trận nhưng chẳng giải quyết được vấn đề gì, vì không thắng cũng không thua.

Đánh kiểu này thì ăn nhằm gì? Nếu cứ tiếp tục thì rõ ràng là thiếu tinh thần tự chủ, tự tin. Ta có kinh nghiệm chiến đấu ở Lào sao không vận dụng.

Đang lúc suy nghĩ thấy có vấn đề, thì tháng 10 năm đó chúng tôi lại được lệnh hành quân tham gia chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh. Gặp anh Nguyễn Hữu An, sư đoàn trưởng sư đoàn 1 tôi nói:

- Nếu Mỹ biết ta từ đâu đến, ta tổ chức trận địa vững chắc, chúng bâu vào, ta tổ chức vận động tiến công tiêu diệt.

- Làm thử. - Anh An thúc giục, động viên.

Các anh em khác ủng hộ.

Chúng tôi bắt tay vào việc. Vì đã có kinh nghiệm, tất cả đều chủ động, mỗi người mỗi việc nhịp nhàng ăn ý. Lấy điểm cao 875 làm nơi chốt điểm kết hợp với vận động tiến công. Giao cho đại đội 7, tiểu đoàn 2 xây dựng trận địa vững chắc, có hệ thống giao thông hào thực hiện cơ động lực lượng tiến công; làm đến đâu nguy trang giữ bí mật đến đấy.

Tất cả đã sẵn sàng sau một tuần bắt tay vào thiết bị trận địa. Thời gian chờ đợi không lâu, chỉ một ngày sau, lữ đoàn dù 173 Mỹ đổ quân trúng khu vực chốt chặn, ta chốt giữ tốt và vận động tiến công cũng tốt; lữ đoàn 1 của sư đoàn không vận 101 vào đánh tiếp cũng bị ta chặn đánh. Lữ đoàn dù 173 vào thay phiên lần thứ hai lại thất bại.

Trong khi địch lúng túng, hoang mang, tôi trực tiếp chỉ huy một tiểu đoàn vận động vào diệt tiểu đoàn 2 Mỹ, giữ vững trận địa chốt chặn được mười ngày, cũng là thời điểm kết thúc chiến dịch.

Anh Hoàng Minh Thảo, tư lệnh trưởng Bộ tư lệnh B3 xuống xem xét, thấy đại đội 7 vẫn đủ sức trụ giữ trận địa chốt.

- Sau đó còn đánh tiếp trận nào không? - Tôi hỏi Đàm Văn Ngụy.

- Có. Nhưng không phải ở Tây Nguyên mà là tại Đông Nam Bộ.

Anh Đàm Văn Ngụy kể tiếp. Còn một trận nữa, nhỏ thôi nhưng là một kỷ niệm đầu tiên khi đặt chân lên mảnh đất Nam Bộ thân yêu. Hồi ấy sau chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh kết thúc, trung đoàn 174 chúng tôi được lệnh cấp trên hành quân cấp tốc vào tăng cường cho chiến trường B2. Tháng 6 năm 1968 chúng tôi tới Lộc Ninh, thì tháng 8 năm đó được vinh dự tham gia đợt ba cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu

Thân, đánh địch phản kích ở vùng ven đô. Sau đó lùi về khu vực Cầu Khởi trên đoạn đường Tây Ninh - Dầu Tiếng. Tại đây do yêu cầu của nhiệm vụ, chúng tôi thấy không có cách nào khác là trụ lại, tổ chức trận địa chốt chặn kết hợp với vận động tiến công, đánh địch, kìm chân chúng lại, vừa diệt được sinh lực, giữ vững khu vực này được mười ngày.

Rõ ràng chốt chặn kết hợp với vận động tiến công ở khu vực Tàu Ô là cách đánh không phải do ngẫu hứng, mà được rút ra từ thực tế chiến đấu, đến chiến dịch Nguyễn Huệ được hoàn chỉnh một bước quan trọng, đạt kết quả, mang tính hiện thực sống động.

Đúng là lịch sử của một cách đánh đã trải qua những bước đi thăng trầm, như cái mới ra đời không bao giờ được cuộc sống chấp nhận ngay, mà phải trải qua sự sàng lọc, tuyển chọn.

Tư tưởng quân sự tiến công của Đảng và phương châm chỉ đạo đấu tranh vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là hoàn toàn đúng đắn, bởi vì chúng ta còn đất đâu mà phòng ngự, chỉ có tiến công mới tìm ra cách đánh phù hợp để tồn tại, để chiến thắng quân xâm lược, giành lại độc lập hoàn toàn cho dân tộc, cho Tổ quốc. Tư tưởng quân sự tiến công của Đảng là thể hiện quyết tâm chiến đấu, ý chí sắt đá của một dân tộc anh hùng “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, thể hiện tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Chỉ đối lập với tư tưởng quân sự tiến công trên, biểu hiện phòng ngự tiêu cực, hữu khuynh, giám sát ý chí chiến đấu, thoái thác nhiệm vụ mới là sai, cần được phê phán, lên án.

Phòng ngự với đúng nghĩa của từ này không có gì sai, nó là một trong hai cách đánh cơ bản của nghệ thuật quân sự, có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong chiến dịch tiến công cũng có phòng ngự; trong chiến dịch phòng ngự cũng có tiến công. Trong chiến dịch đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn Xi-tý của Mỹ mùa khô năm 1967 vào chiến khu Dương Minh Châu, chúng ta chủ trương trụ lại chiến đấu chứ không rút là phòng ngự, nhờ đó ta thắng, địch đã thua, tạo ra một cục diện có lợi cho ta.

Trong đợt hai chiến dịch mang tên Nguyễn Huệ, chúng ta chủ trương trụ lại ở Tàu Ô, chặn đứng không cho địch vượt qua thực chất là phòng ngự, nhưng là phòng ngự kết hợp với tiến công. Cách đánh nảy sinh từ thực tế chiến đấu được áp dụng thích hợp với thực tế tình hình, địa hình và nhiệm vụ cụ thể, đã giành thắng lợi thì sao ta sợ không dám nhận đó là phòng ngự.

Sẽ không tìm thấy ở đây những yếu tố ngược lại với tư tưởng tiến công quân sự của Đảng. Phòng ngự ở Tàu Ô chỉ là tạm thời, tạo đà tạo thế cho tiến công thực hiện đợt ba chiến dịch.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 16

Bước ngoặt quyết định đã đến!

Đó là ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được chính thức ký kết tại Paris.

Đây là kết quả của cuộc đấu tranh phối hợp nhịp nhàng giữa ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao do Đảng ta khởi xướng và chỉ đạo thực hiện một cách đầy bản lĩnh, thông minh và sáng tạo.

Cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang chúng tôi từ lâu đã ý thức được rằng, chỉ có thắng lợi trên chiến trường mới có thắng lợi trên bàn hội nghị. Và chỉ có lực lượng quân sự mạnh, luôn luôn mài sắc ý chí cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu thì hiệp định mới được thực thi.

Những ngày cuối tháng 1 năm 1973, trước khi Hiệp định Paris được ký kết, không khí trong sở chỉ huy càng nhộn nhịp, khẩn trương. Trên chỉ thị hướng dẫn dưới, dưới báo cáo xin ý kiến trên, không phải hàng ngày mà hàng giờ nhằm thực hiện các cuộc chuyển quân rầm rộ mà yên lặng, khẩn trương mà đỉnh đặc không khác gì các cuộc chuyển quân đầy sôi động trong giai đoạn đầu và cuối chiến dịch Nguyễn Huệ nhằm thực hiện “kế hoạch thời cơ” chống lại có hiệu quả âm mưu “tràn ngập lãnh thổ” của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Cho đến tám giờ ngày 28/1/1973, trên toàn miền Nam ta lại có thêm thắng lợi mới, làm chủ thêm được 586 ấp, 24 xã, 28 vạn dân, diệt và bức rút 106 đồn bót.

Đêm 27 rạng 28/1/1973, không khí trong các đơn vị vũ trang, từ sở chỉ huy đến các phân đội, giống như đêm giao thừa của ngày Tết cổ truyền. Gần như tất cả mọi người đều thức, thức trong niềm vui náo nức đợi chờ giây phút Hiệp định Paris có hiệu lực để mang những lá cờ cách mạng cắm lên phần đất mà mình đã đổ máu trong nhiều năm mới giành được vào lúc không giờ ngày 28/1/1973 lịch sử.

Sáng mai, chỉ sáng mai thôi khi mặt trời hừng lên ở phía chân trời là những lá cờ màu đỏ chiến đấu và chiến thắng cũng hiện lên rực rỡ. Thật sung sướng và xúc động đến muốn khóc về cái giây phút thiêng liêng nói lên bao ý nghĩa.

30/1/1973, ba ngày sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực, trên thực tế toàn miền Nam tiếng súng chiến tranh đã cơ bản ngừng nổ. Tôi và một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần tranh thủ xuống các đơn vị để vừa kiểm tra phương án tác chiến mới đề phòng địch phản trắc, vừa quan sát thể trận mới lập chỉ trong một đêm đã hoàn thành. Đó là thể trận “đa báo” đan xen được phân ranh bằng những hàng cờ tướng như thể trận được kê trong các chuyện Tàu thời xa xưa, hai bên giao chiến bằng cung tên giáo mác. Trận địa bên địch là những cây cờ màu vàng úa với ba sọc đỏ chạy dọc thân cờ; còn trận địa bên ta là cờ Mặt trận dân tộc giải phóng nửa đỏ nửa xanh, giữa có ngôi sao vàng, có nơi lá cờ Tổ quốc nền đỏ sao vàng xuất hiện từ Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phần phật tung bay trước gió sớm ban mai, cái màu đỏ hồng ấy ở thật xa vẫn nhìn rõ.

Vào những ngày này đi trên các khu vực đóng quân giữ chốt của các đơn vị từ Lộc Ninh theo đường 13 xuống quanh vùng thị xã An Lộc, thị trấn Chơn Thành, qua Rạch Bắp, đường Bảy Ngang, qua sông Bé sang đường 14 giáp chiến khu Đ đều bắt gặp không khí vui mừng chiến thắng. Một số nơi cảnh sống yên bình, vừa có lực lượng sẵn sàng chiến đấu, vừa dành một phần lực lượng để xây dựng nhà cửa, tăng gia sản xuất ổn định cuộc sống, tiến hành củng cố, huấn luyện quân sự phục vụ nhiệm vụ mới. Một số đơn vị như trung đoàn 141, Trung đoàn 209 tiến hành xây dựng doanh trại tuy chỉ là dã chiến bằng vật liệu tranh tre nứa lá tại chỗ nhưng rất khang trang, theo quy định thống nhất: nhà tám cột, bốn mái, đường rộng một đến hai mét. Mỗi đại đội có đủ sáu công trình vệ sinh theo tiêu chuẩn của quân y; đồng thời còn có cả thao

trường để luyện tập chiến thuật, kỹ thuật nâng cao trình độ quân sự, chất lượng chiến đấu ở Bầu Trư (trên đường 14), Thẩn Rớt, Bầu Bàng (trên đường 13) anh em còn xây dựng các ngôi nhà “văn hóa thông tin” làm nơi sinh hoạt tinh thần vui chơi giải trí nội bộ đã gây sự tò mò đến háo hức đối với bà con cô bác quanh vùng, kể cả binh sĩ địch đóng chốt gần đó. Ta mời bà con vào thăm, chỉ là những ngôi nhà tre nứa bình thường nhưng xinh xắn, bên trong là những bức ảnh, những tranh vẽ của các chiến sĩ tự “sáng tác” diễn tả cảnh chiến đấu, sinh hoạt của đơn vị, mối quan hệ quân dân đã gây sự chú ý theo dõi của đồng bào. Anh em còn tổ chức chiếu phim tài liệu: Chúng con nhớ Bác, Một ngày Hà Nội, Đường 9 - Nam Lào gây ấn tượng đẹp của nhân dân đối với Quân giải phóng. Ngay cả những binh lính, sĩ quan Sài Gòn lúc đầu qua thăm chỉ là sự hiếu kỳ, tò mò, nhưng xem rồi, đã hiểu đúng hơn về đối thủ của mình: Họ không chỉ là những người lính chiến đấu dũng cảm, mưu trí, mà còn là những người có văn hóa, có tài năng và trí thức.

Khi đến thăm những ngôi “nhà thông tin văn hoá” trên đoạn đường 13, ngoài biểu dương những việc làm tốt đẹp của các đơn vị tôi nói thêm:

- Những ngôi nhà này sẽ mở đường cho xe đồ Sài Gòn - Chợ Thành qua lại, sẽ đón chào bà con trong vùng địch kiểm soát, cả ở nội đô Sài Gòn ra thăm tìm thi hài thân nhân. Ngôi nhà này chỉ chốt chặn quân địch ráp tâm phá hoại Hiệp định Paris chứ không chốt chặn tinh quân dân.

Những cái giây phút hòa bình ấy đến và đi rất nhanh; vừa hé mở rồi vụt tắt cũng rất nhanh!

Bởi kẻ địch đâu có thật lòng.

Trước khi có lệnh ngừng bắn, địch đã xua quân mở cuộc tiến công chiếm Cửa Việt (Quảng Trị), mở cuộc hành quân “cắm cờ” chiếm đất ở tây Quảng Ngãi, bắc Bình Định (Khu 5), ở bắc Công Tum, Đức Cơ (Tây Nguyên), bắc Dầu Tiếng, nam Long Mỹ (Nam Bộ), vân vân.

Từ cuối năm 1972, thời gian đang bước vào giai đoạn chuẩn bị ký kết, Mỹ - ngụy Sài Gòn đề ra “Kế hoạch Hùng Vương”, xua quân chiếm đất theo “kế hoạch tràn ngập lãnh thổ” ngay trước và sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Trong thời gian hai tháng từ 28/1 đến 28/3/1973, “chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định Paris hơn bảy vạn lần, bao gồm 19.770 cuộc hành quân lấn chiếm, 2.300 vụ bắn pháo, 3.375 vụ ném bom bắn phá bằng máy bay vào vùng giải phóng và 21.075 cuộc hành quân canh sát trong vùng chúng kiểm soát”(1). Vì vậy cũng trong thời gian này, tại Thừa Thiên, Khu 5, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và miền Trung Nam Bộ ta đã mất hầu hết những vùng mới giải phóng trước ngày 28/1/1973(2).

(1) Thông báo của Ủy ban tố cáo tội ác chiến tranh Việt Nam ra ngày 6/4/1973.

(2) Tính đến giữa năm 1973, ở Khu 5 ta mất 26 vạn dân, 45 xã, 320 ấp, địch đóng thêm 200 đồn bốt, Khu 6 và Khu 7 ta mất 308 ấp với 29 vạn dân. Khu 8 mất 28 xã với 120 ấp, 10 vạn dân, địch đóng thêm 287 đồn bốt, Khu 9 chỉ còn gần 36 vạn dân được giải phóng.

Riêng ở khu vực miền Đông Nam Bộ, các Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 và các đơn vị trực thuộc khác của Bộ chỉ huy Miền đã liên tục chiến đấu chống địch lấn chiếm. Tình hình trở nên nghiêm trọng và căng thẳng, thế trận “da báo” bị đe dọa, địch trắng trợn vi phạm Hiệp định, thực hiện kế hoạch bốn không(3). Khối chủ lực miền Đông Nam Bộ phải điều chỉnh lại thế bố trí, không chỉ làm nhiệm vụ phản công đánh địch lấn chiếm mà còn chuyển sang tiến công mở rộng vùng giải phóng, giữ vững vùng “da báo”, tạo thế tạo lực phục vụ yêu cầu giai đoạn chiến lược mới của cách mạng mà Bộ chỉ huy Miền đã chỉ thị.

(3) - Không liên hiệp.

- Không thương lượng với đối phương.

- Không có hoạt động của cộng sản hoặc lực lượng đối lập trong nước.

- Không để lọt vào tay đối phương bất cứ lãnh thổ nào, tiền đồn nào do quân đội Việt Nam Cộng Hòa chiếm giữ.

Để làm được nhiệm vụ này, chúng tôi điều chỉnh lại thể trận. Toàn bộ Sư đoàn 9 áp sát xuống vùng trung tuyến tây bắc Sài Gòn, tây đường 13 (từ Bầu Bàng đến Bến Cát), khu vực đường Bảy Ngang, phía bắc thị trấn Dầu Tiếng. Sư đoàn 7 chuyển sang đông đường 13 và đường 14 nhằm củng cố vững chắc thể chiến lược và tạo điều kiện xây dựng phát triển lực lượng, phạm vi hoạt động từ đông đường 13 sang chiến khu Đ; từ đông bắc Bình Dương đến bắc Biên Hòa.

Thế đứng này vừa bảo vệ vùng giải phóng vừa sẵn sàng tiến công mở rộng vùng giải phóng, thuận tiện cho việc tổ chức đánh cả vào những nơi xuất phát vi phạm Hiệp định của địch như sân bay và các hậu cứ hành quân của chúng.

Nhưng dựa vào Mỹ tăng viện trợ<sup>(4)</sup>, nguy quyền Sài Gòn huy động 65% quân chủ lực và toàn bộ lực lượng vũ trang địa phương mở hàng chục vạn cuộc hành quân lớn nhỏ trên toàn chiến trường miền Nam. Riêng ở chiến trường Nam Bộ, trọng điểm đánh phá của địch là đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh quanh Sài Gòn. Từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 3 năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long, địch phân tán quân chủ lực kết hợp với bảo an dân vệ thực hiện lấn chiếm, cấm cò, giành đất hết sức quyết liệt ở Cai Lậy, Cái Bè (Mỹ Tho) Tân Châu, Hồng Ngự (Kiến Phong), Châu Đốc, Chương Thiện, Phong Dinh, Ba Xuyên thuộc miền Tây Nam Bộ, địch tranh chấp quyết liệt với ta ở Long An, Hậu Nghĩa, Bình Dương, Gia Định, Biên Hòa.

(4) Trước khi rút quân, Mỹ đã đưa vào miền Nam gần 700 máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng - thiết giáp và rất nhiều tàu chiến, dự kiến đưa thêm một số lớn binh khí kỹ thuật, tăng dự trữ vật tư chiến tranh của quân nguy lên mức tương đối cao, gần hai triệu tấn.

Chúng dùng chủ lực, có cả không quân yểm trợ, đánh mạnh khu tiếp giáp vùng giải phóng thuộc Phước Vĩnh, Đồng Xoài, Lộc Tấn (Bình Long), Xa Mát (Tây Ninh); dùng biệt kích và bảo an chốt khu vực Bu Prăng và ngã ba Tuy Đức hòng chặn hành lang vận chuyển Bắc - Nam của ta.

Thực tế đã chứng tỏ: do hành động của địch công khai trắng trợn phá hoại hiệp định ngay từ đầu, nên chiến trường vẫn chưa im tiếng súng.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 17: Phần 1

Giữa tháng 10 năm 1973, Trung ương Cục và Quân ủy Miền tổ chức hội nghị nghiên cứu quán triệt Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 21. Trong tổ học tập của tôi có cả các đồng chí lãnh đạo Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

Mặc dầu tiếng súng chiến tranh đang có chiều hướng tăng lên, nhưng trong khuôn khổ không gian của cuộc họp lại có cái gì khác trước. Bầu trời, mặt đất nơi đây yên tĩnh, ít ra là không nghĩ tới chuyện đề phòng máy bay B.52, trên khuôn mặt những người dự họp tuy vẫn hằn những nét suy tư trầm trở và cả những lo lắng bồn khoăn về trách nhiệm trước tình hình đang căng thẳng trở lại, nhưng đây cũng là phút giây được thư giãn, là lúc quyền tự hào được bộc lộ sự đóng góp của mình vào cuộc đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh của nhân dân do Đảng lãnh đạo đã giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Sinh hoạt vật chất trong những ngày họp cũng được cải thiện, có thuốc lá Thủ đô, kẹo Hải Châu, chè Hồng Đào, Thanh Tâm, hương vị của hậu phương miền Bắc theo đường Trường Sơn vào đến đây đã dễ dàng hơn trước.

Các anh trong Thường trực Trung ương Cục thay nhau trình bày các nội dung của Nghị quyết 21 như tổng kết lại mười tám năm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và rút ra những quy luật giành thắng lợi; về nhiệm vụ và biện pháp cách mạng trong giai đoạn mới. Người nghe chúng tôi cứ sáng ra, phấn hứng hẳn lên theo từng vấn đề nêu trong Nghị quyết, tự mình đối chiếu liên hệ thấy được cái đúng, cái sai trong thời gian qua; thậm chí cả những việc cần làm sau lớp học này.

Địch lần tới ta đều có đánh trả nhưng chưa đủ độ. “Kế hoạch thời cơ” kết quả không lớn như dự kiến vì địch đề phòng và kìm kẹp rất chặt, kể cả biện pháp bạo lực đàn áp, dân không “bung” ra được. Nhưng cũng còn do sự chỉ đạo của ta còn có những yếu kém và có cả sai lầm nữa: chủ quan, giản đơn, do dự sợ làm mạnh là vi phạm hiệp định; hoặc ảo tưởng, chờ đợi, thụ động. Một số đơn vị, địa phương “lùng chừng, hữu khuynh trong chủ trương đối phó với địch”(1).

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 10 năm 1973.

Càng trao đổi, thảo luận chúng tôi càng nhận thức sâu sắc về sự chỉ đạo kịp thời và đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương nêu trong nghị quyết.

Trong một bối cảnh đầy nhạy cảm, phức tạp và tế nhị, Nghị quyết 21 là văn kiện chỉ đạo rất cơ bản của Đảng sau Hiệp định Paris, đề ra những chủ trương, biện pháp nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam; đồng thời tháo gỡ những trăn trở, lúng túng và cả những sai lầm về nhận thức và tư tưởng của các cấp, các ngành, làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình từ những thắng lợi cuối năm 1973 và cả năm 1974, tạo đà đi đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Giữa lúc tôi đang hòa nhập vào cuộc sống tạm coi như yên vui có phút giây thư giãn, thoáng nghĩ tới cuộc sống mai sau, thì điện của Bộ chỉ huy Miền chuyển đến, lệnh tôi lên gấp mặt trận Bù Bông - Kiến Đức.

Trong lúc chuẩn bị, nhiều bạn bè đến thăm chúc tôi lên đường thắng lợi. Cũng có những ý kiến nhắc nhở không biết là thật hay đùa vui: Lên trên đó chưa chắc đã làm ăn được đâu, mà có đánh được chắc gì giữ nổi! Chọi với tụi quân đoàn 2 ngụy khó gặm lắm đấy!

Tôi chỉ cười cho vui. Vả lại muốn phân giải cũng không có điều kiện, vì thời gian thì gấp mà còn bao

nhieu việc phải chuẩn bị, đường lên Bù Bông vừa xa lại khó đi. Thực ra thì đây không phải là chuyện bông đùa, tôi thăm nghĩ như vậy. Càng không đơn thuần chỉ là nhận thức mà còn có vấn đề tư tưởng hữu khuynh, đánh giá không đúng về địch, dễ dẫn tới hạ thấp mức hoạt động vũ trang giữ thế ổn định một chiều. Như thế địch dễ được thể lấn tới! Nhưng tôi tin là tư tưởng này sẽ được giải quyết vì hội nghị vẫn đang tiếp tục. Và lại thực tiễn đã diễn ra, đang diễn ra và sắp diễn ra sẽ là chân lý hùng hồn minh chứng cho nhận định đáng giá của Nghị quyết 21 là chính xác.

Tôi về gặp các anh trong Bộ chỉ huy Miền để nhận nhiệm vụ cụ thể trước khi lên đường.

Tại cơ quan sở chỉ huy Miền không khí làm việc tấp nập khẩn trương, đang chuẩn bị kế hoạch hoạt động quân sự chống lại hành động vi phạm hiệp định của địch theo tinh thần nghị quyết mới.

Anh Phạm Hùng nói ngay:

- Biết hội nghị chưa kết thúc, nhưng tình hình đang rất khẩn trương, Quân ủy Miền quyết định rút anh Năm về đảm nhận công việc, nếu để chậm trễ sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch tạo thế chung mà Bộ đã có ý kiến.

- Việc quân sự mà anh! - Tôi đáp lại.

Qua làm việc với các anh trong Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, tôi được biết ở cái vùng hẻo lánh ít ai biết đến lại đang diễn ra một tình hình rất nghiêm trọng có quan hệ đến cục diện chung.

Yếu khu quân sự Bù Bông giáp biên giới Campuchia địch đang tăng cường hoạt động, thường xuyên đánh phá ác liệt các xã xung quanh, chúng coi đây là khu vực nằm ngoài Hiệp định Paris. Ngoài việc dùng bộ binh tiến công, đột kích vào hành lang vận tải của ta, chúng còn nổ súng tận O-răng thuộc đất bạn Campuchia; bắn pháo khổng lồ suốt ngày đêm gây trở ngại không những cho công việc vận chuyển của ta mà còn ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng và khai thông đoạn hành lang quan trọng này.

Rõ ràng đây là hành động vừa phá hoại Hiệp định Paris vừa chặn đường hành lang, gây cản trở một trong những nội dung rất quan trọng của kế hoạch hoạt động mùa khô 1973 - 1974 của B2.

Triển khai công tác bảo vệ, củng cố và mở rộng các hành lang giao thông vận tải nổi hậu phương lớn với miền Đông Nam Bộ qua đường dây 559 trong thời gian này là rất cần để B2 tiếp nhận người và hàng từ miền Bắc vào tạo lực đón thời cơ lớn.

Bộ cũng đang khẩn trương triển khai kế hoạch mở thông đường Trường Sơn, kể cả đường ống dẫn dầu vào tận Đông Nam Bộ, nhưng đến đoạn này thì bị bế tắc. Và bộ cũng vừa điện nhắc B2 phải làm sạch địa bàn này để con đường được khai thông. Vì nâng cao chất lượng hệ thống đường chiến lược phía tây và xây dựng cơ bản đường chiến lược phía đông dãy Trường Sơn được coi là nhiệm vụ trọng tâm số 1 của cả nước trong những năm này nhằm thực hiện Nghị quyết 21 về bảo đảm hậu cần cho hai năm 1973 - 1974.

Từ ý kiến chỉ đạo của Bộ và cũng nằm trong kế hoạch tạo thế tạo lực của B2, các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền chủ trương dùng một lực lượng thích hợp tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng ở khu vực trên đó.

Đây là đợt hoạt động mở màn mùa khô 1973 - 1974, nhằm “kiên quyết đánh địch bất cứ ở đâu, bằng hình thức và lực lượng thích đáng buộc đối phương phải nghiêm chỉnh và triệt để thi hành Hiệp định Paris”(2); đồng thời hỗ trợ cho quân dân Khu 6 đang bị địch lấn chiếm ở Bình Thuận, Bình Tuy.

(2) Nhật lệnh của Bộ Chỉ huy Miền gửi các lực lượng vũ trang đề ngày 15/10/1973.



Lực lượng tham gia đợt hoạt động gồm 2 trung đoàn bộ binh (205 và 271), 1 trung đoàn đặc công 439 và 1 tiểu đoàn tăng 20 chiếc, chủ yếu là T59 mới từ miền Bắc bổ sung cho Miền đã tập kết ở khu vực O-răng gần Bù Bông. Còn sử dụng như thế nào, do tôi quyết định sau khi khảo sát thực địa và có được những thông tin cụ thể.

Tôi lên đường trong thanh thản vì các vướng mắc đã được giải quyết sau khi được nghiên cứu quán triệt Nghị quyết 21 của Trung ương. Khi bắt tay tạm biệt, đồng chí Phạm Hùng còn nhấn mạnh:

- Lên đó anh Năm cần quán triệt đến cán bộ chỉ huy các cấp là “phải nắm vững quan điểm bạo lực và quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công”.

Cập biên giới, theo hướng đông, chiếc xe U-oát(3) cứ lắc lư, len lỏi ị ạch trườn bò theo con đường gần như không tên nhưng không hẳn là mới khai phá. Hiệp định Paris đã ký kết được mười tháng, vậy mà dọc đường hành quân thuộc vùng giải phóng, không khí vẫn khẩn trương; bộ đội, du kích vẫn chắc tay súng, sẵn sàng đánh địch, mặc dầu ở những vùng chúng tôi đi qua cách địch khá xa, địa hình hiểm trở.

(3) UAZ, tên một loại xe con đi chiến trường (tương tự Jeep), do nhà máy sản xuất ô tô mang tên Ulianov (họ của Lenin) sản xuất. Xe chở được bảy người.

Sau gần ba ngày hành quân, chúng tôi tới địa điểm tập kết, cách Bù Bông khoảng tám mươi ki-lô-mét về phía tây nam vào lúc trời đã chạng vạng, không gian yên tĩnh. Vì nơi đây trước lúc có dân, nhưng qua chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” địch đã liên tục càn quét, số dân ít ỏi một phần lùi sâu vào vùng giải phóng của ta, số còn lại chúng lừa vào vùng chúng kiểm soát, biến nơi đây thành vùng tự do bắn phá.

Ngay tối hôm đó chúng tôi chụm đầu vào nhau quanh tấm bản đồ quân sự - mảnh tỉnh Gia Nghĩa(4) do sở bản đồ của địch ở Đà Lạt in và phát hành, để sơ bộ nghiên cứu, chuẩn bị cho ngày hôm sau đi trinh sát thực địa.

(4) Do nguy quyền lập ra gần phần đất phía nam tỉnh Đắk Lắk.

Sáng sớm hôm sau chúng tôi cắt rừng theo hướng đã vạch trên bản đồ để tiếp cận mục tiêu. Ở đây rừng rậm và núi cao, thuận lợi cho việc quan sát, không phải trèo cây như rừng bằng vùng Phước Long, Đồng Xoài hồi nào.

Yếu khu Bù Bông nằm trên một quả đồi độc lập, có độ cao khoảng năm trăm đến sáu trăm mét với vóc dáng bề thế, được địch thiết kế theo kiểu cụm cứ điểm kiên cố. Đỉnh đồi có ba đại đội bảo an vừa làm nhiệm vụ phòng giữ, vừa như một vị trí tiền tiêu phát hiện ta từ xa. Quanh khu đồi địch bố trí một chiến đoàn bảo an, một tiểu đoàn pháo, một tiểu đoàn tăng ở đông khu vực Bù Bông, sẵn sàng ứng chiến nếu căn cứ này bị đối phương tiến công. Quanh đồi có các lớp kẽm gai và bãi mìn dày đặc.

Có thể nói trong suốt chặng đường chiến đấu cho đến lúc này tôi chưa gặp một khu đồi nào lý tưởng cho bên phòng ngự như khu vực Bù Bông. Đã có biết bao đồng chí của ta ngã xuống nơi đây, trên đường vào Nam ra Bắc, trước khi con đường nổi thông, ở thời mới khai sơn phá thạch, khi danh từ đúng cả nghĩa bóng và nghĩa đen: đường mòn Hồ Chí Minh. Và đã có bao nhiêu xe, pháo bị tắc nghẽn, nằm chờ, bị phá hủy khi qua đây con đường được mở rộng - với cái từ đường Trường Sơn. Và giờ đây, ở khu vực Bù Bông này, địch đang ngạo mạn có thể phá được ý đồ tạo thế của ta nếu dám vượt qua mắt “cú vọ Bù Bông”.

Từ suy nghĩ liên tưởng đó chúng tôi càng ý thức rõ hơn về trách nhiệm của mình trước trận đánh. Về thể chiến lược, ta thực sự tin tưởng ở sức mạnh của mình, thấy con đường dẫn tới thắng lợi hoàn toàn đang trong tầm tay. Nhưng trong chiến thuật và chiến đấu thì không cho phép chủ quan tự mãn, vì thắng lợi trên chiến trường thuộc về bên nào có sức mạnh cụ thể. Do đó sau một ngày trinh sát, tôi trần trọc, mãi gần

sáng mới chợp mắt. Tình hình đặt ra là muốn tiến công Bù Bông từ hướng bắc thì bộ binh và xe tăng ta phải qua đường 14 cũ và phải giải quyết sáu đồn bốt bảo an mới có đường vào. Ngược lại nếu đánh từ phía nam, gặp phải dốc gần như thẳng đứng, chỉ có đặc công mới tiếp cận được! Cả hai cách đều không ổn. Nếu chỉ đánh bằng lực lượng đặc công, có thể diệt nhiều địch, nhưng không giải phóng được đất đai, một yêu cầu không thể thiếu, để có địa bàn mở hành lang; nhưng nếu dùng binh chủng hợp thành mà không có tính toán cụ thể, địch sẽ dựa vào hệ thống công sự chống trả quyết liệt, rất có thể nhiệm vụ không hoàn thành mà còn bị địch sát thương, gây tổn thất nặng cho ta.

Tôi triệu tập các đồng chí chỉ huy trưởng và bí thư Đảng ủy các đơn vị tham gia chiến đấu đến trao đổi bàn cách đánh. Tất cả các đơn vị có mặt ở đây đều hoạt động độc lập, không quen biết nhau, lại đến một chiến trường không quen thuộc, thời tiết khắc nghiệt, nhiều ruồi vàng, bọ chó, ngày nắng nóng, đêm về khuya lại lạnh như thời tiết trên mặt trăng. Những đợt gió núi kéo dài lúc nào cũng ào ào như trời đổ giông, nhất là về đêm gây khó ngủ. Riêng có Trung đoàn 271 tiền thân là Trung đoàn 82 thời kháng chiến chín năm hoạt động ở Cực Nam Trung Bộ, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ tập kết ra Bắc tổ chức thành lữ đoàn rồi chuyển thành Trung đoàn 271, được điều về đóng quân ở Nghi Lộc, Diễn Châu (Nghệ An) làm nhiệm vụ bảo vệ Cầu Bùng, đảo Ngư, Hòn Mát. Đã tham gia chiến đấu ở chiến trường C (Chiến trường Lào), về làm thế đội hai trong chiến dịch đường 9 - Nam Lào. Đầu 1971 được lệnh vào B2 chiến đấu.

Mãi hơn ba tháng sau trung đoàn mới tới Lộc Ninh, tham gia chiến đấu ở Xa Mát, Thiện Ngôn, rồi xuống Long An. Tháng 1 năm 1973, từ Long An, trung đoàn nhận nhiệm vụ hành quân về đứng chân ở khu vực Bù Bông, được bổ sung ba trăm sinh viên Trường đại học Bách khoa Hà Nội, thành trung đoàn hoàn chỉnh. Là một trung đoàn có bề dày lịch sử và lập nhiều thành tích trong chiến đấu, nhưng đến Bù Bông cũng như đến chiến trường xa lạ, vì lần đầu được điều về đây làm nhiệm vụ.

Đội hình vào trận từ nhiều đơn vị hợp lại nhưng đều có chung một nhận thức, một quyết tâm là bất cứ tình thế nào cũng phải kiên quyết trừng trị bọn phá hoại hiệp định ở một vùng hẻo lánh nhưng lại có vị trí xung yếu, trên tuyến đường chi viện cho miền Nam vào thời điểm rất khẩn trương này.

Bảng bản lĩnh chính trị vững vàng được trải qua thực tế chiến đấu tuy ít người mà ý kiến sôi nổi, không lúc nào đứt quãng, chủ tọa không phải nhắc nhở, gợi ý.

Cuối cùng chúng tôi có chung một quyết tâm:

Bước một, đánh chiếm căn cứ Bù Bông với kế hoạch trung đoàn Đặc công 429 làm nhiệm vụ mở cửa đón tăng, bộ binh vào; Trung đoàn 271 cử một tiểu đoàn bí mật bao vây các đồn bốt nhỏ, bảo vệ đường, không cho địch gài mìn; Trung đoàn 271 (thiếu) cùng tiểu đoàn tăng đánh chiếm Bù Bông sau khi đặc công đã mở cửa.

Bước hai, tiêu diệt chiến đoàn bảo an sau khi hoàn thành đánh chiếm Bù Bông. Đây là thời cơ tốt nhất, vì mất khu vực cao điểm Bù Bông, thế phòng thủ của địch bị vỡ một mảng quan trọng, chiến đoàn bảo an địch càng hoang mang, ta dùng đội hình binh chủng hợp thành hạn chế, diệt địch; Trung đoàn 205 và lực lượng các đơn vị còn lại làm nhiệm vụ chặn viện từ Kiến Đức nóng ra phản kích.

Chúng tôi đã hoàn thành một khối lượng khá lớn công tác chuẩn bị chiến đấu, chỉ trong thời gian chưa đầy hai mươi tư giờ. Vừa khảo sát thực địa, vừa tổ chức hành quân chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công, vừa suy nghĩ trao đổi thống nhất quyết tâm mà vẫn giữ được bí mật. Xe tăng tập kết cách Bù Bông hơn hai mươi ki-lô-mét, chỉ được lăn bánh trước lúc nổ súng.

Cần nói thêm là khi thảo luận đặc công làm nhiệm vụ mở cửa, cũng có những ý kiến:

- Đặc công vào nhưng không mở được cửa.

- Cú đột nhập đánh địch theo lối bóc vỏ, không cần pháo hỗ trợ.
- Tốt nhất đặc công đánh chiếm Bù Bông sau đó chuyển sang cùng bộ binh, xe tăng tiến công diệt chiến đoàn bảo an.

Trong thực tế chiến đấu các giả thiết trên không xảy ra. Đặc công vẫn thực hiện tốt chức năng là binh chủng đặc biệt trong nhiệm vụ đặc biệt được giao.

Cho đến 16 giờ ngày 3 tháng 11, mọi công việc chuẩn bị chiến đấu đã được hoàn tất thì cũng là lúc chuông điện thoại đổ hồi, các sĩ quan tác chiến tắt bật nghe điện từ các đơn vị gọi về báo cáo, tất cả đã sẵn sàng tiến vào vị trí xuất phát tiến công, thì cũng là lúc sự cố ngoài dự kiến lại đến, có liên quan đến thành bại của chiến dịch mang ý nghĩa chiến lược này. Đó là tin từ đài kỹ thuật của trinh sát chiến dịch báo cáo: một chiến sĩ thông tin thuộc trung đoàn 271 trên đường đi rải dây điện thoại chẳng may bị địch bắt.

Tôi sững người lại trong giây lát rồi tự nhủ phải thật bình tĩnh và tự tin trong xem xét và xử lý. Cũng như sự cố xảy ra trước giờ nổ súng tiến công chi khu quân sự Phước Bình trong chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài đông xuân năm 1965 mà tôi đã kể trên cùng bạn đọc. Nhưng ngày ấy lành đã thắng dữ. Còn bây giờ thì không khí trong Sở chỉ huy như có cái gì chùng xuống, một số cán bộ tuy không nói ra nhưng trên khuôn mặt hiện lên nét băn khoăn, lo lắng về yêu cầu bí mật của chiến dịch! Tôi ôn tồn chỉ thị cho bộ phận trinh sát kỹ thuật, bộ phận công tác chính trị theo dõi chặt chẽ diễn biến, kịp thời báo cáo để Bộ chỉ huy xử lý. Trước mắt chưa vội vàng thông báo đơn vị ảnh hưởng đến quyết tâm trước trận đánh. Băn khoăn lo lắng là đúng nhưng chúng ta cũng cần phải bình tĩnh, tin là chiến sĩ ta kiên cường, bí mật trận đánh sẽ giữ được. Chỉ phở biến cho các đơn vị khi có tình huống xấu nhất.

Mọi diễn biến diễn ra sau đó, đúng như dự đoán, được người chiến sĩ thông tin tìm cách trốn thoát trở về nói lại: “Địch nhiều lần gọi lên thăm vấn, nhưng lần nào em cũng trả lời là lính giữ chốt của hành lang, đi bám đồn để bảo đảm an toàn cho các đoàn vận tải.” Ứng xử thông minh đúng lúc của chiến sĩ ta, khai mà như không khai, địch đành chịu không moi được tin tức gì có liên quan đến bí mật chiến dịch.

Xin được kể tiếp chuyện đang kể.

Ba giờ đêm các đơn vị đều vào tới vị trí xuất phát tiến công.

Một trận mưa bất thần ập đến hòa với gió núi ào ào. Mồ hôi quện vào nước mưa, ai nấy đều ướt lạnh. Đường trơn, hành trang trên người như nặng thêm. Nhưng cái khó đó lại tạo thuận lợi cho yếu tố bất ngờ, địch càng chủ quan.

5 giờ - là giờ G quy định, tiếng nổ bộc phá mở cửa là hiệu lệnh tiến công của trận đánh bắt đầu. Mười trong số ha mươi xe tăng dẫn bộ binh tiến thẳng vào Bù Bông. Dọc đường tiến bị vướng mìn, ta phải dừng lại để khắc phục. Địch biết, chưa kịp đối phó thì quân ta đã vượt qua cửa mở. 5 giờ 40 phút trời còn mờ sương ta đã hoàn thành nhiệm vụ của kế hoạch bước một.

Mất Bù Bông là một bất ngờ lớn đối với địch. Tôi ra lệnh chuyển sang bước hai, dùng đội hình binh chủng hợp thành phát triển tiến công, thực hành bao vây chia cắt tiêu diệt toàn bộ quân địch phòng thủ ở phía đông Bù Bông.

Ngày 5/11/1973 ta tiêu diệt, làm tan rã và bắt sống hoàn toàn chiến đoàn bảo an, thu nhiều vũ khí, trong đó có ba khẩu pháo 105 ly.

Ta làm chủ toàn bộ căn cứ Bù Bông.

Trong phương án tác chiến có dự kiến đánh địch phản kích nhưng không đoán được địch nổi ra là

lực lượng nào, từ đâu tới, chỉ nêu dự kiến từ Đức Lập sang hoặc từ Đắc Nông, Kiến Đức lên, chủ yếu đề phòng hướng Kiến Đức.

Hai ngày sau, 6/11/1973, địch đưa gần như toàn bộ sư đoàn 22 (hai trung đoàn bộ binh, một trung đoàn xe tăng và thiết giáp) đang hành quân lấn chiếm vùng ven biển Ninh Thuận, Bình Thuận lên phản kích quyết liệt hòng chiếm lại Bù Bông.

Theo kế hoạch định trước, tôi lệnh cho trung đoàn đặc công 429 để lại một tiểu đoàn mạnh giữ Bù Bông, lực lượng còn lại chuyển sang đánh địch phản kích từ hướng Kiến Đức lên.

Đây cũng là một cách đánh điểm diệt viện. Nhưng viện binh địch với lực lượng đông, hỏa lực mạnh, ưu thế hơn ta. Song ta chủ động ở thế trận bày sẵn, lại sẵn có khí thế chiến thắng cổ vũ. Cái thế cụ thể ấy đã tạo nên sức mạnh, khắc phục được lực lượng có hạn, hình thành cách đánh chặn địch phía trước, vu hồi phía sau, chia cắt đội hình địch ra từng đoạn thực hành tiến công, tiêu diệt, đã làm tan rã hai trên ba lực lượng sư đoàn 22, sư đoàn trưởng của sư đoàn này bị thương nặng, buộc chúng phải lui quân. Vùng giải phóng mới của ta được giữ vững góp phần hỗ trợ cho lực lượng Quân khu 6 chống địch lấn chiếm có kết quả ở tây Phan Thiết.

Đêm 8/11/1973 tôi thao thức vì niềm vui chiến thắng đạt được nhanh, gọn và giòn giã, nhưng cũng còn một lẽ nữa làm luồng suy nghĩ mới bật dậy. Cái thế ở đây cho phép ta tiến xa hơn nữa, chọc thẳng xuống Kiến Đức tới Đắc Nông - Gia Nghĩa, tạo một thế mới ở nam Tây Nguyên, từ đây nối xuống Bù Đăng - Phước Long. Từ Bù Bông xuống Kiến Đức chỉ có ba mươi ki-lô-mét. Ngoài đường tỉnh lộ, ta tìm được đường be(5), tuy khó đi nhưng giữ được bí mật khi chuyển quân, kéo pháo, tiến công Kiến Đức tạo thêm thế mới. Đã đánh là chắc ăn nhưng cần phải có thêm lực lượng.

(5) Đường lâm nghiệp dùng để kiểm tra, khai thác và kéo gỗ.

Bốn giờ sáng tôi điện triệu tập các đồng chí chỉ huy trưởng và bí thư Đảng ủy các đơn vị đến hội ý.

Khi các đồng chí phụ trách đến đó, tôi tranh thủ nói luôn.

Trước hết biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí của các đơn vị và ý nghĩa của trận đánh thắng lợi. Nhưng thời cơ đang thuận lợi ta cần phải xốc tới, tiến xuống Kiến Đức. Tôi sẽ về báo cáo Bộ chỉ huy Miền và xin thêm lực lượng. Các đồng chí ở lại phải khẩn trương củng cố đơn vị, triển khai lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ vùng mới giải phóng, từng khu vực được phân công theo kế hoạch đã bàn, sẵn sàng đánh địch hành quân lấn chiếm. Sau đó tôi chỉ định người tạm quyền chỉ huy chung trong thời gian tôi vắng mặt. Tôi lần lượt bắt tay tạm biệt từng người. Cả người đi và người ở lại đều rạng rỡ niềm vui đều thành tâm chúc nhau thắng lợi.

Gặp anh Trần Văn Trà tư lệnh Bộ chỉ huy Miền, tôi xin phép được vào việc luôn:

- Tình hình đang rất thuận lợi, tôi tranh thủ về báo cáo và xin các anh cho thêm lực lượng. Vì muốn giữ vững vùng giải phóng, đảm bảo công việc xây dựng cơ bản đường hành lang được thuận lợi để thực hiện các chiến dịch vận chuyển phục vụ kế hoạch thời cơ, ta cần có thêm lực lượng để phát triển xuống Kiến Đức.

- Xin thêm bao nhiêu? - Anh Trà hỏi:

- Xin Miền tăng cường cho một trung đoàn.

Anh Trà không trả lời ngay mà đắm chiêu suy nghĩ như có cái gì khó nói.

Không khí bỗng trở nên nặng nề chẳng vì một lý do nào đó (tôi tự nghĩ và cũng chưa tìm cho mình một giải đáp), thì anh Trà nhìn tôi với nụ cười cảm thông, rồi chậm rãi nói:

- Trung đoàn 16 đang làm nhiệm vụ hỗ trợ nhân dân chống phá bình định ở vùng ven, ở sở chỉ huy Miền chỉ còn một tiểu đoàn vệ binh.

Thoạt nghe tưởng như trên không tạo cho dưới làm nhiệm vụ nhưng với tư cách là phó tư lệnh Miền tôi thấy anh Trà nói đúng. Lực lượng ta có hạn, lại đang phải dàn trải ở nhiều nơi, vừa hỗ trợ chống phá bình định, vừa sẵn sàng đánh địch lần chiếm bảo vệ vùng giải phóng, giữ thế trận “da báo”, quyết không cho địch phân tuyến, nếu điều cả tiểu đoàn vệ binh đi chiến đấu, thì quả là điều tối kỵ.

Nghĩ như vậy tôi chủ động gỡ bí. Vì khó khăn chung, lên đó tôi sẽ bàn với các đơn vị cách khắc phục. Nhưng cách gì chúng tôi vẫn giữ quyết tâm tổ chức lực lượng tiến công chỉ khu quân sự Kiến Đức, có thay đổi chỉ là cách đánh. Vì đây là thời cơ, không biết tận dụng thật uổng! Chỉ đề nghị với Bộ chỉ huy Miền chỉ đạo các đơn vị hoạt động hỗ trợ khi chúng tôi nổ súng tiến công Kiến Đức.

Tôi xin phép anh Trà lên đường ngay lúc này để trở lại Bù Bông.

Anh Trà nắm chặt tay tôi hồi lâu:

- Chúc anh Năm lại thành công trong điều kiện khó khăn!

Được tin tôi về, các đồng chí chỉ huy và lãnh đạo đơn vị có mặt ngay sau đó ít phút để chờ đợi nhiệm vụ.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 17: Phần 2

Nhìn gương mặt mọi người thấy đầy đặn trở lại, vì trận đánh kết thúc đến hôm nay đã được trên một tuần lễ, có được thời gian tuy ngắn nhưng cũng đủ để hồi sức tôi càng mừng, vì sức khỏe lúc này là rất quan trọng.

- Trước khi bàn nhiệm vụ, tôi nói ngay việc xin thêm lực lượng. Như các đồng chí đã biết, sau Hiệp định Paris, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã có lợi cho ta. Nhưng trong mấy tháng đầu năm 1973, địch đã giành được chủ động ở một số nơi. Đầu tháng 10 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 đã ra nghị quyết nêu rõ những yếu kém trong chỉ đạo chống địch phá hoại Hiệp định Paris của các ngành các cấp và một lần nữa chỉ rõ “con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới”.

Thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đang chỉ đạo các ngành các cấp khắc phục các khuyết điểm hữu khuynh do dự, ảo tưởng, chờ đợi thụ động, các lực lượng vũ trang của Miền phải điều chỉnh lại thể bố trí để thực hiện các yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Sư đoàn 5 tiếp tục hỗ trợ cho đồng bằng phản công địch lấn chiếm vùng Kiến Tường giáp biên giới Campuchia và củng cố, mở rộng hành lang nối liền Đông Nam Bộ với đồng bằng qua hướng Tây Ninh. Sư đoàn 9 và Sư đoàn 7 ngoài hỗ trợ các lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh địch ở các tuyến tiếp xúc, bao vây những vị trí địch nằm sâu trong vùng giải phóng của ta như Chơn Thành, An Lộc, đại bộ phận lực lượng xuống phía tây và đông đường 13 liên tục uy hiếp tuyến giữa và vùng ven Sài Gòn của địch, kìm chân sư đoàn 5, 25 và 18 của địch, phối hợp với địa phương, giữ vững vùng giải phóng. Trong tay của Bộ chỉ huy Miền lúc này chỉ có tiểu đoàn vệ binh làm nhiệm vụ bảo vệ hậu cứ. Các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền rất băn khoăn là đã không đáp ứng được yêu cầu chính đáng của chúng ta, nhưng trước mắt không có cách nào khắc phục, tìm cho ra lực lượng, trong khi nhiệm vụ mở rộng địa bàn đi đôi với giữ vững địa bàn ở khu vực Bù Bông lại đang là một yêu cầu rất cấp bách; vì để thực hiện phương hướng xây dựng, phát triển và hoàn thiện tuyến vận tải chiến lược phía đông Trường Sơn, Bộ đã ra lệnh cho các trung đoàn công binh của hai sư đoàn khu vực 471, 473 và một số đơn vị tăng cường sử dụng trên một nghìn xe, máy chuyên dùng tiến hành xây dựng cơ bản tuyến đường mới dài một nghìn hai trăm ki-lô-mét từ Khe Gát đến Bù Gia Mập.

Ý nghĩa thắng lợi mà chúng ta đã giành được và nhiệm vụ tiếp sau của chúng ta chính là đây: tiếp tục tạo điều kiện cho kế hoạch của Bộ về xây dựng tuyến đường chiến lược mới được tiến hành một cách thuận lợi.

Tiếp đến tôi trình bày kế hoạch tiến công Kiến Đức để các đơn vị tham gia. Lực lượng hiện có tuy mỏng nhưng ta vẫn không thay đổi quyết tâm, nhân lúc địch đang hoang mang đến cực độ chiến thắng Bù Bông, như trận điểm “huyết” khu vực, làm rung chuyển cả một vùng rộng lớn từ Đức Lập qua Kiến Đức, Đắc Nông xưa nay chưa bị đánh bao giờ, nay cái vỏ cứng vòng ngoài bị vỡ, thì ta đánh tiếp lúc này là chắc ăn!

Nhưng đánh bằng cách nào? Tôi vừa nêu câu hỏi, chưa kịp trình bày dự kiến của mình thì các đồng chí chỉ huy và lãnh đạo các đơn vị đã phát biểu. (Cần nói thêm là sư đoàn 22, gồm hai trung đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo, một tiểu đoàn tăng - thiết giáp sau khi phải bỏ cuộc tái chiếm Bù Bông co về nằm rải trên đường Kiến Đức - Bù Bông để chặn ta). Có ý kiến ta cứ dùng đội hình binh chủng hợp thành đánh

thốc xuống, nhưng nhiều người không đồng tình, vì đánh kiểu chọi trâu này trong khi ta không ưu thế hơn địch sẽ không ổn. Ý kiến thứ hai, trở thành quyết tâm chung sau khi có thêm một số anh em bổ sung các chi tiết. Phải trở lại cách đánh Bù Bông theo trình tự đặc công - bộ binh - xe tăng, nhưng phải phân công, phân nhiệm và hiệp đồng thật cụ thể, ăn ý. Chúng tôi vẫn để một tiểu đoàn đặc công chốt giữ Bù Bông, hai tiểu đoàn đặc công còn lại đi theo hai hướng làm nhiệm vụ mở đường, sau đó là bộ binh. Xe tăng vẫn làm nhiệm vụ dẫn bộ binh tiến công nhưng không theo đường chính mà tập kết ở tây Bù Bông tắt theo đường be.

Giờ G vào lúc 4 giờ sáng, xe tăng vận động vào lúc máy bay địch chưa có điều kiện hoạt động.

Ba giờ sáng điện của đặc công báo cáo về sở chỉ huy: Đã mở được hai hướng, nhưng chỉ vào được ở hướng thứ yếu.

- Không thể chậm! - Tôi lệnh. - Cũng được, nhưng khi vào phải có lực lượng giữ cửa mở, hướng dẫn tăng và bộ binh.

Hiệu lệnh tiến công phát ra đúng giờ G quy định, vào lúc màn sương còn trải dày, thật là lý tưởng. Tăng dẫn bộ binh đồng loạt tiến công vượt qua cửa mở thuận lợi đánh thẳng vào các mục tiêu được phân công. Một tiếng sau ta làm chủ chi khu Kiến Đức, đường Kiến Đức - Bù Bông bị cắt, sư đoàn 22 lực lượng ngăn chặn bị cô lập. Một lực lượng nhỏ của ta nổ súng tiến công đánh tạt sườn, chúng tán loạn bỏ chạy. Lúc này chỉ cần một trung đoàn thiếu thọc vào Đắc Nông (thị xã Gia Nghĩa) là ta có thể giải phóng thị xã này nhưng không có lực lượng.

Thật là tiếc!

Đúng là khi thời cơ đã có thì lực yếu hóa mạnh.

Các đơn vị tham gia chiến đấu trên đà thắng lợi, đều muốn tiến sâu và đánh tóa sang hai bên, muốn từ đây theo đường 14 thông xuống Bù Đăng.

Một ngày sau khi làm chủ Kiến Đức, điện của Bộ chỉ huy Miền lệnh cho chúng tôi bàn giao cho tiểu đoàn địa phương bảo vệ khu vực mới giải phóng, các đơn vị tham gia trận đánh đi nhận nhiệm vụ mới.

Trong vòng mười ngày kể từ ngày 5/11/1973, với lực lượng vừa phải, ta tổ chức tiến công tiêu diệt yếu khu Bù Bông, chi khu quân sự Kiến Đức, áp sát thị xã Gia Nghĩa, uy hiếp chi khu Bù Đăng (Phước Long), giải phóng một vùng đất đai rộng lớn từ ngã ba Đắc Song (Quảng Đức) nối liền với Bù Gia Mập, Bù Đốp, Lộc Ninh (nơi có căn cứ Bộ chỉ huy quân Giải phóng miền). Ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 22 nguy, diệt và bắt sống 1.500 tên địch, thu 300 súng các loại, có 3 khẩu pháo 105 ly và 20 xe bọc thép. Đây là đợt hoạt động thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, đánh vào một khu vực hiểm yếu của địch, làm lung lay tuyến phòng ngự nam Tây Nguyên, có giá trị tạo thế tạo lực rất quan trọng trong thời điểm lúc bấy giờ. Vùng giải phóng Đông Nam Bộ, đặc biệt là khu vực đầu mối vận tải, nối giữa tuyến chiến lược của đoàn 559 với tuyến chiến dịch các đoàn hậu cần Miền được mở rộng, mở ra thời kỳ mới - đường ta mở trên đất ta.

Tháng 5 năm 1974, địch mở cuộc hành quân lớn, dài ngày nhất từ khi ký Hiệp định Paris nhằm lần chiếm vùng tây Bến Cát tạo một tuyến giữa (trung tuyến) hoàn chỉnh bảo vệ vững chắc phía bắc Sài Gòn bị ta chọc thủng sau đợt ba chiến dịch Nguyễn Huệ. Sau khi hoàn thành kế hoạch này, tham vọng của Nguyễn Văn Thiệu là sẽ đốc quân tái chiếm Lộc Ninh hoặc một nơi khác thuộc vùng giải phóng của ta ở Đông Nam Bộ vì cuối 1973 Thiệu đã tuyên bố “chiến tranh đã trở lại”, đầu 1974 y tung ra “kế hoạch quân sự Lý Thường Kiệt” với sự tính toán chủ quan rằng trong cả năm 1973 “Việt cộng” (chỉ Quân giải phóng) không còn đủ lực lượng mở các cuộc tiến công lớn; rằng công việc “bình định” và các cuộc hành quân “tràn ngập

lãnh thổ” của “quân lực Việt Nam cộng hoà” (chỉ quân đội ngụy Sài Gòn) đã mang lại nhiều kết quả, vân vân và vân vân.

Từ định hướng kế hoạch quân sự 1973 - 1974, được thể hiện trong Nghị quyết 12 của Trung ương Cục và Nghị quyết tháng 5 năm 1974 của Quân ủy Miền(6), Bộ chỉ huy Miền chủ trương mở chiến dịch Đường Bảy Ngang (Bến Cát - Rạch Bắp) nhằm phá vỡ tuyến phòng thủ trung gian (tuyến giữa) bảo vệ Sài Gòn, kìm chân chủ lực địch ngay tại hang ổ của chúng, phá tan ý đồ tăng viện của địch cho đồng bằng sông Cửu Long để bình định vùng Khu 8 giáp với Sài Gòn; thiết thực bảo vệ Lộc Ninh mà giờ đây địch cho là trung tâm chính trị của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

(6) Tinh thần Nghị quyết 12 của Trung ương Cục và Nghị quyết tháng 5/74 của Quân ủy Miền: Xác định nhiệm vụ phá âm mưu lấn chiếm và bình định của địch, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, xây dựng hậu phương, căn cứ vững chắc tạo thế tạo lực mới, đón thời cơ giành thắng lợi quyết định. Các nghị quyết còn chỉ rõ căn nắm vững quan điểm bạo lực với tư tưởng tiến công và với phương châm tiến công là chính.

Nhân đây xin lưu ý bạn đọc về mục đích góp phần đánh bại âm mưu tái chiếm Lộc Ninh của địch.

Thực ra thì ngay sau khi giải phóng Lộc Ninh tháng 4 năm 1972 (đợt một chiến dịch Nguyễn Huệ) lãnh đạo và chỉ huy Miền đã đặt vấn đề phải giữ cho được Lộc Ninh bằng mọi giá, không cho địch tái chiếm. Từ đó cho đến khi Hiệp định Paris được ký kết và có hiệu lực, cán bộ, chiến sĩ đứng trong đội hình chiến dịch luôn luôn ý thức được vấn đề này.

Còn chúng tôi, những người có trách nhiệm điều hành chung lại thấy lúc này đây cần phải đưa ra được các việc phải làm khi mà mọi người đã thấy cái ý nghĩa của những việc làm đó. Bảo vệ Lộc Ninh, tức là phòng ngự giữ đất, mà giữ đất lúc này trở thành một nhiệm vụ hàng đầu trong yêu cầu tạo thế, hơn nữa mảnh đất phải giữ lúc này là Lộc Ninh, chứa đựng biết bao ý nghĩa, cả quân sự, chính trị và ngoại giao.

Địch hò hét tái chiếm Lộc Ninh vì bản chất hiếu chiến, bất cần Hiệp định Paris, nhưng quả thực đó là một sự hò hét không hoàn toàn ngông cuồng mà có thực lực. Trên chiến trường Đông Nam Bộ lúc này, địch có trong tay sáu sư đoàn chủ lực với 1.216 xe tăng và thiết giáp, 788 khẩu pháo, 1.076 máy bay, 1.820 tàu hải quân và 8.471 căn cứ quân sự và đồn bốt nhỏ. Những thăm dò phản ứng của ta và dư luận ngày càng gia tăng, trắng trợn hơn là 14 giờ 15 phút ngày 12/5/1973, máy bay địch đã trút bom xuống khu vực Lộc Tấn thuộc Lộc Ninh, phá hoại nhiều nhà cửa và làm bị thương nhiều người.

Trong cuộc họp do lãnh đạo Miền chủ trì cũng đã đưa vấn đề giữ vững Lộc Ninh ra bàn ngay từ giữa năm 1973, sau đó Miền lại thông báo Quân ủy Trung ương vừa điện vào nhắc: Lộc Ninh có tầm quan trọng không những về quân sự mà có ý nghĩa lớn về chính trị trong tình hình hiện nay. Vì vậy địch luôn luôn có âm mưu đánh chiếm, bằng bất cứ giá nào ta cũng phải giữ cho được.

Chúng tôi có thêm định hướng và quyết tâm của Bộ tiếp sức, nên cuộc họp bàn biện pháp thực hiện càng sôi nổi và có khí thế. Tất cả những người dự họp đều nhất trí vận dụng trở lại kinh nghiệm tiến công chống lại cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty vào chiến khu Dương Minh Châu mùa khô năm 1967 vào điều kiện mới. Trước hết sắp xếp, tổ chức lại các lực lượng du kích địa phương, du kích cơ quan thuộc các cơ quan Trung ương Cục và các đơn vị thuộc Bộ chỉ huy Miền, kết hợp với lực lượng phòng không, cơ giới, trung đoàn độc lập 201 trực thuộc Miền thành một lực lượng đánh địch tại chỗ dưới sự chỉ huy thống nhất tạm gọi là Bộ tư lệnh chốt giữ Lộc Ninh, sẵn sàng đánh địch nếu địch thực thi tái chiếm từ đâu tới, trên bộ hoặc đổ quân bằng máy bay lên thẳng. Ta kiên quyết không co lực lượng chủ lực về, mà thực hiện các lực lượng này đánh địch từ xa. Trước hết khối chủ lực của Miền vẫn áp sát Sài Gòn, sẵn sàng thọc vào tim chúng, không cho chúng rút lực lượng đi đánh Lộc Ninh.



Bây giờ xin trở lại diễn biến chiến đấu cụ thể và các vấn đề đặt ra trong quá trình thực hành chiến dịch.

Trước hết địa bàn chiến dịch đường Bảy Ngang nằm ngay trên vành đai trung tuyến cách Sài Gòn bốn mươi ki-lô-mét về phía tây bắc kéo dài từ Rạch Bắp ở phía tây qua Ri-nét đến Bến Cát. Đường Bảy Ngang từ Bến Cát đến Rạch Bắp có vị trí như một tuyến tiếp xúc giữa ta và địch. Phía bắc là vùng giải phóng liên hoàn của ta. Phía nam là vùng địch kiểm soát. Địch rải ở đây hai tiểu đoàn bảo an 321, 323, khoảng tám trăm quân làm nhiệm vụ chốt giữ. Đây là khu vực tiếp giáp với vùng giải phóng của ta. Lại có nhiều đường chiến lược nối thông với Sài Gòn.

Vì là vị trí có ý nghĩa chiến lược ở khu vực này, nên địch đã thiết kế ở đây một trận địa phòng ngự khá vững chắc với nhiều cụm cứ điểm kiên cố như Rạch Bắp, Ri-nét, Bến Cát, Tân Uyên.

Phía trên có căn cứ Lai Khê, dưới có căn cứ Đồng Dù, với một lực lượng cơ động lớn của quân đoàn 3, tổ chức thành những chiến đoàn hỗn hợp bộ binh và cơ giới mạnh để bảo vệ Sài Gòn; đồng thời biến nơi đây thành đầu cầu tiến công vùng giải phóng của ta.

Rõ ràng hoạt động quân sự trong bối cảnh lúc này không còn dừng lại ở phản công đánh chiếm lấy lại những vị trí địch đã chiếm mà phải chuyển sang chủ động tiến công mở rộng vùng giải phóng. Chiến dịch đường Bảy Ngang là chiến dịch chủ động tiến công với mục tiêu phá vỡ tuyến phòng ngự trung gian của địch, kìm chân quân chủ lực địch tại hang ổ của chúng, phá mọi ý đồ thâm độc của chúng trong năm 1974.

Một trận đánh mang nhiều mục tiêu tổng hợp (như trên đã trình bày cùng bạn đọc). Nhưng đánh như thế nào để đạt được các yêu cầu đề ra? Chọn điểm như vậy là đúng nhưng điểm chọn đúng sẽ không phát huy được tác dụng nếu ta không có cách đánh thích hợp, để sao cho trên thực tế, lực lượng cụ thể của ta lúc này chưa thật ưu thế mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Đó là điều chúng tôi phải suy nghĩ. Vì lúc này Hiệp định Paris có hiệu lực đã hơn một năm. Khối chủ lực B2 đã có nhiều cố gắng chấn chỉnh sắp xếp lại tổ chức, tranh thủ huấn luyện, nâng cao chất lượng chiến đấu. Mặt khác đã được bổ sung quân số, vũ khí đạn dược từ miền Bắc đưa vào qua đường Trường Sơn đã tương đối thông suốt. Nhưng nhìn chung bộ đội vẫn không một ngày được nghỉ ngơi, vẫn tiếp tục chiến đấu, tiếp tục thương vong.

Vẫn phải tập trung ưu thế, nhưng ưu thế ở đây, ít ra là trong lúc này cũng chỉ là tương đối, có khi còn dưới cả tương đối. Vì Miền chỉ có ba sư đoàn chủ lực, thì Sư đoàn 5 đang đứng chân ở Khu 8, Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 ở Đông Nam Bộ không thể chỉ dồn vào một hướng mà phải đứng chân ở hai hướng tây đường 13 và đông đường 13. Các trung đoàn độc lập trực thuộc Miền ở những khu vực quan trọng vừa cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh địch bảo vệ vùng giải phóng quanh các thị xã, thị trấn như An Lộc, Chơn Thành, Dầu Tiếng, vừa hỗ trợ nhân dân chống phá “bình định”. Và lại có nhiều lực lượng cũng không dồn cục vào một hướng đường Bảy Ngang. Vì ở đây là tuyến phòng thủ thuộc loại cứng của địch, chúng thiết kế một hệ thống phòng ngự vững chắc với hệ thống công sự dày đặc, rất dễ bị địch sát thương, nếu không có cách đánh phù hợp thì chẳng khác nào đem trứng chọi với đá.

Vì vậy cách đánh ở chiến dịch này vẫn trên cơ sở dựa vào thế và tập trung ưu thế lực lượng nhằm phá vỡ ngay từ đầu hệ thống phòng ngự chủ yếu của địch, tạo ra sự phá vỡ các mảng khác trên chính diện chiến dịch. Trước hết, Bộ chỉ huy Miền đã có kế hoạch hoạt động phối hợp của các đơn vị trên toàn B2: Quân khu 7 tiếp tục mở tuyến lộ 2, khu vực Bảo Bình (Bà Rịa, tuyến đường 20 - Định Quán); Quân khu 8 thực hiện chốt chặn với tập kích, đánh bại các cụm hành quân lấn chiếm, giữ vững các ngã tư quan trọng như Năm Ngàn, Phụng Thốt, Hai Hát, Trại Lèn, Bàng Lãng, giữ vững vùng giải phóng đã có; Sư đoàn 5 tiếp tục cơ động tiến công địch ở Long Khốt, Phước Tân, nhằm kéo căng, phân tán lực lượng địch, tạo thuận lợi cho các đơn vị lâm nhiệm vụ ở mặt trận Đường Bảy Ngang.

Lực lượng sử dụng vào chiến dịch là hai sư đoàn trên hai hướng rất rộng. Sư đoàn 7 đảm nhận hướng phối hợp (chứ không gọi là hướng thứ yếu) ở đông đường 18, vừa chống địch lấn chiếm giữ vững vùng giải phóng, chủ động tiến công diệt địch mở rộng vùng giải phóng, đạt cả yêu cầu kéo căng địch không cho chúng tập trung chi viện sang hướng Sư đoàn 9.

Sư đoàn 9 được tăng cường một số đơn vị binh chủng(7), đảm nhận hướng chủ yếu với nhiệm vụ tiêu diệt địch giải phóng đường Bảy, tiếp đó tiến công giải phóng khu vực Phú Thứ đến cầu ông Tộ và chốt chặn đánh địch phản kích giữ vững địa bàn vừa mới giải phóng.

(7) Miền tăng cường cho Sư đoàn 9 một đại đội xe tăng (chín chiếc), một đại đội đặc công nước, ba đại đội pháo (sáu khẩu 85, sáu khẩu 122, ba khẩu cối 120 và hai ĐKB), hai tiểu đoàn pháo cao xạ (9 khẩu 37 và 8 khẩu 12.8 ly), bốn hệ thống B.72, hai cơ sở A.72 và một tiểu đoàn công binh).

Các vấn đề lớn của chiến dịch cơ bản đã được giải quyết.

Còn lại chỉ là cách đánh trên hướng chủ yếu như thế nào để đảm bảo thắng lợi nhanh gọn là rất quan trọng. Bởi lúc này đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao vẫn kết hợp, ta vẫn tiếp tục đấu tranh đòi Hiệp định Paris được tôn trọng, mặc dầu địch đã trắng trợn phá hoại Hiệp định ngày càng nghiêm trọng và có hệ thống. Vì vậy thắng mà kéo dài thì vấn đề sẽ trở nên phức tạp. Rất có thể việc làm chính nghĩa trừng trị kẻ địch vi phạm Hiệp định lại bị công luận ngộ nhận do những thủ đoạn xảo quyệt kẻ địch gây nên, đẩy ta vào tình thế bất lợi trong đấu tranh ngoại giao, tranh thủ dư luận.

Tư tưởng chấp chững, ảo tưởng hòa bình của cán bộ chiến sĩ đã được giải quyết sau khi học tập Nghị quyết 21. Mọi người đã thấy rõ con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực “chừng nào chính quyền Sài Gòn còn tiếp tục những hành động chiến tranh thì các lực lượng vũ trang cần phải kiên quyết đánh trả bất cứ ở đâu”. (Nhật lệnh của Bộ chỉ huy Miền ngày 15/10/1973.)

Từ sự suy tính cân nhắc trên, Miền quyết định cách đánh là dùng ưu thế lực lượng tiến hành đồng loạt tiến công bằng binh chủng hợp thành, có pháo bắn chuẩn bị, dùng bộc phá liên kết ĐH-10 mở cửa, tiếp theo xe tăng dẫn bộ binh tiến công các cụm mục tiêu trong trung tâm cụm phòng ngự của địch.

Đêm 15 rạng 16/5/1974 các mũi tiến công của Trung đoàn 2 và Trung đoàn 3 đánh chiếm các đồn Rạch Bắp, Ri-nét, Kiến Điền và áp chiến lược Kiến Điền. Đến chiều 17 tháng 5 ta hoàn toàn làm chủ đoạn đường Bảy từ Rạch Bắp đến Bến Cát dài mười ki-lô-mét, giải phóng một khu vực rộng khoảng tám mươi ki-lô-mét vuông.

Theo kế hoạch chung, ở mũi phối hợp đông đường 13, tại hướng Tân Uyên, Sư đoàn 7 nổ súng tiến công căn cứ Cầu Sông, Phước Hòa trên lộ 16, bức rút một số đồn bốt địch lấn chiếm trái phép. Mũi khác, một đơn vị của Sư đoàn 7 đánh chiếm cầu Nha Bích - một căn cứ của địch nằm trong vùng giải phóng của ta, giải phóng đoạn đường 14 Chơn Thành - Đồng Xoài, tiến ra bờ sông Đồng Nai, hỗ trợ đặc lực cho Sư đoàn 9 hoàn thành nhiệm vụ ở đường Bảy Ngang.

Trung đoàn 16 trực thuộc Miền phối hợp với tiểu đoàn Quyết thắng Quân khu Sài Gòn - Gia Định và du kích huyện Củ Chi đánh trả quyết liệt sư đoàn 25, giữ vững vùng giải phóng An Nhơn Tây, gây khó khăn cho trong âm mưu đánh chiếm khu vực này để nối liền Bến Cát theo đường Bảy Ngang thành một tuyến giữa (có lùi một ít so với cũ), hoàn chỉnh thành một tuyến phòng ngự liên tiếp (trước đứt quãng ở đoạn từ tây nam An Nhơn Tây đến tây bắc Bến Cát, nay vẫn bị đứt quãng vì đường Bảy Ngang sư đoàn 9 đã đánh chiếm).

Đánh chiếm đã khó, chốt giữ càng khó hơn. Việc một lúc ta nhổ ba cứ điểm Rạch Bắp, Kiến Điền, Ri-nét, trên đường Bảy Ngang, làm phá sản một trong âm mưu cơ bản của địch là ổn định và mở rộng vùng

kiểm soát: đường 2, Bà Rịa - Long Khánh (đông, đông nam Sài Gòn); đường xe lửa Hưng Lộc - Giá Ray (đông bắc Sài Gòn), trong đó đường Bảy Ngang Bến Cát - Rạch Bắp - Ri-nét tây bắc Sài Gòn) là hướng then chốt có quan hệ trực tiếp đến an toàn của Sài Gòn.

Vì vậy địch đã phản ứng tức thì, bằng một cuộc phản kích điên cuồng với một lực lượng khá lớn. Chúng tôi đã tính đến khả năng này khi chuẩn bị quyết tâm chiến dịch. Đã nghĩ phải vận dụng kinh nghiệm chốt chặn Tàu Ô, bởi yêu cầu đề ra là khi địch phản kích ta phải trụ lại các vị trí đã chiếm để đánh địch.

Về sử dụng lực lượng, nếu đợt một chỉ đưa hai trung đoàn vào chiến đấu, thì sang đợt hai đánh địch phản kích, chúng tôi huy động cả ba trung đoàn vào làm nhiệm vụ. Đây cũng là vấn đề gần như chưa gặp trong các đợt hoạt động chiến đấu trong nhiều năm mà tôi đã tham dự.

Từ 16 đến 18/5/1974 địch lần lượt điều ba tiểu đoàn bảo an và chiến đoàn 43 lên Bến Cát, cầu ông Tộ và Phú Thứ; đồng thời tổ chức bốn trận địa pháo (36 khẩu) chuẩn bị hỗ trợ để phản kích chiếm lại đường Bảy. Lường trước diễn biến, chúng tôi lệnh Sư đoàn 9 cho Trung đoàn 2 tạm ngừng kế hoạch tiến công Phú Thứ, chuyển gấp sang xây dựng trận địa chốt ở Rạch Bắp, Ri-nét, điểm cao 25 trên đoạn đường Bảy, Trung đoàn 3 xây dựng trận địa chốt chặn ở khu vực Kiến Điền vừa mới đánh chiếm để đánh trả quân địch. Cuộc phản kích của địch kéo dài đến 30/9/1974, trong đó có năm đợt tiến công thu hút phần lớn lực lượng quân đoàn 3 như sư đoàn 5, sư đoàn 18 và sư đoàn 25, liên đoàn 7 biệt động quân, lữ đoàn dù 1, bốn trung đoàn xe tăng, thiết giáp, kể cả lực lượng pháo binh, không quân; thậm chí chúng còn huy động cả lực lượng quân đoàn 4 và bộ Tổng Tham mưu tham gia.

Vì sự sống còn, tồn tại hay không tồn tại của trận tuyến trung gian, địch đã đánh phá quyết liệt theo kiểu “dốc túi”, miễn sao giành lại được khu vực đã mất. Trên các trận địa chốt chặn của ta, bom đạn địch cày xới với mật độ dày đặc(8), đất đá tan vụn thành bột, có nơi sâu đến đầu gối.

Cuộc chiến đấu chống địch phản kích trên mặt trận đường Bảy Ngang - tây Bến Cát diễn ra ác liệt, căng thẳng và liên tục suốt 135 ngày đêm (ở Tàu Ô là 110 ngày đêm). Nhưng cán bộ chiến sĩ Sư đoàn 9 đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đánh lui hàng trăm đợt phản kích lớn nhỏ của địch; ta và địch giành nhau từng tấc đất với một ý định thật rõ - địch muốn phân tuyến, còn ta thì kiên quyết duy trì thế trận “đa báo”. Tại điểm cao 25, nơi được xem như cái “túi” đựng bom pháo địch, tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3, tiếp sau là tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 3, Trung đoàn 1 vào thay thế đã ngoan cường chốt chặn, dưới mưa bom bão đạn bẻ gãy nhiều đợt phản kích của xe tăng, bộ binh địch giữ vững trận địa, không thể lọt vào tay quân thù.

(8) Có ngày chúng bắn tới 20.000 quả đạn pháo, hàng chục lần chiếc máy bay ném bom. Trong thời gian một tháng (từ 10/6 đến 7/7/1974), địch bắn 174.000 quả đạn pháo, 1.101 lần chiếc máy bay xuất kích ném bom vào đội hình ta.

Từ đầu tháng 10 năm 1974, địch buộc phải từ bỏ ý định dùng lực lượng phản kích chiếm lại đường Bảy Ngang - tây Bến Cát.

Cuộc hành quân lần chiếm với nhiều tham vọng, tiến hành dài ngày nhất (hai tháng), kể từ Hiệp định Paris có hiệu lực đã bị thất bại. Chúng buộc phải thừa nhận bị thiệt hại 11 trong tổng số 26 tiểu đoàn chủ lực cơ động, 4 trong số 11 tiểu đoàn biệt động quân, 4 trong tổng số 14 chi đoàn thiết giáp, 85 trong tổng số 325 xe tăng và thiết giáp. Từ đây địch không còn có cuộc hành quân tương tự nào, mặc dầu chúng chưa từ bỏ tham vọng xóa thế “đa báo” đẩy chủ lực ta ra xa.

Trên chính diện chiến dịch, Sư đoàn 9 đã đương đầu với gần như toàn bộ lực lượng quân đoàn 3 địch, giữ vững vùng giải phóng không cho địch nổi thông tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn từ hướng tây bắc.

Bằng chiến thắng đường Bảy Ngang, ta đã tạo ra thế chiến lược mới trên chiến trường Đông Nam Bộ,

đặc biệt là ở hướng tây bắc Sài Gòn.

623 cán bộ, chiến sĩ của Sư đoàn 9 đã anh dũng hy sinh, 6.602 đồng chí mang thương tích trên trận địa chốt chặn. Tôi mãi mãi cảm phục và tự hào về sự đóng góp vô giá của những đồng chí, đồng đội để có một chiến thắng ở thời điểm lịch sử đang rất cần. Bản thân chiến thắng và sự đóng góp xả thân của những người đồng chí của tôi đã tạo nên một cách đánh mang những nét đặc sắc Việt Nam - chốt chặn kết hợp với tiến công bắt nguồn từ Tàu Ô, được nâng lên trong hoàn cảnh mới, tạo một chiến thắng bất tử, chuẩn bị tiền đề để có được một tuyến xuất phát tiến công của đại quân trong chiến dịch Hồ Chí Minh từ hướng tây bắc tiến vào Sài Gòn.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 18: Phần 1

Trở lại đường 14 - Phước Long.

Mặc dầu đã được các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền phổ biến ý định và trao đổi lấy ý kiến tham gia ngay từ cuối năm 1973 đầu năm 1974, nhưng khi thực hiện trong tôi cứ rộn lên một niềm vui khôn xiết. Đó là sự kiện Quân đoàn 4 ra đời! Bởi đây là kết quả của một nhận biết về quy luật chiến tranh cách mạng đã trải qua nhiều năm tháng thăng trầm, thậm chí phải trả giá khi mà cả một thời gian dài không thấy hết vai trò của đánh lớn, trong khi đó lại tuyệt đối hóa vai trò chiến tranh du kích; chỉ thấy nổi dậy mà không thấy đầy đủ vai trò tiến công; không thấy hết vai trò quyết định của quả đấm chủ lực trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh. Muốn đánh lớn phải có công cụ để thực hiện đánh lớn - đó là các binh đoàn chủ lực đủ sức đảm đương các nhiệm vụ tiến công và phòng ngự chiến dịch, chiến dịch - chiến lược và chiến lược.

Quân đoàn 4 ra đời là để cùng với các quân đoàn khác đáp ứng yêu cầu đánh lớn của giai đoạn mới - giai đoạn tổng tiến công và nổi dậy kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Buổi lễ thành lập Quân đoàn được tổ chức tại căn nhà đơn sơ, khu căn cứ Trung ương Cục bên bờ suối Bà Chiêm (tây nam thị trấn Lộc Ninh mười lăm ki-lô-mét). Đồng đủ các cán bộ lãnh đạo chỉ huy - những người đã có công tổ chức ra các đơn vị chủ lực đầu tiên; đã trực tiếp chỉ huy nhiều đơn vị; đã theo dõi từng bước trưởng thành của khối chủ lực Miền, giờ đây lại có dịp ngồi bên nhau chứng kiến cái giây phút thật trang nghiêm và xúc động của buổi lễ lịch sử này.

Ngoài các đồng chí Phạm Hùng, bí thư Quân ủy Miền; Trần Văn Trà, tư lệnh; Lê Văn Tường, phó chính ủy; Nguyễn Minh Châu, tham mưu trưởng; Trần Văn Phác, cục trưởng chính trị; Bùi Phùng, cục trưởng hậu cần Bộ chỉ huy Miền; các đồng chí trong Bộ tư lệnh Quân đoàn(1), còn có các đồng chí chỉ huy các đơn vị; Võ Văn Dàn, Tám Tùng (Bộ tư lệnh Sư đoàn 9); Lê Nam Phong, Tư Vinh (Bộ tư lệnh Sư đoàn 7); Út Liêm, Ba Cúc (Bộ tư lệnh Sư đoàn 5); Hai Phong (đặc công); Năm Lê (pháo binh); Xuyên Khung, Bảy Tuất (công binh); Tư Hải (thiết giáp), vân vân.

Các đồng chí đã lần lượt bày tỏ tình cảm phấn khởi, tự hào về sự kiện thành lập Quân đoàn 4, như một cột mốc đánh dấu sự trưởng thành của các lực lượng vũ trang trên chiến trường B2, có thêm sức mạnh mới, có khả năng phối hợp cùng với các quân đoàn bạn trên chiến trường miền Nam mở những chiến dịch tiến công hợp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh nhanh, giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cách mạng.

(1) Được Quân ủy Trung ương - và Bộ quốc phòng phê chuẩn, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đã công bố quyết định thành phần Bộ tư lệnh quân đoàn 4 gồm: Thiếu tướng Hoàng Cầm, tư lệnh; đại tá Bùi Cát Vũ, phó tư lệnh; đại tá Nguyễn Huỳnh Ngân, phó tư lệnh kiêm chủ nhiệm hậu cần; đại tá Hoàng Nghĩa Khánh, tham mưu trưởng, đại tá Lê Thanh, chủ nhiệm chính trị.

Trong niềm vui đầy xúc động và âm cúng ấy, nhiều người trong chúng tôi đều cảm thấy có một cái gì thiếu vắng? Đó là hình ảnh anh Thanh - anh Nguyễn Chí Thanh, một trong những đồng chí lãnh đạo đã dành nhiều tâm huyết vào việc xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Nam đã không còn nữa.

Anh được cử vào Nam Bộ đúng vào thời điểm thật sôi động, khi mà Mỹ đang chuyển từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” với những đơn vị Mỹ được trang bị các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh đến “tận răng” đã có mặt trên chiến trường. Cuộc kháng chiến chống Mỹ

cứu nước đang trên xu thế phát triển nhưng cũng đầy ắp những thử thách và khó khăn. Quán triệt ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Bộ chính trị và của Bác Hồ vĩ đại; từ những thực tiễn sống động mà anh tiếp cận, anh đã sớm hình thành một nhận thức vừa rất cách mạng nhưng cũng rất khoa học về chiến lược tiến công chứ không phòng ngự khi quân Mỹ nhảy vào trực tiếp xâm lược miền Nam. Và phải xây dựng lực lượng vũ trang miền Nam thành những đơn vị vững mạnh đáp ứng yêu cầu tác chiến tập trung ngày càng lớn.

Tuy chỉ hoạt động trên chiến trường miền Nam trong vài ba năm, song anh đã để lại trong chúng tôi những ấn tượng sâu sắc về một cán bộ lãnh đạo có một nhiệt tình cách mạng sôi nổi; một tư duy năng động, sáng tạo; một đức tính trung thực, vô tư; một phong cách cởi mở, chân thành; anh luôn luôn lắng nghe ý kiến mọi người, bàn bạc dân chủ, phân rõ đúng sai, kết luận dứt khoát.

Anh không còn nữa nhưng trong tâm tưởng chúng tôi vẫn có hình ảnh anh, vẫn nguyện hướng theo và làm theo những tư duy quân sự của anh trong giai đoạn cách mạng mới.

Lễ thành lập quân đoàn diễn ra nghiêm túc, thiêng liêng, giản dị, rất gần gũi với cuộc chiến đấu.

Trong khi anh Phạm Hùng, bí thư Trung ương Cục đọc quyết định thành lập quân đoàn và giao nhiệm vụ cho quân đoàn thì Sư đoàn 9 đang chiến đấu quyết liệt chống lại cuộc hành quân phản kích của địch trên mặt trận đường Bảy Ngang - tây Bến Cát; Sư đoàn 7 đang ở hướng phối hợp cùng quân dân địa phương huyện Tân Uyên mở đợt tiến công vào khu vực bắc sông Đồng Nai.

Để đảm bảo tính liên tục của nhiệm vụ chiến đấu, ngay từ ngày 1 tháng 7 năm 1974, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đã ký quyết định thành lập và bổ nhiệm các thành viên của Bộ tư lệnh Quân đoàn, và trên thực tế Bộ tư lệnh Quân đoàn chúng tôi đã điều hành các đơn vị hoạt động trên cơ sở các kế hoạch đã định trước của Bộ chỉ huy Miền và những định hướng chỉ đạo của Bộ từ Hà Nội điện vào trước 20 ngày lễ cử hành thành lập quân đoàn (20 tháng 7 năm 1974)

Sau chiến dịch đường Bảy Ngang thắng lợi, các cuộc hành quân lấn chiếm của địch trên chiến trường Đông Nam Bộ chững lại. Cũng từ đây Quân đoàn 4 có điều kiện vừa làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ vừa sẵn sàng đánh địch lấn chiếm; đồng thời khẩn trương củng cố tổ chức, tiến hành huấn luyện theo hướng phục vụ đánh lớn của một quân đoàn cơ động chiến dịch - chiến lược của chiến trường B2 như Nghị quyết Đảng ủy Quân đoàn họp phiên đầu tiên đã xác định và nêu ra các biện pháp thực hiện với những yêu cầu cụ thể(2).

(2) Nghị quyết Đảng ủy Quân đoàn họp ngày 3 và 4/10/1974 nêu, trong xây dựng và chiến đấu cần nắm vững sáu yêu cầu: chính trị - tư tưởng vững mạnh; chiến đấu và huấn luyện giỏi; lao động và công tác tốt, xây dựng và quản lý chặt; kỷ luật và chính sách nghiêm; sản xuất và tiết kiệm cao.

Từ giữa tháng 10 đến đầu tháng 12 năm 1974, sau khi được bổ sung quân số, vũ khí từ miền Bắc chi viện vào, toàn Quân đoàn đẩy lên phong trào thi đua “Quyết thắng”, tập trung vào huấn luyện nâng cao trình độ chỉ huy tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng (lấy bộ binh làm chủ) với quy mô trung đoàn, sư đoàn đến hai, ba sư đoàn, nhằm mục tiêu diệt gọn từng tiểu đoàn, trung đoàn, chiến đoàn địch, tiến tới đánh quy sư đoàn địch; giải phóng chi khu, quận lỵ, tiến lên giải phóng thị xã, thành phố.

Ngay sau khi kết thúc lễ thành lập Quân đoàn 4, ngày 20 tháng 7 năm 1974, là hội nghị quân sự do Trung ương Cục triệu tập và chủ trì. Nội dung chủ yếu bàn kế hoạch đẩy mạnh hoạt động mùa mưa 1974 và nêu một số công việc cần làm để chuẩn bị cho mùa khô tới. Cho đến đầu tháng 10 năm 1974, kế hoạch hoạt động quân sự mùa khô 1974 - 1975 đã được Trung ương Cục thông qua.

Đây là thời gian làm việc khẩn trương, căng thẳng nhưng cũng rất hứng khởi, vì các điều kiện chủ

quan và khách quan, từ thực tiễn sống động và những định hướng đúng đắn của Nghị quyết Trung ương 21, các Nghị quyết Quân ủy Trung ương tháng 10 năm 1973, tháng 4 năm 1974 đã giúp các anh lãnh đạo và chỉ huy Miền định ra bước đi cụ thể cho chiến trường B2, làm chỗ dựa rất căn bản cho chúng tôi vận dụng thực hiện trong điều kiện cụ thể của các đơn vị bộ đội chủ lực.

Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã bước đầu phác thảo kế hoạch hai năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, trong đó năm 1975 giữ vai trò “bản lề”. Dựa vào ý định đó, Bộ Tổng Tham mưu đã chuẩn bị kế hoạch tiến công quân sự trên chiến trường B2. Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền cũng đã vạch kế hoạch cụ thể của bước một năm 1973 cho B2, trong đó lấy đồng bằng sông Cửu Long làm trọng điểm tiến công giành dân, giành đất song song với mở chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

Những nghị quyết, những kế hoạch mà tôi được dự họp, trực tiếp tham gia hoặc được thông tin lại qua các buổi giao ban định kỳ như đã có cái gì thúc giục trong tôi. Hơn nữa đến lúc này (cuối tháng 9 năm 1974) công việc sắp xếp ổn định tổ chức, tiến hành huấn luyện của quân đoàn đã cơ bản hoàn thành. Các Sư đoàn 7, Sư đoàn 9, đều tổ chức bắn đạn thật và tổ chức diễn tập tiểu đoàn đánh địch trong công sự vững chắc, vận động tập kích và vận động tiến công kết hợp với chốt chặn bằng lực lượng và hỏa lực của bản thân là chính và bằng hiệp đồng binh chủng. Tất cả đang chuyển sang huấn luyện giai đoạn ba - huấn luyện củng cố chuẩn bị cho hoạt động quân sự trong năm 1975.

Được biết lúc này lãnh đạo và chỉ huy Miền đang tập trung cho hướng chủ yếu đồng bằng sông Cửu Long, có ý đưa cả Quân đoàn 4 xuống đó, đã chỉ thị cho Quân khu 8, Quân khu 9 chuẩn bị lực lượng phối hợp.

Gặp phó tư lệnh Miền Lê Đức Anh tôi vừa báo cáo vừa thăm dò ý định cấp trên: Quân đoàn đã ổn định về mọi mặt, Đảng ủy chúng tôi vừa họp xác định khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị, đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Với phong cách đĩnh đạc và điềm tĩnh quen thuộc, Phó tư lệnh Lê Đức Anh chậm rãi nói:

- Miền đã tính sẽ đưa cả Quân đoàn 4 xuống đồng bằng làm nhiệm vụ nhỏ đồn bốt nhỏ, hỗ trợ cho chống phá bình định, giành dân.

- Xuống vào thời gian nào? - Tôi hỏi.

- Để địa phương triển khai trước đã. - Anh Lê Đức Anh nói.

- Thế thì còn đồn bốt nào mà đánh? - Tôi hỏi tiếp.

Quê gốc Thừa Thiên vẫn còn để lại dấu ấn giọng nói pha chất Nam Bộ càng dễ cảm nhận, nhưng anh gắn với Nam Bộ, nhất là đất miền Đông này từ rất sớm khi anh đã phải từ quê hương vào làm phu cao su ở đất Lộc Ninh. Anh tham gia cách mạng và vào Đảng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Khi Nam Bộ kháng chiến chống Pháp, Đảng phân công anh vào quân đội, đã từng giữ chức trung đoàn trưởng thời kháng chiến chín năm. Cả anh và tôi được Đảng giao trách nhiệm Phó tư lệnh trong Bộ chỉ huy Miền, càng tạo mối quan hệ gắn bó và sự hiểu biết giữa hai chúng tôi trong quá trình điều hành công việc chung. Nhưng ngay lúc này giữa tôi và anh là mối quan hệ cấp trên cấp dưới, anh vẫn là Phó tư lệnh nhưng giữ trọng trách thường trực thay anh Trần Văn Trà ra Hà Nội họp. Còn tôi là tư lệnh quân đoàn, là cấp dưới của anh. Nhưng không vì thế mà mối quan hệ của hai chúng tôi bị phân cách, trái lại vẫn rất thân mật, cảm thông, chan hòa và cởi mở.

Vì thế không đợi anh trả lời, tôi trao đổi tiếp vừa như trình bày xin ý kiến cấp trên vừa như trao đổi những suy nghĩ của mình trong quan hệ đồng cấp. Tôi nói:

- Ở dưới đó có Sư đoàn 5 chủ lực Miền lại thêm Sư đoàn 8, Sư đoàn 4 vừa mới thành lập của hai Quân khu 8, Quân khu 9 cùng với lực lượng vũ trang địa phương chắc sẽ đủ sức giải quyết các đồn bót nhỏ; số còn lại chúng co về quận lỵ, chi khu. - Tôi hạ giọng. - Đề nghị anh cho Quân đoàn 4 xuống đó được đảm nhận nhiệm vụ tiếp sau, vì vừa qua chúng tôi đã tổ chức cho các đơn vị huấn luyện và diễn tập đánh theo yêu cầu này.

Nhìn anh thấy anh vẫn chăm chú theo dõi người đang trình bày thỉnh thoảng gật gù hưởng ứng, đồng tình, nên tôi ước:

- Đề nghị Bộ chỉ huy Miền cho Quân đoàn đánh Đồng Xoài mở đường 14 trước đã.

- Thời gian nào? - Anh Lê Đức Anh hỏi.

- Tùy cấp trên, đánh có giữ đất đâu, cốt để bộ đội quen, có kinh nghiệm khi xuống đồng bằng đánh chắc ăn hơn.

Được cấp trên chấp nhận, chúng tôi gấp rút chuẩn bị. Một mặt cho đơn vị ôn luyện, tổ chức diễn tập đánh Đồng Xoài trên sa bàn; đồng thời chỉ thị bộ phận tham mưu dự thảo kế hoạch.

Anh Trần Văn Trà xuống dự diễn tập và duyệt quyết tâm chiến đấu của Quân đoàn.

Từ ý định chung trong kế hoạch tổng thể mùa khô, Miền chủ trương xúc tiến triển khai các công việc để mở chiến dịch Đường 14 - Phước Long, nhằm tạo một hành lang nối Đông Nam Bộ với Tây Nam Bộ, từ đường 14 qua Chơn Thành, Dầu Tiếng, Vàm Cỏ Đông, tây Long An, tây Kiến Tường phục vụ cho mặt trận đồng bằng sông Cửu Long là hướng hoạt động chính.

Cần nói thêm là, âm mưu của địch lúc này là tiếp tục thực hiện bình định ở đồng bằng sông Cửu Long, còn ở Đông Nam Bộ địch tập trung phòng thủ vững chắc Sài Gòn, cố thủ những nơi chúng chiếm đóng sâu trong vùng giải phóng của ta như An Lộc, Chơn Thành, Phước Long nhằm vừa làm bàn đạp hoạt động đánh phá hậu phương ta vừa giữ thế chúng chưa mất hoàn toàn một tỉnh nào. Hơn nữa từ khi đường Trường Sơn được mở rộng từ Quảng Trị đến Đông Nam Bộ, ông dần dần vào tới Lộc Ninh, Phước Long trở thành cầu hành lang chiến lược của ta thì địch càng đẩy mạnh hoạt động quân sự ở vùng này nhằm uy hiếp khu vực dự trữ vật chất, đầu mối giao thông chiến lược của ta đi các hướng, nhất là xuống đồng bằng Sài Gòn.

Rõ ràng phải bằng mọi cách không để cho địch thực hiện âm mưu trên. Thông qua chiến dịch Đường 14 Phước Long tiếp tục tạo thế tạo lực trong một bối cảnh mới, có ảnh hưởng rất lớn, nếu không nói là quyết định đến kế hoạch mùa khô 1974 - 1975 của ta.

Vì vậy việc xây dựng kế hoạch tác chiến chiến dịch phải được tiến hành một cách hoàn chỉnh, khẩn trương.

Phạm vi chiến dịch Đường 14 từ Đồng Xoài đến Bù Đăng, lấy Đồng Xoài là hướng chủ yếu, Bù Đăng là hướng thứ yếu; tiến công theo phương thức binh chủng hợp thành, có tăng và pháo 130 ly chi viện. Quân đoàn 4 là lực lượng tiến công trực tiếp các sư đoàn trực thuộc Miền, trực thuộc quân khu và các lực lượng vũ trang địa phương phối hợp trước và trong chiến dịch theo kế hoạch thống nhất của Miền.

Quyết tâm chiến dịch mới chỉ dừng lại ở những định hướng lớn để kịp cuối tháng 10/1974 anh Phạm Hùng và anh Trần Văn Trà ra Hà Nội họp do Bộ Chính trị triệu tập, trực tiếp báo cáo xin ý kiến.

Với thị xã Phước Long, trong chủ trương tổng thể ban đầu chưa đặt ra, vì lúc này ta chưa đủ khả năng đánh trong khi địch đông, được bố phòng cẩn mật theo thế chân kiềng Phước Bình - Bà Rá - Phước Long



để hỗ trợ cho nhau và chúng sẽ tăng cường lực lượng khi bị ta tiến công.

Khi anh Hùng, anh Trà lên đường, ở trong này chúng tôi tiếp tục triển khai cụ thể theo quyết tâm cơ bản được Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền thống nhất, có sự chỉ đạo trực tiếp của Phó tư lệnh thường trực Lê Đức Anh.

Đảng ủy và Bộ tư lệnh chúng tôi họp xác định nhiệm vụ của Quân đoàn trong chiến dịch tiến công này là tiêu diệt hai chi khu một yếu khu và toàn bộ hệ thống đồn bốt địch, giải phóng Đường 14. Nếu chủ lực địch lên thì tiêu diệt từ một đến ba tiểu đoàn, giữ vững vùng giải phóng. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Quân đoàn để một trung đoàn giữ đường 14, còn lại lui về củng cố, chuẩn bị cho bước hai chiến dịch.

Sau khi cân nhắc mọi mặt, Bộ tư lệnh Quân đoàn xác định quyết tâm lần cuối: hướng chủ yếu là chi khu quân sự Đồng Xoài hướng thứ yếu là chi khu quân sự Bù Đăng, hướng phát triển là đường 391 và Phước Vĩnh. Đường Bảy Ngang (nơi sư đoàn 9 đang hoạt động) là khu vực ngăn chặn, kiểm chế lực lượng cơ động quân đoàn 3 nguy, không cho chúng lên chi viện Phước Long khi thị xã này bị ta tiến công đánh chiếm.

Trên dưới thông suốt, tất cả các đơn vị trực thuộc, phối thuộc, tăng cường đều bắt tay vào triển khai công việc phải làm theo nhiệm vụ cụ thể được giao với tinh thần tích cực và hào hứng.

Thời điểm lúc này là cuối tháng 11, yêu cầu công việc chuẩn bị đặt ra hết sức khẩn trương, làm sao đến cuối tháng 12 hoặc đầu tháng 1 năm 1975 là có thể bắt đầu.

Ngay trước khi chưa có chủ trương mở chiến dịch, từ tháng 7 năm 1974, Quân đoàn đã dự kiến nếu chiến dịch được mở thì Sư đoàn 7 (lúc này đang dừng chân ở đông đường 13) sẽ là lực lượng trực tiếp tiến công căn cứ quân sự Đồng Xoài vì Sư đoàn 9 trước sau vẫn chốt giữ đường Bảy Ngang vừa để ngăn chặn địch lần chiếm vùng giải phóng của ta ở hướng tây bắc Sài Gòn vừa làm nhiệm vụ nghi binh chiến dịch. Vì vậy từ cuối năm 1973, Quân đoàn đã giao cho Sư đoàn 7 các công việc chuẩn bị cụ thể như nghiên cứu nắm địch, tổ chức trinh sát thực địa đường 14 - Đồng Xoài. Tháng 7, rồi tháng 10 năm 1974, Sư đoàn 7 lại tổ chức tiếp hai đợt trinh sát thực địa Đồng Xoài và các vùng phụ cận, đắp cả sa bàn căn cứ này để diễn tập thực hành tiến công.

Các kế hoạch chung và cụ thể đều đã thống nhất, công việc chuẩn bị coi như đã hoàn thành. Việc phân công trong Bộ tư lệnh cũng đã được triển khai: tôi phụ trách hướng Đồng Xoài, anh Bùi Cát Vũ, phó tư lệnh phụ trách hướng Bù Đăng đang chuẩn bị lên đó chỉ đạo triển khai kế hoạch.

Mọi việc đang diễn ra suôn sẻ, thì liên tiếp có điện từ Hà Nội: Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, sau cùng là đồng chí Lê Duẩn nhắc: đợt này chỉ được đánh chi khu Bù Đăng nhưng không được sử dụng xe tăng và pháo 130 ly.

Tại sao? Một thắc mắc được nêu lên sau khi nhận điện, không trừ một ai. Nhưng cũng không ai trả lời gãy gọn. Tiếp đó là những cuộc tranh luận nhỏ diễn ra ngay trong cơ quan Quân đoàn bộ, sôi nổi nhưng khó phân ranh được vấn đề! Có ý kiến cho rằng sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ, số khác thừa nhận khó khăn nhưng từ trước đến nay nhiều trận đánh rất gay gắt, ta chưa có tăng, có pháo hạng nặng mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ; có anh em thì khẳng định - đã là mệnh lệnh thì chỉ có nhiệm vụ tìm biện pháp chấp hành.

Riêng tôi không phải không biết lý do. Qua điện của anh Giáp, anh Ba đều nhấn mạnh: cần phải tiết kiệm vũ khí, nhất là đạn pháo mặt đất cỡ lớn để dành cho các đợt tiến công sau lớn hơn. Ta phải “vừa đánh vừa theo dõi phản ứng của địch để kịp thời đối phó”(3). Nhưng làm sao giải thích được cái lý do thật cô đặc nêu trong điện từ Hà Nội vào để anh em thông suốt trong lúc này! Cứ đưa vấn đề một cách tự nhiên có khi lại sinh thêm phức tạp. Cuối cùng tôi thấy phải quay về với nguyên tắc cơ bản “quân lệnh như sơn” để

ổn định tư tưởng anh em.

(3) Nghị Quyết Quân ủy Trung ương, tháng 4 năm 1974.

Thắc mắc rồi cũng qua đi, có thể đã thông suốt, có thể chỉ tạm xếp lại chờ ngày tìm hiểu, vì trước mắt có biết bao công việc bộn bề đòi hỏi phải giải quyết. Tất cả gần như phải làm lại từ đầu Đồng Xoài từ hướng chủ yếu chuyển thành mục tiêu kìm chế, bao vây. Bù Đăng từ thứ yếu chuyển lên hướng chủ yếu, không gian chiến dịch có thu hẹp, tính từ cầu 11 (đông Đồng Xoài) đến Bù Đăng.

Ngày 19/11/1974, tôi điện cho Bộ tư lệnh Sư đoàn 7: “Đánh Đồng Xoài không phải là trận mở màn nữa. Bước đầu chiến dịch, sư đoàn chỉ có một trung đoàn đi phối thuộc với sư đoàn 8 tiến công tiêu diệt chỉ khu Bù Đăng và các đồn bót địch trên đường 14 từ Bù Đăng đến Bù Na. Lực lượng còn lại sẵn sàng đánh viện và sẵn sàng tiến công tiêu diệt Đồng Xoài khi có lệnh.”

Quyết tâm cuối cùng của Bộ tư lệnh Quân đoàn nhằm thực hiện ý kiến chỉ đạo của anh Giáp, anh Ba:

- Hướng chủ yếu là khu vực Bù Đăng do Sư đoàn 3 thiếu (chỉ có hai trung đoàn), Trung đoàn 165 (sư đoàn 7), một tiểu đoàn đặc công (trung đoàn đặc công 429 của Miền), một đại đội địa phương huyện Bù Đăng, bốn khẩu 120 ly, hai khẩu 105 ly, sáu khẩu pháo nòng dài 85 ly, tám khẩu 37 và 57 ly đảm trách. Một đại đội của Trung đoàn 165 làm nhiệm vụ lực lượng dự bị.

- Hướng thứ yếu là yếu khu Bù Na do hai tiểu đoàn (trung đoàn đặc công 429) và hai tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 209 (sư đoàn 7) đảm nhận, lực lượng dự bị của hai hướng này là một tiểu đoàn của Trung đoàn 201.

- Hướng phối hợp là chi khu Bù Đốp (lưu vong) do đặc công tỉnh Bình Phước(4) đảm nhận.

Ngoài khu vực chiến dịch Đường 14 - Phước Long kể trên, Quân đoàn vẫn duy trì hai khu vực hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến chiến dịch (xem như là khu vực phối hợp): khu vực Đồng Xoài, do một đại đội 122 ly không chế, các Trung đoàn 141 và 209 (sư đoàn 7) đứng chân ở căn cứ sẵn sàng đánh địch viện lên Đồng Xoài, khu vực đường 14 và đường Bảy Ngang do Sư đoàn 9 phụ trách, có nhiệm vụ kìm chân, ngăn chặn lực lượng cơ động quân đoàn 3 nguy.

(4) Theo tổ chức chiến trường của ta, Bình Phước là do hai tỉnh Bình Long và Phước Long hợp lại. Theo tổ chức hành chính của địch, Phước Long như các tỉnh khác, là một đơn vị hành chính thuộc nguy quyền trung ương Sài Gòn. Về quân sự là một tiểu khu thuộc quân khu 3 nguy.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 18: Phần 2

Sau khi điều chỉnh quyết tâm, Quân đoàn cho các đơn vị tranh thủ huấn luyện bộ đội tiến công bằng bộ binh và pháo mang vác, coi đây như là một nội dung của công tác chuẩn bị phục vụ cho thay đổi cách đánh hợp đồng binh chủng không có xe tăng và pháo 130 ly.

Phân công trong Bộ tư lệnh Quân đoàn cũng có sự điều chỉnh.

Anh Vũ ở lại có nhiệm vụ tổ chức, chỉ huy các đơn vị đứng chân ở đây làm nhiệm vụ bao vây khổng lồ chế chi khu quân sự Đồng Xoài. Tôi lên khu vực Bù Đăng. Sự hoán vị được thực thi ngay sau đó, thượng tuần tháng 12 năm 1974, sau khi xiết chặt tay anh Ba Vũ, chúng tôi tạm biệt và chúc nhau hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ. Tôi lên đường cùng với một bộ phận nhẹ của sở chỉ huy nhẹ quân đoàn.

Thế là ngót mười năm tôi lại trở về với Phước Long, với đường 14 - mảnh đất thân quen đã để lại nhiều kỷ niệm sâu đậm trong thời kỳ tôi giữ chức phó tư lệnh chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài lần thứ nhất đầu mùa khô năm 1965. Nay những kỷ niệm đó lại hiện về có sức thôi thúc, vẫy gọi và nâng bước tôi đi. Lần ấy lực lượng tham chiến là ba trung đoàn độc lập sau chiến dịch này trở thành Sư đoàn 9. Lần này trở lại, lực lượng là một quân đoàn, được bắt nguồn từ yêu cầu đánh lớn kể từ hồi ấy.

Ra trận trong thế mới và lực mới, bớt đi nhiều những vất vả cũ phải chui lủi, phải lo toan đủ thứ, cả những ấu trĩ tất nhiên của sự trưởng thành. Đường ra trận đã có cái thênh thang, bớt phải cắt rừng, thoảng lại qua vùng giải phóng, đi trên vùng chủ quyền thuộc về ta, bắt gặp những nụ cười, những nét mặt rạng rỡ, được nghe cả những tràng pháo tay của nhân dân chào đón, tiễn đưa đoàn quân ra trận, thật ấm lòng những người sắp bước vào cuộc chiến đấu. Qua Đắc Ô nhớ về sóc Bom Bo nghe như có tiếng chày cắc cùm cùm giã gạo nuôi quân trong chiến dịch Phước Long ngày nào vắng vắng đầu đây.

Ngày 2/12/1974, sở chỉ huy tiền phương chiến dịch đến địa điểm tập kết cách Bù Đăng mười lăm ki-lô-mét về phía bắc. Thời tiết đang vào giữa mùa khô mà bầu trời và mặt đất nơi đây vẫn vũ, ẩm ướt, như mùa mưa ngoài Bắc. Mặc dầu đã biết sẽ không có xe tăng, pháo cỡ lớn, nhưng khi gặp tôi anh Sáu Hưng tư lệnh Sư đoàn 3 vẫn có cái gì đó bồn chồn về trận đánh sắp tới.

Nghe xong tôi hỏi:

- Sư đoàn có mấy xe tăng?
- Báo cáo tư lệnh, có chín chiếc.
- Có cách khác rồi! - Tôi nói.
- Cách gì, thưa tư lệnh?
- Tôi thay chín tăng bằng chín pháo.

Nhìn nét mặt Sáu Hưng như có cái gì khó hiểu, chưa kịp hỏi lại, tôi tranh thủ nói luôn:

- Thay chín pháo, trong đó có sáu khẩu 85 ly loại pháo bắn thẳng này cơ động thuận tiện, tiếp cận được mục tiêu, lại có sức công phá lớn, hiệu quả phá hoại và sát thương cao, yểm trợ đắc lực cho bộ binh. Còn xe tăng trong điều kiện rừng núi như ở Bù Đăng có những hạn chế rất khó khắc phục, trước hết là cơ động không thuận tiện. Lại nữa tăng của ta thuộc loại chạy dầu, phả nhiều khói, tiếng động kêu to địch dễ

phát hiện, đối phó trước khi tiến vào vị trí xuất phát tiến công, rất có thể bị địch tiêu hao trước khi qua cửa mở.

Sáu Hưng nghe tôi thân tình trình bày những suy nghĩ của mình, tuy không nói ra cụ thể, nhưng qua nét mặt thấy anh cũng đồng tình với những điều tôi lý giải. Cả hai đều thấy có lý mà không hề nguy hiểm, ít ra trong bối cảnh của trận đánh cụ thể mà chúng tôi đang chuẩn bị. Hơn nữa cả hai chúng tôi đều ý thức được lúc này không thể ngồi đó mà phàn nàn, thắc mắc.

Không thấy Sáu Hưng tranh luận lại, tôi biết anh đã thông cảm, đồng tình với tôi là hãy tìm cách khắc phục.

Sau đó tôi làm việc với đồng chí Phàm, trưởng phòng trinh sát của quân đoàn được phái lên trước một tuần lễ nghiên cứu nắm địch, chuẩn bị địa bàn cho tư lệnh chiến dịch đi trinh sát thực địa. Qua nghe báo cáo, các việc đều có làm nhưng chưa tốt, do thiếu kinh nghiệm thực tế vì đồng chí Phàm từ miền Bắc mới bổ sung vào là tham gia chiến đấu luôn. Chọn địa điểm quan sát và trinh sát chỉ chăm trên bản đồ và qua ống nhòm để xác định là chưa ổn. Nắm quy luật tuần phòng, canh gác của địch dựa vào dân, theo dân kẻ lại là đúng nhưng không bố trí người bí mật tiếp cận để theo dõi xác minh. Nhưng cận ngày rồi, không thể cầu toàn, cứ phải tiến hành vừa làm điều chỉnh khi thực tế tình hình thay đổi.

Theo báo cáo của Phàm, cứ 16 giờ hàng ngày toán canh giới từ xa của địch rút về đồn, thì 16 giờ 40 phút đoàn trinh sát thực địa chúng tôi xuất phát, phải vượt sông Đắc Lập, một nhánh của thượng nguồn Sông Bé, lòng sông hẹp nhưng sâu, nước chảy xiết.

Từ sông đến chi khu quân sự Bù Đăng còn khoảng mười ki-lô-mét.

17 giờ, tất cả vượt sang bờ nam sông an toàn. Đi được nửa đường để đến địa điểm quan sát thì gặp hai trung đội lính Thượng phục kích, chúng chặn đầu, khóa đuôi. Tình hình nguy ngập, địch đông, chủ động, ta ít lại bị động. Tôi hạ lệnh chia thành hai tổ, tìm cách thoát vây. Tổ tôi có trưởng phòng trinh sát quân đoàn, đồng chí tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 271) lực lượng chủ công đánh chiếm chi khu quân sự Bù Đăng, đồng chí Khởi y sĩ và một chiến sĩ, tất cả năm người, có ba súng ngắn, không mang theo AK. Trên đường vận động vượt trở lại bờ bắc sông, thấy Khởi bò, đầu sát đất, mông nhô cao, tôi nói nhỏ: “Mông thấp nhưng đầu phải cao để quan sát địch. Địch bắn, ta bắn trả lại.” Địch chỉ còn cách ta năm trăm mét, tôi phân công: Phàm, đồng chí tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 và chiến sĩ cận vụ bắn yểm trợ, tôi và Khởi vượt sông, sang đó chúng tôi bắn yểm trợ để các đồng chí sang sông tiếp. Hai chúng tôi vượt sông nước chảy xiết, tôi níu lấy bụi tre, lên được bờ. Khởi trôi xa tới một ki-lô-mét, tôi phải đuổi theo kéo Khởi lên bờ. Đến nơi chúng tôi vừa bắn vừa hô xung phong nhằm nghi binh, uy hiếp tinh thần địch, chúng tưởng lực lượng ta nhiều mà bỏ cuộc.

Hôm sau bước trinh sát thực địa vẫn được tiếp tục và đạt kết quả tốt vì kế hoạch tiến hành được thay đổi toàn bộ cả giờ xuất phát, đường đi và địa điểm tiến hành. Qua trinh sát, tôi quyết định điều chỉnh một số điểm trong quyết tâm, tuy nhỏ nhưng rất quan trọng: đánh chi khu vòng theo hướng nam lên, chỉ dùng pháo chế áp khi tiến công khu trại biệt kích.

Ngày 6/12/1974, một ngày làm việc căng thẳng và hào hứng suốt từ sáng đến tối khuya.

Tại một địa điểm bắc sông Đắc Lập, cách chi khu quân sự Bù Đăng khoảng sáu ki-lô-mét có mặt đầy đủ các đồng chí chỉ huy các đơn vị làm nhiệm vụ chiến đấu; có các đồng chí Nguyễn Đình Kinh, thường vụ tỉnh ủy Bình Phước, Phan Bình Minh, huyện ủy Bù Đăng; Năm Tròn, Ba Lẹ, huyện đội Phước Long.

Tất cả đã trải qua vất vả hành quân, vận động nhân dân đưa đường, vận chuyển súng đạn, tiếp tế lương thực, tiếp cận vào các mục tiêu để quan sát, đo đạc cho pháo, tìm đường cho bộ binh tiến công, đếm từng

hàng rào kẽm gai, bãi mìn để tính lượng bộc phá cần có. Tiêu biểu cho những người có mặt trong buổi họp này là anh Phan Bình Minh. Ngày 4/12/1974, anh nhận chỉ thị của Thường vụ huyện ủy Bù Đăng giao nhiệm vụ đưa trung đội bộ đội địa phương của huyện vượt đường 14 sang tham gia chiến đấu và báo kế hoạch nổi dậy của huyện phối hợp với mũi tiến công quân sự. Đường đi cực kỳ gian khổ và nguy hiểm. Ngày đầu tưởng đã chót lọt nào ngờ anh Tạc, quê Hải Hưng, trung đội trưởng trinh sát bộ đội chủ lực đi cùng đạp phải mìn lá. Mìn nổ, anh hy sinh. Giữa lúc ấy pháo địch cấp tập và cho quân bổ vây nơi vừa xảy ra tiếng mìn nổ. Chúng đoán có “Việt cộng” vượt đường. Nhưng tất cả đã thoát khỏi vòng nguy hiểm. Anh Minh lại dẫn đoàn tiếp tục hành quân. Không có con đường nào khác, đoàn quân phải đi vòng, cách chốt Bù Lô khoảng mười mét đành phải dừng lại. Đợi trăng vừa khuất, anh lệnh cho đoàn vượt qua, rồi đi gấp đến sở chỉ huy tiền phương chiến dịch lúc mờ sáng, để kịp ngày họp như đã quy định.

Trước khi đi vào các vấn đề cụ thể, tôi quán triệt thêm tư tưởng chỉ đạo của Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, đồng thời trao đổi những suy nghĩ riêng của mình về trận đánh đang tới gần.

Trong mùa khô 1974 - 1975, trên chiến trường B2 chúng ta chủ trương mở chiến dịch Đường 14 - Phước Long là chọn vào một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng nhưng lực lượng địch ở đây lại yếu và có những sơ hở rất khó khắc phục. Đây là một thuận lợi rất cơ bản đảm bảo chắc thắng. Và khi chiến dịch thắng lợi, nó sẽ góp phần đáng kể làm chuyển biến cục diện có lợi cho ta ở Đông Nam Bộ nói riêng và toàn B2 nói chung. Đây là một quyết định có sự tính toán nhìn xa. Bù Đăng cách Đức Lập năm mươi ki-lô-mét, ở đó đường Trường Sơn phía đông đang được mở thông, xuôi về hướng Bù Gia Mập - Lộc Ninh.

Nếu ta tiến công giải phóng Bù Đăng thì từ Bù Bông - Kiến Đức có thể rẽ nhánh xuôi theo hướng nam tạo thành một hành lang xuống Tân Uyên, chiến khu Đ, bắc Biên Hòa, trong đó Bù Đăng trở thành một căn cứ tập kết lực lượng, một chân hàng rất tốt từ miền Bắc chuyển vào. Từ Bù Đăng đi các hướng theo đường 14 tuy rải đá, nhưng đường đã định hình từ lâu, mặt đường cứng, rất thuận lợi cho vận chuyển cơ động lực lượng và vũ khí, đạn dược áp sát Sài Gòn từ phía bắc.

Rõ ràng Bù Đăng là một trong những vị trí quan trọng tạo thế đáp ứng yêu cầu và thời cơ mới, nhưng lại là điểm yếu, địa đầu của quân đoàn 3 nguy, khả năng chi viện của địch gặp nhiều khó khăn nếu khi bị đối phương tiến công. Chọn hướng chủ yếu nơi đây trong đợt đầu của chiến dịch là ta nắm chắc phần thắng, những sự cố xảy ra gần như rất ít nếu không nói là không có so với Đồng Xoài. Đây chính là dịp để chúng ta thực hiện phương thức “vừa đánh vừa theo dõi địch để kịp thời đối phó” như Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo.

Bù Đăng, Bù Na thất thủ, các đồn bót sẽ tan rã, không những có giá trị tiến công tâm lý địch mà còn tạo thế uy hiếp mạnh Đồng Xoài, vì vỏ ngoài của nó bị vỡ, điều kiện giải quyết Đồng Xoài trở nên chín muồi, có khi giải phóng Đồng Xoài lại ít tốn súng đạn hơn các trận đánh trước.

Sau khi thông qua quyết tâm chung và phương án tác chiến cụ thể của Trung đoàn 271 về tiến công chi khu quân sự Bù Đăng, tôi làm việc thêm với các đồng chí cấp ủy địa phương về kế hoạch nổi dậy phối hợp với tiến công quân sự, về bảo vệ dân, thực hiện chính sách vùng mới giải phóng, nhanh chóng ổn định cuộc sống của nhân dân.

Út Minh vẽ vẫn còn một mối vì hai đêm thức trắng vượt đường 14, nhưng khi đến lượt, anh tỉnh táo rất nhanh. Anh không có văn bản chuẩn bị, cứ thế nói rất rành rẽ, đầy đủ các vấn đề cả số liệu như đã có sẵn trong đầu về tình hình vùng phụ cận phố thị Bù Đăng: ở đây có hai xã (Bù Đăng, Vĩnh Thiện) với tám thôn ấp (Hòa Đồng 1, 2, Vĩnh Thiện 1, 2, Bình Lộc, Bình Thọ, Bù Ngươi, Bù môn), có ngót 8.000 dân, 200 héc-ta canh tác, năm thôn đã có chi bộ Đảng, 70 đoàn viên. Địch có 14 trung đội dân vệ, quân số khoảng 350 tên, 20 cảnh sát an ninh, 50 cảnh sát dã chiến. 14/14 trung đội dân vệ có cơ sở binh vận của ta, hoạt động theo phương thức bắn chỉ thiên khi đi càn, gặp Quân giải phóng không bắn, đụng độ thì bỏ chạy, viện

có “Việt cộng” mạnh. Đã có một trung đội trưởng ác ôn được vợ (cơ sở của ta) tuyên truyền giác ngộ, vận động dẫn chồng mang theo mười lăm súng ra đầu hàng cách mạng, được ta khoan hồng.

Tôi thực sự xúc động khi nghe anh Minh báo cáo về những con số thật quý giá, nó thực sự là những hạt giống cách mạng đã nảy mầm; nó như một dòng suối nhỏ hòa thành dòng sông thẳng lợi đang ào ào nhấn chìm những căn bã, những rác rưởi bẩn thỉu, phản động. Thật đáng quý biết bao, ở một vùng sâu chưa được biết ánh sáng cách mạng, chưa được nhìn thấy cụ thể độc lập tự do là gì. Sự suy nghĩ của đồng bào thật đơn giản, chỉ tin, chỉ nghe điều gì nhìn thấy. Vậy mà đồng bào đã ngã theo cách mạng, ngã theo kháng chiến, đã nuôi giấu cán bộ, chắt chiu từng hạt gạo, củ khoai để tiếp tế cho cán bộ.

Nhân lúc anh Minh cầm bát nước, tôi hỏi xen vào:

- Anh Minh quê ở Bù Đăng? (Vì anh nói tiếng Kinh đích thị là người Kinh rồi.)

- Báo cáo anh, tôi không phải. - Anh Minh thanh minh.

- Anh quê vùng Bến Cát, Thuận An? - Tôi lại hỏi (vì nghe anh nói giọng Nam Bộ nhưng không hoàn toàn Nam Bộ).

Anh Minh cười, kể:

- Tôi quê Quảng Nam. Năm 1954 tập kết ra Bắc tuổi còn rất trẻ, được phân về công tác tại Đoàn thanh niên xung phong Trung ương, tham gia phục hồi đường sắt Hà Nội - Mực Nam Quan, Hà Nội - Nam Định, tham gia tiểu phi Vang Pao (Lào) nổi loạn quấy vùng Quỳnh Châu (Nghệ An) giáp biên giới Việt - Lào. Đầu năm 1962 tôi được lệnh vào Nam chiến đấu. Đoàn chúng tôi có anh Vũ Đình Tuyển, quê Quảng Ngãi, hiện là bí thư huyện ủy Bù Đăng, anh Lê Quang Giang, Trần Ngọc Châu, Bảy Thạnh. Tất cả hơn tám mươi anh em đều quê Khu 5. Cuộc hành quân đầy gian khổ ròng rã ba tháng mới tới bắc Bù Đăng, thượng nguồn sông Đồng Nai. Tất cả được phân đi nhiều ngả, riêng tôi được phân về khu vực Bù Đăng với nhiệm vụ gây cơ sở ở Hòa Đồng, Vĩnh Thiện, lúc ấy là những xã trắng chưa có cơ sở của ta.

Những ngày nằm rừng, gai cứa rách áo quần, châm vào da thịt gây ứa máu, chịu đói, chịu khát cồn cào ruột gan đi đứng xiêu vẹo nhìn vào đâu cũng thấy một màu vàng và có cả các thứ hoa đủ hình thù, lúc ẩn lúc hiện. Nhưng khi nằm xuống, úp ngực vào mặt đất, tự nhiên thấy dâng lên chí căm thù và cả mơ ước, chờ đợi, cứ kiên nhẫn chờ đợi sẽ có ngày tiếp xúc được với đồng bào, vận động được đồng bào tham gia kháng chiến, chống quân xâm lược, để thoát cảnh áp bức, kìm kẹp, ruộng bỏ. Những ngày như thế thật dài. Gạo hết, nước không. Có lúc còn gạo mà phải nhịn đói, có nước mà khát không được xuống suối để uống, còn thuốc mà đành chịu lạnh lòng, vì sợ lộ, địch phát hiện sẽ lùng sục, bao vây, sẽ trở thành công dã tràng.

Rồi cuộc sống day khôn, nhắc nhở phải tồn tại không phải cho mình mà cho cái chung, cho phong trào, đã lần tìm củ nân, củ chụp(5) mà sống. Nhưng rồi ngay cả những thứ tự nhiên tưởng như vô tận cũng cạn dần.

(5) Như loại củ mài, củ nâu ở vùng núi phía bắc, có thể ăn và sống qua ngày.

Cứ thế hết ngày này qua ngày khác, cuộc sống vẫn vắng lặng. Qua kẽ lá từ trên đỉnh núi cao nhìn xuống chỉ thấy đồn binh và áp chiến lược buồn tẻ, chỉ thấy đến giờ nhất định lác đác có người ra sau đó lại vào, đồng ruộng, đường sá không bóng người qua lại, dăm chiếc xe nhà binh tuần tra trên mặt đường, bắn loạn xạ các loại đạn, rồi lại chui vào một đồn bót gần đấy. Nhưng ước mơ và sự kiên nhẫn đã chiến thắng, đã vượt qua. Được gặp dân, cùng giúp dân làm nương rẫy, qua đó mà tâm tình, trao đổi, kết hợp so sánh với thực tế mà vạch định, nêu ra, từ đó có cái “cầu” dân để chúng tôi vào tận ấp chiến lược, nằm lại dưới hầm bí mật để tuyên truyền, tổ chức.

Cơ sở cứ lan ra, rộng khắp. Phong trào đang có đà, bốn bề có địch mà cuộc sống không thấy cô đơn, vì đâu cũng có dân đùm bọc, chở che.

Qua rất nhiều công tác, từ cán bộ cơ sở, chánh văn phòng huyện ủy, chánh văn phòng tỉnh ủy rồi lại trở về quê hương Bù Đăng (anh xây dựng gia đình với một phụ nữ cán bộ dân tộc Sơ Tiêng) để hôm nay được thường vụ huyện ủy giao trách nhiệm sang báo cáo với các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch về kế hoạch nổi dậy phối hợp với các đơn vị trong chiến dịch giải phóng quê hương.

Là chiến dịch mở đầu giai đoạn kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng, vấn đề chính trị nổi lên như là một trong hai nội dung chính phải chuẩn bị trước ngày N và giờ G.

Một loạt vấn đề được bàn bạc thống nhất giữa chúng tôi và các đồng chí cấp ủy địa phương như: chuẩn bị lực lượng quần chúng, cơ sở binh vận nổi dậy khi mũi quân sự tiến công; tổ chức sơ tán nhân dân tạm lánh ra khỏi vùng có chiến sự, vận động nhân dân trở lại làm ăn, giữ dân lại chống âm mưu dồn dân di tản; tổ chức cứu tế và hoạt động dịch vụ bảo đảm đời sống nhân dân sớm trở lại bình thường; tổ chức tuần tra canh gác bảo vệ an ninh trật tự thôn ấp xã phường. Chúng tôi đã thống nhất với anh Út Minh, quy định chiến lợi phẩm - vũ khí quân trang quân dụng giao cho Sư đoàn 3 và hậu cần Miền thu giữ, quản lý, cần thiết có thể tạm vay của một số tư thương ở thị trấn Bù Đăng để cấp phát phân phối, cứu tế nhân dân kịp thời, đúng đối tượng hoặc bán cho những người có nhu cầu, thu được tiền trả lại cho người vay.

Ngày 13/12/1974, công tác chuẩn bị chiến đấu của ta cơ bản hoàn thành, các mũi các hướng đều giữ được bí mật tốt.

Nguyễn Thống Thành, đại tá tiểu khu trưởng Phước Long cùng một số sĩ quan tùy tùng ngay sáng 13 đã đáp trực thăng xuống Bù Đăng để “kiểm tra định kỳ”. Sau đó y trở lại Phước Long theo đường bộ tiếp tục kiểm tra các vị trí phòng thủ trên đường 14. Đến đâu Thành đều được nghe báo cáo “tình hình rất yên tĩnh”. Nhưng ngay đêm 12, sở chỉ huy chiến dịch nhận được điện báo cáo của tiểu đoàn 4, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) diệt đồn bảo an cây số 19.

Vì tính chất quan trọng của vị trí này, tôi lệnh cho đồng chí Lê Tấn Đạt cán bộ tác chiến của sư đoàn đi cùng với mũi này, trực tiếp chỉ huy tiểu đoàn 4, thực hiện ý định chia cắt địch trên đường 14, phát triển chi viện chung.

Trên khu vực Bù Đăng, các đơn vị bắt đầu hành quân chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tiến công. Trưa 12 tháng 12, trời đổ mưa, một trận mưa bất chợt, trái mùa nhưng rất to. Nước các khe, suối chảy tràn xối xả, đường ngập trơn. Các chiến sĩ bộ binh và pháo mang vác phải bỏ dép, đi chân đất. Xe kéo pháo bị sa lầy ở đoạn đường xuống ngầm sông Đắc Lập, vất vả suốt một đêm mới đưa được ba khẩu pháo sang bờ nam sông. Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) sau khi cắt rừng, vượt qua gần một trăm ki-lô-mét đường từ Đồng Xoài lên, đến đêm 11 tháng 12 mới vượt đường 14, bắt đầu triển khai lực lượng tiếp cận mục tiêu khu hành chính chi khu. Đây là một cố gắng đáng biểu dương của cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 165. Chỉ giao nhiệm vụ và kế hoạch hiệp đồng chủ yếu bằng phương tiện điện vô tuyến, mà trung đoàn đã nắm bắt chính xác, thực hiện nghiêm chỉnh, biểu hiện trách nhiệm cao đối với trận đánh mở đầu.

Như vậy là trong đêm đầu, cả hai hướng chủ yếu và thứ yếu, không thực hiện được kế hoạch chiến dịch, chưa tiếp cận được mục tiêu. Nguyên nhân không phải do lạc đường (vì các mũi, các hướng đã có năm mươi thanh niên người dân tộc ở địa phương xin tình nguyện dẫn đường) mà do thời tiết xấu, mưa quá lớn ở khu vực Bù Đăng. Ở hướng thứ yếu, hai tiểu đoàn đặc công (Trung đoàn 429) không thực hiện được nhiệm vụ nổ súng trước, diệt yếu khu Bù Na, do đặc công tỉnh Bình Phước nổ súng sớm hơn ở khu vực Bù Đốp, địch ở đây đã chuẩn bị đề phòng.

Trước tình hình trên, Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định hoãn thời gian tiến công, chậm lại một ngày để xốc lại đội hình, điều chỉnh vũ khí.

Ngày 14/12/1974, ngày N của chiến dịch bắt đầu.

Nhân tố bất ngờ gần như đã hết, phải thực hành cường tập trên cả hai hướng chiến dịch. Rạng ngày 14, Trung đoàn 271 nổ súng tiến công chi khu Bù Đăng. Tại đây đã diễn ra cuộc chiến đấu gay go quyết liệt.

Chi khu đặt trên một quả đồi cao, to, nằm ngay bên đường 14, có cấu trúc địa hình rất phức tạp. Cả ba mặt bắc, nam và đông đều dốc, có chỗ dốc gần như thẳng đứng, chỉ có mặt phía tây dốc hơi thoải nhưng từ chân lên đỉnh là đoạn đường dài hơn một trăm mét, qua nhiều tuyến phòng ngự phụ. Cũng có quãng đường lên khá dốc. Ta chọn mặt đồi phía bắc là hướng đột phá chủ yếu vì địch chủ quan, ta tiếp cận vào dễ. Nhưng đến gần mới rõ, dưới chân đồi có con suối tuy nhỏ nhưng lòng sâu, nước to và chảy xiết vì vừa có mưa. Nếu dùng xe tăng thì không có tác dụng ngay cả pháo cầu vòng và pháo 85 ly bắn thẳng cũng bị hạn chế. Để tiến vào trung tâm chi khu chỉ còn cách dùng bộc phá, nhưng ở đây chúng giăng tới chín hàng rào kẽm gai.

Sau hai giờ chiến đấu ta mới mở được hai hàng rào, các hướng đều phát triển chậm, vì địch dựa vào công sự vững chắc và lưới lửa hỏa lực dày đặc, bắn chặn rất ác liệt. Đại đội chủ công của ta chỉ còn mười hai chiến sĩ, bị chặn lại ở hàng rào thứ tám.

Nhận được báo cáo, tôi lệnh trực tiếp cho Trung đoàn 271 tăng cường một trung đội cho đại đội 1 chủ công; dùng bốn đại đội cối tập trung bắn chế áp vào các hầm hào phòng ngự của địch, hỗ trợ cho lực lượng mở cửa làm nhiệm vụ. Đánh đến hàng rào cuối cùng lực lượng ta bị tiêu hao, phải đưa đại đội 4 (tiểu đoàn 2) vào thay.

Chỉ còn một hàng rào nữa là hoàn thành nhiệm vụ. Từ đây trận địa địch đều nằm trên độ dốc rất khó vượt. Một chiến sĩ xông lên đặt ống bộc phá vào hàng rào thứ chín - hàng rào cuối cùng, giật nụ xòe, rồi chạy xuống.

Nhưng một tình huống bất ngờ xảy ra.

Đồng chí đại đội trưởng đại đội 4 vào thay thế kể lại: Ống bộc phá đang xi khói bỗng trượt khỏi hàng rào, lăn xuống sườn dốc lao về phía đội hình bố trí của đơn vị. Nếu để ống bộc phá nổ trong khi rơi xuống thì không những đơn vị bị thương vong mà trận đánh cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, bởi đó là ống bộc phá cuối cùng mà đơn vị mang theo.

Trong tình huống vô cùng nguy hiểm đó, Đoàn Đức Thái vội chồm lên ôm quả bộc phá đang xòe lửa và lao vút lên đồi dốc, dùng sức mạnh toàn thân ấn quả bộc phá vào lớp kẽm gai thứ chín. Quả bộc phá nổ, Đoàn Đức Thái hy sinh.

Gương hy sinh anh dũng của Đoàn Đức Thái(6) vừa cổ vũ tinh thần chiến đấu của đơn vị, vừa mở cửa cho đồng đội phát triển vào trung tâm, hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm chi khu quân sự Bù Đăng.

(6) Đoàn Đức Thái được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.



## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 18: Phần 3

Phối hợp với bộ đội chủ lực, huyện ủy Bù Đăng do đồng chí Võ Đình Tuyển làm bí thư đã chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương hỗ trợ nhân dân nổi dậy diệt ác ôn, phá vỡ bộ máy thống trị của địch; các chi bộ Đảng ấp Hòa Đồng 1, 2; ấp Bù Môn lãnh đạo quần chúng làm tốt công tác binh vận, kêu gọi được ba trung đội dân vệ, tám toán phòng vệ dân sự nộp súng trở về với gia đình.

10 giờ 30 phút Bù Đăng hoàn toàn được giải phóng. Ủy ban quân quản được thành lập do đồng chí Phan Bình Minh, ủy viên thường vụ huyện ủy Bù Đăng được cử làm chủ tịch, bắt đầu làm nhiệm vụ.

Công việc mới mẻ, lại trong tình hình đang còn khẩn trương, căng thẳng và phức tạp. Ban quân quản điều hành công việc có hiệu quả. Gần với dân từ khi nằm rừng, sống dưới hầm bí mật trong các ấp chiến lược để vận động dân, có trách nhiệm cao với cuộc sống của dân, đồng chí Minh cùng ban quân quản huy động được ba mươi tấn gạo để cứu tế cho dân; vận động vay muối, dầu hỏa, vải của bà con tiểu thương để có hàng hóa bán kịp thời phục vụ nhu cầu của dân. Số hàng hóa bán thu được 800.000 đồng tiền Sài Gòn, trả lại dân ngay sau đó. Bà con tiểu thương chỉ nhận một phần hai số tiền cho vay, ủng hộ cách mạng 400.000 đồng. Thấy việc làm vì cuộc sống nhân dân, có gia đình ủng hộ một trăm thùng dầu lửa (mỗi thùng chứa mười lít) để ban quân quản có thêm dầu thắp sáng bán cho đồng bào.

Ngoài việc tạo điều kiện nhanh chóng ổn định cuộc sống nhân dân, ban quân quản còn làm tốt các công việc phức tạp trong điều kiện phố thị mới giải phóng, như tổ chức giữ trật tự an ninh, chấp hành chính sách vùng mới giải phóng, bảo vệ nghiêm tài sản của nhân dân, của những người bị địch thúc ép di tản. Bốn tháng sau, khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà con di tản trở về vô cùng xúc động, vì tất cả nhà cửa, hàng hóa vật tư của họ vẫn còn nguyên vẹn.

Tạm biệt Bù Đăng, các đơn vị chủ lực lại lên đường xuôi quốc lộ 14 đi về phía tây để tiếp tục nhiệm vụ phía trước đang chờ.

Chúng tôi lên đường mang theo ấn tượng đẹp về miền đất địa đầu của tỉnh Phước Long. Ngay từ những năm đen tối Bù Đăng đã là đường đi, điểm hẹn đáng tin cậy của các đoàn soi đường từ Nam ra, mở đường từ Bắc vào gặp nhau ở xã Đồng Nai. Từ đây hội tụ các lực lượng cách mạng khắp ba miền Bắc - Trung - Nam để rồi phát triển, nhân rộng ra khắp nơi. Đoàn anh Ba Cung, Bảy Kính xuống hướng Phước Long; đoàn anh Võ Đình Tuyển, Lê Quang Giang, Phan Bình Minh rẽ lối sang hướng Lâm Đồng về Bù Đăng, để gắn bó với nhân dân với đồng bào các dân tộc từ giữa năm 1962. Các anh đã vượt qua bao nhiêu gian khổ, hiểm nguy, đương đầu với cả lính kỵ binh bay ngày đêm dùng trực thăng quần đảo, chụp bắt, triệt hạ nguồn sống. Các anh đưa ánh sáng vào một vùng đất xa xôi, hẻo lánh nhưng lại có vị trí rất quan trọng, đã tạo thế chuẩn bị lực lượng cho chúng tôi vào trận hôm nay - trận mở đầu của chiến dịch Đường 14 - Phước Long thắng lợi giòn giã. Từ trận thắng này chúng tôi càng hiểu rõ địch hơn và cũng thấy mình đầy đủ hơn, cả mạnh và yếu, nhìn thấy hướng khắc phục để tiếp tục nhiệm vụ còn lại của chiến dịch.

\*\*\*

Ngay sau chiến thắng Bù Đăng, Miền điện tôi về nhận nhiệm vụ mới.

Lúc này anh Phạm Hùng và anh Trần Văn Trà vẫn đang ở Hà Nội để họp Bộ Chính trị mở rộng bàn kế hoạch hai năm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Phó tư lệnh thường trực Bộ chỉ huy Miền Lê Đức Anh ra đón, bắt tay tôi và dẫn vào phòng làm việc.

Vì thời gian rất gấp, chúng tôi vào việc ngay. Vẫn phong thái điềm tĩnh, anh thân mật mở đầu cuộc trao đổi:

- Mình đã sơ bộ báo cáo Bộ Tổng tư lệnh về chiến thắng Bù Đăng và xin ý kiến nhiệm vụ tiếp sau, ngoài đó đã đồng ý.

- Đánh Đồng Xoài? - Tôi hỏi.

- Đúng. - Ngừng một lát, Phó tư lệnh thường trực sông nổi nói tiếp. - Tôi gọi anh về là để chúng ta bàn kế hoạch bước hai chiến dịch, tiến công giải quyết dứt điểm cụm cứ điểm Đồng Xoài.

Tôi hưởng ứng ý kiến anh:

- Đúng là nhiệm vụ tiếp sau của chiến dịch là phải giải quyết Đồng Xoài. Nhưng đánh chỉ khu này phải tính bước tiếp sau hoặc song song với tiến công Phước Long. Vì vậy ngay từ bây giờ ta phải xin ý kiến cấp trên, vì đánh thị xã phải có tăng pháo cỡ lớn yểm trợ, phải đưa Sư đoàn 9 vào tham gia chiến đấu.

Bỗng anh Lê Đức Anh hạ giọng:

- Hãy nghỉ cái đã! Vì anh Năm vừa phải qua một đợt chiến đấu vất vả, không nghỉ, lại về đây luôn qua chặn đường dài, lát nữa ta bàn tiếp.

Sở chỉ huy Miền ẩn mình dưới cánh rừng già, cách Lộc Ninh khoảng trên dưới năm mươi ki-lô-mét về phía đông bắc, nằm ở đầu mút con đường Trường Sơn từ Bắc vào Nam. Có cái vui, cái nhộn nhịp thanh bình, nên thơ như ở vùng căn cứ địa Việt Bắc hồi kháng chiến chống Pháp. Nhưng cảnh quan mang đậm nét dã ngoại, thời chiến. Tất cả tư trang của mọi người đều đơn giản, gọn nhẹ đựng trong chiếc ba lô con cóc quen thuộc. Tất cả đều ở tư thế sẵn sàng, quanh các lán vẫn là hầm hào phòng tránh và triển khai chiến đấu khi có tình huống xảy ra.

Mặc dầu vậy, tôi vẫn thấy mình đang có một khoảnh khắc, một không gian để đầu óc được thanh thản như anh Lê Đức Anh nói. Nhưng không sao chớp mắt được, có lẽ vì cái đói ngủ đã bão hòa, cứ miên man suy nghĩ, nhớ cái đã qua, nghĩ về cái sắp tới.

Vừa lúc đó, tôi được mời lên phòng làm việc. Ở đây có treo bản đồ quân sự mảng Đồng Xoài, Phước Long. Anh Lê Đức Anh đã ngồi đó từ bao giờ.

Sau khi giao nhiệm vụ, yêu cầu bước hai chiến dịch, trong đó Đồng Xoài là hướng chủ yếu, là mục tiêu then chốt của đợt tiến công, anh Lê Đức Anh hỏi:

- Có cần tăng cường gì không?

- Báo cáo, không cần, vì quân đoàn đã chuẩn bị kỹ trước đó, nay chỉ cần điều chỉnh chút ít cho phù hợp với thực tế.

- Có dứt điểm được không?

- Báo cáo, được! - Tôi khẳng định.

- Nhưng phải nhanh gọn, không được kéo dài.

Buổi Bộ chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cho quân đoàn không mất nhiều thời gian mà đầy đủ các vấn đề cần nói, cần bàn. Vì tất cả nằm trong chủ trương chung đã thống nhất từ trước. Vì trên dưới hiểu nhau, đồng tâm nhất trí, cả về nhận thức trách nhiệm, các bước đi và biện pháp tiến hành cụ thể của chủ trương

mở đợt hoạt động quân sự mùa khô 1974 - 1975.

Hai chúng tôi nắm chặt tay nhau trong tình cảm gắn bó đồng chí, đồng đội. Anh Lê Đức Anh chúc tôi sức khỏe, chúc quân đoàn có thêm những thắng lợi giòn giã. Tôi hứa:

- Bộ tư lệnh Quân đoàn sẽ gửi báo cáo quyết tâm chiến đấu về Miền vào cuối tuần này.

Trên đường trở lại đơn vị và trước khi họp thông qua quyết tâm, sự suy nghĩ của tôi đều dồn tụ vào một yêu cầu phải dứt điểm và các cơ sở để đạt yêu cầu đó đã có chưa, để trình bày trong cuộc họp Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn.

Như vậy là cả thể và lực sau khi Bù Đăng được giải phóng đã khác trước về cơ bản, có lợi cho ta trên mọi bình diện.

Tuyến che chắn trên đường 14 dài gần một trăm ki-lô-mét về phía đông của địch bị phá vỡ, Đồng Xoài trở thành căn cứ tiền duyên, bị ta uy hiếp trực tiếp với khoảng cách tương đối gần (chỉ cách trên dưới mười ki-lô-mét). Quân đồn trú ở đây lâm vào tình trạng hoang mang dao động, chịu sức ép mạnh mẽ về tâm lý thất bại do các nhóm tàn quân bỏ chạy lùi về phía sau lan truyền đủ chuyện về nỗi kinh hoàng trong những ngày qua.

Còn ta, khí thế chiến thắng, tinh thần phấn khởi, tự tin được nhân lên, lực lượng tổn thất qua chiến đấu là không đáng kể, nhưng lại thu được nhiều vũ khí trang bị(7) của địch, tiềm lực tiến công được tăng lên.

(7) Trong sáu ngày chiến đấu, ta đã đập tan tuyến phòng thủ của địch trên đường 14 đoạn từ ki-lô-mét 11 đến Bù Đăng dài hơn một trăm ki-lô-mét, đánh chiếm một chi khu, một yếu khu, 50 đồn bót, tiêu diệt và làm tan rã hơn 2.000 tên địch, thu 900 khẩu súng, trong đó có bốn khẩu pháo 105 ly và 6.460 viên đạn pháo, một số xe vận tải, thiết giáp; giải phóng 14.000 dân.

Trong quá trình tiến công tuyến phòng thủ của địch ở đường 14, tiểu khu Phước Long bị cô lập, Đồng Xoài lo giữ lấy thân.

Đến lúc này mới thấy ý kiến chỉ đạo của Bộ trước đó là hoàn toàn chính xác; đánh Bù Đăng trước, đánh Đồng Xoài sau là để ta có điều kiện tập trung lực lượng ưu thế vào từng khu vực. Lúc này lực lượng ta có hạn mà phải đồng thời làm nhiều nhiệm vụ quan trọng sẽ gặp nhiều khó khăn. Ngoài tập trung lực lượng mở chiến dịch tạo thế, đón thời cơ mới, còn phải dành lực lượng hỗ trợ, kiểm chế quân địch, đánh địch lần chiếm bảo vệ vùng giải phóng, còn phải dành lực lượng hỗ trợ nhân dân nổi dậy chống bình định. Không thể quá nặng nhiệm vụ này, coi nhẹ nhiệm vụ khác, mà phải cân đối, hỗ trợ nhau trong một kế hoạch hoạt động chung. Đánh Bù Đăng, Bù Na trước là để có lực lượng giữ khu vực đường Bảy Ngang vừa bảo vệ vùng giải phóng tây bắc Sài Gòn, vừa kiểm chế lực lượng quân đoàn 3 nguy, không cho chúng tự do tung hoành, chi viện nơi này nơi nọ, trước hết để ta rảnh tay diệt chi khu Bù Đăng. Mặt khác tiến công giải phóng khu vực Bù Đăng, mục tiêu nhỏ, ta không cần nhiều lực lượng mà vẫn đảm bảo chắc thắng, có khả năng thu nhiều chiến lợi phẩm, vũ khí, đạn dược (nhất là loại đạn pháo cỡ lớn ta đang thiếu), có thêm tiềm lực quay lại tiến công tiếp Đồng Xoài.

Phải dứt điểm nhanh gọn, đó là yêu cầu, là mệnh lệnh của cấp trên. Bời dứt điểm không nhanh gọn, kéo dài dễ dẫn tới những phức tạp nảy sinh trong tình hình không đáng có. Nhưng làm thế nào để thực hiện được yêu cầu này trong khi các yếu tố bất ngờ không còn nữa, trong khi Đồng Xoài là vị trí hiểm yếu của khu vực bắc Sài Gòn, được địch phòng thủ vững chắc(8).

(8) Đồng Xoài là căn cứ khá lớn, nằm trên một dải đồi thấp kiểm soát được bốn phía; chiều dài khoảng sáu trăm mét. chiều rộng khoảng ba trăm mét, án ngữ một đầu mỗi giao thông chiến lược ở miền

Đông Nam Bộ. Lực lượng phòng giữ Đồng Xoài có khoảng 1.300 tên, nòng cốt là tiểu đoàn 341 bảo an. Có bốn khẩu pháo 105 ly và 155 ly. Quanh căn cứ có 6 đến 11 lớp rào kẽm gai, các loại mìn chống tăng và chống bộ binh. Trong căn cứ có hơn 500 lô cốt, ụ súng chiến đấu. Ở phía nam và đông bắc có tường bao đắp đất dày hơn ba mét, cao khoảng tám mươi phân.

Địch có thể dựa vào hệ thống công sự và hỏa lực tự có chống trả các cuộc tiến công của ta và được sự chi viện của nhiều lực lượng trên nhiều hướng: ở Phước Vĩnh có chiến đoàn 8 (sư đoàn 5); Bầu Bàng, Bến Cát có chiến đoàn 7, chiến đoàn 9 (sư đoàn 5); Chợ Thành có liên đoàn biệt động quân; thị xã Bình Dương (Thủ Dầu Một) có hai trung đoàn của sư đoàn 18; trận địa pháo 175 ly ở Phước Vĩnh, không quân chiến thuật sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất đều có kế hoạch sẵn sàng chi viện.

Tôi trình bày những suy nghĩ của mình trong buổi họp Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn. Những người tham dự thảo luận sôi nổi, và nhấn thêm: Về chiến lược, địch đang bị căng kéo trên phạm vi toàn chiến trường, nên không có lực lượng lớn chi viện cho đường 14; về chiến dịch, địch chưa phát hiện được lực lượng và ý đồ chiến dịch của ta; về chiến thuật, ta giải quyết tốt vấn đề tiến công chi khu bằng bộ binh, bằng pháo mang vác.

Cuối cùng chúng tôi đã thống nhất một phương án, trước hết Quân đoàn cho hướng thứ yếu (Bù Đốp lưu vong) nổ súng trước nhằm:

Một là, vừa củng cố vừa mở rộng bàn đạp để tiến công địch từ hướng nam lên, đồng thời tạo thế đứng chiều sâu phía sau của ta sẵn sàng đối phó với tình huống bất trắc khi chuyển sang hướng chủ yếu đánh Đồng Xoài.

Hai là, khai thác triệt để sự phán đoán lạc hướng của địch, cho rằng đối phương không đủ sức tiến công Phước Long - Đồng Xoài; rằng “tình hình Phước Long sôi động nhưng đó không phải là trọng điểm tiến công của Việt cộng, trọng điểm vẫn là Tây Ninh”(9). Đây cũng là nhân tố khách quan, cần khai thác tạo yếu tố bất ngờ.

(9) Báo cáo của tướng Dư Quốc Đống, tư lệnh quân đoàn 3 ngày 17/2/1974 trong cuộc họp tướng lĩnh ngày 17/2/1974 do Trần Thiện Khiêm, thủ tướng ngày quyền Sài Gòn chủ trì bàn cách đối phó với ta trong mùa khô 1974 - 1975.

Ba là, thu hút sự chú ý của địch, tạo điều kiện cho hướng Đồng Xoài hoàn thành công tác chuẩn bị.

Thực hiện ý định trên đây, trong hai ngày 23 và 24/12/1974, Quân đoàn lệnh cho Trung đoàn 165 (sư đoàn 7) được tăng cường một tiểu đoàn đặc công (trung đoàn 429), ba khẩu pháo 105 ly, một khẩu 120 ly, một khẩu pháo 85 ly và một tiểu đoàn pháo cao xạ hiệp đồng tiến công đánh chiếm, làm chủ các chi khu Bù Đốp lưu vong, đồn Phước Tín, Phước Trù, Phước Quả. Sáng 23 tháng 12, địch vội vã dùng máy bay lên thẳng đổ tiểu đoàn 1 thuộc chiến đoàn 7 (sư đoàn 5) và hai khẩu pháo 155 ly, xuống sân bay Phước Bình theo đường 311 đến tây Phước Quả để ngăn chặn ta, bảo vệ Phước Long, nhưng đã muộn. Vẫn theo kế hoạch phối hợp chung, lực lượng vũ trang địa phương tỉnh Bình Phước cũng đồng thời nổ súng tiến công ở các ấp Nhơn Hòa, An Lương.

Như vậy là các đơn vị trên hướng thứ yếu đã hoàn thành nhiệm vụ, hoàn toàn làm chủ đường 311 - đoạn từ ngã ba Liễu Đức đến Phước Quả, tạo thế uy hiếp mạnh phía nam hệ thống phòng thủ của địch ở Phước Long. Ta bắn một mũi tên trúng hai mục tiêu: kéo sự chú ý của địch vào bảo vệ Phước Long, nhẹ chú ý hướng Đồng Xoài, để mặc cho căn cứ này rơi vào thế bị cô lập cả ở phía bắc và bắc đông bắc, trong lúc lực lượng tiến công của ta đã hoàn thành công tác chuẩn bị, đang triển khai tiến vào vị trí xuất phát tiến công.

Tuy phản ứng của địch ở tây nam Phước Long không làm đảo lộn thế trận đã cài, nhưng lại là một hiện tượng khiến chúng tôi phải quan tâm, dành thời gian trao đổi, vì nó có quan hệ đến các diễn biến của bước hai chiến dịch. Liên đó, ngày 20 tháng 12, địch lại sử dụng máy bay lên thẳng đổ một đại đội thám báo xuống khu vực Đồng Xoài để lùng sục, phát hiện ta, nhưng chúng đã bị lực lượng pháo cao xạ của Sư đoàn 7 bắn dữ, buộc máy bay địch phải quay đầu về phía Phước Vĩnh - Lai Khê.

Diễn biến tình hình một ngày một rõ như đánh bài ngửa, cả ta và địch đều biết được ý định của nhau sẽ làm gì trên khu vực hiểm yếu này. Duy chỉ có ngày N và giờ G địch chưa biết. Trong khi địch bị cuốn hút sự chú ý theo dõi Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 của ta, thì cuộc chuyển quân khẩn trương và bí mật của ta vẫn diễn ra suôn sẻ, tất cả đã vào vị trí cài thế; Trung đoàn 209 (thiếu) đã đứng chân ở phía tây đánh viện từ Chơn Thành sang; Trung đoàn 201 thiếu (sư đoàn 3) sau khi diệt căn cứ Vĩnh Thiện (Bù Đăng) được lệnh cấp tốc hành quân vượt qua một chặng đường dài hơn một trăm ki-lô-mét về đứng chân phía nam Đồng Xoài, chặn viện từ hướng Phước Vĩnh lên. Theo lệnh của Quân đoàn, Sư đoàn 9 vẫn trụ ở đường Bảy Ngang nhưng cần tổ chức lực lượng ngăn chặn địch trên đường 13 - đoạn nam Chơn Thành, sẵn sàng cơ động một trung đoàn sang đường 14 diệt viện binh địch, hỗ trợ cho Trung đoàn 141 (sư đoàn 7) làm nhiệm vụ tiêu diệt căn cứ Đồng Xoài.

Đề ngày 22/12/1974, Quân đoàn nhận được báo cáo của Sư đoàn 7: Trung đoàn 141 đang triển khai chiếm lĩnh trận địa tiến công căn cứ Đồng Xoài, hình thành ba mũi chủ yếu (phía tây), mũi thứ yếu (phía đông), mũi vu hồi (phía nam).

16 giờ ngày 25 tháng 12, tôi trực tiếp điện xuống Sư đoàn 7 thông báo các hoạt động phối hợp của các Quân khu 8, trung đoàn chủ lực 812 Quân khu 6 ở khu Tánh Linh, Hoài Đức; Sư đoàn 5, lữ đoàn 3 thiết giáp địch vẫn phải đứng chân ở bắc Sài Gòn do ta tổ chức nghi binh lừa địch tốt; chúng vẫn khẳng định Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 của ta đang có mặt ở đường Bảy Ngang để động viên các đơn vị và nắm thêm tình hình trước khi phát lệnh nổ súng. Từ đầu dây bên kia, đồng chí tư lệnh Sư đoàn 7 giọng sôi nổi, tự tin báo cáo:

- Trung đoàn 141 và hai tiểu đoàn tăng cường của Trung đoàn 209 và 201 đang tiến vào vị trí xuất phát tiến công thuận lợi. Các lực lượng pháo cối được tăng cường(10) đã vào các vị trí yểm trợ đang điều chỉnh tầm và hướng.

(10) Hỏa lực tăng cường yểm trợ trung đoàn 141 gồm: ba khẩu 160 ly, hai khẩu 122 ly, một khẩu 120 ly, bốn khẩu pháo 105 ly, bốn khẩu pháo 85 ly, một tiểu đoàn cao xạ.

- Tiếp tục theo dõi sát sao mọi động tĩnh trong căn cứ báo cáo về quân đoàn và kịp thời xử trí các diễn biến đột xuất. - Tôi nhắc đồng chí tư lệnh Sư đoàn 7.

Chúng tôi cùng lúc rời ống nghe sau khi chúc nhau sức khỏe và chúc trận đánh đạt thắng lợi.

Đêm 25/12/1974, một đêm yên tĩnh lạ thường ở một vùng mà đồn bót, căn cứ quân sự vây quanh, hướng nào cũng có, cũng gần. Vẫn như lệ thường, thành một nếp đã quen, chúng tôi đều thao thức, hồi hộp chờ đón giờ G, nhưng có cái gì trang nghiêm hơn là vì trận đánh có ý nghĩa then chốt đối với tiến trình tiếp sau và trên cả khu vực nam đường 14.

Giây phút mong đợi đã đến.

5 giờ 37 phút ngày 26/12/1974, màn sương vẫn bao phủ cả không gian khu vực, thì cuộc tiến công căn cứ Đồng Xoài bắt đầu. Những giờ đầu cuộc tiến công diễn ra thuận lợi. Hệ thống vô tuyến điện bắt đầu làm việc. Tin tức sở chỉ huy Quân đoàn nhận được chỉ là những báo cáo tình hình phát triển của cuộc tiến công, chưa có thỉnh thị quân đoàn cho ý kiến xử lý tình huống nào gay cấp. Tôi càng an tâm khi nhận điện của trinh sát Miền thông báo và trinh sát quân đoàn gửi về: các căn cứ Lai Khê, Đồng Dù, An Lộc, Chơn

Thành vẫn yên tĩnh, chưa thấy có hiện tượng gì chứng tỏ địch đang rục rịch chuyển quân, tăng viện. Nhưng lúc này đã gần 8 giờ tức là sau ba giờ tiến công mà vẫn chưa dứt điểm được Đồng Xoài?

Tôi thực sự băn khoăn đến lo lắng! Cần biết cụ thể tình hình, nhất là những diễn biến phức tạp này sinh để có biện pháp xử lý, thì các đồng chí trong bộ phận tác chiến sau khi tổng hợp tình hình báo cáo: 8 giờ 30 phút ta đánh chiếm xong sở chỉ huy chi khu, tướng địch đã bị tiêu diệt hoàn toàn quân ta sinh chủ quan, không tiếp tục lùng sục hoặc lùng sục không kỹ. Địch vẫn còn, sở chỉ huy tiểu đoàn 341 bảo an ở phía nam căn cứ chưa bị tiêu diệt. Chúng dựa vào công sự chống lại quyết liệt.

Như vậy là chưa có tình huống đột xuất nảy sinh. Nhưng không thể để giằng co dẫn đến kéo dài, địch có lý do để ngoan cố tăng viện. Đánh rằng ta đã lường đến tình huống này nhưng không cho nó xảy ra vẫn là thượng sách. Nghĩ vậy tôi điện xuống động viên khích lệ chiến thắng đã giành được và lệnh cho đơn vị phải xử trí ngay. Sư đoàn phải tập trung lực lượng, thành thế bao vây uy hiếp, kết hợp cả bộc phá tổ chức tiến công nhiều mũi, nhiều hướng, nhanh chóng dứt điểm cho được mục tiêu còn lại. Tôi nghĩ cả biện pháp cho pháo binh chi viện nhưng bị hạn chế về tầm và mục tiêu, vì lúc này khoảng cách ta, địch rất gần. Dùng xe tăng? Hiện có một đại đội làm dự bị nhưng cũng không cần, vì mục tiêu còn lại nhỏ, sự chống đối của chúng như ngọn lửa tàn vụt lên để rồi tắt ngấm.

Đợt hai của cuộc chiến đấu bắt đầu, nhưng diễn ra cũng không đơn giản. Địch trụ lại ngoan cố chống cự, mãi 10 giờ 30 phút ta mới diệt được chúng, hoàn toàn làm chủ toàn bộ căn cứ.

Đến 15 giờ, ta tiêu diệt mục tiêu cuối cùng là chốt cầu số 2, cũng là kết thúc bước hai chiến dịch.

Sau bốn ngày chiến đấu, ta diệt hai chi khu (Đồng Xoài và Bù Đốp lưu vong) và nhiều đồn bót khác, đánh tan hai tiểu đoàn bảo an (tiểu đoàn 352 bị đánh tan lần thứ hai), thu nhiều vũ khí có 8.000 đạn pháo, 15.000 đạn cối; giải phóng hoàn toàn đường 14, đường 311 đến sát chân núi Bà Rá mà không cần dùng đến xe tăng.

Thắng lợi bước hai chiến dịch, tương quan lực lượng (cả thế và lực) đã thay đổi có tính chất đột biến có lợi cho ta. Tôi vui mừng khôn xiết. Nỗi lo âu âm thầm trong tôi tan biến, vì chỉ sợ tái diễn trận Đồng Xoài năm 1965, thắng lớn nhưng bị tổn thất cũng không nhỏ.

Tôi thực sự phấn khởi, thanh thản, lại nghĩ về sự sáng suốt của Bộ, cho đánh Bù Đăng trước, Đồng Xoài sau. Quán triệt tư tưởng đó, Quân đoàn một mặt chuyển hướng lên đánh Bù Đăng nhưng vẫn để Trung đoàn 141 ở lại làm nhiệm vụ vây lỏng, cầm chân nhưng vẫn tiếp tục hoàn chỉnh công tác điều tra nắm địch, vẫn tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch đánh Đồng Xoài. Đầu tháng 12 trung đoàn tập trung huấn luyện chín đêm liền về cách đánh Đồng Xoài, chiến sĩ trinh sát, đặc công tập động tác tiềm nhập, cắt rào, gỡ mìn, đặt bộc phá liên kết từ tiểu đội đến tiểu đoàn, tập chiến thuật vượt qua cửa mở đánh vào trung tâm.

Sư đoàn rất coi trọng khâu trinh sát thực địa, nắm địa hình, nắm quy luật địch bố phòng, canh gác; đã ba lần cho người bò sát vào hàng rào địch quan sát nghiên cứu, cắt bốn hàng rào kẽm gai vẫn không lộ để nghiên cứu thực hành mở cửa. Tháng 10 năm 1974, trong lần thứ hai đi trinh sát thực địa bị lộ, địch bắn trả, hai chiến sĩ hy sinh, một bị thương bỏ ra được nhưng lạc đường, phải nằm lại giữa đám ruộng mạ sống cầm hơi. Đến ngày thứ bảy, một bà má từ ấp chiến lược đến giờ quy định của địch được ra ngoài thăm đồng phát hiện. Đồng chí chiến sĩ còn đang lúng túng trước tình huống bất ngờ, thì bà má chủ động:

- Má biết con là ai rồi, con cứ làm theo lời má là thoát khỏi nguy hiểm.

Đồng chí chiến sĩ không nói gì, cứ im lặng làm theo lời má.

Má đã tìm cách che giấu, chữa chạy lành bệnh rồi đưa ra khỏi khu vực Đồng Xoài, chỉ về hướng bắc

mà đi thể nào cũng gặp đơn vị.

Những việc làm âm thầm, bất chấp cả nguy hiểm ấy là một trong nhiều ví dụ để chỉ ra nguyên nhân vì sao từ đợt một chuyển sang đợt hai chiến dịch lại nhanh như thế; đó cũng là một trong những căn cứ để những người lãnh đạo và chỉ huy Quân đoàn chúng tôi có được một quyết tâm, một kế hoạch chiến đấu sát hợp và rất tự tin là nhất định sẽ trở thành hiện thực trước khi trận đánh nổ súng.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 19: Phần 1

Như trên đã kể cùng bạn đọc, ngay khi về Bộ chỉ huy Miền nhận nhiệm vụ đợt hai chiến dịch, tôi đã nêu vấn đề đánh Đồng Xoài cần phải tính đến bước tiếp sau hoặc song song tiến công thị xã Phước Long, để kịp xin ý kiến Bộ Tổng tư lệnh vì đánh thị xã phải có xe tăng, pháo cỡ lớn yểm trợ, phải đưa lực lượng Sư đoàn 9 vào tham gia chiến đấu.

Phước Long đúng là địa bàn chưa nằm trong chủ trương ban đầu mở đợt hoạt động quân sự Đường 14 - Phước Long. Hoặc nếu có thì chỉ dừng lại ở định hướng, vì nhận thức của con người không thể vượt quá xa của sự vận động thực tiễn. Và lại trong tình hình lúc đó chúng ta vẫn phải thực hiện nguyên tắc vừa đánh “vừa theo dõi phản ứng của địch để kịp thời đối phó”. Mọi hành động của chiến dịch phải phục tùng ý đồ chiến lược. Bước đi của chiến dịch Đường 14 - Phước Long là sau Bù Đăng thấy rõ điều kiện dứt điểm Đồng Xoài, sau Đồng Xoài thấy rõ khả năng giải phóng thị xã Phước Long đã chín muồi.

Qua điện trao đổi giữa Bộ chỉ huy Miền với Bộ Tổng tư lệnh, chúng tôi được biết các anh Phạm Hùng, Trần Văn Trà đang họp hội nghị Bộ chính trị mở rộng ngoài Hà Nội vẫn dành thời gian theo sát diễn biến chiến dịch Đường 14 - Phước Long, trao đổi với các anh trong Quân ủy và Bộ Tổng Tham mưu về những chủ trương, biện pháp cần có để xử lý các dữ kiện phát triển của tình hình. Điện anh Trần Văn Trà gửi anh Lê Đức Anh - Phó tư lệnh thường trực Miền, thông báo ý kiến anh Lê Duẩn và các anh trong Thường trực Quân ủy Trung ương đồng ý để B2 được dùng tăng và pháo 130 ly vào trận đánh thị xã Phước Long. Một ngày sau khi chiến thắng Đồng Xoài (27 tháng 12) tôi lại nhận tiếp điện của Phó tư lệnh thường trực Lê Đức Anh: “Bộ thông báo có khả năng địch điều động 1 - 2 lữ đoàn dù về quân đoàn 3. Anh Văn Tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng chỉ thị ta phải tranh thủ thời cơ địch đang hoang mang và lực lượng tổng dự bị chưa về tới, phát triển nhanh chóng vây ép A1 (thị xã Phước Long), đồng thời có kế hoạch tiêu diệt quân viện lên B1 (Đồng Xoài) và A1.”

Như vậy là các anh lãnh đạo Bộ Chính trị, Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu theo sát sát diễn biến hoạt động quân sự ở B2, nhất là trên địa bàn tỉnh Phước Long, đã có ý kiến chỉ đạo sau mỗi đợt tiến công. Và giờ đây các anh đã “bật đèn xanh” cho chúng tôi phát huy thắng lợi đã giành được, tranh thủ tiến hành cuộc tiến công giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long.

Chỉ có bốn ngày chuẩn bị ở một địa bàn tác chiến chưa được đưa vào kế hoạch ban đầu mà vẫn suôn sẻ, ít phải điện đi điện lại nhiều lần lên cấp trên. Nhất là khi Bộ chỉ huy Miền nhận được điện của Quân đoàn thực hiện đúng ngày N như quy định - 31/12/1974, thì các anh trong Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền thấy yên tâm.

Để có được một quyết tâm nổ súng đúng ngày N mà cấp trên quy định chúng tôi đã phải trải qua bao lo toan tính toán. Các suy nghĩ và những điều trăn trở vẫn là đánh như thế nào để giành thắng lợi. Bù Đăng, Đồng Xoài các kinh nghiệm rút ra qua chiến đấu vẫn đang còn nóng hổi, đều có thể vận dụng vào trận đánh mới. Nhưng lại có những vấn đề mới, thật mới nảy sinh.

Trước hết Phước Long là một thị xã tỉnh lỵ, mặc dù một tỉnh nhỏ ở vùng biên ải, song lại có vị trí quan trọng về mặt quân sự. Và đã là thị xã nó lại có vấn đề chính trị, tâm lý, một khi thị xã lọt vào tay đối phương. Qua Bù Đăng, rồi Đồng Xoài ta thấy khả năng tăng viện, tái chiếm rất hạn chế, gần như không xảy ra, đành chịu thì tốt vì nó chỉ là chi khu, nhất là chi khu Bù Đăng ở quá xa sở chỉ huy quân đoàn 3, chi viện không quân chiến thuật bị hạn chế về tầm bán kính. Nhưng khi thị xã Phước Long bị tiến công chắc chắn địch phải có hành động thực tế hơn, mạnh hơn, ta không thể xem thường.



Hệ thống phòng thủ Phước Long mang kiểu dáng một tập đoàn cứ điểm quy mô nhỏ nhưng có thể chân kiềng của chi khu quân sự Phước Bình - điểm cao núi Bà Rá - thị xã Phước Long.

Mỗi mục tiêu chủ yếu đó có nhiều đồn bốt nhỏ tạo thành các lớp vành đai ngăn chặn, bảo vệ liên hoàn. Trong ta, mục tiêu chân kiềng đó, thị xã Phước Long là quan trọng nhất. Nó nằm trên dãy đồi cao phía tây bắc Bà Rá, rộng hai ki-lô-mét vuông, bao quanh nó về phía bắc và phía đông là sông Bé, bờ sông dốc đứng, phía tây nam là khu Sơn Giang, suối Dung và hồ Long Thủy sinh lầy rậm rạp.

Sự phản ứng của lực lượng địch tại chỗ chắc chắn điên cuồng hơn, ngoan cố hơn. Qua Bù Đăng, Đồng Xoài cho thấy kẻ địch không dễ dàng tháo chạy, không dễ dàng chịu ta bắt làm tù binh, càng không thể có hàng binh khi chưa bị ta dồn vào tình thế bất khả kháng. Trái lại, nếu ta sơ hở và kẻ thù còn dựa được vào công sự, hầm hào, chúng chỉ là tàn quân của nhiều đơn vị cũng co cụm lại dựa vào nhau chống lại ta.

Rõ ràng càng về cuối cuộc chiến tranh, khi mà “Việt Nam hóa chiến tranh” đạt tới đỉnh cao, thì bên cạnh tính chất xâm lược không hề thay đổi, cuộc chiến tranh ít nhiều còn mang tính chất nội chiến, đối kháng về ý thức hệ. Đại bộ phận binh sĩ và hạ sĩ quan vẫn chỉ là nạn nhân, còn tầng lớp sĩ quan, nhất là sĩ quan lớp tướng tá thì chống đối đến cùng và tìm mọi thủ đoạn lừa mị mua chuộc, kim kẹp, không chế buộc binh sĩ dưới quyền phải chống lại, “tử thù”.

Đánh vào thị xã Phước Long ta sẽ gặp phải sự chống đối này, vì ở đây có sở chỉ huy tiểu khu, có cơ quan hành chính tỉnh. Trận chiến đấu chắc chắn diễn ra không thể dễ dàng.

Tôi đã trình bày những suy nghĩ những bài học rút ra của mình trong cuộc hội ý, họp bàn trong Bộ tư lệnh và Đảng ủy Quân đoàn để cùng nhau trao đổi xem xét trước khi có một quyết tâm chiến đấu chung, tìm ra những khó khăn để bàn các biện pháp khắc phục. Bài học tiến công đánh chiếm thị xã An Lộc trong đợt hai chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972 vẫn còn mới nguyên nhắc nhở chúng tôi, không máy móc chuẩn bị chiến đấu theo trình tự, bài bản áp dụng cho mọi bối cảnh, điều kiện.

Khi thời cơ đã có, phải chuẩn bị nhưng không cầu toàn, vừa đánh vừa chuẩn bị, vừa đánh vừa tiếp tục nắm địch, thông qua đánh mà hiểu rõ địch để có cách đánh thích hợp, không phải lúc nào cũng bài bản máy móc.

Trên đây là định hướng chung cho các đơn vị khi chuẩn bị và triển khai chiến đấu.

Sau chiến thắng Đồng Xoài, đội hình chiến dịch rải ra trên một diện rộng, phải thu gọn về một khu vực. Vì vậy việc giao nhiệm vụ, kế hoạch hiệp đồng cho các đơn vị rất linh hoạt, trực tiếp hoặc qua hệ thống thông tin thật ngắn gọn: ngày giờ phải có mặt ở địa bàn X, E; nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo nổ súng đúng ngày N và giờ G. Gần như không có điều kiện họp chung, tất cả ý định tuy bị dồn ép theo ngôn ngữ thông tin mà công việc diễn ra ăn ý như đã trao đổi, bàn bạc trực tiếp. Trong ba ngày 27, 28, 29 tháng 12, Bộ tư lệnh chiến dịch chúng tôi từ hồi hộp đến mừng vui, vì liên tiếp nhận được các thông tin khớp với kế hoạch chung. Các đoàn xe ô tô chở bộ đội, chở gạo, đạn theo đường 14, đường 311, đường 2, hồi hải chạy về hướng Phước Long. Lữ đoàn công binh 25 bảo đảm cho hàng trăm xe, pháo vượt qua sông Bé tại bến Trà Thanh an toàn. Ngoài lương thực cho bộ đội, Quân đoàn cùng với các anh lãnh đạo tỉnh ủy Bình Phước lo huy động và vận chuyển hơn bốn mươi tấn lương thực từ Bù Đốp, Suối Minh về địa điểm tập kết để cấp nhằm ổn định đời sống nhân dân khi sơ tán lánh khỏi thị xã và trở lại thị xã sau khi được giải phóng.

Đến 22 giờ ngày 30 tháng 1, sở chỉ huy quân đoàn nhận đủ báo cáo của các đơn vị đã vào đến vị trí quy định hình thành thế trận mới, chia cắt Phước Bình với Phước Long, khống chế đường không, sẵn sàng đánh quân viện, vây ép quân địch ở tiểu khu Phước Long: Trung đoàn 165 đứng chân ở đông nam và tây nam chi khu Phước Bình; Trung đoàn 141 từ Đồng Xoài cơ động bằng ô tô theo đường số 2 lên đứng chân ở bắc Phước Bình và ấp Nhân Hòa, tây bắc Phước Bình, Trung đoàn 27 (sư đoàn 3) từ Bù Đăng cơ động

bằng ô tô theo đường 14, đường 311 vào đứng chân ở đường 309 - Thác Mơ; Trung đoàn 16 (thiếu) từ Tây Ninh cấp tốc hành quân về đứng chân bờ bắc sông Bé làm nhiệm vụ hợp vây, tiến công địch từ hướng bắc thị xã; tiểu đoàn 208 địa phương Phước Long đứng chân ở Phước Lộc; Trung đoàn 2 tách khỏi đội hình Sư đoàn 9 cơ động về Phước Long làm lực lượng dự bị chiến dịch. Một bộ phận sở chỉ huy Sư đoàn 7 ở lại căn cứ Phước Sang, và Trung đoàn 209 ở bắc Phước Vĩnh vẫn sinh hoạt bình thường, tiếp tục liên lạc bằng vô tuyến điện theo đúng giờ và tần số quy định để làm nhiệm vụ vừa nghi binh, vừa chủ động tiến công địch, thực hiện kéo căng, kìm chân địch, hỗ trợ cho mặt trận Phước Long.

Rạng sáng 12/12/1974, theo kế hoạch chung các đơn vị nổ súng tiến công chi khu quân sự Phước Bình, pháo kích tiểu khu Phước Long. Lần đầu tiên lực lượng đồn trú ở đây không những nghe mà còn nhìn thấy tiếng nổ của động cơ xe tăng, của đạn pháo 130 ly khiến quân địch càng khiếp đảm. Vì nhận hiệp đồng không đúng thời gian, nên tiểu đoàn 79 đặc công chưa đồng thời tổ chức tiến công núi Bà Rá; ở hướng thứ yếu, Trung đoàn 271 (sư đoàn 3) chưa tổ chức tiến công được Thác Mơ.

Trên hướng chủ yếu, ngay từ phút ban đầu cũng có trục trặc, chưa thực hiện được đồng loạt tiến công. Trung đoàn 165, lực lượng chủ công đánh chiếm chi khu Phước Bình, bị pháo địch từ đông nam thị xã và ở núi Bà Rá bắn chặn, mũi tiến công ở hướng đông nam gặp khó khăn, phải đánh từ hướng tây bắc xuống. Mãi chiều 31 tháng 12 ta mới chiếm được Phước Bình, vì vấp phải sức chống trả quyết liệt của tiểu đoàn 1, chiến đoàn 7 (sư đoàn 5) từ chân núi Bà Rá phản kích xuống sân bay, giải tỏa cho Phước Bình đang bị ta bao vây tiến công. Đến chiều ngày 1/1/1975 ta hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm chi khu Phước Bình, điểm cao Bà Rá.

Nhận được tin vui này, tôi điện xuống Trung đoàn 165, tiểu đoàn 79 đặc công: “Chúc mừng các đồng chí đã lập chiến công mới chào mừng ngày Tết dương lịch - ngày đầu tháng đầu của năm 1975 (1/1/1975).”

Như vậy là hai trong ba vị trí trong thế trận phòng ngự “chân kiềng” của địch bị chặn, toàn bộ cánh cửa thép phía đông nam và tây bắc tiểu khu Phước Long bị ta phá vỡ; phạm vi phòng thủ của khu vực Phước Long bị co lại, chỉ còn chưa đầy hai ki-lô-mét vuông. Ta đã hoàn thành nhiệm vụ bước một tương đối nhanh gọn.

Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu bước hai của Bộ tư lệnh Quân đoàn, ngay đêm ngày 1/1/1975, các đơn vị nhanh chóng di chuyển vào địa điểm quy định hình thành thế trận tiến công thị xã trước giờ G: Trung đoàn 165 từ ngã ba Tư Hiền 1 tiến công theo hướng nam; trung đoàn 141 từ tây Suối Dung tiến công theo hướng tây Hồ Long Thủy; Trung đoàn 271 (sư đoàn 3) từ nam ngã ba Tư Hiền 2, tiến công từ hướng đông; Trung đoàn 201 (sư đoàn 3) cơ động lên hướng tây bắc sẵn sàng bước vào chiến đấu khi có lệnh; Trung đoàn 16 (thiếu) vẫn đảm nhận nhiệm vụ bờ bắc sông Bé - cầu Đắc Nhung.

Tiểu khu Phước Long bị đặt trong tầm súng bắn thẳng của năm Trung đoàn: 165, 141, 201, 271 và Trung đoàn 16.

Đội hình binh chủng đã hình thành và hoàn chỉnh để yểm trợ trận đánh: bắc Phước Bình có trận địa pháo 105 ly (sáu khẩu) và 85 ly (bốn khẩu); tây thị xã có trận địa cối 160 ly (ba khẩu); phía đông bắc có trận địa pháo 130 ly (sáu khẩu). Hai tiểu đoàn pháo cao xạ 37 và 57 ly đứng từ cầu Suối Dung đến ngã ba Tư Hiền 1; 10 xe tăng, một tiểu đoàn công binh đứng trên đường 310 (bắc cầu Suối Dung đến ngã ba Tư Hiền 1).

Chúng tôi đều yên tâm với thế trận đã được hình thành.

Riêng tôi từ đó cho đến trước giờ nổ súng mở đầu cuộc tiến công bước hai gần như không chớp mắt! Phần vì niềm vui của trận đánh thắng mở đầu đến đúng dịp thời gian đã đi chót đoạn đường năm 1974,

bước vào đầu mút của năm 1975, cái năm mà giờ này cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng xác định là năm thứ nhất trong kế hoạch hai năm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chắc chắn từ đây sẽ có nhiều chuyển biến theo chiều đi lên.

Trận chiến trường kỳ đã đến lúc ta tính được cái thời điểm kết thúc cụ thể. Niềm vui của trận thắng trước làm điều kiện không thể thiếu của trận thắng sau. Mới qua hai mươi ngày ra quân mở đầu mùa khô 1974 - 1975 mà ta đã chọc thủng một tuyến phòng thủ chiến lược quan trọng của địch trên đường 14 từ Bù Đăng đến Đồng Xoài. Căn cứ chiến lược phía sau của Đông Nam Bộ được hoàn chỉnh thêm, rộng đến sát Chơn Thành về phía tây, đến sát đường 16 - Tân Uyên về phía nam, bây giờ xe ta có thể đi từ Hà Nội vào đến tận Đồng Xoài. Giờ đây, chẳng còn xa nữa, thị xã Phước Long được giải phóng, khu căn cứ càng hoàn chỉnh, tạo một thế đứng vững cho chúng ta tiến xuống vùng ven đô, vào Sài Gòn.

Nhưng con đường đi tiếp ấy trở thành hiện thực cũng chẳng phẳng phiu chút nào! Phải gần một ngày ta mới làm chủ được Phước Bình là do địch phản kích, dự kiến mở cửa phía đông nam bị pháo địch bắn chặn, lực lượng tiến công phải chuyển, dồn sang hướng tây bắc. Sự cố tuy nhỏ, ta đã nhanh chóng khắc phục, nhưng qua đó cho thấy, khi ta đánh vào trung tâm phòng thủ của chúng diễn biến càng trở nên phức tạp. Sau khi mất Phước Bình, Bà Rá thế chân kiềng bị phá, địch vội vã lập sở chỉ huy nhẹ tiểu khu đóng ở trại Lê Lợi và điều quân tập trung ngăn chặn ta ở hướng nam là hướng duy nhất ta có thể tiến công bằng xe tăng vào thị xã.

Quân đoàn quyết định phía tây và tây nam thị xã làm hướng chủ yếu là hoàn toàn chính xác. Vì ở đây chỉ là khu gia binh và khu dân cư buôn bán, địch bố trí sơ sài. Đột phá từ hướng này, ta có điều kiện phát triển nhanh sang khu bắc là khu quân sự, khu đông là khu hành chính - đánh đập hai cái đầu này, sẽ rung chuyển toàn bộ. Lực lượng sử dụng gồm Trung đoàn 165 và Trung đoàn 141 (sư đoàn 7). Như vậy là yên tâm. Nhưng làm sao mà lường hết được sự đột biến!

Sau khi trao đổi với các đồng chí trong sở chỉ huy nhẹ chiến dịch những suy nghĩ trên, tôi điện nhắc các đơn vị: “Thắng lợi đạt được trong bước một là đáng khích lệ. Nhưng không được chủ quan, tự mãn. Từ đây cuộc chiến đấu sẽ có những diễn biến phức tạp, cần phải có quyết tâm cao, nhạy bén trong xử trí.”

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 19: Phần 2

Rạng sáng ngày 2/1/1975, ta mở đầu cuộc tiến công vào thị xã bằng sức mạnh của lực lượng pháo binh bắn chính xác các mục tiêu quân sự trong tiểu khu, kiềm chế hoàn toàn các trận địa pháo của địch. Sau đợt pháo bắn chuẩn bị, các mũi bộ binh nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu được giao. Trên hướng tây nam, Trung đoàn 165 phát triển thuận lợi, đánh chiếm trại Đoàn Văn Kiêu, thu hai khẩu pháo, phát triển về phía Hồ Long Thủy. Nhưng Trung đoàn 141 phải chống trả quyết liệt với tiểu đoàn 1, chiến đoàn 7 (sư đoàn 5) địch ở khu vực cửa mở, chỉ có bốn đại đội vận động qua Suối Nhung lọt vào bắc Hồ Long Thủy, bị địch chặn lại ở khu gia binh. Ở hướng đông nam, Trung đoàn 271 (sư đoàn 3) đánh chiếm ngã ba Tư Hiền, phát triển về bãi đỗ xe ở đông nam thị xã.

Đúng như phán đoán của quân đoàn trước khi vào trận, địch phản ứng quyết liệt khi bị đối phương tiến công. Lúc này cơ quan Tổng Tham mưu quân đội nguy và bọn chỉ huy quân đoàn 3 đã nhận ra nguy cơ Phước Long có thể bị mất, tìm cách cứu nguy. Trước hết là cho không quân hỗ trợ. Ngay ngày 2 tháng 1 ngày ta mở màn bước hai cuộc tiến công, địch đã cho 53 lần/chiếc máy bay F5 và máy bay A37 ném bom, bắn phá xuống trận địa ta, gây cho ta những khó khăn nhất định. Nhưng lực lượng pháo cao xạ ta đánh trả có hiệu quả, máy bay địch phải vọt lên cao. Một khẩu đội pháo 37 của ta chiến đấu dũng cảm, đã hy sinh ở ngã ba Phước Lộc, được nhân dân chôn cất, lập miếu thờ sau khi Phước Long được giải phóng.

Tốc độ tiến công bị chậm lại! Vừa nôn nóng nhưng chỉ thoáng qua, nhường cho sự cảm thông - vì chúng tôi hiểu rất rõ, là do các đơn vị làm nhiệm vụ trên hướng chủ yếu thực sự thấm mệt sau hai mươi ngày chiến đấu liên tục, kể từ trận mở đầu chiến dịch, diệt chi khu quân sự Bù Đăng (14/12/1974), quân số vũ khí chưa kịp bổ sung sau một ngày chiến căng thẳng.

Chiều xuống, tiếng súng thưa dần, không gian trở lại yên tĩnh. Một mặt tôi điện xuống động viên, mặt khác nhắc các đơn vị phải gấp rút củng cố lực lượng để tiếp tục chiến đấu; đồng thời lệnh cho Trung đoàn 201 (sư đoàn 3) hành quân đến tăng cường cho hướng tiến công của Trung đoàn 141.

Trong hai ngày 3 và 4 tháng 1, ta tiếp tục tiến công. Pháo chiến dịch bắn mãnh liệt và chính xác<sup>(1)</sup> các mục tiêu trong thị xã các trung đoàn 141, 165 có xe tăng dẫn đầu mở được nhiều mũi tiến công, phát triển đánh chiếm được một số khu vực trong thị xã.

(1) Đài kỹ thuật của ta bắt được tin địch kêu la: “Việt cộng đã đặt được đài tác xạ trên núi Bà Rá hay sao mà chúng bắn chính xác thế?” Đúng là sau khi chiếm điểm cao núi Bà Rá ngày 1 tháng 1, pháo binh ta đã đặt đài quan sát và đo cự ly, điều chỉnh, hướng dẫn các trận địa pháo của khu vực Phước Long bắn yểm trợ hiệu quả cho bộ binh tiến công.

Thất bại trong âm mưu đồ chiến đoàn 8 (sư đoàn 5) xuống thị xã ngày 3 tháng 1 do lực lượng pháo cao xạ của ta đánh trả có hiệu quả, ngày 4 tháng 1 địch cho không quân tăng cường ném bom, bắn phá dữ dội xuống trận địa, buộc ta phải dừng lại để đào công sự, chấn chỉnh đội hình. Tiếp đó khoảng 10 giờ cùng ngày địch lại cho máy bay lên thẳng đổ hai đại đội thuộc lữ đoàn 81 biệt kích dù xuống đông bắc thị xã, gần tòa thị chính, bị ta diệt một phần ba, tình hình lại có thêm phức tạp mới. Vẫn ở phía nam, tây nam, sau khi mất Phước Bình, Bà Rá, tàn quân địch dồn về cùng với lực lượng tại chỗ Hồ Long Thủy chống trả ta quyết liệt, có thêm lực lượng không quân địch hỗ trợ. Hai trung đoàn 141, 165 bị địch chặn lại, thương vong tăng lên phải dừng lại. Trước tình huống đó, các đồng chí chỉ huy ở hướng này xin được nghỉ để củng cố, chuẩn bị theo phương châm “đánh chắc tiến chắc”.

Nhận được điện báo cáo, tôi mừng người. Rất thông cảm với khó khăn của hướng này, quân số bị tiêu hao, vũ khí chưa kịp bổ sung. Nhưng nghĩ lúc này là không thể được, không thể máy móc “đánh chắc tiến chắc” vì địch có cho ta nghỉ đâu! Ta đã chiếm được hai phần ba thị xã, địch còn lại đang co cụm, bọn chỉ huy đầu sỏ đang hối thúc quân lính “tử thủ” dọa bắn bỏ những ai rút bỏ nhiệm vụ.

Nghĩ vậy, tôi gọi điện trao đổi với anh Ba Vũ, phó tư lệnh và anh Hoàng Nghĩa Khánh tham mưu trưởng ở hướng chủ yếu của trận đánh: cần cân nhắc, nếu mệt mỏi, quân số, vũ khí giảm(2), sẽ tăng thêm. Nghĩ lúc này là không có lợi, địch có thời gian tăng viện, phản kích lấy lại vị trí đã mất, trận đánh sẽ bị kéo dài, diễn biến tình huống càng phức tạp thêm.

(2) Có đại đội bộ binh chỉ còn năm đến bảy tay súng.

Đêm đã về khuya, đường dây thông suốt, tôi tranh thủ trao đổi tiếp với anh Ba Vũ: “Đúng là ta đang khó khăn nhưng chỉ là khó khăn cục bộ. Lợi thế vẫn thuộc về ta. Tôi vừa điện cho anh Sáu Hưng tư lệnh sư đoàn 3 ở hướng đông nam, được biết trung đoàn 271 đã phát triển tới ngã ba chợ thị xã, có điều kiện hỗ trợ cho hướng Hồ Long Thủy. Cần động viên các đơn vị bên đó gắng sức, Quân đoàn sẽ đưa Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) vào chiến đấu.

Do ý thức được trách nhiệm đối với trận đánh mang tầm vóc chiến lược, chỉ qua điện thoại với ý tứ bị dồn ép mà chúng tôi vẫn hiểu được nhau, nhanh chóng thống nhất các biện pháp tình thế, không để cuộc chiến đấu dừng lại, sẽ mất thời cơ. Anh Ba Vũ, anh Hoàng Nghĩa Khánh lo xốc lại đội hình chiến đấu tại chỗ; tôi và các anh Ba Vinh, phó tư lệnh, anh Tư Thanh, chủ nhiệm chính trị lo việc chuẩn bị cho Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) bước vào chiến đấu; đồng thời điều chỉnh cuộc chiến đấu hiệp đồng ngày hôm sau trên các hướng.

Ngày 5 tháng 1, sự thắng lợi của ý chí, của tinh thần trách nhiệm và quyết tâm chiến đấu của những người trong cuộc đã được thể hiện bằng hành động thực tế. Cuộc tiến công của các lực lượng tham chiến đạt hiệu quả rõ rệt, dồn quân địch vào một điểm hẹp ở hướng đông bắc thị xã.

Đêm xuống, một đêm nhộn nhịp khác thường. Tất cả các hướng, các mũi đều tất bật chuẩn bị. Còn chúng tôi những người chịu trách nhiệm cao nhất của trận đánh thì tập trung vào việc theo dõi, điều hành việc đưa Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) cùng với mười xe tăng phải vào vị trí tập kết chiến đấu cũng ngay trong đêm, không thể chậm. Vì Bộ tư lệnh Quân đoàn đã thống nhất: quyết định dứt điểm trận đánh chiếm thị xã Phước Long vào ngày 6/1/1975. Còn giờ phút dứt điểm cụ thể là tùy thuộc vào sự tổ chức và hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng, phân chia nhiệm vụ, đường tiến quân. Bởi lực lượng đánh chiếm thị xã gồm bốn trung đoàn, với nhiều lực lượng binh chủng hỗ trợ, cần phải có một kế hoạch hiệp đồng thật ăn khớp, cụ thể.

Một việc khác cũng được nắm lại và bàn tiếp song song với kế hoạch tiến công quân sự. Chúng tôi phải cùng với tỉnh ủy Bình Phước làm kế hoạch tổ chức dẫn dân ra khỏi thị xã trong thời gian ta đã làm chủ, đề phòng địch phản ứng theo kiểu “không ăn thì đập đổ”, cho không quân đến bắn phá hủy diệt.

Ta đã có bốn mươi tấn lương thực huy động từ trước, khi giải phóng thị xã sẽ huy động các kho dự trữ của địch(3) để có đủ số lượng cung cấp cho hơn bốn vạn dân sống trong những ngày tạm sơ tán đề phòng địch tàn sát.

(3) Sau khi giải phóng thị xã, ta đã thu được của địch sáu mươi tấn nâng tổng số lên một trăm tấn.

Và cũng theo chỉ đạo của Miền, chúng tôi còn phải chuẩn bị lương thuốc nổ và tổ chức lực lượng làm nhiệm vụ tiêu hủy đồn bốt, lô cốt, hầm ngầm, trại lính, dinh thự, trụ sở, kể cả nhà cửa trên các đường phố, đề phòng địch tái chiếm. Vì vậy thị xã sau khi hết địch, vẫn ầm ầm tiếng bộc phá nổ dữ dội, để lại một thị

xã tan hoang sau đợt tiêu thổ đó. Vài năm sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, có dịp thăm lại, gặp các đồng chí lãnh đạo thị xã và huyện Phước Long trong niềm vui tái ngộ, đủ chuyện hàn huyên, nhưng ai cũng thấy tiếc. Giá ngày đó không phá thì bây giờ ta có một thị xã nhỏ xinh với những dấu tích lịch sử khó quên, sẽ là một tụ điểm du lịch hấp dẫn.

Xin được trở lại chuyện đang kể cùng bạn đọc.

Vào lúc 2 giờ 30 phút ngày 6 tháng 1, sở chỉ huy tiền phương quân đoàn nhận được điện báo cáo của Trung đoàn 2 (sư đoàn 9): “Đã triển khai xong việc chiếm lĩnh vị trí xuất phát tiến công theo quy định.”

Tất cả chúng tôi nhẹ nhõm thở phào.

Ngày 6/1/1975!

Giờ phút mong đợi đã đến. Chắc thắng nhưng vẫn hồi hộp trong mỗi chúng tôi ở sở chỉ huy tiền phương chiến dịch. Mờ sáng, kim đồng hồ chỉ 5 giờ 30 phút, ta đồng loạt nổ súng tiến công theo kế hoạch được chuẩn bị trong điều kiện khẩn trương, được điều chỉnh trong hai đêm ngày 4 và 5 đầy căng thẳng.

Địch rút chạy về phía bắc, bị pháo binh và bộ binh ta đánh hất trở lại buộc chúng phải quay về thị xã tìm cách chống trả trong trạng thái số đông là sĩ quan đều thủ một ba lô gạo sấy, thịt hộp, địa bàn và một mảnh bản đồ vùng Kiến Đức để tháo chạy khi bị dồn vào bước đường cùng.

Trên đường đánh vào sào huyệt cuối cùng của tỉnh Phước Long, ngay từ giờ đầu nổ súng, Trung đoàn 165 không phát triển được vì bị địch ngăn chặn; Trung đoàn 141 có xe tăng dẫn đầu cũng phải vất vả trong tổ chức tiến công tiêu diệt đại đội biệt kích dù phản kích.

7 giờ 30 phút Quân đoàn quyết định đưa Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) bước vào chiến đấu ở hướng tây thị xã phải mất nhiều thời gian. Vừa dùng bộc phá kết hợp với dùng dao, kéo để cắt rào, dùng ván gỗ, bao tải để bộ đội vượt qua nhiều lớp rào kẽm gai, đến 9 giờ mới đánh chiếm được khu kết nước, trung tâm tuyến mộ tân binh, ty cảnh sát, trận địa pháo. Một sự phối hợp không hẹn nhưng rất đẹp giữa đại đội 7 Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) và đại đội 7 Trung đoàn 141 (sư đoàn 7) trong đánh chiếm dinh tỉnh trưởng; chiến sĩ Nguyễn Văn Hoan của đại đội 7, Trung đoàn 141 đã cắm cờ “Quyết chiến quyết thắng” lên nóc nhà tỉnh trưởng Phước Long vào lúc 10 giờ 30 phút.

Từ đây cuộc tiến công có thêm nguồn cổ vũ mạnh mẽ. Các đơn vị phối hợp chiến đấu nhịp nhàng ăn khớp. Đến chiều ngày 6 tháng 1, Trung đoàn 2 (sư đoàn 9) đảm nhiệm mũi tiến công từ phía nam lên phối hợp cùng Trung đoàn 165 (sư đoàn 7) từ phía bắc đánh xuống, hợp điểm tiến công hầm ngầm sở chỉ huy trung tâm hành quân - vị trí cố thủ cuối cùng của tiểu khu, cũng là vị trí cuối cùng của quân đồn trú thuộc tiểu khu Phước Long bị tiêu diệt.

Mười chín giờ ngày 6/1/1975, thị xã Phước Long hoàn toàn giải phóng, cũng là thời điểm kết thúc thắng lợi đợt ba chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

Chiến thắng Đường 14 - Phước Long chẳng những đã tạo ra một địa bàn chiến lược, ta có thêm một vùng giải phóng rộng lớn, hoàn chỉnh mà còn góp phần làm thay đổi đáng kể tương quan về thế trận tại chiến trường Đông Nam Bộ. Ta đã tiêu diệt một tiểu khu của quân đoàn 3 nguy, bẻ gãy được một mắt xích trong tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch, làm cho hướng tây bắc Sài Gòn trở thành mảng yếu, uy hiếp trực tiếp phía đông đường 13, làm suy yếu hệ thống phòng thủ của địch trên hướng bắc Sài Gòn.

Chiến thắng Đường 14 - Phước Long có ý nghĩa như một “trận trinh sát chiến lược”. Qua sự kiện Phước Long ta hiểu địch hơn. Quân nguy Sài Gòn không đủ khả năng đối phó cùng một lúc với nhiều hướng tiến công của ta; không có khả năng chiếm lại một thị xã bị đánh chiếm(4). Còn Mỹ, không dễ can

thiệt trở lại miền Nam bằng bất cứ hình thức nào để cứu nguy.

(4) Ngày 3/1/1975, Nguyễn Văn Thiệu triệu tập cuộc họp đặc biệt của nội các để đánh giá tình hình. Y ra lệnh treo giải thưởng 3,2 triệu cho quân lính tử thủ Phước Long. Khi Phước Long thất thủ, Thiệu từ hô hào “kiên quyết lấy lại Phước Long” đã sớm được thay bằng lời kêu gọi “dành ba ngày truy điệu cầu nguyện cho Phước Long”.

Lấy vũ khí địch đánh địch đã được thực hiện có hiệu quả nhất trong chiến dịch này. Với 3.125 súng các loại, đặc biệt là trên một vạn viên đạn pháo 105, 155 ly thu được ở Phước Long, cái vốn tích lũy đầu tiên rất quan trọng cho chiến trường Đông Nam Bộ, đáp ứng được một phần yêu cầu cấp thiết cho các nhiệm vụ tiếp sau; góp phần giảm bớt khó khăn chung lúc đó.

Sau này được biết tin chiến thắng của bộ đội miền Đông Nam Bộ trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long đã bay vào phòng họp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, được Bộ Tổng Tham mưu tổng hợp về diễn biến đợt một của mùa khô 1974 - 1975 để báo cáo trong phiên họp Bộ Chính trị ngày hôm sau (7 tháng 1), trong đó đã đánh giá: “Chiến thắng Phước Long là một nhân tố mới cho phép nhìn xa về triển vọng thực hiện kế hoạch tác chiến chiến lược. Sang đợt hai, ta có khả năng giải phóng từng khu vực lớn hơn(5).”

(5) Đại tướng Hoàng Văn Thái, Những năm tháng quyết định, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, trang 168, 169.

Sau chiến thắng, tôi tranh thủ vào thị xã, có dịp trực tiếp xem xét hệ thống phòng thủ của địch để rút kinh nghiệm cho các trận tiếp sau; thăm những nơi để cất nghĩa thêm vì sao ở đó xảy ra những trận đánh ác liệt như Hồ Long Thủy, dinh tỉnh trưởng.

Sau giải phóng Phước Long, đơn vị được lệnh nghỉ ngơi, củng cố tiến hành tốt việc rút kinh nghiệm, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới. Cùng thời gian này các anh trong Bộ tư lệnh B3 (Tây Nguyên) cử người vào gặp Quân đoàn để trao đổi kinh nghiệm trận tiền công thị xã Phước Long; đồng thời ngỏ ý tham khảo ý kiến trong này về chủ trương tiến công giải phóng Gia Nghĩa.

Sau khi làm việc với các bộ phận chuyên môn của quân đoàn, tôi làm việc thêm với các đồng chí B3 về một số vấn đề tổ chức điều hành chỉ huy chiến dịch nói chung, trận tiền công thị xã Phước Long nói riêng. Về chủ trương tiến công giải phóng Gia Nghĩa, tôi nói:

- Đây là suy nghĩ của cá nhân mạnh dạn trao đổi, chứ không đại diện cho tập thể Quân đoàn, càng không thể đại diện cho Miền. B2 có nhiều khó khăn nhưng đã giải phóng thị xã Phước Long to hơn thị xã Gia Nghĩa. Các đồng chí B3 ở ngoài đó có thuận lợi hơn chúng tôi, gần tuyến vận chuyển chiến lược - đường Trường Sơn, có đủ điều kiện tiến công giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột.

Trước khi lên đường, đồng chí Hiếu, trưởng phòng tác chiến Quân đoàn được cử ra B3 truyền đạt một số kinh nghiệm bước đầu rút ra sau chiến dịch Đường 14 - Phước Long, tôi còn dặn thêm:

- Đồng chí ra ngoài đó nói rõ ý kiến của riêng tôi: “B3 nên tổ chức tiến công Buôn Mê Thuột, như thế mới đúng tầm.”

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 20: Phần 1

Mở cánh cửa thép tiến vào Sài Gòn.

Trước khi vào chuyện chính, chúng tôi còn phải qua một bước đệm. Đó là nhiệm vụ mở rộng hành lang, chuẩn bị địa bàn tạo thế trận cho các đơn vị chủ lực khác cùng tiến công đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định theo định hướng của kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm của Bộ Chính trị và cũng là để thực hiện kế hoạch chiến lược của Bộ Tổng tư lệnh nhằm cụ thể hóa thực hiện kế hoạch hai năm.

Theo mệnh lệnh của Bộ Tổng Tham mưu và Bộ chỉ huy Miền, Quân đoàn 4 có nhiệm vụ chuẩn bị địa bàn trên hai hướng đông bắc và tây bắc Sài Gòn. Thế là một lần nữa Quân đoàn lại tác chiến phân tán thành nhiều lực lượng. Nhưng không có cách nào khác. Lúc này ở hướng tây bắc - đó là Dầu Tiếng; ở hướng đông bắc - đó là Định Quán. Đây là hai mục tiêu đều cần phải “nhỏ” để tạo điều kiện cho ta áp sát Sài Gòn càng gần càng tốt, khi đó “thì có gặp mùa mưa cũng không trở ngại lắm”(1). Hoạt động mở hành lang này còn có tác dụng kìm chân chủ lực quân đoàn 3 nguy, thu hút lực lượng dự bị chiến lược của chúng, tạo điều kiện cho Mặt trận Tây Nguyên và các chiến trường khác hoạt động. Mặt khác chúng tôi cũng thấy nếu đánh đội hình quân đoàn vào một hướng lúc này hơi lãng phí, vì sau thắng lợi chiến dịch Đường 14 - Phước Long, quân địch ở Đông Nam Bộ bị giáng một đòn mạnh về tinh thần, một thuận lợi cần được khai thác, không cho địch hồi sức. Một điều nữa chúng tôi cũng tính đến, cần phải phân cực là đúng, tiết kiệm thời gian, cùng một lúc ta giải quyết được hai mục tiêu, đó cũng là yêu cầu cần phải thực hiện trong bối cảnh cuộc chiến đấu của chúng ta đang đi vào giai đoạn nước rút - dồn dập và khẩn trương.

(1) Nghị quyết Bộ Chính trị 25/3/1975.

Ý thức như thế, Bộ tư lệnh và Đảng ủy Quân đoàn họp quyết định:

- Hướng bắc, tây bắc do tôi phụ trách, lực lượng đảm nhiệm gồm có Sư đoàn 9, Trung đoàn 16, một tiểu đoàn tăng, hai tiểu đoàn pháo cao xạ, đánh chiếm chi khu quân sự Dầu Tiếng, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn từ hướng tây, tây bắc, đồng thời mở rộng vùng giải phóng về phía tây sông Sài Gòn từ Bến Củi đến đường 26, hỗ trợ và phối hợp với Sư đoàn 5 đang hoạt động ở hướng Bến Cầu, Đức Huệ.

- Hướng đông bắc do Phó tư lệnh Bùi Cát Vũ (có sở chỉ huy nhẹ đi cùng giúp việc), lực lượng đảm nhiệm là Sư đoàn 7, một bộ phận Sư đoàn 341(2) phối hợp với lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân khu 6 đánh chiếm chi khu quân sự Định Quán, giải phóng đường 20, tỉnh Lâm Đồng, mở hành lang và bàn đạp tiến công trên hướng bắc, đông bắc Sài Gòn.

(2) Sư đoàn chủ lực thuộc Bộ Tổng tư lệnh, được bổ sung vào chiến trường miền Đông Nam Bộ tháng 3/1975.

Sự phân công nhiệm vụ thật hợp lý. Anh Ba Vũ lên đường mang theo cái háo hức, bồi hồi, sự da diết từ bên trong. Sau hai mươi bảy năm anh lại trở về chiến trường cũ với bao kỷ niệm, sâu đậm nhất là trận La Ngà đại thắng mà anh đã góp phần.

Tuy cùng trong Bộ tư lệnh kể từ ngày thành lập Quân đoàn (20/7/1974) nhưng chúng tôi cứ như vợ chồng Ngâu, chỉ gặp nhau khi trận chiến đấu kết thúc và lại xa nhau khi nhiệm vụ mới được giao. Lúc anh lên Bù Đăng, tôi ở lại Đồng Xoài khi tôi ngược Bù Đăng lo trận đánh mở đầu, anh về Phước Vĩnh lo việc vây lỏng Đồng Xoài, tổ chức và chỉ huy thế trận nghi binh đã được Bộ tư lệnh Quân đoàn thống nhất. Trong trận tiến công thị xã Phước Long anh ở một hướng, tôi một hướng, mọi xử trí tình huống đều qua hệ



thống thông tin, thế mà vẫn hiểu nhau, cùng nhau cộng tác trên tình đồng chí vì lợi ích chung, đạt hiệu quả cụ thể - kết thúc thắng lợi giòn giã chiến dịch đường 14 - Phước Long.

Một buổi chiều đẹp trời, tại một địa điểm gần Đồng Xoài mới được giải phóng tôi tiễn chân anh lên đường về hướng đông bắc. Nắm chặt tay anh tôi chúc:

- Anh Ba lên đường gặp nhiều may mắn khi gặp lại cảnh cũ người xưa.

Khi lực lượng đảm nhiệm hướng đông bắc lên đường tôi thấy phấn hứng, tự tin vì Sư đoàn 7 làm lực lượng chủ công đã dày dạn chiến đấu qua những trận thắng ở chiến dịch Nguyễn Huệ, mà đỉnh cao là thiết lập trận địa chốt chặn kết hợp với vận động tiến công ở khu vực Tàu Ô trên quốc lộ 13, đã lập công xứng đáng ở Đồng Xoài, Phước Long. Anh Ba Vũ, con người của lịch sử vùng đó nay trở lại chắc chắn sẽ kết hợp được cái truyền thống hôm qua và hôm nay trong điều hành chỉ huy trận đánh.

Ngày 12/3/1975, tôi gửi điện ngắn động viên Sư đoàn 7 đánh tốt, thi đua với Dầu Tiếng, không được để đội hình vón cục, phải nắm chắc tinh thần thừa thắng và không quên thông báo tin vui Mặt trận Tây Nguyên thắng to, ta đã giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột.

Ngày 20/3/1975, sau bốn ngày chiến đấu liên tục, Sư đoàn 7 đã giải phóng hoàn toàn chi khu quân sự Định Quán.

Một trong những cửa ngõ kiên cố của địch ở địa đầu quân đoàn 3, phía đông bắc Sài Gòn bị phá. Đoạn cuối cùng của hành lang chiến lược đã được mở dài năm mươi ki-lô-mét, đủ cho một vài sư đoàn của ta vùng vẫy tiến về mục tiêu cuối cùng.

Xin được trở lại cánh quân hướng bắc, tây bắc Sài Gòn mà tôi được phân công điều hành. Nếu nhìn trên bản đồ, ta dễ thấy lúc đó ở hướng này có các căn cứ địch là thị xã An Lộc, chi khu quân sự Chơn Thành và Dầu Tiếng đều là những mục tiêu cần phải đánh chiếm, vì nó là những vật cản ngăn ta lập địa bàn áp sát Sài Gòn. Nhưng Bộ chỉ huy Miền và Bộ tư lệnh Quân đoàn sau khi phân tích đã quyết định chọn Dầu Tiếng là mục tiêu chủ yếu cần tiến công trước trong đợt hai chiến dịch hoạt động tạo thế mùa khô 1974 - 1975.

Dầu Tiếng đối với tôi và Sư đoàn 9 trở nên thân quen, gắn bó từ lâu. Rừng cao su Dầu Tiếng đã trở thành “rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”; những tên làng 8, làng 10, làng 12, làng 14... là những địa danh đùm bọc chúng tôi những ngày đầu đánh Mỹ, đã khiến chúng tôi nhức nhối mỗi khi nhìn về phía chi khu, thấy địch vẫn còn đó; chúng kìm kẹp không chế, khủng bố nhân dân trong các ấp chiến lược.

Dầu Tiếng đã nhiều lần ghi trong kế hoạch tác chiến của chúng tôi. Ngay sau khi kết thúc chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài tháng 6 năm 1965, anh Thanh lệnh cho Sư đoàn mở tiếp chiến dịch Dầu Tiếng, kết hợp đánh viện, thừa thắng phát triển xuống Bến Cát, Bình Dương hỗ trợ nhân dân đô thị nổi dậy đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Và bây giờ là lần thứ ba, Dầu Tiếng lại được chọn làm mục tiêu tiến công. Vì Dầu Tiếng (chứ không phải An Lộc, Chơn Thành) có vị trí quan trọng đặc biệt cả về chiến dịch, chiến lược trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy, thực hiện kế hoạch hai năm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Dầu Tiếng nằm giữa ba tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Long được giải quyết, ta có một bàn đạp rất quan trọng có thể đưa những binh đoàn lớn từ phía bắc theo hai đường 14 và 13 áp sát tuyến phòng thủ cơ bản của địch, tiến đánh Sài Gòn từ phía tây bắc. Dầu Tiếng được giải quyết sẽ uy hiếp trực tiếp Chơn Thành, An Lộc, càng đẩy các căn cứ quân sự chủ yếu này rơi vào thế bị cô lập, buộc phải rút bỏ; đồng thời hỗ trợ cho hướng Tây Ninh.

Sự mong đợi từ lâu nay được thực hiện trong bối cảnh tiến công giải phóng, chứ không như trước chỉ

là thực hiện đánh điểm diệt viện, ta vẫn thắng nhưng chưa giải phóng được đất đai. Tiến công Dầu Tiếng thắng lợi, làm chuyển biến mạnh mẽ thế và lực của ta ở hướng tây bắc Sài Gòn. Chúng tôi phấn khởi, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt công tác chuẩn bị vì đã ý thức thật rõ về ý nghĩa của công việc mình đang làm và sắp làm.

Biết hoạt động của Quân đoàn 4 lúc này là nằm trong kế hoạch phối hợp với mặt trận đồng bằng sông Cửu Long, với hướng tây nam Sài Gòn và với các chiến trường Quân khu 6, Tây Nguyên, đồng bằng Khu 5, Thừa Thiên, Quảng Trị, trong khuôn khổ cuộc tiến công chiến lược năm 1975 đã được Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương phê chuẩn, được Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền vạch kế hoạch triển khai cụ thể trên chiến trường B2. Nhưng không biết ngày giờ, hướng phối hợp cụ thể, vì lúc này giữ bí mật quân sự là yêu cầu tối thượng(3). Ngày 11 tháng 3, được tin các đơn vị trên mặt trận Tây Nguyên đã hoàn thành đánh chiếm mục tiêu cuối cùng trong thị xã Buôn Ma Thuột, thì tất cả chúng tôi vui mừng khôn xiết; và tôi nói với anh em trong sở chỉ huy cơ bản đang bù đầu vào nhiệm vụ: “Buôn Ma Thuột thất thủ, thì nhiều chuyện sẽ xảy ra.”

(3) Lúc này ở B2, anh Phạm Hùng đã yêu cầu kiên quyết thực hiện bốn không: không nói gì về hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ; không nói gì về kế hoạch hai năm 1975 - 1976, không nói gì về tổng công kích, tổng khởi nghĩa; không nói gì về Nghị quyết mới, xem như chỉ có Nghị quyết 21, nghị quyết mà địch đã nắm đến lúc này chúng chỉ biết tới đó.

Thật là một kế hoạch hoạt động phối hợp tuyệt đẹp. Thắng lợi Buôn Ma Thuột bay về như một luồng gió mới tiếp thêm cho chúng tôi lòng tin và sự phấn chấn quý giá! Cũng từ đây chúng tôi càng ý thức rõ hơn, mạnh mẽ và nghiêm túc hơn về việc làm của mình. Phải gắn với cái chung, hỗ trợ cho các chiến trường, trước hết là cho chiến trường Tây Nguyên giành thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 12/8/1975 cuộc tiến công trên hướng tây bắc bắt đầu. Với ý thức đầy đủ trách nhiệm như đã trình bày trên đây, với sự chuẩn bị kỹ, lại ở một chiến trường, một mục tiêu quen thuộc và tinh thần chiến thắng của chiến dịch Đường 14 - Phước Long cổ vũ, chiều 12 tháng 3, Sư đoàn 9 cùng lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã hoàn thành giải phóng quận lỵ và chi khu Dầu Tiếng.

Cùng với sức tiến công của ta ở nhiều nơi, việc mất Dầu Tiếng là sức ép càng có uy lực trực tiếp, buộc quân đoàn 8 ngay phải quyết định rút bỏ thị xã An Lộc. Thừa thắng, chúng tôi dồn sức gồm Sư đoàn 9 và Trung đoàn 273 (sư đoàn 341), cùng các lực lượng binh chủng yểm trợ, có bốn khẩu pháo 130 ly yểm trợ, mở cuộc tiến công binh chủng hợp thành. Nhưng phải qua chín ngày chiến đấu liên tục mới giải phóng được chi khu quân sự Chơn Thành, trong khi chi khu Dầu Tiếng mạnh hơn, ta chỉ cần có năm mươi tám tiếng là dứt điểm. Rõ ràng đã có thể mạnh nhưng lực lượng sử dụng chưa tốt, nhất là lại chủ quan xem thường địch, đơn giản trong công tác chuẩn bị chiến đấu, rất có thể dẫn tới không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành với giá phải trả.

Chỉ trong thời gian ngắn, Quân đoàn 4 đã sử dụng thích hợp, có kế hoạch tiến công cụ thể, biết phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương, tranh thủ lợi thế chung trên toàn chiến trường, nhất là sau khi thị xã Buôn Ma Thuột được giải phóng, đã tiến công dồn dập, liên tục hoàn thành nhiệm vụ tác chiến tạo thế, đánh chiếm Dầu Tiếng, Chơn Thành, Định Quán trên hai hướng tây bắc và đông bắc Sài Gòn, mở ra các hành lang cơ động lực lượng và vận chuyển vật chất, kỹ thuật quy mô lớn vào chiến trường trọng điểm Đông Nam Bộ, tạo bàn đạp trên những hướng quan trọng nhất, chuẩn bị trước địa bàn tập kết cho mình và cho các đơn vị bạn với quyết tâm thực hiện “tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm(4).

(4) Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 3/3/1975.

\*\*\*

Giải phóng chi khu Dầu Tiếng, nhiệm vụ cơ bản được giao ở mặt trận phía bắc, tây bắc Sài Gòn đã hoàn thành, Quân đoàn 4 được lệnh của Bộ chỉ huy Miền lật cánh sang hướng đông Sài Gòn, để thực hiện một yêu cầu chiến lược “nhanh chóng tập trung lực lượng phía đông, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây cô lập Sài Gòn từ Bà Rịa, Vũng Tàu; sẵn sàng quả đấm chủ lực thật mạnh, để lúc thời cơ xuất hiện, lập tức đánh thẳng vào Sài Gòn”(5). Đội hình của quân đoàn thật gọn nhẹ, chỉ có các thành viên trong Bộ tư lệnh, sở chỉ huy cơ bản của quân đoàn và một số đơn vị trực thuộc. Vì anh Ba Vũ, phó tư lệnh và Sư đoàn 7 đã sang bên đó từ tháng 2, làm nhiệm vụ giải phóng chi khu quân sự Định Quán, phát triển lên Bảo Lộc, Đà Lạt.

Từ đây cơ cấu tổ chức Quân đoàn có sự điều chỉnh. Sư đoàn 9 tạm thời tách khỏi đội hình Quân đoàn tăng thêm lực lượng cho Đoàn 232 “nhanh chóng thực hiện nhiệm vụ chia cắt và bao vây chiến lược trên hướng tây - nam, áp sát Sài Gòn, triệt hẳn đường 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long”(6).

(5) (6) Đại tướng Hoàng Văn Thái, Những năm tháng quyết định. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, trang 220, 221.

Ngoài Sư đoàn 7, Quân đoàn được bổ sung sư đoàn 341, sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7, Trung đoàn 95 của Quân khu 5.

Chúng tôi đến địa điểm dự định đặt sở chỉ huy cơ bản của Quân đoàn ở đông nam cầu La Ngà vào một buổi chiều nắng đẹp thời tiết như mùa thu ngoài Bắc, bầu trời xanh trong không một gợn mây, càng hiện rõ cảnh vật nơi đây thật ngoạn mục như một bức tranh thiên nhiên sinh động. Núi đồi, đường sá, sông ngòi, thôn ấp, thị trấn gần quyện vào nhau sao mà hài hòa đến thế, sung túc đến thế. Nếu ta có rừng cọ Phú Thọ, thì ở đây có “rừng” chuối. Chuối mọc khắp nơi, leo lên cả các triền núi hai bên đường, xanh cây tốt quả.

Ngày 2/4/1975, anh Trần Văn Trà, tư lệnh Bộ chỉ huy Miền xuống sở chỉ huy Quân khu 7 đặt bên bờ sông Đồng Nai thuộc khu vực Vĩnh An giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4, Quân khu 7 phối hợp thực hiện nhiệm vụ tiến công thị xã Xuân Lộc. Hôm đó có mặt đầy đủ thành phần được triệu tập: Anh Nguyễn Như Ý (Năm Chữ) bí thư Khu ủy Khu 7, Sáu Trung, Thường vụ Khu ủy, Đặng Ngọc Sĩ, phó tư lệnh Quân khu kiêm tư lệnh Sư đoàn 6, Trần Văn Trân, tư lệnh Sư đoàn 341, tôi và anh Ba Vũ trong Bộ tư lệnh Quân đoàn 4. Giây phút gặp gỡ trong lúc tình hình đang khẩn trương như thế này thật là quý hiếm, niềm vui được thả sức, phút nghỉ giải lao lại đủ thứ chuyện nói với nhau, hỏi han, trao đổi. Anh Năm Chữ người nhỏ gầy nhưng nét mặt rạng rỡ, phấn chấn. Câu chuyện anh trao đổi với anh Trà (nghe sao mà cảm phục chứa đựng mơ ước cháy bỏng bấy lâu bị dồn nén) càng thêm thôi thúc chúng tôi phải ráng sức hơn nữa. Anh nói với anh Trà: “Tình hình phấn khởi quá! Tôi nóng ruột mong về thăm Sài Gòn sớm, thăm xóm nghèo ở Tân Định, nơi ta đặt cơ quan bí mật và cũng bị mật thám vây bắt tại đó.”

Giữa tôi và anh Trần Văn Trà có quan hệ gắn bó qua mười năm chiến đấu. Khi đặt chân đến đất miền Đông tôi đã được gặp anh. Ngay những buổi đầu tiên trong hội nghị tổng kết chiến dịch Bình Giã ở căn cứ Mã Đà, tôi và anh đã gặp nhau ở tư tưởng cần phải có bộ đội tập trung, phải có quả đấm chủ lực để thực hiện đánh lớn. Rồi chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài lần thứ nhất, chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng, đến chiến dịch Nguyễn Huệ đều cùng có mặt. Tôi rất tôn trọng anh không phải chỉ vì anh là cấp trên mà còn vì anh là một đồng chí hoạt động ở Nam Bộ từ lâu, trước cách mạng tháng Tám 1945, gắn bó và trưởng thành từ mảnh đất này, nên càng tin cậy vào anh, nghiêm chỉnh chấp hành ý kiến chỉ đạo của anh, luôn luôn trao đổi xin ý kiến anh.

Nhưng không bao giờ xuôi chiều; cũng có lúc trao đổi, tranh luận khi anh giao nhiệm vụ. Nhưng lần này, trong buổi họp giao nhiệm vụ ở vào thời điểm đang đi vào giai đoạn kết thúc cuộc chiến tranh, cuộc trao đổi, tranh luận có phần gay gắt.

Những ngày này anh thật vất vả, tất bật ngược xuôi, vui vì công việc, lo lắng, trăn trở đến quên ngủ,

quên ăn, người gầy sút cũng vì công việc. Nay hướng bắc, mai hướng tây, rồi hôm sau qua hướng đông để xem xét tình hình, nắm thực tiễn và trực tiếp bàn bạc giao nhiệm vụ cho cấp dưới, trao đổi các biện pháp cụ thể thực hiện trong thời điểm “một ngày bằng hai mươi năm”.

Trong buổi họp này, anh là cấp trên xuống giao nhiệm vụ, tôi là cấp dưới nhận nhiệm vụ, chỉ có trách nhiệm thi hành; phải tiến công đánh chiếm một mục tiêu, một địa bàn mang ý nghĩa chiến lược quân sự quan trọng thì còn gì phải bàn?

Vậy mà hôm nay trong cái “giờ phút trận quyết chiến chiến lược của quân và dân ta đánh vào sào huyết cuối cùng của địch đã bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất Tổ quốc”(7), lại có ý kiến tranh luận như có cái gì không bình thường?

(7) Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 31/3/1975.

- Cắt Sư đoàn 9 nhưng lại giao nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc sớm, Sư đoàn 7 đang từ Bảo Lộc phát triển lên Di Linh, Đà Lạt, sao không chờ chủ lực của Bộ vào phối hợp cùng đánh, đảm bảo chắc thắng?

- Sớm hay muộn, khi đã tiến công Xuân Lộc phải đồng thời đánh chiếm Vũng Tàu (để phòng lính thủy đánh bộ Mỹ liều lĩnh nhảy vào biển đây thành bàn đạp tiến hành phản kích), áp sát Biên Hòa. Thời cơ đến, nhổ luôn sở chỉ huy quân đoàn 3 ngay.

Anh Trà lắng nghe với sự cảm thông. Anh chờ tôi nói tiếp - một phút yên lặng, đoán như tôi không trao đổi tiếp nữa, anh mới xen vào, vừa như nhắc nhở chỉ thị vừa như động viên:

- Bộ điện vào nhắc tội mình cần chủ động, không trông chờ.

Tôi cũng chỉ có một đề nghị:

- Miền cho Quân đoàn lùi nỏ súng vào ngày 9 tháng 4.

- Đồng ý! - Anh Trà trả lời.

Còn một ý - đánh Xuân Lộc lúc này là muộn, giữa lúc địch gượng lại, hy vọng giữ được Sài Gòn, định trao đổi. Phút im lặng kể trên là lúc tôi kiểm chế không đặt ra nữa, vì thấy có đặt ra cũng không giải quyết được vấn đề, trong khi tình hình đang đòi hỏi “phải sử dụng ngay lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn”(8).

(8) Điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi các anh Ban chỉ huy mặt trận Sài Gòn ngày 1/4/1975.

Những ý kiến nêu ra trên đây khi anh Trần Văn Trà xuống giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 tiến công Xuân Lộc là những suy tư trăn trở của những hồi thúc bị dồn nén được dịp bùng ra mong nhận được một lý giải, một lời khuyên để có thêm dữ kiện cho đáp số cần tìm, cho một yêu cầu vừa cách mạng và khoa học - “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” như điện của đồng chí Tổng tư lệnh nhắc nhở toàn quân.

Quan hệ giữa chúng tôi lại trở nên gần bó hơn, lại một lần trên hiểu dưới, dưới hiểu trên. Chúng tôi nắm chặt tay nhau trong tình cảm đồng chí, cùng chung trách nhiệm, cùng chúc nhau giữ sức khỏe tốt, có mặt trong chặng đường cuối cùng, đi tới đích cuối cùng mà mỗi người đều mơ ước đến cháy bỏng trong cuộc đời chiến đấu của mình.

Anh Trà tạm biệt chúng tôi và đi gần như suốt đêm hôm đó kịp về lại sở chỉ huy Miền, vì được tin anh Văn Tiến Dũng từ Tây Nguyên đã vào đến Lộc Ninh chiều ngày 3 tháng 4 để bàn kế hoạch cụ thể tiến công giải phóng thành phố Sài Gòn.

Thời gian quá gấp, chỉ còn năm ngày cho công tác chuẩn bị, phải làm gì và làm như thế nào đáp ứng được yêu cầu thắng lợi của trận đánh. Một điều đáng lo nếu không nói là chủ yếu, đó là Sư đoàn 7 hiện vẫn đang trên đường từ Di Linh quay trở lại với một tình hình quân số, vũ khí thiếu hụt, sức khỏe cán bộ, chiến sĩ giảm sút qua trận vận động tiến công trên một đoạn đường dài hơn một trăm ki-lô-mét. Làm sao đến nơi có thể bước vào chiến đấu được ngay với nhiệm vụ đánh vào hướng chủ yếu, diệt mục tiêu chủ yếu: căn cứ sư đoàn 18 tại thị xã Xuân Lộc?

Ngày 3 tháng 4, sau khi anh Trần Văn Trà giao nhiệm vụ, chúng tôi tiến hành họp Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn. Trong khi trao đổi nhiều ý kiến nêu lên: đánh Xuân Lộc bằng cách nào để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; đánh chiếm thị xã Xuân Lộc trước hay diệt lực lượng đến cứu viện trước; hướng phát triển của trận đánh, của các sư đoàn sau khi giải quyết xong Xuân Lộc, vân vân.

Đánh cách nào cũng được nhưng phải quán triệt yêu cầu: tiêu diệt sinh lực địch và làm chủ Xuân Lộc, phục vụ nhiệm vụ giải phóng Sài Gòn “tốt nhất là trong tháng 4”.

Từ nhận thức trên, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn quyết định, trên cơ sở đánh chắc tiến chắc nhưng phải khẩn trương, táo bạo sử dụng một bộ phận bộ binh, toàn bộ xe tăng, pháo binh tiến công thẳng sở chỉ huy tiểu khu và sở chỉ huy sư đoàn 18, thực hành bao vây, chia cắt, diệt viện, giải phóng khu vực thị xã.

Tiêu diệt địch và làm chủ đã được thực hiện từ cuộc tiến công chiến lược năm 1972, thì tiến công và nổi dậy càng được coi trọng, nhất là từ sau Hiệp định Paris được ký kết.

Vào trận đánh Xuân Lộc hôm nay, chúng tôi đã dành thời gian thích đáng quan hệ với Đảng bộ địa phương, để nắm địch, nắm ta, để thống nhất hợp đồng giữa tiến công và nổi dậy.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯƠI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 20: Phần 2

Trong quá trình tiến hành chuẩn bị chiến đấu, chúng tôi được biết Xuân Lộc và vùng phụ cận đã có cơ sở Đảng từ năm 1936, cái hạt giống đỏ đó chuẩn bị các điều kiện để cùng với toàn quốc tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, kháng chiến chín năm thắng lợi. Một trong những người con tiêu biểu của Xuân Lộc là anh Xiển người dân tộc Châu Ro, tham gia cách mạng năm 1933 - 1934, vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936. Anh là một trong hai người có công tổ chức hơn ba mươi thanh niên người dân tộc xuống Sài Gòn tham gia đánh Pháp ngay sau ngày 23/9/1945. Anh trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I năm 1946. Tháng 3 năm đó, trên đường ra Hà Nội dự khóa họp đầu tiên thì bị giặc Pháp bắt.

Chúng tôi ghì anh đằng sau xe Jeep kéo lê khắp nơi, bắt anh phải khai báo. Nhưng anh kiên quyết một lòng với Đảng, với cách mạng, với nhân dân Xuân Lộc quê hương anh. Trước mặt bọn giặc hung ác, anh kiên quyết:

- Không đầu hàng Tây. Tao chết tại đây.

Xuân Lộc vẫn hiên ngang khí thế, góp phần xứng đáng của mình vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Ở một vùng sâu, bốn bề đều dày đặc những đồn bốt địch. Chúng càn quét đốt phá làng mạc ruộng đồng, nương rẫy, hốt dân vào các ấp chiến lược để dễ bề kim kẹp, khống chế. Nhưng Đảng bộ Xuân Lộc vẫn kiên cường trụ bám, gây cơ sở trong dân, thành lập các chi bộ Đảng để làm hạt nhân giữ vững và phát triển phong trào; lập các đội biệt động ra vào hoạt động trong thị xã, diệt ác, phá tề, thu thập nắm tình hình cung cấp cho các đơn vị vũ trang đánh địch, phá kim. Đến tháng 3 năm 1975 Đảng bộ Xuân Lộc đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang của mình nổi dậy và làm chủ vùng ven thị xã gồm bốn ấp Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc cửa ngõ phía bắc thị xã. Được nhân dân nội ngoại thị xã hưởng ứng, thị ủy đã chuẩn bị sẵn sàng hàng ngàn gia lúa, thực phẩm, thuốc men và hàng trăm thùng phuy nước (vì ở đây vào mùa khô hiếm nước) phục vụ các lực lượng vũ trang trong suốt quá trình chiến dịch.

Những việc làm trên đây của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Xuân Lộc, đã thực sự là người đi trước mở đường chuẩn bị điều kiện và địa bàn cho chúng tôi tiến vào mục tiêu, trong điều kiện thời gian có hạn, không thể tiến hành trinh sát thực địa theo bài bản, quy trình. Đây là sự cố vũ thực tế mà sâu sắc, làm cho chúng tôi âm lòng trước khi bước vào trận quyết chiến. Cái thắng lợi có được ở Xuân Lộc không thể thiếu vắng, tách rời sự đóng góp của Đảng bộ, của quân và dân thị xã Xuân Lộc.

Ngày N đã đến!

5 giờ 40 phút, sau khi các trận địa pháo Quân đoàn đồng loạt bắn chế áp các mục tiêu địch kéo dài trong một tiếng đồng hồ, các hướng, các mũi bộ binh tiến công vào các mục tiêu được giao.

Từ phía đông, Trung đoàn 165 (sư đoàn 7) có 8 xe tăng dẫn đầu tiến công vào hướng chủ yếu, còn cách căn cứ sư đoàn 18 khoảng hai trăm mét, thì bị địch chống trả, ba trong số tám xe tăng bị hỏng, nên chỉ chiếm được một phần hậu cứ của chiến đoàn 52 (sư đoàn 18). Nhưng trên hướng thứ yếu, từ phía bắc Trung đoàn 266 (sư đoàn 341) đã đánh vào thị xã, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm khu trung tâm thông tin, khu cảnh sát, khu cổ vấn Mỹ. Bị địch phản kích, ta phải dừng lại bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu.

Tại vòng ngoài, các Trung đoàn 270 (sư đoàn 341), Trung đoàn 209 (sư đoàn 7) đánh bại hai tiểu đoàn, diệt bảy xe tăng của chiến đoàn 43, 48 (sư đoàn 18) từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn trên đường 1 (đồng nam thị xã bốn ki-lô-mét). Ở khu vực Dầu Dây, Sư đoàn 6 diệt

năm chốt trên đoạn đường từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, thu hai khẩu pháo 105 ly, buộc chiến đoàn 52 phải bỏ Túc Trung kéo về giữ ngã ba Dầu Dây.

Diễn biến ngày đầu nói chung là khích lệ. Riêng trên hướng chủ yếu gặp khó khăn, chưa đột phá được mục tiêu, lực lượng bị tiêu hao.

Ngày tối hôm đó, từ sở chỉ huy tiền phương của Quân đoàn ở khu vực núi Chứa Chan, anh Ba Vũ, phó tư lệnh điện sang xin ý kiến tôi về việc cho đội dự bị vào chiến đấu.

Tôi thấy việc làm này hơi sớm, nhưng vẫn chấp nhận ý kiến anh, chỉ nhắc là cần chuẩn bị tốt hơn cả về tư tưởng và tổ chức; gắng tập hợp kinh nghiệm (kể cả kinh nghiệm xấu, cần tránh) trong ngày, kịp thời phổ biến cho đơn vị trước khi bước vào chiến đấu. Mọi việc đã chuẩn bị xong trước 4 giờ sáng khi anh Ba Vũ điện sang báo cáo.

Mặc dầu trên hướng chủ yếu, Sư đoàn 7 đã đưa lực lượng dự bị (trung đoàn 141) và một tiểu đoàn cao xạ 37 ly, một tiểu đoàn 57 ly vào chiến đấu, liên tiếp đột phá từ hướng bắc xuống phối hợp cùng Trung đoàn 165 từ hướng đông đánh vào căn cứ sư đoàn 18, nhưng đều bị địch phản kích quyết liệt kể cả các khu vực thị xã, những mục tiêu Sư đoàn 341 đã chiếm ngày 9 tháng 4.

Như vậy là ngày 10 và các ngày tiếp sau tình hình trở nên căng thẳng. Tuy bị thiệt hại nặng, địch vẫn dựa vào công sự và được chi viện, tiếp tục chống trả ta một cách điên cuồng. Máy bay địch đánh phá ác liệt vào đội hình ta và hủy diệt các mục tiêu của chúng đã mất, trong khi các Sư đoàn 6, Sư đoàn 341 thiếu đạn; Sư đoàn 7 đã thiếu, càng thiếu cả quân số và vũ khí, vì bước vào chiến đấu quá gấp chưa kịp bổ sung nên một số vị trí chiếm được đành phải bỏ.

Một trận đánh gay go quyết liệt chưa từng gặp từ trước đến nay? Tự nhận xét với mình như vậy sau ba ngày ta tung lực lượng dự bị vào chiến đấu mà tình hình vẫn chưa thấy sáng sủa, trái lại còn bị tổn thất đáng kể(9).

(9) Ba ngày đầu chiến đấu, sư đoàn 7 bị thương vong 300 cán bộ, chiến sĩ, sư đoàn 341 bị thương vong 1.200. Chín xe tăng bị địch bắn cháy 3, hỏng 3. Pháo 85 ly và 57 ly hỏng gần hết.

Là người chịu trách nhiệm chung về trận đánh, tôi thực sự băn khoăn, lo lắng! Đầu óc cứ căng ra, phần lo cùng Bộ tư lệnh

Quân đoàn xử trí các tình huống gay cấp xuất hiện; phần suy nghĩ tìm lối ra. Địch quyết giữ Xuân Lộc, vì nó được ví như chiếc xoay ốc cuối cùng quyết định số phận ngụy quân, ngụy quyền. Tướng Uý-en(10) tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ đã lệnh cho quân đội ngụy “phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Cả Mỹ và ngụy còn tính toán xa hơn, phải bảo vệ Xuân Lộc bằng mọi giá, hy vọng chặn đứng được bước tiến của đối phương ở đây, kéo dài thời gian đến mùa mưa, tìm kiếm một giải pháp chính trị nào đó, có cơ may cứu vãn được tình thế, tránh khỏi thất bại hoàn toàn. Với bọn cầm đầu ngụy quyền Sài Gòn, trước mắt cần chấm dứt tâm lý thất bại đang lan nhanh như một bệnh dịch nguy hiểm và được Mỹ tiếp tục viện trợ nếu như Xuân Lộc không mất.

(10) Uý-en, nguyên tư lệnh cuối cùng của quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam, về nước sau Hiệp định Paris. Theo lệnh tổng thống Mỹ Pho, ngày 28/3/1975 sang thị sát Nam Việt Nam tìm cách cứu nguy cho ngụy quyền Sài Gòn.

Chính vì vậy mà địch đã dồn một lực lượng lớn tương đương hai sư đoàn bộ binh để phòng giữ(11). Còn về phía ta, diễn biến của những ngày đầu ra quân không thật suôn sẻ, có thể do cách đánh vỗ mặt là không ổn? Hướng tiến công chủ yếu từ phía đông đánh vào chưa thật chính xác, là đánh vào điểm mạnh

của địch? Muốn giải phóng Xuân Lộc, có nhất thiết phải tập trung lực lượng diệt địch tại đó, hay có hướng nào khác.

(11) Quân địch phòng thủ Xuân Lộc tương đương hai sư đoàn, gồm toàn bộ sư đoàn 18 còn nguyên vẹn, 1 tiểu đoàn biệt động quân, trung đoàn 5 thiết giáp, 8 tiểu đoàn bảo an; 202 đại đội địa phương, 42 khẩu pháo, trong đó có 2 pháo 175 ly có tầm bắn trên 20 km.

Bỗng chuông điện thoại réo. Tôi vội cầm máy nghe, chưa kịp thưa, thì đầu dây bên kia có tiếng nói, giọng trong vang nghe rất rõ, chưa đoán ra ai?

- Hoàng Cầm phải không?

- Dạ! Tôi Hoàng Cầm. Tôi Hoàng Cầm đây!

Đầu dây bên kia lại tiếp:

- Tôi Dũng đây, nhận ra chưa?

Đúng rồi! Giọng anh Dũng, anh Văn Tiến Dũng. Bao nhiêu căng thẳng biến mất, tôi đáp:

- Dạ! Tôi nhận ra rồi! Xin chúc sức khỏe Tổng Tham mưu trưởng!

Anh hỏi thăm sức khỏe tôi và các anh trong Bộ tư lệnh Quân đoàn. Rồi anh đi vào nhiệm vụ của Quân đoàn.

- Tôi vẫn nắm diễn biến ở Xuân Lộc qua Bộ chỉ huy Miền và đã bàn với Bộ chỉ huy Miền về phương hướng xử trí để nhanh chóng dứt điểm. Nhân đây tôi muốn nói rõ thêm. Khi địch đã dồn quân vào để cố thủ cứu nguy thị xã Xuân Lộc(12), thì ta không cần tập trung lực lượng trực tiếp đánh thẳng vào đây nữa, mà chuyển lực lượng đánh vào các đơn vị đến phản kích đứng chân chưa vững ở vòng ngoài đang thiếu công sự và thiếu sự hợp đồng chặt chẽ với nhau; đồng thời dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm vào sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu cất cánh.

(12) Sau ba ngày bị ta tiến công, quân đoàn 3 nguy cấp lên Xuân Lộc sáu trung đoàn gồm: lữ đoàn 1 dù, liên đoàn 33 biệt động quân; trung đoàn 8 (sư đoàn 5) các thiết đoàn thiết giáp 315, 318, 322, hai lữ đoàn lính thủy đánh bộ. Tổng số lực lượng quân nguy ở Biên Hòa - Xuân Lộc lên tới 25.000 quân gồm hai sư đoàn; bốn trung đoàn và lữ đoàn bộ binh, chiếm 30% quân số quân khu 3; bốn thiết đoàn thiết giáp, tám tiểu đoàn pháo.

Ngừng một lát, anh hỏi:

- Vẫn nghe đầy chứ, Hoàng Cầm?

- Báo cáo anh! Tôi vẫn nghe, rất rõ. - Tôi đáp lại.

Anh lại tiếp:

- Tình hình đang thuận lợi. Các Quân đoàn 1 và Quân đoàn 3 của ta từ Tây Nguyên đang hành quân vào Đông Nam Bộ. Quân đoàn 2 đang theo đường 1 đã tới Nha Trang, Cam Ranh áp sát Phan Rang. Vì vậy Quân đoàn 4 cần khẩn trương tổ chức lực lượng, triển khai thực hiện chỉ thị tôi vừa nói, nhanh chóng dứt điểm Xuân Lộc để cùng với các cánh quân khác tiến vào mục tiêu cuối cùng. Chúc sức khỏe các đồng chí trong Bộ tư lệnh Quân đoàn! Tôi chờ tin vui của các đồng chí.

Tôi chỉ kịp hứa Quân đoàn sẽ nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Tổng tham mưu trưởng, thì có tiếng



đặt ống nghe xuống máy điện thoại.

Như được tiếp thêm sức, đầu óc tôi bớt căng, lòng tin được củng cố. Cùng với ký ức về chiến dịch biên giới Việt - Trung năm 1950 (giải phóng thị xã Cao Bằng nhưng không đánh vào thị xã, mà chọn điểm Đông Khê cách Cao Bằng gần năm mươi ki-lô-mét về phía nam để tiến công, buộc quân đồn trú Cao Bằng phải rút lại); về những kinh nghiệm đánh Mỹ ở chiến trường Đông Nam Bộ từ 1965; và cuối cùng là chỉ thị của anh Văn Tiến Dũng, đã bật dậy trong tôi cách đánh mới: tập trung lực lượng đánh chiếm khu vực ngã ba Dầu Dây và Núi Thị, đồng thời uy hiếp sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 ngụ đặt tại Trảng Bom, đánh địch ở Biên Hòa, Trảng Bom nóng ra phản kích; pháo kích không chế mạnh sân bay Biên Hòa, đẩy địch ở Xuân Lộc hoang mang bối rối, hỗn loạn vì chúng bị cắt đứt với “hậu phương” vì bị bao vây cô lập từ nhiều phía, thừa thắng tiến công giải phóng thị xã.

Ngày 18 tháng 4, Quân đoàn đang bắt đầu triển khai lực lượng theo ý định mới thì anh Trần Văn Trà xuống cùng với Quân đoàn bàn bạc thay đổi cách đánh. Sự hiện diện của anh thật đúng lúc, chứng tỏ Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền rất quan tâm đến mặt trận Xuân Lộc, thấy chúng tôi đang gặp khó khăn, xuống tận nơi bàn cách tháo gỡ.

Sau khi nghe tôi báo cáo lại toàn bộ kế hoạch chuyển hướng tiến công, anh Trà nhất trí và nhấn mạnh thêm một số điểm nhằm củng cố thêm lòng tin cho chúng tôi. Anh nói:

- Đánh vỗ mặt vào Xuân Lộc lúc này là không có lợi. Việc chuyển hướng đánh chiếm ngã ba Dầu Dây, bao vây cô lập Xuân Lộc để mục đích cuối cùng là tiêu diệt địch, giải phóng Xuân Lộc, là hoàn toàn đúng và có điều kiện thực hiện. Vì địch ở khu vực Dầu Dây yếu và bị bất ngờ. Nếu Dầu Dây bị ta đánh chiếm thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết các tác dụng của một cứ điểm then chốt vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi, quân đoàn 3 lo sợ vì bị kẹt một lực lượng lớn ở ngoài tuyến. Tuy nhiên chúng ta không được lơ đãng với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ, có kế hoạch sẵn sàng tiêu diệt khi chúng phản kích ra hướng Dầu Dây, hoặc rối loạn rút chạy theo hướng Bà Rịa rồi cụm lại tại Biên Hòa.

Tiếp theo, anh Trà nhấn mạnh: để hỗ trợ cho Quân đoàn, Miền sẽ lệnh cho lực lượng pháo binh và đoàn đặc công 113 thuộc quyền không chế có hiệu lực sân bay Biên Hòa trước và trong quá trình Quân đoàn thực hiện kế hoạch tác chiến mới như chúng ta đã bàn.

Cuối cùng anh biểu dương chúng tôi, trong cái khó ló cái khôn. Một kế hoạch đánh địch bằng thế kết hợp với đánh địch bằng mưu trí dùng lực đã được hình thành. Tôi tin là chúng ta nhất định thắng lợi.

Ngày hôm sau anh Trần Văn Trà tạm biệt chúng tôi trở lại Lộc Ninh để bàn tiếp kế hoạch tiến công vào Sài Gòn đang đi vào giai đoạn hoàn chỉnh cuối cùng, kịp điều hành các lực lượng tham chiến có định hướng chung mà triển khai công việc cụ thể.

Sau khi tiễn đồng chí tư lệnh Bộ chỉ huy Miền, chúng tôi hồi hả bắt tay vào công việc, đề sao cho cái ngày N và giờ G theo cách đánh mới mà Quân đoàn quyết định dành cho địch lại là một bất ngờ vào phút cáo chung của chúng.

Rạng sáng ngày 15/4/1975, thực hiện quyết tâm chiến đấu mới của Quân đoàn, pháo 130 ly bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa, thì cũng là lúc Sư đoàn 6 (Quân khu 7) được tăng cường Trung đoàn 95 (của Bộ) từ Gia Kiệm tổ chức hiệp đồng tiến công tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18) và một chi đoàn thiết giáp giải phóng ngã ba Dầu Dây và đoạn cuối cùng của đường 20 từ Túc Trưng đến Kiệm Tân, lập tuyến phòng thủ vững chắc ở khu này; tổ chức đánh bại nhiều cuộc phản kích của địch từ Trảng Bom nóng ra, đẩy lùi chúng xuống Bầu Cá, buộc quân đoàn 3 địch phải ngừng phản kích cứu nguy cho Xuân Lộc.

Tại thị xã Xuân Lộc, trong thời gian ta chuẩn bị chuyển hướng tiến công, không có trận đánh lớn nào

xảy ra ở đây, địch chủ quan, cho rằng “Việt cộng đã hết hơi”, thì như có phép lạ, phối hợp với hướng Dầu Dây - Núi Thị, Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 đồng thời nổ súng. Từ chủ quan, ngao mạn đến hoảng loạn, bị động, trước các đợt tiến công liên tục của ta. Hai chiến đoàn 43, 48 (sư đoàn 18) bị ta đánh tan và diệt một phần lữ đoàn 1 dù.

Không chiếm lại được ngã ba Dầu Dây, lại mất toàn bộ đường 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu nhưng không còn mấy lực lượng để phòng thủ. Ngày 18 tháng 4, quân đoàn 3 nguy phải dùng trực thăng bốc một phần lực lượng từ Xuân Lộc về Biên Hòa - Trảng Bom để lập tuyến mới. Và ngày 20 tháng 4, tàn quân còn lại ở Xuân Lộc vội vã rút bỏ Xuân Lộc theo đường số 2 qua Bà Rịa trở về Biên Hòa.

Đến sáng 21/4/1975, những tuyến phòng thủ cuối cùng của “Quân lực Việt Nam cộng hoà” (tức quân nguy) ở Xuân Lộc sụp đổ tan tành, một trong bốn tiểu đoàn còn sống sót của sư đoàn 18 với viên tư lệnh của nó là chuẩn tướng Lê Minh Đảo được máy bay lên thẳng tới kéo ra khỏi đồng gạch đỏ nát”(13).

(13) Trần Mai Hạnh, Sụp đổ và tự thú, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, trang 97.

Ngày 21 tháng 4, được tin Xuân Lộc thất thủ, Uây-en, tác giả của công trình lập tuyến phòng thủ Xuân Lộc đã thốt lên: “Thế là hết! Tình hình quân sự là tuyệt vọng.” Hai ngày sau, ngày 23 tháng 4, trong một bài diễn văn đọc tại trường đại học New Zealand, tổng thống Pho đã ngậm ngùi nói: “Chiến tranh đã kết thúc với Mỹ, không thể giúp đỡ người Việt Nam được nữa, họ phải đương đầu với bất cứ số phận nào đang đợi họ.”

Xuân Lộc, cái chốt xung yếu cuối cùng của những gì còn lại của nguy quyền Sài Gòn bị nổ tung, “Sài Gòn sau những ngày Xuân Lộc chỉ còn là những phân cảnh cuối cùng của một màn kịch âm đạm. Thành phố bị chấn thương nặng, sống ngắc ngoải trong tình cảnh căng như mặt trống và tiếng đại bác (của Quân giải phóng) gầm mỗi lúc một gần.” Thành phố vừa hết lệnh giới nghiêm, hàng trăm, hàng ngàn người đã chen chúc, xô đẩy ở các cửa ngân hàng để rút tiền chạy đi nước ngoài. Giá một tấm hộ chiếu có thị thực từ 500 đô la tăng vọt lên 5.000 đô la; giá một chiếc thuyền nhỏ có thể đi biển được tăng vọt tới 10.000 đô la.

“Xuân Lộc được giải phóng. Cách cửa phía đông Sài Gòn đã mở sẵn đón lực lượng Quân đoàn 2, Quân đoàn 4, sư đoàn 3 (Quân khu 5) vào trận chiến lược cuối cùng(14).” Chúng tôi mãi mãi tự hào về trận đánh Xuân Lộc mà mình được trực tiếp tham gia, nhưng không khỏi băn khoăn trong tâm tưởng. Nếu không kể cùng bạn đọc thì coi như chưa nói hết về trận đánh có tầm vóc lịch sử này.

(14) Đại tướng Văn Tiến Dũng, Đại thắng mùa xuân, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1976, trang 206.

Ngày ấy, 19/3/1975, sau khi đánh chiếm Định Quán, chúng tôi mạnh dạn kiến nghị với cấp trên không hành quân tiếp tục đánh chiếm Bảo Lộc, Đà Lạt, mà tranh thủ phát triển xuống Xuân Lộc. Vì lúc này địch đang hoang mang bối rối, buộc chúng phải thay đổi thế bố trí chiến lược. Trong tình trạng đang xáo trộn như vậy, nếu ta cài thế tiêu diệt một bộ phận sư đoàn 18, giải phóng tiếp từ Định Quán đến Túc Trưng thì có điều kiện giải phóng Xuân Lộc, địch không có hy vọng giải tỏa. Và như vậy Bảo Lộc, Đà Lạt, quân trú phòng chỉ là lực lượng bảo an nhưng cũng không nhiều, trước sức ép hai đầu mạnh của lực lượng ta, chỉ cần lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với nhân dân nổi dậy là có thể tự giải phóng được.

Nếu để chậm, địch hồi lại, chúng tăng lực lượng dự bị lên, được Mỹ tăng viện, lên dây cót về tinh thần, củng cố thế trận phòng thủ, thì thời cơ không còn, lúc ấy mới đánh, chắc chắn là thắng nhưng sẽ phức tạp, thời tiết chuyển sang mùa mưa sẽ có nhiều diễn biến khó lường.

Nhưng kiến nghị không được chấp nhận, với lý do vẫn thực hiện như kế hoạch đã định, tiếp tục mở rộng hành lang sâu về phía bắc, tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn theo hai hướng đường 1 và đường 20 trên

phía bắc và đông Sài Gòn. Nếu không mở rộng ngay, địch có thể liều lĩnh phản kích chiếm lại để có thể có cụm chiến lược vững chắc cho khu vực Sài Gòn và toàn miền Đông Nam Bộ. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với nội dung của kế hoạch này, nhưng nó không còn phù hợp với tình hình đang phát triển rất mau lẹ. Tác dụng của trận “điểm huyết” Buôn Ma Thuật dẫn đến toàn bộ vùng Tây Nguyên được giải phóng, đường vào Nam Bộ có nhiều thay đổi. Có thể đi theo đường 14 qua Buôn Ma Thuật, Đức Lập, Bu Prăng, Bù Gia Mập đến Lộc Ninh. Đoạn từ Bu Prăng - Bù Gia Mập khá tốt, xe các loại đều chạy tốt, gọi là đường 14A. Thực tế sau đó, các binh đoàn chủ lực vào tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh đều từ Tây Nguyên theo đường kể trên vào tập kết ở hướng bắc và tây bắc Sài Gòn.

Chỉ có sư đoàn 10 sau khi giải phóng Cam Ranh, theo đường 11, đường 20 để vào Đông Nam Bộ; hành lang đường 20 chỉ là một vùng giải phóng nói chung, nó không còn như dự tính lúc ban đầu. Trước áp lực chung, quân đồn trú ở Đà Lạt hoảng hốt tự rút bỏ thành phố này. Do sớm phát hiện, Trung đoàn 812 Quân khu 6 kịp thời truy kích vừa diệt chúng vừa giải phóng đường 11 từ Đà Lạt đến sân bay Thành Sơn, Phan Rang.

Rõ ràng cái thế chung tạo ra lúc ấy cho phép chúng ta từ Định Quán quay xuống tiến công Xuân Lộc, mà vẫn ở thế đứng trên đầu thù giải phóng liền cả Bảo Lộc, Đà Lạt.

Trận đánh Xuân Lộc nổ ra muộn, vào lúc địch gượng lại, chúng tăng cường phòng thủ khá mạnh, gồm những đơn vị tinh nhuệ nhất còn lại và quá nửa lực lượng dự trữ chiến lược của quân nguy (dù và thủy quân lục chiến) và vào thời gian này Mỹ cũng hồi hã đưa vào miền Nam, được dùng tại Xuân Lộc thêm loại bom Đe-xi-cát tơ và bom CB thay cho phi vụ yểm trợ bằng máy bay B52 làm tăng thêm tính khốc liệt của trận đánh.

Trận đánh muộn kéo theo những khuyết điểm không đáng có.

Việc chuẩn bị trận đánh quá gấp, xác định hướng chủ yếu từ đông bắc đánh vào là không chính xác. Đúng đây là phía sau căn cứ sư đoàn 18, nhưng lại là khu vực phòng thủ rắn của địch, địa hình không thuận lợi, ta phải từ dưới cánh đồng thấp, ngược sườn đồi đánh lên, phải mở tám, chín hàng rào kẽm gai, vượt qua hệ thống đường ủi và các vị trí phòng thủ vòng ngoài mới có thể tiến vào trung tâm tiến công chiến đoàn 52 và trung đoàn 5 thiết giáp phòng giữ. Khi phát hiện phía tây nam, qua công chính tiến vào căn cứ địch có nhiều sơ hở, nhưng không còn lực lượng đảm nhiệm, vì Sư đoàn 7 làm nhiệm vụ ở hướng chủ yếu, không thật sung sức lắm. Qua trận vận động tiến công từ Định Quán đến Di Linh, quân số, vũ khí bị tiêu hao, ta chưa kịp bổ sung. Khi phát hiện hướng chủ yếu gặp khó khăn, địch tăng cường lực lượng phản kích quyết liệt đẩy ta ra khỏi thị xã, thế trận căng thẳng giằng co, lại không kịp thời chuyển hướng, thay đổi cách đánh. Việc phối hợp giữa các hướng tiến công không thật thích hợp và ăn khớp.

Trong hình thái Xuân Lộc lúc đó, chúng tôi cho hướng chủ yếu nổ súng trước là không phù hợp, mà phải nổ súng tiến công sau khi Sư đoàn 341 ở hướng thứ yếu đánh vào thị xã nhằm làm lạc hướng, phân tán sự chú ý của địch, tạo cục diện trận đánh có lợi cho ta, nhất là ở hướng chủ yếu.

Trình bày những tình tiết trên, người chứng kiến lịch sử muốn mang đến bạn đọc các thể hệ kế tiếp cảm thụ được đầy đủ con đường đi đến chiến thắng Xuân Lộc là không đơn giản, mà phải qua những gập ghềnh, thăng trầm; có thông minh mưu trí nhưng cũng có cả thiếu sót khuyết điểm trong sự vận dụng đường lối và nghệ thuật quân sự của Đảng, có chiến thắng và có cả mất mát.

Tất cả những cái đó chỉ làm rõ, tô đậm thêm tính anh hùng ca của trận đánh Xuân Lộc, sẽ mãi mãi lưu giữ trong tâm tưởng mọi người.

# CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cầm  
www.dtv-ebook.com

## Chương 21: Phần 1

Thế trận.

Thế trận mà Quân đoàn 4 và các Quân đoàn 1, 2, 8, và Đoàn 282 đang đứng ở vào thời điểm những ngày giữa tháng 4 năm 1975 là một thế trận được tích tụ của bốn nghìn năm dồn lại, tạo thành đỉnh cao của một thế trận hôm nay.

Trong cuộc kháng chiến ba mươi năm (1945 - 1975), dưới sự lãnh đạo kiên cường đầy bản lĩnh, mưu trí và sáng tạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân ta đã hai lần tạo ra một thế trận có ý nghĩa bước ngoặt. Bằng cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là trận tiêu diệt lớn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu” dẫn tới Hiệp định Giơ-ne-vơ, nửa nước được giải phóng, tạo một hậu phương lớn - nhân tố thường xuyên hậu thuẫn cho tiền tuyến miền Nam tiếp tục cuộc trường chinh lần thứ hai - cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Cuộc đồng khởi năm 1960, cuộc tiến công nổi dậy Xuân 1968, cuộc tiến công chiến lược năm 1972, cùng một lúc trên ba hướng bắc Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Và sau cùng là một “Điện Biên Phủ trên không” - một sự kiện giọt nước làm tràn cốc nước diễn ra liên tục mười hai ngày đêm trên bầu trời thủ đô Hà Nội và một số nơi khác đã dẫn tới Hiệp định Paris, tạo ra một thế trận mà chính tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu, tay sai của đế quốc Mỹ đã thừa nhận có nhiều khoản trong Hiệp định này bất lợi cho chúng.

Mở đầu nhiệm vụ tạo đỉnh cao thế trận vào giữa tháng 4 năm 1975 là chiến dịch Tây Nguyên với trận thắng “điểm huyệt” Buôn Ma Thuật gây phản ứng dây chuyền làm rối loạn, đảo lộn thế bố trí chiến lược của địch, tạo thời cơ nhảy vọt của cuộc tổng tiến công và nổi dậy.

Sau chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, trên cơ sở theo sát sự phát triển của tình hình, sự phân tích chính xác của các dữ kiện, ngày 18/8/1975, Bộ Chính trị khẳng định cuộc tiến công chiến lược đã diễn ra ngay trong năm 1975, mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên và quyết định hoàn thành giải phóng miền Nam trong năm 1975 (từ kế hoạch hai năm rút xuống một năm).

Thấy trước sự thất bại không thể tránh khỏi của địch ở Huế - Đà Nẵng, ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị nhận định: thời cơ chiến lược lớn đã đến. cần phải tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay để thực hiện quyết tâm hoàn thành giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa.

Ngày 31 tháng 3, từ nhận định thời cơ chiến lược đã chín muồi, Bộ Chính trị ấn định thời điểm cuối cùng giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất là trong tháng 4 không thể chậm.

Đi theo các tư tưởng chỉ đạo kể trên là kế hoạch chiến lược do Quân ủy Trung ương soạn thảo đã được Bộ Chính trị thông qua để chỉ đạo các chiến trường thực hiện.

Tháng 3 năm 1975 có thể nói là một tháng kỳ diệu trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta. Một tháng có những bước tiến thần tốc, với bốn cuộc họp của Bộ Chính trị<sup>(1)</sup> và Quân ủy Trung ương, sự chỉ đạo thực tiễn của Đảng phát triển lên một đỉnh cao mới, đó chính là nguyên nhân tạo ra đỉnh của một thế trận hôm nay.

(1) Tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị bốn lần họp bàn, thảo luận, ra các quyết định về chủ trương, chỉ

đạo tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam.

- Cuộc họp ngày 11/3/1975.
- Cuộc họp ngày 18/3/1975.
- Cuộc họp ngày 25/3/1975.
- Cuộc họp ngày 31/3/1975.

Bây giờ là hạ tuần tháng 4 năm 1975, mùa mưa đang tới gần, cái mùa mà địch rất mong đến nhanh. Còn ta thì có đủ điều kiện, cả thể và lực để tới đích cuối cùng vẫn trong tiết trời mùa khô. Tất cả lực lượng nằm trong đội hình chiến dịch tiến công mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã có mặt ở năm hướng chính: đông, đông nam, bắc, tây bắc và tây nam, chỉ cách Sài Gòn trên dưới bốn mươi đến năm mươi ki-lô-mét.

Nếu Mậu Thân 1968, cũng từ năm hướng tiến vào Sài Gòn với năm mục tiêu tương tự trong nội đô cần phải tiến công tiêu diệt, hỗ trợ lực lượng nội đô nổi dậy trong thế trận cài răng lược ta địch xen kẽ nhau, thì giờ đây, phía trước là mục tiêu tiến công, còn phía sau là một vùng giải phóng sạch bóng quân thù nổi thông ra tận thủ đô Hà Nội. Từ hậu phương miền Bắc, ta có thêm một con đường xuyên Việt đã được định hình từ lâu mang cái tên quen thuộc trong tâm tưởng mọi người: quốc lộ 1A Hà Nội - Huế - Sài Gòn. Nhưng giờ đây con đường thênh thang đó chưa thông trọn vẹn, mới qua Xuân Lộc, tới Dầu Dây, nhờ đó mà khối lượng chi viện từ hậu phương vào được tăng nhanh(2) đáp ứng yêu cầu của trận quyết chiến lịch sử.

(2) Phục vụ cho trận đánh cuối cùng, hậu phương miền Bắc đã huy động 17.674 ô tô các loại, 32 tàu biển, 130 toa xe lửa và hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải đưa người và vũ khí vào Nam Bộ: 115.000 quân, 90.000 tấn hàng (có 37.000 tấn vũ khí, 90.000 tấn xăng dầu). Riêng 11 ngày chuẩn bị nước rút (từ 15 đến 26 tháng 4) đã chuyển 24.000 tấn vũ khí 25.000 tấn lương thực, thực phẩm, 1.000 tấn thuốc, 1.000 tấn xăng dầu. Hậu cần B2 trong những ngày cuối cùng đã huy động 4.000 xe ô tô vận tải các loại, 656 thuyền máy, ca nô, 1.736 xe đạp thồ, thành lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị (tổng số 10.000 giường) để phục vụ chiến đấu.

Từ cuối tháng 12 năm 1974 đến trung tuần tháng 4 năm 1975, do ý thức được trách nhiệm của khối chủ lực Miền, cùng với nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương, Quân đoàn 4 liên tục xốc tới chấp nhận hy sinh, mất mát đóng góp xứng đáng của mình vào các trận tiến công tiêu diệt sinh lực, tạo thế, mở ra một vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn, kéo dài từ toàn bộ tỉnh Phước Long, Bình Long qua bắc Tây Ninh, Dầu Tiếng, Chơn Thành; từ Mô Vẹt đến La Ngà, Xuân Lộc qua Hoài Đức, Tánh Linh, từ quốc lộ 1 đến nam lộ 2, Bà Rịa hình thành bàn đạp bao vây Sài Gòn từ nhiều hướng; đông, đông nam, bắc, tây bắc... xứng đáng vị trí Đông Nam Bộ là chiến trường chủ yếu, trực tiếp đánh vào sào huyệt cuối cùng của địch là Sài Gòn.

Từ mảnh đất còn khét mùi thuốc súng, những nấm mộ của cán bộ, chiến sĩ ngã xuống sau trận chiến đấu chưa kịp mọc cỏ, Quân đoàn 4 tiến hành chuẩn bị chiến đấu - là khu vực thị xã Xuân Lộc.

Ngày 21 tháng 4 thị xã này được giải phóng, cũng là ngày Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 họp bàn nhiệm vụ tiếp theo. Có nghĩa là chúng tôi không có một phút được xả hơi, vì ngay khi Quân đoàn đang tiến hành đợt tiến công cuối cùng vào thị xã Xuân Lộc, thì đã được Bộ chỉ huy chiến dịch giao nhiệm vụ mới.

Trước hết Quân đoàn di chuyển sở chỉ huy từ bắc sông La Ngà chuyển xuống tây bắc Long Thành, để

tiện việc trinh sát thực địa, tổ chức điều hành toàn bộ lực lượng đặc công của mình xuống cùng với đặc công Miền ẻm giữ các cầu phục vụ nhiệm vụ mà Quân đoàn được giao là cắt đứt đường 15 tiến vào Sài Gòn theo hai trục đường: xa lộ Biên Hòa(3) - Sài Gòn và Cát Lái - Nhà Bè.

(3) Xa lộ Biên Hòa do Mỹ mở vào các năm 1955 - 1959, phí tổn lên tới ba trăm triệu đô la Mỹ. Đường mở vì mục đích quân sự, mặt đường rộng láng nhựa nhẵn, nền đường rắn, kèm cả đường băng cho một số máy bay hạ cánh, cất cánh.

Thời gian thật gấp! Nhưng đối với Quân đoàn 4 thời gian càng gấp rút hơn. Ngày 21 tháng 4 giải phóng Xuân Lộc, ngày 24 tháng 4 bắt đầu vào trận. Chỉ có sáu ngày chuẩn bị với bao công việc phải làm, không cho phép chậm, vì từ đây cuộc chiến đấu hiệp đồng trên quy mô lớn, một khâu nào đó không khớp là ảnh hưởng chung đến toàn cục.

Quân đoàn đang bắt tay vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thì đêm 21 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch điện cho Quân đoàn 4 không thực hiện phương án cũ, chuyển sang hướng đánh chiếm Trảng Bom, Biên Hòa, tiến vào Sài Gòn theo trục đường 1. Hướng đường 15 và xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn giao cho Quân đoàn 2. Cũng là vào Sài Gòn nhưng theo hướng khác, thế là phần khởi rồi! Nhưng công việc chuẩn bị thì coi như trở về điểm xuất phát ban đầu. Nỗi lo không phải riêng một ai, tất cả các đồng chí thành viên trong Bộ tư lệnh. Không ai thắc mắc vì sao lại thay đổi nhiệm vụ mà lo các công việc phải chuẩn bị gần như đi từ A đến Z!

Bộ tư lệnh và Đảng ủy Quân đoàn phải qua một đêm trắng bàn bạc, trao đổi để kịp sáng 22 tháng 4 ra sở chỉ huy tiền phương của Bộ chỉ huy chiến dịch tại Giá Rai báo cáo tình hình và thông qua quyết tâm chiến đấu với trung tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng tham mưu trưởng kiêm Phó tư lệnh chiến dịch và là chỉ huy trưởng mặt trận phía đông, gồm có Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2.

Biết anh Tấn đã vào đây, thực tế đang điều hành nhiệm vụ chiến đấu trên mặt trận phía đông qua các bức điện do anh ký tên. Nhưng tôi vẫn háo hức muốn đến thật nhanh để gặp anh.

Xe vừa chuyển bánh, tôi nhắc đồng chí lái xe:

- Tăng tốc! Để kịp giờ làm việc.

Sau tiếng rú ga, chiếc xe U-oát vọt tiến lấy đà rồi lướt nhanh đều đều trên con đường mà quang cảnh giống như vùng trung du quen thuộc Phú Thọ, Hà Bắc. Khác chẳng đây là vùng mới ra khỏi chiến tranh, chỉ bắt gặp cảnh đồn bốt địch đồ nát, làng mạc, đồng ruộng bỏ hoang, cỏ mọc lút đầu; dân cư từ các khu đồn, ấp chiến lược lũ lượt kéo nhau trở về quê cũ.

Anh Tấn đây rồi! Tôi reo thầm như vậy khi nhìn thấy anh đang đi đi lại lại trong căn lán dã chiến. Hai chúng tôi ôm nhau, tần ngần ngắm nhìn nhau với bao kỷ niệm xưa cũ lại hiện về như một cuốn phim lướt qua trước mắt.

Khi còn là trung đoàn trưởng trung đoàn Sơn La, là tư lệnh Khu 10, đại đoàn trưởng Đại đoàn 312, anh luôn luôn tạo thuận lợi cho cấp dưới hoàn thành nhiệm vụ. Và giờ đây anh cũng vậy, anh vẫn dành thời gian thể hiện đầy đủ trọng trách của một trong những người giữ vai trò chủ chốt trong việc dự thảo kế hoạch chiến lược phục vụ hội nghị Bộ Chính trị họp tháng 10 và tháng 12 năm 1974 thảo luận, ra nghị quyết về kế hoạch hai năm giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hiểu rõ ý đồ của các bước đi, hiểu nghệ thuật chỉ đạo chiến lược và các chiến dịch kế tiếp nhau (chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng) và bây giờ là chiến dịch Hồ Chí Minh, nên trong khi thông qua quyết tâm của Quân đoàn, anh kết hợp trao đổi đề cập dưới hiệu thêm những vấn đề cần thiết trước khi bắt tay vào thực hiện.

Anh nói:

- Chiến dịch Hồ Chí Minh ta đánh địch có phòng ngự, nhưng trong thế chúng đang tan vỡ về chiến lược. Ta đột phá tuyến phòng ngự từ xa, kết hợp vu hồi, hình thành bao vây, trọng điểm là thủ đô nguy quyền, rồi kết hợp đột phá tiêu diệt quân địch phòng ngự với thọc sâu, lấy thọc sâu là chính, đánh chiếm những mục tiêu then chốt để dứt điểm toàn bộ.

Điều anh nói thêm, làm rõ tư tưởng chỉ đạo, chỉ huy chiến dịch này đã giúp chúng tôi đỡ rối trong việc xây dựng kế hoạch chiến đấu cụ thể, biết tập trung vào các nội dung trọng tâm, khắc phục được thời gian hạn hẹp, bảo đảm được yêu cầu chung.

Sau khi anh phê chuẩn quyết tâm chiến đấu của Quân đoàn, tôi chỉ có một đề nghị: vì đội hình chiến đấu của chúng tôi còn cách vùng ven từ mười lăm đến hai mươi ki-lô-mét trong khi địch tập trung quân đông, phải qua nhiều địa hình phức tạp, xin cấp trên cho nổ súng trước ngày 27 tháng 4, có như thế mới cùng một lúc thực hiện đồng loạt đánh vào nội đô đúng ngày N của chiến dịch.

Anh Tấn nói:

- Quân đoàn 2 cũng có chung điều kiện như vậy. Tôi hoàn toàn đồng ý với đề nghị của Hoàng Cầm, nhưng còn phải xin ý kiến cấp trên.

Tám giờ sau khi trở lại Quân đoàn, đang căng thẳng cùng với các anh trong Bộ tư lệnh triển khai chuẩn bị công việc chiến đấu thì anh Tấn điện xuống báo tin Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh chấp thuận cho cánh quân phía đông nổ súng trước ngày N-1 (tức ngày 26 tháng 4). Đọc xong điện của anh, tôi nhẹ nhõm thở phào, cất được một mối lo, đầu óc bớt căng.

Chiều 23 tháng 4, Bộ tư lệnh và Đảng ủy Quân đoàn họp bàn kế hoạch triển khai cụ thể. Chúng tôi dành nhiều thời gian trao đổi để thấy hết những khó khăn, bàn biện pháp chủ động khắc phục.

Đúng là trên hướng tiến công của Quân đoàn, tuy địch không có chính diện rộng nhưng có chiều sâu gần sáu mươi ki-lô-mét theo trục đường 1 với nhiều cụm phòng ngự dày đặc; nhất là sau khi quân khu 1, quân khu 2 thất thủ, trong bọn tướng cầm đầu quân đội nguy xuất hiện hai khuynh hướng: nhiều tên cho tình hình xấu đi nhanh chóng, cộng sản đang uy hiếp mạnh Sài Gòn, vì vậy cần tập trung lực lượng co cụm lại quanh ven đô để giữ Sài Gòn. Nhưng Thiệu và một số tên tướng khác (trong đó có Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân đoàn 3) thì phản đối co cụm.

Số này cho rằng có thể giữ vững vùng còn lại, cần tiến hành phòng thủ từ xa, tập trung lực lượng phản kích lấy lại một số nơi để mở rộng thế đứng phòng thủ. Trước hết địch dồn sức mạnh cho Xuân Lộc, địch co về giữ khu vực Trảng Bom - Hồ Nai, Biên Hòa - Long Bình, Long Thành - Nước Trống và các cầu trên sông Đồng Nai với lực lượng hơn hai sư đoàn, trong đó, một phần hai là lực lượng dự bị.

Không có cách nào khác, muốn tới mục tiêu cuối cùng, mọi cuộc chiến đấu phải diễn ra trên trục đường 1. Không tiêu diệt được địch, không đập vỡ các cụm, các tuyến phòng ngự của địch, không thể tiến vào nội đô.

Sau khi trao đổi căn kẽ các vấn đề chủ yếu, một lần nữa quán triệt chỉ đạo của Bộ chỉ huy chiến dịch và những ý kiến hướng dẫn của anh Lê Trọng Tấn, chiều ngày 23/4/1975, Bộ tư lệnh và Đảng ủy Quân đoàn họp, hạ quyết tâm lần cuối: tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực phát huy sức mạnh đột kích của cơ giới và xe tăng, nhanh chóng đập vỡ và chọc thủng tuyến phòng thủ Biên Hòa, đánh chiếm hai cầu trên sông Đồng Nai, mở cửa đột kích vào Sài Gòn, đánh chiếm các mục tiêu quy định trong nội thành. Trước mắt tiêu diệt lực lượng còn lại của sư đoàn 18 và trung đoàn 5 thiết giáp nguy, đánh chiếm yếu khu Trảng Bom,

không cho địch co cụm về Biên Hòa, mở đường cho đội hình lớn của quân đoàn thọc sâu vào Sài Gòn.

Về sử dụng lực lượng, Quân đoàn quyết định: Sư đoàn 341 đánh chiếm Trảng Bom, mở đường số 1, sau đó chiếm sở chỉ huy sư đoàn 3 không quân và sân bay Biên Hòa. Sư đoàn 6 được tăng cường Trung đoàn 209 (sư đoàn 7) đánh chiếm căn cứ trung đoàn 3 ngự và tiểu khu Biên Hòa. Hai Sư đoàn 341 và Sư đoàn 6 sẽ mở cửa lớn cho quân đoàn tiến vào Sài Gòn. Sư đoàn 7 là binh đoàn thọc sâu, hành quân bằng cơ giới thọc thẳng vào Sài Gòn, đánh chiếm các mục tiêu thuộc địa bàn quận 1. Nhưng đánh như thế nào? Đây cũng là vấn đề được nêu ra trao đổi. Căn cứ vào thời gian, vào đặc điểm địa hình và vào hình thái bố trí của địch(4) không thể tiến công theo đội hình nhiều thế đội thay phiên nhau làm nhiệm vụ trước mắt, tiếp sau, mà phải tiến hành đồng thời, xen kẽ hỗ trợ nhau, bảo đảm phối hợp chung giữa các hướng chiến dịch.

(4) Khu vực phòng ngự chính của địch:

- Dọc theo quốc lộ số 1 từ Bầu Cá - Trảng Bom đến Long Lạc Hồ Nai do lực lượng còn lại của sư đoàn 18, trung đoàn 5 và một bộ phận lữ đoàn 3 thiết giáp phòng ngự.

- Đông Nam Biên Hòa do một bộ phận lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến, trường thiết giáp và lực lượng bảo an Long Thành đảm nhiệm.

Khu Long Bình, tiểu khu Biên Hòa, căn cứ sư đoàn 3 không quân Biên Hòa do lữ đoàn 3 thủy quân lục chiến, lữ đoàn dù 2 và bảo an, lực lượng bảo vệ các hậu cứ, khu kho Long Bình đảm nhận.

17 giờ ngày 26/4/1975, Quân đoàn lệnh cho Sư đoàn 341 nổ súng tiến công khu Trảng Bom; đồng thời theo kế hoạch chung, ở đông nam Trảng Bom, tiểu đoàn công binh trực thuộc quân đoàn triển khai mở đường quân sự làm gấp (gần như song song với đường 1 và đường xe hỏa) xuống tới bắc Hồ Nai. Phối hợp với Sư đoàn 341 ở hướng chính diện Trảng Bom, Quân đoàn lệnh cho Sư đoàn 6 theo đường quân sự vừa mở, bất ngờ đánh vào tuyến phòng ngự then chốt Hồ Nai do lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến và lữ đoàn 3 thiết giáp phòng giữ, chặn viện từ Biên Hòa ra Trảng Bom; đồng thời chặn đường rút của sư đoàn 18 từ Trảng Bom về, hỗ trợ Sư đoàn 341 hoàn thành nhiệm vụ.

Như vậy trên hướng chính diện, trong khi Sư đoàn 341 đang tiến công Trảng Bom - một chốt rất trọng yếu của tuyến phòng ngự tiền duyên, thì Sư đoàn 6 được một tiểu đoàn xe tăng dẫn đầu hai tiểu đoàn cao xạ hỗ trợ trên không tiến theo phía nam (đường quân sự làm gấp mới mở) đánh vào mục tiêu ở phía sau, mang cả yêu cầu vu hồi, chia cắt phía sau Trảng Bom.

Quân đoàn hồi hộp theo dõi sau khi phát lệnh đến quá trình Sư đoàn 6 bước vào chiến đấu! Vì đây là cách đánh gần như chưa gặp bao giờ?

Cuộc chiến đấu ở yếu khu Trảng Bom diễn ra gay go ác liệt ngay từ phút đầu ta nổ súng. Tại đây địch lập nhiều tuyến chống xe tăng, nhiều ổ hỏa lực với mìn chống tăng rải ra một đoạn dài trên mặt đường và hai bên đường. Hai mươi sáu khẩu pháo 105 và 155 ly bố trí thành nhiều trận địa rải rác gần đó để yểm trợ, gây sát thương ta trên dọc đường từ vị trí tập kết tiến vào vị trí tiến công. Ngoài ra địch còn tăng thêm một tiểu đoàn xe tăng được điều tới để tăng đầu tăng bịt các chỗ bị đột phá. Xe tăng ta chọi với xe tăng địch, giằng co suốt đêm 26 rạng ngày 27 tháng 4.

Nhận định khi bị ta đánh mạnh, địch sẽ rút chạy về phía sau, Quân đoàn lệnh cho sư đoàn phải đồng thời có lực lượng đánh chiếm Suối Địa, lập trận địa chốt chặn để diệt tàn quân địch từ Trảng Bom rút về. Sư đoàn 341 đã linh hoạt xử trí, kết hợp giữa dùng xe tăng dẫn đầu bộ binh với đánh bộc phá mở cửa (có quả bộc phá dùng tới lượng nổ năm ki-lô-gam) đánh vào mục tiêu then chốt - sở chỉ huy yếu khu và sở chỉ huy tiểu đoàn bảo an 368. Đến 8 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 ta hoàn toàn giải phóng Trảng Bom, tiêu diệt và làm tan rã 2.000 quân địch, đánh hỏng và phá hủy 100 xe tăng, thiết giáp và xe vận tải quân sự, làm chủ



đoạn đường 1 dài mười bốn ki-lô-mét từ ngã ba sông Thao đến tây Trảng Bom.

Cùng lúc, Sư đoàn 6 đã tới mục tiêu quy định, nhanh chóng đập tan khu vực phòng thủ suối Ông Hoàng, diệt và làm tan rã trung đoàn 5 thiết giáp địch ở ngã ba Yên Thế, phát triển về phía nam. Nhận được tin vui này, chúng tôi phấn khởi và yên tâm với cách đánh phía trước, phía sau xảy ra đồng thời, đan xen, tạo được hình thái thế trận tiến công có lợi. Khi Sư đoàn 341 giải phóng Trảng Bom, thì Sư đoàn 6 đang phát triển về hướng Hồ Nai.

Như vậy là ngày đầu tiên công (27 tháng 4) Sư đoàn 341 và Sư đoàn 6 đã hoàn thành đánh chiếm Trảng Bom - Suối Địa - Long Lạc. Nhưng chưa vượt được Hồ Nai đánh vào Biên Hòa.

Khi tiến công Hồ Nai ta đã có lực lượng hai sư đoàn, vì trước đó Sư đoàn 6 đã vòng qua tuyến phòng ngự của địch đánh vào phía sau, kịp thời hợp lực với Sư đoàn 341 sau khi giải phóng Trảng Bom, thành đội hình phát triển về phía Hồ Nai - Biên Hòa.

Chúng tôi bồn chồn, lo lắng! Đúng là không cái lo lắng nào trước đó như cái lo lắng lần này. Vì đây là trận đánh lịch sử cuối cùng. Nếu các hướng chiến dịch đã vào đến mục tiêu cuối cùng trong nội đô, hoàn thành giải phóng Sài Gòn mà Quân đoàn 4 vẫn còn loay hoay ở vòng ngoài là không hoàn thành trách nhiệm lịch sử ở vào giờ phút thiêng liêng nhất này?

Đã sang ngày 28 tháng 4, như Bộ chỉ huy chiến dịch thông báo, hầu hết các hướng phát triển thuận lợi, các binh đoàn chủ lực đã tới trước cửa ngõ Sài Gòn. Còn ở hướng đông, Quân đoàn 4 chúng tôi vẫn gặp phải khó khăn trong nhiệm vụ phát triển về hướng Biên Hòa, vì địch lập tại đây một tuyến phòng thủ và cũng tại đây “lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Đông Dương, địch cấu trúc các tuyến hào chống tăng(5) để chặn đối phương”.

(5) Đại tướng Văn Tiến Dũng, Đại thắng mùa Xuân. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, trang 287.

Ngoài hầm hào, rào kẽm gai bãi mìn chống bộ binh ở các căn cứ, đồn bót sẵn có từ trước, địch đã thiết kế những trận địa mới, đào hào, rải mìn chống tăng, đưa các xe tăng M.41, M.48 nằm sâu dưới các ụ đất, các hầm hào có bao cát bao quanh, chĩa nòng pháo về các con đường tiến của xe tăng ta. Ngoài ra địch còn biến các dãy phố, nhà dân, công sở, nhà thờ, trường học, bệnh viện thành trận địa. Chúng chất lên đó những bao cát thành lô cốt, hỏa điểm, thành những ổ đề kháng lợi hại. Chúng đặt súng M.72 hỏa tiễn chống tăng, súng máy 12,7 ly, ĐKZ 57 trên những tháp chuông, cửa sổ nhà tầng, sẵn sàng nhả đạn, chặn đường tiến của ta.

Lực lượng địch ở đây còn khá đông; lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến giữ trục đường Hồ Nai - Biên Hoà; số đơn vị còn lại của sư đoàn 18 giữ khu vực Hồ Nai - Long Bình; chiến đoàn 318 bảo an giữ khu vực ngã ba HQ Nai - Tam Hiệp. Chúng dựa vào hệ thống trận địa phòng thủ có sẵn để chống ta; chúng trà trộn với dân, lẫn lộn trong dân, dùng dân làm lá chắn, đẩy dân chống lại bộ đội. Cuộc chiến của các đơn vị tiến công đã phức tạp càng trở nên phức tạp, việc phân biệt địch và dân trong lúc chiến sự diễn ra ác liệt thật khó!

Cuộc chiến đấu trong thế giằng co ác liệt, mãi chiều 28 tháng 4 Sư đoàn 341 mới vào đến bắc Hồ Nai Một (địa đầu của tuyến phòng thủ then chốt Hồ Nai). Nhiều trận đánh diễn ra ngay trong trung tâm thị trấn. Ta vừa đánh vừa tìm cách tách địch ra khỏi dân, tách dân ra khỏi địch để đánh chiếm từng mục tiêu, tạo bàn đạp đánh rộng ra.

Trong khi phía trước Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 đang bước vào giai đoạn chiến đấu, vấp phải sự chống trả rất mạnh của lực lượng địch phòng thủ thì Quân đoàn lệnh cho Sư đoàn 7 tiến hành thọc sâu theo đường

quân sự làm gấp tiến về phía Suối Địa. Sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn đi cùng với Phó tư lệnh Bùi Cát Vũ trực tiếp chỉ huy đội hình thọc sâu.

Sáng 29 tháng 4, ở sở chỉ huy cơ bản chúng tôi bắt được mẫu đối thoại giữa phụ tá Tổng Tham mưu trưởng(6) với Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân đoàn 3 ngay dưới đây qua đài kỹ thuật.

(6) Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng làm nhiệm vụ Tổng Tham mưu trưởng quân đội ngụy Sài Gòn lúc này là Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, cơ sở của ban Binh vận Trung ương Cục đưa vào hoạt động theo sự chỉ đạo của ta từ ngày 28/4/1975.

- Xin trung tướng cho biết tình hình.

- Nguy ngập lắm! Việt cộng dùng xe tăng đánh chiếm Trảng Bom, Long Thành, pháo kích Long Bình. Đường 15 bị cắt rồi. Vũng Tàu có lẽ cũng rơi vào tay cộng quân, vì hiện mất liên lạc. Quân đoàn 3 ở Biên Hòa bị bao vây ba mặt. Tôi định di chuyển sở chỉ huy quân đoàn về căn cứ thiết giáp Gò Vấp.

## CHẶNG ĐƯỜNG MƯỜI NGHÌN NGÀY

Hoàng Cẩm  
www.dtv-ebook.com

### Chương 21: Phần 2 (Hết)

Thế là rõ, nửa tháng trước đây, Toàn là một trong số ít ỏi các viên tướng chống lại chủ trương co cụm, tin vào kế hoạch phòng thủ từ xa có khả năng thắng đối phương vì trong tay Toàn còn có ba sư đoàn “tinh nhuệ” và nhiều lữ đoàn phối hợp, thì giờ đây lại xuống giọng rất nhanh, đưa ra một cầu cứu mà trước đó y chống lại. Và không chờ hồi âm của cấp trên. Ngay hôm đó Toàn và sở chỉ huy của y đã lui về căn cứ thiết giáp Gò Vấp gần sân bay Tân Sơn Nhất để thực hiện ý đồ từ sân bay này đào tẩu, bỏ mặc quân sĩ dưới quyền sau khi gọi điện ra lệnh cho Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 phải bằng mọi giá thực hiện kế hoạch “trì hoãn chiến”.

Từ thực tế bi hài kịch này, tôi quyết định thông tin kịp thời xuống động viên các đơn vị nhân thời cơ này tiến nhanh vào Biên Hòa, trừ trừ là ân hận suốt đời nếu vào Sài Gòn chậm.

Thấy thời cơ quyết định đã tới, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận, thì Quân đoàn 4 vẫn đang vật lộn với địch mở đường vào Biên Hòa. Quân đoàn vừa động viên vừa ra lệnh bổ sung, các đơn vị đều chuyển động với khí thế mới, thì đua nước rút với một mong ước chung về đích đúng thời gian.

Ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 tiếp tục đột phá trận địa địch theo trục đường từ Hồ Nai đi Biên Hòa. Ngay khi trời vừa sáng, Sư đoàn 341 tiến công luôn với năm xe tăng dẫn đầu đập tan nhiều ổ đề kháng của địch. Mười giờ, đội hình sư đoàn tiến đến ngã ba Hồ Nai đi Biên Hòa, phải dừng lại vì gặp bốn tuyến hào(7) phía trước, xe tăng không qua được. Sư đoàn 6 tiến công căn cứ thiết giáp của sư đoàn 18 ở Yên Thế, đến 17 giờ làm chủ căn cứ, địch bỏ chạy, sư đoàn tiếp tục phát triển vào Hồ Nai, bị địch chặn lại.

(7) Sau đó mới biết, đây là trận địa chống tăng thuộc loại rắn chắc của địch. Ngoài bốn tuyến hào chống tăng, ở đây còn có sáu mươi tầng từ các nơi dồn về để chặn bộ binh và xe tăng ta, bảo vệ Biên Hòa. Bọn địch ở đây không nhận được lệnh của cấp trên trưa 29 tháng 4 rút về bờ tây sông Đồng Nai để phòng thủ Thủ Đức.

Sư đoàn 7 mãi 23 giờ ngày 29 tháng 4 mới đến cách Hồ Nai một nghìn năm trăm mét, phải dừng lại triển khai chiến đấu, diệt một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, một bộ phận trung đoàn 52 (sư đoàn 18) và 22 xe tăng địch. Lúc này tuyến phòng thủ Hồ Nai đã bị Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 đập tan, nhưng vẫn còn tàn quân địch lẩn trốn, trà trộn vào dân, chia thành từng tốp nhỏ chống lại theo kiểu đánh “du kích”. Chúng dùng tiểu liên M.16, súng M.79, M.72 từ trên các nhà cao tầng, các gác chuông nhà thờ bắn lên vào đội hình hành quân, làm cháy một số xe, pháo, buộc Sư đoàn 7 phải xuống xe tổ chức chiến đấu, ảnh hưởng đến tốc độ hành quân.

Khi được tin sở chỉ huy nhẹ của quân đoàn 3 chuyển về Gò Vấp tối 29 tháng 4, qua đài kỹ thuật Lê Minh Đảo cầu cứu Bộ Tổng Tham mưu nguy, rút quân sang bờ tây sông Đồng Nai, trong khi các lực lượng ta vẫn còn bị địch chặn ở ngã ba Hồ Nai đi Biên Hòa, Phó tư lệnh Quân đoàn Bùi Cát Vũ ở sở chỉ huy tiền phương lệnh cho pháo bắn chặn hai bên đầu cầu, không cho địch phá cầu. Đó là một xử trí rất kịp thời.

Sau khi Bộ tư lệnh Quân đoàn thống nhất quyết tâm bằng bất cứ giá nào phải đánh chiếm cho được Biên Hòa trước 0 giờ ngày 30 tháng 4, tôi lệnh cho các đơn vị:

- Sư đoàn 6 bỏ các vị trí, các căn cứ còn lại ở Hồ Nai, tiến theo bên trái đường số 1, đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 3 và cầu Ghềnh, thọc sang bờ tây sông đánh chiếm đầu cầu, giữ bàn đạp.

- Sư đoàn 341 vòng qua phía bắc, đánh chiếm sân bay Biên Hòa.
- Sư đoàn 7 đột phá từ Hồ Nai, đập vỡ lá chắn địch ở ngã ba Tam Hiệp, cố gắng đưa đội hình sang tây sông Đồng Nai trong đêm.

Súng nổ dữ dội suốt đêm từ phía Biên Hòa dội về sở chỉ huy quân đoàn và ở đó ánh hỏa châu hắt lên một quang sáng. Đúng là trận chiến đấu căng thẳng để đưa đội hình qua sông. Khu vực xảy ra trận đánh ác liệt ở ngã ba Tam Hiệp. Ở đây cũng là một trận địa chống tăng, với tuyến hào chống tăng vắt qua đường, bao lấy căn cứ. Lúc ấy đã là 2 giờ sáng 30 tháng 4. Trời sáng mà không thanh toán được cái “lá chắn” này thì làm sao vào được Sài Gòn sớm. Ý thức rõ được vai trò, ý nghĩa của nhiệm vụ thọc sâu, Sư đoàn 7 đã giải quyết xong căn cứ này khi trời sáng.

Ngày tổng công kích đã đến! Đàng đông hắt lên một màu hồng quen thuộc, màn sương mỏng trong các cánh rừng cao su tan dần, cảnh vật thật đẹp!

Tôi làm việc ngay với đồng chí trưởng phòng tác chiến, nghe báo cáo về các diễn biến từ Bộ chỉ huy chiến dịch báo xuống, các đơn vị điện về. Trên tất cả các hướng, quân ta đã vượt qua những điểm phòng thủ cuối cùng của địch. Khi nghe binh đoàn thọc sâu Quân đoàn 2 đã tiến đến cầu xa lộ, thì trong tôi cái vui cái lo cứ đan xen. Vui thì rõ, chỉ còn vài giờ nữa Sài Gòn sạch bóng thù, “hòn ngọc Viễn Đông” từ nay vĩnh viễn thuộc về ta. Nhưng lo thì nhiều hơn, cứ bám chặt trong tôi. Vì các đơn vị đã hoàn thành đánh chiếm các mục tiêu thuộc khu vực Biên Hòa. Nhưng địch ở đây - căn cứ Biên Hòa - khu vực phòng thủ mạnh nhất của địch trước cửa ngõ Sài Gòn vẫn tiếp tục chống trả, kể cả những tên đang lẩn lút. Các đơn vị Quân đoàn chưa vượt sang tây sông Đồng Nai. Bốn giờ sáng, phân đội đi đầu của Sư đoàn 7 tiến đến cầu sắt xe lửa Biên Hòa nhưng tăng không qua được vì cầu này yếu, trọng tải chỉ đảm bảo xe mười hai tấn. Cầu Mới bị địch phá.

Chuông điện thoại réo liên tục. Trên gọi xuống thông báo diễn biến chung và đòi báo cáo tình hình tiến công của hướng đông. Dưới gọi lên báo cáo, xin chỉ thị xử trí! Thần kinh căng như sợi dây đàn, chứa biết bao dữ kiện cần phải nhớ, phân tích và xử lý!

Sau khi điện xin ý kiến và được Bộ chỉ huy chiến dịch chấp thuận về trường hợp Sư đoàn 7 không theo kế hoạch cũ, tôi ra lệnh, lúc ấy là 6 giờ 30 sáng ngày 30/4/1975:

- Sư đoàn 6 tiếp tục truy quét tàn quân địch, diệt các mục tiêu còn lại, làm nhiệm vụ quân quản khu vực thị xã Biên Hòa.
- Sư đoàn 341 nhanh chóng vượt qua cầu đường sắt bằng xe tải đánh chiếm các mục tiêu đã phân công ở quận Gò Vấp, quận 3, quận 10.
- Sư đoàn 7 xốc lại đội hình, nhanh chóng quay ra đường xa lộ tiến vào mục tiêu quận 1 như đã được giao.

8 giờ ngày 30 tháng 4 đội hình thọc sâu bắt đầu thực hiện nhiệm vụ. Đến đầu thị xã Biên Hòa rẽ phải ra xa lộ tiến vào Sài Gòn. Lữ đoàn 52 (Quân khu 5) đi sau đội hình Sư đoàn 7 theo xa lộ vào Sài Gòn đánh chiếm quận 10. Sư đoàn 7 vừa ra đến đầu xa lộ thì cũng vừa lúc đội hình thọc sâu Quân đoàn 2 đã qua trước đây ít phút. Như vậy trên hướng đông đội hình thọc sâu có Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) và Sư đoàn 304 (Quân đoàn 2).

Đi đầu đội hình Sư đoàn 7 là đại đội 7 anh hùng do chính trị viên Hoàng Cao Đại chỉ huy, có xe tăng, trương cờ cách mạng tiến về phía trước, phải gạt hai chiếc xe tăng M.41 bị ta bắn cháy sang lề đường để tiến lên. Một cán bộ vừa được giải thoát khỏi nhà tù Tam Hiệp hồi sớm ngồi trên chiếc xe tăng đi đầu, chỉ

đường cho bộ đội theo đường Hồng Thập Tự quẹo qua đại lộ Thống Nhất là tới dinh “Độc lập”. Lúc đó là 12 giờ 30 phút (một giờ trước đó Lữ đoàn xe tăng 203 và Trung đoàn 66 thuộc Quân đoàn 2 đã tiến vào dinh “Độc lập” buộc Dương Văn Minh và toàn bộ nội các ngụy quyền Sài Gòn đầu hàng và cấm cờ Quyết thắng lên tòa nhà chính. Tư lệnh Sư đoàn 7 Nam Phong vào sau đoàn xe tăng của đại đội 7, gặp anh Hoàng Đan, phó tư lệnh Quân đoàn 2 ở Dinh “Độc lập”. Cả hai đều tham gia chiến đấu ở Điện Biên Phủ cho đến giờ chót, khi Đờ Cát và toàn bộ bộ tham mưu của Đờ Cát bị bắt.

Cán bộ Sư đoàn 9, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) cùng cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 nắm tay nhau đầy xúc động ngay tại dinh “Độc lập” sào huyệt cuối cùng của địch trong niềm vui đại thắng.

Tôi và sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn từ bắc Trảng Bom cũng di chuyển xuôi về Sài Gòn sau Sư đoàn 7. Vậy mà phải 13 giờ 30 phút cùng ngày tôi và các đồng chí trong Bộ tư lệnh mới tới được điểm hẹn lịch sử. Vì dọc đường không phải dừng lại chiến đấu mà là trước sự đón tiếp, cổ vũ đầy nhiệt tình của đồng bào.

Đoàn xe không thể tiến nhanh được, buộc phải giảm tốc độ như người đi bộ. Đồng bào vây xung quanh, tiếng hoan hô vang dậy.

Chúng tôi bị nhân dân và cả binh sĩ địch đầu hàng vây chặt không biết mấy chục lần, nhất định không cho đi. Họ muốn nhìn mặt, đòi bắt tay, đòi nói chuyện, bắt nhận quà, ăn cơm.

Kỳ lạ thật! Vẫn đang trong thời điểm tiến quân vào trung tâm, tiếp tục tiến công tiêu diệt các ổ đề kháng, tàn quân ngoan cố đang rình rập bắn lén mà lại bất gặp cảnh này, cảnh như ca khúc khải hoàn đoàn quân thắng trận trở về được tình cảm đầm ấm hậu phương sưởi ấm!

Khi tôi tới dinh “Độc lập” thì đã gặp Võ Văn Dền, tư lệnh Sư đoàn 9 có mặt tại đây. Nắm tay tôi, tư lệnh Dền rạng rỡ niềm vui và cả xúc động:

- Chúc sức khỏe Tư lệnh quân đoàn!

- Mình vẫn khỏe! - Tôi đáp và hỏi tiếp. - Dền vào đây lúc nào?

- Báo cáo Tư lệnh, lúc 10 giờ 30 phút, hoàn thành đánh chiếm biệt khu thủ đô và cũng là lúc Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng là tôi cho một tổ xe tăng dẫn đầu bộ binh hội chiến tại dinh “Độc lập” và xin được trở về đội hình Quân đoàn đứng lúc xe tăng Quân đoàn 2 tiến vào dinh “Độc lập”.

- Một chiến thắng thật đẹp và một ý thức tổ chức rất đáng được biểu dương!

Chỉ nói được có thế, nhưng trong tôi chứa bao kỷ niệm muốn nói. Vì tôi và Sư đoàn 9 gắn bó từ đầu, đã qua tất cả các trận chiến đấu ở miền Đông, đã lập nhiều thành tích xuất sắc. Sau khi chiến thắng Dầu Tiếng tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 9 được lệnh tách khỏi đội hình quân đoàn, chuyển về Đoàn 232 chiến đấu ở phía tây nam Sài Gòn. Lúc đó cả tôi và anh em Sư đoàn 9 như có cái gì sững lại. Tình cảm tôi không muốn Sư đoàn 9 vắng mặt ở chiến trường Đông Nam Bộ và anh em Sư đoàn 9 cũng thấy phải xa Quân đoàn vào thời điểm này cũng không thật thoải mái.

Nhưng biết làm thế nào, đó là nhiệm vụ, yêu cầu, đó là mệnh lệnh của cấp trên. Niềm tự hào của tôi về Sư đoàn 9 lại được bồi đắp và nhân lên. Tách khỏi đội hình Quân đoàn, nhưng sư đoàn 9 vẫn giữ được vai trò nòng cốt của mình trong đội hình chiến đấu mới. Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh chiếm một trong năm mục tiêu trọng điểm trong nội đô.

Để đi được tới đích cuối cùng, Sư đoàn 9 đã vượt qua không ít khó khăn, đưa đội hình binh chủng hợp thành vượt sông Vàm Cỏ, qua bao nhiêu bưng sinh(8).

(8) Vùng đồng lầy ngập nước, mọc nhiều cỏ lác.

Còn bao điều muốn nói, hao chuyện muốn trao đổi, tâm sự, nhưng lúc này còn nhiều việc phải làm, cần làm, cũng nghiêm túc và khẩn trương trong điều kiện chiến tranh đã đi qua mà vẫn gian khổ, nguy hiểm, nếu không chắc bản lĩnh, có thể bị đạn “bọc đường” tiến công.

Hai chúng tôi chia tay nhau trong lưu luyến mặc dầu thời gian tới, đều có điều kiện thường xuyên gặp nhau.

Lúc này tôi mới có phút xả hơi, được nhìn quang cảnh một cái “đình”, một địa danh quen thuộc với tất cả cán bộ, chiến sĩ có mặt trên chiến trường, nhất là chiến trường Đông Nam Bộ - vì trước đó lúc 10 giờ ngày 30 tháng 4 nó vẫn là sào huyệt cuối cùng của quân thù. Điều dễ thấy căn dinh mang dáng dấp một đồn binh, một trại lính. Có tới ba hàng rào và công sự ngăn cách với bên ngoài; trong vườn dinh vẫn còn lều lán của binh sĩ địch canh phòng, xe bọc thép và súng phòng không chĩa ra tứ phía.

Được biết Dương Văn Minh và nội các của ông ta từ sáng đến giờ chưa có gì vào bụng, nhưng vẫn lấm lét sợ hãi không dám ngỏ lời.

Tôi chủ động nói với họ:

- Các ông có thể báo người nhà đem cơm tới, từ sáng đến giờ, đói chịu sao được.

Họ lễ phép cúi đầu, hai tay chắp cảm ơn, đưa mắt nhìn trộm tôi. Tất cả đều cung kính, thừa bầm vì thấy tôi tóc ngả hoa râu họ cho là tướng chỉ huy (khi gặp bất cứ chiến sĩ nào của ta họ đều hỏi như thế).

Đêm ấy tôi cùng cán bộ, chiến sĩ nằm ngoài hiên căn dinh, trên nền gạch lát hoa thật mát. Lo toan chiến tranh đã qua đi, thành phố về khuya yên tĩnh, không gian thoáng mát. Vậy mà cứ thao thức hoài mặc dầu những ngày dài vừa qua kể từ chiến dịch Đường 14 - Phước Long, chẳng đêm nào tôi được ngủ trọn vẹn. Gần đây, kể từ 26/4/1975 đều đối ngủ, mà vẫn cứ chong mắt với những suy nghĩ miên man. Nằm tại dinh “Độc lập” thật rồi mà cứ thấy ngỡ ngàng như mơ. Khi được tin chiến dịch mang tên Bác, cái vui mừng, cái xúc động rộ lên, tiếp sức mạnh để đi vào nhiệm vụ rồi tan nhanh vào trong công việc. Từ cảng Nhà Rồng Bác ra đi tìm đường cứu nước đến khi trở về, thành phố đã bị quân xâm lược trở lại chiếm đóng lần thứ hai, cái không khí “Không có gì quý hơn độc lập tự do” mà thành phố được hưởng chẳng là bao. “Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà”, tâm huyết Bác dành phần nửa cho miền Nam. “Nam Bộ là lãnh thổ của Việt Nam, là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi(9).” Hai lần từ miền Nam ra tôi đều được gặp Bác, được Bác hỏi nhiều chuyện. Bác dặn dò các công việc khi trở lại miền Nam, thì tôi cứ tiếc Bác đã đi xa! Tiếc là “Miền Nam mong Bác nỗi mong Cha”, mà Bác không về được.

(9) Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí ngày 12/7/1946, tại Paris.

Với tất cả tình cảm đó mà Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. Và khi tên Chiến dịch Hồ Chí Minh được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, nhất là đối với quân dân miền Nam, quân dân B2 thì sức mạnh được nhân lên, góp phần tạo đà cho chiến dịch mang tên Bác đi tới đích!

Bác đã không còn nữa nhưng Bác vẫn là Tổng chỉ huy của chiến dịch toàn thắng này, qua các tư tưởng quân sự của Người để lại, đã thâm nhập trở thành tâm đắc, thành tiềm thức của lớp thế hệ tham gia sau tháng Tám năm 1945, có mặt trong thập kỷ sáu mươi, bảy mươi thực hiện.

Trong lịch sử giữ nước của dân tộc ta, chưa có cuộc hội quân nào vĩ đại như lần này. Một đội quân trên 200.000 người cùng hơn 1.000 pháo, cối, các cỡ, 500 xe tăng và thiết giáp, tiến về Sài Gòn trên một thế trận đã được chuẩn bị công phu, tạo điều kiện cho việc thực hiện hai phương thức tác chiến kết hợp tiến

công bằng các binh đoàn chủ lực cơ động với hoạt động chiến tranh nhân dân địa phương rộng khắp. Ta không chỉ huy động lực lượng áp đảo địch mà còn chiếm ưu thế; hình thành thế bao vây chia cắt địch, cài răng lược cả bên trong và bên ngoài; không cho địch ở vòng ngoài co cụm để cùng lực lượng bên trong cố thủ, phối hợp trong ngoài cùng đánh bằng tiến công và nổi dậy, làm cho địch không thể ngăn chặn và làm chậm tốc độ các mũi đột kích của bộ đội chủ lực tiến vào mục tiêu cuối cùng của chiến dịch.

Bằng chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã giải phóng Sài Gòn trong nguyên vẹn, không có “tắm máu”, “trả thù”, “khổ sai”, “tẩy nã” như kẻ địch lớn tiếng xuyên tạc những ngày tàn trước đó.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng là kết quả đỉnh cao của một thế trận, được Đảng ta chuẩn bị công phu, kéo dài suốt ba thập kỷ; được quân và dân ta tổ chức thực hiện một cách thông minh, dũng cảm và đầy sáng tạo.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng mang ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại, như một cột mốc đánh dấu đất nước từ đây chuyển sang kỷ nguyên mới.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 kết thúc chương cuối của tập sử thi giữ nước của nhân dân Việt Nam, đánh bại ba đội quân xâm lược nhà nghề phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoàn thành sứ mạng giành lại độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc sau nhiều năm bị ngoại bang chia cắt và thống trị.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, mang tầm vóc thời đại, được xem như là một trong những sự kiện nổi bật trong nửa cuối thế kỷ XX.

Chúng ta chiến đấu và chiến thắng trước hết là do sự thôi thúc của sự nghiệp chính nghĩa theo tiếng gọi “không có gì quý hơn độc lập tự do” của vị Cha già dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Đó chính là nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi. Nhưng sức mạnh chính nghĩa không tự nó trở thành hiện thực, mà còn phụ thuộc vào đường lối chính trị, đường lối và nghệ thuật quân sự đúng đắn, sáng tạo vào việc hạ quyết tâm chiến lược chính xác.

Trong cuộc đọ đầu lịch sử này, từ tầm nhìn dân tộc kết hợp với tầm nhìn thời đại, từ tư duy cách mạng kết hợp với tư duy khoa học, Đảng ta đã hạ quyết tâm tiến công quân Mỹ ngay từ khi chúng mới đặt chân lên mảnh đất miền Nam Việt Nam, một mảnh đất mà tiềm lực mọi mặt còn thua xa tiềm lực một bang của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Tiến công! Một quyết tâm chiến lược chính xác trên đây tuyệt đối không phải duy ý chí, mà là một định hướng của biện pháp cách mạng, mang nội dung chỉ đạo thực tiễn phong phú, bởi “đám đánh Mỹ sẽ tìm ra cách thắng Mỹ”.

Quân Mỹ nhảy vào xâm lược miền Nam nước ta có số lượng đông(10), hỏa lực mạnh, phương tiện cơ động cao, thành thực trong tác nghiệp tham mưu tác chiến hiệp đồng binh chủng; chịu rút kinh nghiệm sau mỗi thất bại và có đủ điều kiện khắc phục khi thấy có thiếu sót sai lầm. Đó là mặt mạnh, khác xa quân đội xâm lược Pháp hồi kháng chiến chín năm, mà ta không thể chủ quan, xem thường khi điều hành chỉ đạo chiến lược chiến dịch, chỉ huy chiến đấu.

(10) Quân Mỹ xâm lược miền Nam lúc cao nhất là 543.500 quân với chín sư đoàn tinh nhuệ: sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, sư đoàn bộ binh số 4, sư đoàn bộ binh số 9, sư đoàn bộ binh số 25 “Tia chớp nhiệt đới”, sư đoàn A-mê-ri-con mang tên “Lực lượng xung kích”, sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1, sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, sư đoàn nhảy dù 101, sư đoàn “Kỵ binh bay” số 1, được trang bị 465 máy bay lên

thăng làm phương tiện chuyển quân và lữ đoàn thiết giáp số 11.

Tuy cùng cách, thủ đoạn tiến hành xâm lược có khác nhau nhưng cả Mỹ lẫn Pháp đều theo đuổi cuộc chiến phi nghĩa, buộc chúng phải tạo ra ưu thế quân sự áp đảo ban đầu để ồ ạt mở các cuộc hành quân xâm lược theo phương châm đánh mạnh, thắng nhanh; buộc chúng phải rải quân, đóng đồn bốt, xây dựng căn cứ quân sự, hệ thống chi khu, yếu khu, các vành đai trắng, hệ thống các khu dinh điền, ấp chiến lược, thực hiện chiến lược phòng thủ diện địa, chiếm đất giành dân, vân vân.

Vì vậy tìm cách đánh Mỹ phải từ cách đánh Pháp, vì cả hai cùng có chung một thủ đoạn tiến hành xâm lược, tuy hình thức và thủ đoạn tiến hành có khác nhau. Trong suốt chặng đường đánh Mỹ ở Đông Nam Bộ, qua các chiến dịch: Bình Giã, Phước Long, Đồng Xoài (lần thứ nhất), Bàu Bàng, Dầu Tiếng đến các chiến dịch Nguyễn Huệ, đường Bảy Ngang - Rạch Bắp, Đường 14 - Phước Long và ngay cả trận Xuân Lộc trước khi bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng ta đều áp dụng các hình thức chiến thuật cơ bản như: đánh điểm diệt viện (hoặc vây điểm diệt viện), tập kích, phục kích, vận động phục kích đánh giao thông, vân vân... (chỉ khác ở cách vận dụng) mang lại hiệu quả, làm phá sản nhiều chiến lược chiến tranh, nhiều cuộc phản công chiến lược “tìm diệt”, đánh bại hoàn toàn chiến lược phòng ngự diện địa của Mỹ với các thủ đoạn chiến thuật cực kỳ tàn bạo và nham hiểm dựa trên cơ sở trang bị hiện đại như “thiết xa vận”, “trục thăng vận”, vân vân.

Tiến công! Đó là tư tưởng chỉ đạo chiến lược xuyên suốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhưng trong nghệ thuật chiến dịch, chỉ huy chiến đấu chúng ta đã thực hiện cả cách đánh phòng ngự, vì đó là hai cách đánh địch cơ bản, hỗ trợ cho nhau, đáp ứng các yêu cầu cụ thể của chỉ đạo chiến lược.

Cách đánh phòng ngự ở chiến trường Đông Nam Bộ không ngừng phát triển, nó gắn với tiến công mang một cái tên mới - chốt chặn kết hợp với vận động tiến công tỏ ra có hiệu quả, làm thất bại âm mưu địch trong những thời điểm quan trọng do chỉ đạo chiến lược yêu cầu như đã kể trên cùng bạn đọc.

Đông Nam Bộ - mảnh đất gian lao mà anh dũng đã góp phần xứng đáng vào việc hoàn thiện đường lối quân sự và nghệ thuật quân sự mang đậm nét độc đáo Việt Nam.

Đông Nam Bộ đã đùm bọc, ưu ái tạo thời cơ cho tôi được tham gia chiến đấu và trưởng thành.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại [www.gacsach.com](http://www.gacsach.com) - gác nhỏ cho người yêu sách.]

Trong chặng đường mười nghìn ngày, có ba nghìn sáu trăm năm mươi ngày sống và chiến đấu ở Đông Nam Bộ đã để lại trong tôi tình cảm nhớ mãi, biết ơn. Nơi ấy chính là quê hương thứ hai của tôi.

Khi suy nghĩ kể lại những trang cuối cùng của chặng đường mười nghìn ngày này, bỗng tôi bồi hồi nhớ Quỳnh Nhai, Mộc Châu, Ninh Mít, Đông Khê, Nghĩa Lộ, Bản Hoa, Nà Sản, Điện Biên Phủ, Phước Long, Đồng Xoài, Bù Đăng, Bàu Bàng - Dầu Tiếng, Nhà Đỏ - Bông Trang, Cần Đâm, Cần Lê, An Lộc, Tàu Ô Xuân Lộc. Nhớ các anh chị Lê Thám, Văn Xi, Nguyễn Phúc, Vũ Văn Lịch, Khuất Duy Kính, Hoàng Mười, Tạ Đình Hiền, Thăng Bình, Chu Phương Đối, Trần Quân Lập, Trần Cừ, Trần Can, Văn Phác, Lê Trọng Tấn, Trần Độ, Nguyễn Bàng, Sáu Khâm, Nguyễn Thế Bôn, Lê Xuân Lựu, Năm Phòng, Ba Hồng, Ba Vũ, Hoàng Thế Thiện, Lê Văn Tường, Chín Mây, Lê Nam Phong, Út Liêm, Ba Đình (Su), Sáu Thượng, Năm Sài Gòn, Ba Cúc, Tư Thanh, Ba Trần, Năm Đàn, Sáu Tăng, Sáu Hưng, Trần Kính, Tư Nguyễn, Sáu Phát, Hai Phong, Bảy Kính, Bảy Tuyết, Hai Tuyền, Út Minh, Ba Ngoan, Đoàn Đức Thái, Sáu Chèo, Hai Lẹ, Kim Dung. Nhớ các chiến sĩ Nguyễn Văn Minh cầm cờ “Quyết chiến quyết thắng” lên nóc hầm tướng Đờ Cát ở Điện Biên Phủ, chiến sĩ Nguyễn Văn Hoan cầm cờ “Quyết chiến quyết thắng” lên nóc nhà tình trường Phước Long.

Bởi những địa danh ấy, những đồng chí, đồng đội ấy đã gắn bó máu thịt trong những ngày gian khổ ác



liệt và cũng đầy hứng khởi hào hùng; đã sưởi ấm tình cảm tôi, nâng bước tôi đi để cùng các anh các chị hoàn thành nhiệm vụ, góp phần mình vào sự chuyển động của lịch sử dân tộc trong sự nghiệp giữ nước vĩ đại, để có được ngày tươi sáng hôm nay.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Góc Sách:

Chim Cụt - Fujū - Tiểu Bảo Bình

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)